

MOSCOW

Berlin

GERMANY

800 Miles

POLAND

VIET FORCE

FRANCE

CORNELIUS RYAN

Thục Quyên dịch

THE LAST BATTLE

TRẬN CHIẾN CUỐI CÙNG



Table of Contents

LỜI TỰA

PHẦN I. THÀNH PHỐ

1

2

3

4

5

6

PHẦN II. VỊ TƯỚNG

1

2

3

4

5

PHẦN III. MỤC TIÊU

1

2

3

4

PHẦN IV. QUYẾT ĐỊNH

1

2

3

4

5

6

PHẦN V. TRẬN CHIẾN

1

2

3

CHÚ THÍCH

Khi nói về chiến tranh, tôi không mạo hiểm nói lên những thông tin ngẫu nhiên, cũng không nói lên quan điểm của riêng mình; tôi chỉ mô tả lại những gì chính mắt tôi nhìn thấy, hoặc biết được từ những người tôi đã hỏi kỹ càng. Đây là một nhiệm vụ vất vả, vì các nhân chứng của cùng một sự kiện thường kể lại khác nhau khi nhớ lại, hoặc chỉ quan tâm đến hành động của phe này hoặc phe kia. Và rất có khả năng là tính tuân thủ lịch sử nghiêm túc của bản tường thuật của tôi sẽ làm bạn chán chường buồn nghe. Nhưng nếu ai muốn thấy một bức tranh chân thực về những sự kiện đã diễn ra nhận thấy rằng những gì tôi viết là hữu ích, thì tôi sẽ rất thỏa mãn.

— THUCYDIDES

(Peloponesian War, tập 1, năm 400 TCN)

Cuốn sách này dành để tưởng nhớ ký ức của một cậu bé sinh ra ở Berlin trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến.

Tên người đó là Peter Fechter.

Năm 1962, Peter đã bị chính người dân mình bắn chết khi cậu ta tròn 17 tuổi. Thi hài Peter nằm bên biểu tượng bi kịch nhất dành cho chiến thắng của quân Đồng Minh.

— BỨC TƯỜNG BERLIN

LỜI TỰA

A-Day, thứ Hai ngày 16 tháng 4 năm 1945.

Cuộc chiến giành Berlin, cuộc tấn công cuối cùng chống lại Đế tam Quốc xã của Hitler, bắt đầu đúng 4 giờ sáng thứ Hai ngày 16 tháng 4 năm 1945 – hay quân Đồng minh phương Tây còn gọi là A-Day. Vào lúc đó, cách thủ đô không đầy 38 dặm, lửa đỏ bùng cháy trên bầu trời đêm trên sông Oder đang dâng cao, khai hỏa một cuộc pháo kích mạnh mẽ và là mở đầu cho cuộc tiến công vào thành phố của quân Liên Xô.

Cùng lúc đó, các thành phần trong Tập đoàn quân 9 của Mỹ đang quay trở lui khỏi Berlin – hướng về phía tây để đánh chiếm các vị trí mới dọc sông Elbe, nằm giữa Tangermunde và Barby. Ngày 14 tháng 4, tướng Eisenhower đã quyết định dừng cuộc tiến quân của liên quân Anh-Mỹ vào nước Đức. Ông nói, —Berlin không còn là một mục tiêu quân sự nữa. Khi các nhánh quân Mỹ nhận được tin này, một số đoàn quân chỉ cách Berlin có 45 dặm.

Khi cuộc tấn công bắt đầu, những người dân Berlin chờ đợi trong thành phố bị đánh bom đổ nát, tê liệt và hoảng sợ, bám víu vào niềm tin duy nhất còn lại – niềm tin sống sót. Cái ăn trở nên quan trọng hơn tình yêu, đào bới còn đáng giá hơn chiến đấu, chịu đựng còn có ý nghĩa quân sự hơn chiến thắng.

Những gì xảy ra sau đó là câu chuyện về cuộc chiến cuối cùng – cuộc tấn công và chiếm đóng Berlin. Dù cuốn sách này có nhiều phần kể lại cuộc chiến, nhưng đây không phải là một bản báo cáo quân sự. Đúng hơn thì nó là câu chuyện của những người bình thường, cả binh lính và người dân, những người bị mắc kẹt trong nỗi tuyệt vọng, sụp đổ, kinh hoàng và sự cường đoạt trong thất bại và chiến thắng.

PHẦN I

THÀNH PHỐ

1

Ở những vùng phía Bắc, bình minh đến sớm. Ngay khi những kẻ đánh bom rút khỏi thành phố, những tia sáng ban mai xuất hiện ở đằng đông. Trong cái tĩnh lặng của buổi sớm mai, những cột khói đen sừng sững bốc lên ở quận Pankow, Weissensee và Lichtenberg. Trên những đám mây sà xuống thấp, thật khó phân biệt giữa ánh ban mai mờ ảo với ánh lửa sáng rực chiếu lên từ một Berlin vừa bị đánh bom.

Khi khói chậm chậm tan đi trên những đồng cỏ nát, thành phố bị đánh bom nhiều nhất nước Đức lừng lững đứng đó, ảm đạm và rùng rợn. Cả thành phố đen kịt vì tro bụi, lỗ chỗ hàng nghìn hố bom và điểm xuyên những cây cột xoắn từ các tòa nhà đổ nát. Toàn bộ các khu căn hộ đều biến mất, và ở trung tâm thủ đô, toàn vùng đã bị xóa sổ. Ở vùng đất trống đó, những gì từng là đại lộ và đường phố giờ biến thành đường mòn gồ ghề, đi xuyên qua những ngọn núi đổ nát. Khắp nơi là những tòa nhà không mái, không cửa sổ, nội thất bị phá hủy hoàn toàn há miệng đứng nhìn trời.

Sau cuộc đột kích, một cơn mưa bụi tro đổ xuống, phủ lên đồng hoang tàn, và trong những hẻm núi gạch và thép vụn, chỉ thấy bụi bốc lên. Bụi cuộn xoáy dọc theo phần mở rộng của đại lộ Unter den Linden, những hàng cây nổi tiếng giờ đây trơ trụi, chồi non héo úa trên cành cây. Chỉ một số ít ngân hàng, thư viện và cửa hàng sang trọng nằm trên đại lộ nổi tiếng này không bị hư hại. Nhưng ở đầu phía tây con đường, biểu tượng nổi tiếng nhất Berlin, Cổng Brandenburg cao ngang tòa nhà tám tầng, via triumphalis

(con đường Khải Hoàn), vẫn đứng vững trên 12 cây cột Doric khổng lồ, dù đầy vết nứt mẻ.

Ở gần Wilhelmstrasse, những mảnh kính vỡ từ hàng nghìn khung cửa sổ chất đồng xung quanh các tòa nhà chính phủ và cung điện, sáng lấp lánh giữa đồng gạch vụn. Ngôi nhà số 73, cung điện bé nhỏ xinh đẹp từng là nơi sống chính thức của các thủ tướng Đức thời trước Đế tam Quốc xã đã bị thiêu rụi hoàn toàn bên trong. Cung điện này từng được mô tả là một Versailles mini; giờ đây, các bức tượng nữ thần biển của đài phun nước lộng lẫy ngoài sân trước vỡ tan thành từng mảnh, nằm cạnh mấy chiếc cột ngoài cổng trước, còn hai bức tượng trinh nữ Rhine sinh đôi đặt trên mái nhà nứt mẻ thủng lỗ chỗ thì nghiêng về phía sân trong đầy gạch vụn, đầu đã bị nứt mất.

Cách đó một dãy nhà, tòa nhà số 77 lại không hề hấn gì mấy, chỉ nứt mẻ sơ sơ. Những khối gạch chất chồng quanh tòa nhà ba tầng hình chữ L này. Lớp sơn ngoài màu vàng nâu bị tróc nhiều chỗ, và mấy con đại bàng bằng vàng sáng chói có hoa văn chữ thập trên móng đặt ở mấy cái cổng bị trầy xước, nứt mẻ đến là thảm hại. Phần ban công đường bộ nhô ra bên trên, nơi một bài diễn văn điên cuồng từng được diễn thuyết cho cả thế giới nghe. Reichskanzlei, tòa nhà văn phòng của Thủ tướng Đức, vẫn còn đứng đó. Phía trên Kurfurstendamm, Đại lộ thứ năm của Berlin, hàng đồng khung biến dạng của Nhà thờ Tưởng niệm Kaiser-Wilhelm vốn từng rất lộng lẫy nằm ngổn ngang. Kim đồng hồ dừng đúng 7:30 trên mặt đồng hồ đã cháy thành than; vốn đã bị như thế từ năm 1943, khi bom quét sạch một nghìn mẫu Anh của thành phố chỉ trong một đêm tháng mười một.

Cách gần 100m là Sở thú Berlin danh tiếng thế giới, giờ chỉ còn là một khu rừng đổ nát. Hồ cá đã bị hủy hoại hoàn toàn. Các khu nuôi bò sát, hà mã, kangaroo, hổ và voi cũng bị hư hại nghiêm trọng, cùng với các tòa nhà bị thùng toang hoác khác. Công viên Tiergarten nổi tiếng rộng 630 mẫu Anh nằm xung quanh đó giờ thành vùng đất không người, chỉ còn trơ lại những hố bom to bằng cả căn phòng, những hồ nước đầy gạch vụn và tòa đại sứ đã hư hại một phần. Công viên từng là một khu rừng thiên nhiên đầy kỳ hoa di thảo. Giờ những cái cây quý giá ấy đã bị thiêu trụi, trơ lại mấy

gốc cây xấu xí.

Góc đông bắc của công viên Tiergarten là phế tích đáng chú ý nhất Berlin, không bị bom đạn của quân Đồng minh phá hủy mà bị chính trị Đức hủy diệt. Tòa nhà Reichstag đồ sộ, nơi tổ chức họp Nghị viện, đã bị Đảng Nazi thiêu cháy vào năm 1933, và vụ hỏa hoạn được vu cho phe cộng sản, giúp Hitler có cơ được toàn quyền độc tài. Trên phần mái đổ nát nằm bên trên cổng vào có sáu chiếc cột, nhìn ra biển gạch vụn đang muốn nhấn chìm tòa nhà, là mấy chữ màu đen rõ ràng: *DEM DEUTSCHEN VOLKE* – Vì nhân dân Đức.

Phía trước tòa nhà Reichstag từng có một tổ hợp tượng. Tất cả đã bị hủy, trừ một pho tượng duy nhất – một pho tượng bằng đồng và cẩm thạch màu đỏ thẫm cao hơn 60m, đặt trên một cái bệ khổng lồ chạm khắc cột xung quanh bệ. Sau vụ hỏa hoạn năm 1933, Hitler đã ra lệnh di dời nó. Bây giờ, nó nằm cách đường Charlottenburg Chaussee một dặm, gần trung tâm trục Đông-Tây – chuỗi đường cao tốc nối nhau bằng qua thành phố từ sông Havel phía tây đến cuối đường Unter den Linden ở phía đông. Khi mặt trời mọc vào sáng ngày tháng ba này, ánh nắng chiếu lên bức tượng vàng trên đỉnh trụ: một bức tượng nữ thần có cánh, một tay cầm vòng nguyệt quế, tay kia cầm cây trượng chạm huân chương Chữ Thập Sắt. Nổi lên giữa vùng đất hoang tàn, không suy suyển mặc bom rơi đạn lạc, đó chính là biểu tượng thanh nhã, mảnh mai của Berlin – tượng đài Chiến thắng.

Trên khắp thành phố vừa bị đột kích, còi báo động bắt đầu rền rĩ báo hiệu nguy hiểm đã qua. Cuộc tấn công thứ 314 của quân Đồng minh vào Berlin đã kết thúc. Trong những năm đầu của cuộc chiến, các cuộc tấn công xảy ra rời rạc, nhưng giờ thủ đô đang phải chịu đội bom gần như liên tục – quân Mỹ thả bom ban ngày, Không lực Hoàng gia thả bom ban đêm. Số liệu thiệt hại tăng lên từng giờ; vào thời nay chúng có thể khiến người ta choáng váng.

Những vụ nổ đã xóa sổ hơn 10 dặm vuông ở những quận đã được xây dựng – gấp 10 lần phần diện tích bị phá hủy ở London trong trận Luftwaffe. Gần 85 triệu m³ gạch đá chất ngồn ngang trên đường phố - đủ tạo thành một ngọn núi cao hơn 300m. Gần một nửa trong số 1.562.000 người dân

Berlin bị thương, và một phần ba nhà cửa bị hủy hoại hoàn toàn hoặc không thể ở được nữa, nhưng ít nhất 52.000 người chết và gấp đôi số đó bị thương nặng – gấp 5 lần số người chết và bị thương nặng trong trận đánh bom London. Berlin đã trở thành một Carthage^[1] thứ hai – và cơn đau sau cùng vẫn còn chưa đến.

Trong cái tiêu điều của sự tàn phá, cần nhận thấy rằng con người vẫn có thể sống sót – nhưng cuộc sống vẫn tiếp diễn bình thường đến điên rồ giữa đồng hoang tàn. Mười hai nghìn cảnh sát vẫn thực hiện nhiệm vụ. Nhân viên bưu chính vẫn đưa thư; báo vẫn ra mỗi ngày; dịch vụ điện thoại và điện báo vẫn tiếp tục. Rác rến được thu gom. Một số rạp chiếu phim, nhà hát và thậm chí một phần sở thú bị tàn phá được mở cửa. Dàn nhạc giao hưởng Berlin đang dần kết thúc mùa biểu diễn.

Các cửa hàng bách hóa khuyến mãi rầm rộ. Các tiệm bánh mì và tiệm ăn mở cửa mỗi sáng, và các tiệm giặt ủi, giặt khô, các salon làm đẹp cực đắt hàng. Xe điện ngầm và tàu lửa trên không vẫn chạy; một số nhà hàng và quán bar thời thượng không bị phá hủy thu hút lượng lớn khách đến. Và trên khắp mọi nẻo đường, tiếng rao lanh lảnh của những người bán hoa dạo nổi tiếng ở Berlin vẫn vang vọng như trong thời bình.

Có lẽ đáng chú ý nhất là hơn 65% số nhà máy lớn của Berlin vẫn hoạt động bằng một cách nào đó. Gần 600.000 người có việc làm – nhưng giờ để đến được nhà máy là cả một vấn đề. Thường phải mất hàng giờ. Giao thông bị đình trệ, xe cộ chết máy, bị chậm và phải đi đường vòng. Hậu quả là người dân Berlin phải dậy sớm. Mọi người đều muốn đi làm đúng giờ bởi vì người Mỹ, vốn dậy sớm, thường “làm việc” với thành phố vào khoảng 9 giờ sáng.

Vào sáng hôm nay, một ngày sáng sủa, trong 20 quận đầy ngổn ngang của thành phố, người dân Berlin tiến về phía trước như người tiền sử trong thời đồ đá. Họ túa ra từ đường hầm xe điện, từ những hầm trú ẩn dưới các tòa nhà công cộng, từ những căn hầm nằm dưới ngôi nhà thảm hại của mình. Dù họ hi vọng hay sợ điều gì, dù lòng trung thành hay niềm tin chính trị của họ nằm ở đâu, người dân Berlin đều có một điểm chung: họ là những

người đã sống sót thêm một đêm nữa, để sống thêm một ngày khác.

Có thể nói điều tương tự cũng đúng với đất nước này. Trong năm thứ sáu của WWII, nước Đức của Hitler đang liều mạng đánh để sống sót. Đế chế Đức đã kéo dài một thiên niên kỷ đang bị xâm lăng từ cả hai hướng đông và tây. Liên quân Anh-Mỹ đang càn quét sông Rhine vĩ đại, đã vượt qua phòng tuyến ở Remagen, và đang tiến về Berlin. Họ chỉ còn cách 300 dặm về phía tây. Bờ đông sông Oder còn cấp bách hơn, và rõ ràng là đáng sợ hơn, mỗi đe dọa đã thành hình. Quân Nga đứng đó, cách không đầy 50 dặm.

Vào thứ tư ngày 21 tháng 3 năm 1945, ngày đầu tiên của mùa xuân. Sáng hôm đó, trên đài phát thanh toàn thành phố, người dân Berlin nghe bài hát mới nhất: “Đây sẽ là một mùa xuân vô tận.”

2

Về các mối nguy hiểm đang đe dọa mình, mỗi người dân Berlin phản ứng theo một cách riêng. Một số ngoan cố xem nhẹ hiểm họa, hi vọng rồi nó sẽ biến mất. Một số chờ đợi nó. Những người khác phản ứng trong sợ hãi hoặc giận dữ - và một số, tuyệt vọng khi đã bị dồn vào chân tường, lại đứng cảm ngáng cao đầu đối mặt với số phận.

Ở tây nam quận Zehlendorf, người giao sữa Richard Poganowskathwsc thức dậy lúc bình minh như thường lệ. Trong mấy năm qua, lịch làm việc hàng ngày của ông có vẻ khá đơn điệu. Giờ đây ông lại thấy biết ơn vì điều đó. Ông làm việc cho nông trại Domane Dahlem, đã có 300 năm hoạt động, nằm ở vùng ngoại ô Dahlem của quận Zehlendorf, cách trung tâm thủ đô có mấy dặm. Nếu là ở các thành phố khác, nơi sản xuất sữa nằm ở chỗ này sẽ bị xem là kỳ quặc, nhưng ở Berlin thì không.

Một phần năm diện tích thành phố là các công viên và rừng cây, cùng với các hồ nước, kênh đào và suối. Dù vậy, Poganowska và các nhân công khác của nông trại Domane vẫn ước gì nông trại nằm ở chỗ nào khác, cách thành phố thật xa, tránh khỏi nguy hiểm và những trận đánh bom liên tục.

Hôm qua, Poganowska cùng vợ ông, Lisbeth và ba đứa con lại tiếp tục qua đêm trong hầm của tòa nhà chính trên đường Konigin-Luise Strasse. Ngủ là một chuyện không tưởng, vì tiếng pháo cao xạ dồn dập và tiếng bom nổ. Như mọi người dân Berlin khác, người giao sữa 39 tuổi cao lớn cảm thấy hết sức mệt mỏi trong mấy ngày này.

Ông không biết đêm qua thả bom ở đâu, nhưng ông biết không có quả nào rơi gần mấy chuồng bò lớn của nông trại Domane. Đám bò sữa quý giá vẫn an toàn. Có vẻ như chẳng có gì có thể làm 200 con bò đó phải bận tâm. Giữa tiếng bom nổ và tiếng pháo cao xạ âm vang, chúng vẫn kiên nhẫn đứng đó, yên lặng nhai lại, và điệu kỳ thay vẫn tiếp tục cho sữa.

Poganowska luôn ngạc nhiên khi thấy thế.

Rất buồn ngủ, ông chất sữa lên chiếc xe chở sữa màu nâu và lên chiếc rơ mooc, buộc hai con ngựa vào xe, con Lisa và con Hans màu lông cáo, còn chú chó pomeran Poldi lông xám thì ngồi chễm chệ bên cạnh ông, chuẩn bị lên đường. Xe chạy lộc cộc trên mặt sân rải sỏi, rồi ông rẽ phải vào đường Pacelli Allee và đi theo hướng bắc, về phía Schmargendorf. Lúc đó là sáu giờ sáng. Thường thì phải chín giờ tối ông mới xong việc.

Mệt mỏi, thèm được ngủ, Poganowska vẫn không đánh mất tính thô lỗ hài hước của mình. Ông đã trở thành một hình mẫu đạo đức cho 1.200 khách hàng của mình. Tuyến đường giao sữa của ông nằm ở rìa của ba quận chính: Zehlendorf, Schöneberg và Wilmersdorf. Cả ba đều bị dội bom nặng nề; Schöneberg và Wilmersdorf, nằm gần trung tâm thành phố nhất, gần như bị xóa sổ. Chỉ riêng quận Wilmersdorf đã có hơn 36.000 ngôi nhà bị phá hủy, và gần một nửa trong số 340.000 người dân trong hai quận này trở thành vô gia cư. Trong hoàn cảnh đó, một gương mặt tươi cười thật hiếm thấy và đáng được chào mừng.

Dù còn sớm, Poganowska vẫn thấy có người chờ ông ở mấy ngã tư. Những này này, mọi người phải xếp hàng khắp nơi - ở tiệm thịt, tiệm bánh mì, thậm chí là để lấy nước khi đường ống chính bị vỡ. Dù khách đang xếp hàng đợi, Poganowska vẫn rung một hồi chuông lớn, thông báo là ông đã tới. Ông bắt đầu làm thế từ hồi đầu năm, khi các cuộc công kích ban ngày tăng lên, làm ông không thể giao sữa đến từng nhà được nữa. Đối với các khách hàng của ông, tiếng chuông đã trở thành một biểu tượng, cũng giống như bản thân Poganowska.

Sáng nay cũng không khác mấy. Poganowska chào khách và bắt đầu phát phần bơ sữa của họ. Ông đã quen mặt vài người trong số họ suốt gần chục năm nay, và họ biết ông có thể kiếm thêm cho họ một chút. Bằng cách trao mấy tấm thẻ khấu phần, Poganowska có thể kiếm thêm được chút sữa hoặc kem cho những dịp đặc biệt như lễ rửa tội hay đám cưới. Rõ ràng, như thế là bất hợp pháp và liều lĩnh – nhưng mọi người dân Berlin đều phải liều trong những ngày này.

Càng ngày, các khách hàng của Poganowska càng mệt mỏi, căng thẳng

và lo lắng hơn. Chẳng mấy người nói chuyện về chiến tranh nữa. Chẳng ai biết chuyện gì đang diễn ra, và cũng chẳng ai có thể làm được gì trong chuyện này cả. Bên cạnh đó, đã có đủ mấy chuyện tầm xàm để nói. Poganowska không khuyến khích thảo luận tin tức. Bằng cách chìm trong công việc kéo dài 15 tiếng một ngày này và từ chối nghĩ về chiến tranh, ông cũng như hàng nghìn người dân Berlin khác, đã tự miễn dịch với nó.

Giờ mỗi ngày Poganowska tìm kiếm những dấu hiệu chắc chắn giúp ông khỏi mất lòng tin. Ít nhất mấy con đường vẫn còn mở. không có rào chắn hay xe tăng mai phục trên các con đường chính, không có mấy mảnh pháo hay xe tăng bị chôn vùi, không có lính đóng ở các điểm trọng yếu. Không có gì cho thấy chính quyền e ngại quân Nga tấn công hay Berlin đang bị bao vây cả.

Có một dấu hiệu nhỏ nhưng đáng chú ý khác. Mỗi sáng khi Poganowska đánh xe qua phường Friedenau, nơi có một vài vị khách nổi trội của ông sinh sống, ông liếc nhìn căn nhà của một đảng viên Nazi nổi tiếng, một quan chức có cờ trong sở bưu điện Berlin. Qua các ô cửa sổ phòng khách, ông có thể thấy bức chân dung cỡ lớn lồng trong bộ khung thật to. Bức tranh Adolf Hitler lờ lợ, toát lên vẻ kiêu căng hết sức, vẫn còn ở đó. Poganowska biết rõ kiểu cách của mấy vị quan chức của nền Đệ tam Quốc xã; nếu tình hình thật sự nghiêm trọng, chỗ thờ phụng ngài Quốc trưởng sẽ biến mất ngay.

Ông khẽ giục mấy con ngựa và tiếp tục đi. Mặc cho mọi thứ ông thấy được, chẳng có lý do gì phải lo sợ quá mức.

Không nơi nào trong thành phố có thể hoàn toàn thoát khỏi mấy trận đánh bom, trừ Spandau, quận lớn thứ hai Berlin và nằm ở cực tây, đã thoát được loại hình tấn công mà mọi người sợ nhất: đánh bom rải thảm. Hết đêm này qua đêm khác, dân trong quận đều chờ vụ đánh bom xảy ra. Họ rất ngạc nhiên là chẳng có đánh bom gì cả, trong khi Spandau là trung tâm công nghiệp quân sự to lớn của Berlin.

Ngược lại với các quận trung tâm thành phố phải chịu 50 đến 70% tổn thất, Spandau chỉ bị hư hại 10% nhà cửa. Dù điều này có nghĩa là hơn 1000 căn nhà bị phá hủy hoặc không thể ở được nữa, xét theo tiêu chuẩn của

những người dân Berlin đang phải chịu công kích dữ dội thì đó chỉ là một vết cấn ngứa ngứa mà thôi. Trong những vùng hoang tàn đen kịt vì bom ở các quận trung tâm lưu hành một câu bình luận độc địa: “Die Spandauer Zwerge kommen zuletzt in die Särge” – Bọn lùn Span-dauites sẽ là mấy thằng cuối cùng bước vào quan tài.

Ở rìa phía tây Spandau, trong phường Staaken yên tĩnh như ở thôn quê, Robert và Ingeborg Kolb cảm thấy vô cùng biết ơn khi được sống trong một vùng nước lặng. Mấy quả bom duy nhất rơi gần chỗ này là mấy quả nhắm trượt sên bay gần đó – và thiệt hại cũng khá nhỏ. Căn nhà vừa hai tầng màu nâu - cam của họ, với hành lang bằng kính cùng thảm cỏ và khu vườn bao quanh, vẫn không hư hại gì. Cuộc sống tiếp diễn gần như bình thường – ngoại trừ một điều là Robert, vị giám đốc kỹ thuật 54 tuổi của một nhà máy in nhận thấy rằng việc đi tới chỗ làm ở trung tâm thành phố trở nên khó khăn hơn hẳn. Việc này có nghĩa là phải đi qua loạt đợt kích ban ngày. Điều đó là mối lo thường trực của bà Ingeborg.

Tối nay như thường lệ, gia đình nhà Kolb định nghe bản tin tiếng Đức của đài BBC, dù việc này đã bị cấm từ lâu.

Họ đã theo dõi bước tiến của quân Đồng minh trên từng cây số từ cả phía đông và phía tây. Bây giờ, Hồng quân chỉ cần lái một chuyến xe buýt là tới được vùng ngoại ô phía đông thành phố. Thế nhưng, do bị bầu không khí thanh bình xung quanh ru ngủ, họ thấy mối đe dọa sắp xảy ra với thành phố là chuyện không tưởng, chiến tranh có vẻ quá xa xôi và không thực. Ông Robert Kolb tin rằng họ vẫn an toàn, còn bà Ingeborg thì tin ông luôn luôn đúng. Nói cho cùng, ông là một cựu chiến binh từ WWI. Ông Robert bảo đảm với bà, “*Chiến tranh sẽ chỉ đi lướt qua chúng ta mà thôi.*”

Khá chắc chắn là dù có chuyện gì xảy ra họ cũng sẽ không bị ảnh hưởng gì, gia đình nhà Kolb bình tĩnh chờ đợi tương lai. Mùa xuân đã đến rồi, ông Robert đang phải quyết định sẽ mặc cái vớng chỗ nào trong vườn. Bà Ingeborg có nhiều công việc nhà phải làm: bà định trồng rau bina, mùi tây, xà lách và khoai tây đầu mùa. Có một vấn đề lớn: bà nên trồng khoai tây đầu mùa vào đầu tháng 4 hay chờ qua tháng 5, khi thời tiết mùa xuân ổn định hơn?

Ở trụ sở đặt trong một ngôi nhà vừa ba tầng màu xám nằm ngoài ngoại ô Landsberg, cách sông Oder 25 dặm, Nguyên soái quân Liên Xô Georgi K. Zhukov ngồi bên bàn làm việc, cân nhắc một số kế hoạch của mình.

Trên tường, một tấm bản đồ Berlin cỡ lớn vẽ chi tiết các hướng tấn công dự tính của Zhukov để đánh chiếm thành phố. Trên bàn làm việc đặt ba chiếc điện thoại đã chiến. Một chiếc dùng cho mục đích thông thường, một chiếc khác kết nối với người đồng nghiệp của ông: các Nguyên soái Konstantin Rokossovskii và Ivan Stepanovich Koniev, các vị tư lệnh của các đoàn quân lớn ở sườn phía bắc và phía nam quân của ông. Chiếc thứ ba nối trực tiếp tới Moscow và Tư lệnh Tối cao, Josef Stalin. Vị tư lệnh 49 tuổi có bộ ngực vạm vỡ của Mặt trận Belorussia Số một nói chuyện với Stalin hàng đêm, vào lúc 11 giờ, báo cáo lại tình hình tiến quân trong ngày.

Vào lúc này, Zhukov đang băn khoăn không biết khi nào Stalin sẽ ra lệnh chiếm Berlin. Ông hi vọng mình vẫn còn thời gian. Có lúc Zhukov nghĩ mình có thể chiếm được thành phố ngay lập tức, nhưng ông chưa đủ sẵn sàng. Ông đã lập kế hoạch sẽ tấn công vào khoảng cuối tháng 4, dù chưa chắc chắn lắm. Nếu may mắn, ông nghĩ mình có thể tới được Berlin và giảm thiểu mọi sự chống cự trong vòng 10 đến 12 ngày. Người Đức sẽ chiến đấu chống lại ông trên từng tấc đất – ông nghĩ thế. Có lẽ bọn chúng sẽ chiến đấu dữ dội nhất ở phía tây thành phố. Ở đó có tuyến đường thoát hiểm duy nhất của lực lượng phòng vệ quân Đức, theo như ông thấy. Nhưng ông định tấn công chúng từ cả hai phía khi chúng cố thoát ra. Đến tuần đầu tiên của tháng 5, ông tính sẽ tàn sát hoàn toàn quận Spandau.

Trên căn hộ ở tầng hai nằm trong quận Wilmersdorf của mình, Carl Johann Wiberg mở ô cửa chớp kiểu Pháp trong phòng khách, bước ra ngoài cái ban công nhỏ và liếc nhìn trời. Đứng bên cạnh ông là hai người bạn đồng hành quen thuộc: chú Otto và cô Effie, hai chú chó Dachshund màu nâu sậm đi lạch bạch. Chúng nhìn ông đầy vẻ trông đợi, chờ ông đưa đi dạo buổi sáng.

Những ngày này ông Wiberg chẳng làm gì khác ngoài đi dạo. Người dân

trong khu rất thích vị doanh nhân 49 tuổi người Thụy Điển này. Họ coi ông trước hết là một “người Berlin”, rồi mới tới là người Thụy Điển: ông đã không rời khỏi thành phố như nhiều người ngoại quốc khác khi những trận đánh bom bắt đầu. Hơn nữa dù ông Wiberg chưa bao giờ than vãn về các rắc rối của mình, mấy người hàng xóm của ông biết ông đã gần như trắng tay. Vợ ông mất năm 1939. Các nhà máy keo dán của ông bị đánh bom phải ngừng hoạt động. Sau 30 năm làm một nhà doanh nghiệp nhỏ ở Berlin, ông chẳng còn lại gì ngoài hai con chó và căn hộ. Theo ý của mấy người hàng xóm, ông là một người tốt hơn cả một người Đức chân chính.

Ông Wiberg nhìn xuống cậu Otto và cô Effie. Ông nói, “Đến lúc ra ngoài rồi.” Ông đóng cửa sổ và bước qua phòng khách vào phòng nghỉ nhỏ bên cạnh. Ông mặc chiếc áo bành tô được may đo đẹp đẽ rồi đội chiếc mũ mềm được đánh bóng cẩn thận. Ông mở ngăn kéo của chiếc bàn gỗ gụ bóng loáng, lấy ra một đôi găng tay da lộn, rồi ngậy người một lúc, đứng ngắm một bức tranh in thạch bản lồng khung đặt trong ngăn kéo.

Bức tranh in có màu sắc rực rỡ, hình một kỵ sĩ mặc giáp kín mít, cưỡi một con ngựa chiến màu trắng đang lồng lên. Cây giáo của kỵ sĩ gắn một dải cờ hiệu pháp phối. Qua tấm che mặt ở phần mũ áo giáp, ánh mắt kỵ sĩ thật dữ dội. Một lọn tóc rủ trước trán; người kỵ sĩ có đôi mắt sắc bén và hàng ria nhỏ màu đen. Trên lá cờ hiệu pháp phối là dòng chữ “Der Bannerträger”- Nhà lãnh đạo. Ông Wiberg chậm chậm đóng ngăn kéo. Ông giấu tấm tranh in vì những bài đã kích chế nhạo Hitler bị cấm trên toàn nước Đức. Nhưng ông Wiberg không muốn bỏ nó đi; bức biếm họa đó quá buồn cười, làm ông không nở vút.

Nắm xích của bọn chó, ông khóa cửa trước cẩn thận, rồi đi xuống hai dãy cầu thang và bước ra đường phố ngổn ngang gạch vụn. Ông ngả mũ chào mấy người hàng xóm sống gần căn hộ, và với mấy con chó dẫn đầu, ông đi dọc theo con đường, bước cẩn thận tranh mấy ổ gà. Ông không biết Der Bannerträger đang ở đâu khi kết cục đã cận kề. Ở Munich chẳng? Ở ngôi biệt thự Eagle’s Nest của ông nằm trên dãy Berchtesgaden? Hay ở đây, ngay tại Berlin này? Có vẻ chẳng ai biết – dù điều đó cũng chả có gì là lạ. Nơi ở của Hitler luôn là một bí mật lớn.

Sáng nay, ông Wiberg quyết định ghé qua quán bar ưa thích của mình, Harry's Rosse ở số bảy đường Nestorstrasse – một trong số ít những quán còn mở cửa trong quận. Khách hàng của quán khá đa dạng: những nhân vật quan trọng của đảng Nazi, những viên chức người Đức, và một số ít doanh nhân. Ở đó luôn có những cuộc nói chuyện hay ho và người ta có thể hóng hớt được tin tức mới nhất – đêm qua bom nổ ở đâu, nhà máy nào bị trúng bom, Berlin đang chống chịu như thế nào. Ông Wiberg thích gặp mấy ông bạn già trong bầu không khí vui vẻ và ông cũng quan tâm đến mọi khía cạnh của cuộc chiến, nhất là tác động của những vụ đánh bom và đạo đức của người Đức.

Ông đặc biệt muốn biết Hitler đang ở đâu. Khi băng qua đường, ông lại ngả mũ chào một người quen cũ. Mặc dù các câu hỏi đang dày đặc trong đầu ông, Wiberg biết một số chuyện có thể làm mấy người hàng xóm của ông kinh ngạc. Quý ngài Thụy Điển còn đậm chất Đức hơn cả dân Đức này còn là một thành viên của Phòng Chiến lược tối mật của Mỹ (Office of Strategic Services). Ông là một điệp viên của quân Đồng minh.

Trong căn hộ tầng trệt ở Kreuzberg, nhà thần học Arthur Leckscheidt, linh mục dòng Phúc âm của nhà thờ Melanchthon, đang chìm trong đau khổ và tuyệt vọng. Nhà thờ Gothic có tháp đôi của ông đã bị phá hủy và giáo dân của ông tiêu tan cả. Qua cửa sổ, ông có thể thấy phần còn lại của nhà thờ. Mấy tuần trước nó bị trúng bom trực tiếp, và chỉ mấy phút sau đó, mấy quả bom lửa bốc cháy rừng rực. Mỗi lần nhìn nhà thờ ông lại thấy đau lòng không dứt. Vào lúc cao điểm của cuộc đột kích, mặc kệ an nguy của bản thân, Linh mục Leckscheidt chạy ào vào nhà thờ đang bốc cháy. Mặt sau nhà thờ và chiếc đàn organ lộng lẫy của nó vẫn chưa bị suy suyễn. Chạy thật nhanh qua qua lối đi hẹp đến chỗ đặt cây đàn, ông chỉ có một ý nghĩ duy nhất: vĩnh biệt cây đàn organ thân yêu, vĩnh biệt nhà thờ của ông. Hát khe khẽ cho bản thân nghe với đôi mắt đầy lệ, nhà thần học dạo khúc đàn vĩnh biệt của mình. Khi bom nổ trên khắp Kreuzberg, bệnh nhân trong bệnh viện thành phố gần đó và người trú ẩn trong các căn hầm sát bên đã nghe thấy cây đàn organ Melanchthon ngân lên một thành thánh ca cổ, “From Deepest Need I Cry to Thee.”

Bây giờ, ông đang nói tạm biệt theo kiểu khác. Trên bàn làm việc của ông là bức thảo một lá thư luân chuyển mà ông sẽ gửi cho nhiều giáo dân đã rời thành phố hoặc đang ở trong quân đội. Ông viết, “Dù chiến trận ở phía đông và phía tây khiến chúng ta căng thẳng, thủ đô của nước Đức vẫn luôn là trung tâm không kích... các con thân mến, các con có thể tưởng tượng xem, thần chết sắp kiếm được một vụ mùa bội thu rồi. Quan tài đã trở nên khan hiếm. Một phụ nữ nói với ta là bà ấy đã phải đổi cho người ta 20 pound mật ong để kiếm một cái mà chôn người chồng đã mất.”

Ông Leckscheidt cũng giận dữ nữa. Ông viết “Không phải lúc nào các mục sư chúng ta cũng được gọi đến để chôn cất cho các nạn nhân bị không kích. Thông thường, Đảng sẽ chịu trách nhiệm lo việc tang ma mà không có lấy một mục sư... không có những lời của Chúa.” Và hết lần này đến lần khác trong thư, ông nhắc đến tình trạng bị tàn phá của thành phố. “Các con đã không thể tưởng tượng nổi Berlin bây giờ trông ra làm sao đâu. Những tòa nhà đẹp đẽ nhất đã sụp đổ thành đồng gạch vụn... Chúng ta thường bị cắt gas, điện hoặc nước. Chúa giúp chúng ta tránh khỏi nạn đói! Hàng hóa chợ đen có giá trên trời.” Và ông kết lá thư với sự bi quan cay đắng: “Đây có lẽ là lá thư cuối cùng trong một thời gian dài sắp tới. Có lẽ chúng ta sẽ sớm bị cắt mọi hình thức liên lạc. Liệu chúng ta có gặp lại nhau được chăng? Tất cả đều tùy thuộc trong tay Chúa.”

Đi lòng vòng có chủ đích trên các con đường ngổn ngang gạch đá ở Dahlem, một giáo sĩ khác, Cha Bernhard Happich, quyết định sẽ tự xử lý công chuyện. Ông đã lo lắng về một vấn đề nhạy cảm suốt nhiều tuần nay. Hết đêm này qua đêm khác, ông đã cầu nguyện được chỉ dẫn và suy ngẫm về con đường mà ông phải chọn. Bây giờ ông đã có quyết định.

Người ta đang có rất cần sự phục vụ của các giáo sĩ, điều này đặc biệt đúng với Cha Happich. Vị tu sĩ 55 tuổi, người có tấm chứng minh thư mang con dấu “Tu sĩ dòng Tên: không phù hợp phục vụ cho quân sự” (những người Do Thái và những kẻ gây rối nguy hiểm khác cũng có một con dấu của Đảng Nazi giống như vậy), còn là một dược sĩ có trình độ cao. Một trong các chức trách của ông là Cha Giám Mục của Haus Dahlem, một trại trẻ mồ côi, bệnh viện phụ sản kiêm nhà nuôi dưỡng trẻ bị bỏ rơi do các Nữ

Tu Dòng Thánh Tâm điều hành. Chính Mẹ Bề trên Cunegundes và các giáo dân của bà đã mang rắc rối này đến cho ông, và khiến ông phải đưa ra quyết định.

Cha Happich không ảo tưởng về đảng Nazi hay về cái kết chắc chắn của chiến tranh. Từ lâu ông đã quyết định rằng Hitler và mệnh lệnh mới tàn bạo của ông ta chính là tai họa mà vận mệnh đem lại. Giờ đây, cuộc khủng hoảng đang áp sát cực nhanh. Chuyện gì sẽ xảy đến với Dahlem và những vị xơ tốt bụng ở đó, vốn chưa trải việc đời?

Với gương mặt nghiêm trọng, Cha Happich sải bước về nhà. Tòa nhà chỉ bị hư hại bề mặt và các xơ tin rằng những lời cầu nguyện của mình đã được Chúa nghe thấy. Cha Happich không phải là bất đồng ý kiến với họ, nhưng là một người thực tế, ông nghĩ rằng sự may mắn và xui xẻo của tay xạ kích mới là nguyên nhân.

Khi đi qua tiền sảnh, ông nhìn lên bức tượng lớn, mặc trang phục màu xanh và vàng kim, tay giơ cao thanh kiếm – Thánh Michael, “Người hiệp sĩ của Chúa chiến đấu chống lại mọi quỷ dữ.” Các xơ rất có niềm tin vào Thánh Michael, và Cha Happich rất mừng là mình đã có quyết định. Như tất cả mọi người, ông đã nghe từ những người dân chạy nạn đã chạy trốn trước khi quân Nga tiến đến, về nỗi kinh hoàng đã xảy ra ở miền đông nước Đức. Ông chắc chắn là nhiều chuyện có lẽ đã được thổi phồng, nhưng có một số chuyện ông biết là thật. Cha Happich đã quyết định cần cảnh báo cho các xơ. Bây giờ ông cần chọn thời điểm thích hợp để nói cho họ, và trên hết, ông cần tìm lời lẽ phù hợp. Cha Happich rất lo lắng về việc đó. Làm sao bạn có thể nói với sáu mươi bà xơ cùng các phụ nữ không theo Giáo hội rằng họ đang phải chịu nguy cơ bị cưỡng hiếp?

3

Nỗi sợ bị tấn công tình dục treo lơ lửng trên thành phố như một tấm vải phủ quan tài, vì sau gần sáu năm chiến tranh, Berlin giờ hầu như chỉ toàn phụ nữ.

Thời đầu cuộc chiến, năm 1939, thủ đô có 4.321.000 cư dân. Nhưng những thương vong khổng lồ trong chiến tranh, lệnh tổng động viên cả đàn ông và phụ nữ cùng với cuộc tản cư tình nguyện của một triệu dân đến vùng nông thôn an toàn hơn vào năm 1943 – 1944 đã làm dân số giảm hơn một phần ba. Bây giờ, những người đàn ông duy nhất còn lại với số lượng đáng kể là trẻ em dưới 18 tuổi và người già trên 60. Nhóm nằm trong độ tuổi từ 18-30 tổng cộng không tới 100.000 người và phần lớn trong số đó được miễn quân dịch hoặc bị thương.

Vào tháng 1/1945, dân số của thành phố được ước tính vào khoảng 2.900.000 người, nhưng giờ đây, vào giữa tháng ba, con số đó chắc chắn là quá cao so với thực tế. Sau 85 cuộc công kích trong không đầy 11 tuần và với hiểm họa bị bao vây đang phủ lên thành phố, hàng nghìn người đã ra đi. Chính quyền quân sự ước tính rằng dân số của Berlin giờ còn khoảng 2.700.000 người, trong đó hơn 2.000.000 người là nữ - và đó chỉ là phỏng đoán.

Sở dĩ khó ước tính dân số thực là do làn sóng di dân khổng lồ từ những tỉnh miền đông bị Liên Xô chiếm đóng. Một số người ước tính số dân di cư đã lên đến 500.000 người. Buộc phải bỏ xứ ra đi, mang theo của cải trên lưng hoặc trên những chiếc xe ngựa hoặc xe đẩy, thường do gia súc kéo, những người chạy nạn làm tắc đường dẫn tới Berlin trong nhiều tháng liền.

Phần lớn bọn họ không ở lại thành phố, mà tiếp tục đi về phía Tây. Nhưng theo gót chân họ, một kho chuyện kinh dị được kể lại; những câu chuyện mà họ đã trải qua lan rộng khắp Berlin như bệnh dịch, làm nhiều cư

dân hoảng sợ.

Những người chạy nạn kể về bọn xâm lăng tham lam, bạo lực và tràn đầy thù hận. Nhiều người tản cư từ những nơi xa như Ba Lan, hoặc từ những vùng bị chiếm đóng ở Đông Phổ, Pomerania và Silesia, xác nhận đầy cay đắng về kẻ thù không biết tha chết là gì.

Thực sự thì, dân chạy nạn khẳng định, cơ quan tuyên truyền của Nga đang giục Hồng quân không được tha một ai. Họ nói đến một bản tuyên ngôn, được cho là do chính nhà tuyên truyền hàng đầu nước Nga, Ilya Ehrenburg đã viết, đang được truyền đến Hồng quân qua đài và qua truyền đơn.

Bản tuyên ngôn viết: *“Giết! Giết! Bọn Đức toàn là quỷ dữ!... Theo lời dạy của đồng chí Stalin. Nghiền nát bọn quái vật phát xít tại hang ổ của chúng một lần và mãi mãi! Dùng sức mạnh và đập đổ lòng tự hào chủng tộc của bọn đàn bà Đức đó. Cứ xem chúng là chiến lợi phẩm hợp pháp của các đồng chí. Giết! Hãy giết chúng trên đường hành quân! Hỡi những người lính hào hiệp của Hồng quân.”*^[2]

Dân chạy nạn kể lại rằng những đoàn quân đang tiến tới từ tiền tuyến rất kỷ luật và biết điều, nhưng những đoàn quân theo sau lại là một đám hèn hạ vô tổ chức. Bọn lính Hồng quân say xỉn điên loạn này giết chóc, cướp bóc và hãm hiếp. Họ khẳng định chắc nịch rằng các vị tư lệnh Nga dường như bỏ qua hành vi của thuộc cấp. Ít nhất thì họ cũng chẳng làm gì để ngăn chặn lính của mình. Từ nông dân tới tầng lớp thượng lưu ai cũng kể giống nhau, và trong cơn lũ nạn dân, khắp nơi phụ nữ đều kể lại những câu chuyện rùng rợn về những vụ tấn công bạo lực – bị dí súng bắt cởi quần áo và rồi bị cưỡng hiếp hết lần này tới lần khác.

Có mấy phần thật, mấy phần giả? Người dân Berlin không chắc lắm. Những người biết về tội ác và vô số vụ giết chóc mà quân SS của Đức đã gây ra ở Nga – và có hàng nghìn người biết – e là những câu chuyện đó là thật. Những người biết chuyện gì đã xảy ra với người Do Thái ở các khu trại tập trung – một khía cạnh mới mẻ và khủng khiếp của Chủ nghĩa xã hội Quốc gia mà thế giới tự do vẫn chưa được biết – cũng tin lời dân chạy nạn.

Những người dân Berlin am tường này tin rằng kẻ áp bức giờ thành người bị áp bức, rằng bánh xe báo thù đã quay đủ một vòng. Nhiều người biết quy mô tội ác mà nền Đệ tam Quốc xã đã gây ra cảm thấy chẳng còn cơ hội nào. Các quan chức cao cấp và các thành viên cao cấp của đảng Nazi đã lạng lẽ đưa gia đình ra khỏi Berlin hoặc đang trong quá trình làm vậy.

Những kẻ cuồng tín vẫn ở lại, và những thường dân Berlin, vốn không được chia sẻ nhiều thông tin và không biết tình hình thực tế, cũng ở lại.

Họ không thể hoặc không định ra đi. Erna Saenger, một bà nội trợ 65 tuổi và là mẹ của sáu đứa con, viết trong nhật ký: *“Ôi nước Đức, nước Đức, Tổ quốc của tôi. Niềm tin đem lại sự thất vọng. Tin tưởng chân thành đồng nghĩa với ngu ngốc và mù quáng... nhưng... chúng tôi sẽ ở lại Berlin. Nếu ai cũng ra đi như những người hàng xóm thì quân thù sẽ có được những gì chúng muốn. Không – chúng tôi không muốn thất bại kiểu đó.”*

Rất ít người Berlin có thể nói rằng mình không hay biết gì về tình hình nguy hiểm. Gần như ai ai cũng nghe chuyện. Một cặp vợ chồng sống ở Kreuzberg, Hugo và Edith Neumann, đã được báo tin bằng điện thoại. Mấy người họ hàng sống trong vùng bị Nga chiếm đóng đã liên mạng cảnh báo vợ chồng Neumann trước khi mọi liên lạc bị cắt đứt không lâu, rằng quân xâm lược đang cưỡng hiếp, giết chóc và cướp bóc không chùn tay. Nhưng vợ chồng Neumann vẫn ở lại. Nhà máy điện của ông Hugo vừa bị trúng bom, nhưng bỏ nó lại là chuyện không thể nào.

Những người khác chọn cách bỏ ngoài tai các câu chuyện, vì những lời tuyên truyền, dù do dân chạy nạn loan truyền, hay do chính quyền khởi xướng, đều chẳng còn mấy ý nghĩa với họ nữa. Từ lúc Hitler ra lệnh vô cớ xâm lăng nước Nga năm 1941, tất cả người dân Đức đều liên tục bị nhồi những lời tuyên truyền đầy thù hận. Người Liên Xô bị tô vẽ thành những kẻ man rợ chẳng giống người. Khi thế cờ thay đổi và quân Đức buộc phải rút lui trên mọi mặt trận ở Nga, Tiến sĩ Joseph Goebbels, ngài bộ trưởng bộ tuyên truyền bị tật ở chân càng tăng cường nỗ lực hơn nữa – đặc biệt là ở Berlin.

Trợ lý của Goebbels, Tiến sĩ Werner Naumann, từng riêng tư thừa nhận, *“Về việc thêm thắt rằng quân Nga đáng sợ ra sao, rằng chúng sẽ gây ra*

những gì cho người dân Berlin, cơ quan tuyên truyền của chúng tôi đã thành công tới mức chúng tôi đã khiến người dân Berlin chỉ còn biết sợ hãi. Đến cuối năm 1944, Naumann cảm thấy là: Chúng tôi đã làm quá tay – lời tuyên truyền giờ lại thành gậy ông đập lưng ông.”

Bây giờ giọng điệu của bài tuyên truyền đã thay đổi. Khi đế chế của Hitler đang bị xén từng mảnh một, khi Berlin bị tàn phá từng khu nhà một, Goebbels bắt đầu đổi từ gieo rắc sợ hãi sang cam đoan; giờ mọi người được nghe rằng chiến thắng đã cận kề. Tất cả những gì Goebbels làm được là tạo cho người dân thành thị Berlin một bức tranh kỳ quặc, một câu chuyện hài đáng sợ. Nó giống như một cái bẫy môi tập thể dành cho bản thân họ, cho lãnh đạo của họ và cho cả thế giới.

Dân Berlin nhanh chóng sửa khẩu hiệu của Goebbels, “*Quốc trưởng ra lệnh, chúng ta theo sau,*” thành “*Quốc trưởng ra lệnh, chúng ta gánh chịu những gì theo sau.*” Khi vị bộ trưởng bộ tuyên truyền hứa hẹn về chiến thắng cuối cùng, những kẻ bất kính trang trọng giục mọi người “*Tận hưởng chiến tranh đi, hòa bình sẽ rất khủng khiếp.*”

Trong bầu không khí gần như kinh hoàng do lời kể của dân chạy nạn tạo ra, sự thật và nguyên do bị bóp méo khi lời đồn lan đi. Những câu chuyện về mọi loại tội ác lan truyền khắp thành phố. Người Nga được miêu tả như dân Mông Cổ mắt xéch tàn sát phụ nữ và trẻ em trong tầm mắt. Người ta đồn các giáo sĩ bị thiêu sống bằng súng phun lửa; các nữ tu bị cưỡng hiếp và phải thoát y đi ngoài đường; phụ nữ phải đi theo đoàn quân và toàn bộ đàn ông bị bắt tới Siberia làm nô lệ. Thậm chí còn có một bản tin trên đài nói rằng quân Nga đóng đinh ghim lười của các nạn nhân lên bàn. Những người ít bị ảnh hưởng thấy các câu chuyện quá khó tin.

Những người khác thì biết rõ những gì sắp xảy ra. Bác sĩ Anne Marie Durand-Wever, tốt nghiệp đại học Chicago và là một trong những bác sĩ phụ khoa nổi tiếng nhất châu Âu, ngồi trong phòng khám tư ở Schöneberg của mình, bà biết sự thật là gì. Vị bác sĩ 55 tuổi, nổi tiếng với quan điểm chống Nazi (bà là tác giả nhiều cuốn sách đòi nữ quyền, bình đẳng giới và kế hoạch hóa sinh đẻ - tất cả đều bị đảng Nazi cấm), đang giục bệnh nhân rời khỏi Berlin. Bà đã khám cho nhiều phụ nữ chạy nạn và kết luận rằng, có

một điều là những câu chuyện về tấn công tình dục đã được nói giảm đi nhiều.

Bác sĩ Durand-Wever định ở lại Berlin, nhưng giờ bà luôn mang theo một viên thuốc cyanua nhỏ, tác dụng nhanh bên mình dù có đi đâu. Sau bao nhiêu năm làm bác sĩ, bà không chắc mình có thể tự tử được không. Nhưng bà vẫn để viên thuốc trong ví – vì nếu quân Nga chiếm được Berlin bà nghĩ nữ giới từ 8 cho tới 80 tuổi đều sẽ bị cưỡng hiếp.

Bác sĩ Margot Sauerbruch cũng đang chờ đợi điều tồi tệ nhất. Bà làm việc cùng chồng, giáo sư Ferdinand Sauerbruch, bác sĩ phẫu thuật xuất sắc nhất nước Đức, tại bệnh viện lớn nhất và lâu đời nhất Berlin, bệnh viện Charité ở quận Mitte. Vì có quy mô lớn cũng như vị trí nằm gần ga xe lửa, bệnh viện đã tiếp nhận những trường hợp thương vong nặng nhất của dân chạy nạn. Sau khi tự khám cho các nạn nhân, bác sĩ Sauerbruch không còn ảo tưởng gì về sự tàn bạo của Hồng quân khi chúng phát cuồng lên. Bà biết rằng những vụ cưỡng hiếp chắc chắn không phải là lời đồn đại.

Margot Sauerbruch khiếp sợ trước con số nạn dân định tự tử - kể cả rất đông phụ nữ vẫn chưa bị quấy rối hay xâm hại. Kinh hoàng trước những gì tai nghe mắt thấy, nhiều người đã cắt cổ tay. Một số thậm chí còn cố giết con mình. Không ai biết được bao nhiêu trong số họ đã thành công kết liễu sinh mạng của mình – bác sĩ Sauerbruch chỉ gặp được những người đã thất bại – nhưng rõ ràng là một làn sóng tự tử sẽ xảy ra ở Berlin nếu quân Nga chiếm được thành phố.

Đa phần các bác sĩ khác cũng đồng tình với quan điểm này. Ở Wilmersdorf, bác sĩ ngoại khoa Gunther Lamprecht viết trong nhật ký “*chủ đề chính – ngay cả giữa các bác sĩ – là cách tự tử. Các cuộc nói chuyện kiểu này ngày càng khó chịu hơn.*”

Điều đó còn hơn là hội thoại đơn thuần nữa. Kế hoạch tìm đến cái chết đã sẵn sàng thực hiện. Ở khắp các quận, các bác sĩ bị bao vây bởi bệnh nhân và bạn bè, hỏi họ cách tự tử nhanh chóng và hỏi xin toa thuốc độc. Khi các bác sĩ từ chối giúp, mọi người lại quay qua những người bán thuốc. Bị kẹt trong làn sóng sợ hãi, hàng nghìn người dân Berlin quần trí đã quyết định sẽ chết bằng mọi giá còn hơn nộp mạng cho Hồng quân.

Christa Meunier, 20 tuổi, nói riêng với bạn mình là Juliane Bochnik rằng, *“Ngay khi thấy đôi ủng Nga đầu tiên, mình sẽ tự tử ngay.”*

Christa đã chuẩn bị sẵn thuốc độc. Cô bạn của Juliane là Rosie Hoffman và ba mẹ cô ấy cũng vậy. Gia đình Hoffman đã chán nản đến tột cùng và chẳng hề trông đợi vào lòng nhân từ của quân Nga. Dù lúc đó Juliane không biết rằng, gia đình Hoffman có liên quan tới Thống chế Heinrich Himmler, người đứng đầu Gestapo và lực lượng SS, người chịu trách nhiệm cho hàng triệu cái chết trong các trại tập trung.

Thuốc độc – nhất là cyanua – là cách tự tử được ưa chuộng. Một loại viên nhộng có tên là viên “KCB”, đang có nhu cầu rất lớn. Hợp chất hydrocyanic cô đặc này mạnh tới mức cái chết sẽ đến ngay trong khoảnh khắc – ngay cả mùi của nó cũng có thể gây chết người. Với tính lo xa của người Đức, một số cơ quan chính phủ đã sản xuất một lượng lớn thuốc ở Berlin.

Các thành viên của đảng Nazi, các quan chức cao cấp, những người đứng đầu các cơ quan nhà nước và thậm chí cả những công chức cấp thấp hơn có thể kiếm được thuốc độc cho bản thân, gia đình và bạn bè họ mà chẳng mấy khó khăn. Các bác sĩ, người bán thuốc, nha sĩ và nhân viên nhà máy cũng có thể tiếp cận với các loại thuốc viên hoặc thuốc con nhộng. Một số họ thậm chí còn làm tăng hiệu lực của thuốc. Bác sĩ Rudolf Huckel, giáo sư khoa bệnh lý học ở đại học Berlin và là nhà bệnh lý học về ung thư nổi tiếng nhất thành phố, đã thêm axit acetic vào viên nhộng cyanua của mình và vợ. Ông bảo đảm với bà là khi họ cần dùng đến, axit acetic sẽ làm chất độc phát tác nhanh hơn.

Một số người dân Berlin, không thể tìm được cyanua tác dụng nhanh, bắt đầu tích trữ thuốc ngủ hoặc các dẫn xuất của cyanua. Diễn viên hài Heinz Ruhmann, thường được gọi là *“Danny Kaye của nước Đức”*, lo sợ cho tương lai của người vợ xinh đẹp là diễn viên Hertha Feiler và đưa con trai bé nhỏ của hai người đến mức ông đã giấu một lọ thuốc chuột trong bình hoa, phòng khi cần.

Cựu đại sứ của Nazi tại Tây Ban Nha, trung tướng đã về hưu Wilhelm Faupel, định độc chết mình và vợ bằng cách dùng thuốc quá liều. Viên

tướng này bị bệnh tim. Những khi lên cơn, ông dùng một liều thuốc kích thích có chứa mao địa hoàng. Ông Faupel biết là dùng thuốc quá liều sẽ khiến tim ngừng đập và nhanh chóng kết thúc mọi chuyện. Ông thậm chí còn để dành thuốc đủ cho mấy người bạn.

Với những người khác, một viên đạn nhanh gọn có vẻ là cái kết tốt nhất và dửng dưng nhất. Nhưng một số phụ nữ, đông đến kinh ngạc, đa phần ở tuổi trung niên, lại chọn cách đâm máu nhất – dùng dao cạo. Trong gia đình Ketzler ở Charlottenburg, bà Gertrud, 42 tuổi, bình thường là một phụ nữ vui vẻ, giờ luôn mang theo một lưỡi dao cạo trong ví – cũng giống chị gái và mẹ chồng của bà. Bạn của bà Gertrud, Inge Ruhling, cũng có một lưỡi dao cạo, và hai người phụ nữ lo lắng thảo luận cách nào để chết hiệu quả hơn – cắt ngang cổ tay hay rạch theo chiều dọc động mạch.

Luôn luôn có một cơ hội sẽ khiến người ta không cần thực hiện các biện pháp quyết liệt ấy. Phần lớn người dân Berlin vẫn trông chờ vào một tia hi vọng cuối cùng. Quá khiếp sợ Hồng quân, phần đông dân cư, nhất là phụ nữ, mãnh liệt mong rằng liên quân Anh-Mỹ sẽ chiếm được Berlin.

Đã gần trưa. Đằng sau phòng tuyến của quân Nga, ở thành phố Bromberg, đội trưởng Sergei Ivanovich Golbov mở đôi mắt lơ đãng nhìn quanh căn phòng khách rộng lớn xa hoa trong căn hộ nằm ở tầng ba mà anh và hai đồng đội Hồng quân khác vừa mới “giải phóng”. Golbov và hai người đồng đội đang vui vẻ say sưa. Hàng ngày, họ lái xe từ trụ sở ở Bromberg đến mặt trận cách đó 90 dặm để nhận tin tức, nhưng vào lúc này mọi thứ quá yên tĩnh; chả có gì nhiều mà báo cáo cho tới khi cuộc tấn công Berlin bắt đầu. Trong lúc đó, sau nhiều tháng lăn lộn ngoài chiến trường, anh chàng Golbov 25 tuổi đẹp trai đang hết sức vui vẻ.

Cầm chai rượu trong tay, anh đứng đó ngắm nhìn đồ nội thất sang trọng. Anh chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì giống vậy. Những bức tranh nặng nề đóng trong khung bằng vàng tô điểm các bức tường. Cửa sổ có rèm viền sa tanh. Đồ nội thất được phủ vải thêu kim tuyến đắt tiền. Sàn nhà trải thảm

Thổ Nhĩ Kỳ dày cộp, và những chùm đèn treo to đùng treo trên phòng khách và phòng ăn ở bên cạnh. Golbov khá chắc chắn rằng căn hộ này hẳn phải thuộc về một gã Nazi cao cấp.

Có một cánh cửa nhỏ để khép hờ ở cuối phòng khách. Golbov đẩy cửa ra và thấy đó là phòng tắm. Một đảng viên Nazi mặc đồng phục đầy đủ đã treo cổ bằng một sợi dây thừng móc lên tường. Golbov nhìn lướt qua cái xác. Anh đã thấy hàng nghìn xác chết của dân Đức, nhưng cái xác chết treo này có vẻ lộ bịch. Golbov gọi đồng đội đến, nhưng họ đang vui vẻ quá mức trong phòng ăn nên chẳng thể đáp lời. Họ đang ném mấy món đồ pha lê của Đức và Venice lên chùm đèn treo – và ném vào nhau.

Golbov quay trở lại phòng khách, định ngồi xuống cái ghế sofa dài nằm ở đằng kia – nhưng giờ anh thấy nó đã có người chiếm chỗ. Một xác chết phụ nữ, mặc bộ đầm dài kiểu Hy Lạp có tua rua quanh eo, nằm dài trên ghế. Cô còn khá trẻ, và đã chuẩn bị cho cái chết khá cẩn thận. Tóc cô được thắt bím và để trên vai. Đôi tay chắp trước ngực. Hớp một ngụm, Golbov ngồi xuống một cái ghế bành và ngắm cô. Đằng sau anh, tiếng cười và tiếng thủy tinh vỡ trong phòng ăn vẫn tiếp tục vang lên. Cô gái này có lẽ mới ngoài đôi mươi, và Golbov đoán có thể là cô đã uống thuốc độc, đôi môi cô tái xanh.

Đằng sau chiếc sofa nơi cô nằm là một cái bàn có để mấy khung ảnh bằng bạc – bọn trẻ đang mỉm cười cùng với một đôi vợ chồng trẻ, có lẽ là ba mẹ chúng, và một cặp vợ chồng già. Golbov nghĩ về gia đình mình.

Khi Leningrad bị bao vây, ba mẹ anh, sắp chết đói tới nơi, đã cố nấu súp từ một loại dầu công nghiệp. Nó giết chết cả hai người họ. Một người anh trai bị giết từ những ngày đầu tiên của cuộc chiến. Người còn lại, Mikhail 34 tuổi, một thủ lĩnh dân quân, đã bị bọn SS bắt, bị trói vào cột và đem thiêu sống. Cô gái nằm trên sofa này đã chết khá yên bình, Golbov nghĩ. Anh nốc một ngụm lớn, bước lên sofa và túm lấy cái xác. Anh bước tới ô cửa sổ đang đóng. Đằng sau anh, giữa tiếng cười chói tai, chùm đèn treo trong phòng ăn rớt xuống đất đánh rầm một tiếng. Golbov làm vỡ khá nhiều kính khi anh quăng cái xác của cô gái thẳng qua cửa sổ.

4

Hầu như ngày nào người dân Berlin cũng muốn đắm bọn thả bom, thường xuyên phải đau lòng khi gia đình, người thân hoặc bạn bè đã qua đời trong các cuộc không kích hoặc hy sinh ngoài chiến trường, giờ họ nói về người Anh và người Mỹ đầy nồng nhiệt, xem đó là “*giải phóng quân*” chứ không phải bọn xâm lăng. Đó là một trạng thái đối lập kỳ lạ và suy nghĩ này dẫn tới nhiều kết quả khiến người ta phải tò mò.

Maria Kockler, người dân quận Charlottenburg, không muốn tin là người Anh và người Mỹ sẽ để Berlin rơi vào tay người Nga. Bà thậm chí còn muốn hỗ trợ quân Đồng minh phương Tây. Bà nội trợ 45 tuổi có mái tóc muối tiêu nói với bạn bè rằng bà “*sẵn sàng ra ngoài và chiến đấu chống lại Hồng quân cho tới khi ‘những người bạn’ đến được đây.*”

Nhiều người Berlin chống lại nỗi sợ bằng cách nghe đài BBC và ghi chép lại từng diễn biến của cuộc chiến ở mặt trận phía Tây đang tan tành tới nơi – như thể đang dõi theo bước tiến của một đoàn quân Đức thắng trận đang trên đường giải phóng Berlin.

Giữa những đợt không kích, hàng đêm cô kế toán Margarete Schwarz ở với mấy người hàng xóm, tỉ mỉ dự tính đà tiến quân của liên quân Anh-Mỹ qua miền tây nước Đức. Với cô, đoàn quân tiến thêm một dặm có nghĩa là giải phóng gần thêm một bước. Liese-Lotte Ravene cũng nghĩ vậy. Cô dành hầu hết thời gian ở lì trong căn hộ chất đầy sách của mình ở Tempelhof để cẩn thận đánh dấu bước tiến mới nhất của quân Mỹ lên một tấm bản đồ lớn rồi mãnh liệt mong những người bạn mau đến. Cô Ravene không muốn nghĩ tới chuyện gì có thể xảy ra nếu quân Nga đến trước. Cô là một người tàn tật một nửa – với mấy chiếc vòng thép đặt quanh hông và chạy dài dọc chân phải.

Hàng nghìn người chắc chắn rằng những người bạn sẽ đến được Berlin

trước. Niềm tin của họ có vẻ hơi trẻ con – mơ hồ không rõ ràng. Cô Annemaria Huckel, có chồng là bác sĩ, bắt đầu xé mấy lá cờ Nazi cũ để dùng làm băng cứu thương cho cuộc chiến vĩ đại mà cô mong sẽ xảy ra vào cái ngày quân Mỹ đến. Brigitte Weber, 20 tuổi, người dân quận Charlottenburg, một cô vợ trẻ vừa kết hôn được 3 tháng, chắc chắn rằng quân Mỹ đang đến và cô nghĩ mình biết họ định sống ở đâu. Brigitte nghe nói là người Mỹ có mức sống cao và thích những thứ đồ tốt. Cô dám cá họ đã cẩn thận chọn quận Nikolassee giàu có.

Hầu như chả có quả bom nào rơi xuống đó. Những người khác, dù hy vọng điều tốt đẹp nhất, nhưng vẫn chuẩn bị cho cái tồi tệ nhất. Pia van Hoeven, bằng một cái đầu tỉnh táo, cùng với mấy người bạn của cô là Ruby và Eberhard Borgmann đã miễn cưỡng đưa ra kết luận rằng chỉ có phép màu mới ngăn quân Nga không tới được Berlin trước. Vì thế, họ nhảy cẫng lên khi được Heinrich Schelle, một người bạn thân vui tính có đôi má béo phệ mời tới ở cùng cả nhà anh khi cuộc chiến chiếm thành phố bắt đầu. Schelle quản lý nhà hàng Gruban-Souchay, một trong những quán rượu và nhà hàng nổi tiếng nhất Berlin, nằm ở tầng trệt bên dưới căn hộ của gia đình Borgmann. Anh đã biến một căn hầm của mình thành một chỗ trú ẩn lộng lẫy, trang bị thảm trải sàn kiểu phương Đông, quần áo và đồ dự trữ để cầm cự trong cuộc bao vây. Thức ăn chẳng có gì ngoài khoai tây và cá ngừ hộp, nhưng lại có cả đồng rượu của Pháp và Đức thuộc hàng ngon và hiếm nhất trong hầm rượu bên cạnh – chưa kể rượu cognac Hennessy và hàng lốc thùng sâm banh. Anh nói với họ, *“Trong khi chúng ta chờ đợi Chúa biết chuyện gì, ít ra ta vẫn có thể sống thoải mái.”* Rồi anh thêm: *“Nếu hết nước thì còn có sâm banh.”*

Bà Biddy Jungmittag, 41 tuổi và là mẹ của hai đứa con gái, nghĩ rằng những gì người ta nói về chuyện người Anh và người Mỹ sắp tới thật là *“quá sức nhảm nhí”* – nguyên văn lời bà nói. Sinh ra ở Anh rồi kết hôn với một người Đức, bà biết đảng Nazi quá rõ. Chồng bà bị tình nghi là thành viên của một nhóm kháng chiến người Đức, đã bị xử tử 5 tháng trước. Bà nghĩ đảng Nazi sẽ chiến đấu dữ dội chống lại quân Đồng minh phương Tây cũng như chống lại quân Nga, và chỉ cần liếc qua bản đồ là đủ thấy khả

năng quân Anh-Mỹ đến được Berlin trước thấp hơn hẳn quân Nga. Nhưng dù Hồng quân sắp đến thì bà Biddy cũng không quá lo sợ. Họ sẽ không dám đụng tới bà. Theo lối suy nghĩ tình tế của người Anh, bà Biddy định cho những người Nga đầu tiên bà gặp xem tấm hộ chiếu quốc tịch Anh cũ của mình.

Có những người thấy không cần dùng giấy tờ để bảo vệ mình. Họ không chỉ nghĩ rằng quân Nga sẽ đến mà họ đang mong chờ được chào mừng quân Nga. Đó sẽ là khoảnh khắc ước ao mà những nhóm nhỏ người Đức đã hoạt động và lên kế hoạch suốt cuộc đời mình để biến giấc mơ thành hiện thực. Bị Gestapo và hình cảnh truy lùng và tấn công liên tục, một vài phần tử cứng cựa vẫn sống sót bằng cách nào đó. Đảng Cộng sản Đức và những người ủng hộ đang chờ vị cứu tinh từ phương Đông đến trong tâm trạng phấn khởi.

Dù hết lòng muốn lật đổ chủ nghĩa Hitler, những người cộng sản ở Berlin bị phân tán quá mức nên hiệu quả hoạt động của họ - đối với quân Đồng minh phương Tây, ở mức độ nào đó - là rất nhỏ. Tổ chức Cộng sản bí mật quả thật có tồn tại, nhưng chỉ nhận lệnh từ Moscow và hoạt động trong mạng lưới tình báo Soviet.

Hildegard và Eddy đã sống chung từ năm 1939. Họ đã sống bí mật ở Prieros trong gần 10 tháng. Hildegard nằm trong danh sách truy nã của Nazi, nhưng cô đánh lừa được Gestapo hết lần này đến lần khác. Vấn đề lớn nhất của cô, cũng giống như những người cộng sản khác trong vùng, là thực phẩm. Kiểm được tem phiếu khẩu phần cũng có nghĩa là bị lộ và bị bắt ngay lập tức. Thật may là Eddy dù là một người ủng hộ cộng sản nhưng lại không bị truy nã và có khẩu phần quy định hàng tuần.

Nhưng khẩu phần đạm bạc ấy còn chẳng đủ cho một người ăn (*Tờ báo chính thức của đảng Nazi, tờ Völkischer Beobachter, đăng rằng khẩu phần một tuần của người lớn là 4,25 pound bánh mì; 2 pound thịt và xúc xích; 5 ounce mỡ; 5 ounce đường; và mỗi 3 tuần có 2,25 ounce phô mai và nửa ounce cà phê loại ha*). Thông thường, hai người phụ nữ có thể kiếm đủ đồ ăn bằng cách mua bán thận trọng từ chợ đen, nhưng giá cả cực kỳ đắt đỏ - chỉ riêng cà phê đã có giá 100 đến 200 đô-la một pound. Hildegard luôn bận

tâm với hai ý nghĩ thường trực: Thực phẩm và Hồng quân đến giải phóng. Nhưng chờ đợi thật khó khăn, chỉ sống sót không thôi cũng ngày càng khó hơn trong những tháng qua – như cô ghi lại trong nhật ký một cách có hệ thống.

Ngày 13/2/1945, cô viết: “Đã đến lúc quân Nga cần đến đây ngay... bọn chó săn vẫn chưa bắt được tôi.”

Ngày 18/2: “Không có báo cáo nào từ Zhukov về mặt trận Berlin kể từ ngày 7/2 và chúng tôi đang rất mong chờ họ đến. Đến đây mau lên, các đồng chí, các bạn đến đây càng sớm thì chiến tranh càng nhanh kết thúc.”

Ngày 24/2: “Hôm nay đến Berlin. Uống cà phê trong bình thủy; một miếng bánh mì khô. Có ba người đàn ông cứ nhìn tôi nghi ngờ trong suốt chuyến đi. Thật dễ chịu khi có Eddy bên cạnh. Chẳng kiếm được gì để ăn nữa. Eddy đã đi nhận thuốc lá bằng tấm tem phiếu mua được ngoài chợ đen – được 10 điếu thuốc lá. Trong cửa hàng còn không đủ, nên cô ấy nhận được năm điếu. Cô ấy hi vọng có thể đổi một chiếc áo đầm lụa và hai đôi tất dài lấy thứ gì dùng được. Nhưng chẳng ích gì. Đến bánh mì chợ đen cũng không còn nữa.”

Ngày 25/2: “Đã hết ba điếu thuốc lá. Vẫn chưa có liên lạc gì từ Zhukov. Cả Koniev cũng không.”

Ngày 27/2: “Tôi bắt đầu lo lắng vì phải chờ đợi thế này. Một người đang làm việc trong lo lắng mà lại bị nhốt ở đây thì thật là tai họa.”

Ngày 19/3: “Một bữa trưa tuyệt vời – khoai tây với muối. Bữa tối ăn bánh kẹp khoai tây chiên bằng dầu gan cá tuyết. Vị không cay lắm.”

Bây giờ, vào ngày đầu tiên của mùa xuân, Hildegard vẫn đang chờ đợi và nhật ký của cô viết rằng “gần phát điên vì chuyện kiếm đồ ăn.” Vẫn chẳng có báo cáo gì từ mặt trận của quân Nga. Tất cả những chuyện cô có thể tìm để viết vào nhật ký là “những cơn gió đang xua mùa đông đi khỏi những cánh đồng và bãi cỏ. Hoa giọt tuyết đang ra bông. Mặt trời tỏa nắng rực rỡ và khí trời thật ấm áp. Những cuộc không kích thường lệ... qua tiếng nổ, có thể đoán là máy bay đang đến gần chỗ chúng tôi.”

Và sau đó cô nhận thấy quân Đồng minh phương Tây đang ở bên bờ sông Rhine và theo như cô đoán, có thể “tới được Berlin trong vòng 20

ngày,” cô cay đắng viết rằng người dân Berlin “mong những kẻ đến từ các nước tư bản đến hơn.” Cô hi vọng là người Nga sẽ nhanh chóng đến, và Zhukov sẽ tấn công vào lễ Phục Sinh.

Cách Prieros khoảng 25 dặm về phía bắc, ở Neuenhagen thuộc rìa phía đông Berlin, một nhóm Cộng sản khác đang chờ đợi trong kiên định. Những thành viên của nó cũng đang sống trong nỗi lo sợ thường trực về việc bắt bớ và chết chóc, nhưng họ giỏi chiến đấu và được tổ chức tốt hơn những người đồng chí ở Prieros, và họ còn may mắn hơn nữa: họ chỉ cách sông Oder có 35 dặm và biết rằng nơi họ ở sẽ là một trong những quận đầu tiên bị chiếm.

Những thành viên trong nhóm đã làm việc hàng đêm ngay trước mũi Gestapo để chuẩn bị một kế hoạch hoàn hảo cho ngày giải phóng. Họ biết tên và nơi ở của mọi đảng viên Nazi, quan chức SS và Gestapo trong vùng. Họ biết ai sẽ hợp tác còn ai thì không. Một số người được đánh dấu là cần bị bắt ngay, những người khác sẽ bị trừ khử. Nhóm này được tổ chức tốt đến mức họ thậm chí còn lên kế hoạch quản lý thành phố nhỏ này trong tương lai.

Mọi thành viên trong nhóm đều đang lo âu chờ đợi quân Nga đến, chắc chắn rằng những đề nghị của mình sẽ được chấp nhận. Nhưng không ai lo lắng hơn Bruno Zarzycki được. Ông đang bị mấy vết loét hành hạ tới mức không nuốt nổi gì, nhưng ông cứ nói là mấy vết loét sẽ biến mất vào ngày Hồng quân đến, ông biết thế.

Thật khó tin, trên khắp Berlin, trong những căn phòng ngủ và phòng để đồ nhỏ tí, trong những căn hầm ẩm ướt và gác xép thiếu khí, một số nạn nhân bị Nazi tra tấn dữ dội nhất và có lòng căm thù sâu nhất đang kiên trì bám víu cuộc sống và chờ đợi cái ngày họ có thể thoát khỏi cảnh trốn tránh. Họ không quan tâm ai sẽ tới trước, miễn có người tới là được, và nhanh một chút. Một số sống thành nhóm 2-3 người, một số sống chung cả gia đình, và thậm chí có cả những cộng đồng nhỏ. Phần lớn bạn bè tưởng họ đã chết – và trên một mặt nào đó thì đúng là vậy. Có những người đã nhiều năm liền không được thấy mặt trời, hoặc chưa được dạo bước trên đường phố Berlin.

Họ không được để bị ốm vì điều đó có nghĩa là cần gặp bác sĩ, những

câu hỏi ngay lập tức sẽ xuất hiện và có thể bị lộ. Ngay cả trong những đợt không kích dữ dội nhất họ cũng ở yên trong chỗ trốn, vì họ có thể bị nhận diện ngay lập tức trong các hầm trú ẩn. Họ duy trì sự bình tĩnh lạnh lùng, vì từ lâu họ đã học cách không còn sợ hãi. Họ còn giữ được mạng là nhờ khả năng dập tắt gần như mọi cảm xúc. Họ tháo vát, ngoan cường và sau sáu năm chiến tranh và gần 13 năm sống trong lo sợ và phiền nhiễu ngay giữa thủ đô của Đế chế Đức của Hitler, gần 3000 người trong số họ vẫn sống sót. Những chuyện họ đã làm là một bằng chứng về lòng can đảm của một lượng lớn những người theo đạo Cơ Đốc của thành phố, không một ai trong số họ từng nhận được sự công nhận tương xứng vì đã bảo vệ những kẻ bị khinh ghét nhất của trật tự xã hội mới – người Do Thái.^[3]

Siegmund và Margarete Weltlinger, đều đã gần 60, đang ẩn nấp trong một căn hộ nhỏ ở tầng trệt trong quận Pankow. Một gia đình theo dòng Christian Science, gia đình nhà Mohring, đã liều mạng che giấu họ. Ở đây khá đông đúc. Vợ chồng nhà Mohring, hai đứa con gái và vợ chồng Weltlinger cùng sống chung trong một căn hộ hai phòng. Nhưng gia đình Mohring vẫn chia sẻ khẩu phần của họ và những thứ khác với vợ chồng Weltlinger và chẳng bao giờ phàn nàn gì. Hai vợ chồng Weltlinger chỉ dám ra ngoài một lần trong nhiều tháng liền: bà Margarete bị đau răng, buộc họ phải đi ra ngoài, và vị nha sĩ nhỏ nhắn đã chấp nhận lời giải thích của bà Margarete rằng bà là “*một bà chị họ ghé thăm.*”

Họ đã gặp may cho tới tận năm 1943. Dù ông Siegmund bị đuổi khỏi thị trường chứng khoán năm 1938, không lâu sau ông lại được giao nhiệm vụ đặc biệt trong Cục Cộng đồng Do Thái ở Berlin.

Trong những ngày đó, dưới sự lãnh đạo của Heinrich Stahl, Cục chuyên đăng ký tài sản của người Do Thái; sau đó Cục cố gắng thương lượng với đảng Nazi để giảm bớt những khốn khổ của người người Do Thái trong trại tập trung. Stahl và Weltlinger biết rằng việc Cục bị đóng cửa chỉ là chuyện sớm muộn – nhưng họ vẫn can đảm tiếp tục công việc.

Và rồi, vào ngày 28/2/1943, Gestapo đóng cửa Cục. Stahl mất tích trong trại tập trung Theresienstadt còn vợ chồng Weltlinger thì bị ra lệnh dời đến

một “căn nhà Do Thái” có 60 gia đình ở Reinickendorf. Hai vợ chồng ở lại Reinickendorf đến đêm. Sau đó họ bỏ Ngôi sao David ra khỏi áo khoác rồi biến mất trong màn đêm. Kể từ đó, họ sống với gia đình Mohring.

Hai năm nay, thế giới bên ngoài đối với họ chỉ là một mảnh bầu trời bị vây giữa các tòa nhà – cùng với một cái cây duy nhất mọc giữa mảnh sân trong tối tăm nằm đối diện với cửa sổ phòng bếp của căn hộ.

Cái cây đã trở thành một cuốn lịch trong những ngày bị giam hãm của họ. Bà Margarete nói với chồng, “Mình đã thấy cây nở hoa trong tuyết hai lần, thấy lá ngả sang nâu hai lần, và giờ nó lại ra hoa lần nữa.” Bà đang tuyệt vọng. Liệu họ có phải ẩn nấp thêm một năm nữa không? Bà nói với chồng, “Có lẽ Chúa đã bỏ rơi chúng ta.”

Ông Siegmund an ủi bà. Họ có nhiều lý do để sống: hai đứa con – một con gái 17 tuổi và con trai 15 tuổi – đang ở Anh. Hai vợ chồng không gặp lại con từ lúc ông Siegmund đưa chúng ra khỏi nước Đức năm 1938. Ông mở cuốn Kinh thánh ra bài Thánh thi thứ 91 và chậm chậm đọc: “Dù tả hữu có ngàn người quy ngã, dù hai bên có chết cả vạn người, riêng phần bạn, tuyệt nhiên không hề hấn.” Tất cả những gì họ có thể làm là chờ đợi. Ông nói với vợ: “Chúa ở bên chúng ta. Hãy tin tôi, ngày giải phóng đang ở rất gần.”

Năm ngoái, hơn 4.000 người Do Thái đã bị Gestapo bắt trên các đường phố Berlin. Nhiều người trong số đó đã liệu trước nguy cơ bị phát hiện vì hết chịu nổi cảnh giam hãm.

Hans Rosenthal, 20 tuổi, vẫn đang trốn ở Lichtenberg, đã quyết định sẽ ra ngoài. Anh đã ở 26 tháng trong một căn buồng không đầy 1,8m bề dài và 1,5m bề rộng. Thực tình thì nó là một cái chuồng gia súc nhỏ sau lưng một căn nhà của một người bạn cũ của mẹ Hans. Sự tồn tại của Rosenthal cho tới bây giờ là một mối nguy hiểm. Ba mẹ anh đã chết và lúc 16 tuổi anh bị đưa vào một trại lao động.

Tháng 3/1945, anh trốn thoát và bắt một chuyến tàu tới Berlin, tá túc chỗ người bạn của mẹ mình mà không có giấy tờ gì. Ở chỗ trú ẩn giống căn buồng giam của anh không có nước và ánh sáng, và cách duy nhất để đi vệ sinh là dùng một cái xô kiểu cũ. Anh đổ cái xô vào ban đêm giữa các cuộc

không kích, thời điểm duy nhất anh dám ra khỏi chỗ trốn. Trừ một cái ghế dài, căn buồng trống không. Nhưng Hans có một cuốn Kinh thánh, một cái radio nhỏ và một tấm bản đồ được đánh dấu cẩn thận treo trên tường. Dù hi vọng quân Đồng minh phương Tây sẽ đến, nhưng anh thấy có vẻ quân Nga sẽ chiếm được Berlin.

Điều đó làm anh lo lắng, dù nó có nghĩa là anh sẽ được giải thoát. Nhưng anh tự an ủi mình bằng cách nói đi nói lại, “Mình là một người Do Thái. Mình đã sống sót khỏi bọn Nazi và mình cũng sẽ sống sót trước Stalin.”

Cũng ở quận này, tại khu Karlshorst, Joachim Lipschitz sống trong một căn hầm dưới sự bảo vệ của Otto Kruger. Thường thì trong căn hầm của nhà Kruger khá yên tĩnh nhưng đôi khi Joachim nghĩ anh có nghe tiếng súng của quân Nga nổ xa xa. Âm thanh đó rất khê, nghe như tiếng khán giả vỗ tay một cách buồn chán với bàn tay đeo găng. Anh nghĩ đó chắc là do mình tưởng tượng ra – quân Nga phải ở rất xa đây mới đúng.

Anh vốn chẳng lạ gì tiếng đại bác Nga. Là con trai của một bác sĩ Do Thái và một bà mẹ Cơ Đốc, anh bị đưa vào lực lượng vũ trang Wehrmacht. Năm 1941, ở mặt trận phía đông, anh bị mất một cánh tay ngoài chiến trường. Nhưng việc phục vụ cho nước Đức cũng không cứu được anh khỏi cái tội sinh ra với dòng máu Do Thái. Tháng 4/1944, anh bị lên danh sách cho vào trại tập trung. Anh đã lẩn trốn từ lúc đó.

Joachim, 27 tuổi, tự hỏi điều gì sẽ xảy ra khi cao trào của cuộc chiến đang đến gần, Hàng đêm, cô con gái cả của gia đình Kruger là Eleanore lại đi xuống hầm để thảo luận tình hình bên ngoài với anh. Họ đã yêu nhau từ năm 1942 và do không hề giấu diếm mối quan hệ này mà Eleanore đã bị loại khi nộp đơn vào một trường đại học vì có liên hệ với một người “không xứng đáng.” Giờ hai người chỉ mong chờ cái ngày họ có thể cưới nhau.

Eleanore tin rằng Nazi trắng tay về mặt quân sự và sự sụp đổ sẽ đến rất nhanh. Joachim thì tin điều ngược lại: người Đức sẽ chiến đấu tới cùng và Berlin chắc chắn sẽ biến thành bãi chiến trường – có lẽ sẽ là một trận Verdun khác. Họ cũng bất đồng ý kiến về việc quân nào sẽ chiếm được thành phố. Joachim nghĩ là quân Nga, còn Eleanore lại cho là quân Anh-

Mỹ. Nhưng Joachim nghĩ rằng họ nên dần chuẩn bị cho cả hai khả năng. Vậy nên Eleanore đang học tiếng Anh còn Joachim thì học tiếng Nga.

Không ai mong chờ Berlin sụp đổ trong thống khổ hơn Leo Sternfeld, vợ ông Agnes và cô con gái 23 tuổi của họ, Annemarie. Gia đình Sternfeld không phải lẩn trốn, vì họ theo đạo Tin Lành. Nhưng mẹ của ông Leo là người Do Thái, nên ông bị Nazi xem là có một nửa dòng máu Do Thái. Kết quả là ông Leo và cả nhà đã sống trong thắc thỏm suốt cuộc chiến, vì bọn Gestapo cứ chơi trò mèo vờn chuột với họ. Họ được cho phép sinh sống ở nơi mình muốn, nhưng nỗi lo bị bắt cứ treo lơ lửng trên đầu.

Chiến tranh càng đến gần thì mối họa ấy ngày càng lớn, và ông Leo phải cố hết sức mới giữ vững tinh thần cho vợ con. Đêm qua, một quả bom đã phá hủy bưu điện gần đó, nhưng ông Leo vẫn còn đùa về chuyện này được. Ông nói với vợ, “Bà sẽ chẳng cần đi xa để gửi thư nữa. Bưu điện giờ nằm ngay bên bậc thềm chứ đâu.”

Khi ông rời khỏi căn nhà ở Tempelhof vào buổi sáng tháng ba này, Leo Sternfeld, một cựu doanh nhân giờ bị Gestapo buộc phải làm người lượm rác, biết rằng mình đã trì hoãn việc thực thi kế hoạch quá muộn.

Họ không thể rời khỏi Berlin, và cũng chẳng còn thì giờ cho việc đi trốn nữa. Nếu Berlin mà không bị chiếm trong vài tuần tới thì họ coi như tiêu. Ông Leo đã nghe nói là Gestapo định bắt hết tất cả những ai có chút huyết thống Do Thái trong người vào ngày 19/5.

Cách đó khá xa về phía tây, trong đại bản doanh của Quân đoàn 2 của Anh ở Walbeck, gần biên giới với Hà Lan, vị quân y cao cấp, Chuẩn tướng Hugh Glyn Hughes đang cố đoán trước những vấn đề y tế mà ông có thể phải đương đầu trong vài tuần tới – đặc biệt là khi họ tới được Berlin. Trong thâm tâm, ông sợ dịch sốt Rickettsia sẽ bùng nổ.

Đã có một số người dân chạy nạn bằng qua tiền tuyến, và viên trợ lý của ông đã báo cáo rằng họ mang theo rất nhiều loại bệnh truyền nhiễm. Cũng như mọi bác sĩ khác trong mặt trận Đồng minh, Chuẩn tướng Hughes đang

cẩn thận theo dõi các diễn biến; một bệnh dịch nghiêm trọng có thể biến thành thảm họa.

Ông khẽ vuốt râu và tự hỏi phải đối phó với dân chạy nạn làm sao khi mà dòng chảy nhỏ giọt biến thành cơn lũ. Và có Chúa mới biết được họ sẽ tìm thấy thứ gì khi tới được Berlin.

Vị Chuẩn tướng cũng lo lắng về một vấn đề liên quan khác: các trại tập trung và trại lao động. Họ thu được một số thông tin về những trại này qua các nước trung lập, nhưng chẳng ai biết các khu trại này được điều hành ra sao, chứa bao nhiêu người trong đó hay điều kiện sống ở đó như thế nào. Giờ đây có vẻ như Quân đoàn 2 sẽ là đoàn quân đầu tiên băng qua một khu trại tập trung.

Trên bàn làm việc của ông có một bản báo cáo rằng có một trại tập trung nằm ngay trên đường tiến quân của họ, ở phía bắc Hannover. Chẳng có thông tin gì khác về nó.

Chuẩn tướng Hughes băn khoăn không biết họ sẽ tìm thấy những gì. Ông hi vọng người Đức sẽ chứng tỏ sự cẩn thận thường thấy của mình về mặt y tế, và tình hình y tế ở đó vẫn nằm trong vòng kiểm soát. Ông chưa bao giờ nghe nói tới nơi đó. Chỗ đó gọi là Belsen.

5

Đội trưởng Hekmuth Cords, 25 tuổi, một cựu chiến binh ở mặt trận Nga, từng được trao huân chương Thập Tự Sắt vì lòng dũng cảm. Anh đang bị giam ở Berlin – và có lẽ anh sẽ không sống nổi đến lúc được thấy chiến tranh kết thúc. Đội trưởng Cords là thành viên của một nhóm tình nguyện - một nhóm nhỏ sống sót trong số 7.000 người Đức bị bắt vì âm mưu ám sát Hitler tám tháng trước, vào ngày 20/7/1944.

Hitler đã điên cuồng trút giận đầy tàn bạo; gần 5.000 người bị tình nghi đã bị xử tử, dù có tội hay không. Nhiều gia đình đã bị xóa sổ. Hễ ai có dính líu tới mưu phạm đều bị bắt và hầu hết bị xử tử. Họ bị giết theo một cách do chính Hitler nghĩ ra. Ông ta ra lệnh, “Chúng phải bị treo lên như bọn gia súc.” Những kẻ đầu đảng bị treo lên đúng y như thế - bằng móc treo thịt. Đa số bọn họ bị treo lên bằng dây đàn piano thay vì dây thừng.

Bây giờ, ở Cánh B của Nhà tù Lehrterstrasse có hình ngôi sao, nhóm mưu phạm cuối cùng đang chờ đợi. Họ đều thuộc phe bảo thủ và cộng sản; họ là các sĩ quan quân đội, bác sĩ, giáo sĩ, giáo sư đại học, nhà văn, cựu nghị sĩ, công nhân và nông dân. Một số họ không biết sao mình lại bị giam; họ chưa bao giờ bị phán tội chính thức. Một số ít đã được xét xử, và đang chờ tái thẩm. Một số người đã thực sự được chứng minh là vô tội, nhưng vẫn còn bị giam. Những người khác được xét xử vờ vịt, bị tuyên án tội vàng, và đang chờ hành quyết. Không ai biết chính xác có bao nhiêu tù nhân ở Cánh B – một số người đoán có khoảng 200, người lại bảo không đầy 100. Chẳng có cách nào đếm được. Mỗi ngày đều có tù nhân bị đưa đi, và không bao giờ còn nhìn thấy họ. Tất cả đều tùy thuộc vào ý thích bất chợt của một người: thủ lĩnh Gestapo, Thống chế lực lượng SS Heinrich Muller. Những người bị tổng giam chẳng trông đợi chút lòng nhân từ nào từ ông ta. Cho dù quân Đồng minh có tới ngay cổng trại giam, họ tin là Muller

vẫn sẽ tiếp tục cuộc tàn sát.

Cords nằm trong số những người vô tội. Vào tháng 7/1944, anh đang trú quân ở Bendlerstrasse, làm một sĩ quan cấp thấp trong ban tham mưu của Tham mưu trưởng quân dự bị, Đại tá Claus Graf von Stauffenberg. Chỉ có một vấn đề về vị trí phân công này, mà sau này mới biết: vị đại tá 36 tuổi có bề ngoài khác người này – anh chỉ còn một cánh tay và đeo một miếng băng đen trên mắt trái – là nhân vật chủ chốt trong âm mưu ngày 20/7, người tình nguyện đi giết Hitler.

Ở trụ sở của Quốc trưởng tại Rastenburg, Đông Phổ, trong một cuộc họp quân sự dài lê thê của Hitler, Von Stauffenberg đã đặt một chiếc cặp tài liệu có chứa một quả bom hẹn giờ dưới tấm bản đồ dài gần chỗ Hitler đứng. Vài phút sau khi Von Stauffenberg chuồn ra khỏi phòng để quay về Berlin, quả bom phát nổ. Thật kỳ diệu là Hitler sống sót trong vụ nổ. Vài giờ sau ở Berlin, Von Stauffenberg, không hề được hưởng một cuộc xét xử chính thức, bị bắn chết ở sân trong của sở chỉ huy Bendlerstrasse cùng với ba nhân vật quân sự chủ chốt khác trong âm mưu này. Những người có dính líu dù rất xa xôi tới anh ta đều bị bắt – trong đó có Helmuth Cords.

Hôn thê của Cords là Jutta Sorge, cháu gái của cựu Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Đức Gustav Stresemann, cũng bị bắt và bỏ tù. Ba mẹ cô cũng vậy. Tất cả bọn họ, kể cả Helmuth Cord, đều bị giam không qua phiên toàn xét xử nào.

Hạ sĩ Herbert Kosney, bị giam ở cùng tòa nhà, thậm chí còn biết về vụ việc ngày 20/7 ít hơn cả Cords. Nhưng Kosney vô ý vướng vào vụ việc. Anh là một thành viên trong nhóm cộng sản kháng chiến, và sự tham gia của anh trong vụ mưu sát chính là đưa một người đàn ông không rõ danh tính đi từ Lichterfelde đến Wannsee.

Dù không phải là một người cộng sản, Herbert đã ở trong nhiều nhóm Soviet bí mật từ 1940. Vào tháng 11/1942, trong khi anh đang công tác ở ngoài Berlin, người anh trai Kurt của anh, một đảng viên của Đảng Cộng sản từ năm 1931, đã mạnh mẽ ngăn Herbert trở lại mặt trận: anh ta đã bắn vào tay Herbert bằng một khẩu súng lục, đưa anh vào một bệnh viện quân sự và giải thích với người ta rằng anh ta phát hiện ra một người lính bị

thương nằm dưới chiến hào. Vụ việc qua trót lọt. Herbert không quay lại chiến trường nữa. Anh được phân tới một tiểu đoàn dự bị ở Berlin và mỗi 3 tháng lại có một giấy chứng nhận y tế mới từ bác sĩ Alnert Olbertz giúp anh chỉ được giao “việc nhẹ.” Bác sĩ Olbertz cũng là thành viên của một nhóm cộng sản kháng chiến.

Chính Olbertz đã khiến Herbert bị bắt giam. Vài ngày sau vụ mưu sát Hitler, Olbertz bảo Herbert đi với anh ta làm một nhiệm vụ vận chuyển gấp. Họ lái một chiếc xe cứu thương, đón một người đàn ông mà Herbert không biết là ai – một sĩ quan cao cấp trong Gestapo, Đại tướng Artur Nebe, Cục trưởng Hình cảnh, đang bị truy nã để thẩm vấn. Một thời gian sau Nebe bị bắt; cả Olbertz và Herbert cũng bị. Olbertz tự tử; Nebe bị xử tử; còn Herbert thì bị một phiên tòa dân sự xét xử và tuyên án tử hình. Nhưng vì anh vẫn còn trong quân đội, nên cần có một phiên tái thẩm của toà án quân sự. Herbert biết đó chỉ là thủ tục cho có – và thủ tục vốn chẳng mấy ý nghĩa đối với thủ trưởng Gestapo Muller. Khi anh nhìn ra ngoài ô cửa sổ phòng giam, Herbert Kosney tự hỏi không biết khi nào mình sẽ bị hành hình.

Cách đó không xa, một người đàn ông khác cũng đang ngồi tự hỏi tương lai sẽ giành cho anh ta điều gì – người đó là anh của Herbert, Kurt Kosney. Anh đã bị Gestapo thẩm vấn nhiều lần, nhưng vẫn không nói gì về các hoạt động cộng sản của mình với chúng. Tất nhiên, anh càng không để lộ điều gì có thể buộc tội em trai mình. Anh rất lo cho Herbert. Chuyện gì đã xảy ra với nó? Hai anh em chỉ cách nhau có mấy buồng giam. Nhưng cả Kurt và Herbert đều không biết họ bị giam ở cùng chung một nhà tù.

Dù không bị giam, một nhóm tù nhân khác cũng đang sống tại Berlin. Phải rời xa gia đình, bị buộc phải bỏ quê hương, họ chỉ có một mong ước – giống như nhiều người khác – là nhanh chóng được giải thoát, bởi ai cũng được. Họ là những lao động nô lệ - đàn ông và phụ nữ đến từ hầu khắp đất nước mà Nazi đã càn quét qua. Họ là người Ba Lan, Czech, Na Uy, Đan Mạch, Hà Lan, Bỉ, Luxembourg, Pháp, Ba Tư và Nga.

Tính tổng cộng, Nazi đã buộc nhập khẩu gần 7 triệu người – gần tương đương với toàn bộ dân số của thành phố New York – để làm việc trong các gia đình và nhà máy của Đức. Một số quốc gia bị bòn rút gần như sạch sẽ:

500.000 người đã bị đưa ra khỏi đất nước Hà Lan nhỏ bé (dân số 10.956.000 người) và 6.000 đến từ Luxembourg bé tí (dân số 296.000 người). Chỉ riêng ở Berlin đã có hơn 100.000 công nhân ngoại quốc – chủ yếu là người Pháp và Nga – làm việc.

Lao động ngoại quốc có trong mọi loại hình công việc có thể tưởng tượng được. Nhiều quan chức Nazi cao cấp đòi các cô gái Nga làm người hầu trong nhà. Các kiến trúc sư có liên quan đến các công trình chiến tranh kiểm những tay vẽ kỹ thuật trẻ tuổi người ngoại quốc làm nhân viên cho văn phòng của mình. Ngành công nghiệp nặng kiểm đủ chỉ tiêu thợ điện, công nhân ngành thép, thợ tiện, công nhân cơ khí và lao động tay nghề thấp từ số người bị bắt giữ này. Các công ty công cộng cung cấp gas, nước và dịch vụ vận tải “thuê” thêm hàng nghìn người – mà gần như không trả lương. Ngay cả sở chỉ huy quân sự Đức ở Bendlerstrasse cũng có phiên chế nhiều nhân công ngoại quốc. Một người Pháp tên Raymond Legathière đã làm việc toàn thời gian ở đây, có trách nhiệm thay các ô kính cửa sổ ngay khi chúng bị bom nổ làm vỡ.

Tình hình nhân công ở Berlin đã trở nên trầm trọng tới mức Nazi công khai coi thường Hiệp định Geneva, dùng tù binh chiến tranh cũng như công nhân ngoại quốc cho các công trình chiến tranh quan trọng. Vì Nga không ký kết Hiệp định, các tù binh Hồng quân bị người Đức sử dụng theo bất kỳ cách nào mà họ thấy là phù hợp. Thực sự thì có chút khác biệt giữa các tù binh chiến tranh với công nhân ngoại quốc. Khi tình hình xấu đi từng ngày, các tù binh bị đưa đi xây các boong-ke chống không kích, giúp xây lại các doanh trại quân đội bị trúng bom và thậm chí là xúc than trong các nhà máy điện công nghiệp. Bây giờ, sự khác biệt duy nhất giữa hai nhóm này là công nhân ngoại quốc được tự do hơn – và ngay cả điều đó cũng còn tùy thuộc vào khu vực và loại hình công việc nữa.

Những người ngoại quốc sống trong các “thành phố” gồm các tòa nhà giống như trại lính bằng gỗ nằm gần, hoặc nằm ngay trong các khu nhà máy; họ ăn cơm trong những khu sảnh chung hỗn độn và mang huy hiệu nhận diện. Một số người quan tâm thì nhắm mắt trước các quy định và cho phép các công nhân ngoại quốc của mình được sống ngoài khu vực, chỉ cần

ở trong Berlin là được. Nhiều người được tự do đi lại trong thành phố, đi xem phim hoặc các nơi giải trí khác, miễn là họ chấp hành giờ giới nghiêm.
[4]

Một số đội canh gác biết chuyện gì sẽ xảy ra nên có thái độ khá thoải mái. Nhiều công nhân ngoại quốc – đôi lúc có cả tù binh chiến tranh – phát hiện ra họ có thể thỉnh thoảng trốn một ngày làm việc. Một lính canh chịu trách nhiệm về 25 người Pháp vào thành phố làm việc hàng ngày bằng tàu điện ngầm, giờ dễ chịu đến mức chả buồn đếm số tù binh xuống xe. Anh ta không quan tâm có mấy người đã bị “lạc” trên đường đi – miễn là mọi người có ở ga tàu điện ngầm Potsdamer Platz vào lúc 6 giờ chiều để lên đường về trại.

Không phải công nhân ngoại quốc nào cũng may mắn như vậy. Hàng nghìn người bị quản chế chặt chẽ, gần như chẳng hề có tự do. Điều này đặc biệt đúng trong các nhà máy của chính phủ hoặc thành phố. Những người Pháp làm việc trong công ty gas ở Marienfelde, nam Berlin có rất ít quyền lợi và được đãi ngộ rất nghèo nàn so với công nhân ở các nhà máy tư nhân. Nhưng ít ra họ vẫn còn tốt hơn chán so với những người những người Nga có cùng số phận. Một người Pháp tên André Bourdeau viết trong nhật ký rằng viên đội trưởng đội lính canh, Fesler, “không bao giờ đưa ai đến trại tập trung,” và để cải thiện khẩu phần ăn, vào mỗi ngày chủ nhật, “cho phép bọn tôi ra đồng để đào một hai củ khoai tây.” Bourdeau vui mừng là mình không phải người đến từ phía Đông: anh viết rằng trại của công nhân Nga “Đông đến khủng khiếp, đàn ông, phụ nữ và trẻ em cùng ở chung một chỗ... hầu hết mọi lúc đồ ăn của họ đều không thể nuốt nổi.” Ở những chỗ khác, trong một số nhà máy tư nhân, công nhân người Nga cũng được ăn uống ngang với những người phương Tây.

Thật kỳ lạ, công nhân phương Tây trên khắp Berlin đều nhận thấy một sự thay đổi của những người Nga, gần như là qua từng ngày. Trong nhà máy hóa chất Schering ở Charlottenburg, người Nga, đáng lý ra phải phấn khởi trước tình hình diễn biến, thì ngược lại, lại rất thất vọng. Đặc biệt là các phụ nữ Ukraine và Belorussia có vẻ khổ sở trước viễn cảnh thành phố

sắp bị đồng bào họ chiếm đóng.

Khi đến đây vào 2-3 năm trước, những người phụ nữ đều mặc bộ quần áo kiểu nông dân đơn giản. Dần dần họ thay đổi, ăn mặc cầu kỳ và kiểu cách hơn. Nhiều người bắt đầu dùng mỹ phẩm lần đầu tiên trong đời. Kiểu tóc và trang phục đã thay đổi đáng kể: các cô gái Nga bắt chước các phụ nữ Pháp và Đức xung quanh họ. Giờ người ta thấy hầu như chỉ sau một đêm họ đã đổi sang quần áo nông dân như cũ. Nhiều công nhân nghĩ rằng họ đoán trước được sự trả thù của những người lính Hồng quân – dù họ bị đưa ra khỏi nước Nga ngoài ý muốn. Rõ ràng là những người phụ nữ nghĩ mình sẽ bị trừng phạt vì đã tây hóa quá mức.

Tinh thần của các công nhân phương Tây đang tăng cao trên khắp Berlin. Ở nhà máy Alkett quận Ruhleben, nơi 2.500 công nhân người Pháp, Bỉ, Ba Lan và Hà Lan làm việc trong các dây chuyền sản xuất xe tăng, ai ai cũng đang lập kế hoạch cho tương lai, trừ người Đức. Đặc biệt là các công nhân Pháp, họ cực kỳ phấn khởi. Họ dành hàng đêm nói chuyện về những bữa ăn phong phú mà họ sẽ ăn ngay khi đặt chân lên nước Pháp, và hát những ca khúc nổi tiếng: bài “Ma Pomme” và “Prospère” của Maurice Chevalier là những bài được yêu thích nhất.

Jean Boutin, một công nhân cơ khí 20 tuổi người Paris, thấy đặc biệt vui vẻ; anh biết mình đang đóng vai trò nhất định trong sự sụp đổ của nước Đức. Boutin và một số công nhân Hà Lan đã phá hoại các bộ phận xe tăng trong mấy năm nay. Quân đốc người Đức đã nhiều lần dọa sẽ đưa bọn phá hoại đến trại tập trung, nhưng ông ta chẳng bao giờ làm thế - và có một lý do rất hợp: nhân lực đang thiếu trầm trọng, nên nhà máy đang phụ thuộc gần như hoàn toàn vào các công nhân ngoại quốc. Jean nghĩ tình hình đang khá vui vẻ. Anh phải làm xong mỗi ồ bi trong 54 phút. Anh cố gắng không bao giờ nộp một chi tiết máy hoàn thành trong vòng 24 giờ - và nó thường có lỗi nào đó. Ở Alkett, những lao động không tự nguyện có một quy tắc đơn giản: mỗi bộ phận lỗi họ làm ra qua mặt quân đốc mang chiến thắng và sự sụp đổ của Berlin đến gần thêm một bước. Và chưa có ai bị bắt được bao giờ.

6

Rõ ràng, mặc cho có đánh bom thường xuyên, mặc cho bóng ma Hồng quân bên sông Oder, mặc cho sự run sợ của bản thân nước Đức khi quân Đồng minh tiến vào từ cả phía Đông lẫn phía Tây, vẫn có người kiên quyết không nghĩ đến khả năng tai ương sắp đến. Họ là những đảng viên Nazi cuồng tín. Phần lớn bọn họ dường như xem tình hình khó khăn mà mình đang phải trải qua là một kiểu chuộc tội – một sự tội luyện và tinh lọc sự dâng hiến của mình với chủ nghĩa Quốc xã và những mục đích của nó. Một khi họ đã bày tỏ lòng trung thành của mình, mọi chuyện chắc chắn sẽ ổn hết; họ không chỉ tin rằng Berlin sẽ không bao giờ gục ngã, mà còn tin chiến thắng chắc chắn sẽ thuộc về nền Đệ tam Quốc xã.

Đảng Nazi chiếm một vị trí đặc biệt trong đời sống của thành phố. Người Berlin chưa bao giờ hoàn toàn chấp nhận Hitler hay sự truyền giáo của ông ta. Quan điểm của họ vừa phức tạp vừa mang tính quốc tế. Thực sự thì, khiếu hài hước cay độc của người Berlin, sự chỉ trích về chính trị và gần như hoàn toàn thiếu lòng nhiệt tình dành cho ngài Quốc trưởng cùng nội các của ông từ lâu đã đầu độc đảng Nazi. Mỗi lần có diễn binh rước đuốc hoặc các cuộc thao diễn khác của đảng Nazi để gây ấn tượng với thế giới được tổ chức ở Berlin, hàng nghìn quân xung kích từ Munich được điều đến để bổ sung cho đám đông đi diễu hành. Người Berlin mỉa mai, “Bọn họ đóng phim thời sự hợp hơn chúng ta đấy, và chân họ cũng to hơn nữa kia!”.

Dù đã cố gắng, Hitler vẫn không thể giành được trái tim người dân Berlin. Khá lâu trước khi thành phố bị phá hủy bởi bom đạn của quân Đồng minh, Hitler, giận dữ và nản chí, đã định xây dựng lại Berlin và quy hoạch thành hình ảnh của Nazi. Ông ta còn định đổi tên Berlin thành Germania, vì ông ta chưa bao giờ quên rằng trong các cuộc bầu cử tự do trong những năm 30, người Berlin đã loại ông ta. Trong cuộc bỏ phiếu kín năm 1932, khi

Hitler chắc chắn mình sẽ hất cẳng Hindenburg, Berlin là nơi bầu cho ông ta thấp nhất – chỉ 23%. Bây giờ, những kẻ cuồng tín trong toàn thể công dân rất quyết tâm biến Berlin, thành phố ít mang tính Nazi nhất nước Đức, pháo đài cuối cùng của chủ nghĩa Quốc xã. Dù chỉ chiếm thiểu số, họ vẫn đang nắm quyền kiểm soát.

Hàng nghìn kẻ cuồng tín đang độ tuổi thiếu niên, và giống như hầu hết những người khác trong cùng thế hệ, họ chỉ biết một vị chúa duy nhất – Hitler. Ngay từ khi còn nhỏ, họ đã bị nhồi nhét mục đích và hệ tư tưởng của chủ nghĩa quốc xã. Một số đông còn được huấn luyện để bảo vệ và duy trì chính nghĩa, dùng các loại vũ khí từ súng lục tới loại súng chống tăng giống bazooka có tên Panzerfäuste. Klaus Kuster là một điển hình trong nhóm thiếu niên này. Là thành viên của Đoàn Thanh niên Hitler (có hơn 1000 đoàn viên tại Berlin), cậu có biệt tài bắn xe tăng trong vòng 60 yard đổ lại. Klaus còn chưa đầy 16 tuổi.

Những người máy quân sự cống hiến nhất là các thành viên của lực lượng SS. Họ tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng và hết lòng với Hitler tới mức những người Đức khác chẳng thể hiểu nổi thần kinh của họ. Sự cuồng tín của họ mạnh mẽ đến nỗi đôi khi nó có vẻ như đã ăn sâu vào tiềm thức. Bác sĩ Ferdinand Sauerbruch làm việc tại bệnh viện Charité, từng mổ cho một mật vụ SS bị thương nặng vừa được chuyển từ mặt trận sông Oder về, được gây mê ngay lập tức. Trong sự yên tĩnh của phòng mổ, dù đang hôn mê sâu, người mật vụ SS bắt đầu nói mê. Anh ta lặp đi lặp lại, khê khàng và rành mạch, “Heil Hitler!... Heil Hitler!... Heil Hitler!” (Hitler muôn năm!)

Dù đó là những người cực đoan quá khích, nhưng cũng có hàng trăm nghìn công dân cũng giống như vậy. Một số bọn họ là những bức biếm họa biết đi, minh họa hình tượng một tên Nazi cuồng tín mà thế giới tự do hình dung ra. Một trong số đó là ông Gotthard Carl, 47 tuổi. Dù ông Gotthard chỉ là một công dân bé nhỏ, một kế toán tạm thời của Không quân, ông vẫn mặc bộ đồng phục không lực màu xanh biển với tất cả niềm tự hào và kiêu hãnh của một phi công chiến đấu tài ba. Mỗi chiều tối khi bước vào căn hộ của mình, ông lại đứng chụm gót, giơ cánh tay phải lên cao và hét to, “Heil Hitler.” Màn biểu diễn đã này kéo dài nhiều năm nay.

Vợ ông, bà Gerda, đã ngán đến tận cổ sự cuồng tín của ông chồng, nhưng bà rất lo lắng và băn khoăn khi phải bàn với ông về kế hoạch sống sót của hai người. Bà chỉ ra rằng quân Nga đang đến rất gần Berlin. Ông Gotthard cắt lời bà. Ông nổi đóa, “Chỉ là lời đồn tầm phào! Là lời đồn thôi! Do kẻ thù cố tình tung ra.” Trong thế giới Nazi méo mó của ông Gotthard, mọi thứ vẫn đang diễn ra đúng theo kế hoạch. Chiến thắng chắc chắn thuộc về Hitler. Bọn Nga sẽ không bao giờ tới được cửa vào Berlin.

Còn có những người đầy nhiệt huyết và dễ bị ảnh hưởng – những người chưa từng nghĩ đến khả năng thất bại – ví như Erna Schultze. Vị thư ký 41 tuổi trong sở chỉ huy Oberkommando der Kriegsmarine (Bộ Chỉ huy Hải quân Tối cao) vừa mới nhận ra tham vọng của đời mình: Bà vừa được thăng làm thư ký của đô đốc và đây là ngày làm việc đầu tiên của bà.

Shell House, nơi đặt sở chỉ huy, đã bị trúng bom nặng trong 48 giờ qua. Nhưng đám gạch vụn và khói bụi chẳng làm bà Erna bận tâm – bà cũng không bị mệnh lệnh vừa đưa tới cản trở làm việc làm cho lo lắng. Mệnh lệnh yêu cầu đốt mọi hồ sơ Geheime Kommandosache (tối mật). Nhưng Erna rất buồn vì vào cuối ngày làm việc đầu tiên này, bà và các nhân viên khác phải “rời đi vô thời hạn” và séc trả lương của bọn họ sẽ được gửi sau.

Bà Erna vẫn không lay chuyển. Niềm tin của bà mạnh mẽ tới mức bà không tin bản thông cáo chính thức về thất bại của nước Đức. Bà tin tình thần toàn Berlin vẫn rất tốt, và việc đế chế Đức chiến thắng chỉ là vấn đề thời gian. Ngay cả vào lúc này, khi bước ra khỏi tòa nhà, bà Erna vẫn khá chắc chắn là trong vài ngày tới Hải quân sẽ gọi bà quay lại.

Còn có những người khác quá tin tưởng và liên quan quá sâu với tầng lớp cao cấp trong bộ máy của đảng Nazi đến mức họ chẳng mấy nghĩ ngợi về chiến tranh hay những hậu quả của nó. Giữa bầu không khí hăng say và sự quyến rũ của vị trí đặc quyền của mình, họ không chỉ cảm thấy an toàn mà còn thấy được bảo vệ hoàn hảo, trong sự tận tụy mù quáng với Hitler. Kathe Reiss Heusermann với đôi mắt xanh hấp dẫn là một ví dụ điển hình.

Ở số 213 Kurfurstendamm, cô Kathe 35 tuổi, tóc vàng, tính tình sôi nổi đang ngập trong công việc làm trợ lý cho Giáo sư Hugo J. Blaschke, nhà sĩ hàng đầu của các lãnh đạo Nazi. Nhờ phục vụ cho Hitler và nội các từ năm

1934, giáo sư Blaschke đã được trao quân hàm Brigadeführer (chuẩn tướng) của lực lượng SS và đứng đầu khoa nha của Trung tâm Y tế SS Berlin. Là một đảng viên Nazi hăng hái, giáo sư Blaschke đã tận dụng mối quan hệ giữa mình với Hitler vào phòng khám tư lớn nhất và hái ra tiền nhất Berlin. Bây giờ ông đang chuẩn bị tận dụng thêm một bước nữa. Không giống Kathe, ông có thể thấy rõ những gì sắp xảy ra – và ông đã lập kế hoạch rời khỏi Berlin ngay khi có cơ hội. Nếu ở lại, quân hàm SS và vị trí của ông có thể gây rắc rối: Dưới mắt người Nga, huy hoàng ngày hôm nay có thể trở thành nguy cơ của ngày mai.

Kathe gần như chẳng biết gì về tình hình. Cô quá sức bận. Từ sáng sớm đến tối mịt, cô xoay tít mù, hỗ trợ giáo sư Blaschke ở các bệnh viện và sở chỉ huy hoặc ở phòng khám tư của ông ở quận Kurfurstendamm. Có năng lực và được nhiều người quý mến, Kathe được các tinh anh của đảng Nazi tin tưởng hoàn toàn tới mức cô đã phục vụ gần hết tùy tùng của Hitler – và một lần cho ngài Quốc trưởng.

Lần đó chính là mốc son trong sự nghiệp của cô. Vào tháng 11/1944, cô và giáo sư Blaschke được triệu tập khẩn cấp đến sở chỉ huy của Quốc trưởng ở Rastenburg, Đông Phổ. Ở đó, họ thấy Hitler đang bị đau dữ dội.

Sau này cô nhớ lại, “Mặt ông ấy, nhất là má bên phải bị sưng khủng khiếp. Răng ông ấy cực kỳ tệ. Tổng cộng, ông ấy có ba cầu răng giả. Ông ấy chỉ còn tám cái răng hàm trên và ngay cả mấy cái đó cũng đã được trám bằng vàng. Một cầu răng giả đã hoàn thiện hàm trên của ông và nó được giữ yên một chỗ bởi mấy cái răng có sẵn. Một trong số đó, cái răng khôn bên phải, bị sâu cực nặng.” Giáo sư Blaschke nhìn qua cái răng và bảo Hitler rằng nó cần phải nhổ, chẳng có cách nào chữa được. Giáo sư Blaschke giải thích rằng ông cần nhổ hai cái răng – một cái răng mọc lệch ở phía sau răng giả và thứ hai là cái răng sâu nằm bên cạnh. Điều đó có nghĩa là cần cắt xuyên qua cầu răng giả bằng vàng và bằng sứ ở đằng trước cái răng mọc lệch, cần phải khoan và cưa khá nhiều. Rồi sau khi nhổ cái răng cuối cùng, vài ngày sau ông sẽ làm một cầu răng giả mới hoặc gia cố lại cái răng cũ.

Giáo sư Blaschke khá lo lắng về ca phẫu thuật: nó quá rắc rối và không biết được Hitler sẽ phản ứng ra sao. Các vấn đề phức tạp còn trở nên phiền

hơn vì Hitler không thích gây mê. Kathe nhớ là ông ta nói với giáo sư Blaschke rằng ông ta chỉ chấp nhận “một lượng tối thiểu.” Cả giáo sư Blaschke và Kathe đều biết ông ta sẽ đau đớn không chịu nổi; hơn nữa ca phẫu thuật có thể kéo dài từ 30 đến 45 phút. Nhưng họ chẳng thể làm gì khác.

Giáo sư Blaschke tiêm một mũi cho Hitler vào hàm trên và ca phẫu thuật bắt đầu. Kathe đứng bên cạnh ngài Quốc trưởng, một tay kéo căng má ông ta, tay kia cầm một cái gương. Mũi khoan ken kết của giáo sư Blaschke nhanh chóng khoan vào cầu răng giả. Rồi ông đổi một chút và bắt đầu cưa. Hitler ngồi im – cô nhớ lại, “như bị đóng băng.” Cuối cùng, giáo sư Blaschke làm sạch cái răng và nhanh chóng nhổ. Sau này Kathe nói, “Suốt ca phẫu thuật, Hitler không hề cử động, cũng không thốt một lời. Thật là phi thường. Bọn tôi thắc mắc không hiểu sao ông ấy có thể chịu nổi cơn đau.”

Lần đó đã là năm tháng trước; có cảm giác như chưa từng có chuyện gì về cầu răng giả lung lay của ngài Quốc trưởng. Ngoài những người trực tiếp thân cận với Hitler, rất ít ai biết về ca phẫu thuật. Một trong các quy tắc cốt yếu cho những ai làm việc cho ngài Quốc trưởng là mọi chuyện về ông ta, đặc biệt là bệnh tình, là tối mật.

Kathe rất giỏi giữ bí mật. Ví dụ như, cô biết rằng một bộ răng giả đặc biệt đã được làm cho vị đệ nhất phu nhân chưa kết hôn nổi tiếng của đế chế Đức. Giáo sư Blaschke định sửa cái răng vàng lần tới khi bà ta đến Berlin. Tình nhân của Hitler, Eva Braun, chắc chắn rất cần nó.

Cuối cùng, Kathe biết một trong những bí mật được bảo vệ cẩn thận nhất. Cô có trách nhiệm gửi bộ dụng cụ nha khoa hoàn chỉnh đến bất cứ nơi nào Quốc trưởng đi tới. Ngoài ra, cô đang chuẩn bị một cầu răng giả mới có mấy thân răng bằng vàng cho một trong bốn thư ký của Hitler: Johanna Wolf, 45 tuổi, béo ú và lùn tịt. Kathe sẽ nhanh chóng chỉnh sửa bộ cầu răng giả mới cho “Wolfie”, ở trong phòng phẫu thuật của điện Reichskanzlei. Cô đã qua lại giữa phòng phẫu thuật của giáo sư Blaschke và điện Reichskanzlei gần như hàng ngày trong suốt chín tuần qua. Adolf Hitler đã ở đó kể từ ngày 16/1.

Khi đêm mùa xuân khép lại, thành phố có vẻ vắng lặng. Berlin đổ nát trông ma quái và thảm thương, trải dài dưới một ánh trăng mờ ảo, là một mục tiêu rõ ràng cho quân thù trong đêm. Bên dưới mặt đất, người dân Berlin đang chờ đợi những kẻ đánh bom và tự hỏi sáng mai ai trong số họ sẽ còn sống.

Vào lúc 9 giờ tối, Không lực Hoàng gia quay lại. Còi báo động rền vang lần thứ tư trong 24 giờ qua, và cuộc tấn công lần thứ 317 vào thành phố bắt đầu. Trong sở chỉ huy quân sự ở Hohenzollerndamm, Thiếu tướng Hellmuth Reymann bình tĩnh ngồi bên bàn làm việc, không chú ý nhiều đến tiếng hỏa lực phòng không và tiếng bom nổ ầm vang. Ông đang liều mạng chạy đua với thời gian – vốn chẳng còn lại bao nhiêu.

Chỉ mới 16 ngày trước, điện thoại nhà riêng ở Dresden của tướng Reymann đã đổ chuông. Ở bên kia đầu dây là Đại tướng Wilhelm Burgdorf, sĩ quan hành chính của Hitler. Tướng Burgdorf nói, “Quốc trưởng đã chỉ định anh làm tư lệnh quân sự của Dresden.”

Thoạt đầu, Reymann thậm chí không thể đáp lời. Thủ phủ của bang Saxony từ thế kỷ 16 với những ngọn tháp nhọn, những con đường rải sỏi và những tòa lâu đài trong truyện cổ tích, đã bị phá hủy gần như hoàn toàn trong ba cuộc không kích lớn. Đau lòng trước cảnh tàn phá của thành phố cổ thân yêu, tướng Reymann đã nổi giận. Ông hét lên, “Đi nói với ông ta là ở đây chẳng còn gì mà bảo vệ ngoài gạch vụn cả,” rồi gác máy. Những lời giận dữ của ông chỉ là nóng giận nhất thời. Một tiếng sau, tướng Burgdorf gọi lại và nói, “Quốc trưởng đổi lại, chỉ định anh làm tư lệnh Berlin.”

Ngày 6/3, tướng Reymann nhận lệnh. Trong vòng vài giờ, ông phát hiện ra sự thật kinh hoàng. Dù Hitler đã tuyên bố Berlin là một Festung (pháo đài), pháo đài này chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của ngài Quốc trưởng. Thành phố chẳng được chuẩn bị gì để chống lại các cuộc tấn công. Không có kế hoạch, không có lực lượng phòng vệ và gần như không có quân đội. Tệ hơn, không có lương thực dự trữ cho cư dân trong thành phố; còn kế hoạch di tản phụ nữ, người già và trẻ em đơn giản là không tồn tại.

Bây giờ, tướng Reymann đang chạy đua với thời gian để cố gỡ rối tình hình. Những vấn đề của ông rất nan giải: ông phải kiểm quân lính, súng

ống, đạn dược và thiết bị để bảo vệ thành phố ở đâu? Rồi các kỹ sư, máy móc và vật liệu để xây công trình phòng ngự? Ông có được phép di tản phụ nữ, trẻ em và người già? Nếu không, làm sao ông cung cấp thực phẩm và bảo vệ cho họ khi cuộc bao vây bắt đầu? Và hết lần này tới lần khác đầu óc ông quay lại với câu hỏi lớn nhất: thời gian – còn bao nhiêu thời gian?

Nội việc bảo vệ các sĩ quan cấp cao đã đủ khó khăn. Đến tận bây giờ, vào lúc cuối ngày, tướng Reymann mới bổ nhiệm một tham mưu trưởng, Đại tá Hans Refior. Đại tá Refior vừa đến Berlin vài giờ trước, và ông còn giật mình trước sự hỗn loạn của Berlin hơn cả tướng Reymann. mấy ngày trước, trên tờ tạp chí ảnh Das Reich, đại tá Refior đã đọc một bài báo khẳng định rằng Berlin là không thể đánh chiếm được. Ông đặc biệt nhớ một dòng nói thế này: “Với hàng phòng thủ này, Berlin như một con nhím xù lông.” Nếu vậy thì, hệ thống phòng thủ đó được cất giấu kỹ quá. Đại tá Refior đếm chẳng được mấy cái.

Trong suốt bao nhiêu năm làm một quân nhân chuyên nghiệp, tướng Reymann 53 tuổi có mái tóc hoa râm chưa bao giờ tưởng tượng ra mình có ngày phải đối mặt với một nhiệm vụ như vậy. Ông vẫn chưa tìm ra câu trả lời cho từng vấn đề - và phải nhanh chóng. Liệu có thể cứu được Berlin không?

Tướng Reymann quyết làm mọi điều mình có thể. Có vô số ví dụ trong lịch sử quân sự thế giới về những chiến thắng khi mà thất bại tưởng như là không thể tránh khỏi. Ông nghĩ đến Vienna đã phòng thủ thành công trước người Thổ Nhĩ Kỳ năm 1683, và Đại tướng Graf von Gnei-senau, tham mưu trưởng của Blucher, người đã giữ vững Kolberg năm 1806. Đúng vậy, đó là những so sánh không tương xứng, nhưng có lẽ chúng đem lại chút hi vọng. Tướng Reymann biết mọi chuyện đều phụ thuộc vào quân Đức trấn giữ mặt trận sông Oder, và vào viên tướng chỉ huy họ.

Những người vĩ đại nhất đã không còn – Rommel, Von Rundstedt, Von Kluge, Von Manstein – những nhà chỉ huy tài ba có tên tuổi nổi tiếng. Họ đều đã biến mất, đều đã chết, bị mất tín nhiệm hoặc bị buộc phải nghỉ hưu. Giờ đây, hơn bao giờ hết, đất nước và quân đội đang cần một người chỉ huy – một Rommel táo bạo, một Von Rundstedt tỉ mỉ. Sự an toàn của Berlin và

có lẽ cả khả năng sống sót của nước Đức sẽ tùy thuộc vào điều này. Nhưng người đó đang ở đâu?

PHẦN II

VỊ TƯỚNG

1

Ngày 22/3, bình minh mờ sương và lạnh lẽo. Phía nam thành phố, đường Reichsstrasse 96 chạy dài qua các rừng thông ẩm sương, những giọt sương sáng lấp lánh trên mặt đường nhựa. Vào buổi sớm mai se lạnh của ngày thứ hai của mùa xuân, giao thông trên con đường này cực kỳ đông đúc – và dù đang thời chiến, chất lượng giao thông ở Đức vẫn tuyệt đến không tưởng. Vài chiếc xe tải hạng nặng chạy trên đường, chở theo những chiếc tủ hồ sơ kèn càng, những hòm tài liệu, thiết bị văn phòng và thùng các tông. Những chiếc xe tải khác thì chất cao các tác phẩm nghệ thuật – đồ nội thất đẹp đẽ, tranh ảnh, đồ đồng, đồ sứ và tượng. Có một chiếc xe tải chở đằng sau một pho tượng bán thân của Julius Caesar đang lúc lắc qua lại.

Xen kẽ giữa mấy chiếc xe tải là những chiếc xe hơi đủ loại cỡ lớn – những chiếc Horch, Wanderer và limousine Mercedes. Tất cả đều mang huy chương chữ vạn mạ bạc, là xe của Đảng Nazi. Xe nào cũng chạy dọc theo đường Reichsstrasse 96 theo cùng một hướng: hướng nam. Trong xe là các quan chức cao cấp trong đảng Nazi của Đế tam Quốc xã – hay “những con chim trĩ bảy màu,” những người được vinh dự trao tặng huân chương chữ vạn mạ vàng, tượng trưng cho những tinh hoa của đảng Nazi. Những con chim trĩ bảy màu, cùng với vợ con và gia sản, đang đi di tản. Gương mặt cứng nhắc và lạnh lùng trong bộ đồng phục màu nâu, những người đàn ông này nhìn thẳng tắp về phía trước, như thể bị ám ảnh về khả năng bị chặn đường và bắt quay lại nơi mà họ không muốn về: Berlin.

Ở phần đường bên kia, một chiếc xe sĩ quan, dòng Mercedes cỡ lớn, có gắn lá cờ kim loại màu đỏ, trắng và đen kẻ ô vuông của một vị Tư lệnh lục quân trên tấm chắn bùn bên trái, đang chạy nhanh về hướng bắc. Trong xe, Thượng tướng Gotthard Heinrici, mặc áo da cừu cũ, cổ choàng khăn, đang khom người ngồi cạnh viên tài xế, nhìn ra ngoài đường đầy vẻ chán chường. Ông biết con đường cao tốc này, giống như mọi vị tướng khác của đế chế Đức. Anh họ của tướng Heinrich, Nguyên soái Gerd von Rundstedt, từng mỉa mai con đường này là “der Weg zur Ewigkeit” – con đường dẫn đến sự vĩnh cửu. Nó đã đưa nhiều người từ một sĩ quan cao cấp thành kẻ bị lãng quên, vì Reichsstrasse 96 là đường dẫn trực tiếp đến Tổng bộ chỉ huy quân sự Đức cách Berlin 18 dặm. Ngoài các tướng tá có quân hàm cao, rất ít người Đức biết được vị trí của tổng bộ này. Ngay cả cư dân trong vùng cũng không biết rằng cơ quan đầu não quân sự của nước Đức của Hitler nằm ngay bên ngoài thị trấn Zossen cổ xưa có từ thế kỷ XV của họ, nằm sâu trong rừng và được ngụy trang cẩn thận. Zossen là điểm đến của tướng Heinrici.

Nếu như dòng xe cộ, bằng chứng ồn ào cho thấy các cơ quan chính phủ đang trên đường di dời, có gây ấn tượng gì với vị tướng, thì ông cũng không nói ra điều đó với viên sĩ quan phụ tá 36 tuổi của mình, đại úy Heinrich von Bila, đang ngồi đằng sau cùng với người lính cần vụ của ông, Balzen. Trước khi bình minh lên, họ đã khởi hành từ bắc Hungary, nơi tướng Heinrici đã chỉ huy đoàn quân thiết giáp số 1 và các đoàn quân số I của Hungary. Họ đã bay từ đó tới Bautzen, gần biên giới Đức – Tiệp, và từ đây tiếp tục đi bằng xe hơi. Và giờ đây, mỗi giờ đồng hồ trôi qua lại đưa vị tướng Heinrici 58 tuổi, một trong những chuyên gia phòng thủ của quân đội Đức, đến gần hơn với bài kiểm tra lớn nhất trong sự nghiệp quân sự 40 năm của ông.

Tướng Heinrici sẽ được biết chi tiết về nhiệm vụ mới của mình ở Zossen – nhưng ông đã biết trước là mình không cần quan tâm đến quân Đồng minh phương Tây, mà là kẻ thù cũ của ông, quân Nga. Đó là một nhiệm vụ rất ác liệt, và với Heinrici, rất kinh điển: ông được bổ nhiệm chỉ huy Tập đoàn quân Vistula cùng với mệnh lệnh cầm chân quân Nga bên bờ sông

Oder và cứu lấy Berlin.

Thình lình, còi báo động không kích vang lên ầm ĩ. Tướng Heinrici giật mình quay lại nhìn mấy căn nhà gỗ mà họ vừa chạy ngang qua. Chẳng hề có dấu hiệu nào của một cuộc thả bom hay của máy bay Đồng minh. Hồi còi báo động vẫn kéo dài, rồi nhỏ dần đằng sau họ. Thứ làm ông giật mình không phải âm thanh đó. Ông chẳng lạ gì các cuộc đánh bom. Điều khiến ông ngạc nhiên là ông nhận ra sâu trong lòng nước Đức, ngay cả những ngôi làng nhỏ thế này cũng có báo động không kích.

Tướng Heinrici chậm chậm xoay người lại. Dù ông từng chỉ huy các đội quân từ đầu cuộc chiến năm 1939, đầu tiên ở mặt trận phía Tây, rồi sau đó là ở Nga năm 1941, ông đã không có ở Đức trong hơn hai năm qua và ông không rõ ảnh hưởng của toàn bộ cuộc chiến lên mặt trận gia đình. Ông nhận ra mình như một người khách lạ ngay giữa đất nước mình. Ông thấy chán nản; ông không hề mong đợi những thứ như thế này.

Rất ít tướng lĩnh Đức từng trải qua cuộc chiến này nhiều hơn ông – và ngược lại, rất ít người có quân hàm tương tự lại có thành tựu ít hơn ông. Ông không phải là Rommel táo bạo, có các chiến công được người Đức ca ngợi và rồi được Hitler, vốn nhạy bén về mặt tuyên truyền, vinh danh bằng một cây gậy chỉ huy của nguyên soái. Ngoài các mệnh lệnh trên chiến trường, tên của tướng Heinrici hiếm khi xuất hiện trên các tài liệu. Danh vọng và vinh quang mà mọi người lính đều theo đuổi đã lảng tránh ông, vì trong nhiều năm làm tư lệnh đánh trận ở mặt trận phía đông, ông đã chiến đấu với quân Nga trong một vai trò mà các đặc điểm của nó đã quăng ông vào chỗ bị lu mờ.

Những cuộc hành quân của ông không có được vinh quang tiến quân thần tốc, mà chỉ có nỗi tuyệt vọng khi phải rút quân đầy gian nan. Chuyên môn của ông là phòng thủ, và ở mặt này ông có rất ít người ngang tầm. Là một chiến lược gia thận trọng, chuẩn xác, một vị tư lệnh có cung cách nho nhã dễ khiến người ta mắc lừa, tuy vậy tướng Heinrici lại là một vị tướng cứng rắn, xuất thân từ một ngôi trường quý tộc lâu đời, từ lâu ông đã học cách trấn giữ phòng tuyến với số quân tối thiểu và với các giá thấp nhất.

Một trong số các sĩ quan tham mưu của ông từng nhận định, “Heinrici

chỉ rút quân khi tình hình đã quá xấu – và chỉ sau khi đã cân nhắc kỹ càng.” Trong một cuộc chiến mà đối với ông là một cuộc rút lui chậm chạp và đau khổ từ ngoại ô Moscow đến dãy Carpathian, tướng Heinrici đã trấn giữ hết lần này tới lần khác trong những tình thế gần như là vô vọng.

Ngoan cố, ngang ngạnh và yêu cầu cao, ông đã nắm lấy mọi cơ hội – ngay cả khi đó chỉ là trấn giữ thêm một dặm trong một giờ nữa. Ông chiến đấu ác liệt tới mức các sĩ quan và lính của ông đặt cho ông một biệt danh đầy tự hào “Unser Giftzwerg”^[5] – thằng cha bé nhỏ gan góc của chúng ta .

Khi gặp ông lần đầu, họ thường lúng túng trước lời mô tả “gan góc.” Ông thuộc kiểu thấp bé nhẹ cân, với đôi mắt xanh trầm lắng, mái tóc vàng sáng và hàng ria mép gọn ghẽ, thoát trông Heinrici giống một ông giáo hơn là một vị tướng – và còn là một ông giáo ăn mặc xoàng xĩnh.

Đó là một mối lo ngại lớn của viên sĩ quan phụ tá của ông, đại úy Von Bila, vì tướng Heinrici không quan tâm mấy về việc trông cho giống một ông thượng tướng. Đại úy Von Bila thường khó chịu về vẻ ngoài của tướng Heinrici – nhất là đôi ủng và áo khoác. Tướng Heinrici ghét mang ủng cao tới gối được đánh bóng loáng vốn phổ biến trong giới sĩ quan Đức.

Ông thích mang ủng thấp, cùng với quần bó bằng da có khóa bên hông giống thời Thế chiến thứ nhất. Còn về áo khoác, ông có mấy cái, nhưng ông lại thích cái áo da cừu cũ kỹ, và không chịu tách rời nó bất chấp mọi nỗ lực của đại úy Von Bila. Tương tự, tướng Heinrici thường mặc mấy bộ đồng phục cho tới khi chúng đã mòn xơ cả chỉ mới thôi. Và vì ông tin rằng cần mang hành trang gọn nhẹ, tướng Heinrici hiếm khi mang theo nhiều hơn một bộ đồng phục – ngoài bộ mang trên lưng.

Đại úy Von Bila luôn là người khơi mào khi nào thì tướng Heinrici cần trang phục mới – và anh phát khiếp mấy cuộc đọ sức này, vì anh thường thua cuộc. Lần cuối đại úy Von Bila liều mình khơi dậy chủ đề, anh tiếp cận một cách thận trọng. Anh ngập ngừng thăm dò Heinrici, “Thưa Thượng tướng, chúng ta có nên tìm lúc nào đó may đồng phục mới không ạ?” Tướng Heinrici nhìn Von Bila qua cặp kính mắt và nhẹ nhàng hỏi, “Anh thực sự nghĩ vậy à, Bila?” Nhất thời, đại úy Von Bila nghĩ mình đã thành

công. Rồi Giftzweg lạnh lùng hỏi, “Để làm gì?” Kể từ đó, đại úy Von Bila không bao giờ nhắc lại chuyện này nữa.

Nhưng nếu như Heinrici trông không giống một vị tướng, thì ông hành động đúng như một vị tướng. Ông là một người lính đến từng centimet, và với những đội quân mà ông chỉ huy, đặc biệt là sau thời gian kháng cự ở Moscow, ông là một huyền thoại.

Vào tháng 12/1941, cuộc tấn công chớp nhoáng của Hitler vào nước Nga cuối cùng đã bị chặn đứng cứng ngắc ngay trước cửa ngõ vào Moscow. Khắp trận tuyến của quân Đức, hơn 1.250.000 lính quân trang gọn nhẹ đã bị mắc kẹt trong mùa đông khắc nghiệt đến sớm. Khi quân Đức loạng choạng tiến lên trong băng tuyết, các đội quân Nga mà Hitler và các chuyên gia của ông ta vẫn luôn coi thường bỗng bất thành linh xuất hiện giống như từ trên trời rơi xuống. Trong một trận chiến sống còn, quân Soviet đã huy động 100 sư đoàn gồm những người lính đã quen với mùa đông nơi đây chống lại quân xâm lược.

Quân Đức bị đẩy lui với những thất bại đáng kinh ngạc, có lúc nó giống như cuộc rút lui khủng khiếp của Napoleon vào năm 1812 được lặp lại - ở quy mô lớn hơn và đẫm máu hơn.

Phòng tuyến cần được gia cố. Tướng Heinrici bị giao cho trấn giữ khu vực gay go nhất. Ngày 26/1/1942, ông được giao cho chỉ huy phần tàn dư của đoàn quân số IV, trấn giữ khu vực ngay chính diện Moscow, là nòng cốt trong phòng tuyến của Đức. Bất kỳ cuộc rút lui nghiêm trọng nào tại khu này cũng sẽ gây nguy hiểm cho các cánh quân hai bên sườn và có thể châm ngòi cho một cuộc hỗn loạn.

Tướng Heinrici nhận nhiệm vụ vào một ngày đặc biệt lạnh; nhiệt độ xuống dưới - 41°C. Nước đóng băng ngay trong nồi hơi xe lửa; súng máy không bắn được; không thể đào chiến hào và hố cá nhân vì mặt đất cứng như sắt. Những người lính với trang bị mỏng manh của tướng Heinrici đang chiến đấu trong tuyết cao tới thắt lưng, với các trụ băng dính trên mũi và lông mi. Sau này ông nhớ lại, “Tôi được ra lệnh phải trấn thủ tới khi cuộc tấn công lần đó chắc chắn chiếm được Moscow. Đã thế người của tôi đang chết dần chết mòn – và không chỉ vì đạn của quân Nga. Phần lớn họ đều

chết rét.”

Họ trấn thủ gần 10 tuần. Tướng Heinrici dùng mọi cách có thể, cả chính thống lẫn phi chính thống. Ông hô hào quân mình, thúc giục họ, thăng chức, giáng chức – và hết lần này tới lần khác không tuân theo mệnh lệnh kéo dài bất di bất dịch của Hitler, “Starre Verteidigung”- chống cự thật nhanh. Mùa xuân đó, ban tham mưu của đoàn quân số IV ước tính là trong suốt mùa đông dài, Giftzweig đã có nhiều lúc bị quân thù áp đảo ít nhất là một chọi mười hai.

Bên ngoài Moscow, tướng Heinrici đã phát triển một kỹ thuật giúp ông nổi tiếng. Khi ông biết quân Nga sắp tấn công vào một quân khu cụ thể, ông sẽ ra lệnh cho quân của mình rút lui vào đêm hôm trước đến các vị trí mới ở đằng sau 1-2 dặm. Những loạt pháo của quân Nga sẽ bắn vào tiền tuyến trống không. Như Heinrici đã chỉ ra: “Nó giống như đập vào cái túi rỗng. Cuộc tấn công của quân Nga sẽ đánh mất tốc độ của nó, vì người của tôi sẽ sẵn sàng mà chưa bị tổn hại gì. Rồi quân của tôi trong những quân khu chưa bị tấn công sẽ tiến vào và giành lại tiền tuyến ban đầu.” Bí quyết là phải biết được khi nào quân Nga chuẩn bị tấn công. Từ các báo cáo tình báo, quân tuần tra và thẩm vấn tù binh, cùng với giác quan thứ sáu phi thường, tướng Heinrici đã xác định thời gian và địa điểm chính xác như làm toán.

Không phải lúc nào cũng có thể áp dụng những phương pháp đó, và khi làm, tướng Heinrici phải hết sức cẩn trọng – Hitler đã bỏ tù và thậm chí bắn vài viên tướng vì đã bỏ ngoài tai lệnh cấm rút lui của ông ta. Sau này Heinrici nói, “Trong khi chúng tôi hầu như không thể dời một lính gác từ cửa sổ tới cửa ra vào mà không được ông ta cho phép, nhưng những lúc có thể, một số trong đám chúng tôi vẫn tìm ra cách để tránh né mấy mệnh lệnh ngày càng mang tính tự sát hơn của ông ta.”

Vì những lý do rõ ràng, Heinrici chưa bao giờ là người được Hitler hay nội các của ông ta ưa thích. Lai lịch quân sự bảo thủ và cao quý của ông đòi hỏi ông phải chấp hành nghiêm chỉnh lời tuyên thệ trung thành của mình với Hitler, nhưng tiếng gọi của một nền độc tài cao hơn luôn đến trước. Từ đầu cuộc chiến, tướng Heinrici đã đối nghịch với Quốc trưởng vì quan điểm tôn giáo của mình.

Là con trai của một giáo sĩ Tin Lành, mỗi ngày tướng Heinrici đọc một đoạn Kinh thánh, đi lễ ngày chủ nhật và khăng khăng đòi đoàn quân của mình phải tuần hành trong nhà thờ. Mấy chuyện này không hợp ý Hitler lắm. Một vài dấu hiệu rõ ràng đã được chỉ cho Heinrici rằng Hitler nghĩ một vị tướng mà lại bị thấy công khai đi nhà thờ thì không được khôn ngoan.

Trong chuyến đi cuối cùng đến Đức, trong lúc rời khỏi thị trấn Munster, Westphalia, tướng Heinrici được một quan chức cấp cao trong đảng Nazi đặc biệt từ Berlin tới nói chuyện với ông. Tướng Heinrici, vốn chưa bao giờ là thành viên của đảng Nazi, được thông báo rằng “Quốc trưởng thấy các hoạt động tôn giáo của ông không phù hợp với mục đích của chủ nghĩa quốc xã.” Tướng Heinrici lạnh lùng nghe lời cảnh báo. Chủ nhật sau đó, ông và vợ con vẫn đi nhà thờ như thường lệ.

Sau đó, ông được thăng chức rất chậm và đầy miễn cưỡng. Nếu không phải có tài lãnh đạo tuyệt vời không thể phủ nhận chắc ông cũng không được thăng chức, và sự thật là nhiều vị tư lệnh mà ông từng ở dưới quyền – đặc biệt là Nguyên soái Günther von Kluge – luôn nhấn mạnh là ông cần được thăng chức.

Cuối năm 1943, tướng Heinrici chịu sự thù địch của Thống tướng Hermann Goering, một lần nữa vì vấn đề tôn giáo. Tướng Goering phàn nàn kịch liệt với Hitler rằng trong lần rút lui của đoàn quân số IV ở Nga, Heinrici đã không tuân theo chính sách tiêu thổ của Quốc trưởng. Ông ta đặc biệt nhấn mạnh rằng vị tướng đã cố tình không tuân theo mệnh lệnh “đốt cháy và phá hủy mọi ngôi nhà có người sống” ở Smolensk; trong số những tòa nhà còn lại có Đại thánh đường của thị trấn.

Heinrici đã nghiêm trang giải thích rằng “nếu Smolensk bị phá hủy thì lực lượng của tôi đã không thể rút quân qua đó được.” Câu trả lời không làm cả Hitler và Goering vừa lòng, nhưng nó có đủ logic quân sự để ông không phải ra Tòa án binh.

Tuy nhiên, Hitler không quên việc này. Tướng Heinrici, bị trúng hơi độc trong Thế chiến thứ nhất, từ đó bị nhiều chứng rối loạn dạ dày. Vài tháng sau vụ việc với Goering, Hitler viện cớ mấy căn bệnh này đã đưa Heinrici vào danh sách không điều động vì “lý do sức khỏe.” Ông nghỉ hưu trong

một nhà điều dưỡng ở Karls- Bad, Tiệp Khắc, và ở đó, theo lời của Heinrici là, “Bọn họ đơn giản là để tôi ngồi yên đó.” Vài tuần sau khi ông bị cách chức, lần đầu tiên quân Nga vượt qua được đơn vị cũ của ông, đoàn quân số IV.

Trong những tháng đầu của năm 1944, Heinrici vẫn ở Karlsbad, làm một khán giả từ xa trước những sự kiện lớn lao đang từ từ đưa đế chế Hitler đến bên bờ sụp đổ: cuộc xâm chiếm Normandy của quân Đồng minh phương Tây vào tháng 6; liên quân Anh-Mỹ tiến vào đất nước hình chiếc ủng, Italy và chiếm được Rome; vụ ám sát hụt Hitler ngày 20/7; thế công mạnh mẽ của quân Nga khi chúng tiến qua Đông Âu. Khi tình hình ngày càng nghiêm trọng hơn, Heinrici thấy cảnh ăn không ngồi rồi của mình thật bức đến không chịu nổi. Nếu nài xin Quốc trưởng, chắc ông cũng được chỉ huy một Tập đoàn quân, nhưng ông lại không chịu làm thế.

Cuối cùng, vào cuối mùa hè năm 1944, sau tám tháng nghỉ hưu cưỡng chế, Heinrici được cho quay về nhiệm vụ - lần này đến Hungary và chỉ huy binh đoàn thiết giáp số 1 cùng các Tập đoàn quân Hungary số I đang gặp nguy khốn.

Ở Hungary, Heinrici lại quay trở về cung cách cũ. Vào cao điểm của cuộc chiến ở đó, Thượng tướng Ferdinand Schörner, được Hitler chống lưng, và là thượng cấp của Heinrici ở Hungary, đưa ra một quy tắc là bất kỳ người lính nào bị phát hiện ở lại đằng sau mặt trận không theo mệnh lệnh “sẽ bị xử bắn ngay lập tức và bêu xác làm gương.” Quá ghê tởm trước mệnh lệnh đó, tướng Heinrici giận dữ vặn lại: “Những phương pháp như thế chưa từng được sử dụng dưới quyền của tôi, và sẽ không bao giờ có.”

Dù bị buộc phải rút lui từ bắc Hungary về Tiệp Khắc, ông đã chiến đấu ngoan cường đến mức vào ngày 3/3/1945, ông được thông báo rằng Thập tự Hiệp sĩ của ông vừa được trang trí thêm Thanh gươm Lá sồi – một lời khen tặng đáng ghi nhận đối với một người vốn bị Hitler chán ghét mãnh liệt. Và bây giờ, chỉ hai tuần sau đó, ông đang hồi hả tới Zossen, với tờ công văn trong túi áo ra lệnh cho ông chỉ huy Tập đoàn quân Vistula.

Khi quan sát con đường Reichsstrasse 96 bị bỏ lại đằng sau chiếc Mercedes đang lao vun vút của mình, tướng Heinrici tự hỏi con đường này

sẽ đưa ông đến đâu. Ông nhớ lại phản ứng của ban tham mưu của mình khi họ biết được lệnh điều động của ông, và ông được lệnh phải báo cáo với Đại tướng Heinz Guderian, người đứng đầu Tổng bộ tham mưu của OKH (Oberkommando des Heeres) – Chỉ huy Cao cấp của Quân đội. Họ đều bị sốc. Viên tham mưu trưởng của ông hỏi, “Ông có thực sự muốn công việc đó không?”

Đối với các thuộc cấp đang lo lắng, tướng Heinrici thẳng tính có vẻ như đâm đầu vào rắc rối rồi. Là tư lệnh mặt trận sông Oder, phòng tuyến chủ chốt cuối cùng của hàng phòng ngự giữa quân Nga và Berlin, ông sẽ thường xuyên bị đặt dưới sự giám sát của Hitler và “mấy thằng hề trong cung” – như một trong số các sĩ quan của Heinrici gọi bọn họ.

Tướng Heinrici chưa bao giờ làm một kẻ nịnh nọt, và cũng chưa từng học cách bóp méo sự thật; làm sao ông có thể tránh va chạm với những kẻ quanh Quốc trưởng? Và ai cũng biết chuyện gì sẽ xảy đến với những người bất đồng ý kiến với Hitler.

Tận tâm hết mức có thể, các sĩ quan thân cận với Heinrici đã đề nghị ông nên tìm cớ không nhận nhiệm vụ này – có lẽ là “lý do sức khỏe.” Thật đáng ngạc nhiên, tướng Heinrici đơn giản đáp lại rằng ông sẽ tuân theo mệnh lệnh – “giống như một binh nhì Schultz hay Schmidt nào đó.” Bây giờ ông đã đến ngoại ô Zossen, tướng Heinrici không thể chịu nổi khi nhớ lại cảnh tượng lúc ông khởi hành, Ban tham mưu của ông nhìn ông “như thể tôi là một con cừu non sắp bị đưa đi giết mổ.”

2

Ở cổng chính của căn cứ, xe của tướng Heinrici nhanh chóng được thông qua. Hàng rào bảo vệ sơn hai màu đỏ đen bên trong được kéo qua, và chiếc xe chạy vào sở chỉ huy Zossen giữa hàng người đứng chào xôn xao. Có cảm giác như họ vừa bước vào một thế giới khác. Về một mặt nào đó thì đúng là như thế - một thế giới quân sự, kỷ luật, được nguy trang và che giấu kỹ càng, chỉ có một số ít người biết và được nhận dạng bằng các mật danh “Maybach I” và “Maybach II.”

Khu liên hợp mà họ vừa lái xe qua là Maybach I – trụ sở của OKH, Bộ Chỉ huy Cao cấp của Quân đội, đứng đầu là Đại tướng Guderian. Ông chỉ huy các đội quân ở mặt trận phía Đông từ nơi này. Cách đó một dặm về phía trong là một khu hoàn toàn tách biệt: Maybach II, trụ sở của OKW, Bộ Chỉ huy Cao cấp của các Lực lượng Vũ trang. Dù cái tên được đánh số hàng thứ hai nhưng Maybach II lại có thẩm quyền cao hơn – trụ sở của Tư lệnh Tối cao, Hitler.

Không giống Đại tướng Guderian, người trực tiếp chỉ huy từ trụ sở OKH của mình, đội hình bậc thang cao nhất của OKW – Tổng tham mưu của OKW, Nguyên soái Wilhelm Keitel, và Tổng giám sát, Thượng tướng Alfred Jodl – luôn kề cận bên Hitler dù ông ta có đi đâu. Chỉ có bộ máy vận hành của OKW là nằm lại Zossen. Keitel và Jodl chỉ huy các đội quân ở mặt trận phía tây thông qua đó, ngoài ra còn dùng nó làm cơ quan thu thập và phân phối thông tin đưa mọi mệnh lệnh của Hitler đến toàn bộ các lực lượng vũ trang của Đức.

Do vậy, Maybach II là thần của các vị thần, hoàn toàn tách biệt khỏi sở chỉ huy của Guderian đến mức rất ít sĩ quan của ông được phép vào trong đó. Sự phong bế kín kẽ tới mức hai Sở chỉ huy còn được ngăn cách về mặt vật lý bằng những dãy hàng rào kẽm gai thường có lính gác đi tuần. Hitler

đã tuyên bố vào năm 1941 rằng không ai có thể biết nhiều hơn phận sự của mình. Trong sở chỉ huy của tướng Guderian, mọi người nói rằng “nếu quân địch có chiếm được OKW thì chúng ta vẫn sẽ ổn và đi làm bình thường thôi: chúng ta có biết gì về chỗ đó đâu.”

Bên dưới sự bảo vệ của tán rừng, chiếc xe của tướng Heinrici chạy theo một trong số mấy con đường đất nhỏ hẹp đan chéo qua khu liên hợp. Rải rác giữa những gốc cây không ngay hàng thẳng lối là những tòa nhà bê tông thấp. Khoảng cách giữa các căn nhà thưa tới mức chúng hoàn toàn được các ngọn cây che phủ, nhưng để cho chắc chắn, chúng được sơn ngụy trang màu xanh lá, nâu, đen u ám. Các phương tiện đi lại đậu phía ngoài mấy con đường – bên cạnh những tòa nhà trông như trại lính phủ lưới ngụy trang. Lính gác đứng khắp nơi, và ở những điểm chiến lược quanh khu trại, những gò đất thấp nhô lên trên, chứa các boongke có lính ở trong.

Đó là phần nổi của cơ sở ngầm mở rộng bên dưới toàn khu trại, phần ngầm của Maybach I và Maybach II còn rộng hơn cả phần trên mặt đất. Mỗi tòa nhà có ba tầng hầm, nối với nhau bằng các hành lang. Cơ sở ngầm lớn nhất là “Exchange 500” – tổng đài thông tin liên lạc bằng radio quân sự, điện báo và điện thoại lớn nhất nước Đức. Nơi này hoàn toàn tự vận hành, có hệ thống điều hòa không khí (gồm một hệ thống lọc đặc biệt nhằm chống tấn công bằng hơi độc), hệ thống cấp nước, bếp và không gian sinh hoạt riêng biệt. Nó nằm sâu 20m dưới lòng đất – tương đương một tòa nhà bảy tầng dưới đất.

Exchange 500 là cơ sở vật chất duy nhất mà OKH và OKW dùng chung. Ngoài việc kết nối hai Sở chỉ huy và Berlin với mọi tư lệnh lục quân, không quân và hải quân cấp cao ở xa, nơi đây còn là tổng đài liên lạc chính của chính phủ Đức quốc xã và các cơ quan điều hành. Nó được hoàn thành vào năm 1939, được thiết kế để phục vụ cho một đế chế rộng bao la.

Trong phần thân chính hay phòng đặt các đường dây nối đi xa, hàng dãy nhân viên trực ngồi trước những tấm bảng có đèn nhấp nháy; trên mỗi tấm bảng có một tấm thẻ nhỏ ghi tên một thành phố nào đó – Berlin, Prague, Vienna, Copenhagen, Oslo,... Nhưng đèn của một vài bảng điều khiển đã tắt – những tấm bảng đó vẫn còn ghi tên của Athens, Warsaw, Budapest,

Rome và Paris.

Mặc dù đã cẩn thận nguy trang, khu liên hợp Zossen đã từng bị đánh bom. Tướng Heinrici có thể thấy bằng chứng rõ ràng khi xe của ông dừng bên ngoài tòa nhà chỉ huy của tướng Guderian. Khu vực này lỗ chỗ hố bom, cây bị bật gốc, và có mấy tòa nhà bị hư hại nặng. Nhưng hậu quả của cuộc đánh bom đã được giảm thiểu tối đa nhờ kiến trúc kiên cố của các tòa nhà – một số có tường dày tới 1m.^[6]

Theo cùng nguồn tin đó thì việc khởi công xây công sự ngầm này bắt đầu từ năm 1936. Vào năm 1938 và 1939, khả năng chịu bom không kích và súng phun lửa của khu công sự được người Đức kiểm tra. Tôi mong ngài, thưa ngài Đại tướng thân mến, sẽ không từ chối ra lệnh cho không lực của quân Đồng minh đánh bom ‘Thành lũy’ càng sớm càng tốt bằng bom hạng nặng. Tôi chắc chắn kết quả là... Bộ tổng tham mưu của Đức, nếu nó vẫn nằm ở đó, sẽ chịu nhiều thiệt hại và tổn thất khiến nó không thể làm việc bình thường... và [có thể] phải di dời. Vì thế, người Đức sẽ mất một Sở chỉ huy và trung tâm thông tin liên lạc được tổ chức tốt. Đính kèm theo đây là một tấm bản đồ có vị trí chính xác của [trụ sở] Bộ tổng tham mưu Đức.”

Trong tòa nhà chính, bằng chứng của cuộc tấn công còn rõ ràng hơn. Người đầu tiên mà tướng Heinrici và đại úy Von Bila gặp là Trung tướng Hans Krebs, Tham mưu trưởng của tướng Guderian, đã bị thương trong cuộc không kích. Chiếc kính một mắt đeo bên mắt phải, ông ngồi sau bàn làm việc trong một văn phòng gần văn phòng của tướng Guderian, đầu quấn băng trắng. Tướng Heinrici không quan tâm nhiều về tướng Krebs. Dù vị Tham mưu trưởng này cực kỳ thông minh, tướng Heinrici thấy ông ta “là một người đàn ông không chịu tin sự thật, người có thể đổi trắng thay đen để làm giảm thiểu tình hình thực sự cho Hitler nghe.”

Tướng Heinrici nhìn ông ta. Bỏ qua sự tinh tế, ông đột ngột hỏi:

“Ông bị thương làm sao vậy?”.

Tướng Krebs nhún vai. Ông đáp:

“Ồ không có gì. Không có gì đâu.”

Krebs vẫn luôn thản nhiên như thế. Trước cuộc chiến, ông từng là tùy viên quân sự Đại sứ quán Đức tại Moscow, và ông nói tiếng Nga gần như hoàn hảo. Sau khi ký Hiệp ước Trung lập Nga-Nhật năm 1941, Stalin đã ôm Krebs và nói, “Chúng ta sẽ luôn là bạn.” Giờ đây, trong lúc ngẫu nhiên nói chuyện với Heinrici, Krebs nói rằng mình vẫn đang học tiếng Nga. Ông nói, “Mỗi sáng tôi đặt một quyển từ điển trên một cái kệ bên dưới tấm gương và học vài từ trong lúc cạo râu.” Heinrici gật đầu. Krebs sẽ thấy mớ tiếng Nga của mình hữu dụng nhanh thôi.

Vào lúc đó, Thiếu tá Freitag von Loringhoven, sĩ quan phụ tá của tướng Guderian, cùng nhập hội với bọn họ. Đi cùng ông là Đại úy Gerhard Boldt, một thành viên khác trong ban tham mưu cá nhân của tướng Guderian. Họ trịnh trọng chào Heinrici và Von Bila, rồi đi cùng hai người tới văn phòng của Đại tướng. Với Von Bila, có vẻ như ai cũng mặc bộ đồng phục chiến trường màu xám được cắt may và ủi cẩn thận, mang ủng cao bóng loáng, cùng với phù hiệu màu đỏ mang quân hàm trên cổ áo. Heinrici, đi phía trước thiếu tá Von Loringhoven, có vẻ lạc quẻ về mặt trang phục như thường lệ - đặc biệt là nhìn từ đằng sau. Chiếc áo khoác da cừu cổ viền lông làm Von Bila nhăn mặt vì ngượng.

Thiếu tá Von Loringhoven đi vào văn phòng của Đại tướng, một lát sau quay lại và để cửa mở cho tướng Heinrici. Khi tướng Heinrici đi vào, ông thông báo “Ngài Thượng tướng Heinrici.” Von Loringhoven đóng cửa lại và rồi nhập bọn cùng Boldt và Von Bila trong phòng chờ.

Tướng Guderian đang ngồi đằng sau một cái bàn lớn ngập giấy. Khi Heinrici đi vào, ông đứng dậy, nồng nhiệt chào vị khách, chỉ cho ông một cái ghế và nói chuyện về chuyến đi của Heinrici một lúc. Heinrici thấy rằng Guderian đang căng thẳng và cáu kỉnh. Bờ vai rộng, chiều cao trung bình, với mái tóc hoa râm mỏng và hàng ria lộn xộn, tướng Guderian trông già hơn cái tuổi 60 của mình. Ông là một vị tướng bệnh tật, dù không nhiều người biết, với chứng cao huyết áp và bệnh tim – một bệnh tình không thể thuyên giảm trước tâm trạng chán nản thường trực của ông. Những ngày này, người sáng tạo ra lực lượng thiết giáp lớn nhất của Hitler – tài năng vũ khí của ông từng đem lại cuộc chiếm đóng nước Pháp năm 1940 chỉ trong

27 ngày và gần như chưa từng đạt được thành tựu tương tự ở Nga – thấy mình hầu như chẳng còn quyền lực gì. Dù là người đứng đầu Tổng bộ tham mưu, ông cũng không còn ảnh hưởng gì mấy tới Hitler nữa. Là một sĩ quan nóng tính hầu hết mọi lúc, Heinrici nghe nói bây giờ tướng Guderian gặp nhiều trở ngại tới mức ông thường nổi cơn lôi đình.

Khi họ nói chuyện, tướng Heinrici nhìn quanh. Văn phòng khá đơn giản: một cái bàn bản đồ lớn, vài cái ghế dựa lưng thẳng, hai cái điện thoại, một cái đèn ngủ bóng màu xanh lá đặt trên bàn làm việc, và trên bức tường màu be không có gì khác trừ một bức chân dung đóng khung thông thường của Hitler, treo trên cái bàn bản đồ. Người đứng đầu Tổng bộ tham mưu thậm chí còn chẳng có lấy một cái ghế êm ái.

Dù Guderian và Heinrici không phải là bạn bè thân thiết, họ cũng đã biết nhau nhiều năm, tôn trọng tài năng của nhau và đủ gần gũi để trao đổi tự do và thoải mái. Ngay khi vào chủ đề công việc, Heinrici nói thẳng. Ông nói, “Đại tướng, thời gian qua tôi chỉ ở vùng hoang dã của Hungary. Tôi chẳng biết gì về Cụm Tập đoàn quân Vistula, nó bao gồm những thành phần nào hay tình hình bên sông Oder ra làm sao cả.”

Tướng Guderian cũng thẳng thừng tương tự. Ông mạnh mẽ đáp lại, “Tôi phải nói với anh, Heinrici à, Hitler không muốn giao anh quyền chỉ huy này đâu. Ông ta nghĩ đến người khác trong đầu rồi.”

Heinrici vẫn im lặng.

Guderian tiếp tục: “Tôi chịu trách nhiệm việc này. Tôi đã nói với Hitler rằng anh là người cần thiết. Thoạt tiên ông ta không chịu anh đâu. Cuối cùng, tôi đã khiến ông ta đồng ý.”

Guderian nói chuyện theo kiểu thẳng thừng, đậm tính công việc, nhưng vì có thiện cảm với người trước mặt mà tông giọng của ông thay đổi. Dù là 20 năm sau, Heinrici vẫn còn nhớ chi tiết của bài chỉ trích sau đó.

Guderian gầm gừ, “Himmler. Hẳn là vấn đề lớn nhất. Phải thoát khỏi kẻ mà anh vừa thay thế - Himmler!”

Ông đột ngột đứng dậy khỏi ghế, đi quanh bàn và bắt đầu rảo bước trong phòng. Heinrici chỉ vừa mới biết gần đây là Thống chế Heinrich Himmler là tư lệnh của Cụm Tập đoàn quân Vistula. Tin tức đó khiến ông ngạc nhiên

tới mức thoát đầu ông không tin. Ông biết Himmler là một thành viên trong nội các của Hitler – có lẽ là người quyền lực nhất nước Đức sau Quốc trưởng. Ông không hề biết rằng Himmler có kinh nghiệm gì trong việc điều binh khiển tướng ngoài chiến trường – chứ đừng nói tới việc chỉ huy hoạt động của một Cụm Tập đoàn quân.

Tướng Guderian cay đắng kể lại hồi tháng 1, khi Ba Lan sụp đổ trước cơn thủy triều Hồng quân, ông đã liền lệnh thúc giục thành lập Cụm Tập đoàn quân Vistula như thế nào. Vào lúc đó, nó được hình dung là một tổ hợp các quân đoàn phía bắc trấn giữ phòng tuyến chủ chốt giữa sông Oder và Vistula, đại khái từ Đông Phổ đến một điểm phía nam nơi nó sẽ liên kết với một Cụm tập đoàn quân khác. Nếu phòng tuyến giữ được, nó sẽ ngăn quân Nga tràn như tuyết lở vào trung tâm nước Đức, qua vùng hạ Pomerania và thượng Silesia, rồi qua cổng Bran-denburg và cuối cùng – là Berlin.

Guderian đã đề nghị cho Thống chế Freiherr von Weichs chỉ huy tập đoàn quân này. Guderian nói, “Vào lúc đó ông ấy là người phù hợp nhất. Chuyện gì đã xảy ra? Hitler nói Von Weichs quá già. Jodl cũng có mặt tại cuộc họp và tôi mong ông ta có thể ủng hộ mình. Nhưng ông ta đưa ra vài nhận xét về quan điểm tôn giáo của Von Weichs. Thế là xong chuyện.”

Guderian lớn tiếng chửi, “Thế rồi, chúng ta có ai nào? Hitler bổ nhiệm Himmler! Trong số bao nhiêu người – là Himmler đấy!”

Guderian, theo lời ông, đã “tranh luận và nài xin bãi bỏ vụ bổ nhiệm kinh khủng và vô lý” của một người không hề có kiến thức quân sự. Nhưng Hitler rất cứng rắn. Dưới quyền Himmler, mặt trận chỉ có sụp đổ chứ chẳng có gì khác. Hồng quân đã di chuyển đúng như Guderian dự đoán. Một khi quân Nga vượt qua được Cụm tập đoàn quân Vistula, một phần lực lượng của họ đi về phương Bắc tới biển Baltic ở Danzig, tách ra và chạy vòng quanh khoảng 20-25 sư đoàn chỉ riêng ở Đông Phổ.

Phần còn lại của quân đội Soviet băng qua Pomerania và thượng Silesia, rồi tới được sông Oder và sông Neisse. Khắp nơi dọc theo mặt trận miền đông, phòng tuyến của Đức bị áp đảo. Nhưng không có khu nào sụp đổ nhanh như của Himmler. Thất bại của ông ta đã mở toang cánh cổng vào

con đường chính đi qua nước Đức và kết nối với quân Đồng minh phương Tây. Hơn hết thảy, nó đặt Berlin vào trong tình thế nguy hiểm.

Guderian nói với Heinrici rằng, chỉ 48 giờ trước đó, ông đã lái xe đến sở chỉ huy của Cụm tập đoàn quân Vistula ở Birkenhain, cách Berlin khoảng 50 dặm về phía bắc, cố thuyết phục Himmler bỏ quyền chỉ huy. Ở đó, ông được thông báo rằng Himmler đang bị bệnh. Ông cuối cùng cũng tìm được vị tư lệnh SS cách đó 20 dặm, gần thị trấn Lychen, “nằm co ro trong viện điều dưỡng, mà chả bị gì ngoài một cơn cảm lạnh.”

Guderian nhanh chóng nhận thấy “căn bệnh” của Himmler có thể tận dụng thành lợi thế. Ông bày tỏ sự cảm thông với ngài Thống chế, và nói có lẽ ông ta đã làm việc quá sức, rằng số chức trách mà ông ta nắm giữ sẽ “là gánh nặng lên sức mạnh của bất kỳ người đàn ông nào.” Ngoài là tư lệnh của Cụm tập đoàn quân Vistula, Himmler đầy tham vọng còn là Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Thủ lĩnh Gestapo, lực lượng cảnh sát và an ninh của Đức; đứng đầu lực lượng SS, và là tư lệnh của Huấn luyện quân. Sao không bỏ bớt một chức trách, Guderian đề nghị - để coi, Cụm tập đoàn quân Vistula?

Himmler tóm ngay lấy lời đề nghị đó. Ông ta nói với Guderian, quá đúng; việc ông ta có quá nhiều chức vụ thực sự đòi hỏi sức chịu đựng lớn lao. Himmler hỏi, “Nhưng làm sao tôi có thể nói với Quốc trưởng là tôi muốn từ bỏ Vistula?” Guderian nhanh nhẩu nói với Himmler là nếu được cho phép, ông ta sẽ đề xuất việc này. Himmler mau lẹ đồng ý. Guderian nói thêm, đêm hôm đó, “Hitler đã làm nhẹ bớt gánh nặng của vị Thống chế đã làm việc quá sức và có quá nhiều gánh nặng này, nhưng chỉ sau khi đã cầu nhàu một thôi một hồi và hết sức miễn cưỡng.”

Guderian ngừng lại, nhưng chỉ trong một lúc. Lời thuật lại tai họa đầy gay gắt của ông chấm dứt bằng một cơn thịnh nộ trào dâng. Bây giờ ông nổi giận trở lại. Giọng run rẩy vì giận dữ, ông nói: “Chúng ta đang ở trong một đám hỗn loạn lạ kỳ. Cái cách cuộc chiến đang diễn ra thật là không thể tin được. Không thể tin được!”

Guderian nhớ lại, qua mấy tháng trước, ông đã cố thuyết phục Hitler hiểu rằng “nguy cơ thật sự nằm ở mặt trận phía Đông,” và “cần có biện pháp mạnh.” Ông thúc giục một loạt rút quân chiến lược từ các nước quanh

biển Baltic – đặc biệt là từ Courland ở Latvia – và từ các nước ở bán đảo Balkan, và thậm chí còn đề nghị từ bỏ Na Uy và Italy. Cần rút ngắn phòng tuyến các nơi; mỗi sư đoàn được rút bớt có thể tăng tốc hướng về mặt trận với Nga. Theo tin tình báo, quân Nga có số sư đoàn đông gấp đôi quân Đồng minh phương Tây – chưa kể số sư đoàn Đức chiến đấu ở phía Đông ít hơn phía Tây. Hơn nữa, những sư đoàn thiện chiến nhất của Đức đang đối đầu với Eisenhower. Nhưng Hitler không chịu tiếp tục phòng thủ; ông ta không tin những tin tức và số liệu đặt trước mặt mình.

Thế rồi, Guderian tuyên bố, “Có lẽ Hitler đã mắc phải sai lầm lớn nhất đời.”

Tháng 12/1944, ông ta phát động cuộc tấn công ồ ạt vào lực lượng Đồng minh phương Tây, một lần đánh cược cuối cùng, ở những cánh rừng tại cao nguyên Ardennes của Bỉ và miền bắc Luxembourg. Hitler huênh hoang rằng cuộc tấn công sẽ đập tan quân Đồng minh và thay đổi hoàn toàn cục diện cuộc chiến. Ông ta đưa ba đoàn quân vũ trang tận răng tấn công vào trung tâm của phòng tuyến quân Đồng minh – tổng cộng có 20 sư đoàn, trong đó có 12 sư đoàn có vũ trang. Mục tiêu của họ là: vượt qua phòng tuyến, đến được Meuse, và rồi tiến về hướng bắc để chiếm được cảng tiếp tế sống còn ở Antwerp. Bị đánh úp bất ngờ, quân Đồng minh choáng váng và phải rút lui với tổn thất nặng nề. Nhưng không lâu sau cuộc tấn công đuổi dần. Hồi phục nhanh chóng, quân Đồng minh đẩy lùi các đội quân kiệt sức của Hitler về sau biên giới Đức chỉ sau năm tuần.

Guderian nói, “Khi thấy rõ là cuộc tấn công đã thất bại, tôi đã năn nỉ Hitler rút quân khỏi Ardennes và đưa họ đến mặt trận phía Đông, nơi chúng ta đoán quân Nga sẽ tấn công bất cứ lúc nào. Nhưng chả ích gì – ông ta không chịu tin phỏng đoán của chúng tôi về sức mạnh của quân Nga.”

Ngày 9/1, Guderian nói với Hitler là người Nga có thể sẽ phát động tấn công từ Baltic tới Balkan bằng một lực lượng khổng lồ vào cỡ 225 sư đoàn và 22 quân đoàn có vũ trang. Dự đoán tình hình do Đại tướng Reinhard Gehlen, Trưởng cục tình báo của Guderian chuẩn bị. Dự báo cho thấy về mặt bộ binh, quân Nga sẽ áp đảo quân Đức theo tỷ lệ 11 đánh 1, về quân có vũ trang là 7 đánh 1, về cả pháo và máy bay thì ít nhất là 20 đánh 1.

Hitler đập bàn và điên cuồng chửi bới tác giả của bản báo cáo. Ông ta rống lên, “Thằng nào chuẩn bị mớ rác này hả? Dù nó có là ai, nó cũng sẽ bị đưa vào nhà thương điên!” Ba ngày sau quân Nga tấn công, và tướng Gehlen cho thấy ông đã đúng.

Guderian nói với Heinrici, “Mặt trận hầu như sụp đổ, đơn giản là vì phần lớn lực lượng thiết giáp của chúng ta đang kẹt ở phía Tây. Cuối cùng Hitler cũng đồng ý chuyển một số binh chủng thiết giáp, nhưng ông ta không chịu để tôi dùng xe tăng để tấn công quân Nga đang chĩa mũi nhọn về phía đông Berlin. Ông ta đã đưa chúng đi đâu? Tới Hungary, nơi chúng bị quăng vào một cuộc tấn công hoàn toàn vô ích để dành lại mấy mỏ dầu.”

Ông nổi điên lên, “Ngay cả bây giờ, không hiểu sao vẫn còn 18 sư đoàn đang ngồi ở Courland – kẹt cứng ở đó, chả làm gì. Ở đây cần họ - chứ không phải ở vùng Baltic! Nếu chúng ta muốn sống sót, cần đưa mọi thứ đến mặt trận Oder.”

Guderian ngừng lại và cố trấn tĩnh bản thân. Rồi ông nói: “Quân Nga đang nhìn xuống cổ họng chúng ta. Chúng đã dừng tấn công để tái cơ cấu tổ chức. Chúng tôi đoán là anh có 3 đến 4 tuần để chuẩn bị – trước khi mấy cơn lũ tràn tới. Vào lúc đó, quân Nga sẽ cố thiết lập những vùng mới chiếm ở bờ Tây và mở rộng những cái họ đã có. Cần đẩy lùi những nơi đó. Dù nơi khác có xảy ra chuyện gì, quân Nga cần phải bị chặn đứng bên sông Oder. Đó là hi vọng duy nhất của chúng ta.”

3

Tướng Guderian gọi người mang bản đồ vào. Trong căn phòng chờ bên ngoài, một trong số mấy sĩ quan phụ tá cầm lấy vài tấm bên trên một chồng đã chuẩn bị sẵn, đem vào trong văn phòng và trải ra trên chiếc bàn bản đồ trước mặt hai vị tướng.

Đây là lần đầu tướng Heinrici nhìn qua tình hình tổng thể.

Hơn một phần ba nước Đức đã mất – bị nuốt chửng bởi đà tiến quân của phe Đồng minh từ cả đông lẫn tây. Tất cả những gì còn lại nằm giữa hai rào chắn lớn bằng nước: ở phía tây là sông Rhine; còn ở phía đông là sông Oder và sông nhánh của nó, sông Neisse. Và tướng Heinrici biết là những vùng công nghiệp lớn của đế chế Đức chưa bị chiếm thì đang bị đánh bom đêm ngày.

Ở phía Tây, quân đội của Eisenhower, như tướng Heinrici có nghe được, thực sự đã tới bên bờ sông Rhine, phòng tuyến tự nhiên vĩ đại của nước Đức. Lực lượng của liên quân Anh-Mỹ trải dài gần 500 dặm dọc theo bờ tây – đại khái từ Biển Bắc tới biên giới Thụy Sĩ. Thậm chí một cứ điểm ở sông Rhine đã bị chọc thủng. Ngày 7/3, quân Mỹ đã chiếm được một cây cầu ở Remagen, phía nam thành phố Bonn, trước khi quân Đức kịp hoàn toàn phá cầu. Bây giờ, quân Mỹ chiếm một vùng quanh đầu cầu rộng 20 dặm, sâu 5 dặm nằm dọc bờ đông. Những giao điểm khác đang chống đỡ từng giây từng phút.

Ở phía Đông, quân Soviet đã ùn ùn vượt qua Đông Âu và trấn giữ một mặt trận dài hơn 800 dặm – từ biển Baltic tới biển Adriatic. Ở Đức thì quân Nga đang đứng dọc sông Oder-Neisse tới tận biên giới với Tiệp Khắc. Guderian nói với Heinrici, bây giờ, quân Nga đang ráo riết chuẩn bị tiếp tục tấn công. Máy bay trinh sát đã phát hiện ra quân tiếp viện đang túa về mặt trận. Mọi ga đầu mối đều đầy ắp súng và trang thiết bị. Mọi con đường đều

kẹt cứng xe tăng, những đoàn xe ngựa kéo và máy kéo, và các đoàn quân đang di chuyển nhanh như vũ bão.

Sức mạnh của Hồng quân vào lúc tấn công sẽ lớn tới đâu, không ai có thể đoán nổi, nhưng đã nhận dạng được ba Tập đoàn quân hiện diện tại Đức – tập trung chủ yếu ở ngay đối diện Cụm tập đoàn quân Vistula.

Nhìn vào mặt trận để lại cho ông, tướng Heinrici lần đầu thấy được cái mà sau này ông mô tả là “toàn bộ sự thật choáng váng.”

Trên bản đồ, đường màu đỏ uốn lượn đánh dấu vị trí của Vistula kéo dài 175 dặm – từ bờ biển Baltic tới chỗ sông Oder và sông Neisse gặp nhau ở Silesia, nơi nó kết nối với lực lượng của Thượng tướng Schörner. Phần lớn mặt trận nằm trên bờ Tây sông Oder, nhưng có ba đầu cầu lớn vẫn còn nằm trên bờ đông: ở phía bắc là Stettin, thủ phủ có từ thế kỷ XIII của Pomerania; ở phía nam là thị trấn Küstrin và thành phố cổ Frankfurt bên sông Oder – cả hai đều nằm trong quân khu quan trọng ngay đối diện Berlin.

Để ngăn quân Nga chiếm được thủ đô và tiến thẳng vào trung tâm nước Đức, tướng Heinrici phát hiện ra mình chỉ có trong tay hai quân đoàn. Trấn thủ cánh phía bắc của mặt trận là Quân đoàn Thiết giáp số 3, do Đại tướng Hasso von Manteuffel nhỏ con chỉ huy – có lẽ là chiến thuật gia thiết giáp vĩ đại nhất của quân đội Đức sau tướng Guderian và Rommel. Ông trấn giữ các vị trí kéo dài khoảng 95 dặm – từ phía bắc Stettin đến giao điểm của kênh Hohenzollern và sông Oder, cách Berlin khoảng 28 dặm về hướng đông bắc. Phía dưới đó, cách ngã ba sông Neisse 80 dặm, lực lượng phòng thủ do Đại tướng Theodor Busse, 47 tuổi, mang kính cận cùng với Quân đoàn 9 của ông phụ trách.

Chán nản trước bức tranh toàn cục, tướng Heinrici không quá ngạc nhiên trước số lượng đông đảo của quân địch nữa. Ở mặt trận phía Đông, đánh trận mà không có không quân yểm hộ là chuyện bình thường, chỉ có vài chiếc xe tăng ít ỏi, và còn bị áp đảo số lượng ít nhất là một chọi chín hoặc mười. Nhưng tướng Heinrici biết, mọi chuyện đều tùy thuộc vào năng lực của các đội quân. Giờ điều làm ông lo lắng là làm sao kết hợp hai quân đoàn này.

Đối với tướng Heinrici có kinh nghiệm trận mạc đầy mình, tên của một

sư đoàn và tư lệnh của nó thường biểu lộ lịch sử và khả năng chiến đấu của nó. Giờ đây, ngồi xem xét bản đồ, ông thấy mặt trận phía đông có rất ít sư đoàn chính quy mà ông có biết. Thay vì được đánh số thông thường, phần lớn các sư đoàn ở đây lại có tên khá kỳ quặc, kiểu như “Gruppe Kassen,” “Döberitz,” “Nederland,” “Kurmark,” “Berlin” và “Müncheberg.”

Heinrici tự hỏi kết cấu của các lực lượng này là thế nào. Họ có phải là quân tàn dư – đơn giản là quãng phần còn lại của các sư đoàn vào với nhau? Tấm bản đồ của tướng Guderian không vẽ nên một bức tranh rõ ràng cho ông. Ông cần chính mắt thấy, nhưng ông nghi từ đầu là mấy lực lượng này chỉ là sư đoàn về mặt danh nghĩa. Heinrici không nói gì về sự nghi ngờ của mình, vì tướng Guderian có những vấn đề khác, khẩn cấp hơn để thảo luận – đặc biệt là Küstrin.

Quân đoàn lớn nhất của tướng Heinrici là Quân đoàn 9 của tướng Busse, tấp khiên chắn ngay trước Berlin. Từ những dấu chấm đỏ trên bản đồ, có thể thấy rõ là tướng Busse đang phải đối mặt với sức ép lớn lao. Guderian nói, quân Nga đang tập trung ngay đối diện Quân đoàn 9. Chúng đang phi thường nỗ lực để quét sạch hai đầu cầu của Đức bên bờ đông tại Küstrin và tại vùng Frankfurt. Tình hình tại Küstrin nguy ngập hơn.

Trong mấy tuần qua tại quân khu này, Hồng quân đã mấy lần thành công vượt sông Oder và giành được mấy vị trí vững chắc bên bờ tây. Đa số những cố gắng đó đều bị đẩy lui, nhưng quân Nga vẫn đóng quanh Küstrin bất chấp các nỗ lực phòng ngự. Chúng đã chiếm được những vùng quanh đầu cầu với quy mô lớn cả hai bên thành phố. Giữa những công sự tạm chiếm vây quanh thành thế gọng kềm đó, trơ lại một hành lang đơn độc, nối quân phòng thủ tại Küstrin với Quân đoàn 9. Một khi gọng kềm đó xiết lại, Küstrin sẽ sụp đổ và mối liên kết giữa hai đầu cầu sẽ là tấm ván dậm nhảy lớn bên bờ tây cho quân Nga lấy đà tiến về Berlin.

Và giờ đây, tướng Guderian tung cho tướng Heinrici một quả bom nữa. Ông nói, “Hitler đã quyết định sẽ phát động một cuộc tấn công để quét sạch đầu cầu phía nam Küstrin, và Đại tướng Busse đang chuẩn bị đấy. Tôi tin nó sẽ xảy ra trong 48 giờ tới thôi.”

Theo như tướng Guderian phác thảo, kế hoạch là cuộc tấn công sẽ phát

động từ Frankfurt, dưới Küstrin 13 dặm. Năm sư đoàn Đặc nhiệm Thiết giáp sẽ vượt sông vào đầu cầu của Đức rồi từ đó tấn công bờ đông và đánh từ đằng sau vào đầu cầu của Nga ở phía nam Küstrin.

Tướng Heinrici nghiên cứu tấm bản đồ. Thành phố Frankfurt nằm ở cả hai bên sông Oder, với phần lớn thành phố nằm bên bờ tây. Một cây cầu duy nhất nối hai bờ thành phố. Đối với vị tư lệnh mới của Cụm tập đoàn quân Vistula, có hai sự thật rất rõ ràng: địa hình nhiều đồi núi bên bờ đông tạo điều kiện lý tưởng cho pháo binh Nga – chúng có thể bắt chết quân Đức từ các ngọn đồi. Nhưng tệ hơn, đầu cầu trên sông quá nhỏ để năm sư đoàn cơ giới cùng hội lại một chỗ.

Tướng Heinrici nghiền ngẫm tấm bản đồ một lúc. Trong đầu ông không còn nghi ngờ gì nữa rằng việc các sư đoàn Đức hợp lại sẽ bị phát hiện ngay, và sau đó sẽ bị đập tan bằng trọng pháo, rồi bị máy bay tấn công. Nhìn tướng Guderian, ông nói đơn giản:

“Đó là chuyện bất khả thi.”

Guderian cũng đồng ý. Ông giận dữ nói với tướng Heinrici rằng cách duy nhất mà các sư đoàn có thể hợp lại là “nằm sấp trên cầu, từng người từng người một – làm thành một cây cột bằng lính và xe tăng dài chừng 15 dặm.” Nhưng Hitler khẳng khái đòi tấn công. Ông ta nói với tướng Guderian, “Nó sẽ thành công, vì bọn Nga sẽ không ngờ tới một cuộc hành quân liều lĩnh và phi chính thống như thế.”

Tướng Heinrici vẫn tiếp tục nghiên cứu tấm bản đồ, ông thấy khu vực nằm giữa Küstrin và Frankfurt dày đặc quân Nga. Cho dù cuộc tấn công có thể xuất phát từ đầu cầu đó đi nữa, quân Nga mạnh đến mức các sư đoàn Đức sẽ không bao giờ tới được Küstrin. Heinrici nghiêm nghị cảnh báo: “Lính của ta sẽ bị dồn về sông Oder. Đó sẽ là thảm họa.”

Tướng Guderian không bình luận gì – chả có gì để nói cả. Đột nhiên, ông liếc nhìn đồng hồ, rồi bực bội nói:

“Chúa ơi, tôi phải quay về Berlin để dự cuộc họp của Quốc trưởng vào lúc ba giờ.”

Chỉ cần nghĩ tới chuyện này cũng đủ làm một cơn thịnh nộ khác bùng nổ. Guderian thở phì phò:

“Chẳng thể làm việc nổi. Cứ ngày hai lần phải đứng hàng giờ mà nghe cái đám xung quanh Hitler nói tầm xàm ba láp – có thảo luận gì đâu! Tôi chẳng thể nào làm xong việc gì! Tôi tốn toàn bộ thì giờ để di chuyển trên đường hoặc ở Berlin nghe mấy lời ngớ ngẩn!”

Cơn lôi đình của tướng Guderian lớn tới mức khiến tướng Heinrici giật mình. Gương mặt vị Tham mưu trưởng đổi sang màu đỏ bầm, nhất thời Heinrici sợ là tướng Guderian sẽ lên cơn đau tim mà chết. Trong khi tướng Guderian tìm cách bình tĩnh lại, căn phòng trở nên yên tĩnh trong lo lắng. Rồi ông nói: “Hitler sẽ thảo luận về cuộc tấn công Küstrin. Có lẽ anh nên đi với tôi.”

Tướng Heinrici từ chối. Ông nói:

“Nếu tôi phải phát động cuộc tấn công điên rồ này ngay ngày mốt, thì tôi sẽ quay trở về sở chỉ huy của mình càng sớm càng tốt.”

Rồi ông cứng cỏi nói thêm:

“Hitler có thể chờ thêm vài ngày nữa để gặp tôi.”

Trong phòng đợi, Heinrich von Bila đang tính giờ của cuộc họp thông qua đồng bản đồ và biểu đồ đang thấp dần đi vì được mang vào văn phòng tướng Guderian. Chỉ còn lại một hai tờ, anh nghĩ, vậy là buổi chỉ dẫn sắp xong. Anh đi qua chỗ chiếc bàn và nhìn lơ đãng vào tấm bản đồ. Nó cho thấy toàn bộ nước Đức, nhưng đường nét trên đó có vẻ hơi khác. Đại úy Von Bila định quay đi thì có một thứ đập vào mắt anh. Anh nhìn gần hơn. Tấm bản đồ này khác với những cái khác. Những dòng chữ trên đó khiến anh chú ý – nó viết bằng tiếng Anh. Anh cúi xuống và bắt đầu nghiên cứu cẩn thận.

4

Khi tướng Heinrichi đầy mệt mỏi về được trụ sở của ông tại Birkenhain, gần Prenzlau thì đã gần sáu giờ chiều.

Suốt gần hai tiếng rưỡi đồng hồ ngồi xe từ Zossen về, ông không nói một lời. Có lúc đại úy Von Bila cố khơi chuyện bằng cách hỏi ông đã xem tấm bản đồ đó chưa. Anh đoán là tướng Guderian đã cho tướng Heinrichi xem một bản sao khác của tấm bản đồ này và giải thích nội dung của nó. Nhưng thực sự thì tướng Heinrichi không hề biết gì về nó cả, và đại úy Von Bila không có được câu trả lời nào. Ngài thượng tướng chỉ ngồi mím môi và lo âu. Von Bila chưa bao giờ thấy ông chán nản đến thế.

Sau khi nhìn thoáng qua trụ sở mới của mình lần đầu tiên, tướng Heinrichi thậm chí còn chán nản hơn nữa. Nơi công tác của tư lệnh Cụm tập đoàn quân Vistula gồm một dinh thự uy nghi đường bệ, hai bên có các trại lính bằng gỗ. Tòa nhà chính được xây khá kỳ quặc – một tòa nhà rộng lớn, trang trí công phu với một hàng cột quá khổ nằm dọc mặt tiền. Nhiều năm trước, Himmler đã cho xây dựng nơi này như một chỗ ẩn náu cá nhân. Trên một đường tàu tránh gần đó là chiếc tàu lửa xa hoa được dành riêng cho ông ta, chiếc “Steiermark.”

Giống như ở Zossen, trụ sở này cũng được rừng che phủ, nhưng sự so sánh đến đây là chấm dứt. Không hề có sự hối hả rộn ràng mà tướng Heinrichi nghĩ trụ sở của một Cụm tập đoàn quân đang hoạt động phải có. Trừ một viên hạ sĩ SS đứng trong nhà nghỉ của tòa nhà chính, nơi này dường như cực kỳ vắng vẻ. Viên hạ sĩ hỏi tên của họ, đưa họ đến một chiếc trường kỷ rồi biến mất tăm.

Mấy phút trôi qua, rồi một trung tướng SS ăn vận hoàn hảo không chệ vào đâu được xuất hiện. Ông giới thiệu mình là Tham mưu trưởng của Himmler, Heinz Lammerding, và giải thích trơn tru rằng ngài Thống chế

“đang có một cuộc thảo luận quan trọng” và “không thể bị làm phiền vào lúc này.” Lịch sự nhưng lạnh lùng, Lammerding không hề mời tướng Heinrici vào đợi trong văn phòng mình, cũng không có một cử chỉ mến khách thông thường nào. Ông ta quay gót đi và để tướng Heinrici cùng đại úy Von Bila đợi trong phòng nghỉ. Suốt bao năm là một sĩ quan cấp cao, tướng Heinrici chưa bao giờ bị đối xử một cách bất cần như thế.

Ông kiên nhẫn đợi 15 phút, rồi nói nhỏ với Von Bila, “Đi nói với Lammerding là tôi không định ngồi ngoài đây thêm một phút nào nữa. Tôi cần gặp Himmler ngay.” Vài giây sau, tướng Heinrici được tháp tùng đi xuống một hành lang vào văn phòng của Himmler.

Himmler đang đứng bên cạnh bàn làm việc. Ông ta có vóc người trung bình, lưng dài hơn chân – một viên sĩ quan của tướng Heinrici nhớ lại là giống như “hai cái chân sau của con bò đực.” Ông ta có gương mặt nhỏ, cằm thụt, cặp mắt lác đăng sau đôi kính có dây đeo đơn giản, một hàng ria mép nhỏ và đôi môi mỏng. Bàn tay ông ta nhỏ nhắn, mềm mại và éo lá với những ngón tay dài thanh mảnh. Tướng Heinrici nhận thấy nước da của ông ta “xanh xao, phù thũng và có cảm giác xộp như miếng bột biển.”

Himmler bước về phía trước, chào hỏi rồi ngay lập tức nói một tràng giải thích dài. Ông ta nắm tay tướng Heinrici và nói, “Anh phải hiểu là rời khỏi Cụm tập đoàn quân Vistula là một quyết định khó khăn vào bậc nhất của tôi.” Vừa nói, ông ta vừa ra dấu cho tướng Heinrici ngồi vào ghế. “Nhưng như anh biết đó, tôi có quá nhiều chức trách, quá nhiều việc phải làm – và vì thế, sức khỏe tôi không được tốt lắm.”

Ngồi đằng sau chiếc bàn, Himmler ngả người ra sau và nói: “Bây giờ, tôi sẽ nói cho anh tất cả mọi chuyện đã diễn ra. Tôi đã bảo đem mọi bản đồ và báo cáo vào đây.” Hai người lính SS bước vào phòng; một là người viết tốc ký, người kia mang một đồng bản đồ. Đằng sau họ là hai sĩ quan tham mưu.

Tướng Heinrici vui mừng khi thấy hai viên sĩ quan mặc đồng phục quân đội, chứ không phải của lực lượng SS. Một trong hai là Trung tướng Eberhard Kinzel, Phó Tham mưu trưởng; còn người kia là Đại tá Hans Georg Eismann, Giám sát trưởng. Tướng Heinrici đặc biệt vui khi gặp Eismann, ông biết đây là một sĩ quan tham mưu cực kỳ có năng lực. Tướng

Lammerding không có mặt.

Himmler chờ đến khi mọi người ngồi xuống. Rồi ông ta bắt đầu một bài biện hộ cá nhân rất kịch tính. Đối với tướng Heinrici, nó giống như “ông ta bắt đầu kể chuyện Adam và Eve,” rồi đi vào những chi tiết thanh minh đầy gian khổ mà ông thấy là “mấy lời ông ta nói chả có nghĩa lý gì.”

Cả Kinzel và Eismann đều biết là Himmler có thể nói thế hàng giờ. Sau đó vài phút, Kinzel chuồn mất vì “có công việc gấp.” Eismann ngồi quan sát Himmler và Heinrici, âm thầm so sánh hai người họ. Ông thấy tướng Heinrici là “một quân nhân lớn tuổi âm trầm và bền bỉ - một người đàn ông nhỏ bé, lặng lẽ, nghiêm túc và lúc nào cũng nhã nhặn,” phải hứng chịu một màn huênh hoang màu mè của một kẻ mới phát không hề có đặc tính quân nhân, “một kẻ chẳng đọc nổi thước chia độ trên bản đồ.”

Nhìn cái cách Himmler khoa chân múa tay “lặp đi lặp lại mấy chuyện ít quan trọng nhất trong bài diễn văn đầy phô trương,” ông biết là tướng Heinrici hẳn đang vừa choáng váng vừa chán ghét.

Eismann chờ lâu hết mức có thể, rồi cả ông cũng kiểm soát vì “có nhiều việc phải làm.” Mấy phút sau, tướng Heinrici nhận thấy viên tốc ký, không thể theo kịp bài nói của Himmler, đã đặt cây bút chì xuống. Quá sức chán nản, Heinrici ngồi im, để cơn lũ ngôn từ ào qua ông.

Thình lình, điện thoại trên bàn làm việc của Himmler reng. Himmler nhấc máy và nghe một lúc. Trông ông ta có vẻ giật mình. Ông ta đưa điện thoại cho Heinrici và nói, “Anh là tư lệnh mới. Anh nên nghe cú điện này.”

Người gọi là Đại tướng Busse, tư lệnh Quân đoàn 9. Tướng Heinrici cứng người lại khi nghe. Tai họa đã xảy ra trong nhiệm vụ mới của ông. Quân Nga đã do thám được công tác chuẩn bị cho cuộc tấn công Küstrin của tướng Buss. Sư đoàn Thiết giáp 25, một trong những sư đoàn thiện chiến nhất của tướng Busse, nhiều tháng nay trấn thủ hành lang để mở giữa các đầu cầu của Nga nằm hai bên Küstrin, đã lặng lẽ rút khỏi vị trí nhằm chuẩn bị cho cuộc tấn công.

Một sư đoàn khác là Sư đoàn Thiết giáp 20 đã đến thế chỗ Sư đoàn 25. Quân Nga đã nhận thấy sự thay đổi và tấn công từ cả hai hướng bắc và nam. Gọng kềm đã khép lại nghe răng rắc, đúng như tướng Heinrici đã lo sợ. Sư

đoàn Thiết giáp 20 bị đánh tan, Küstrin bị cô lập – và quân Nga giờ đã có được một đầu cầu lớn để tấn công Berlin.

Tướng Heinrici cúp máy và dứt khoát nói cho Himmler nghe tin này. Vị Thống chế trông có vẻ lo lắng và nhún vai. Ông ta nói, “Ừm, anh mới là tư lệnh của Cụm tập đoàn quân Vistula mà.”

Tướng Heinrici nhìn chòng chọc. Ông nói bèn nhón, “Giờ nhìn đây này. Tôi không biết một thứ chết tiệt gì về Cụm tập đoàn quân này. Tôi thậm chí còn không biết tôi có những người lính nào, hay ai cần ở đâu.”

Himmler ngây ngốc nhìn tướng Heinrici và Heinrici thấy ông chẳng thể trông đợi sự giúp đỡ nào. Ông quay lại chiếc điện thoại và ngay lập tức ra lệnh cho tướng Busse phản công, cùng lúc đó hứa hẹn với vị tư lệnh của Quân đoàn 9 là ông sẽ đến mặt trận sớm hết mức có thể. Khi đặt ống nghe xuống, Himmler một lần nữa bắt đầu bài diễn văn dông dài như thể chưa có gì xảy ra.

Nhưng bây giờ tướng Heinrici đang cực kỳ cáu tiết. Ông thẳng thừng cắt lời. Ông nói với Himmler là ông cần nghe ý kiến xem xét của ngài Thống chế về tình hình tổng thể cũng như về tương lai của nước Đức. Sau này ông nhớ lại, câu hỏi đó “rõ ràng không thú vị mấy” đối với Himmler. Vị Thống chế đứng dậy khỏi ghế, bước quanh bàn và nắm lấy tay Heinrici, đưa ông đến một chiếc sofa cách đó một khoảng xa trong phòng, ngoài tầm nghe của viên tốc ký. Rồi bằng một giọng khê khàng, Himmler quăng ra một quả bom. Ông ta bật mí, “Tôi đã thực hiện các bước cần thiết để bắt đầu đàm phán với các nước phương Tây thông qua một nước trung lập.” Ngừng lại một chút, ông ta nói thêm: “Tôi nói với anh chuyện này là vì tuyệt đối tin tưởng anh đó, anh hiểu chứ.”

Im lặng kéo dài. Himmler nhìn Heinrici đầy trông đợi – có lẽ đang chờ một lời bình luận. Tướng Heinrici choáng váng. Đây là tội phản quốc – phản bội nước Đức cùng quân đội và những người lãnh đạo của nó. Ông cố đấu tranh để kiểm soát suy nghĩ của mình. Liệu Himmler có nói thật không? Hay đó là một thủ đoạn để gài ông nói lời hớ hênh? Tướng Heinrici tin là một Himmler tham vọng có thể làm mọi thứ - ngay cả phản quốc để giành lấy quyền lực cho bản thân. Vị tướng dày dạn kinh nghiệm trận mạc ngồi

yên lặng, đến cả sự hiện diện của Himmler không thôi cũng đã làm ông thấy ghê tởm.

Thình lình cửa mở và một sĩ quan SS xuất hiện. Himmler có vẻ nhẹ nhõm khi thấy có người cắt ngang. Viên sĩ quan thông báo, “Thưa Thống chế, ban tham mưu đã tập hợp lại để nói lời tạm biệt.” Himmler đứng dậy và bước ra khỏi phòng mà không thốt một lời nào nữa.

Đến 8 giờ tối thì Himmler cùng các sĩ quan SS và cận vệ của ông ta đã đi. Balzen, người lính cần vụ của tướng Heinrici, nhanh chóng phát hiện ra bọn họ mang theo mọi thứ, bao gồm mấy món đồ dẹt, đĩa, kể cả ly tách và đĩa uống trà trong tòa dinh thự. Sự khởi hành của bọn họ hoàn chỉnh tới mức giống như Himmler chưa từng đặt chân tới trụ sở này. Trên chiếc tàu lửa xa hoa của mình, Himmler nhanh chóng biến vào màn đêm, rời xa khỏi mặt trận sông Oder, hướng về phía Tây.

Ông ta để lại sau lưng một Heinrici đang giận điên người. Cơn giận dữ và ghê tởm của vị tư lệnh mới càng tăng lên khi ông nhìn quanh trụ sở của mình; một sĩ quan của ông nhớ lại là “tâm trạng tức giận của Heinrici tăng thêm mấy độ” khi ông kiểm tra sự trang hoàng đầy nữ tính trong dinh thự của Himmler. Văn phòng rộng rãi và mọi thứ trong đó đều có màu trắng. Phòng ngủ được trang trí màu xanh lục nhạt – từ rèm cửa, thảm, vải bọc đồ gỗ đến cả chiếc chăn bông và khăn trải giường. Tướng Heinrici chưa chút nhận thấy nơi này “thích hợp cho một quý bà tao nhã hơn là một người quân nhân đang cố chỉ huy một đội quân.”

Đêm hôm đó, tướng Heinrici gọi điện cho vị cựu Tham mưu trưởng của ông ở Silesia, như ông đã hứa, và kể cho ông ta nghe chuyện gì đã xảy ra. Ông đã kiểm soát lại được cảm xúc của mình, và có thể suy nghĩ về cuộc gặp mặt một cách tỉnh táo hơn. Ông quyết định là tiết lộ của Himmler quá là không tưởng để có thể tin được. Tướng Heinrici quyết định quên chuyện này đi. Trên điện thoại, ông nói với người đồng nghiệp cũ tại Silesia, “Himmler quá sức vui sướng khi ra đi. Ông ta chỉ ngại không thể ra khỏi đây đủ nhanh. Ông ta không muốn chịu trách nhiệm khi sự sụp đổ đến. Không. Ông ta chỉ muốn một vị tướng đơn giản chịu thay – và tôi là con dê tế thần.”

Trong căn phòng được phân cho mình, viên sĩ quan phụ tá của tướng Heinrici, Đại úy Heinrich von Bila, rảo bước lên xuống không ngừng. Tâm trí anh không thể thoát khỏi tấm bản đồ anh đã thấy ở sở chỉ huy của tướng Guderian ở Zossen. Anh nghĩ thật là kỳ quặc khi không có ai ngăn cản anh nghiên cứu nó – tấm bản đồ đó rõ ràng là một tài liệu mật của tư lệnh.

Tướng Guderian hẳn đã cho ông xem, nhưng tướng Heinrici chẳng bình luận gì. Hay có thể là tấm bản đồ không quan trọng như anh đã nghĩ? Có thể là nó được chuẩn bị tại chính sở chỉ huy của tướng Guderian – như là một dự đoán của người Đức về ý định của quân Đồng minh thì sao? Dù vậy đi nữa, Von Bila vẫn thấy khó chấp nhận – sao nó lại in bằng tiếng Anh mà không phải là tiếng Đức?

Chỉ có một cách giải thích khác: đó là nó là một tấm bản đồ của quân Đồng minh, bị tình báo của Đức làm sao đó mà lấy được. Nó có thể đến từ đâu khác chứ? Nếu điều này là thật – và Von Bila không thể nghĩ ra câu trả lời nào khác – thì anh muốn tìm cách cảnh báo cho vợ và ba đứa con của anh. Theo tấm bản đồ đó, nếu nước Đức bị đánh bại, gia đình anh ở Bernberg sẽ nằm trong vùng do Nga kiểm soát. Trừ khi Von Bila đang tưởng tượng ra chuyện này, anh đã thực sự thấy được một kế hoạch tối mật về cách mà quân Đồng minh định chiếm và phân chia nước Đức.

5

Cách đó 50 dặm, bản gốc của tấm bản đồ và các tài liệu đi kèm của nó nằm ở một chỗ an toàn ở Auf dem Grat 1, Dahlem, Berlin – sở chỉ huy khẩn cấp của Thượng tướng Alfred Jodl, Tư lệnh Hành quân của OKW (Bộ Tư lệnh Cấp cao của Các lực lượng Vũ trang). Và trong số tất cả các bí mật ngoài sức tưởng tượng từng lọt vào tay Cục Tình báo Đức trong cuộc chiến, tập hồ sơ bìa đỏ này là tài liệu tiết lộ bí mật tàn khốc nhất mà tướng Jodl từng đọc.

Tập hồ sơ chứa một lá thư và một bản ghi nhớ về các thông tin cơ bản khoảng 70 trang; cùng hai tấm bản đồ in rời dính vào bìa sau, mỗi tấm vào cỡ 18x20 inch và vẽ theo thước đo 1 inch tương ứng với 29 dặm. Tướng Jodl tự hỏi không biết quân Đồng minh đã biết việc một bản sao của lời mở đầu cho một trong những chỉ đạo chiến tranh tối mật của họ đã bị thất lạc hay chưa. Tập hồ sơ này lấy được từ quân Anh hồi cuối tháng 1, trong những ngày cuối cùng của cuộc tấn công ở cao nguyên Ardennes.

Kế hoạch của quân Đồng minh được Hitler cho là quá dễ gây kích động tới mức chỉ có một số ít người ở sở chỉ huy OKW được phép xem. Vào tuần đầu tiên của tháng 2, sau khi dành nguyên một buổi tối nghiên cứu tập hồ sơ, Quốc trưởng đã xếp tài liệu này vào loại “Trạng thái Tối mật.” Các cố vấn quân sự của ông ta và những sĩ quan tham mưu của bọn họ có thể nghiên cứu kế hoạch, ngoài ra thì không còn ai khác. Ngay cả các thành viên trong nội các của ông ta cũng không được cho biết. Nhưng, bất chấp những hạn chế đó, một thường dân đã được xem tài liệu và bản đồ: đó là bà Luise Jodl, vợ mới cưới được vài tuần của tướng Jodl.

Vào một buổi tối, ngay trước hôn lễ của bọn họ, tướng Jodl quyết định cho vị hôn thê của mình xem qua tài liệu này. Nói cho cùng, bà là người nhận của nhiều bí mật quân sự: bà từng là một thư ký đáng tin cậy của Bộ

Tư lệnh cấp cao của Đức. Bỏ toàn bộ hồ sơ vào trong chiếc cặp tài liệu, tướng Jodl đem nó tới căn hộ của bà, cách Sở chỉ huy của ông một khối nhà. Gần như ngay khi cánh cửa trước được khép lại an toàn đằng sau, ông đưa tập tài liệu ra và nói với vị hôn thê của mình: “Đây là những gì quân Đồng minh định làm với nước Đức.”

Bà Luise cầm lấy tập hồ sơ bìa đỏ đặt lên bàn và bắt đầu đọc. Từ lâu bà đã học cách đọc tài liệu và bản đồ quân sự, nhưng trong trường hợp này thì kỹ năng đó không cần thiết lắm – tài liệu này đã quá rõ ràng. Tim bà chùng xuống. Thứ bà đang cầm trong tay là kế hoạch chi tiết cho sự chiếm đóng Tổ quốc của bà sau khi nước Đức thất bại. Bà nghĩ, một số người ở sở chỉ huy của Eisenhower có khuynh hướng đẩy thù hận khi chọn các mật danh. Trên bìa tập hồ sơ là tựa đề ớn lạnh, “Chiến dịch Nhật thực.”

Lấy lại tập hồ sơ, tướng Jodl giở mấy tấm bản đồ ra và trải lên bàn. Ông cay đắng nói, “Em xem đi, nhìn mấy đường biên giới xem.”

Bà Luise im lặng nghiên cứu những đường biên giới in đậm vẽ ngang dọc trên tấm bản đồ. Vùng phía bắc và tây bắc có dòng chữ “U.K.” Phía nam, xứ Bavaria mang dòng chữ “U.S.A.,” và phần còn lại của đế chế Đức, đại khái là toàn bộ vùng trung tâm và từ đó tới miền đông, có nhãn “U.S.S.R.” Bà mất tinh thần nhận thấy ngay cả Berlin, cũng được ba ông lớn chia chác. Nằm giữa khu vực của người Nga, Berlin được khoanh tròn riêng biệt và được phe Đồng minh chia làm ba: Mỹ có phần phía nam; Anh được phía bắc và tây bắc; còn Liên Xô thì có phần phía đông và đông bắc. Vậy ra đây là cái giá của thất bại, bà nghĩ. Bà Luise nhìn vị hôn phu. Bà nói, “Chuyện này giống như một cơn ác mộng.” Dù biết tấm bản đồ này là thật, bà Luise vẫn thấy nó khó chấp nhận được. Bà hỏi, hồ sơ Nhật thực này từ đâu ra? Dù bà đã biết tướng Jodl nhiều năm, bà biết ông có thể rất kín miệng về nhiều chuyện. Bà luôn nghĩ rằng ông Alfred “là người lãnh đạm, giấu mình sau mặt nạ, ngay cả với tôi.” Bây giờ, câu trả lời của ông cũng đầy lảng tránh. Dù khẳng định các tài liệu và bản đồ là thật, ông không nói làm sao lấy được chúng, trừ lời lưu ý rằng “chúng ta lấy được chúng từ một sở chỉ huy của Anh.”

Khá lâu sau, sau khi tướng Jodl đã quay lại sở chỉ huy của mình, bà

Luise chợt nhận ra một khía cạnh đáng sợ khác của Chiến dịch Nhật thực. Nếu Đức thua, những người bà con của bà ở dãy Harz sẽ sống trong vùng bị Nga chiếm đóng.

Dù bà yêu Alfred Jodl và hoàn toàn trung thành với đất nước mình, bà Luise đã có một quyết định mang đậm tình người. Vào lúc này, bà sẽ bất chấp lời cảnh báo của ông rằng không bao giờ được tiết lộ bất kỳ điều gì bà đã thấy, đọc hay nghe thấy. Bà không thể để chị dâu và bốn đứa cháu của bà rơi vào tay quân Nga.

Bà Luise quyết định chớp lấy cơ hội. Bà biết số điện thoại mật ưu tiên của tướng Jodl. Cầm lấy điện thoại, bà nói chuyện với nhân viên tổng đài và gọi cho người bà con. Một phút sau, đường dây nổi thông.

Sau một đoạn nói chuyện ngắn gọn và tế nhị với bà chị dâu đang ngạc nhiên, bà Luise lưu ý một cách bình thường khi kết thúc cuộc nói chuyện, “Chị biết đó, mấy này này gió đông rất mạnh. Em thực sự nghĩ là chị và bọn nhỏ nên chuyển về phía tây, sau con sông.”

Bà chậm chậm đặt ống nghe xuống – hi vọng là bà chị dâu có thể hiểu thông điệp mã hóa vụng về của mình. Ở đầu dây bên kia, bà chị dâu nghe thấy tiếng lách cách khi người nhận đã đổi. Bà băn khoăn sao bà Luise lại gọi trễ như vậy. Nghe tin tức của cô ấy thì tốt, nhưng bà không hiểu bà Luise nói cái gì. Bà chẳng buồn suy nghĩ thêm nữa.

Tướng Jodl và bà Luise kết hôn ngày 6/3. Kể từ lúc đó, bà Luise vẫn luôn lo lắng liệu chồng bà có thể phát hiện ra cuộc điện thoại hay không. Bà không cần quan tâm chuyện này. Viên thượng tướng đầy gánh nặng này có nhiều vấn đề cấp bách hơn.

Cho tới giờ, tướng Jodl và các sĩ quan tham mưu của mình đã nghiên cứu và phân tích Chiến dịch Nhật thực kỹ tới mức họ gần như thuộc lòng từng đoạn một. Dù nó không phải là một tài liệu về chiến lược – nó không cảnh báo về những bước đi sắp tới của quân địch để quân Đức có thể đưa ra các biện pháp đối phó – kế hoạch Nhật thực cũng quan trọng tương tự.

Có một điều, nó giúp trả lời một chuỗi câu hỏi đã làm tướng Jodl và OKW phiền muộn nhiều năm: họ đã băn khoăn rằng quan hệ đồng minh giữa phương Tây và Liên Xô mạnh đến mức nào? Liệu nó có tan vỡ khi bọn

họ ngồi chia chiến lợi phẩm? Giờ đây, quân Nga đang nắm giữ phần lớn Trung Âu, liệu tuyên bố “đầu hàng vô điều kiện” của Churchill và Roosevelt sau Hội nghị Casablanca 1943 có còn hiệu lực? Và liệu quân Đồng minh có định nghiêm túc bắt một nước Đức thất bại phải chấp nhận những điều khoản đó? Khi tướng Jodl và Bộ Tư lệnh Cấp cao nghiên cứu hồ sơ Nhật thực, tất cả những câu hỏi như thế về ý định của phe Đồng minh đã biến mất. Tài liệu này của phe Đồng minh đã trả lời vấn đề bằng những điều khoản không thể nào lằm lẩn.

Tuy nhiên, phải đến tuần thứ hai của tháng 2, tướng Jodl mới nhận ra toàn bộ tầm quan trọng của hồ sơ này - đặc biệt là, của những tấm bản đồ của nó. Vào ngày 9/2 và trong ba ngày sau đó, Roosevelt, Churchill và Stalin đã gặp gỡ trong một hội nghị bí mật tại Yalta. Mặc cho những nỗ lực tình báo nhằm tìm hiểu chính xác chuyện gì đã diễn ra tại hội nghị, nhưng tất cả những gì tướng Jodl biết được là từ bản thông cáo chính thức được đưa ra tại buổi họp báo quốc tế ngày 12/2 – nhưng thế là đủ. Bản thông báo khá mơ hồ và rất kín kẽ về mặt thông tin, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, các tài liệu và bản đồ của Nhật thực là mấu chốt trong những ý định đã thông báo của phe Đồng minh.

Có một đoạn trong bản thông cáo chính thức khẳng định: “Chúng tôi đã đồng thuận về nhiều chính sách và kế hoạch nhằm thúc đẩy các điều khoản đầu hàng vô điều kiện mà chúng tôi sẽ cùng đưa ra... Các điều khoản này sẽ không được thực hiện chừng nào chưa tới thất bại cuối cùng của nước Đức... Theo kế hoạch đã được nhất trí, mỗi bên lực lượng của Tam Quyền sẽ chiếm một phần nước Đức riêng biệt...” Phe Đồng minh không cần nêu ra các “điều khoản” nữa – tướng Jodl đã đọc qua trong hồ sơ Nhật thực rồi. Và dù bản thông cáo Yalta không tiết lộ các khu vực chiếm đóng dự định, tướng Jodl cũng đã biết nốt. Vị trí và ranh giới chính xác của mỗi vùng đều có trên tấm bản đồ của Chiến dịch Nhật thực.

Có thể suy ra nhiều kết luận khác, nhưng có một cái đặc biệt cay đắng đối với tướng Jodl. Rõ ràng là dù có chuyện gì khác đã xảy ra ở Yalta, kế hoạch của phe Đồng minh đối với nước Đức đã đơn thuần được thông qua ở cuộc họp của ba ông lớn. Trong khi bản thông cáo Yalta tạo ấn tượng là kế

hoạch chi tiết về việc chiếm đóng và chia cắt khởi nguồn từ hội nghị, ngày tháng trên tập tài liệu và bản đồ Chiến dịch Nhật thực chứng minh rằng không cần nghi ngờ, những quyết định cơ bản đã đạt được nhiều tháng trước đó. Lá thư đi kèm với bản ghi nhớ thông tin cơ bản của Chiến dịch Nhật thực được ký vào tháng giêng.

Mấy tấm bản đồ đã được chuẩn bị trước đó: chúng được in từ cuối năm 1944 và có ngày tháng đề tháng 11. Chiến dịch Nhật thực, được định nghĩa là “kế hoạch và vận hành của cuộc chiếm đóng nước Đức,” đơn giản là không thể nào được đưa ra trừ phi đã có sự nhất trí hoàn toàn trong phe Đồng minh – một sự thật tình tảo làm khô héo một trong những niềm hy vọng cuối cùng của nước Đức.

Từ giây phút Hồng quân vượt qua biên giới phía đông của đế chế Đức, Hitler và các cố vấn quân sự của ông ta đã chờ đợi vết mé bất đồng đầu tiên giữa phe Đồng minh với nhau xuất hiện. Họ tin là điều này chắc chắn sẽ xảy ra, vì phương Tây sẽ không bao giờ để nước Nga Soviet thống trị Trung Âu. Tướng Jodl cũng có đồng quan điểm. Ông đặc biệt nghiêng về phía người Anh, vì ông cảm thấy rằng họ sẽ không bao giờ chịu nổi tình hình như thế.^[7] Nhưng đó là trước khi ông xem qua Chiến dịch Nhật thực. Nhật thực cho thấy rõ là quan hệ Đồng minh đó vẫn không suy suyển và Yalta đã chứng thực điều đó.

Hơn thế nữa, ngay đoạn đầu của lá thư đi kèm – một lời nói đầu cho toàn bộ hồ sơ – đã cho thấy sự nhất trí hoàn toàn trong phe Đồng minh. Lá thư viết: “Để thực hiện các điều khoản đầu hàng mà nước Đức phải chịu, chính phủ của Hoa Kỳ, Liên Xô và Vương quốc Anh (ở Liên Xô là nhân danh nhà nước nắm quyền) đã đồng ý rằng nước Đức sẽ bị các lực lượng vũ trang của ba thế lực chiếm đóng.”^[8] Và không cần bàn cãi gì về độ đáng tin của lá thư nữa. Nó được ký vào tháng 1/1945, tại Sở chỉ huy của Tập đoàn quân 21 của Anh, và tại Bỉ, bởi một người có địa vị không kém Thiếu tướng Sir Francis de Guingand, Tham mưu trưởng của Thống chế Montgomery.

Đòn mạnh nhất dành cho tướng Jodl là sự nhấn mạnh lặp đi lặp lại về việc đầu hàng vô điều kiện; nó được nhắc hết lần này tới lần khác. Lúc đầu,

người Đức tin chắc là lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện chỉ là hành động tuyên truyền nhằm nâng cao nhuệ khí của hậu phương của phe Đồng minh. Giờ họ đã biết rõ hơn: phe Đồng minh rõ ràng có ý định đó. Chiến dịch Nhật thực nói rằng, “Câu trả lời khả thi duy nhất để có thể cắt khúc khải hoàn cho toàn bộ cuộc chiến là đánh bại và chiếm đóng hoàn toàn... Phải làm rõ là người Đức sẽ không được quyền đàm phán, theo nghĩa của từ này.”

Ý định của phe Đồng minh hứa hẹn sẽ không có chút hi vọng, chút tương lai nào cho nước Đức. Rõ ràng là dù Đức có muốn đầu hàng đi nữa thì cũng không có cách nào ngoại trừ đầu hàng vô điều kiện. Với tướng Jodl, điều này có nghĩa là Đức không còn lựa chọn nào khác ngoài chiến đấu đến cùng.^[9]

Vài ngày sau – vào ngày chủ nhật trước Lễ Phục sinh, ngày 25/3 – Thượng tướng Jodl kiểm tra bản đồ của Chiến dịch Nhật thực một lần nữa. Ông có đủ lý do để làm vậy. Các đơn vị trong Quân đoàn 3 của Đại tướng George S. Patton của Mỹ đã vượt sông Rhine vào đêm thứ năm ở ngôi làng chuyên làm nông Oppenheim, gần Mainz, và giờ đang tiến về Frankfurt. Ngày hôm sau, ở miền bắc, các lực lượng của Thống chế Montgomery càn quét qua sông trong một cuộc tấn công quy mô lớn trên một mặt trận dài 25 dặm. Bất chấp mọi thứ, phòng tuyến sông Rhine đang sụp đổ - và quân Đồng minh phương Tây đang tiến cực nhanh. Giờ đây, tướng Jodl đang lo lắng kiểm tra lại mấy tấm bản đồ của Chiến dịch Nhật thực, tự hỏi phe Đồng minh định tiến sâu vào nước Đức đến mức nào. Đó là một câu hỏi mà bản ghi nhớ thông tin cơ bản của Chiến dịch Nhật thực không trả lời. Tướng Jodl ước gì ông có các phần khác của kế hoạch – đặc biệt là phần có kế hoạch hành quân.

Dù vậy, mấy tấm bản đồ vẫn cung cấp một gợi ý. Ông thậm chí từng đề cập chuyện này với vợ. Đó chỉ là linh cảm, nhưng tướng Jodl nghĩ là mình đã đúng. Mấy tấm bản đồ vẽ đường ranh giới giữa liên quân Anh-Mỹ và quân Nga chạy dọc sông Elbe từ Lübeck đến Wittenberge, và từ đó cuộn xoắn về phía nam tới vùng lân cận Eisenach, rồi qua phía đông tới biên giới

với Tiệp.

Liệu đường vẽ đó, ngoài là đường ranh giới khu vực, còn là điểm dừng của đà tiến quân của liên quân Anh-Mỹ hay chẳng? Tướng Jodl gần như chắc chắn là như thế. Ông bảo vợ rằng ông không nghĩ là quân Anh và Mỹ sẽ đến Berlin; ông tin là bọn họ đã quyết định để việc chiếm thủ đô cho Hồng quân thực hiện. Trừ khi bản đồ của Chiến dịch Nhật thực đã bị thay đổi, đối với tướng Jodl, có vẻ như các lực lượng của Eisenhower sẽ dừng chân tại đường ranh giới của Chiến dịch Nhật thực.

Trong tuần cuối cùng của tháng ba – ngày chính xác thì không ai còn nhớ được nữa – Đại tướng Reinhard Gehlen, Trưởng ban tình báo của tướng Guderian, lái xe đến Prenzlau để gặp vị tư lệnh mới của Cụm tập đoàn quân Vistula.

Trong cặp tài liệu của ông là một bản sao Chiến dịch Nhật thực. Tướng Gehlen chỉ ra các bố trí mới nhất của quân Nga bên sông Oder mà họ biết được cho tướng Heinrici, rồi ông đưa cho tướng Heinrici tập hồ sơ Chiến dịch Nhật thực và giải thích đó là cái gì. Tướng Heinrici chậm chậm xem qua các trang giấy. Rồi ông giở mấy tấm bản đồ ra. Ông nghiên cứu chúng một lúc lâu. Cuối cùng, Heinrici nhìn Gehlen và tóm tắt lại ý nghĩa của tài liệu này, ý nghĩa mà ai Bộ Tư lệnh Cấp cao cũng biết, bằng một câu duy nhất. “Das ist ein Todesurteil” – Đây là một bản án tử hình.

PHẦN III

MỤC TIÊU

1

Gần đến nửa đêm ngày chủ nhật trước Lễ Phục sinh, một chiếc xe sĩ quan Mỹ dừng bên ngoài sở chỉ huy xây bằng đá xám của Sư đoàn Dù 82 ở Sissonne, miền bắc nước Pháp. Hai sĩ quan bước ra ngoài. Một người mặc đồng phục của Mỹ, người kia mặc quân trang của Anh nhưng không mang phù hiệu. Người thứ hai gầy và cao lêu nghêu, đội một chiếc mũ nồi xanh gọn gàng, tương phản rõ rệt với mái tóc vàng hoe của ông, nuôi bộ râu đỏ trông rất dữ tợn. Tên của ông thật sự khó mà phát âm nổi đối với cả người Mỹ lẫn người Anh: Arie D. Bestebreurtje. Ông thường được biết đến bằng cái tên “Arie”, hay “Đại úy Harry.” Ngay cả những cái tên này cũng thay đổi qua từng nhiệm vụ, vì ông dành phần lớn thời gian đăng sau các phòng tuyến của Đức. Arie là một đặc vụ của Lực lượng Đặc biệt và là một thành viên của Cục Tình báo Hà Lan.

Mấy ngày trước, Arie được thượng cấp gọi đến Brussels và bảo rằng ông vừa được phân đến Sư đoàn Dù 82 để thực hiện một công tác đặc biệt. Ông sẽ phải báo cáo với vị Thiếu tướng trẻ tuổi James M. Gavin, 38 tuổi, tư lệnh của Sư đoàn Dù 82, để tham gia vào một chỉ thị tối mật. Bây giờ, Arie và viên sĩ quan tháp tùng đi vào sở chỉ huy, rảo bước lên một dãy cầu thang để lên tầng hai rồi đi dọc theo một hành lang đến một căn phòng bản đồ được canh gác cẩn mật. Tại đây, một quân cảnh kiểm tra giấy ủy nhiệm của họ, sau đó anh ta chào họ rồi mở cửa.

Vào trong phòng, Arie được tướng Gavin và Tham mưu trưởng của ông,

Đại tá Robert Wienecke chào đón nồng nhiệt. Arie thấy phần lớn người trong phòng đều là bạn cũ: ông từng kề vai chiến đấu cùng họ trong cuộc tấn công của sư đoàn 82 tại Nijmegen, Hà Lan. Một vị thượng cấp của ông tại Bỉ đã không phóng đại các biện pháp an ninh tại đây. Chỉ có 15 sĩ quan có mặt –tư lệnh các trung đoàn và một số thành viên nhất định trong ban tham mưu của họ, rõ ràng tất cả đều được chọn rất kỹ lưỡng. Bản thân căn phòng khá đơn giản. Chỉ có vài băng ghế dài và mấy cái bàn, cùng một số biểu đồ trên tường. Ở cuối phòng có một tấm bản đồ lớn cỡ bức tường, được phủ rèm.

Một sĩ quan an ninh gọi tên từng người để đối chiếu với bảng phân công; rồi tướng Gavin nhanh chóng mở màn. Đứng bên tấm bản đồ phủ rèm, ông ra dấu cho mọi người đến xung quanh. Ông bắt đầu:

“Chỉ có mấy người các anh là có lý do nhất định để đến buổi chỉ thị này, và tôi phải nhấn mạnh rằng, trừ khi có mệnh lệnh khác, các anh không được để những thứ được nghe trong tối nay lọt ra khỏi căn phòng này. Nói cách khác, các anh sẽ huấn luyện người của mình trong bóng tối, vì các anh không được cho họ biết mục tiêu. Thực sự thì, các anh đã phần nào huấn luyện bọn họ rồi, dù phần lớn các anh không biết điều đó. Trong mấy tuần qua, các anh cùng với người của mình đã nhảy dù xuống hoặc bay đến một khu vực huấn luyện đặc biệt, được đánh dấu có chủ đích và bố trí mô phỏng theo quy mô thực tế của mục tiêu tấn công kế tiếp của chúng ta.

Thưa các quý ông, chúng ta sắp tham gia một vụ tiêu diệt. Đây sẽ là một cú nốc ao.”

Ông giật mạnh sợi dây thừng ở bên cạnh tấm bản đồ. Tấm rèm được kéo qua, để lộ mục tiêu: Berlin.

Arie nhìn kỹ gương mặt các sĩ quan trong khi họ nhìn chăm chăm tấm bản đồ. Ông nghĩ ông thấy được sự hưng phấn và đề phòng. Ông không ngạc nhiên lắm. Một vị tư lệnh này đã chán nản suốt nhiều tháng nay. Phần lớn bọn họ từng cùng đơn vị nhảy dù xuống Sicily, Italy, Normandy và Hà Lan, nhưng gần đây sư đoàn lại được giao cho các nhiệm vụ trên bộ, chủ yếu là ở cao nguyên Ardennes trong trận chiến Bulge. Ông biết rằng với tư cách là những binh đoàn dù xuất sắc, họ cảm thấy bị phủ nhận vai trò chính

của mình: tấn công mục tiêu trước các tập đoàn quân đang tiến đến rồi trấn giữ ở đó cho đến khi được điều đi nơi khác. Sự thật là đà tiến quân của quân Đồng minh quá nhanh nên các kế hoạch nhảy dù cứ bị hoãn hết lần này đến lần khác.

Tướng Gavin giải thích, cuộc tấn công Berlin sẽ là một phần trong chiến dịch của Tập đoàn quân Dù Đồng minh I, do ba sư đoàn thực hiện. Sư đoàn 82, được chỉ định là “Lực lượng Tác chiến A,” sẽ nắm vai trò chủ chốt. Mở lớp phủ trong suốt bên trên tấm bản đồ ra, tướng Gavin chỉ vào một chuỗi hình vuông và oval được đánh dấu bằng bút chì đen, phác họa các mục tiêu và khu nhảy dù rộng lớn. Ông nói, “Theo như kế hoạch, Sư đoàn dù 101 sẽ chiếm sân bay Gatow, phía tây thành phố. Một lữ đoàn từ Quân đoàn Dù 1 của Anh sẽ chiếm sân bay Oranienburg ở phía tây bắc.” Ông ngừng lại một chút rồi nói tiếp. “Mục tiêu của chúng ta nằm ngay giữa Berlin – sân bay Tempelhof”.

Mục tiêu của Sư đoàn 82 có vẻ quá nhỏ. Với diện tích 321 dặm vuông của thành phố cùng các vùng lân cận, sân bay này giống như một con tem – một vệt xanh rộng không đầy một dặm vuông rưỡi, nằm trong một vùng nhà cửa dày đặc. Ở rìa phía bắc, đông và nam của sân bay có không ít hơn chín nghìn trang, quả thực hơi giống điềm gở. Tướng Gavin nói:

“Hai trung đoàn sẽ trấn giữ vành đai, và trung đoàn thứ ba sẽ di chuyển vào các tòa nhà phía bắc sân bay, về hướng trung tâm Berlin. Chúng ta sẽ chờ ở chỗ này cho tới khi các lực quân tới được đó. Sẽ không lâu lắm đâu – vài ngày là cùng.”

Tướng Gavin nói, cần tăng cường huấn luyện “mù” cho các lính dù. Mô hình phỏng theo địa thế sân bay Tempelhof và các vùng lân cận sẽ được dựng trong một căn phòng “an ninh” của sở chỉ huy; các tư lệnh trung đoàn cùng ban tham mưu sẽ được tiếp cận với các ảnh chụp khu vực đổ bộ, các đánh giá tình báo và các thông tin khác để lên kế hoạch chi tiết. Tướng Gavin nói:

“Chúng ta thật là may khi có được sự phục vụ của Đại úy Harry. Anh ấy là một chuyên gia về Berlin đấy – nhất là ở Tempelhof và vùng phụ cận. Anh ấy sẽ nhảy dù cùng với chúng ta và từ đây trở đi cũng sẽ có mặt ở các

buổi chỉ thị để trả lời thắc mắc của các anh.”

Tướng Gavin ngừng lại lần nữa và nhìn các sĩ quan:

“Tôi dám chắc là tất cả các anh đều muốn biết đáp án của câu hỏi lớn nhất: Khi nào? Cái đó thì tùy bọn Đức. Kế hoạch không vận đã đi vào hoạt động từ hồi tháng 11 vừa rồi. Thường xuyên có thay đổi và chúng ta phải biết là sẽ còn thay đổi nhiều nữa trước khi có ngày cụ thể.

Ngày đó đã được xác định là ‘A-Day,’ sẽ tùy thuộc vào tốc độ tiến quân về Berlin của quân Đồng minh. Chắc chắn là việc nhảy dù sẽ không được lên kế hoạch chừng nào lực quân vẫn còn cách xa thành phố. Nhưng A-Day có thể sẽ đến chỉ trong 2-3 tuần nữa. Cho nên chúng ta không có nhiều thời gian đâu. Đó là tất cả những gì tôi có thể nói cho các anh vào lúc này.”

Tướng Gavin lui xuống và nhường cuộc họp lại cho các sĩ quan tham mưu của mình. Họ phân tích từng giai đoạn của chiến dịch, còn tướng Gavin ngồi nghe bọn họ nói. Sau này nhớ lại, ông rất tiếc là yếu tố bảo mật đã ngăn không cho ông nói ra đầy đủ chi tiết. Ông không hoàn toàn ngay thẳng, vì ông chỉ mới nói cho người của mình một phần của chiến dịch Nhảy dù số 1 của quân Đồng minh – phần chiến dịch chịu trách nhiệm kết hợp cùng các mũi tiến quân của Đồng minh tấn công Berlin.

Phần ông chưa đề cập là cuộc nhảy dù có thể phải tiến hành trong một điều kiện quân sự khác: nước Đức và các lực lượng vũ trang Đức đầu hàng hoặc sụp đổ đột ngột. Nhưng phần đó của kế hoạch vẫn còn là tối mật. Đó là phần mở rộng hợp lý của Chiến dịch Lãnh chúa – cuộc xâm chiếm châu Âu – và có giai đoạn được biết đến dưới cái tên Chiến dịch Rankin, Phương án C, và sau này là Chiến dịch Lá bùa.

Tên chiến dịch được đổi lần cuối vào tháng 11/1944, vì lý do bảo mật. Bây giờ nó mang mật danh là Chiến dịch Nhật thực.

Chiến dịch Nhật thực bí mật tới nỗi ngoài các sĩ quan tham mưu cao cấp ở Sở chỉ huy Tối cao, chỉ có một số tướng lĩnh được phép nghiên cứu về chiến dịch. Đó là tư lệnh của các tập đoàn quân và quân đoàn hoặc những người thuộc các bộ phận khác có trách nhiệm tương đương. Rất ít tư lệnh sư đoàn được biết điều gì về Chiến dịch Nhật thực. Tướng Gavin chỉ được biết một số mục tiêu của kế hoạch và các phần có liên quan tới ông cùng sư

đoàn của mình.

Trong mấy tháng qua, Đại tướng Lewis H. Brereton, Tư lệnh của Tập đoàn quân Dù Đồng minh I, và cấp trên trực tiếp của tướng Gavin là Thiếu tướng Matthew B. Ridgway, Tư lệnh của Quân đoàn 18 đã tham gia vô số cuộc họp, ở đó Chiến dịch Nhật thực được xem là kế hoạch chiếm đóng nước Đức. Nó trình bày chi tiết các bước hành quân sẽ diễn ra ngay sau khi Đức đầu hàng hoặc sụp đổ. Các mục tiêu chính của chiến dịch là ép Đức đầu hàng vô điều kiện cùng với giải giáp và kiểm soát mọi lực lượng của Đức.

Theo các hoàn cảnh của Chiến dịch Nhật thực, kế hoạch không vận tấn công vào Berlin yêu cầu các lính dù phải di chuyển thật nhanh để “giành kiểm soát thủ đô của địch cùng với các trung tâm vận chuyển và hành chính cao nhất... và phô diễn sức mạnh quân đội của chúng ta.” Họ sẽ phải hạ gục những nhóm cuồng tín còn sót lại, chúng có thể vẫn tiếp tục chống cự; giải cứu và chăm sóc cho các tù binh chiến tranh; thu giữ các tài liệu, hồ sơ và băng hình tối mật trước khi chúng bị phá hủy; kiểm soát các trung tâm thông tin như các sở bưu chính và viễn thông, trạm phát thanh, tòa báo và các nhà máy in; bắt giữ các tội phạm chiến tranh và các nhân vật chủ chốt còn sống sót của chính phủ, và thiết lập luật và quy định mới. Các đội quân dù sẽ khởi xướng tất cả các bước này, cho tới khi lục quân và các nhóm lãnh đạo trong quân đội đến nơi.

Tướng Gavin chỉ được nghe chùng chãi về Chiến dịch Nhật thực. Còn phần kế hoạch về cách chiếm đóng và phân chia Đức và Berlin sau khi chiến thắng thì ông không được biết. Ngay bây giờ, mối quan tâm duy nhất của tướng Gavin là chuẩn bị sẵn sàng cho sư đoàn 82.

Nhưng vì các yêu cầu của kế hoạch, ông cần chuẩn bị cho hai kế hoạch riêng biệt. Cái thứ nhất là tấn công để chiếm thành phố. Cái thứ hai, tiến hành theo hoàn cảnh của Chiến dịch Nhật thực, yêu cầu các đơn vị dù phải đổ bộ xuống Berlin với tư cách là quân canh gác, nhưng chỉ thực hiện các hoạt động của cảnh sát.

Tướng Gavin đã nói với các vị tư lệnh dưới quyền hết mức dám nói – dù ông biết là nếu cuộc chiến đột ngột kết thúc thì toàn bộ nhiệm vụ không vận

này sẽ thay đổi rất lớn. Với đà diễn biến hiện tại thì nhiệm vụ của ông rất rõ ràng. Ông cần làm theo kế hoạch của chiến dịch và làm sư đoàn 82 sẵn sàng cho một cuộc tấn công không vận nhằm chiếm đóng Berlin.

Tướng Gavin chợt nhận ra là viên sĩ quan tình báo Hà Lan đang kết thúc phần của ông ta trong buổi chỉ thị. Đội trưởng Harry nói, “Tôi phải lặp lại là nếu các anh có hy vọng sẽ được ai đó ở Berlin giúp đỡ thì hãy quên đi. Liệu các anh có tìm được những người hướng dẫn sẵn lòng giúp đỡ?”

Câu trả lời là: Không.

Liệu có cơ sở ngầm như chúng ta đã có ở Pháp và Hà Lan không?

Câu trả lời là: Không.

Dù có một số người dân Berlin có cảm tình riêng với chúng ta, thì họ cũng quá sợ hãi nên sẽ không dám biểu lộ điều đó. Chúng ta có thể thảo luận chi tiết về các vấn đề này sau, nhưng ngay bây giờ tôi đảm bảo với các anh điều này: đừng có ảo tưởng gì rằng các anh sẽ được chào đón bằng sâm banh và hoa hồng như những anh hùng giải phóng. Quân đội, lực lượng SS và cảnh sát sẽ chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, và rồi bọn chúng sẽ bước ra ngoài, tay giơ lên đầu, nói với các anh rằng toàn bộ chuyện này chỉ là một hiểu lầm khủng khiếp, rằng mọi chuyện là lỗi của Hitler và cảm ơn các anh vì đã đến được thành phố trước người Nga.”

Quý ông Hà Lan cao kều vượt râu. Ông nói:

“Nhưng chúng sẽ chiến đấu như mấy thằng điên, và có thể sẽ mất khá thời gian đấy. Nhưng cũng đáng thôi, và tôi rất tự hào được đồng hành cùng các anh. Các bạn thân mến, khi chúng ta chiếm được Berlin, chiến tranh sẽ kết thúc.”

Tướng Gavin biết là chiếm được Berlin không hề dễ dàng, nhưng ông nghĩ rằng cú sốc tâm lý về cuộc tấn công có khi cũng đủ hạ gục hàng phòng ngự của Đức. Đó sẽ là một trong những cuộc tấn công không vận lớn nhất cuộc chiến. Theo kế hoạch ban đầu, chiến dịch có 3.000 máy bay bảo vệ, 1.500 máy bay vận chuyển, có lẽ hơn 1.000 tàu lượn và khoảng 20.000 lính dù – hơn cả lực lượng đã đổ bộ xuống Normandy vào D-Day. Tướng Gavin nói với các sĩ quan của mình khi cuộc họp kết thúc:

“Tất cả những gì ta cần bây giờ là một quyết định và một từ - Xuất

phát.”

Cách đó 30 dặm, tại Mourmelon-le-Grand, Sư đoàn Dù 101 cũng đang huấn luyện và sẵn sàng cho bất cứ chiến dịch nào, nhưng không ai trong sư đoàn 101 biết sư đoàn nào sẽ được ra lệnh. Sở chỉ huy cấp cao hơn đã đưa ra quá nhiều kế hoạch tấn công bằng lính dù đến nỗi vị tư lệnh của sư đoàn, Thiếu tướng Maxwell D. Taylor, cùng trợ lý của ông là Chuẩn tướng Gerald J. Higgins và Ban tham mưu thấy mình đang trong tình trạng lúng túng. Họ phải chuẩn bị cho mọi kế hoạch, nhưng họ nghiêm túc tự hỏi liệu có kế hoạch nhảy dù nào sẽ xảy ra hay không.

Ngoài kế hoạch ở Berlin, còn có các kế hoạch tấn công không vận vào một căn cứ hải quân Đức ở Kiel (Chiến dịch Núi lửa phun); kế hoạch nhảy dù hàng loạt tại các trại tù binh chiến tranh (Chiến dịch Hân hoan); và kế hoạch tấn công nhằm chiếm các mục tiêu trước Tập đoàn quân VII của Mỹ khi đoàn quân này tiến về Rừng Đen (Chiến dịch Sẵn sàng). Còn có nhiều chiến dịch khác đang được nghiên cứu – và có một số cái khá là ngoài sức tưởng tượng. Sở chỉ huy của sư đoàn 101 đã biết rằng Ban tham mưu của Tập đoàn quân Dù Đồng minh I thậm chí đang cân nhắc việc nhảy dù xuống vùng núi quanh Berchtesgaden, ở Bavaria, để tấn công biệt thự Eagle’s Nest nằm ở Obersalzberg cùng với chủ nhân của nó, Adolf Hitler.

Rõ ràng không phải cuộc nhảy dù nào cũng có thể được lên kế hoạch. Như tướng Higgins nói với ban tham mưu: “Nếu nếu tiến hành mọi chiến dịch thì sẽ không đủ máy bay vận tải để đáp ứng nhu cầu không vận. Dù gì thì chúng ta cũng không quá tham lam – chúng ta chỉ cần một cái thôi!” Nhưng quân dù sẽ tiến hành chiến dịch nào – và nhất là vai trò của sư đoàn 101 là gì? Đổ bộ xuống Berlin là nhiều khả năng nhất – ngay cả tư lệnh hành quân, Đại tá Harry Kinnard, cũng nghĩ đó sẽ là “một vụ kinh khủng.” Mọi người trong sư đoàn 101 đều bức bối vì trong cuộc đổ bộ xuống Berlin, người của sư đoàn 101 sẽ chiếm sân bay Gatow, trong khi địch thủ số một của bọn họ là sư đoàn 82 lại được giao cho mục tiêu chính, Tempelhof. Dù vậy thì Berlin vẫn là mục tiêu lớn nhất của cuộc chiến; thế cũng đủ cho mọi người rồi.

Đối với Đại tá Kinnard, một cuộc đổ bộ không vận có vẻ là cách hoàn

hảo để kết thúc chiến tranh tại châu Âu. Ông thậm chí còn vẽ một đường màu đỏ từ khu vực tập kết ở Pháp đến vùng đổ bộ của sư đoàn 101 tại Berlin lên tấm bản đồ chiến tranh: thủ đô của Đức chỉ cách có 475 dặm. Nếu được bật đèn xanh, ông nghĩ những người Mỹ đầu tiên có thể đến được Berlin chỉ trong có năm tiếng đồng hồ.

Tướng Taylor, Tư lệnh sư đoàn 101 và trợ lý của ông là tướng Higgins vừa phấn khích về cuộc tấn công, vừa tự hỏi liệu cuộc nhảy dù này có cơ hội xảy ra hay không. Tướng Higgins rầu rĩ nghiên cứu tấm bản đồ. Ông nói, “Nhìn cái cách lực quân đang di chuyển thì có lẽ họ sẽ để chúng ta ngồi chầu rìa đây.”

Cùng ngày, chủ nhật ngày 25/3, các lãnh đạo quân đội của phe Đồng minh phương Tây nhận được tin tức hài lòng từ Sở chỉ huy Tối cao của Lực lượng Viễn chinh Đồng minh (SHAEF). Tại Washington và London, Đại tướng George C. Marshall, Tổng tham mưu của Mỹ và Nguyên soái Sir Alan Brooke, Tổng tham mưu Hoàng gia, nghiên cứu một bức điện từ Đại tướng Dwight D. Eisenhower vừa đến đêm qua.

“Chuỗi chiến thắng vừa qua ở phía tây sông Rhine đã đạt được đúng như kế hoạch, tiêu diệt được một phần lớn quân địch có ở Mặt trận phía Tây. Dù không muốn lạc quan thái quá, tôi tin rằng tình hình hiện tại đưa ra cơ hội mà chúng ta đã chiến đấu để giành được và cần nắm ngay lấy... Cá nhân tôi tin rằng sức mạnh của quân thù... đang bị kéo căng quá mức, cho nên đà thâm nhập và tiến quân sẽ sớm chỉ bị giới hạn do phía chúng ta mà thôi... Tôi ra lệnh hành động mạnh mẽ trên mọi mặt trận... Tôi định củng cố mọi thành công với tốc độ nhanh nhất.”

2

Từ độ cao 240m nhìn xuống, những hàng người và xe cộ có vẻ dài bất tận. Ngó ra ngoài chiếc Piper Cub không vũ trang của mình, chiếc máy bay trinh sát Miss Me, Trung úy Duane Francies say mê nhìn cảnh tượng ngoạn mục bên dưới. Cả vùng dày đặc lính, xe tăng và các xe cộ khác. Từ cuối tháng ba, khi những đội quân cuối cùng vượt qua sông Rhine, Francies đã quan sát các bước tiến của đoàn quân.

Giờ con sông lớn đã nằm lại đằng sau, và phóng tầm mắt nhìn trái nhìn phải, nhìn xa hết mức đằng trước, Francies chỉ thấy một bức tranh toàn cảnh mênh mông một màu vàng nâu. Francies đẩy cần gạt về phía trước và chiếc Miss Me sà xuống dọc theo ranh giới giữa Tập đoàn quân 2 của Anh và Tập đoàn quân 9 Hoa Kỳ. Anh chao đôi cánh, thấy đoàn quân bên dưới vẫy tay đáp lời, rồi hướng về phía đông để thực thi nhiệm vụ làm “đôi mắt” cho những hàng xe tăng đang dẫn đầu Sư đoàn Thiết giáp 5. Chiến thắng đã ở rất gần, anh chắc chắn như thế. Không gì có thể chặn bước tiến của đoàn quân này. Đối với anh chàng phi công 24 tuổi này, có vẻ như “đến cả vỏ Trái Đất cũng phải rung chuyển và đoàn quân đang ồ ạt tiến về sông Elbe,” hàng rào chắn bằng nước cuối cùng chặn trước Berlin.

Những gì Francies thấy chỉ là một phần nhỏ xíu của cuộc tấn công vĩ đại của Đồng minh. Suốt nhiều ngày nay, trong cái lạnh cắt da cắt thịt, trong mưa tuôn xối xả và lội qua bùn lầy, trong mưa đá và vượt qua băng tuyết, dọc theo Mặt trận phía Tây từ Hà Lan tới gần biên giới Thụy Sĩ, một hàng người, đồ tiếp tế và máy móc rộng 350 dặm đang đổ về vùng đồng bằng của Đức. Cuộc tấn công lớn cuối cùng đã bắt đầu. Để hủy diệt sức mạnh quân sự Đức, 7 tập đoàn quân hùng mạnh – gồm 85 sư đoàn lớn, trong đó có 5 sư đoàn dù và 23 sư đoàn thiết giáp, cùng 4.600.000 lính Đồng minh phương Tây – đang đổ dồn vào nước Đức để thực hiện cuộc tiêu diệt.

Những lá cờ đầu hàng tự chế - khăn trải giường, khăn tắm hoặc mảnh vải trắng – treo khắp nơi. Trong các thành phố và làng mạc, từ các ô cửa sổ vỡ tan tành và các cửa ra vào, những người dân Đức sợ hãi, vẫn còn choáng váng bởi những trận chiến vừa quét qua chỗ họ, nhìn chăm chăm đầy kinh ngạc vào sức mạnh khổng lồ của quân Đồng minh đang ào qua. Chiến dịch này thật vĩ đại, tốc độ của nó làm người ta nghẹt thở.

Những đoàn xe tăng, súng tự động, trọng pháo, xe bọc thép, xe chở súng Bren, xe chở đạn dược, xe cứu thương, xe tải chở xăng và xe chở dầu diesel to lớn kéo theo những toa xe rơ-mooc chất đầy thiết bị - những đoạn cầu, thuyền phao, xe ủi đất bọc thép và thậm chí cả tàu đổ bộ đang nện bước xuống mọi nẻo đường. Sở chỉ huy của các sư đoàn cũng đang di chuyển, bằng những chiếc xe jeep, xe sĩ quan, xe mooc chỉ huy và xe tải phát thanh cỡ lớn có cả rừng ăng ten rung rung ló ra bên trên. Và những đoàn lính, như những cơn sóng nối tiếp nhau, làm rung chuyển mọi nẻo đường, ngồi trên xe tải và xe bọc thép chạy bên cạnh những hàng xe cơ giới, hoặc nặng nề đi qua những cánh đồng cạnh đó.

Họ tạo nên một đoàn diễu binh hoa mỹ và hung bạo, ở giữa đoàn quân là những lá cờ chiến, huy hiệu và phù hiệu riêng của các trung đoàn đã làm nên lịch sử trong Thế chiến thứ hai.

Trong các sư đoàn, lữ đoàn và trung đoàn là những vệ binh đã làm quân tập hậu trong cuộc di tản ở Dunkirk, là những người lính đặc công râu ria xồm xoàm, đội chiếc mũ nồi xanh đã bạc màu, là những cựu binh của lữ đoàn của Lord Lovat từng tấn công vào các bờ biển bị chiếm đóng tại châu Âu trong những năm tháng đen tối của chiến tranh, là những người Canada can trường của Sư đoàn 2 danh tiếng từng đổ bộ xuống Dieppe trong cuộc diễn tập đẫm máu trong cuộc xâm lăng Normandy.

Trong những hàng xe thiết giáp, cờ đuôi nheo bay phấp phới, có mấy chiếc từng thuộc đội “Chuột Sa mạc” của Sư đoàn Thiết giáp 7, từng khiến Thống chế Erwin Rommel chịu thất bại ở vùng sa mạc Lybia.

Và lẫn át tiếng ầm ĩ kéo dài của hàng người và vũ khí là tiếng kèn te te của “Quý mặc váy,” Sư đoàn Cao nguyên 51, những chiếc kèn túi của họ đang dạo khúc mở đầu trận chiến, như họ vẫn luôn làm vậy.

Trong những đội hình sát cánh của quân Mỹ là các sư đoàn với cái tên khá xấc cùng những huyền thoại đầy màu sắc – Sư đoàn “Chiến đấu 69,” Sư đoàn Thiết giáp 5 “Sư đoàn Chiến thắng,” “Những kẻ phá đường ray” của Sư đoàn Bộ binh 84, Sư đoàn Bộ binh 4 “Sư đoàn Thường xuân.” Còn có Sư đoàn Thiết giáp 2, “Địa ngục trên bánh xe,” có những chiến thuật xe tăng độc đáo từng khiến quân Đức từ khắp vùng suối cạn Bắc Phi cho tới bờ sông Rhine phải hỗn loạn. Còn có Sư đoàn 1, “Anh cả đỏ,” với kỷ lục số lần đổ bộ tấn công nhiều hơn mọi đơn vị khác của Mỹ: Sư đoàn 1, cùng với một trong những lực lượng lâu đời nhất của Mỹ, Sư đoàn 29 “Xám Xanh” can trường, đậm tính truyền thống, đã từng kiên trì giữ một dải đất hẹp trên bờ biển Normandy có tên là “Omaha,” khi mà tất cả tưởng chừng như đã mất.

Có một đơn vị, Sư đoàn Bộ binh 83 lừng lẫy, đang di chuyển nhanh như một đội quân thiết giáp, gần đây được các phóng viên đặt biệt danh là “Rạp xiếc rách rưới.” Vị tư lệnh tháo vát của sư đoàn, Thiếu tướng Robert C. Macon, từng ra lệnh hỗ trợ việc vận chuyển của sư đoàn bằng mọi thứ có thể di chuyển được; “không cần hỏi gì thêm.”

Giờ, Rạp xiếc rách rưới đang chạy nhanh hết sức bằng một tổ hợp lạ kỳ, gồm những chiếc xe Đức bị chiếm được sơn lại vội vàng: xe jeep quân đội, xe sĩ quan, xe tải chở đạn, xe thiết giáp Mark V và Tiger, xe mô tô, xe buýt và hai chiếc xe cứu hỏa. Ở hàng đầu, với lính bộ binh ngồi kín, là một trong hai chiếc xe cứu hỏa. Trên tấm chắn sau của nó là một tấm băng rôn lớn bay phấp phới. Trên đó viết: TRẠM DỪNG KẾ: BERLIN.

Có ba Cụm tập đoàn quân lớn. Giữa Nijmegen ở Hà Lan và Düsseldorf bên sông Rhine, Cụm tập đoàn quân 21 của Thống chế Sir Bernard Law Montgomery đã vượt sông Rhine vào ngày 23/3 và giờ đang băng băng qua đồng bằng Westphalia, phía bắc Thung lũng sông Ruhr rộng lớn, động lực công nghiệp chính của Đức. Dưới quyền Thống chế Montgomery và nắm giữ cánh phía bắc của ông là Tập đoàn quân 1 của Canada, do Trung tướng Henry D. Crerar chỉ huy. Ở trung tâm là Tập đoàn quân 2 của Anh do Trung tướng Sir Miles Dempsey chỉ huy (là tập đoàn quân đậm tính “đồng minh” nhất của quân Đồng minh; Tập đoàn quân 2 ngoài các đơn vị người Anh,

Scotland và Ireland còn có quân Ba Lan, Hà Lan, Bỉ, Tiệp – và cả một sư đoàn Mỹ: Sư đoàn Dù 17). Dọc cánh phía nam của Cụm tập đoàn quân là lực lượng thứ ba của Montgomery: Tập đoàn quân 9 Hoa Kỳ hùng mạnh, do Trung tướng William H. Simpson chỉ huy. Các lực lượng của Thống chế Montgomery đã bỏ lại sông Rhine đằng sau gần 50 dặm.

Kể đó, trong hàng quân Đồng minh, trấn giữ mặt trận khoảng 125 dặm dọc sông Rhine, từ Düsseldorf đến Mainz, là Cụm tập đoàn quân 12 dưới quyền Đại tướng Omar N. Bradley. Cũng giống Thống chế Montgomery, tướng Bradley có ba tập đoàn quân. Tuy nhiên, một trong số đó, Tập đoàn quân 15 Hoa Kỳ do Trung tướng Leonard Gero chỉ huy, là một tập đoàn quân “ma”; nó được chuẩn bị cho các nhiệm vụ chiếm đóng và hiện tại gần như không có hoạt động gì, chỉ trấn giữ bờ tây sông Rhine, ngay phía trước sông Ruhr, từ vùng Düsseldorf đến Bonn.

Sức mạnh của tướng Bradley nằm trong Tập đoàn quân 1 Hoa Kỳ và Tập đoàn quân 3 Hoa Kỳ hùng mạnh, tổng cộng có tới 500.000 người. Tập đoàn quân 1 Hoa Kỳ của Đại tướng Courtney Hodges – “con ngựa thồ” của chiến trường châu Âu và là tập đoàn quân đã đi tiên phong trong cuộc xâm lăng Normandy – đang tràn về phía nam sông Ruhr, tiến về phía đông với một tốc độ chóng mặt.

Kể từ khi chiếm được cầu Remagen vào ngày 7/3, tướng Hodges đã dần dần mở rộng đầu cầu ở bờ đông sông Rhine. Các sư đoàn liên tục dồn vào đó. Rồi vào ngày 25/3, người của Tập đoàn quân 1 đã ào ra khỏi nơi đóng quân tạm thời đó với lực lượng khổng lồ. Giờ đây, chỉ sau đó ba ngày, họ còn cách điểm bắt đầu tấn công có 40 dặm.

Tràn qua miền trung nước Đức như vũ bão bên cạnh Tập đoàn quân 1 là Tập đoàn quân 3 Hoa Kỳ danh tiếng của Đại tướng George S. Patton. Tướng Patton ưa tranh cãi và dễ nổi nóng – niềm kiêu hãnh của ông là Tập đoàn quân 3 của mình đang tiến ngày càng xa hơn, nhanh hơn, có diện tích giải phóng được và số quân Đức giết được hoặc bắt được nhiều hơn bất cứ đội quân nào khác – lại đạt được một cái nhất nữa. Ông đã phồng tay trên của Montgomery bằng cách bí mật vượt sông Rhine trước cuộc tấn công nổi tiếng ngày 23/3 của Cụm tập đoàn quân 21 gần 24 giờ đồng hồ. Bây giờ,

những hàng xe tăng của tướng Patton đang tiến về phía đông với tốc độ 30 dặm một ngày.

Kề với tướng Patton và ở bên phải đoàn quân của tướng Bradley là lực lượng lực quân thứ ba của Đồng minh, Cụm tập đoàn quân 6 của Đại tướng Jacob Devers. Hai tập đoàn quân của tướng Devers – Tập đoàn quân 7 Hoa Kỳ của Trung tướng Alexander Patch và Tập đoàn quân 1 của Pháp do Đại tướng Jean de Lattre de Tassigny chỉ huy – trấn thủ cánh phía nam mặt trận, đại khái 150 dặm. Các tập đoàn quân của tướng Patch và tướng Patton đang gần như cùng sóng vai tiến quân.

Tập đoàn quân của tướng De Tassigny đang chiến đấu tại một trong những vùng có địa hình mấp mô nhất trên toàn mặt trận, trên vùng núi Vosges và Rừng Đen. Quân của ông, Tập đoàn quân 1 hậu giải phóng của Pháp, sáu tháng trước còn chưa tồn tại. Giờ, 100.000 người lính của nó hi vọng trước khi chiến tranh kết thúc họ vẫn còn đủ thời gian để báo thù bọn les boches^[10].

Ai cũng có món nợ phải đòi. Nhưng dọc theo Mặt trận phía Tây, Lực lượng Đức hiếm khi tồn tại thành một lực lượng có tổ chức và gắn kết. Bị tiêu hao nhiều trong cuộc tấn công Ardennes, các đội quân một thời hùng mạnh của Đức quốc xã cuối cùng đã bị đập tan trong chiến dịch kéo dài một tháng giữa sông Moselle và sông Rhine.

Quyết định của Hitler cho quân chiến đấu ở phía tây sông Rhine thay vì rút các lực lượng tới tả của mình về đóng bên bờ đông đã chứng tỏ là một thảm họa; nó sẽ được ghi nhận là một trong những sai lầm quân sự lớn nhất của cuộc chiến. Gần 300.000 người bị bắt và 60.000 thương vong. Tổng cộng, tổn thất của quân Đức tương đương hơn 20 sư đoàn đầy đủ.

Ước tính dù Đức còn hơn 60 sư đoàn, nhưng đó hầu hết là các sư đoàn trên giấy, mỗi sư đoàn chỉ có khoảng 5.000 lính, trong khi một sư đoàn có quân số đầy đủ thì phải đạt 9.000 – 12.000.

Thực sự thì, có thể tin là Đức chỉ còn không đầy 26 sư đoàn hoàn chỉnh ở phía Tây, mà ngay cả những sư đoàn này cũng chỉ có trang bị tồi tàn, thiếu đạn dược, đặc biệt thiếu xăng và phương tiện di chuyển, cùng với

pháo và xe tăng. Thêm nữa, đó chỉ là phần tàn dư gồm các sư đoàn, các nhóm SS rời rạc, lính phòng không, hàng nghìn lính không quân (Không quân Đức gần như đã biến mất), các tổ chức về một mặt nào đó có thể gọi là quân đội, các đơn vị Lực lượng phòng vệ Hậu phương Volkssturm gồm người già và thiếu niên chưa qua huấn luyện, và thậm chí cả những nhóm học viên trường sĩ quan tuổi thiếu niên.

Vô tổ chức, thiếu sự liên lạc và thường không có người lãnh đạo đủ khả năng, Lục quân Đức không thể ngăn chặn, thậm chí là trì hoãn đà tấn công dữ dội có hệ thống của các tập đoàn quân của Eisenhower.

Trong khi cuộc tấn công ở sông Rhine trôi qua chưa được một tuần, các tập đoàn quân đang tiến quân thần tốc của nguyên soái Montgomery và tướng Bradley đã đến gần thành trì cuối cùng của nước Đức: con sông Ruhr được phòng thủ nghiêm ngặt.

Cùng lúc với mũi tiến công nhanh chóng về phía đông, ba tập đoàn quân của Mỹ đột ngột quay lại để đánh vào vùng phụ cận sông Ruhr từ hai hướng bắc-nam. Phía bắc, Tập đoàn quân 9 của tướng Simpson đổi từ hướng chính đông sang bắt đầu hành quân theo hướng đông nam. Phía nam, Tập đoàn quân 1 của tướng Hodges và Tập đoàn quân 3 của tướng Patton, di chuyển song song, tướng Patton đi phía ngoài, cũng quay lại và tiến về hướng đông bắc để liên kết với quân của tướng Simpson.

Cái bẫy đang khép lại nhanh tới mức quân Đức – chủ yếu là Cụm tập đoàn quân B của Thống chế Walter Model, một lực lượng gồm không ít hơn 21 sư đoàn – có vẻ như không hề biết gì về gọng kìm đang xiết dần quanh họ. Giờ đây, bị đe dọa trước cuộc bao vây, bị kẹt trong một cái ngõ cụt rộng 55 dặm, dài 70 dặm – một cái ngõ cụt mà tình báo của Đồng minh nói là chứa nhiều lính và thiết bị hơn cả số mà quân Nga đã chiếm được ở Stalingrad.

Trong kế hoạch tổng thể nhằm đánh bại nước Đức, công cuộc vượt sông Rhine và chiếm sông Ruhr luôn là được xem là các mục tiêu thiết yếu nhất – và khó khăn nhất. Lòng chảo công nghiệp sông Ruhr, với các mỏ than, nhà máy lọc dầu, nhà máy thép và nhà máy vũ khí chiếm diện tích gần 4.000 dặm vuông. Quân Đồng minh từng nghĩ chiếm được nơi này cũng

phải mất mấy tháng – nhưng đó là trước khi quân Đức ở sông Rhine tan rã hoàn toàn.

Giờ, gọng kềm – mưu kế của vị tướng người Missouri trầm lặng, Omar Bradley – đang được thực thi với tốc độ nghẹt thở. Quân Mỹ đang tiến nhanh tới mức giờ tư lệnh các sư đoàn nói việc hoàn thành bao vây chỉ là chuyện tính bằng ngày. Một khi sông Ruhr bị bịt kín, Đức sẽ chẳng còn lại bao nhiêu sức mạnh để mà ngăn cản đà tiến công của quân Đồng minh. Thậm chí bây giờ quân địch đã rệu rã tới mức không có nổi phòng tuyến liền mạch nữa.

Thực sự thì quân Đức đã vô tổ chức tới mức Thiếu tướng Isaac D. White, chỉ huy Sư đoàn Thiết giáp 2 Hoa Kỳ, ra lệnh cho người của mình bỏ qua bất kỳ kháng cự nào và tiếp tục lên đường. Sư đoàn 2, mũi nhọn của gọng kềm của Tập đoàn quân 9 dọc vành đai phía bắc sông Ruhr, nhờ đó đã tiến được hơn 50 dặm chỉ trong không đầy ba ngày.

Quân Đức tại các vùng bị cô lập chiến đấu dữ dội, nhưng Sư đoàn 2 lại gặp rắc rối từ các cây cầu đã bị hủy, các chốt chặn dựng vội, những bãi mìn và địa hình xấu nhiều hơn là từ các hành động của quân thù. Hầu như chỗ nào cũng gặp cảnh này. Trung tá Wheeler G. Merriam, dẫn đầu mũi tấn công chớp nhoáng của Sư đoàn 2 bằng Tiểu đoàn Trinh sát 82 của mình, đang gặp phải một đám lộn xộn lớn và rất ít kháng cự. Ngày 28/3, khi những chiếc xe tăng của ông dàn hai bên tuyến đường sắt chính chạy theo hướng đông tây, trung tá Merriam yêu cầu dừng để báo cáo vị trí mới. Khi người đánh điện radio của ông cố liên lạc với Sở chỉ huy, Merriam nghĩ ông vừa nghe thấy tiếng đầu máy hơi nước. Thành linh, một chiếc tàu lửa Đức, chở đầy ắp quân lính và mấy toa xe chở hàng chất đầy xe thiết giáp và súng, đang phụt khói chạy trên đường ray, chạy ngang qua ngay trước mặt đơn vị của ông. Quân Mỹ và quân Đức nhìn nhau chăm chăm vì kinh ngạc. Merriam nhìn lên đám lính Đức đang nhào ra khỏi cửa sổ toa tàu, gần tới mức ông có thể nhận thấy rõ ràng “từng sợi râu trên mặt bọn chúng ở mấy chỗ chưa cạo.” Người của ông sững sốt nhìn chăm chăm đằng sau chiếc tàu khi nó chạy về hướng Tây. Cả hai bên không bắn một viên đạn nào.

Cuối cùng, kích động biến thành hành động, trung tá Merriam chụp lấy

điện đài. Cách đó vài dặm về hướng tây, Tư lệnh Sư đoàn, Thiếu tướng White, thấy đoàn tàu xuất hiện trong tầm mắt gần như cùng lúc ông nghe trung tá Merriam phấn khích cảnh báo qua chiếc đài trên xe jeep của ông. Tướng White thấy một quân cảnh đang chỉ huy hàng người của mình, thành lệnh dừng việc băng qua đường ray – và rồi tướng White, cũng giống trung tá Merriam, đứng ngăn người khi đoàn tàu lẩn bánh qua.

Mấy giây sau, cầm điện thoại đã chiến trong tay, ông yêu cầu bắn pháo. Trong vài phút, Trung đoàn Pháo binh 92, đóng ở đằng xa phía tây, bắn một loạt đạn pháo khiến đoàn tàu bị cắt làm đôi. Sau đó, họ phát hiện ra trên các toa xe chở hàng chất cả đồng súng chống tăng, pháo và một khẩu trọng pháo 16 inch. Đám lính trên tàu bị bắt nói rằng họ đã hoàn toàn không biết đà tiến của quân Đồng minh. Họ cứ nghĩ quân Anh và Mỹ còn ở phía tây sông Rhine.

Hỗn loạn vừa là bạn, vừa là thù. Trung tá Ellis W. Williamson của Sư đoàn Bộ binh 30 đang đi nhanh tới mức quân của ông thậm chí còn bị pháo binh của một sư đoàn Đồng minh khác bắn. Họ tưởng quân của trung tá Williamson là quân Đức đang rút về miền đông. Trung úy Clarence Nelson của Sư đoàn Thiết giáp 5 cũng có một trải nghiệm kỳ lạ tương tự.

Chiếc xe jeep của anh bị bắn trúng, và Nelson nhảy qua một chiếc half-track đang bị công kích dữ dội. Anh ra lệnh cho một chiếc xe tăng đến tấn công chỗ có hỏa lực mạnh của quân địch. Chiếc xe chạy lên tới đỉnh đồi và bắn hai phát – vào một chiếc xe thiết giáp của Anh. Người trong xe giật dữ nhưng không bị thương. Họ đang nằm chờ, hi vọng tìm được mục tiêu cho riêng mình. Và giáo sĩ Ben L. Rose của Trung đoàn Kỵ binh Cơ giới 113 nhớ lại là một sĩ quan chỉ huy xe tăng từng báo cáo rất nghiêm túc với trung đoàn trưởng là: “Chúng ta vừa tiến được mấy trăm mét rồi, thưa ngài. Kháng cự từ quân địch lẫn đồng bạn đều rất ác liệt.”

Thế tiến công quá mau lẹ cùng với việc hàng phòng thủ của Đức sụp đổ quá chóng vánh đã khiến nhiều vị tư lệnh lo lắng về các rủi ro từ tai nạn trên đường còn hơn là từ hỏa lực quân thù. Đại úy Charles King của Sư đoàn Thiết giáp 7 danh tiếng của Anh đã năn nỉ lính của mình “phải cẩn thận khi lái xe trên mấy con đường này.” Anh cảnh báo, “Giờ mà chết vì tai

nạn thì thật là đáng tiếc.” Mấy tiếng sau, đại úy King, một trong những thành viên ban đầu của Chuột Sa mạc, đã chết; chiếc xe jeep của anh bị trúng một quả địa lôi của Đức.

Phần lớn mọi người đều không biết mình đang ở đâu hay đội quân nào đang ở bên cạnh họ. Các đơn vị đang trước đã bắt đầu bị thiếu bản đồ. Những chiếc máy bay trinh sát của Tiểu đoàn Trinh sát 82 không hề quan tâm chuyện này chút nào.

Họ đang sử dụng bản đồ khẩn cấp: mọi phi công chiến đấu đều được cung cấp bản đồ thoát hiểm của Không lực Hoa Kỳ to bằng chiếc khăn tay lụa từ đầu cuộc chiến, nhằm giúp họ thoát khỏi lãnh địa của kẻ thù nếu như bị bắn hạ. Máy bay trinh sát của Tiểu đoàn 82 xác định vị trí của mình đơn giản bằng cách kiểm tra các biển chỉ đường của Đức. Trong khu vực của Sư đoàn 84, Trung tá Norman D. Carnes phát hiện ra toàn bộ tiểu đoàn của ông còn có hai tấm bản đồ để theo dõi đà tiến quân dự định. Ông cũng không lo lắng mấy – miễn là radio của ông còn hoạt động và ông có thể giữ liên lạc với sở chỉ huy. Trung tá Arthur T. Hadley, một chuyên gia tâm lý chiến tranh đi cùng Sư đoàn Thiết giáp 2, giờ đang phải dùng mấy tấm bản đồ trong một cuốn sổ tay du lịch cũ dành cho du khách. Và Đại úy Francis Schommer của Sư đoàn 83 luôn biết anh đang dẫn tiểu đoàn của mình đi đâu. Anh cứ tóm lấy người Đức đầu tiên gặp được, dí súng vào mạn sườn người đó, và hỏi mình đang ở đâu bằng tiếng Đức rất lưu loát. Anh chưa từng phải nhận một câu trả lời sai.

Đối với người của các sư đoàn thiết giáp, cuộc tiến quân từ sông Rhine cũng là một loại chiến tranh. Những hàng xe thiết giáp ngoằn ngoèo đột kích, vượt qua, bao vây và đục khoét các đội quân và thành phố Đức là một ví dụ kinh điển của các chiến thuật thiết giáp tài tình nhất. Một số người cổ mô tả cuộc đua của những chiếc xe thiết giáp về miền đông trong thư.

Trung tá Clifton Batchelder, tư lệnh Tiểu đoàn 1, thuộc Trung đoàn Thiết giáp 67, nghĩ rằng cuộc tiến công “có được mọi nghị lực và can đảm của các chiến dịch kỵ binh vĩ đại trong cuộc Nội chiến.” Trung úy Gerald P. Leibman nhận thấy khi Sư đoàn Thiết giáp 5 vượt qua quân địch, hàng nghìn lính Đức đang sau đang chiến đấu trong những vùng bị cô lập, viết

một cách hài hước rằng “Chúng tôi dạo chơi ở hậu quân của địch sau khi đã chọc thủng những vị trí ở tiền phương của chúng.”

Đối với Leibman, cuộc tấn công gợi nhớ lại cuộc đột phá của đoàn xe thiết giáp của tướng Patton ở hàng rào Normandy mà anh cũng từng tham gia. Anh viết, “Chẳng ai ăn uống ngủ nghỉ gì. Tất cả những gì chúng tôi làm là tấn công rồi đi tiếp, tấn công rồi đi tiếp. Ở đây cũng giống như ở Pháp – trừ một chỗ, lần này cờ bay trên mỗi ngôi nhà không phải cờ ba màu của Pháp, mà là cờ trắng đầu hàng.” Trong cuộc đua giữa Trung đoàn Devonshire với Sư đoàn Thiết giáp 7 của Anh, Trung úy Frank Barnes kể với bạn mình là Trung úy Robert Davey là “thật tuyệt khi lúc nào cũng được tiến về phía trước.” Cả hai đều thấy phấn chấn, vì trong buổi chỉ thị trước cuộc tấn công, họ nghe rằng đây là lần cuối hành quân và mục tiêu sau cùng là Berlin.

Thống chế Montgomery vẫn luôn biết Berlin là mục tiêu sau cùng. Để nổi nóng, thiếu kiên nhẫn khi bị trì hoãn, tính khí thất thường và thường thiếu lịch thiệp, nhưng luôn thực tế và can đảm, Montgomery đã chú mục vào Berlin từ chiến thắng vĩ đại của ông ở sa mạc El Alamein. Người đàn ông này đã từng nói “Xuất phát” khi mà thời tiết xấu có thể làm trì hoãn cuộc xâm lăng Normandy, giờ đòi được bật đèn xanh lần nữa. Thiếu quyết định rõ ràng từ Tư lệnh Tối cao, Montgomery đã tự thông báo quyết định của riêng mình.

Vào lúc 6:10 chiều thứ ba ngày 27/3, trong một thông điệp mã hóa gửi Bộ chỉ huy Tối cao, ông trình bày với Đại tướng Eisenhower rằng: “Hôm nay, tôi đã phát lệnh cho các tư lệnh lục quân rằng cuộc hành quân về phía đông giờ đây bắt đầu... Ý định của tôi là tấn công mạnh vào phòng tuyến sông Elbe bằng Tập đoàn quân 2 và Tập đoàn quân 9. Cánh phải của Tập đoàn quân 9 sẽ hướng về Magdeburg và cánh trái của Tập đoàn quân 2 hướng về Hamburg...Tập đoàn quân của Canada sẽ hành quân... đến miền Tây Bắc Hà Lan và Tây Hà Lan và vùng ven biển bắc nằm ở ranh giới bên trái của Tập đoàn quân 2...”

Tôi đã ra lệnh cho Tập đoàn quân 2 và Tập đoàn quân 9 đưa các lực lượng thiết giáp và cơ động của họ tiến về phía trước ngay lập tức để đến

được sông Elbe bằng tốc độ cao nhất. Tình hình có vẻ tốt và các việc trên nên bắt đầu tiến hành nhanh chóng trong vài ngày tới.

Sở chỉ huy chiến thuật của tôi sẽ dời tới tây bắc Bonninghardt vào thứ năm ngày 29/3. Sau đó... sở chỉ huy của tôi sẽ di chuyển đến Wesel-Münster-Wiedenbrück-Herford-Hanover – rồi từ đó đi theo xa lộ đến thẳng Berlin, tôi hi vọng thế.”

Chầm chậm quay đầu trong khi cổ bị buộc dây, Cô Effie và Cậu Otto nhìn chăm chăm khoảnh sân Berlin ngổn ngang gạch vụn đầy rầu rĩ. Từ ban công đằng sau của căn hộ ở tầng hai trong quận Wilmersdorf của mình, Carl Wiberg nói khề khích lệ mấy con chó Dachshund và kéo chúng lại cho an toàn. Ông đang dẫn chúng đi qua lối thoát hiểm không kích mà ông đã dựng nên, và sau nhiều tuần huấn luyện, bọn chó đã thích nghi rất tốt. Mấy người hàng xóm của ông Wiberg cũng vậy, dù họ cho là ông người Thụy Điển này lo cho bọn thú cưng có hơi quá.

Mọi người dần quen với cảnh Cô Effie và Cậu Otto mặc áo choàng lấp lánh và chải chuốt, chạy lên xuống qua mấy ô cửa sổ. Cũng không có ai để ý tới mấy sợi dây thừng lủng lẳng, đó chính là cái mà ông Wiberg muốn. Một ngày, nếu bọn Gestapo có ập vào, ông có thể sẽ phải ra cái ban công đằng sau và trốn thoát bằng chính mấy sợi dây đó.

Ông đã cẩn thận suy tính mọi thứ. Chỉ một sai lầm nhỏ cũng có thể khiến việc ông là gián điệp Đồng minh bị lộ, và giờ đây, khi mà dân Berlin ngày càng nghi ngờ và lo âu nhiều hơn, ông Wiberg không còn nhiều cơ hội. Ông vẫn chưa tìm ra nơi trú ẩn của Hitler. Những câu hỏi thông thường và có vẻ ngây ngô của ông bề ngoài không gây nghi ngờ gì, nhưng chúng cũng chẳng đem lại thông tin gì nổi. Ngay cả đám bạn ông làm lớn trong quân đội và không quân cũng không biết gì. Wiberg bắt đầu tin là Quốc trưởng và nội các của ông ta không có tại Berlin.

Thình lình, khi ông dẫn mấy con chó lên ban công, chuông cửa vang lên. Ông Wiberg thấy căng thẳng; ông không hề mong có khách, và ông sống

trong lo sợ phập phồng rằng sẽ có lúc đi ra cửa và thấy cảnh sát đứng đó. Ông cẩn thận mở dây buộc cho bọn chó và rồi bước ra cửa. Bên ngoài là một người khách lạ. Ông ta cao to, mặc đồ lao động và khoác áo da. Vai phải ông ta vác một thùng các tông.

Ông ta hỏi, “Ông là Carl Wiberg hả?”

Ông Wiberg gật đầu.

Người khách lạ ném cái thùng vào trong nhà. Ông ta mỉm cười nói:

“Đây là một món quà nhỏ từ mấy người bạn ở Thụy Điển của ông.”

Ông Wiberg cảnh giác hỏi:

“Mấy người bạn ở Thụy Điển của tôi ư?”

Người khách lạ nói,

“Ồ, ông biết rõ cái thứ chết tiệt này là gì mà.”

Ông ta quay lại và đi nhanh xuống lầu.

Ông Wiberg chậm chậm đóng cửa. Ông đứng ngây ra đó, nhìn xuống cái thùng. “Món quà” duy nhất ông từng nhận được từ Thụy Điển là đồ tiếp tế cho công tác gián điệp ở Berlin. Đây là cái bẫy chăng? Liệu cảnh sát có ập đến căn hộ này khi ông mở hộp không? Ông nhanh nhẹn băng qua phòng khách và cảnh giác nhìn xuống dưới đường phố. Trống không. Không thấy dấu hiệu gì của vị khách.

Ông Wiberg quay lại bên cánh cửa và đứng nghe ngóng một lúc. Ông không nghe thấy thứ gì bất thường. Cuối cùng, ông bê cái thùng các tông đặt lên chiếc sofa trong phòng khách và mở nó ra. Cái thùng được mang đến một cách thông thường này chứa một cái máy phát radio lớn. Wiberg chợt nhận ra mình đang đổ mồ hôi.

Mấy tuần trước, ông Wiberg đã được thượng cấp của mình, một người Đan Mạch tên Hennings Jessen-Schmidt, thông báo là từ nay trở đi ông sẽ là “chủ tiệm” của mạng lưới gián điệp tại Berlin. Kể từ đó, ông đã nhận được một lượng lớn đồ tiếp tế thông qua mấy người đưa thư. Nhưng cho tới nay ông luôn được báo trước, và việc chuyển phát luôn được thực hiện với cảnh giác cao độ. Điện thoại của ông sẽ reng hai lần rồi dừng lại; đó là dấu hiệu sắp có đồ đưa tới.

Đồ tiếp tế chỉ đến khi trời tối, và thường vào lúc có không kích. Ông

Wiberg chưa bao giờ được người khác tiếp cận vào ban ngày. Ông điên lên. Sau này ông nói, “Ai đó đã hành động quá mức gây thương và nghiệp dư và có vẻ muốn phá hoại toàn bộ chiến dịch.”

Vị trí của ông Wiberg đang dần trở nên nguy hiểm hơn; ông không thể gánh nổi một cuộc viếng thăm của cảnh sát. Vì bây giờ trong căn hộ của ông là cả một kho thiết bị do thám. Máy căn phòng của ông trữ một lượng lớn tiền, máy bảng mã và một đóng thuốc và độc dược – từ những viên thuốc nhỏ “knockout” tác dụng nhanh, có thể khiến người ta bất tỉnh trong những khoảng thời gian khác nhau, cho đến các loại hợp chất cyanua độc.

Trong hầm chứa than của ông và trong một garage thuê gần đó là một kho vũ khí nhỏ nhỏ chứa súng trường, súng lục và đạn. Ông Wiberg thậm chí còn có một va li chứa thuốc nổ dễ bay hơi. Máy cuộc không kích làm ông rất lo lắng cho kho hàng hóa ký gửi này. Nhưng ông và Jessen-Schmidt đã tìm ra một nơi cất giấu hoàn hảo. Mớ thuốc nổ giờ được cất trong một két an toàn lớn nằm trong hầm của Ngân hàng Deutsche Union.

Căn hộ của ông Wiberg đã tồn tại một cách diệu kỳ qua các cuộc không kích cho tới tận bây giờ, nhưng ông chết khiếp khi nghĩ đến hậu quả nếu như nó bị trúng bom. Ông có thể bị lộ ngay lập tức.

Jessen-Schmidt đã bảo Wiberg rằng vào đúng thời điểm, các món đồ tiếp tế sẽ được đưa đến các nhóm gián điệp và phá hoại khác nhau sắp đặt chân đến Berlin. Cách hoạt động của các điệp viên đã được chọn này là bắt đầu nhận một tín hiệu gửi qua radio hoặc qua mạng lưới người đưa thư từ London. Ông Wiberg mong chóng đến lúc phân phối đồ. Jessen-Schmidt đã được cảnh báo là cần chờ tin trong vài tuần nữa, vì công việc của nhóm sẽ trùng với lúc chiếm đóng thành phố. Theo thông tin mà Jessen-Schmidt và Wiberg nhận được, quân Anh và Mỹ sẽ đến được Berlin vào khoảng giữa tháng tư.

3

Trong không khí yên tĩnh của phòng làm việc của mình tại số 10 đường Downing, Winston Churchill ngồi khom xuống trong chiếc ghế da ưa thích, điện thoại khum bên tai. Ngài Thủ tướng đang nghe Tổng tham mưu của mình, Đại tướng Sir Hastings Ismay, đọc một bản sao của thông điệp của Montgomery gửi cho Tư lệnh Tối cao. Lời hứa hẹn của vị Thống chế về “tốc độ cao nhất và tấn công quyết liệt” thực sự là tin tốt; nhưng lời tuyên bố định tiến về Berlin của ông thậm chí còn tốt hơn. Ngài Thủ tướng nói với tướng Ismay, “Montgomery đang có bước tiến đáng kể.”

Sau nhiều tháng thảo luận sôi nổi giữa các lãnh đạo quân sự của Anh và Mỹ, chiến lược của phe Đồng minh có vẻ như bắt đầu vận hành trơn tru. Kế hoạch của Đại tướng Eisenhower, được phác thảo vào mùa thu năm 1944 và được Hội đồng Tham mưu trưởng ở Malta chấp thuận vào tháng 1/1945, yêu cầu Cụm tập đoàn quân 21 của Thống chế Montgomery làm mũi tiến công chính ở hạ lưu sông Rhine và bắc sông Ruhr; đây là lộ trình mà Churchill, trong một lá thư gửi cho Roosevelt, đã gọi là “con đường ngắn nhất dẫn tới Berlin.”

Ở phía nam, quân Mỹ sẽ vượt sông và tiến về khu vực Frankfurt, thu hút quân địch khỏi Montgomery. Mũi tiến quân hỗ trợ này sẽ thành mũi tấn công chính nếu cuộc tấn công của Montgomery thất bại. Nhưng dù Churchill lo lắng hết mức, chuyện đã được sắp xếp xong. Cuộc “Thập tự chinh Vĩ đại” đã gần đi đến hồi kết, và Churchill cực kỳ hài lòng vì trong số các vị tư lệnh của Đồng minh, có lẽ ý trời đã định cho người hùng của trận El Alamein chiếm được thủ đô của kẻ thù. Cụm tập đoàn quân 21 đã được đặc biệt tăng cường cho cuộc tấn công, được ưu tiên hàng đầu về binh lính, không lực để hỗ trợ, đồ tiếp tế và thiết bị. Tổng cộng, trong tay Montgomery có gần một triệu quân thuộc 35 sư đoàn và các đơn vị đi cùng,

bao gồm Tập đoàn quân 9 Hoa Kỳ.

Bốn ngày trước, Churchill đã đi cùng Đại tướng Eisenhower sang Đức để chứng kiến giai đoạn mở đầu của cuộc tấn công vào phòng tuyến bên sông. Khi đứng bên bờ sông Rhine quan sát cuộc tấn công lịch sử mở màn, Churchill nói với Eisenhower, “Đại tướng thân mến của tôi ơi, bọn Đức tiêu rồi. Ta đã tóm được chúng. Bọn chúng xong đời rồi.”

Và quả vậy, thật đáng ngạc nhiên là ở hầu hết các nơi, quân địch chống cự rất yếu ớt. Tại quân khu của Tập đoàn quân 9 Hoa Kỳ, nơi 2 sư đoàn – khoảng 34.000 người – đang vai kề vai hành quân với quân Anh, chỉ có 31 thương vong. Giờ, Montgomery dẫn hơn 20 sư đoàn và 1.500 xe tăng vượt sông tiến về sông Elbe. Con đường dẫn đến Berlin – nơi Churchill từng gọi là “mục tiêu đích thực và quan trọng nhất của liên quân Anh-Mỹ” – có vẻ khá rộng mở.

Con đường này còn rộng mở về mặt chính trị nữa. Chưa từng có một cuộc thảo luận nào giữa ba ông lớn xem quân của ai sẽ chiếm thành phố. Berlin là một mục tiêu để mở, nằm đó chờ đội quân Đồng minh đầu tiên tới chiếm.

Tuy nhiên, đã có nhiều cuộc thảo luận về việc chiếm đóng phần còn lại của quốc gia đối địch này – như mấy tấm bản đồ của Chiến dịch Nhật thực đã phân chia. Và các quyết định về việc chiếm đóng nước Đức có ảnh hưởng quan trọng đến việc chiếm Berlin và tương lai chính trị của thành phố. Ít nhất một vị lãnh đạo của phe Đồng minh đã nhận thấy điều này ngay từ đầu. Ông đã nói, “Chắc chắn sẽ có một cuộc đua giành lấy Berlin.” Người đó là Franklin Delano Roosevelt.

Trước đó 17 tháng, vào ngày 19/11/1943, vấn đề này đã được trình bày cho Roosevelt. Lần đó, ngài Tổng thống ngồi chủ tọa trong một phòng họp thuộc dãy buồng của Đô đốc Ernest J. King trên tàu chiến U.S.S. Iowa. Ngồi cạnh ông là các trợ lý và cố vấn, trong đó có Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ. Roosevelt đang trên đường tới Trung Đông để dự hội nghị ở Cairo và Teheran – cuộc họp thứ năm và thứ sáu trong thời chiến của các lãnh đạo phe Đồng minh.

Đó là những ngày trọng yếu trong cuộc đấu tranh với phe Trục trên toàn

cầu. Ở mặt trận Nga, quân Đức đã phải chịu thất bại nặng nề và đẫm máu nhất của chúng: Stalingrad, bị bao vây và cô lập trong 23 ngày, đã sụp đổ, và hơn 300.000 lính Đức bị giết, bị thương hoặc bắt làm tù binh. Ở Thái Bình Dương, nơi hơn một triệu quân Mỹ đang chiến đấu, quân Nhật đang bị đẩy lui trên mọi mặt trận. Ở phương Tây, Rommel bị đánh tan tác tại Bắc Phi. Italy, bị xâm chiếm từ châu Phi qua đường Sicily, đã đầu hàng. Và giờ liên quân Anh-Mỹ đang chuẩn bị kế hoạch cho coup de grace – Chiến dịch Chúa tể, cuộc xâm chiếm toàn diện châu Âu.

Trên tàu Iowa, Roosevelt đang rất bức bối. Các tài liệu và bản đồ trước mặt ông là phần cốt yếu trong một kế hoạch tên là Chiến dịch Rankin, Phương án C, một trong các nghiên cứu được phát triển có liên quan với cuộc xâm chiếm sắp tới. Rankin C cân nhắc các bước cần thực hiện nếu quân địch bất ngờ sụp đổ hoặc đầu hàng. Trong trường hợp đó, kế hoạch này đề nghị rằng nên chia nước Đức và Berlin thành nhiều phần, mỗi ông lớn chiếm một vùng. Điều khiến ngài Tổng thống thấy khó chịu là khu vực mà những kế hoạch gia người Anh đã chọn cho đất nước ông.

Rankin C được lập ra dưới hoàn cảnh đặc thù và khó khăn. Người chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất bởi các điều khoản của nó sẽ là Tư lệnh Tối cao của Đồng minh tại châu Âu. Nhưng vị tư lệnh này còn chưa được chỉ định. Nhiệm vụ khó khăn phải cố lập kế hoạch trước cho Tư lệnh Tối cao – đó là, vừa chuẩn bị cho cuộc tấn công thông qua eo biển Manche, Chiến dịch Chúa tể, vừa chuẩn bị kế hoạch trong trường hợp nước Đức sụp đổ, Chiến dịch Rankin – được giao cho Trung tướng Frederick E. Morgan của Anh^[11], được biết đến với mật danh “COSSAC” (Chief of Staff to the Supreme Allied Com-mander – Tham mưu trưởng cho Tư lệnh Đồng minh Tối cao, đề cử). Đó là một công việc bạc bẽo và mệt mỏi. Khi ông được chỉ định làm nhiệm vụ này, Sir Alan Brooke, Tham mưu trưởng của Ban tham mưu Hoàng gia, đã nói với tướng Morgan là: “Thôi thì thế đó; tất nhiên là nó chả đi vào hoạt động đâu, nhưng anh phải làm thật tốt vào!”

Trong lúc chuẩn bị Chiến dịch Rankin C, tướng Morgan đã phải cân nhắc mọi tình huống không lường trước. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu quân địch

đầu hàng đột ngột tới mức quân Đồng minh bị mất thăng bằng, như họ từng bị hời hợt chiến thứ nhất khi không đoán trước được Đức sẽ đầu hàng vào tháng 11/1918? Quân của từng bên sẽ đi đâu? Ai sẽ chiếm Berlin? Đó là các câu hỏi cơ bản, và chúng cần được giải quyết một cách quyết đoán và rõ ràng, nếu như quân Đồng minh không muốn bị bất ngờ trước sự sụp đổ bất ngờ của địch.

Vào lúc đó, vẫn chưa có một kế hoạch cụ thể nào về kết cục cuộc chiến được lập ra. Dù ở Mỹ và Anh, nhiều cơ quan Chính phủ đã thảo luận các vấn đề sẽ xuất hiện khi đình chiến, nhưng việc lập nên chính sách chung vẫn không mấy tiến triển. Chỉ có một điểm nhất trí duy nhất: cần chiếm đóng đất nước của địch.

Ngược lại, Nga không khó khăn gì trong chuyện đưa ra chính sách. Josef Stalin luôn xem chiếm đóng là chuyện đương nhiên, và ông luôn biết chính xác mình sẽ làm điều đó như thế nào. Hồi tháng 12/1941, ông đã thẳng thắn nói với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Anh, Anthony Eden, về các yêu cầu hậu chiến của mình, chỉ ra các vùng lãnh thổ mà ông định chiếm đóng và thôn tính. Đó là một danh sách ấn tượng: theo gót giày chiến thắng của mình, Stalin muốn được thừa nhận chủ quyền của ông với Latvia, Lithuania và Estonia; một phần của Phần Lan mà ông đã chiếm khi ông tấn công Phần Lan vào năm 1939; tỉnh Bessarabia của Rumania; miền đông Ba Lan, nơi quân Soviet đã tràn qua vào năm 1939 theo thỏa thuận với Nazi; và phần lớn vùng Đông Phổ. Khi ông bình tĩnh đưa ra các điều khoản này, súng nổ cách điện Kremlin có 15 dặm, ở ngoại ô Moscow, nơi quân Đức vẫn đang chiến đấu dữ dội.

Dù người Anh coi các yêu cầu của Stalin năm 1941 là còn quá sớm để nói,^[12] đến năm 1943 thì họ cũng chuẩn bị kế hoạch cho riêng mình. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Anh, Anthony Eden, đã đề xuất là Đức phải bị Đồng minh chiếm đóng hoàn toàn và phân chia thành ba vùng.

Ngay sau đó, một cơ quan ở trong nội các là Ủy ban Đình chiến và Hậu chiến được thành lập, dưới quyền Phó Thủ tướng Clement Attlee, chủ tịch Đảng Lao động. Nhóm Attlee đưa ra một đề xuất công khai, trong đó cũng

chủ trương chia ba nước Đức, và Anh sẽ chiếm vùng tây bắc giàu có về thương mại và công nghiệp. Họ cũng đề xuất để cả ba phe cùng chiếm Berlin. Phe Đồng minh duy nhất gần như không có kế hoạch nào với nước Đức bại trận là Mỹ. Quan điểm chính thức của Mỹ là các thỏa thuận hậu chiến nên để đến gần chiến thắng sau cùng rồi hãy tính. Chính sách chiếm đóng chủ yếu liên quan tới quân sự mà thôi.

Nhưng giờ, khi mà sức mạnh kết hợp của Đồng minh bắt đầu rõ rệt trên mọi mặt trận và nhịp độ tấn công của Đồng minh ngày càng tăng cao, yêu cầu cần lập kế hoạch chính trị thống nhất ngày càng cấp bách. Tháng 10/1943, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao tại Moscow, bước thăm dò đầu tiên được thực hiện nhằm định ra chính sách hậu chiến chung của Đồng minh. Các phe Đồng minh chấp nhận ý tưởng cùng chịu trách nhiệm kiểm soát và chiếm đóng nước Đức, và thành lập một cơ quan giữa ba bên, Hội đồng Cố vấn châu Âu (EAC), để “nghiên cứu và đưa ra đề xuất cho ba chính phủ về các vấn đề ở châu Âu có liên quan tới sự kết thúc giao tranh.”

Nhưng cùng lúc đó, tướng Morgan đã đưa ra bản kế hoạch của ông – một bản kế hoạch chi tiết sơ thảo về việc chiếm đóng nước Đức – sau này ông giải thích, “chỉ được chuẩn bị sau khi đã bói bằng cầu thủy tinh cả đồng lần.” Ban đầu, không có chỉ dẫn chính trị, tướng Morgan chỉ đưa ra bản kế hoạch chiếm đóng có giới hạn. Nhưng kế hoạch Rankin C sau cùng của ông phản ánh kế hoạch do ủy ban của Attlee đưa ra, vốn phức tạp hơn.

Tướng Morgan đã chia nước Đức thành ba phần theo toán học trên một tấm bản đồ, “phác thảo sơ qua bằng chì xanh dọc theo ranh giới của các tỉnh có sẵn.” Rõ ràng là người Nga, đến từ phía đông, phải chiếm một phần ở phía Đông. Việc chia chác giữa Nga với Anh-Mỹ trong kế hoạch Rankin C (bản đã được sửa lại) là một đường chạy từ Lübeck bên bờ biển Baltic đến Eisenach ở miền trung nước Đức và từ đó tới biên giới với Tiệp.

Quy mô khu vực của Nga lớn cỡ nào không phải là chuyện Morgan bận tâm. Ông đâu có được ra lệnh phải cân nhắc chuyện đó, vì đó “đương nhiên là chuyện của người Nga, họ đâu có ở trong ban COSSAC của chúng ta”. Nhưng Berlin khiến ông phiền não, vì nó sẽ nằm trong khu vực của Nga. Ông tự hỏi, “Liệu chúng ta có tiếp tục xem đó là thủ đô hay là, nói cho

cùng, có cần có một thủ đô nữa không? Tính quốc tế của chiến dịch đã đề xuất rằng việc chiếm Berlin hay bất cứ thủ đô nào khác, nếu có, phải được chia đều giữa ba bên, quân Mỹ, Anh và Nga mỗi bên một sư đoàn.”

Về khu vực của Anh và Mỹ, đối với tướng Morgan, mối liên hệ Bắc-Nam của chúng có vẻ chỉ được định trước bởi một sự thật nghe thì kỳ cục nhưng lại có liên quan: vị trí các căn cứ của Anh và Mỹ và các sở chỉ huy tại Anh. Từ lúc những lính Mỹ đầu tiên đặt chân lên Vương quốc Anh, đầu tiên họ được cấp chỗ ở Bắc Ireland, rồi sau đó ở nam và tây nam nước Anh. Các lực lượng của Anh đóng ở miền bắc và đông nam. Do đó, sự tập trung binh lính, đồ tiếp tế và thông tin liên lạc cũng tách biệt – quân Mỹ luôn ở bên phải, Anh bên trái đối diện với châu Âu lục địa.

Vì Morgan đã đoán trước sẽ có Chiến dịch Chúa tể, bản kế hoạch này tiếp tục băng qua eo biển Manche đến các bờ biển xâm chiếm được ở Normandy – và có lẽ là băng qua châu Âu để đến trung tâm nước Đức. Anh sẽ đến miền bắc nước Đức và giải phóng Hà Lan, Đan Mạch, Na Uy. Phía bên phải, quân Mỹ đi theo đường tiến quân qua Pháp, Bỉ và Luxembourg, cuối cùng sẽ đến các tỉnh miền nam nước Đức.

Sau này Morgan nói, “Tôi không tin là vào lúc đó có người có thể nhận ra ngụ ý sau cùng và đầy đủ của quyết định phân chia vùng chiếm đóng – trong mọi khả năng, lại do các quan chức cấp thấp của Bộ Chiến tranh đưa ra. Nhưng toàn bộ phần còn lại đều bắt nguồn từ đó.”

Trên tàu Iowa, ngài Tổng thống Mỹ nhận ra ngụ ý sau cùng và đầy đủ khá rõ. Những ngụ ý đó chính là điều ông không thích về kế hoạch Rankin C. Ngay khi buổi họp chiều bắt đầu lúc 3 giờ, Roosevelt khơi mào chủ đề, và ông thực sự điên tiết. Bình luận về bản ghi nhớ đi kèm mà mấy vị Tham mưu trưởng đã hỏi xin chỉ thị về kế hoạch đã chỉnh sửa của tướng Morgan, Roosevelt quở trách các cố vấn quân sự của mình vì đã “đưa ra các giả thuyết nhất định” – đặc biệt là việc Mỹ nên chấp nhận đề nghị của Anh chiếm miền nam nước Đức. Ngài Tổng thống tuyên bố, “Tôi không thích sắp xếp kiểu này.” Ông muốn phần tây bắc nước Đức. Ông muốn các cảng biển Bremen và Hamburg, cũng như các cảng ở Đan Mạch và Na Uy. Và Roosevelt rất kiên quyết về một vấn đề khác: quy mô vùng chiếm đóng của

Mỹ. Ông nói, “Chúng ta nên đi tới Berlin. Mỹ phải có được Berlin.” Rồi ông nói thêm: “Liên Xô có thể lấy phần lãnh địa miền Đông.”

Roosevelt cũng không hài lòng về một khía cạnh khác của kế hoạch Rankin C. Ở phía nam, Mỹ sẽ phải chịu gánh một cục trách nhiệm gồm Pháp, Bỉ và Luxembourg. Ông khá lo lắng về Pháp, nhất là vị lãnh đạo của tổ chức Nước Pháp Tự do, Đại tướng Charles de Gaulle, người ông vẫn luôn xem là “một mối đau đầu về chính trị.” Khi tiến quân vào nước Pháp, ngài Tổng thống nói với các cố vấn, De Gaulle sẽ “ở sau quân ta một dặm,” sẵn sàng chiếm chính quyền. Hơn hết thấy Roosevelt sợ nội chiến sẽ bùng nổ ở Pháp khi chiến tranh kết thúc. Ông nói không muốn bị dính líu “trong công cuộc khôi phục nước Pháp.” Ngài Tổng thống tuyên bố rằng, “Pháp là một em bé người Anh.”

Và không chỉ có Pháp mà thôi. Ông thấy nước Anh nên chịu trách nhiệm với cả Bỉ và Luxembourg nữa – và cả miền nam nước Đức luôn. Về khu vực của Mỹ - theo như ngài Tổng thống hình dung, nó phải quét qua miền bắc nước Đức (bao gồm cả Berlin), gồm một dải từ Stettin cho tới sông Oder. Và một lần nữa, cân nhắc lời lẽ, ông nhấn mạnh rằng mình rất không hài lòng trước cách phân chia vùng chiếm đóng đề xuất. Roosevelt nói, “Người Anh định để Mỹ lấy phần miền nam, và tôi không thích thế.”

Ý kiến của ngài Tổng thống làm các cố vấn quân sự của ông giật mình. Ba tháng trước, tại Hội nghị Quebec, Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ đã chấp nhận cơ bản kế hoạch này. Cả Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ cũng thế. Vào lúc đó, Tổng thống Roosevelt tỏ ra rất quan tâm đến việc phân chia nước Đức và gia tăng trọng lượng lời nói của ông trong việc thúc giục lập kế hoạch bằng cách bày tỏ mong muốn rằng các đội quân nên “sẵn sàng tới Berlin sớm ngang với Nga.”

Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ tin rằng các vấn đề có trong kế hoạch Rankin C đều đã được sắp đặt xong xuôi. Sờ dĩ họ đưa chuyện này lên tàu Iowa chỉ vì nó có liên quan tới các vấn đề kinh tế, chính trị và quân sự. Giờ ngài Tổng thống không chỉ chính thức phản đối kế hoạch chiếm đóng mà còn phản đối cả nội dung cơ bản của Chiến dịch Chúa tể nữa. Nếu phải thay đổi vùng chiếm đóng để đáp ứng mong muốn

của ngài Tổng thống, sẽ phải thay đổi tình hình bố quân ở Anh trước khi tiến hành xâm chiếm.

Điều này sẽ làm trì hoãn – thậm chí gây thiệt hại – cho cuộc tấn công qua eo biển Manche, một trong những chiến dịch phức tạp nhất từng có trong bất kỳ cuộc chiến tranh nào. Đối với các cố vấn quân sự, rõ ràng là ngài Tổng thống Roosevelt hoặc là không hề hiểu được các quy tắc vận hành logic mênh mông trong đó – hoặc là hiểu rất rõ và đơn giản là sẵn sàng trả một cái giá phi thường đắt để nước Mỹ có được vùng tây bắc và Berlin. Trong quan điểm của họ, cái giá đó quả thực không thể trả nổi.

Đại tướng Marshall bắt đầu tỉ mỉ phân tích tình huống về mặt ngoại giao. Ông đồng ý là “chuyện phải thế mới đúng.” Nhưng, ông nói, những đề xuất của kế hoạch Rankin C bắt nguồn từ các suy tính quân sự cốt yếu nhất. Ông giải thích từ góc độ logic, “Chúng ta phải đóng quân bên phải... mọi chuyện lại quay trở về vấn đề cũ, các cảng biển của Anh.”

Đô đốc Ernest King, Tổng Tư lệnh hành quân của Hải quân Hoa Kỳ, ủng hộ tướng Marshall; ông nói rằng, kế hoạch xâm chiếm đã được phát triển quá sâu rồi, muốn chấp nhận dù chỉ một thay đổi về cách triển khai quân là chuyện phi thực tế.

Vấn đề này rộng lớn tới mức tướng Marshall tin rằng dù chỉ hoán đổi các đội quân không thôi cũng cần có một kế hoạch mới hoàn toàn – một kế hoạch đủ linh hoạt để áp dụng cho “bất kỳ giai đoạn phát triển nào” nhằm đạt được những gì ngài Tổng thống muốn ở Đức.

Roosevelt không nghĩ vậy. Ông thấy rằng nếu Đức quốc xã của Hitler hoàn toàn sụp đổ thì Mỹ phải đưa quân vào Đức càng nhiều càng tốt, và ông cho là có thể đưa một phần quân vào Đức “thông qua Scotland” – từ đó vào Đức từ phía bắc. Chính vì điểm này mà ông chắc chắn là các phe trong Đồng minh sẽ đua nhau giành lấy Berlin; trong trường hợp đó, các sư đoàn Mỹ phải đến được đó “sớm nhất có thể.” Harry Hopkins, cố vấn và đồng thời là tâm phúc của Roosevelt, đang có mặt trên tàu Iowa, cũng có cùng cảm giác cấp bách như thế: ông nghĩ rằng Mỹ cần “sẵn sàng đưa một sư đoàn dù đến Berlin trong vòng hai giờ sau khi sụp đổ xảy ra.”

Hết lần này tới lần khác, các cố vấn quân sự của ngài Tổng thống cố

nhấn mạnh với ông tầm nghiêm trọng của việc một thay đổi trong kế hoạch Rankin C sẽ dẫn tới hậu quả gì. Roosevelt vẫn cương quyết.

Cuối cùng, ông kéo một tấm bản đồ nước Đức của National Geographic đang đặt trên bàn về phía mình và bắt đầu vẽ. Đầu tiên, ông vẽ một đường cắt qua biên giới phía tây nước Đức tới Düsseldorf và xuôi về phía nam sông Rhine tới Mainz. Từ đó, bằng một nét đậm, ông cắt nước Đức ra làm đôi dọc theo vĩ tuyến 50, đại khái từ Mainz ở miền tây chạy về phía đông tới thị trấn Asch nằm bên biên giới với Tiệp. Rồi ngòi bút của ông chạy về phía đông bắc tới Stettin nằm bên sông Oder. Mỹ sẽ có vùng nằm trên đường này, Anh có vùng bên dưới.

Nhưng theo như Roosevelt phác thảo, ranh giới phía Đông của khu vực của Mỹ và Anh sẽ tạo thành một cái nêm. Đỉnh của nó nằm ở Leipzig; từ đó nó chạy theo hướng đông bắc tới Stettin và về phía đông nam tới Asch.

Ngài Tổng thống không nói ra, nhưng cái tam giác nông này rõ ràng là khu vực dành cho Liên Xô. Nó không bằng một nửa khu vực chia cho Nga như trong kế hoạch Rankin C đề xuất. Berlin cũng không còn nằm trong phần lãnh địa mà ông để lại cho Nga nữa. Nó nằm trên đường ranh giới giữa khu của Nga và Mỹ. Tướng Marshall hiểu rằng ngài Tổng thống định để quân Anh, Mỹ và Liên Xô đồng chiếm giữ Berlin.

Tấm bản đồ cho thấy những gì có trong đầu ngài Tổng thống, không lắm đi đâu được. Ngài Tổng thống nói với các tướng lĩnh quân sự cấp cao của mình rằng, nếu quân Mỹ lấy phần phía nam như lời đề nghị của COSSAC theo kế hoạch Rankin, thì “người Anh sẽ xen vào mọi bước đi của chúng ta.” Roosevelt nói, rõ ràng là “các suy tính chính trị của Anh đứng đằng sau những điều khoản này.” Cuộc thảo luận chấm dứt mà không có quyết định rõ ràng nào, nhưng Roosevelt khiến các tướng lĩnh quân sự cấp cao của ông không còn chút nghi ngờ gì về việc ông muốn gì.

Để Mỹ chiếm đóng như cách Roosevelt vạch ra có nghĩa là cần đóng một triệu quân ở châu Âu “trong ít nhất một hoặc hai năm.” Kế hoạch hậu chiến của ông cũng tương tự cái cách Mỹ đến với cuộc chiến – dốc toàn lực nhưng với thời gian và sự dính dáng tối thiểu vào các vấn đề của châu Âu. Ông đã đoán trước sẽ có một cuộc đột phá thành công và nhanh chóng vào

vùng trung tâm của địch – “một cuộc xâm lược nước Đức bằng đường sắt mà không cần chiến đấu gì nhiều” – quân Mỹ sẽ lao theo cuộc tấn công này vào vùng tây bắc và từ đó tới Berlin. Hơn hết thảy, ngài Tổng thống Mỹ quyết tâm có được Berlin.^[13]

Đó được xem là kế hoạch cụ thể đầu tiên của Mỹ với nước Đức. Chỉ có một rắc rối duy nhất. Roosevelt, thường bị chỉ trích vì cướp việc của Ngoại trưởng của mình, không hề nói gì về quan điểm của ông với ai khác ngoài mấy tướng lĩnh quân sự cấp cao của mình. Họ đã bỏ quên kế hoạch đó gần bốn tháng.

Sau cuộc họp trên tàu Iowa, Đại tướng Marshall đưa tấm bản đồ của Roosevelt – bằng chứng hữu hình của tư duy điều hành về việc chiếm đóng nước Đức – cho Thiếu tướng Thomas T. Handy, Cục trưởng Cục Hành quân, Bộ Chiến tranh. Khi tướng Handy quay lại Washington, tấm bản đồ được lưu trữ trong đồng hồ sơ tối mật của Cục Hành quân. Sau này ông nhớ lại, “Theo tôi biết, chúng tôi chưa bao giờ nhận được chỉ thị nào bảo chuyển nó cho bất kỳ ai ở Bộ Ngoại giao.”

Việc các cố vấn quân sự của Roosevelt xếp xó kế hoạch của chính ông chỉ là một trong chuỗi đánh giá sai lầm kỳ quặc và đắt giá đã xảy ra trong giới quan chức Mỹ trong khoảng thời gian sau cuộc họp trên tàu Iowa. Những sai lầm này có ảnh hưởng sâu sắc đến tương lai của Berlin và nước Đức.

Ngày 29/11, Roosevelt, Churchill và Stalin gặp nhau lần đầu tại Hội nghị Teheran. Trong cuộc họp này, ba ông lớn đã chỉ định các đại diện ngồi vào Ủy ban Cố vấn châu Âu (EAC) tại London đầy quan trọng – cơ quan chịu trách nhiệm soạn thảo các điều khoản đầu hàng cho Đức, định ra các vùng chiếm đóng, và lập kế hoạch điều hành đất nước cho phe Đồng minh.

Anh chỉ định bạn thân của Anthony Eden, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Sir William Strang vào EAC. Nga chọn một tay thương lượng cứng đầu, nổi tiếng về tính ngoan cố - Fedor T. Gusev, Đại sứ Liên Xô tại Vương quốc

Anh. Roosevelt bổ nhiệm phái viên của mình trong Điện St. James, John G. Winant, một người tận tụy nhưng thường nhút nhát và không có tài ăn nói. Winant chưa bao giờ được chỉ dẫn tường tận về công việc mới của ông, cũng không được cho biết các mục tiêu tại Đức của ngài Tổng thống.

Tuy vậy, cơ hội để vị Đại sứ biết được mình phải tán thành chính sách gì tại EAC nhanh chóng xuất hiện – nhưng rồi lại mất đi. Tại Hội nghị Cairo (Roosevelt, Churchill, Chiang Kai-shek) từ ngày 22-26/11; cuộc họp tại Teheran (Roosevelt, Churchill, Stalin) bắt đầu ngày 28/11 và kéo dài đến ngày 1/12; sau cuộc họp tại Teheran, Roosevelt và Churchill gặp nhau lần nữa ở Cairo vào ngày 4/12. Đêm đó, trong một bữa ăn tối kéo dài với Churchill, Eden và Tham mưu trưởng của Tổng thống, Thủy sư Đô đốc William D. Leahy, một lần nữa Roosevelt lại bày tỏ sự phản đối kế hoạch Rankin C.

Ông nói với những người Anh – hình như là không tiết lộ nội dung tẩm bản đồ của mình hay những điều ông đã sửa lại – rằng ông thấy Mỹ nên có vùng tây bắc nước Đức. Churchill và Eden mạnh mẽ phản đối lời đề xuất đó, nhưng vấn đề được giao cho Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ nghiên cứu. Đến lượt mình, Hội đồng lại đề nghị để cho COSSAC, tướng Morgan xem xét khả năng sửa lại kế hoạch Rankin C.

Dù là một đại biểu tại Cairo, Winant lại không được mời tới bữa gặp mặt ăn tối này và dường như không bao giờ được cho biết về những vấn đề được thảo luận hôm đó. Khi Roosevelt quay về nhà, Winant bay về London để tham gia cuộc họp đầu tiên của EAC, chỉ biết áng chừng về ý muốn thật sự của ngài Tổng thống và ban lãnh đạo.

Mĩa mai thay, cách Đại sứ quán Hoa Kỳ tại London có vài dặm, tại Điện Norfolk ở Quảng trường St. James, có một người biết rất rõ Tổng thống Roosevelt muốn gì. Trung tướng Sir Frederick Morgan, sừng sốt trước mệnh lệnh mới yêu cầu ông kiểm tra lại bản kế hoạch Rankin C của mình trên quan điểm hoán đổi khu vực của Anh và Mỹ, bắt ban tham mưu khốn khổ của ông phải làm việc ngay lập tức. Ông nhanh chóng kết luận rằng đây là chuyện không tưởng – ít nhất là cho tới khi Đức bại trận. Ông báo cáo lại với thượng cấp – và sau này ông nhớ lại, “thế là chấm dứt vấn đề” mà ông

đã lo lắng.

Trong khi đó, các tướng lĩnh quân sự của Mỹ, dù phản đối rằng họ không muốn dính líu vào chính trị, thực tế lại thành người quyết định chính sách hậu chiến của Mỹ tại châu Âu. Với họ, việc phân chia và chiếm đóng nước Đức là các vấn đề quân sự thuần túy, cần được Vụ Dân sự của Bộ Chiến tranh giải quyết. Kết quả không tránh khỏi là Bộ Chiến tranh mâu thuẫn với Bộ Ngoại giao về vấn đề nước Đức. Điều này làm dấy lên một cuộc chiến, và trong quá trình đó, mọi hi vọng đạt được một chính sách nhất quán, chặt chẽ cho Mỹ về vấn đề này đều bị dập tắt và không thể cứu vãn.

Đầu tiên, ai cũng thấy rõ là cần làm gì đó để để chỉ đạo ngài Đại sứ Winant trong cuộc thương lượng với EAC tại London. Để hợp nhất các quan điểm mâu thuẫn nhau của Mỹ, một nhóm đặc biệt gọi là Ủy ban Hoạt động An ninh được thành lập tại Washington vào đầu tháng 12/1943, với các đại diện đến từ Bộ Ngoại giao, Bộ Chiến tranh và Bộ Hải quân. Các đại diện của Bộ Chiến tranh, là các quan chức thuộc Vụ Dân sự, thực ra ban đầu đã từ chối không ngồi vào ủy ban – hoặc là, không công nhận sự cần thiết của EAC.

Các sĩ quan lục quân này kiên trì ý kiến là toàn bộ chuyện nước Đức đầu hàng và bị chiếm đóng đơn thuần là một vấn đề quân sự và sẽ được Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ quyết định vào thời điểm thích hợp, và “ở một mức độ quân sự.” Vì tình cảnh lố bịch này mà các thủ tục bị trì hoãn hai tuần. Trong khi đó, Winant ngồi ở London mà chẳng được chỉ dẫn gì.

Cuối cùng, mấy vị quân nhân đồng ý tham gia các cuộc họp và ủy ban bắt đầu sắp xếp làm việc – nhưng chẳng đạt được mấy. Mỗi nhóm trong ủy ban phải giải thích rõ các đề xuất cho thượng cấp trong bộ của mình trước khi đánh điện cho Winant ở London. Tệ hơn, lãnh đạo mỗi bộ có thể phủ quyết một chỉ thị được đề xuất ra – một đặc quyền mà Bộ Chiến tranh sử dụng rất nhiều lần.

Sau này, Quyền Chủ tịch Ủy ban, Giáo sư Phillip E. Mosely của Bộ Ngoại giao, người sẽ là Cố vấn Chính trị của Đại sứ Winant, bình luận rằng các sĩ quan trong Vụ Dân sự “đã được nghiêm khắc chỉ thị không được đồng ý chuyện gì, hoặc gần như thế, mà chỉ có thể báo cáo lại tình hình thảo luận cho cấp trên của họ. Hệ thống đàm phán độc lập, với các chỉ đạo cứng nhắc và việc thực hiện quyền phủ quyết này giống với quy trình của các nhà đàm phán Liên Xô, dù Liên Xô có thể thức cứng nhắc hơn.”

Nguyên tháng 12/1943, tình trạng tranh cãi tiếp diễn. Theo ý kiến của quân đội, các vùng chiếm đóng có thể được xác định ít nhiều dựa trên vị trí sau cùng của các đoàn quân khi ký kết hiệp ước đầu hàng. Dưới tình huống đó, các đại diện của quân đội thấy việc cho phép Winant đàm phán bất cứ thỏa thuận nào về vùng chiếm đóng với EAC là thiếu khôn ngoan.

Các quân nhân ngoan cố tới mức họ thậm chí còn bác bỏ một kế hoạch của Bộ Ngoại giao, dù khá tương tự với kế hoạch của Anh – nó cũng chia Đức thành ba phần bằng nhau – nhưng có một điểm thêm vào khá quan trọng: một hành lang nối Berlin, nằm sâu trong vùng chiếm đóng của Liên Xô với vùng của phương Tây. Tác giả của hành lang này là Giáo sư Mosely. Sau này ông giải thích, ông nghĩ Liên Xô sẽ phản đối nhưng ông nhấn mạnh ở phần kết luận là “Tôi tin rằng nếu kế hoạch được trình bày trước tiên với sự kiên quyết mạnh mẽ, nó có thể cân nhắc khi Liên Xô bắt đầu trình bày đề xuất của họ.” Ông dám chắc, “Điều khoản này phải được thực hiện để có thể trực tiếp và tự do tiếp cận Berlin về mặt lãnh thổ từ phía Tây.”

Kế hoạch của Bộ Ngoại giao được đưa tới Vụ Dân sự thuộc Bộ Chiến tranh để nghiên cứu trước cuộc họp toàn ủy ban. Nó bị đình trệ một thời gian. Cuối cùng, giáo sư Mosely đến gặp mấy quan chức của Vụ Dân sự và tìm vị đại tá có thẩm quyền với vấn đề này. Ông hỏi viên sĩ quan này là ông ta đã nhận được kế hoạch chưa. Vị đại tá mở ngăn kéo dưới cùng của bàn làm việc và nói, “Chắc là nó cũng nằm trong đây.” Kế hoạch này chưa từng được gửi đến chỗ Winant.

Tại London, EAC gặp không chính thức lần đầu vào ngày 15/12/1943, và với Đại sứ Winant, có vẻ như buổi họp chỉ thương lượng về các quy định

và thủ tục. Ông vẫn chưa nhận được chỉ đạo chính thức. Từ nguồn tin của Anh, ông được biết một cách không chính thức về bản kế hoạch đã làm Roosevelt phiền lòng, nhưng ông không biết đó là kế hoạch Rankin C của tướng Morgan: ông chỉ nghe đó là Kế hoạch Attlee. Ông cũng được biết, và cũng theo con đường không chính thức (qua Trợ lý Bộ trưởng Bộ Chiến tranh Mỹ John J. McCloy), rằng Tổng thống muốn vùng tây bắc. Winant không nghĩ là người Anh sẽ đổi kế hoạch.^[14] Dự đoán của Winant hoàn toàn đúng.

Ngày 14/1/1944, Đại tướng Dwight D. Eisenhower, Tổng tư lệnh Tối cao mới được bổ nhiệm, đến London để thực hiện nhiệm vụ, và toàn bộ bộ máy tham mưu quân sự, trước đó nằm trong tay tướng Morgan, giờ chính thức thuộc quyền của ông.

Nhưng có một kế hoạch mà đến ông cũng không có ảnh hưởng gì trong những ngày muộn màng này. Sau hôm tướng Eisenhower đến, tại cuộc họp chính thức đầu tiên của EAC, kế hoạch Rankin C của tướng Morgan được Sir William Strang trình bày với Đại sứ Winant và vị phái viên của Nga Fedor Gusev. Người Mỹ, vì cứ đình trệ ở Washington, đã đánh mất tiên cơ. Cái này thì chẳng bao giờ giành lại được.

Sau này, Strang viết rằng ông đã có một lợi thế trước các đồng nghiệp, “trong khi họ phải đánh điện xin chỉ thị từ một chính phủ ở xa và đôi khi còn không thông cảm và thấu hiểu, còn tôi thì ở ngay trung tâm mọi chuyện, thường nhanh chóng có chiến lược hành động vạch ra cho tôi. Tôi có một lợi thế lớn hơn là chính phủ tôi đã bắt đầu lập kế hoạch hậu chiến vào thời điểm phù hợp một cách có trình tự.”

Ngày 18/2, tại cuộc họp chính thức thứ hai của EAC, bằng một quyết định chắc chắn đã lập kỷ lục trong ngoại giao của Liên Xô, Đại sứ Gusev khó nhìn thấu đã nghiêm trang chấp thuận đề xuất phân chia khu vực của Anh mà không hề bàn cãi gì.

Đề xuất của Anh phân cho Liên Xô gần 40% diện tích nước Đức, 36% dân số và 33% nguồn tài nguyên sản xuất. Dù Berlin được phân chia giữa các phe Đồng minh nhưng lại nằm sâu trong vùng chiếm đóng của Liên Xô,

cách ranh giới Anh-Mỹ 110 dặm. Sau này Strang nhớ lại, “Điều khoản đưa ra có vẻ rất công bằng, và nếu như nó có vẻ hơi thiên về phía có lợi cho Liên Xô, nhưng nó lại phù hợp với mong muốn của các lãnh đạo quân sự của chúng tôi, vốn lo lắng về thiếu hụt nhân lực sau chiến tranh, không muốn có một vùng chiếm đóng lớn hơn mức cần thiết.” Còn có nhiều lý do khác. Một trong số đó là nỗi sợ của các lãnh đạo Anh và Mỹ rằng Nga có thể thiết lập hòa bình riêng với Đức. Một mối lo khác, đặc biệt là giới quân sự Mỹ, là sợ Nga sẽ không tham gia cuộc chiến chống Nhật. Và cuối cùng, Anh tin là nếu không chặn trước thì Nga có thể đòi tới 50% nước Đức vì đã phải chịu nhiều tổn thất trong chiến tranh.

Như Mỹ đã lo ngại, có vẻ như đã là bút sa gà chết. Dù Ba ông lớn vẫn phải chấp nhận kế hoạch của Anh, có một sự thật khó nuốt đối với Mỹ là cả Anh và Nga cùng nhất trí với nhau.^[15] Nói cách khác, đây là việc đã rồi và Winant chẳng thể làm gì khác ngoài báo cáo lại cho chính phủ của mình.

Sự chấp nhận nhanh chóng của Liên Xô trước kế hoạch của Anh khiến Washington và ngài Tổng thống bị mất thăng bằng. Roosevelt vội vã gửi một bức thư ngắn cho Bộ Ngoại giao. Ông hỏi, “Bản phác thảo phân chia khu vực chiếm đóng của Anh và Nga là như thế nào, và chúng ta nhận được phần nào? Tôi phải biết nó có đúng với cái tôi đã quyết định mấy tháng trước hay không.”

Các quan chức Bộ Ngoại giao bối rối vì một lý do rất chính đáng: họ đâu được biết những quyết định mà Roosevelt đã đưa ra ở Hội nghị Teheran và Cairo về phân chia vùng chiếm đóng.

Có một cơn mưa điện thoại giữa Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ và Bộ Ngoại giao trước khi trình thông tin lên cho Tổng thống. Rồi vào ngày 21/2 sau khi xem qua kế hoạch của Anh và Nga, Roosevelt phản ứng lại. Ông thẳng thừng tuyên bố trong một thư báo gửi Bộ Ngoại giao, “Tôi không đồng ý với cách phân chia ranh giới của Anh.” Ông không đề cập đến khu vực của Liên Xô, nhưng thay vào đó, một lần nữa bày tỏ sự phản đối mạnh mẽ về phần được chia cho nước Mỹ, thậm chí còn lặp lại mạnh mẽ hơn nữa những điều ông đã nói với các cố vấn quân sự của mình

trên tàu Iowa. Với Bộ Ngoại giao, bản thư báo của ngài Tổng thống đã tiết lộ cho họ một chuyện chưa được biết trước đó.

Ông viết, “Mục tiêu cơ bản của chúng ta không phải là tham gia vào các vấn đề nội bộ ở Nam Âu, mà là tham gia tiêu diệt nước Đức vì nó có thể là nguyên nhân tiềm năng của một cuộc Thế chiến lần thứ ba. Chúng ta có nhiều chỗ khó khăn trong việc di dời quân... từ mặt trận Pháp đến mặt trận miền bắc nước Đức – được gọi là một trò chơi ‘nhảy cừu.’ Các mục tiêu này bề ngoài có vẻ hợp lý, vì dù quân Anh và quân Mỹ có đóng ở đâu vào ngày Đức đầu hàng đi nữa, thì các cánh quân này cũng dễ dàng đi bất cứ đâu – về phía đông, bắc hay là nam... Cân nhắc tới mọi thứ, và hãy nhớ là nguồn tiếp tế tới từ một nơi cách đó 3.500 dặm hoặc hơn bằng đường biển, Mỹ phải sử dụng các cảng miền bắc nước Đức – Hamburg và Bremen – và... Hà Lan... Do đó, tôi nghĩ chính sách của Mỹ là phải chiếm được miền tây bắc nước Đức...Nếu cần thêm điều gì để chứng minh cho sự bất đồng với người Anh... tôi chỉ có thể thêm rằng các suy tính chính trị ở Mỹ đã tạo nên quyết định cuối cùng của tôi.”

Rồi sau đó, để chắc chắn tuyệt đối là ngài Ngoại trưởng của mình thực sự hiểu được ông muốn gì, Roosevelt thêm, có gạch dưới các dòng chữ: “Nếu những gì nói trên chưa hoàn toàn rõ ràng thì anh có thể gặp tôi nói chuyện.”

Bằng một giọng điệu hài hước hơn, ông giải thích lập trường của mình với Churchill. Ông viết cho ngài Thủ tướng, “Làm ơn đừng bảo tôi phải để lại một đội quân Mỹ nào trên đất Pháp. Tôi đơn giản là không làm thế được! Như tôi đã đề nghị trước đó, tôi kịch liệt phản đối việc phải ‘làm cha’ của Pháp, Bỉ và Italy. Ngài thực sự cần phải tự nuôi nấng và dạy dỗ ‘con cái’ mình. Với quan điểm là chúng có thể làm bức tường chắn cho ngài trong tương lai, ít nhất bây giờ ngài cũng nên trả tiền học phí!”

Dường như các tham mưu trưởng của Mỹ cũng được nghe từ ngài Tổng thống. gần như ngay lập tức, các sĩ quan quân đội từ Vụ Dân sự rút khỏi Ủy ban Hoạt động An ninh. Vài ngày sau cuộc họp của EAC tại London, một vị đại tá xộc vào văn phòng của giáo sư Mosely trong Bộ Ngoại giao và trải một tấm bản đồ ra trước mặt ông.

Ông ta nói, “Đây là điều Tổng thống thực sự muốn.” Giáo sư Mosely nhìn tấm bản đồ. Ông không biết nó đã được chuẩn bị khi nào hay là trong hoàn cảnh nào. Ông chưa bao giờ thấy qua nó – mọi người khác ở Bộ Ngoại giao cũng chưa. Tấm bản đồ này là cái mà Tổng thống Roosevelt đã đánh dấu trên tàu Iowa.

Kể từ đó, tấm bản đồ của Roosevelt lại biến mất khỏi tầm nhìn, cũng bí ẩn như khi nó xuất hiện. Giáo sư Mosely đoán nó sẽ được đem ra tại cuộc họp tới của ủy ban tại Washington. Nhưng chẳng bao giờ có. Nhiều năm sau, giáo sư Mosely nói, “Tôi không biết nó có chuyện gì. Lần kế bọn tôi gặp nhau, mấy sĩ quan ở Vụ Dân sự đưa ra một tấm bản đồ mới toanh, họ giải thích sự thay đổi này là dựa trên chỉ dẫn của Tổng thống. Tôi chẳng bao giờ biết được ai là người nhận được các chỉ thị đó.”

Ý tưởng mới có phần tương tự tấm bản đồ trên tàu Iowa của Tổng thống, nhưng không nhiều lắm. Khu vực của Mỹ vẫn nằm ở vùng tây bắc, Anh nằm ở phía nam, nhưng đường ngăn cách giữa hai bên dọc theo vĩ tuyến 50 giờ ngừng trước biên giới với Tiệp một đoạn. Hơn nữa, ranh giới phía đông của khu vực của Mỹ chạy rằng cửa về phía đông, bên trên Leipzig để chiếm được nhiều lãnh thổ hơn.

Còn có một sự thay đổi nữa, quan trọng hơn hết thảy: Berlin không còn nằm trong vùng chiếm đóng của Mỹ nữa. Trong phiên bản ban đầu của Roosevelt, ranh giới phía đông của khu vực của Mỹ kéo dài vượt qua cả thủ đô; giờ đường ranh giới chạy về phía tây thành một đường bán nguyệt quanh thành phố. Có phải Roosevelt – sau khi khẳng khẳng với các tướng lĩnh quân sự của ông là “Chúng ta phải tới Berlin” và “Mỹ phải có được Berlin” – giờ đã đổi ý? Các sĩ quan của Vụ Dân sự không nói gì. Nhưng họ yêu cầu rằng đề xuất mới phải được chuyển tới London ngay, và Winant phải yêu cầu EAC chấp nhận nó!

Dù gì đi nữa thì đó cũng là một đề xuất vô lý, và Bộ Ngoại giao biết thế. Theo kế hoạch mới, cả Anh và Nga đều có vùng chiếm đóng nhỏ hơn; có vẻ họ sẽ khó lòng chấp nhận một thỏa thuận như thế sau khi vừa đồng ý một điều khoản lãnh thổ vừa ý hơn trước đó. Các sĩ quan Vụ Dân sự đã đưa ra đề xuất này mà không có một bản ghi nhớ đi kèm nào để hỗ trợ Winant hợp

lý hóa nó trước mặt EAC; Cho đến khi được yêu cầu chuẩn bị tài liệu kèm theo thì họ từ chối và nói đó là việc của Bộ Ngoại giao. Cuối cùng, bản đề xuất được đưa đến tay Winant mà không có bất cứ tài liệu đi kèm nào. Ngài Đại sứ hốt hoảng đánh điện để được hướng dẫn chi tiết hơn. Vì không có tài liệu hướng dẫn, ông đành xếp xó kế hoạch; nó không bao giờ được đưa ra.

Đó là nỗ lực cuối cùng để đưa ra một kế hoạch của Mỹ. Roosevelt tiếp tục trì hoãn việc chấp thuận kế hoạch của người Anh cho đến tận cuối tháng 3/1944. Lúc đó, George F. Kennan, cố vấn chính trị của Đại sứ Winant, bay tới Washington để giải thích các vấn đề xuất hiện ở EAC vì sự trì hoãn này cho ngài Tổng thống nghe.

Roosevelt xem lại tình hình và sau khi kiểm tra đề xuất của Anh một lần nữa, ông nói với Kennan là “cân nhắc mọi thứ, đó có thể là một quyết định công bằng.” Sau đó, ông chấp thuận vùng chiếm đóng của Liên Xô và tổng thể kế hoạch, nhưng với một điều kiện: ông nhấn mạnh là Mỹ phải có được vùng tây bắc. Theo như bản báo cáo mà Kennan đưa cho giáo sư Mosely sau đó, khi buổi gặp kết thúc, Kennan đã hỏi ngài Tổng thống rằng chuyện gì đã xảy ra với kế hoạch ban đầu của ông. Roosevelt cười. Ông nói, “Ồ, đó chỉ là một ý kiến thôi mà.”

Trong suốt những tháng quan trọng đó của năm 1944, khi quân Anh-Mỹ tiến vào lục địa, quét sạch quân Đức ra khỏi nước Pháp và bắt đầu tiến về Đức, những cuộc chiến chính trị trong hậu trường cứ thế tiếp diễn. Roosevelt kiên quyết giữ nguyên yêu cầu của mình về vùng tây bắc nước Đức. Churchill cũng mạnh mẽ từ chối phải rời khỏi vị trí của mình.

Vào tháng 4, Winant đã thông báo miệng với EAC về quan điểm của chính phủ của mình, nhưng ông không đề cập với các đại biểu về mong muốn của ngài Tổng thống bằng văn bản ngay lập tức. Ngài Đại sứ vẫn chưa sẵn sàng làm thế, chùng nào ông còn chưa nhận được chỉ thị về một vấn đề mà ông cho là rất quan trọng. Trong kế hoạch của Anh, vẫn không có một điều khoản nào về đường vào Berlin của phương Tây.

Người Anh đoán trước là sẽ không có vấn đề gì trong việc đi đến Berlin. Họ cho là khi giao tranh chấm dứt, một số quan chức của Đức sẽ ký kết hiệp định đầu hàng và điều hành đất nước dưới sự kiểm soát của Tư lệnh

Tối cao. Không vùng nào có thể tách biệt khỏi các vùng khác, và theo quan điểm của Strang, sẽ có “một số người Đức được tự do qua lại giữa các vùng và từ vùng của phương Tây qua thủ đô... các nhân viên dân sự và quân sự của phe Đồng minh nếu có mục đích chính đáng cũng sẽ được tự do qua lại trong nước Đức.”

Hơn nữa, những khi chủ đề này được nhắc tới trong EAC, Gusev của Nga luôn đảm bảo trợn trêu với Strang và Winant rằng ông thấy không có khó khăn gì. Gusev nói đi nói lại, nói cho cùng, nội sự có mặt của quân Anh và Mỹ cũng đã tự động đem lại quyền tiếp cận Berlin rồi. Đó là chuyện đương nhiên, một loại thỏa thuận giữa các quý ông. Tuy vậy, Winant nghĩ là cần vạch rõ điều khoản đó ra. Ông tin rằng cần đưa vào các “hành lang” như ban đầu Mosely đã đề xuất trước khi Ba ông lớn chính thức chấp nhận kế hoạch của Anh. Ông định trình bày đề xuất này cùng lúc với việc chính thức đưa ra quan điểm của ngài Tổng thống về vùng chiếm đóng cho EAC. Ông muốn được bảo đảm về các tuyến đường sắt, đường cao tốc và đường không nhất định qua khu của Liên Xô tới Berlin.

Vào tháng 5, ngài Đại sứ bay về Washington, gặp Tổng thống, và rồi phác họa điều khoản hành lang của mình với Bộ Chiến tranh. Vụ Dân sự đã thắng thường bác bỏ kế hoạch của Winant^[16].

Các sĩ quan ở đó trấn an ông rằng tiếp cận Berlin “chỉ đơn thuần là một vấn đề quân sự” và sẽ do các tư lệnh địa phương xử lý thông qua các kênh quân sự khi Đức bị chiếm đóng. Bị đánh bại, Winant trở về London. Ngày 1/6, ông chính thức đồng ý kế hoạch của Anh và khu vực dự kiến được chia cho Nga, với một điều kiện là Mỹ phải có được vùng tây bắc. Tài liệu này không chứa điều khoản nào về quyền tiếp cận Berlin.^[17]

Ít ra, trong trạng thái thăm dò, phe Đồng minh đã quyết định tương lai của thành phố: khi chiến tranh chấm dứt, nó sẽ thành một hòn đảo do các bên cùng chiếm đóng nằm ở trung tâm khu vực do Liên Xô nắm giữ.

Cuộc đấu tranh quyền lực giờ nhanh chóng đi vào hồi kết. Cuối tháng 7/1944, Gusev phẫn khởi hợp thức hóa những gì Liên Xô giành được tại EAC, cố tình đưa vấn đề lên đỉnh cao tranh cãi. Ông nhẹ nhàng nói, trừ khi

bất đồng giữa Anh và Mỹ được dàn xếp ổn thỏa để Ba ông lớn có thể ký kết thỏa thuận, còn không thì Liên bang Xô viết thấy không có lý do gì để tiếp tục thảo luận ở EAC. Ngụ ý đe dọa sẽ rút khỏi Hội đồng Cố vấn, qua đó khiến công sức nhiều tháng qua thành công dã tràng, rốt cuộc mong muốn đó đã có hiệu quả.

Hai bên bờ Đại Tây Dương, các nhà ngoại giao và cố vấn quân sự đang lo lắng thúc giục lãnh đạo của mình nhượng bộ. Cả Churchill và Roosevelt vẫn ngoan cố. Có vẻ như Roosevelt là người dao động ít nhất trước lời đe dọa của Liên Xô. Winant nghe nói là ngài Tổng thống không thể hiểu nổi tại sao “còn cần thảo luận thêm với Liên Xô vào lúc này,” vì Mỹ đã đồng ý với vùng chiếm đóng của Liên Xô rồi.

Nhưng giờ Roosevelt đang chịu sức ép từ mọi phía. Trong khi các cuộc tranh cãi âm ỉ về chính trị tiếp diễn, các đội quân Anh-Mỹ đang lũ lượt kéo vào nước Đức. Vào giữa tháng 8, Đại tướng Eisenhower đánh điện cho Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ, cảnh báo rằng họ có thể phải “đối mặt với việc chiếm đóng nước Đức sớm hơn dự kiến.” Một lần nữa, như tướng Morgan đã dự đoán trước ngay từ đầu trong kế hoạch Rankin C của mình về cách bố trí quân, các kế hoạch gia lại điên đầu về việc này: quân Anh bên cánh trái đang tiến về miền bắc nước Đức, còn quân Mỹ bên cánh phải đang tiến về miền nam.

Bây giờ, Eisenhower đang xin chỉ đạo chính trị về khu vực chiếm đóng – ông là quân nhân Mỹ đầu tiên làm thế. Ông nói, “Tất cả những gì chúng ta có thể làm là tiếp cận vấn đề trên cơ sở thuần quân sự” và điều đó có nghĩa là duy trì “cách bố trí quân hiện tại.” Eisenhower nói thêm: “Trừ khi chúng ta nhận được chỉ thị ngược lại, còn không thì chúng ta phải chấp nhận tình hình... cân nhắc các tình huống chúng ta có thể phải đương đầu và việc thiếu quyết định cơ bản về khu vực chiếm đóng.”

Cuộc khủng hoảng, vốn từ lâu đã là không thể tránh được, giờ đã xuất hiện. Bộ Chiến tranh và Bộ Ngoại giao Mỹ, từng hoàn toàn nhất trí với nhau, giờ đối mặt với một tình trạng tiến thoái lưỡng nan: không ai sẵn sàng lật lại vấn đề với ngài Tổng thống lần nữa.

Trong bất kỳ trường hợp nào, vấn đề này cũng sẽ được thảo luận tại cuộc

hợp mới giữa Roosevelt-Churchill dự kiến vào mùa thu; bất cứ quyết định cuối cùng nào cũng phải hoãn cho tới lúc đó. Trong khi đó, kế hoạch của Eisenhower không thể trì hoãn lâu hơn được nữa. Vì các Tham mưu trưởng của Mỹ đã chuẩn bị sẵn kế hoạch chiếm đóng tại miền nam hoặc miền bắc, vào ngày 18/8, họ khuyên Eisenhower là họ “hoàn toàn nhất trí” với giải pháp của ông. Do đó, dù Roosevelt vẫn chưa thông báo quyết định của mình, giả thuyết Mỹ sẽ chiếm miền nam được giữ nguyên.

Roosevelt và Churchill gặp nhau lần nữa tại Quebec vào tháng 9/1944. Roosevelt đã thay đổi rõ rệt. Ngài Tổng thống vốn đầy sức sống giờ trông có vẻ xanh xao yếu ớt. Căn bệnh bại liệt của ông, xưa nay được che đậy bởi sức quyến rũ nổi tiếng và sự thân mật dí dỏm giờ hiện rõ trong từng bước đi khập khiễng và đau đớn.

Nhưng còn hơn thế nữa. Ông đã tại vị từ năm 1933 – lâu hơn bất kỳ một Tổng thống Mỹ nào khác – và giờ vẫn tranh cử cho nhiệm kỳ thứ tư. Chiến dịch tranh cử, hoạt động ngoại giao trong nước và ở nước ngoài, những gánh nặng căng thẳng trong những năm tháng chiến tranh, tất cả đang gây tổn hại cho ông rất mau. Dễ thấy tại sao các bác sĩ, gia đình và bạn bè ông đều năn nỉ ông đừng tranh cử nữa.

Đối với đoàn đại biểu Anh, Roosevelt có vẻ đang yếu đi rất nhanh. Tham mưu trưởng của Churchill, Đại tướng Sir Hastings Ismay, bị sốc trước vẻ ngoài của Roosevelt. Ông nói, “Hai năm trước, ngài Tổng thống là hiện thân của sức khỏe và sinh khí, nhưng giờ ông ấy đã gầy đi quá nhiều tới mức ông giống như bị co rút lại vậy: áo khoác của ông chùng trên bờ vai rộng và cổ áo trông như lớn hơn vài cỡ. Chúng tôi biết bóng tối đang đến gần.”

Mệt mỏi, chán nản, mắc kẹt giữa các tình huống và sức ép từ các cố vấn của mình cũng như Churchill, ngài Tổng thống cuối cùng cũng nhượng bộ và chấp nhận miền nam. Người Anh cũng thỏa hiệp với ông. Cùng với các nhượng bộ khác, họ đồng ý để Mỹ kiểm soát các cảng lớn và các khu vực tập kết của quân đội tại Bremen và Bremerhaven.^[18]

Cuộc gặp cuối cùng trong thời chiến của Ba ông lớn diễn ra ở Yalta, vào

tháng 2/1945. Đó là một hội nghị quan trọng. Chiến thắng đang ở phía trước, nhưng rõ ràng là mối liên hệ giữa các nhà lãnh đạo Đồng minh đang yếu đi khi mà các suy tính chính trị dần thay thế các tình hình quân sự thực tế. Càng tiến sâu vào trung tâm nước Đức, Nga càng kêu ngạo và đòi hỏi nhiều hơn. Churchill, từ lâu đã ghét Chủ nghĩa Cộng sản, đặc biệt quan ngại cho tương lai của các quốc gia như Ba Lan, mà Hồng quân đã giải phóng và đang kiểm soát.

Roosevelt, hốc hác và yếu hơn nhiều so với hồi ở Quebec, thấy mình vẫn ở vị trí Đại Thẩm phán. Trong quan điểm của ông, một thế giới hòa bình sau chiến tranh chỉ có thể có được nếu như Stalin chịu hợp tác. Ông từng bày tỏ chính sách của mình đối với nhà lãnh đạo Liên Xô qua các lời sau: “Tôi nghĩ rằng nếu tôi đưa cho ông ta mọi thứ mình có thể đưa và không cần nhận lại gì, kẻ quyền cao chức trọng thì phải rộng rãi với người khác, ông ta sẽ không cố thôn tính thêm nữa và sẽ hợp tác với tôi vì một thế giới dân chủ và hòa bình.”

Ngài Tổng thống tin rằng Mỹ có thể “hòa thuận với Nga” và ông từng giải thích rằng ông có thể “kiềm chế Stalin” dựa trên “nền tảng giữa những người đàn ông với nhau... Bác Joe^[19]... có thể thân cận được.” Dù ngài Tổng thống ngày càng quan ngại về các dự định của Liên Xô sau chiến tranh, ông có vẻ vẫn khá lạc quan.

Tại Yalta, các quyết định lớn sau cùng trong thời chiến được đưa ra. Trong số đó, có một quyết định trao cho Pháp quan hệ đối tác toàn diện trong việc chiếm đóng nước Đức. Vùng chiếm đóng của Pháp tại Đức và Berlin sẽ được cắt ra từ vùng của Anh và Mỹ; Stalin, vốn phản đối việc Pháp tham chiến, từ chối không cắt phần của Nga. Vào ngày 11/2/1945, Ba ông lớn chính thức chấp thuận khu vực tương ứng của mình.

Vậy là, sau 16 tháng mơ hồ và đầy tranh cãi, cuối cùng Mỹ và Anh cũng nhất trí với nhau. Kế hoạch chiếm đóng, dựa trên một kế hoạch ban đầu có tên Rankin C giờ được giới quân sự biết đến bằng cái tên Chiến dịch Nhật thực, có một điều lằng quên đầy ngạc nhiên: không có một điều khoản nào về đường tới Berlin của Anh và Mỹ.

Stalin mất có sáu tuần để vi phạm thỏa thuận Yalta. Trong vòng ba tuần diễn ra cuộc hội nghị, Nga đã lật đổ chính phủ của Rumania đang do Liên Xô chiếm đóng. Trong tối hậu thư gửi đến Vua Michael, Liên Xô thẳng thừng ra lệnh chỉ định Petru Groza, người đứng đầu Đảng Cộng sản Rumania làm Thủ tướng. Ba Lan cũng bị mất nốt: cuộc bầu cử tự do hứa hươu trước đó không hề diễn ra.

Stalin có vẻ đã khinh khỉnh quay lưng lại cốt lõi của hiệp ước Yalta, trong đó khẳng định là các bên trong phe Đồng minh sẽ hỗ trợ “nhân dân giải phóng khỏi ách thống trị của Đức Quốc xã và... các nước chư hầu trước đó của phe Trục... để lập nên các cơ quan dân chủ do chính mình bầu ra.” Nhưng Stalin thấy là các điều khoản trong hiệp ước Yalta có lợi cho mình – ví dụ như sự chia cắt nước Đức và Berlin – cần được thực thi cẩn trọng.

Roosevelt đã thường xuyên được Đại sứ của ông tại Moscow, W. Averell Harriman, cảnh báo về tham vọng lãnh thổ tàn nhẫn của Stalin, nhưng giờ đây, sự vi phạm niềm tin trắng trợn của nhà lãnh đạo Liên Xô khiến ông bị sốc. Vào chiều thứ bảy ngày 24/3, trong một căn phòng nhỏ trên tầng thượng Nhà Trắng, Roosevelt vừa dùng xong bữa trưa với bà Anna Rosenberg, người đại diện cá nhân của ông, có trách nhiệm nghiên cứu các vấn đề về các cựu binh đi lính trở về, thì nhận được điện tín từ Harriman về tình hình tại Ba Lan.

Ngài Tổng thống đọc tin báo và rồi điên lên vì giận dữ, liên tục vỗ lên tay vịn xe lăn. Sau này bà Rosenberg nhớ lại, “Khi đập vào xe, ông ấy cứ lặp đi lại lại: Averell đã đúng! Chúng ta không thể bàn chuyện làm ăn với Stalin được! Ông ta đã phá vỡ mọi hứa hẹn của mình tại Yalta^[20]!”

Tại London, Churchill phiền não trước sự chệch hướng của Stalin khỏi tinh thần hiệp ước Yalta tới mức ông nói với viên thư ký của mình là ông sợ thế giới sẽ cho là “Ông Roosevelt và tôi đã tán thành một hiệp ước lừa dối.” Khi quay về từ Yalta, ông nói với người dân Anh rằng “Stalin và các nhà lãnh đạo Liên Xô muốn sống trong mối quan hệ bình đẳng và tình bạn danh dự với các nền dân chủ phương Tây. Tôi thấy... lời của họ chính là kế

ước.” Nhưng cũng trong ngày thứ bảy đó, ngày 24/3, ngài Thủ tướng đang lo lắng đã nhận xét với người phụ tá của mình rằng: “Tôi thật không muốn chia cắt nước Đức cho tới khi mỗi nghi ngờ của tôi về các ý định của Nga trở nên rõ ràng.”

Khi mà các bước đi của Liên Xô trở nên “rõ như ban ngày,” Churchill thấy là lực lượng đàm phán mạnh nhất của phe Đồng minh phương Tây sẽ là sự hiện diện của quân Anh và Mỹ sâu trong lòng nước Đức, để họ có thể gặp quân Nga tại “càng xa về phía đông càng tốt.” Do đó, tin nhắn của Nguyên soái Montgomery báo rằng ông định tiến nhanh về sông Elbe và Berlin thực sự là tin tức đầy khích lệ: với Churchill, việc nhanh chóng chiếm được Berlin giờ là yếu tố sống còn. Nhưng, bất chấp thông điệp của Montgomery, không tư lệnh nào ở mặt trận phía Tây được ra lệnh chiếm lấy thành phố. Mệnh lệnh đó chỉ có thể đến từ một người: Tư lệnh Tối cao, Đại tướng Eisenhower.

4

Cuộc tấn công khiến hàng phòng thủ Berlin gục ngã hoàn toàn vì quá bất ngờ. Gần 11 giờ trưa thứ tư ngày 28/3, những chiếc máy bay đầu tiên xuất hiện. Ngay lập tức, pháo binh toàn thành phố khai hỏa, nã pháo lên trời. Tiếng súng nổ âm ỉ huyên náo, cộng thêm tiếng còi báo động không kích rền rĩ muồn màng càng ồn thêm gấp bội, nghe muốn thủng màng nhĩ. Những chiếc máy bay này không phải của Mỹ. Các cuộc không kích của Mỹ thường dễ đoán trước: chúng thường xảy ra vào lúc 9 giờ sáng và rồi một lần nữa vào lúc giữa trưa. Cuộc tấn công này lại khác. Nó đến từ phía đông, và cả nhịp độ lẫn chiến thuật đều mới lạ. Đông đảo lính Nga thét lên muốn bể nóc nhà, nã đạn vào các đường phố.

Ở Potsdamer Platz, người ta chạy đủ hướng. Trên đường Kurfürstendamm, những người bán hàng nhào ra cửa, chạy tới lối đi xuống ga tàu điện ngầm, hoặc chạy vào khu phế tích của Nhà thờ Tưởng niệm Kaiser-Wilhelm. Nhưng một số người dân Berlin đang đứng xếp hàng mấy tiếng liền trong hàng người dài dằng dặc, chờ mua khẩu phần ăn hàng tuần, không thèm nhúc nhích.

Ở Wilmersdorf, y tá 36 tuổi Charlotte Winckler kiên quyết phải lấy được thực phẩm cho hai đứa con, Ekkehart 6 tuổi và Barbara 9 tháng. Ở Adolf-Hitler-Platz, Gertrud Ketzler và Inge Rühling, bạn lâu năm với nhau, đang cùng những người khác bình tĩnh chờ đợi trước một cửa hàng tạp hóa. Mới nãy, cả hai vừa quyết định sẽ tự tử nếu quân Nga tới được Berlin, nhưng giờ họ không nghĩ đến chuyện đó nữa. Họ định nướng một cái bánh cho lễ Phục sinh, và đã đi mua sắm nguyên vật liệu cần thiết suốt mấy ngày nay.

Ở Köpenick, bà Hanna Schultze 40 tuổi mập mập đang hi vọng kiếm thêm được ít bột mì để làm một cái bánh bông lan cẩm thạch cho dịp lễ. Trong buổi mua sắm hôm nay, bà Hanna còn hi vọng kiếm được một thứ

nữa: một đôi dây đeo quần cho chồng bà, ông Robert. Đôi dây đeo cuối cùng của ông gần như không xài được nữa.

Trong các cuộc không kích, bà Erna Saenger luôn lo lắng cho “Papa,” cách bà gọi ông chồng Konrad của mình. Ông luôn ngoan cố không chịu đến hầm trú ẩn ở Zehlendorf, và như thường lệ, ông đang ở ngoài. Ông Konrad đang bước chậm chạp về phía nhà hàng ưa thích của mình, nhà hàng Alte Krug trên đường Königin-Luise Strasse. Chưa có cuộc không kích nào có thể ngăn người cựu chiến binh 78 tuổi này đến gặp các đồng đội từ thời Thế chiến thứ nhất vào thứ tư hàng tuần. Và hôm nay cũng không ngoại lệ.

Có một người Berlin đang thực sự tận hưởng từng giây phút của cuộc tấn công. Cậu nhỏ Rudolf Reschke, đội chiếc mũ lính cũ, chạy tới chạy lui từ cửa ra đường và ngược lại, cố tình trêu chọc mấy chiếc máy bay tầm thấp ở Dahlem. Mỗi lần như thế, Rudolf lại vẫy tay với các phi công. Một trong số họ, có lẽ đã thấy được trò hề của cậu, bèn sà xuống chỗ Rudolf. Khi Rudolf chạy đi, một tràng súng nổ lia qua vỉa hè đằng sau. Đó chỉ là một phần trong trò chơi của Rudolf. Trong chừng mực của cậu, chiến tranh là điều vĩ đại nhất từng xảy ra trong 14 năm đời mình.

Máy bay hết đợt này tới đợt khác tấn công vào thành phố. Ngay khi các phi đội này hết đạn, chúng lại tách ra bay về phía Đông, để những đội khác đang lũ lượt kéo tới thay thế.

Cuộc không kích bất ngờ của Nga vẽ thêm một nét khủng khiếp mới vào cuộc sống tại Berlin. Thương vong rất nặng nề. Nhiều cư dân bị thương không phải vì trúng đạn của địch mà là vì hỏa lực đáp trả của lực lượng phòng ngự của thành phố. Để hạ mấy chiếc máy bay ở dưới thấp nằm trong tầm nhìn, các đội phòng không phải hạ nòng súng xuống gần ngang ngọn cây. Kết quả là, thành phố bị bao phủ trong mảnh bom đạn bị nung đỏ rực. Những mảnh bom chủ yếu xuất phát từ sáu tháp phòng không lớn nhô cao khỏi thành phố ở Humboldthain, Friedrichshain, và từ sở thú Berlin.

Những pháo đài chịu bom khổng lồ này được xây dựng vào năm 1941-1942, sau những cuộc tấn công đầu tiên của quân Đồng minh vào thành phố. Mỗi tháp đều rất hùng vĩ, nhưng lớn nhất trong số đó là hệ thống phức

hợp phòng không xây gần khu nuôi chim của sở thú, dù xây tại đó không hợp lý cho lắm. Đó là một tòa tháp đôi. Tháp nhỏ hơn, gọi là Tháp L, là một trung tâm điều hành thông tin, có ăng ten radar chi chít. Cạnh đó là Tháp G, những khẩu pháo trên tháp đang nhả đạn.

Tháp G rộng khủng khiếp. Nó chiếm diện tích gần bằng một khối nhà trong thành phố và cao hơn 40m – ngang với một tòa nhà 13 tầng. Các bức tường bê tông kiên cố dày hơn 2,5m, có một hàng lỗ hồng cắt sâu bên hông, được đẩy lại bằng các lá thép dày khoảng 7-10 cm. Trên mái, một ụ pháo gồm 8 khẩu pháo 127 ly đang khạc đạn liên hồi, và tại bốn tháp pháo ở bốn góc, các khẩu pháo phòng không tự động nhiều nòng có thể bắn liên thanh đang nã đạn lên trời.

Tiếng ồn trong pháo đài thật không thể chịu nổi. Ngoài tiếng bắn của các ụ pháo, còn có tiếng ầm ầm liên hồi của các trục nâng đạn pháo đang vận chuyển dòng đạn pháo vô tận từ một kho đạn được dưới đất đến chỗ từng khẩu pháo. Tháp G không chỉ được thiết kế làm bộ bắn pháo mà còn là một khu nhà kho, bệnh viện và nơi trú không kích cao 5 tầng. Tầng thượng, nằm ngay dưới mấy ụ pháo, có một đơn vị đồn trú gồm 100 lính.

Bên dưới là một bệnh viện không quân có 95 giường bệnh, có phòng chụp X quang và hai phòng phẫu thuật đầy đủ trang thiết bị. Bệnh viện có 6 bác sĩ, 20 y tá và khoảng 30 hộ lý.

Tầng kế tiếp, tầng ba, là một kho tàng. Các nhà kho ở đây chứa những món đồ triển lãm đắt giá của các bảo tàng hàng đầu Berlin. Tại đây có các bức tượng Pergamon nổi tiếng, thuộc bộ thờ thiêng vĩ đại do Vua Eumenes II của Hy Lạp cổ đại xây dựng vào khoảng năm 180 TCN; các món đồ cổ Ai Cập, Hy Lạp và La Mã đa dạng, gồm có tượng, phù điêu, chậu và bình; có “Kho báu vàng của Priam,” một bộ sưu tập khổng lồ gồm các món vòng tay, dây chuyền, hoa tai, bùa hộ mệnh, đồ trang trí và trang sức bằng vàng và bạc, do nhà khảo cổ người Đức Heinrich Schliemann khai quật năm 1872 tại thành cổ Troy. Còn có các tấm thảm thêu Gobelin vô giá, một số lớn tranh vẽ – trong đó có các bức chân dung của họa sĩ Đức thế kỷ 19 Wilhelm Leibl – và bộ sưu tập tiền xu khổng lồ của Kaiser Wilhelm.

Hai tầng dưới cùng của tháp là chỗ trú ẩn không kích rộng mênh mông,

có các kho thực phẩm và nhà bếp rộng lớn, và doanh trại khẩn cấp của đài phát thanh Đức, Deutschlandsender.

Hoàn toàn tự túc, Tháp G có nguồn nước và năng lượng riêng, và dễ dàng đủ chỗ cho 15.000 người khi có không kích. Hệ thống này có lượng tiếp tế và đạn dược đầy đủ tới mức đơn vị quân sự đồn trú tại đây tin là dù phần còn lại của Berlin có gặp phải chuyện gì thì tòa tháp sở thú cũng có thể cầm cự được một năm nếu cần.

Cuộc không kích chấm dứt, cũng đột ngột hết như lúc mở đầu. Các khẩu pháo trên Tháp G từ từ ngừng lại. Khắp Berlin, khói đen bốc lên cuồn cuộn từ các đám cháy do trúng đạn. Cuộc không kích chỉ kéo dài hơn 20 phút. Các đường phố Berlin đông đúc trở lại, cũng nhanh như lúc trở nên trống trơn. Ngoài các khu chợ và cửa hàng, người vừa rời khỏi hàng giờ giằng dụa cố đòi lại vị trí xếp hàng trước đó từ những người đang từ chối nhường chỗ, cũng ngang ngạnh không kém họ.

Bên trong sở thú, một người đàn ông vội vã ra ngoài ngay khi các khẩu pháo của Tháp G ngừng bắn. Sau mỗi lần không kích ông đều lo lắng như thế, ông Heinrich Schwarz, 63 tuổi, chạy đến khu chuồng chim, mang theo một xô thịt ngựa nhỏ.

Ông gọi, “Abu, Abu.” Một tiếng kêu kỳ quặc phát ra từ bờ ao gần đó. Rồi một con chim bề ngoài kỳ dị, đến từ sông Nile, có bộ lông màu xanh xám và cái mỏ to giống như một chiếc giày gỗ Hà Lan lật úp, nhẹ nhàng bước ra khỏi mặt nước bằng đôi chân khăng khiu như cây cà kheo và bước tới chỗ ông. Ông Schwarz thấy nhẹ nhõm hẳn đi. Con cò Abu Markub (Cò mỏ giày) quý hiếm vẫn an toàn.

Dù không có không kích đi nữa, càng ngày, việc gặp mặt con cò hàng ngày càng mang tính thử thách hơn với ông Schwarz. Ông giơ xô thịt ngựa ra. Ông nói, “Tao phải cho mày ăn cái này thôi. Tao có thể làm gì được? Tao không còn cá nữa. Mà có muốn ăn không?” Con chim nhắm mắt lại. Ông Schwarz buồn bã lắc đầu. Con cò mỏ giày ngày nào cũng từ chối kiểu đó. Nếu cứ tiếp tục cứng đầu, chắc chắn con cò này sẽ chết. Nhưng ông Schwarz chẳng thể làm được gì. Lon cá ngừ hộp cuối cùng đã hết và không thể tìm ra cá tươi ở Berlin – ít nhất không phải dành cho sở thú Berlin.

Trong số lũ chim chóc còn lại, con cò mỏ giày này là thú cưng của tổ trưởng tổ giữ chim Schwarz. Những con chim yêu thích khác của ông đã mất từ lâu – con vẹt Arra 75 tuổi mà ông Schwarz đã dạy nó nói “Papa,” đã được chuyển tới Saar hai năm trước vì lý do an toàn. Nguyên cả lũ đà điểu châu Phi đã chết vì bị sốc trong các cuộc không kích. Chỉ có con Abu còn ở lại – và nó đang từ từ chết đói. Ông Schwarz điên lên vì lo lắng. Ông nói với vợ, bà Anna: “Nó càng ngày càng gây trở xương. Mỗi lần tôi cố cho nó ăn, nó lại nhìn tôi như muốn nói, ‘Chắc chắn là ông nhầm rồi. Thứ này tôi đâu ăn được.’”

Trong số 14.000 con thú, chim chóc, bò sát và cá có tại sở thú vào năm 1939, giờ chỉ còn lại tổng cộng 1.600 con. Trong sáu năm chiến tranh, sở thú này – trong đó có một khu thủy cung, một vườn côn trùng, các chuồng voi và bò sát, nhà hàng, rạp chiếu phim, phòng khiêu vũ và tòa nhà điều hành – đã bị trúng hơn một trăm quả bom có sức công phá cao. Cuộc không kích khủng khiếp nhất là vào tháng 11/1943, khiến hàng trăm hàng ngàn con vật chết đi. Không lâu sau đó, phần lớn những con thú còn sống sót đã được sơ tán tới các sở thú khác trong nước. Kiếm đồ ăn cho hơn 1.600 con thú và chim chóc còn lại càng ngày càng khó khăn giữa một Berlin đang theo chế độ khẩu phần thực phẩm.

Nhu cầu của sở thú, dù là cho bày thú đã cắt giảm số lượng đi nữa, cũng rất lớn: không chỉ cần một lượng lớn thịt ngựa và cá, mà còn cần 36 loại thực phẩm khác nhau, từ mì, gạo và lúa mì xay cho tới hoa quả đóng hộp, mứt cam và ấu trùng kiến. Cỏ khô, rơm, cỏ ba lá và rau quả tươi thì có khá nhiều, nhưng những thứ khác thì gần như không thể kiếm ra được. Dù đã dùng các thực phẩm khác thay thế, nhưng từng con chim con thú đều chỉ còn không đầy nửa khẩu phần ăn trước kia – và hãy nhìn xem.

Trong số chín con voi của sở thú, giờ chỉ còn mỗi một con. Lợn da xám của nó chùng xuống thành những nếp nhăn lớn, giờ Siam nóng tính tới mức những người giữ thú không dám vào trong chuồng nó. Rosa, con hà mã bị con, còn thảm hơn, da nó khô lại và nứt nẻ, nhưng đứa con hai tuổi của nó, Knautschke, cục cưng của mọi người, thì vẫn giữ được sự vui vẻ trẻ thơ. Pongo, con khỉ đột nặng 240 kg, bình thường rất tốt tính, đã sụt hơn 22 kg,

thường ngồi bất động hàng giờ trong chuồng, rầu rĩ nhìn mọi người chăm chăm. Năm con sư tử (trong đó có hai con sư tử con), mấy con gấu, ngựa vằn, linh dương, khỉ và mấy con ngựa hoang quý hiếm, đều đang có dấu hiệu sụt cân.

Còn có một mối đe dọa thứ ba đối với sự tồn tại của những con vật trong sở thú. Người giữ thú Walter Wendt thường xuyên báo cáo rằng mấy con thú quý hiếm bị mất tích. Chỉ có một kết luận khả dĩ duy nhất: một số người dân Berlin đã ăn trộm và xẻ thịt bọn thú để bổ sung vào khẩu phần ăn ẻo uột của mình.

Giám đốc sở thú Lutz Heck đang đối mặt với một tình thế tiến thoái lưỡng nan – một tình thế mà ngay cả tình bạn của ông với Thống tướng Hermann Goering, hay là với ai khác đi nữa cũng không thể giải quyết. Trong cuộc bao vây kéo dài, bọn chim và thú chắc chắn sẽ chết đói. Tệ hơn, những con vật nguy hiểm – như sư tử, gấu, cáo, linh cẩu, mèo Tây Tạng và con khỉ đầu chó đắt giá của sở thú, một con thú quý hiếm mà cá nhân ông Heck đã đưa về từ Cameroon – có thể trốn thoát trong trận đánh. Ông Heck tự hỏi, khi nào thì ông nên giết con khỉ đầu chó và năm con sư tử mà ông hết mực yêu quý đây?

Gustav Riedel, người giữ chuồng sư tử, từng cho hai con sư tử con Sultan và Bussy chỉ mấy tháng tuổi bú bình, đã quyết định một chuyện: dù có được lệnh như thế nào, ông cũng sẽ cứu hai con sư tử con. Không chỉ có ông Riedel thấy thế. Gần như người giữ thú nào cũng định cứu con vật mình yêu quý. Tiến sĩ Katherina Heinroth, 74 tuổi, vợ của giám đốc thủy cung, nơi bị trúng bom tan tành, đang chăm nuôi một con khỉ con tên là Pia trong căn hộ của mình. Người giữ thú Robert Eberhard thì bị ám ảnh bởi việc bảo vệ cho mấy con ngựa và ngựa vằn quý hiếm do mình chăm sóc. Mối bận tâm lớn nhất của Walter Wendt là mười con bò rừng châu Âu – họ hàng gần với bò rừng châu Mỹ. Chúng là niềm tự hào và hạnh phúc của ông. Ông đã dùng những thứ tối tân nhất của công nghệ gây giống trong ba mươi năm qua để tạo ra lũ bò này. Chúng rất độc đáo và đáng giá hơn một triệu mark – khoảng 250.000 dollar.

Đối với Heinrich Schwarz, người giữ chuồng chim, ông không thể chịu

nổi khi thấy con cò mổ giày phải khốn khổ. Ông đứng bên bờ ao, gọi con chim thêm lần nữa. Khi nó bước tới, ông Schwarz cúi xuống và nhẹ nhàng bế nó lên. Từ nay trở đi nó sẽ sống – hoặc chết – trong phòng tắm nhà ông.

Tại phòng hòa nhạc Beethoven sơn đỏ và vàng kim theo phong cách Baroque, tiếng cây gậy điều khiển gõ đánh “cách” khiến khán phòng đột nhiên lặng hẳn đi. Nhạc trưởng Robert Heger giơ tay phải lên rồi đứng yên. Ngoài kia, đâu đó giữa thành phố điêu tàn, tiếng còi xe cứu hỏa rền rĩ xa xa. Heger cứ đứng yên như thế một hồi lâu. Rồi ông hạ cây gậy điều khiển xuống và, được báo trước bằng bốn tiếng trống trầm thấp, bản Violin Concerto của Beethoven vang lên êm dịu từ những nghệ sĩ của Dàn nhạc giao hưởng Berlin. Khi bộ gõ bắt đầu đoạn nhạc trầm lắng của mình bằng tiếng trống, nghệ sĩ solo Gerhard Taschner chờ đợi, dán mắt vào người nhạc trưởng. Phần đông thính giả đang phủ kín phòng hòa nhạc chưa bị hư hại nằm trên đường Köthenerstrasse đến đây để nghe nghệ sĩ violin tài hoa mới 23 tuổi này, và khi những nốt nhạc trong trẻo như tiếng chuông ngân thành linh vang lên từ cây violin của anh, rồi nhỏ dần và mạnh mẽ vang lên lần nữa, họ lắng nghe trong mê ly ngây ngất. Một số người có mặt tại buổi hòa nhạc chiều hôm đó, vào tuần cuối cùng của tháng ba nhớ lại rằng, một số người dân Berlin đã quá xúc động trước màn biểu diễn của Taschner mà âm thầm rơi lệ.

Trong suốt cuộc chiến tranh, dàn nhạc giao hưởng gồm 105 người này đã giúp người dân Berlin có được sự thanh thản hiếm hoi giữa nỗi sợ hãi và tuyệt vọng, và được hoan nghênh nhiệt liệt. Dàn nhạc trực thuộc Bộ Tuyên truyền của Joseph Goebbels, và các thành viên trong đây đều được miễn quân dịch, vì đảng Nazi thấy Dàn nhạc giao hưởng này có ích cho tinh thần người dân. Người dân Berlin hoàn toàn đồng ý về điều này. Đối với những người yêu âm nhạc, Dàn nhạc giống như một liều thuốc an thần giúp họ thoát khỏi chiến tranh và sự khủng khiếp của nó trong thoáng chốc.

Có một người luôn xúc động sâu sắc khi nghe dàn nhạc chơi, đó là Bộ

trưởng Bộ Vũ khí và Sản phẩm Chiến tranh của Hitler, Albert Speer, giờ đang ngồi tại vị trí quen thuộc của mình giữa dàn nhạc. Speer, người có văn hóa nhất trong bộ máy quyền lực của Nazi, hiếm khi bỏ lỡ một buổi biểu diễn. Hơn bất cứ thứ gì khác, âm nhạc giúp ông xoa dịu ưu phiền – và ông chưa bao giờ cần điều đó nhiều hơn là lúc này.

Bộ trưởng Speer đang phải đối mặt với vấn đề lớn nhất trong sự nghiệp. Trong suốt cuộc chiến, bất chấp mọi thất bại có thể hình dung được, ông vẫn luôn giữ nền công nghiệp Đức tiếp tục sản xuất.

Nhưng lâu nay các số liệu và kế hoạch của ông đã cho thấy một điều không thể tránh khỏi: những ngày cuối cùng của nền Đệ tam Quốc xã đang được đếm ngược. Khi quân Đồng minh tiến vào nước Đức ngày càng sâu, ngài Speer vốn thực tế là vị bộ trưởng duy nhất trong nội các dám nói thật với Hitler. Ông viết cho Quốc trưởng vào ngày 15/3/1945, “Chúng ta thua rồi. Nếu chúng ta thua, thì đất nước này cũng sẽ diệt vong.”

Ngày 19/3 Hitler đưa ra một mệnh lệnh điên rồ: nước Đức phải bị phá hủy hoàn toàn. Phải cho nổ hoặc thiêu cháy mọi thứ - các nhà máy năng lượng, các công trình nước và khí đốt, đập nước và cửa cống, cảng và kênh rạch, các hệ thống công nghiệp và mạng lưới điện, tất cả số tàu thuyền và cầu, mọi chiếc tàu hỏa và các công trình liên lạc, mọi phương tiện giao thông và các cửa hàng đủ loại, thậm chí là cả đường cao tốc quốc gia.

Speer đã khẩn khoản nài xin Hitler. Ông đã đánh liều xin rút lại chính sách này. Nếu Hitler hủy diệt thành công các công trình kiến trúc cùng với ngành công nghiệp và thương mại của Đức, ông ta sẽ phá hủy kha khá công trình của chính Speer xây dựng nên – những cây cầu, đường cao tốc rộng lớn, những tòa nhà cao tầng. Hơn bất kỳ ai khác, ông là người có trách nhiệm giúp các công cụ chiến tranh khủng khiếp của Hitler không bị hủy hoại toàn bộ. Nhưng ông còn có một mối bận tâm khác quan trọng hơn. Speer nói với Hitler rằng, dù chế độ có gặp phải chuyện gì, “chúng ta cũng phải làm mọi thứ có thể để duy trì một nền tảng cho đất nước này tồn tại, dù là theo một cách nguyên thủy đi chăng nữa... Chúng ta không có quyền phá hủy những thứ có thể ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của nhân dân...”

Hitler không mảy may suy suyển. Ông ta đáp lại, “Không cần phải cân

nhắc đến nền tảng của một sự tồn tại dù là nguyên thủy nhất nữa. Ngược lại, tốt hơn là phá hết đi, và phải tự tay phá nó. Quốc gia này đã cho thấy nó quá yếu đuối...” Bằng những lời đó, Hitler đã xóa sổ nhân dân Đức. Như ông ta đã giải thích với Speer thì, “những kẻ còn lại sau trận chiến đều là đồ thấp kém, vì những người tài thì đã hi sinh.”

Speer thấy kinh hoàng. Những con người đã chiến đấu anh dũng vì lãnh tụ của mình có vẻ như giờ chẳng có ý nghĩa gì với Quốc trưởng. Nhiều năm nay, Speer đã nhắm một mắt mở một mắt trước sự tàn bạo trong các chiến dịch của Nazi, tin rằng bản thân ông không nằm trong số đó, ít nhất về mặt trí tuệ. Giờ, ông bắt đầu nhận ra điều mà ông đã từ chối đối mặt suốt mấy tháng nay. Như lời ông nói với tướng Alfred Jodl, “Hitler hoàn toàn điên rồi... phải ngăn ông ta lại.”

Từ ngày 19-23/3, một chuỗi mệnh lệnh “tiêu thổ” tuôn ra từ sở chỉ huy của Hitler, gửi đến các tỉnh trưởng và các tư lệnh quân sự trên toàn nước Đức. Những ai chậm chạp làm theo thì bị đe dọa xử bắn. Speer lập tức hành động. Biết rõ mình đang đặt mạng sống vào vòng nguy hiểm, ông định ngăn chặn kế hoạch của Hitler, với sự hỗ trợ của một số ít bạn bè là các quan chức quân sự cấp cao. Speer gọi điện thoại cho các nhà tư bản công nghiệp, bay tới các đơn vị quân sự đồn trú, gặp gỡ các quan chức cấp tỉnh, đâu đâu ông cũng nhấn mạnh là kế hoạch của Hitler sẽ đặt dấu chấm hết vĩnh viễn cho nước Đức, dù người ông gặp có là những tay Nazi bảo thủ nhất.

Cần nhắc đến mục đích nghiêm trọng của chiến dịch của ngài bộ trưởng, sự hiện diện của ông tại buổi hòa nhạc này có lẽ khá là ngớ ngẩn – nếu không phải vì điều sau: trong số những thứ mà Speer cố duy trì và bảo vệ, Dàn nhạc giao hưởng này thuộc nhóm ưu tiên hàng đầu.

Mấy tuần trước, tiến sĩ Gerhard von Westermann, giám đốc dàn nhạc, đã nói với nghệ sĩ violin Taschner, vốn là nghệ sĩ yêu thích của Speer, rằng hãy nhờ ngài bộ trưởng giúp bảo vệ dàn nhạc. Trên lý thuyết, các nghệ sĩ được miễn quân dịch. Nhưng mắt thấy trận chiến ở Berlin đang cận kề, tiến sĩ Von Westermann sợ là một ngày nào đó cả dàn nhạc sẽ được lệnh sung vào Lực lượng Phòng vệ Địa phương, Volkssturm.

Mặc dù dàn nhạc do Bộ Tuyên truyền của Joseph Goebbels điều hành,

nhưng tiến sĩ Von Westermann biết là không thể hi vọng gì vào sự giúp đỡ từ cơ quan đó.

Ông nói với người nghệ sĩ violin, “Cháu phải giúp chúng ta. Goebbels đã bỏ quên chúng ta rồi... hãy tới chỗ Speer và nhờ ông ấy giúp... tất cả chúng ta cùng quỳ gối cầu xin cháu.”

Taschner cự kỳ miễn cưỡng: hễ nói tới chuyện lẩn trốn hay bỏ chạy đều bị xem là phản quốc và có thể bị cách chức hay bỏ tù. Nhưng cuối cùng anh cũng đồng ý.

Khi gặp Speer, Taschner do dự mở đầu. Anh nói:

“Thưa ngài Bộ trưởng, tôi muốn nói với ngài về một vấn đề hơi nhạy cảm. Tôi hi vọng ngài sẽ không hiểu lầm... nhưng những ngày này, có một số chuyện hơi khó nói...”

Nhìn anh với ánh mắt sắc bén, Speer nhanh chóng trấn tĩnh anh, được khích lệ, Taschner bèn kể cảnh ngộ của dàn nhạc. Ngài bộ trưởng chú tâm lắng nghe. Sau đó, Speer nói với Taschner rằng tiến sĩ Von Westermann không cần phải lo lắng. Ông đã nghĩ ra một kế hoạch có thể làm được nhiều hơn là giúp các nghệ sĩ không phải vào Volkssturm. Ông định bí mật di tản toàn bộ 105 người trong dàn nhạc vào những giây phút tận cùng.

Giờ Speer đã thực hiện phần đầu trong kế hoạch. 105 người ngồi trên sân khấu của Phòng hòa nhạc Beethoven đang mặc comple đen công sở, thay vì veston lễ phục như thường lệ, nhưng trong số thánh giả ngồi đây, chỉ có Speer là biết rõ lý do. Những bộ veston – cùng với những cây đàn piano, đàn harp, những cây kèn Tuba danh tiếng và các bản nhạc của dàn nhạc – đã được âm thầm chuyển đi khỏi thành phố bằng xe tải ba tuần trước. Số hàng hóa quý giá này được giấu ở Plassenburg, gần Kulmbach, cách Berlin 240 dặm về phía tây nam – ngay trên đường tiến quân của Mỹ.

Phần thứ hai trong kế hoạch của Speer – cứu người – phức tạp hơn thế. Bất chấp các cuộc không kích dày đặc, cùng với việc quân xâm lược đang cận kề, Bộ Tuyên truyền vẫn không hề cắt giảm lịch biểu diễn của dàn nhạc. Các buổi hòa nhạc được lên lịch ba đến bốn lần một tuần, giữa các cuộc không kích, kéo dài đến hết tháng 4, khi mùa biểu diễn chính thức kết thúc.

Muốn di tản các nghệ sĩ trước thời điểm đó là bất khả thi: Goebbels chắc chắn sẽ quy cho họ tội đào ngũ. Speer quyết định sẽ di tản dàn nhạc về phía Tây; ông tuyệt đối không định để họ rơi vào tay quân Nga. Nhưng kế hoạch của ông hoàn toàn phụ thuộc vào tốc độ hành quân của phe Đồng minh phương Tây: ông hi vọng quân Anh-Mỹ sẽ giành được Berlin trước mũi quân Nga.

Speer không định chờ tới khi quân Đồng minh phương Tây vào được thành phố. Ngay khi quân Đồng minh còn cách thành phố một khoảng bằng một tuyến xe buýt chạy đêm, ông sẽ ra lệnh di tản. Mấu chốt của kế hoạch là tín hiệu di tản. Các nghệ sĩ sẽ phải rời đi cùng lúc, và vào lúc trời tối. Điều đó có nghĩa là cuộc bỏ trốn phải bắt đầu ngay sau buổi hòa nhạc. Vì lý do bảo mật, tín hiệu di tản cần được giữ kín càng lâu càng tốt. Speer đã đưa ra một cách tuyệt diệu để báo động cho các nghệ sĩ: vào phút chót, nhạc trưởng sẽ thông báo có thay đổi trong chương trình và dàn nhạc sẽ chơi một danh sách đặc biệt do chính Speer đã chọn. Đó sẽ là ám hiệu cho các nghệ sĩ; ngay sau buổi biểu diễn họ sẽ đi lên một đoàn xe buýt đang chờ bên ngoài Phòng hòa nhạc Beethoven trong bóng tối.

Trong tay tiến sĩ Von Westermann là các bản nhạc mà Speer đã chọn làm ám hiệu. Khi chuyên gia văn hóa của Speer đưa các bản nhạc này đến chỗ ông, Von Westermann không giấu nổi ngạc nhiên. Ông hỏi viên trợ lý của Speer:

“Tất nhiên là anh không lạ gì âm nhạc của những giờ phút cuối cùng. Anh biết đó, chúng khắc họa cái chết của các vị thần, sự hủy diệt điện Vallhalla và kết thúc của thế giới. Anh có chắc đây là cái ngài Bộ trưởng đã chọn không?”

Không có lầm lẫn nào cả. Speer đã chọn bản *Die Götterdämmerung* – của Wagner – Hoàng hôn của các vị thần – dành cho buổi hòa nhạc cuối cùng của Dàn nhạc giao hưởng Berlin.

Von Westermann không biết rằng, trong lựa chọn này có một gợi ý cho kế hoạch cuối cùng và cũng là kế hoạch tham vọng nhất của Speer. Ngài bộ trưởng với quyết tâm cứu được càng nhiều phần của nước Đức càng tốt, đã quyết định rằng chỉ còn một con đường duy nhất. Suốt nhiều tuần nay,

Albert Speer, con người theo chủ nghĩa hoàn hảo này đang cố tìm cách thích hợp để ám sát Hitler.

Dọc theo mặt trận phía Đông, các đoàn quân đông đảo của Nga đang tập trung lại, nhưng còn lâu họ mới sẵn sàng mở màn cuộc tấn công vào Berlin. Các tư lệnh Liên Xô phát cáu vì trì hoãn. Sông Oder là một rào chắn kiên cố và băng tan mùa xuân lại khá chậm: mặt sông vẫn bị băng bao phủ một phần. Bên kia bờ là hàng phòng ngự của Đức – các boongke, bãi mìn, hào chống tăng và các khẩu pháo vùi lấp bên trong. Mỗi ngày trôi qua quân Đức lại mạnh thêm, và điều này khiến các tướng lĩnh Hồng quân lo lắng.

Không ai tha thiết muốn bắt đầu hơn Thượng tướng Vasili Ivanovich Chuikov, 45 tuổi, tư lệnh của Tập đoàn quân Cận vệ 8 tài ba, rất nổi tiếng ở Liên Xô vì đã từng chỉ huy phòng thủ ở Stalingrad. Chuikov đổ lỗi việc trì hoãn cho phe Đồng minh phương Tây. Sau cuộc đột kích của Đức tại cao nguyên Ardennes vào tháng 12, quân Anh và Mỹ đã yêu cầu Stalin giải tỏa áp lực bằng cách đẩy nhanh tiến độ hành quân của Hồng quân từ phía Đông. Stalin đã đồng ý và mở cuộc tấn công vào Ba Lan sớm hơn dự định. Sau này Chuikov nói ông tin là “nếu các đường dây liên lạc của chúng tôi ở hậu phương không quá dãn trải như thế, chúng tôi đã có thể hạ được Berlin từ tháng hai.”

Nhưng quân Liên Xô vượt qua Ba Lan nhanh tới mức khi các đoàn quân tới được sông Oder thì họ nhận ra mình chạy nhanh hơn nguồn tiếp tế và đường dây liên lạc của mình. Cuộc tiến công buộc phải ngừng lại, theo Chuikov, vì “chúng tôi cần đạn dược, nhiên liệu và cầu phao để vượt sông Oder, dòng chảy nằm chắn trước Berlin.” Việc phải tái cơ cấu và chuẩn bị đã cho quân Đức thời gian gần hai tháng để tổ chức lực lượng phòng thủ. Chuikov cảm thấy thật cay đắng. Chờ đợi hàng ngày có nghĩa là đội Cận vệ của ông sẽ chịu nhiều thương vong hơn khi cuộc tấn công bắt đầu.

Thượng tướng Mikhail Yefimovich Katukov, tư lệnh Tập đoàn quân Xe tăng Cận vệ 1, cũng phần khích tướng tự, mong chờ cuộc tấn công bắt đầu,

nhưng ông lại thấy mừng trước sự trì hoãn này. Lính của ông cần nghỉ ngơi, còn các đội bảo trì thì cần thời gian để sửa chữa các chiếc xe thiết giáp.

Ông nói với một vị tư lệnh sư đoàn của mình là tướng Đại tướng Getman, sau khi họ tới được sông Oder, “Tính theo đường chim bay, đội xe tăng đã đi được khoảng 570 km.” Rồi ông tiếp, “Nhưng Andrey Levrentevich à, công tơ met của họ cho thấy họ đã đi hơn 2.000 km. Nhưng con người thì không có công tơ met và ai mà biết được có những hao mòn và hư hại gì trong người mình chứ.”

Getman đồng tình. Ông tin chắc quân Đức phải bị tiêu diệt và Berlin sẽ bị chiếm, nhưng ông cũng rất vui khi có cơ hội để tái tổ chức. Ông nói với Katukov, “Đồng chí Thượng tướng, điều cơ bản trong chiến tranh nói rằng hạ được các thành trấn không làm nên chiến thắng, mà là phải tiêu diệt kẻ thù. Năm 1812, Napoleon đã quên mất điều đó. Ông ta đã thua tại Moscow – mà Napoleon đâu phải tay lãnh đạo dạng vừa đâu.”

Các Sở chỉ huy khác trên toàn mặt trận cũng có tình trạng giống thế. Dù mất kiên nhẫn vì trì hoãn, ai cũng hào hứng khi có dịp nghỉ ngơi, vì trận đánh dữ dội sắp tới không phải là ảo ảnh. Các nguyên soái Zhukov, Rokossovskii và Koniev đã nhận được những bản báo cáo rùng rợn về những thứ họ có thể sẽ phải đương đầu. Các ước tính tình báo của họ cho thấy có hơn một triệu lính Đức trong lực lượng phòng thủ và gần ba triệu dân có thể giúp Berlin chống địch. Nếu các báo cáo này là đúng. Hồng quân có thể bị áp đảo ba đánh một.

Khi nào thì cuộc tấn công sẽ diễn ra? Các vị nguyên soái vẫn chưa biết. Cụm tập đoàn quân đông đảo của Zhukov đã được chọn để chiếm thành phố - nhưng điều này cũng có thể thay đổi. Cũng giống quân Anh-Mỹ bên mặt trận phía tây đang chờ từ “Xuất phát” từ Eisenhower, các tư lệnh Hồng quân cũng đang chờ lệnh từ Tư lệnh Tối cao của mình.

Điều khiến các nguyên soái lo lắng hơn hết thảy là tiến độ của quân Anh-Mỹ từ sông Rhine. Mỗi ngày trôi qua, bọn họ đang tới gần sông Elbe hơn – và tới gần Berlin. Nếu Moscow không ra lệnh tấn công sớm, quân Anh và Mỹ có thể vào thành phố trước Hồng quân. Vậy mà Josef Stalin vẫn chưa nói ra câu “Xuất phát.” Có vẻ chính ông ta cũng đang chờ đợi.

PHẦN IV

QUYẾT ĐỊNH

1

Một đoàn xe tải chở đồ tiếp tế của quân đội nối đuôi nhau lăn bánh trên con đường chính nhỏ hẹp của thành phố nước Pháp, bụi mù mịt. Những chiếc xe gầm rú xếp thành một hàng dài vô tận, chạy về phía tây bắc trên hành trình chở hàng tới sông Rhine và Mặt trận phía Tây.

Không chiếc nào được phép dừng lại; xung quanh chỗ nào cũng có quân cảnh đứng để đảm bảo dòng xe luân chuyển thông suốt. Đối với các tài xế, dù sao cũng chẳng có lý do gì để mà dừng lại cả. Đây chỉ là một thành phố buồn chán khác của Pháp, với tòa thánh đường quen thuộc, chỉ là một trạm kiểm soát khác trên đường cao tốc “Red Ball.” Họ không biết rằng vào thời điểm này của cuộc chiến, Reims có lẽ là thành phố quan trọng nhất châu Âu.

Trong nhiều thế kỷ, các trận chiến liên tục nổ ra để giành giao lộ chiến lược ở miền đông bắc nước Pháp này. Tòa thánh đường xây kiểu Gothic tráng lệ nhô cao ở trung tâm thành phố đã phải chịu vô số trận thả bom, và được xây lại hết lần này tới lần khác. Mọi ông vua Pháp đều được trao vương miện tại đây, từ Clovis vào năm 496 đến vua Louis XVI năm 1774. Trong cuộc chiến này, thật may là thành phố và biểu tượng của nó đã được chữa ra. Giờ đây, tòa thánh đường với hai ngọn tháp đôi hùng vĩ đang phủ bóng xuống sở chỉ huy của một nhà lãnh đạo vĩ đại khác. Tên ông là Dwight D. Eisenhower.

Bộ chỉ huy Tối cao Lực lượng Viễn chinh Đồng minh nằm trên một con

đường nhỏ gần ga tàu hỏa, đặt tại một tòa nhà ba tầng đơn giản và hiện đại. Tòa nhà này là Collège Moderne et Technique, từng là một trường kỹ thuật dành cho nam sinh.

Có dạng như chiếc hộp, bốn phía tòa nhà vây quanh một cái sân trong, ban đầu ngôi trường xây bằng gạch đỏ này được thiết kế cho hơn 1.500 học sinh theo học. Các thành viên trong ban tham mưu gọi nó là “ngôi trường bé nhỏ màu đỏ.” Có lẽ là vì đối với yêu cầu của SHAEF, nó khá là nhỏ: bộ chỉ huy đã tăng gần gấp đôi quân số kể từ năm 1944 và giờ có gần 1.200 sĩ quan và khoảng 4.000 biên chế. Kết quả là ngôi trường chỉ có thể đáp ứng được ngài Tư lệnh Tối cao, các tướng lĩnh tham mưu trực thuộc ông và phòng ban của họ. Số còn lại làm việc trong các tòa nhà khác trong thành phố Reims.

Trong phòng học ở tầng hai mà ông dùng làm văn phòng, ngài Đại tướng đã làm việc cả ngày không nghỉ. Căn phòng nhỏ và khá đậm bạc. Hai ô cửa sổ nhìn ra đường được phủ rèm đen. Có mấy chiếc ghế mềm đặt trên sàn nhà bằng gỗ sồi bóng loáng, thế là hết. Bàn làm việc của Eisenhower, đặt trong một góc phòng thụt vào ở cuối phòng, nằm trên một cái bục nhô cao hơn mặt sàn một chút – từng được giáo viên dùng làm bục giảng.

Trên bàn có một bộ văn phòng phẩm bằng da màu xanh, một chiếc điện thoại nội bộ, mấy tấm ảnh lồng khung da của vợ con ông, và hai chiếc điện thoại màu đen – một chiếc sử dụng thường ngày, chiếc còn lại đặc biệt dùng để gọi đến Washington và London mà không bị nghe lén. Ngoài ra còn có vài gạt tàn thuốc, vì ngài Tư lệnh Tối cao nghiện thuốc lá một cây, một ngày ông hút hơn 60 điếu^[21]. Đằng sau bàn là cờ hiệu của ông và ở góc đối diện là quốc kỳ Mỹ.

Chiều hôm qua, Eisenhower đã có một chuyến bay ngắn tới Paris để dự một buổi họp báo. Tin tức lớn chính là chiến thắng sông Rhine. Ngài Tư lệnh Tối cao thông báo rằng lực lượng phòng thủ chính của địch ở phía tây đã tan tác. Dù Eisenhower nói với các phóng viên là ông không muốn “xem như chiến tranh thế là xong, vì quân Đức sẽ đứng dậy và chiến đấu ở bất cứ nơi đâu có thể,” theo ông thì Đức là “một kẻ thù đang bị thương.” Trong

buổi họp báo, có người nhắc tới Berlin. Một phóng viên hỏi ai sẽ tới được Berlin trước, “người Nga hay là chúng ta?” Eisenhower trả lời rằng ông nghĩ “nội phần lợi lộc không thôi cũng đủ để họ làm thế,” nhưng ông nhanh chóng nói thêm là ông “không muốn dự đoán điều gì”; dù quân Nga “có quãng đường chạy ngắn hơn” nhưng họ lại phải đối đầu với “cả đồng quân Đức.”

Eisenhower qua đêm ở khách sạn Raphael; rồi rời Paris khi bình minh vừa lên chưa bao lâu, ông bay về Reims. Lúc 7:45 sáng thì ông đã tới văn phòng và hội ý với Tham mưu trưởng của mình, Trung tướng Walter Bedell Smith. Tướng Smith ngồi đợi Eisenhower, với mấy bức điện mật mà chỉ có ngài Tư lệnh Tối cao mới có thể hồi âm nằm trong chiếc cặp hồ sơ bằng da màu xanh có khóa bên trên.

Mấy bức điện được đóng dấu tối mật: “Chỉ để Eisenhower xem.” Trong số đó có lời nhắn từ Montgomery, mong được cho phép tiến tới sông Elbe và Berlin. Nhưng bức điện quan trọng nhất là từ cấp trên của Eisenhower, Tham mưu trưởng Lục quân Hoa Kỳ, Đại tướng George C. Marshall. Thật trùng hợp là cả hai bức điện của Marshall và Montgomery cùng đến chỗ SHAEF vào tối hôm qua, cách nhau có hai tiếng đồng hồ - và cả hai đều có ảnh hưởng lớn đến Eisenhower. Vào thứ tư tuần này, ngày 28/3, hai bức điện này sẽ là chất xúc tác cho quyết định cuối cùng của ngài Tư lệnh Tối cao về chiến lược mà ông sẽ áp dụng cho tới khi chiến tranh kết thúc.

Mấy tháng trước, Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ đã thông báo nhiệm vụ của Eisenhower trong vai trò Tư lệnh Tối cao chỉ bằng một câu: “Anh sẽ đặt chân lên châu Âu lục địa và liên kết với các quốc gia khác trong Hội Quốc Liên (Tiền thân của Liên hợp quốc), thực thi các chiến dịch nhằm vào trung tâm nước Đức và tiêu diệt các lực lượng vũ trang của nó.” Ông đã làm rất tốt chỉ thị này.

Nhờ vào nhân cách, năng lực lãnh đạo và tài ứng biến của mình, ông đã gắn kết binh lính của hơn 12 quốc gia thành lực lượng mạnh mẽ nhất trong lịch sử. Ít ai có thể làm được như vậy đồng thời hạn chế sự thù địch giữa các quốc gia xuống mức thấp nhất.

Eisenhower, 55 tuổi, không phù hợp với khái niệm cổ điển của châu Âu

về nhà lãnh đạo quân sự. Không giống như các tướng lĩnh người Anh, ông không được đào tạo rằng xem các mục tiêu chính trị là một phần của chiến lược quân sự. Dù có bằng thạc sĩ khoa học chính trị về thỏa hiệp và xoa dịu, nhưng về mặt chính trị, Eisenhower lại không hề biết gì về giao thiệp quốc tế - và ông tự hào về chuyện đó. Theo truyền thống quân sự của Mỹ, ông được dạy rằng không bao giờ chiếm đoạt uy quyền tối thượng của nhân dân. Tóm lại, ông hài lòng với việc chiến đấu và giành thắng lợi; chuyện chính trị thì để cho các chính khách.

Thậm chí vào lúc này, tại thời điểm mấu chốt của cuộc chiến, các mục tiêu của Eisenhower vẫn luôn như vậy, chỉ đơn thuần mang tính quân sự. Ông chưa từng đưa ra một chỉ thị chính trị nào về nước Đức sau chiến tranh, ông cũng không coi đó là trách nhiệm của mình. Sau này ông nói, “Việc của tôi là chóng kết thúc chiến tranh... tiêu diệt quân đội Đức càng nhanh càng tốt.”

Eisenhower có đủ lý do để phấn khởi trước tình hình diễn biến: các đoàn quân của ông đã vượt qua sông Rhine và tràn vào vùng trung tâm nước Đức chỉ trong 21 ngày, nhanh hơn lịch trình dự kiến. Từng bước tiến quân của họ đều là tiêu đề cho các bài báo, được thế giới Tự do hào hứng dõi theo, giờ lại khiến vị Tư lệnh Tối cao phải đưa ra một loạt quyết định chỉ huy phức tạp.

Tiến độ tấn công nhanh bất ngờ của quân Anh-Mỹ làm cho một số bước chiến lược lập ra từ mấy tháng trước trở nên lạc hậu. Eisenhower phải điều chỉnh kế hoạch của mình để thích ứng với tình hình mới. Điều này có nghĩa là phải thay đổi và định nghĩa lại vai trò của một số tập đoàn quân và tư lệnh của chúng – đặc biệt là Thống chế Montgomery và Cụm tập đoàn quân 21 hùng mạnh của ông.

Bức điện mới nhất của Montgomery là một lời thúc giục hành động. Vị Thống chế 58 tuổi không hề hỏi phải đánh trận này thế nào; ông chỉ đòi quyền dẫn đầu cuộc tấn công. Trước khi phần lớn tư lệnh kịp nhận ra các ngụ ý chính trị của một tình huống quân sự, Montgomery đã thấy quân Đồng minh nhất thiết phải chiếm được Berlin – và ông tin là việc này nên do Cụm tập đoàn quân 21 thực hiện.

Bức điện của ông được trình bày đúng như tính cứng đầu cứng cổ của Montgomery, cho thấy rõ là vẫn còn có những khác biệt quan trọng giữa ý kiến của ông và của Tư lệnh Tối cao. Theo tướng Smith và những người khác nhớ lại, phản ứng của Eisenhower trước bức điện của ngài nguyên soái “giống như một con ngựa có cái dằm dưới yên.”

Khác biệt mấu chốt về lý thuyết quân sự giữa Montgomery và Eisenhower nằm liên quan tới cuộc tấn công đơn lẻ so với chiến lược diện rộng. Suốt nhiều tháng nay, Montgomery và thượng cấp của ông, Tham mưu trưởng Ban tham mưu Hoàng gia, Nguyên soái Sir Alan Brooke, rất kích động muốn thực hiện một cuộc tấn công chớp nhoáng vào trung tâm nước Đức. Gần như ngay sau khi Paris sụp đổ, trong khi quân Đức vẫn còn lộn xộn và tháo chạy khỏi Pháp thì Montgomery đã trình kế hoạch của mình lên Eisenhower. Ông viết, “Giờ ta đã đạt đến giai đoạn mà chỉ cần một cuộc tấn công thực sự mạnh vào Berlin là đủ để chấm dứt cuộc chiến với Đức.”

Montgomery trình bày kế hoạch của mình trong chín đoạn văn ngắn ngủn. Ông lấy lý do là quân Anh-Mỹ thiếu đồ tiếp tế và đội bảo trì để không chia quân thành hai hướng tấn công song song vào Đức. Theo quan điểm của ông, chỉ cần một mũi tấn công – là đội quân của ông – và nó sẽ cần “mọi nguồn lực bảo trì... không hạn chế.” Các chiến dịch khác sẽ phải phù hợp với nguồn hỗ trợ hậu cần còn lại. Montgomery cảnh báo, “nếu chúng ta cố tìm giải pháp thỏa hiệp và chia cắt lực lượng bảo trì của mình khiến cho không mũi tấn công nào thực sự mạnh, thì chỉ tổ kéo dài cuộc chiến mà thôi.” Thời gian là “yếu tố quan trọng sống còn... nên cần có quyết định ngay.”

Kế hoạch này khá là giàu trí tưởng tượng, và từ quan điểm của Montgomery, được tính toán thời gian chuẩn xác. Nó cũng đánh dấu một điểm trái ngược lạ kỳ với cách tiếp cận trận đánh thông thường của ngài nguyên soái. Sau này, Trung tướng Sir Frederick Morgan, giờ là Trợ lý Tham mưu trưởng của Eisenhower kể lại: “Nói ngắn gọn thì, Montgomery xưa nay nổi tiếng thận trọng, lại có ý tưởng là nếu được ưu tiên hơn các cụm tập đoàn quân của Mỹ, ông ta có thể vượt qua quân địch, tiến đánh Berlin và nhanh chóng kết thúc chiến tranh bằng trình tự ngắn nhất.”

Rõ ràng kế hoạch này là một canh bạc lớn. Đưa hai cụm tập đoàn quân lớn có hơn 40 sư đoàn vào nước Đức từ phía đông bắc trong một cuộc tấn công ồ ạt duy nhất có thể đem lại chiến thắng quyết định và nhanh chóng – nhưng nó cũng có thể dẫn tới một thảm họa toàn diện và có lẽ không thể xoay chuyển được. Đối với ngài Tư lệnh Tối cao, các rủi ro đó vượt xa bất kỳ cơ hội thành công nào, và ông đã nói rõ trong một thông điệp lịch thiệp gửi đến Montgomery. Eisenhower nói, “Tôi đồng ý với anh về quan điểm mở một cuộc tấn công hoành tráng vào Berlin, nhưng tôi không cho là nó nên được khởi xướng vào lúc này.”

Ông thấy rằng trước tiên cần mở các cảng Le Havre và Antwerp “để chống đỡ được một cuộc tấn công quy mô lớn vào sâu bên trong nước Đức.” Hơn nữa, Eisenhower còn nói, “không cần tái phân phối các nguồn lực hiện có của chúng ta cũng đã đủ để thực hiện một cuộc tấn công vào Berlin rồi.” Chiến lược của ngài Tư lệnh Tối cao là tiến vào Đức trên diện rộng, vượt sông Rhine rồi chiếm thung lũng sông Ruhr, nơi có vùng công nghiệp phát triển, trước khi tấn công thủ đô.

Cuộc trao đổi đó đã diễn ra vào tuần đầu tiên của tháng 9/1944. Một tuần sau, trong một thông điệp gửi đến các vị tư lệnh của ba cụm tập đoàn quân là Montgomery, Bradley và Devers, Eisenhower nói cụ thể hơn về kế hoạch của mình: “Rõ ràng Berlin là mục tiêu chính và nó được quân địch tập trung lực lượng để bảo vệ. Tôi không nghi ngờ gì là chúng ta cần tập trung mọi sức lực vào một cuộc tấn công chớp nhoáng vào Berlin. Tuy nhiên, chiến lược của chúng ta sẽ phải phối hợp với quân Nga, nên chúng ta cũng phải cân nhắc đến các mục tiêu thay thế.”

Các mục tiêu khả dĩ, theo như Eisenhower thấy thế, khá đa dạng: các cảng miền bắc nước Đức (“có thể chiếm đóng chúng để bảo vệ bên cánh của cuộc tấn công vào Berlin”); các trung tâm công nghiệp và liên lạc quan trọng ở Hanover, Brunswick, Leipzig và Dresden (“có lẽ quân Đức sẽ trấn giữ ở đây vì chúng che chắn cho Berlin”); và cuối cùng là vùng Nuremberg-Munich ở miền nam, cũng cần phải chiếm (“để cắt đường lui của địch tới Italy và bán đảo Balkan”). Do đó, ngài Tư lệnh Tối cao cảnh báo, “Chúng ta phải chuẩn bị cho một hoặc một số trường hợp sau:

“A. Chỉ đạo lực lượng của các cụm tập đoàn quân phía bắc và trung tâm tiến về Berlin theo trục Ruhr-Hanover-Berlin hoặc Frankfurt-Leipzig-Berlin hoặc cả hai.

“B. Nếu Nga tới Berlin trước chúng ta, cụm tập đoàn quân phía bắc sẽ chiếm vùng Hanover, còn quân ở Hamburg của Cụm tập đoàn quân Trung tâm... sẽ chiếm một phần hoặc toàn bộ vùng Leipzig-Dresden tùy vào tình hình tiến quân của Nga.

“C. Trong bất kỳ trường hợp nào, cụm tập đoàn quân phía nam cũng sẽ chiếm Augsburg-Munich. Vùng Nuremberg-Regensburg sẽ do cụm tập đoàn quân trung tâm hoặc phía nam chiếm... tùy theo tình hình lúc đó.”

Eisenhower tóm tắt chiến lược của mình bằng mấy lời sau: “Nói đơn giản thì, tôi muốn tiến về Berlin bằng tuyến đường nhanh nhất, trực tiếp nhất, các lực lượng khác sẽ hỗ trợ cho liên quân Anh-Mỹ, đi qua các trung tâm chủ chốt và chiếm các vùng hai bên cánh, trong một chiến dịch có sự phối hợp với nhau.” Ông còn nói thêm, nhưng phải chờ đợi cái đã, vì “vào giai đoạn này thì không thể nói trước được thời gian hay quân lực của các cuộc tiến công trên.”

Dù chiến lược tấn công trên diện rộng có đúng hay sai, Eisenhower cũng là Tư lệnh Tối cao và Montgomery phải chấp hành mệnh lệnh của ông. Nhưng Montgomery cực kỳ thất vọng. Với người Anh, ông ta là quân nhân danh tiếng nhất kể từ trận Wellington; còn đối với lính của mình, Monty là một huyền thoại trong thời của ông.

Rất nhiều người Anh coi ông là vị tư lệnh chiến trường giàu kinh nghiệm nhất tại châu Âu (ông cũng biết rõ điều này), và việc kế hoạch mà ông tin là có thể kết thúc chiến tranh trong vòng ba tháng bị bác bỏ đã khiến Montgomery buồn phiền sâu sắc^[22]. Cuộc tranh cãi về chiến lược vào mùa thu năm 1944 đã mở ra sự rạn nứt không bao giờ hàn gắn được hoàn toàn giữa hai vị tư lệnh.

Trong bảy tháng sau đó, Eisenhower không hề thay đổi ý định về một cuộc tấn công trên diện rộng. Montgomery cũng không ngừng bày tỏ ý kiến rằng nên thắng cuộc chiến này bằng cách nào, tại đâu và bởi lực lượng nào.

Sau này, Tham mưu trưởng của ông là Thiếu tướng Sir Francis de Guingand viết rằng, “Montgomery... cảm thấy dù có dẫn tới hậu quả gì cũng đáng, miễn là quan điểm của ông thắng thế: thực sự thì, kết thúc chiến tranh xứng đáng với bất kỳ giá nào.” Một trong những hậu quả mà Montgomery đem lại khá là lớn: Tham mưu trưởng Ban tham mưu Hoàng gia, Thống chế Brooke, thấy Eisenhower là người mập mờ và thiếu quyết đoán. Ông từng tóm lược rằng ngài Tư lệnh Tối cao là một người “có nhân cách thu hút, nhưng đồng thời lại có đầu óc rất, rất hạn chế về quan điểm chiến lược.”

Eisenhower biết rõ là Cục Chiến tranh và sở chỉ huy của Montgomery đã phát ra nhiều lời bình luận cay đắng. Nhưng dù vụ xâm xì về chính sách chiến lược của ông có làm ông tổn thương, thì Eisenhower cũng không để lộ điều đó. Và ông chẳng bao giờ trả đũa.

Ngay cả khi Brooke và Montgomery biện hộ cho việc chỉ định một vị “Tư lệnh các lực lượng trên bộ” – một Thống chế nằm kẹp giữa Eisenhower và các Cụm tập đoàn quân của ông – thì vị Tư lệnh Tối cao này cũng không hề nổi giận. Cuối cùng, sau nhiều tháng “ngồi yên không hé răng” – theo cách nói của Đại tướng Omar Bradley – thì Eisenhower cũng nổi điên. Mọi chuyện bùng nổ sau khi quân Đức tấn công qua cao nguyên Ardennes.

Vì mũi tiến công của địch đã chia cắt mặt trận của quân Anh-Mỹ, Eisenhower buộc phải dồn toàn bộ quân vào đầu phía bắc do Montgomery chỉ huy. Các cánh quân này gồm hai phần ba Cụm Tập đoàn quân 12 của Đại tướng Bradley – là Tập đoàn quân Hoa Kỳ 1 và 9.

Sau khi đẩy lui được quân Đức, Montgomery đã mở một cuộc họp báo đặc biệt, trong đó nhấn mạnh rằng gần như một tay ông đã giải cứu quân Mỹ khỏi thảm họa. Ngài Thống chế tuyên bố ông đã dọn dẹp sạch sẽ chiến trường, và đã “ngăn chặn... đuổi cổ... và tiêu diệt” quân địch. “Trận chiến khá thú vị. Tôi nghĩ nó có thể là một trong những trận khó khăn nhất... mà tôi từng đánh.” Montgomery nói ông đã “dùng mọi lực lượng khả dĩ của các cụm tập đoàn quân của Anh... do đó, mọi người có thể hình dung ra cảnh các cánh quân Anh chiến đấu hai bên quân Mỹ, vốn vừa chịu một cú đòn nặng.”

Thực sự thì Montgomery đã chỉ huy cuộc phản công chính từ hướng bắc và hướng đông một cách oai hùng. Nhưng tại buổi họp báo của ngài Thống chế, nói như Eisenhower là “không may là ông ta đã tạo nên cái ấn tượng rằng mình là vị cứu tinh của quân Mỹ.” Montgomery đã im đi vai trò của tướng Bradley, Patton và các tư lệnh khác của Mỹ, hay trong trận đánh, cứ mỗi lính Anh chiến đấu thì lại có ba mươi đến bốn mươi lính Mỹ tham gia. Quan trọng hơn hết, ông cũng lờ tịt rằng mỗi thương vong của lính Anh tương ứng với bốn mươi đến sáu mươi lính Mỹ ngã xuống.^[23]

Cơ quan tuyên truyền của Đức nhanh chóng khiến mọi chuyện tồi tệ hơn. Đài phát thanh của địch thổi phồng và bóp méo buổi họp báo, rồi phát thẳng về mặt trận quân Mỹ; nhờ đó mà nhiều người Mỹ được nghe vụ này lần đầu.

Ngay sau buổi họp báo và vụ lùm xùm mà nó gây nên, cuộc tranh cãi ngày trước về một vị tư lệnh các lực lượng trên bộ lại dấy lên, lần này do báo giới Anh tích cực phát động chiến dịch ủng hộ. Tướng Bradley nổi điên. Ông tuyên bố mình sẽ từ chức nếu ngài Thống chế được bổ nhiệm làm Tư lệnh các lực lượng trên bộ. Ông nói với Eisenhower “Sau những gì đã xảy ra, nếu Montgomery được giao trọng trách đó... anh cứ đuổi tôi về nhà cho xong... tôi không thể chịu nổi chuyện này.” Tướng Patton nói với tướng Bradley: “Tôi cũng sẽ đi với anh.”

Đây là vết rạn nứt chưa từng có trong nội bộ quân Anh-Mỹ. Khi chiến dịch “tuyên truyền cho Montgomery” làm nó trầm trọng thêm – một chiến dịch mà một số người Mỹ cho là bắt nguồn trực tiếp từ Sở chỉ huy của Montgomery – thì cuối cùng vị Tư lệnh Tối cao cũng thấy tình hình đã đến mức không thể chịu đựng nổi nữa. Ông quyết định kết thúc cuộc cãi nhau một lần cho xong: ông sẽ cách chức Montgomery bằng cách đưa toàn bộ vấn đề ra trước Hội đồng tham mưu trưởng Anh-Mỹ.

Vào lúc đó, Tham mưu trưởng của Montgomery là Đại tướng De Guingand biết chuyện tai họa đang treo lơ lửng trên đầu và vội vàng tìm cách cứu vãn tình đoàn kết Anh-Mỹ. Ông bay đến SHAEF và gặp Tư lệnh Tối cao. Sau này, De Guingand nhớ lại, “Ông ấy đưa tôi xem bức điện ông

ấy định gửi cho Washington. Tôi xem mà choáng.” Với sự hỗ trợ của Đại tướng Bedell Smith, ông đã thuyết phục Eisenhower hoãn bức điện thêm 24 tiếng đồng hồ. Eisenhower đồng ý cực kỳ miễn cưỡng.

Quay lại sở chỉ huy của Montgomery, De Guingand nói thẳng mọi chuyện với ngài Thống chế. De Guingand nói, “Tôi bảo Monty là tôi đã đọc bức điện của Ike, nó viết rằng ‘Hoặc tôi hoặc Monty.’” Montgomery bị sốc.

Tướng De Guingand chưa bao giờ thấy ông “cô đơn và xuống tinh thần đến thế.” Ông nhìn vị Tham mưu trưởng của mình và lặng lẽ nói, “Freddie, anh nghĩ tôi nên làm gì đây?” De Guingand đã soạn sẵn một bức điện. Dựa vào đó, Montgomery gửi cho Eisenhower một thông điệp đậm chất quân nhân, trong đó nói rõ là ông không hề có ý bất tuân. Ông nói, “Dù quyết định của ngài là gì, ngài cũng có thể tin ở tôi một trăm phần trăm. Cuối bức điện ký là “Người thuộc cấp tận tụy của ngài, Monty.”^[24]

Chuyện này kết thúc ở đó – ít nhất thì tạm thời là thế. Nhưng giờ đây, ở sở chỉ huy ở Reims, vào ngày quyết định, ngày 28/3/1945, Eisenhower lại nghe điệp khúc cũ vang lên rõ mồn một: không phải việc ủng hộ chỉ định tư lệnh các lực lượng trên bộ nữa, mà là một vấn đề cũ hơn, căn bản hơn – dùng một mũi tiến công hay dàn trải mặt trận trên diện rộng. Không hề hỏi ý Eisenhower, Montgomery đã “ra lệnh cho các tư lệnh hành quân về hướng Đông”, theo lời Montgomery, và tính mở một cuộc tấn công mạnh mẽ về hướng sông Elbe và Berlin, rõ ràng là định tiến vào thủ đô trong vinh quang.

Thực sự thì khi tiến hành cuộc tiến công chủ lực vào phía bắc vùng Rhur, Montgomery đã làm đúng theo chiến lược được chấp thuận trước đó – kế hoạch của Eisenhower, được Hội đồng Tham mưu trưởng ở Malta chấp thuận hồi tháng giêng. Những gì Montgomery đang làm đơn giản là mở rộng cuộc tiến công đó một cách hợp lý – một bước đi giúp ông tới được Berlin. Dù hành động có hơi vội vàng, sự phấn khích của ông cũng là dễ hiểu. Cũng giống Winston Churchill và Thống chế Brooke, Montgomery tin là thời gian sắp hết, rằng cuộc chiến sẽ thất bại về mặt chính trị nếu như quân Anh-Mỹ tới Berlin sau quân Nga.

Mặt khác, ngài Tư lệnh Tối cao lại không hề nhận được chỉ thị gì từ cấp trên của ông ở Washington về cảm giác cấp bách của người Anh. Và dù ông là Tư lệnh Lực lượng Đồng minh, Eisenhower vẫn phải nhận lệnh từ Bộ Chiến tranh Hoa Kỳ. Khi không có giải thích gì về chính sách từ Washington, mục tiêu của ông vẫn như cũ: đánh bại Đức và tiêu diệt các lực lượng vũ trang của nó. Và giờ ông thấy cách nhanh nhất để đạt được mục tiêu quân sự này là thay đổi triệt để kế hoạch mà ông đã trình bày trước Hội đồng Tham mưu trưởng hồi tháng giêng.

Ban đầu, theo kế hoạch của Eisenhower, Cụm Tập đoàn quân 12 của Đại tướng Bradley ở trung tâm sẽ có vai trò khá hạn chế, hỗ trợ cánh quân chính của Montgomery ở miền bắc. Nhưng ai mà biết trước được các tập đoàn quân của tướng Bradley lại thành công rực rỡ kể từ đầu tháng ba? Năng lực lãnh đạo tài tình và vận may đã dẫn đến những kết quả chói lọi đó.

Thậm chí từ trước cuộc tấn công mạnh mẽ của Montgomery vào sông Rhine, Tập đoàn quân 1 Hoa Kỳ đã chiếm được cầu Remagen và nhanh chóng vượt sông. Xa hơn về phía nam, Tập đoàn quân 3 của tướng Patton vượt sông Rhine gần như không có trở ngại gì. Kể từ đó, quân của tướng Bradley tiến như vũ bão, giành hết chiến thắng này đến chiến thắng khác. Thành quả của họ đã thổi bùng lên trí tưởng tượng của công chúng Mỹ, và giờ tướng Bradley đang tìm một vai trò lớn hơn trong chiến dịch cuối cùng. Về mặt này, Bradley và các tướng lĩnh của ông cũng không khác Montgomery là mấy: họ cũng muốn có uy danh và vinh quang được kết thúc chiến tranh – và nếu có cơ hội thì chiếm Berlin.

Ngay lúc này, Eisenhower đã hứa sẽ phát động một cuộc tiến công lớn về phía Đông, nhưng ông vẫn chưa xác định cánh quân nào – hay là những cánh quân nào – sẽ đảm nhiệm cuộc tiến công cuối cùng. Giờ, trước khi ra quyết định, Eisenhower phải cân nhắc đến nhiều yếu tố, tất cả đều có ảnh hưởng đến kế hoạch tấn công cuối cùng của ông.

Đầu tiên là tốc độ tiến quân nhanh không ngờ của quân Nga về hướng sông Oder. Vào lúc ngài Tư lệnh Tối cao lập kế hoạch cho cuộc tấn công sông Rhine và cuộc tấn công của Montgomery vào phía bắc vùng Ruhr, có vẻ như quân Nga sẽ phải mất nhiều tháng liền mới có thể vượt qua được

khoảng cách xa xôi dẫn tới Berlin.

Nhưng giờ Hồng quân chỉ cách thành phố không đầy 38 dặm – trong khi quân Anh-Mỹ vẫn còn cách hơn 200 dặm nữa. Chừng nào thì quân Nga sẽ phát động tấn công? Bọn họ định sắp đặt tấn công ở đâu và như thế nào – Phương diện quân của Zhukov ở trung tâm, đối diện Berlin, hay là cả ba Phương diện quân đồng loạt tấn công? Ước tính của quân Nga về sức mạnh của quân Đức kháng cự là bao nhiêu, và Hồng quân sẽ mất bao lâu để vượt qua hàng phòng ngự đó? Và sau khi vượt sông Oder, quân Liên Xô sẽ mất bao lâu mới tới được Berlin rồi chiếm lấy nó? Vị Tư lệnh Tối cao không thể trả lời được những câu hỏi này, mà tất cả đều cực kỳ quan trọng trong kế hoạch của ông.

Sự thật đơn giản là Eisenhower hầu như chẳng biết tí gì về ý định của Hồng quân. Không hề có sự phối hợp quân sự hàng ngày giữa các tư lệnh Anh-Mỹ và Liên Xô ngoài chiến trường. Đến cả một đường liên lạc vô tuyến trực tiếp giữa SHAEF và phái bộ liên lạc quân sự Anh-Mỹ tại Moscow cũng không có. Mọi liên lạc giữa hai mặt trận đều trao đổi thông qua các kênh ngoại giao thông thường – một phương pháp hoàn toàn không phù hợp vào lúc này, tình hình diễn biến quá nhanh. Dù Eisenhower biết được sức mạnh ước chừng của quân Nga, ông không biết thứ tự chiến đấu của họ.

Ngoài các dữ liệu thỉnh thoảng có được từ nhiều nguồn tin tình báo khác nhau – phần lớn có độ chính xác không cao^[25] - nguồn tin chính của SHAEF về các bước tiến của quân Nga đến từ các thông cáo của Liên Xô do đài BBC phát sóng mỗi tối.

Tuy nhiên, có một điều hiển hiện rõ ràng: Hồng quân sắp tới được Berlin. Quân Nga đã tới gần như vậy rồi, liệu ngài Tư lệnh Tối cao có nên cố giành thành phố nữa không?

Vấn đề này có rất nhiều phương diện. Quân Nga đã dừng ở sông Oder hơn hai tháng, và trừ một vài bước tiến cục bộ cùng các hoạt động tuần tra thì có vẻ như họ đã hoàn toàn ngừng lại. Các kênh tiếp tế và liên lạc của họ hẳn đang bị kéo căng hết mức, và có lẽ họ sẽ không thể tấn công cho tới

chùng nào băng tan vào mùa xuân. Trong khi đó, các cánh quân phương Tây lại di chuyển với tốc độ kinh hoàng, đang tiến ngày càng sâu vào trong lòng nước Đức. Trung bình có lúc họ tiến được hơn 35 dặm một ngày. Ngài Tư lệnh Tối cao không định bỏ cuộc, dù kế hoạch của quân Nga có là gì đi nữa. Nhưng ông hơi do dự khi bước vào cuộc đua giành Berlin với Nga. Đó có thể không chỉ là sự bẽ mặt của bên thua cuộc mà còn là tai họa cho cả hai bên, nếu các đoàn quân đang lao tới bất ngờ dừng độ.

Trước đó quân Nga từng có một cuộc xung đột kinh khủng, khi Nga vẫn còn là đồng minh trên hiệp ước với Đức. Năm 1939, sau cuộc tấn công chớp nhoáng không báo trước của Hitler vào Ba Lan, để rồi sau đó Đức và Nga chia đôi đất nước này, quân Đức tiến về phía đông đã đụng độ Hồng quân đang tiến về phía Tây: đường phân ranh giới vẫn chưa được thiết lập. Kết quả dẫn tới một trận chiến nhỏ, và cả hai bên đều chịu thương vong nặng nề. Giờ một cuộc xung đột tương tự có thể xảy ra, nhưng là giữa quân Anh-Mỹ với quân Nga – và ở quy mô lớn hơn thế nhiều. Đó quả là một cơn ác mộng. Các cuộc chiến đã dần bắt đầu. Rõ ràng cần phối hợp từng bước với Nga, và phải nhanh lên mới được.

Hơn nữa, có một vấn đề chiến thuật cứ luẩn quẩn trong đầu Eisenhower như một đám mây đông. Trong căn phòng bản đồ lớn gần văn phòng ông, có một tấm bản đồ tình báo được vẽ cẩn thận, mang cái tên huyền thoại “Pháo đài quốc gia.” Trên đó là một vùng núi nằm phía nam Munich và trải dài trên vùng núi xứ Bavaria, phía tây nước Áo và phía bắc Italy. Về tổng thể, nó có diện tích khoảng 20.000 dặm vuông. Trung tâm nơi đó là Berchtesgaden. Ở vùng Obersalzberg gần đó – bao quanh bởi các ngọn núi cao từ 2.100 đến 2.700 m, mỗi ngọn đều có những khẩu súng phòng không đã ngụy trang nằm rải rác – là chỗ trú ẩn trên đỉnh núi của Hitler, “Eagle’s Nest.”

Các chấm đỏ phủ kín bề mặt bản đồ, mỗi cái là một ký hiệu quân sự biểu thị một dạng bố phòng nào đó. Có các kho quân sự tạm thời chứa hóa chất, xăng dầu, đạn dược và lương thực; các trạm năng lượng và vô tuyến; các điểm tập trung quân, trại lính và sở chỉ huy; các đường cứ điểm hình zigzag, từ những công sự bê tông ngầm cho tới các boongke bê tông to lớn;

thậm chí có cả các nhà máy ngầm chống bom.

Giờ cứ mỗi ngày qua lại có thêm nhiều ký hiệu trên tấm bản đồ, và dù tất cả số đó đều có nhãn “chưa xác định,” đối với SHAEF, hệ thống phòng thủ kiên cố ở vùng núi này là mối đe dọa lớn nhất còn lại trong cuộc chiến tại châu Âu. Khu vực này có khi được gọi là Alpenfestung, Pháo đài Alpine hay “Pháo đài quốc gia.”

Theo tình báo, trong thành lũy hiểm trở này, bọn Nazi, với Hitler là đầu lĩnh, định chiến đấu tới cùng. Thành trì vững chãi này được coi là gần như bất khả xâm phạm và lực lượng cố thủ cuồn cuộn bên trong có thể cầm cự được chừng hai năm. Có một khía cạnh khác thậm chí còn đáng sợ hơn; là các lực lượng kiểu đặc công được huấn luyện đặc biệt – Goebbels gọi bọn họ là “Người sói” – có thể xông ra từ pháo đài trên núi và gây nguy hiểm cho các đội quân chiếm đóng.

Liệu Alpenfestung có tồn tại thật không? Có vẻ như giới chức quân sự ở Washington nghĩ vậy. Thông tin được tích lũy từ hồi tháng 9. Năm 1944, trong một bài nghiên cứu chung về miền nam nước Đức, Ban Chiến lược (OSS) đã dự đoán rằng khi chiến tranh gần đi vào hồi kết, quân Nazi có thể sẽ di tản các cơ quan chính phủ nhất định về Bavaria. Từ đó, các báo cáo và đánh giá tình báo liên tục đổ về, từ chiến trường, từ các nước trung lập, thậm chí từ các nguồn tin nằm trong nước Đức. Phần lớn các đánh giá này khá thận trọng, nhưng cũng có một số hơi bị ảo tưởng.

Ngày 12/2/1945, Bộ Chiến tranh đưa ra một tài liệu phản gián nghiêm trọng, nói rằng: “Các báo cáo về cứ điểm cuối cùng của Nazi có thể nằm ở vùng núi Alps ở Bavaria chưa được coi trọng đúng mức... Câu chuyện thần thoại của bọn Nazi, vốn rất quan trọng khi phải đối phó với những kẻ như Hitler, cần bị tiêu diệt triệt để.^[26] Cần chú ý là Berchtesgaden, nơi có thể là đại bản doanh, nằm ở khu lăng mộ của Barbarossa, kẻ đã trở về từ cõi chết theo thần thoại Đức.”^[27] Bản thông báo giục các tư lệnh chiến trường phải cảnh báo mỗi nguy “đến cấp quân đoàn.”

Ngày 16/2, các đặc vụ của Đồng minh ở Thụy Sĩ gửi về Washington một báo cáo kỳ dị, lấy được từ các tùy viên quân sự trung lập ở Berlin: “ Không

ngghi ngờ gì nữa, bọn Nazi đang chuẩn bị cho một cuộc chiến ác liệt từ pháo đài trên núi... Các điểm cố thủ được liên kết với nhau bằng đường sắt ngầm... chúng trữ sẵn số đạn dược tốt nhất, đủ dùng trong vài tháng, cùng với toàn bộ nguồn hơi độc của Đức. Tất cả những người tham gia xây dựng các cơ sở bí mật sẽ bị giết – kể cả những người dân còn lại ở đó... khi trận chiến thực sự bắt đầu.”

Dù cả các cơ quan tình báo Anh và OSS đều đưa ra các phát biểu can trọng nhằm làm dịu các bản báo cáo đáng sợ đó, trong 27 ngày sau đó, bóng ma của Pháo đài quốc gia vẫn lan truyền. Đến ngày 21/3, mối đe dọa đã bắt đầu ảnh hưởng đến tư duy chiến thuật. Sở chỉ huy của Cụm tập đoàn quân 12 của tướng Bradley đưa ra một thư báo có tựa đề “Tái định hướng chiến lược”, trong đó khẳng định các mục tiêu của Đồng minh đã thay đổi, nêu rằng “các kế hoạch mà chúng ta làm theo từ lúc còn ở bờ biển giờ đã lỗi thời.” Một trong các thay đổi đó là: tầm quan trọng của Berlin đã giảm đi nhiều. Bản báo cáo viết, “Vùng thủ đô không còn là vị trí quan trọng nữa... mọi dấu hiệu đều cho thấy đầu não quân sự và chính trị của địch đang chuyển về ‘Pháo đài’ ở hạ Bavaria.”

Để đối phó với mối đe dọa này, tướng Bradley đề nghị thay vì tấn công về phía bắc thì cụm tập đoàn quân của ông sẽ chia đôi nước Đức bằng cách tiến về vùng trung tâm. Điều này sẽ “ngăn quân Đức rút lui” về phía nam “vào trong Pháo đài.” Thêm nữa, nó sẽ đẩy quân địch “về phía bắc, ở đó chúng sẽ bị vây bởi bờ biển Baltic và biển Bắc.” Sau đó, bản báo cáo đề xuất rằng Cụm tập đoàn quân 12 sẽ quay về phía nam để giảm thiểu sức kháng cự còn lại của địch ở Alpenfestung.

Bản phân tích gây hoang mang nhất xuất hiện vào ngày 25/3, đến từ Trưởng ban Tình báo của Tập đoàn quân 7 của Trung tướng Patch, đang chiến đấu ở cánh phía nam mặt trận. Nó dự báo trong pháo đài có thể có “một lực lượng tinh nhuệ, chủ yếu là SS và quân miền núi, khoảng 200.000 đến 300.000 lính.” Bản báo cáo nói, đồ tiếp tế đã được đưa đến pháo đài bằng “ba đến năm đoàn tàu hỏa cực dài... mỗi tuần (từ tháng 1/1945)... Trong số đó, quan sát thấy có nhiều đoàn tàu có một loại súng mới trên đó...” Thậm chí bản báo cáo còn đề cập đến một nhà máy ngầm chế tạo

máy bay “có thể sản xuất... máy bay Messerschmitt.”^[28]

Ngày qua ngày, các báo cáo đổ về SHAEF. Dù các chứng cứ có được phân tích tới lui thế nào, bức tranh còn vẫn y nguyên: dù Alpenfestung có thể chỉ là một trò chơi khăm, nhưng cũng không thể lờ đi khả năng tồn tại của nó. Mỗi bận tâm của SHAEF được nêu rõ trong một đánh giá tình báo về pháo đài ngày 11/3:

“Trên lý thuyết... trong pháo đài này... được cả thiên nhiên và các vũ khí bí mật mạnh mẽ nhất vừa được phát minh, sức mạnh từ xưa đến nay đã giúp nước Đức sống sót để rồi phục sinh... Xu hướng phòng thủ chính của Đức có vẻ là bảo vệ vùng núi Alps... Bằng chứng cho thấy một số lượng lớn quân SS và đơn vị đặc biệt đang rút lui có hệ thống về Áo... Có vẻ khá chắc chắn là một số cơ quan và cá nhân quan trọng nhất của bộ máy Nazi đã được thiết lập tại pháo đài... Goering, Himmler, Hitler... được cho là đang rút lui về các thành trì riêng trong núi...”

Trưởng ban Tình báo của SHAEF, Thiếu tướng Kenneth W. D. Strong của Anh, nhận xét với ngài Tham mưu trưởng:

“Có thể pháo đài không có ở đó, nhưng chúng ta phải tiến hành các bước nhằm ngăn không cho nó có ở đó.” Bedell Smith cũng đồng ý. Theo ông, có “đủ lý do để tin rằng bọn Nazi định xây chốn cố thủ cuối cùng trong núi.”

Khi các quan điểm đã cân nhắc của các thành viên SHAEF và các tư lệnh chiến trường của Mỹ nằm chắt đóng trong văn phòng Eisenhower, thì thông điệp đáng chú ý nhất xuất hiện.

Nó đến từ cấp trên của ngài Tư lệnh Tối cao, Đại tướng Marshall, người Eisenhower tôn kính hơn hết thảy.^[29]

Bức điện của Marshall viết:

“Từ các báo cáo chiến dịch hiện tại, có vẻ như hệ thống phòng thủ của Đức ở phía tây có thể sẽ sụp đổ. Điều này sẽ cho phép anh đưa kha khá sư đoàn tiến nhanh về phía đông trên một mặt trận rộng lớn. Quan điểm của anh về việc... xem nào, đưa quân tiến nhanh theo trục Nuremberg-Linz hay Karlsruhe-Munich là như thế nào? Ý tưởng đằng sau việc này là... hành động nhanh chóng có thể ngăn ngừa sự hình thành của bất kỳ vùng kháng

cự có tổ chức nào. Vùng núi phía nam được xem là một trong những nơi có khả năng.

“Một trong những vấn đề nổi lên bên cạnh sự kháng cự rời rạc của quân Đức là việc độn độ quân Nga. Anh nghĩ sao về việc kiểm soát và phối hợp để ngăn các trường hợp không may...? Có một khả năng là thiết lập đường phân ranh thống nhất. Các cách sắp xếp hiện có của ta... chưa tương xứng... cần tiến hành các bước cung ứng liên lạc ngay, không được trì hoãn...”

Thông điệp với lời lẽ cẩn trọng của Marshall cuối cùng cũng giúp kế hoạch của ngài Tư lệnh Tối cao hình thành. Sau khi cân nhắc mọi vấn đề, hội ý với ban tham mưu, thảo luận tình hình suốt nhiều tuần lễ với ông bạn già và cũng là bạn cùng lớp ở West Point^[30], Đại tướng Bradley, và quan trọng nhất là đã quen với các quan điểm của người cấp trên, giờ Eisenhower đã định hình được chiến lược và ra quyết định.

Vào buổi chiều tháng ba lạnh lẽo đó, ông soạn ba bức điện. Bức đầu tiên rất nổi tiếng trong lịch sử và chưa từng có tiền lệ: nó được gửi đến Moscow, cùng một tin nhắn kèm theo gửi đến Phái bộ Quân sự Đồng minh. Eisenhower viết rằng các chiến dịch của SHAEF đã tới giai đoạn “mà tôi cần được biết kế hoạch của Nga để đạt được thành công nhanh nhất.” Do đó, ông muốn Phái bộ phải “đưa một thông điệp cá nhân từ tôi gửi đến Đại nguyên soái Stalin” và bằng mọi giá “tìm cách hỗ trợ để được hồi âm đầy đủ.”

Trước đó, ngài Tư lệnh Tối cao chưa từng liên lạc trực tiếp với nhà lãnh đạo Xô Viết, nhưng giờ tình thế rất cấp bách. Ông đã được trao quyền thương lượng trực tiếp với Nga về các vấn đề quân sự có liên quan đến việc phối hợp, vậy nên Eisenhower thấy chẳng có lý do đặc biệt gì cần phải hội ý trước với Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ hay chính phủ Mỹ và Anh. Thực vậy, đến cả Phó Tư lệnh Tối cao là Chánh Thống chế Không quân Sir Arthur Tedder cũng chẳng hề hay biết gì. Tuy vậy, họ vẫn được xem các bản sao đã chuẩn bị sẵn cho mình.

Ngài Tư lệnh Tối cao chấp thuận bản thảo của bức điện gửi cho Stalin

vào lúc 3 giờ hơn. Lúc 4 giờ chiều, sau khi đã mã hóa xong, “Thông điệp cá nhân gửi Đại nguyên soái Stalin” của Eisenhower được gửi đi. Trong đó, ngài Đại tướng hỏi về kế hoạch của ngài Tổng tư lệnh, đồng thời trình bày kế hoạch của mình. Ông viết:

“Chiến dịch hiện tại của tôi được thiết kế để bao vây và tiêu diệt quân địch đang phòng thủ ở sông Ruhr... Tôi đoán giai đoạn này... sẽ kết thúc vào cuối tháng tư, thậm chí còn sớm hơn nữa, và nhiệm vụ kế tiếp của tôi sẽ là chia cắt lực lượng còn lại của địch bằng cách chung tay với quân của ngài... Tốt nhất là hợp quân theo trục Erfurt-Leipzig-Dresden. Tôi tin là... các cơ quan đầu não trong chính phủ Đức đang chuyển đến vùng này. Tôi định sẽ tấn công chủ yếu dọc theo trục này. Bên cạnh đó, một cuộc tiến công thứ hai sẽ được thực hiện để hợp quân với quân của ngài ở Regensburg-Linz càng sớm càng tốt, từ đó ngăn lực lượng kháng cự của Đức hợp nhất lại ở Pháo đài miền nam nước Đức.

Trước khi quyết định chắc chắn về kế hoạch của tôi, quan trọng nhất là cần phối hợp... với kế hoạch của ngài, cả về thời gian và phương hướng. Ngài có thể... cho tôi biết dự định của mình và... kế hoạch dự kiến được phác thảo ... có phù hợp với hành động sắp tới của ngài không. Tôi thấy nếu chúng ta muốn tiêu diệt hoàn toàn quân Đức không chút chậm trễ, thì việc phối hợp hành động và... hoàn chỉnh đường dây liên lạc giữa các lực lượng đang hành quân của chúng ta... là vô cùng thiết yếu...”

Sau đó, ông chuẩn bị các bức điện gửi cho Marshall và Montgomery. Các bức điện này được gửi đi vào lúc 7 giờ tối, cách nhau 5 phút. Eisenhower nói với Tham mưu trưởng Hoa Kỳ rằng ông đã liên lạc với Stalin “về vấn đề phải hội quân ở đâu...” Rồi ông chỉ ra rằng “quan điểm của tôi tương tự với ngài, dù tôi cho là vùng Leipzig-Dresden quan trọng hơn...” vì nó là “tuyến đường ngắn nhất để tới chỗ quân Nga” và cũng sẽ “băng qua một vùng công nghiệp còn lại của Đức... được cho là nơi Bộ Tư lệnh Tối cao và các bộ đang chuyển đến.”

Đối với mối lo ngại của Marshall về “Pháo đài Quốc gia,” Eisenhower báo cáo rằng ông biết rõ “tầm quan trọng của việc chặn trước khả năng để địch hình thành các vùng kháng cự có tổ chức” và sẽ tiến hành “một cuộc

tiến công về phía Linz và Munich ngay khi tình hình cho phép.” Về việc phối hợp với quân Nga, Eisenhower nói thêm, ông không cho là “chúng ta có thể ràng buộc bản thân vào một đường ranh giới” nhưng sẽ tiếp cận bọn họ bằng lời đề nghị “khi quân hai bên gặp nhau, mỗi bên sẽ rút về vùng chiếm đóng của mình khi bên kia yêu cầu.”

Bức điện thứ ba trong ngày của Eisenhower, gửi cho Montgomery, mang theo tin tức khá thất vọng. Ngài Tư lệnh Tối cao nói “Ngay khi anh hội quân với Bradley... [phía đông sông Ruhr]... Tập đoàn quân 9 Hoa Kỳ sẽ chuyển qua cho Bradley chỉ huy. Bradley sẽ chịu trách nhiệm càn quét vùng Ruhr và đưa mũi tấn công chủ đạo của ông ấy đi theo trục Erfurt-Leipzig-Dresden để phối hợp với Nga trong thời gian ngắn nhất...”

Montgomery sẽ tiến về sông Elbe; tại đó “Tập đoàn quân 9 sẽ giao lại cho anh chỉ huy để thuận tiện vượt qua chướng ngại vật đó.” Sau khi đọc qua bản thảo, Eisenhower viết thêm một dòng cuối bằng bút chì, “Như anh đã nói, tình hình có vẻ khả quan.”

Ngài Tư lệnh Tối cao đã sửa đổi kế hoạch của mình về phạm vi này: thay vì tấn công chủ lực vào miền bắc nước Đức như ban đầu đã định, ông đã quyết định tấn công thẳng vào trung tâm. Tập đoàn quân 9 được giao lại cho Bradley, giờ đây nắm vai trò chính. Bradley sẽ phát động cuộc tấn công cuối cùng, nhằm đưa quân đến vùng Dresden, cách Berlin 100 dặm về phía nam.

Dù Eisenhower đã chấp nhận một số đề xuất của Marshall, tiến trình của ông lại giống với đề xuất của Cụm Tập đoàn quân 12 của Đại tướng Bradley nêu trong bản thư báo “Tái định hướng chiến lược.” Nhưng trong cả ba bức điện của Eisenhower về kế hoạch cho chiến dịch của ông, có một điều bỏ sót đáng chú ý: mục tiêu mà ngài Tư lệnh Tối cao từng xem là “phần thưởng chính.” Ông không hề nhắc tới Berlin.

Cổng Brandenburg sứt mẻ hiện lồ mờ trong đám bụi. Qua những ô cửa sổ đã bị một phần bằng ván của tòa biệt thự của mình, Tiến sĩ Goebbels

nhìn chăm chăm vào tượng đài. Người đứng đầu cơ quan tuyên truyền của Hitler, có bề ngoài trông như một con quỷ lùn, đứng quay lưng một cách khinh khinh với mấy người khách – ít ra thì người đang nói chuyện có vẻ là khách, Sĩ quan chỉ huy Berlin, Thiếu tướng Hellmuth Reymann. Ngài thiếu tướng đang cố xin quyết định về một vấn đề mà ông cho là cấp bách nhất: số phận của cư dân trong thành phố trước khi trận chiến bắt đầu.

Đây là lần thứ tư trong tháng tướng Reymann cùng Tham mưu trưởng của ông là Đại tá Hans Refior gặp mặt Goebbels.

Ngoài Hitler, giờ Goebbels, 47 tuổi, là nhân vật quan trọng nhất Berlin. Ông ta không chỉ là Bộ trưởng Bộ Thông tin Quần chúng và Tuyên truyền; mà còn là Tỉnh trưởng Berlin. Ông ta là Ủy viên Bộ Quốc phòng Đức, chịu trách nhiệm về mọi phương diện của cư dân thành phố, tổ chức và huấn luyện Lực lượng Phòng vệ Hậu phương và xây dựng các công sự. Giữa lúc thiếu sự rạch ròi về quyền hạn giữa các cơ quan quân sự và dân sự, khiến các nhà lãnh đạo trong quân và dân phải lúng túng, Goebbels khiến tình hình càng thêm rối rắm.

Dù hoàn toàn làm ngơ các vấn đề quân sự hoặc đô thị, ông ta lại vạch rõ rằng mình sẽ là người duy nhất có trách nhiệm bảo vệ Berlin. Kết quả là tướng Reymann nhận thấy mình đang ở trong một vị trí tiến thoái lưỡng nan. Ông phải nhận chỉ thị từ ai – từ Bộ chỉ huy quân sự của Hitler hay từ Goebbels? Ông không chắc, và có vẻ chẳng ai muốn làm rõ vị trí chỉ huy là của ai. Reymann muốn phát điên.

Ở các cuộc gặp trước, Reymann đã đưa ra vấn đề sơ tán. Ban đầu, Goebbels nói “không thể được.” Rồi ông ta nói với viên thiếu tướng rằng đã có sẵn kế hoạch rồi, do “các quan chức SS cấp cao hơn và cảnh sát” chuẩn bị.

Tham mưu trưởng của tướng Reymann nhanh chóng điều tra ra. Đại tá Refior đã tìm ra kế hoạch đó. Ông nói với Reymann, “Nó gồm một tấm bản đồ, tỷ lệ 1:300.000, trên đó ghi người chịu trách nhiệm là một đại úy cảnh sát, có đánh dấu các tuyến đường sơ tán ra khỏi Berlin theo hướng tây và hướng nam bằng mực đỏ.”

Ông báo cáo, “Trên đó không hề có trạm y tế, không có kho lương,

không có phương tiện vận tải dành cho người đau yếu.”

Ông nói thêm, “theo như tôi thấy, kế hoạch yêu cầu người tản cư tập hợp trên các tuyến đường đó, chỉ mang theo hành lý xách tay, đi 20 đến 30 km tới các ga tàu hỏa, từ đó họ được đưa tới Thüringen, Sachsen-Anhalt và Mecklenburg. Mọi việc sẽ bắt đầu tiến hành khi Goebbels nhấn nút. Nhưng vẫn chưa rõ tàu sẽ xuất phát từ đâu.”

Reymann cố thảo luận vấn đề với Hitler. Ông chỉ mới gặp Hitler hai lần: vào ngày nhậm chức và sau đó mấy ngày, khi ông được mời đến sự một buổi họp tối của Quốc trưởng. Trong buổi họp đó, đề tài thảo luận chủ yếu là về mặt trận sông Oder và Reymann không có cơ hội giải thích về tình hình Berlin.

Nhưng vào một quãng tạm lắng trong buổi họp, ông đã nói chuyện với Hitler và giục ông ta nhanh chóng ra lệnh sơ tán toàn bộ trẻ em dưới mười tuổi của thủ đô. Một sự im ắng đột ngột phủ xuống sau lời đề xuất của Reymann, rồi Hitler quay qua phía ông và lạnh lùng hỏi, “Ý anh là sao? Chính xác thì ý anh là sao?” Rồi ông ta nói, chậm chậm nhấn mạnh từng chữ, “Ở Berlin không còn đứa con nít nào trong độ tuổi đó nữa!” Không ai dám cãi lại ông ta. Hitler nhanh chóng chuyển qua chuyện khác.

Lời khước từ đó không làm viên sĩ quan chỉ huy Berlin thoái chí. Giờ Reymann quay qua hỏi Goebbels về đề tài tương tự. Ông nói, “Thưa ngài bộ trưởng, làm sao ta hỗ trợ người dân khi bị bao vây? Ta sẽ cung ứng lương thực như thế nào? Lương thực từ đâu mà có? Theo số liệu của thị trưởng thì bây giờ trong thành phố có 110.000 trẻ em dưới mười tuổi cùng với mẹ của chúng. Làm sao ta cung cấp sữa cho em bé?”

Reymann dừng lại, chờ câu trả lời. Goebbels tiếp tục nhìn ra ngoài cửa sổ. Rồi ông ta gắt gỏng mà không hề quay lại: “Làm sao cung ứng lương thực à? Chúng ta sẽ đưa vật nuôi từ vùng nông thôn xung quanh về đây – đó là cách ta cung ứng lương thực đấy! Về bọn trẻ con, ta vẫn còn một lượng sữa hộp đủ dùng trong ba tháng.”

Sữa hộp là một tin tức mới đối với Reymann và Refior. Còn vụ vật nuôi có vẻ hơi bị điên. Trong cuộc chiến, bò dễ bị thương hơn người, ít ra người ta còn đi trú được. Goebbels định nuôi chúng ở đâu? Và chúng sẽ ăn cái gì?

Reymann sốt sáng:

“Chắc chắn là ta phải cân nhắc về kế hoạch sơ tán trước mắt cái đã. Ta không thể chờ lâu hơn được nữa. Mỗi ngày trôi qua thì mọi chuyện càng khó khăn thêm. Ít nhất bây giờ chúng ta cũng phải sơ tán phụ nữ và trẻ em – trước khi quá muộn.”

Goebbels không đáp. Im lặng thật lâu. Ngoài kia trời đang tối dần. Đột nhiên ông ta đứng lên, tóm lấy sợi dây bên cửa sổ rồi kéo mạnh một cái. Tấm rèm tối lạch cạch khép lại. Goebbels quay lại. Bị tật bẩm sinh ở chân, ông ta đi khập khiễng tới chỗ bàn làm việc, bật đèn, nhìn chiếc đồng hồ đeo tay đặt trên mảnh vải lót, rồi nhìn Reymann.

Ông ta nhẹ nhàng nói:

“Ngài thiếu tướng thân mến của tôi ời, tôi là người quyết định khi nào cần sơ tán, và liệu có cần hay không.”

Rồi ông ta gầm gừ:

“Nhưng tôi không định khiến cả Berlin sợ hãi bằng cách ra lệnh ngay bây giờ! Còn cả một đồng thì giờ! Cả một đồng thì giờ!”

Và ông ta đuổi khách:

“Chào tạm biệt các quý ông.”

Khi Reymann và Refior rời khỏi tòa biệt thự, họ dừng lại một chút chỗ bậc thềm. Tướng Reymann nhìn bao quát thành phố. Dù còi báo động không kích chưa vang lên, đằng xa đã thấy đèn pha dò tìm rọi lên bầu trời đêm.

Chầm chậm đeo găng tay, Reymann nói với Refior:

“Chúng ta đang phải đối mặt với một nhiệm vụ mà ta không thể giải quyết được; cũng không có cơ hội thành công. Tôi chỉ có thể hi vọng sẽ có phép màu xảy ra để thay đổi vận mệnh của chúng ta, hoặc là chiến tranh sẽ kết thúc trước khi Berlin bị bao vây.”

Ông nhìn người Tham mưu trưởng của mình. Rồi ông nói thêm:

“Nếu không, chỉ có Chúa mới cứu được Berlin.”

Không lâu sau đó, tại bộ chỉ huy của mình nằm ở Hohenzollerndamm, Reymann nhận được một cuộc điện thoại từ OKH (Bộ Tư lệnh Lục quân Tối cao).

Ngoài ngài Tư lệnh Tối cao Hitler và ngài Tỉnh trưởng Berlin Goebbels, giờ Reymann được biết mình còn là thuộc cấp của một người nữa. Ông được cho biết đã có sắp xếp là Vùng Phòng ngự Berlin sẽ do Cụm Tập đoàn quân Vistula và tư lệnh của nó là Thượng tướng Gotthard Heinrici chỉ huy. Reymann thấy tia hi vọng đầu tiên xuất hiện ngay khi nghe đến tên Heinrici. Ông bảo Refior tóm tắt tình hình cho ban tham mưu của Cụm Tập đoàn quân Vistula sớm nhất có thể. Chỉ có một điều làm ông lo lắng. Ông không biết tướng Heinrici thấy thế nào khi vừa phải bảo vệ Berlin, vừa lo cầm cự với quân Nga bên sông Oder. Reymann biết Heinrici khá rõ. Ông có thể tưởng tượng ra phản ứng của Giftzweg khi ông ta nghe được tin này.

Heinrici gầm lên, “Thật ngu xuẩn! Quá sức ngu xuẩn!”

Tham mưu trưởng mới của Cụm Tập đoàn quân Vistula, Trung tướng Eberhard Kinzel, và Tư lệnh hành quân, Đại tá Hans Eismann, nhìn nhau rồi im lặng.

Chẳng có gì để nói cả. “Ngu xuẩn” là đã nói nhẹ đi rồi. Việc giao Vùng Phòng thủ Berlin cho tướng Heinrici, vốn đang chịu sức ép rất lớn chỉ huy vào thời điểm đặc biệt thế này có vẻ như khiến cả hai sĩ quan không thể hiểu nổi. Họ cũng không thể hiểu làm sao Heinrici có thể chỉ đạo, thậm chí là nhìn qua kế hoạch phòng thủ của Reymann. Nội chuyện khoảng cách cũng đủ khiến nó bất khả thi rồi; Bộ chỉ huy của Vistula cách Berlin hơn 50 dặm. Và rõ ràng là người đề ra ý tưởng này không biết tí gì về các vấn đề khó nhằn mà Heinrici đang phải đương đầu.

Trước đó, cũng trong tối hôm ấy, các sĩ quan trong ban chiến dịch của OKH (Bộ Tư lệnh Lục quân Tối cao) đã cẩn thận trình bày về việc bảo vệ Berlin với Kinzel. Ý tưởng đó được đưa ra khá rụt rè – gần như một lời đề nghị. Giờ, khi Heinrici rào bước quanh văn phòng, bùn ở ngoài chiến trường vẫn còn bám trên chiếc xà cạp lổ mọt, ông làm rõ cho các thuộc cấp hiểu là ông chỉ xem kế hoạch này là một lời đề nghị mà thôi. Cụm Tập đoàn quân Vistula chỉ có một nhiệm vụ: khiến quân Nga dừng bước bên sông Oder. Heinrici nói, “Trừ khi bị bắt buộc, còn không thì tôi không định nhận trách nhiệm về Berlin đâu.”

Điều đó không có nghĩa là ông không biết gì về tình cảnh tuyệt vọng của

dân cư trong thành phố. Thực ra, vận mệnh của gần ba triệu người dân Berlin thường xuất hiện trong suy nghĩ của Heinrici. Ông bị ám ảnh trước khả năng Berlin biến thành chiến trường; ông biết rõ hơn ai hết chuyện gì sẽ xảy ra với người dân bị kẹt lại trước họng pháo và những giao tranh trên đường phố. Ông tin là bọn Nga chẳng có chút lòng thương, và giữa đỉnh điểm cuộc chiến, ông không mong gì là chúng có thể phân biệt giữa dân với lính. Tuy vậy, lúc này ông không thể nào đảm nhiệm vấn đề Berlin và cư dân của nó được.

Cụm Tập đoàn quân Vistula là rào cản duy nhất giữa Berlin và quân Nga, và như thường lệ, mối quan tâm chính của Heinrici là lính của ông. Giftzweg hay cầu nhàu và hiếu chiến đang điên tiết với Hitler và người đứng đầu OKH, Guderian, vì ông coi đó là hy sinh mạng sống của lính của ông một cách có chủ đích.

Quay qua Kinzel, ông nói: “Gọi Guderian cho tôi.”

Từ lúc nhậm chức một tuần trước đó, Heinrici luôn ở ngoài mặt trận. Ông đi lại không biết mệt giữa các Bộ chỉ huy, sắp xếp chiến lược với các tư lệnh sư đoàn, đến thăm lính trong các hầm trú ẩn và boongke.

Ông nhanh chóng khám phá ra các mối nghi ngờ của mình là đúng: lực lượng của ông chỉ là các tập đoàn quân trên danh nghĩa. Ông kinh hoàng nhận ra phần lớn các đơn vị được đắp vào bằng các nhóm quân rời rạc và phần tàn dư của các sư đoàn danh tiếng một thời nhưng đã bị tiêu diệt từ lâu.

Trong số đó, Heinrici còn phát hiện ra có những đơn vị không phải là người Đức. Có các sư đoàn mang tên “Na Uy” và “Hà Lan” gồm những tình nguyện viên người Na Uy và Hà Lan theo chủ nghĩa Nazi, và một sư đoàn gồm các tù nhân chiến tranh người Nga, do một quân nhân tài ba, từng phòng thủ ở Kiev lãnh đạo, là Trung tướng Andrei A. Vlasov. Sau khi đầu hàng vào năm 1942, ông được thuyết phục tổ chức một đội quân Nga chống Stalin, ủng hộ Đức. Đội quân của Vlasov khiến Heinrici rất lo lắng: ông nghi họ sẽ đào ngũ ngay khi có dịp.

Một vài sư đoàn thiết giáp của Heinrici vẫn còn ngon lành, và ông phụ thuộc vào họ khá nhiều. Nhưng bức tranh toàn cảnh vẫn ảm đạm quá đổi.

Các báo cáo tình báo cho thấy quân Nga có khoảng ba triệu lính.

Heinrici có tổng cộng khoảng 482.000 quân nằm giữa Tập đoàn quân Thiết giáp 3 của tướng Von Mateuffel ở phía bắc và Tập đoàn quân 9 của tướng Busse ở phía nam, và hầu như không có quân dự bị.

Không chỉ cực kỳ thiếu quân đã qua huấn luyện, Heinrici còn lâm vào cảnh thiếu thốn trang thiết bị và đồ tiếp tế. Ông cần xe tăng, súng tự động, thiết bị liên lạc, pháo, xăng, đạn dược, và cả súng trường nữa. Nguồn tiếp tế thiếu thốn đến nỗi Đại tá Eismann, tư lệnh hành quân, phát hiện ra là thay cho súng trường, người ta đã gửi đến mặt trận mấy khẩu súng chống tăng kiểu bazooka – và trong số vũ khí đó có mỗi một khẩu súng phóng lựu.

Eismann nói với Heinrici:

“Điên hết rồi! Làm sao lính của ta có thể đánh tiếp sau loạt đạn đầu tiên? OKH muốn họ phải làm gì cơ chứ - dùng mấy khẩu súng hết đạn làm dùi cui à? Khác gì giết người.”

Heinrici đồng ý.

“OKH muốn người ta chờ xem số mệnh sẽ đem đến cho họ điều gì. Tôi thì không.”

Bằng mọi cách có thể trong quyền hạn của mình, Heinrici đang cố cứu chữa tình hình trang thiết bị của ông, dù nhiều món đã biến mất.

Thứ ông thiếu nhất là đạn dược. Quân Nga đang bắt đầu xây cầu vượt sông Oder và mấy vùng đầm lầy lân cận. Ở một số chỗ, mực nước sông dâng lên vì lũ, rộng tới hơn hai dặm. Lực lượng hải quân đặc biệt do Heinrici chỉ huy đã thả thủy lôi dọc theo dòng sông để phá hủy các cầu phao, nhưng quân Nga ngay lập tức phản công bằng cách dựng các tấm lưới bảo vệ. Đánh bom mấy chỗ xây cầu từ trên không thì không thể được. Các quan chức không quân đã trình bày với Heinrici là họ không có cả máy bay lẫn xăng để thực hiện nhiệm vụ. Họ chỉ có thể cung cấp máy bay một chỗ ngồi để trinh sát. Chỉ còn một cách để ngăn quân Nga đang xây cầu như điên: dùng pháo. Mà Heinrici lại còn rất ít.

Để bù cho sự thiếu hụt đó, Heinrici đã ra lệnh dùng súng phòng không thay cho pháo. Dù như thế tức là lớp bảo vệ trước không kích của quân Nga trở nên yếu đi, nhưng Heinrici giải thích là dùng mấy khẩu súng đó ngoài

chiến trường sẽ có ích hơn. Và thực vậy, cách này đã làm dịu bớt tình hình.

Chỉ trong vùng Stettin không thôi, Tập đoàn quân Thiết giáp 3 của tướng Von Manteuffel đã cần tới 600 khẩu súng phòng không. Mỗi cái phải có bộ đỡ bê tông, vì chúng quá lớn và cồng kềnh, nên không thể đặt trên xe cộ bình thường, nhưng chúng cũng giúp lấp đầy chỗ trống. Dù đứng đó đầy vẻ đe dọa, chúng chỉ được bắn khi thực sự cần thiết. Tình hình thiếu hụt đạn được nghiêm trọng đến nỗi Heinrici quyết phải tiết kiệm số ít ỏi còn lại để dành cho lúc đánh nhau với quân Nga.

Ông vẫn hay nói với các sĩ quan của mình là “Dù không có đủ súng đạn để ngăn bọn Nga xây cầu, ít ra chúng ta cũng đang níu chân chúng lại.” Đại tá Eismann thấy tình hình bi quan hơn thế. Sau này ông nói, “Cụm Tập đoàn quân này giống như một con thỏ, đang bị thôi miên hoặc nhìn con rắn đang muốn nuốt chửng mình. Nó chẳng thể cử động nổi, chỉ biết chờ con rắn tấn công một cú nhanh như chớp... Tướng Heinrici không muốn thừa nhận sự thật là Cụm Tập đoàn quân này không thể làm được gì hiệu quả bằng chính sức nó nữa.”

Chỉ trong một tuần chỉ huy, Heinrici đã san bằng hàng tá khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua. Giống như hồi còn ở Moscow, ông phỉnh phờ và khích lệ quân lính, găm gù và khen ngợi họ, nhằm tăng cường ý chí chiến đấu, cũng là giúp ông có thêm thời giờ và giúp họ giữ được mạng. Dù cảm giác của ông ra sao đi nữa, đối với các sĩ quan và quân lính, ông là Heinrici huyền thoại không biết e sợ, không thể gục ngã. Và đúng như tính cách đó, ông vẫn đang chiến đấu với “sự điên rồ và thành kiến” của cấp trên.

Ngay bây giờ, cơn giận bùng bùng của ông đang nhắm vào Hitler và người đứng đầu OKH, Guderian. Ngày 23/3, Tập đoàn quân 9 của tướng Busse đã tấn công hai lần, nỗ lực đột phá để đến Küstrin đang bị cô lập, quân Nga đã bao vây nơi này từ ngày Heinrici nhậm chức từ Himmler. Heinrici đã đồng ý với chiến thuật của Busse. Ông thấy họ đã có cơ hội duy nhất để giải cứu thành phố trước khi quân Nga kịp củng cố vị trí. Nhưng quân Nga quá mạnh; cả hai cuộc tấn công đều tỏ ra là thảm họa.

Khi báo cáo tình hình cho Guderian, ông ta nói thẳng thừng: “Phải tấn công thêm lần nữa.” Hitler muốn thế; Guderian cũng vậy. Heinrici cứng rắn

đáp, “Thế là điên rồ. Tôi đề nghị lệnh cho các đơn vị thiết giáp ở Küstrin đột phá vòng vây. Đó là cách hợp lý nhất.”

Guderian nổi cáu. Ông hét lên, “Phải tấn công.” Ngày 27/3, tướng Busse lần nữa đưa quân vào Küstrin. Cuộc tấn công đó mãnh liệt tới mức một vài đơn vị thiết giáp của ông đã đột phá được vào thành phố. Nhưng rồi quân Nga dập tắt cuộc tấn công của quân Đức bằng hỏa pháo. Ở bộ chỉ huy, Heinrici không nói nên lời. Ông nói, “Cuộc tấn công đại bại. Tập đoàn quân 9 phải chịu tổn thất khủng khiếp mà chả được tích sự gì.”

Ngay cả bây giờ, vào ngày hôm sau, cơn giận của ông vẫn chưa nguôi. Trong lúc chờ gọi điện cho Guderian, ông rảo bước quanh văn phòng, liên tục lẩm bẩm hai chữ “Thất bại!” Không cần biết chuyện gì sẽ xảy ra cho cá nhân mình, Heinrici định buộc tội cấp trên vì đã gây ra vụ thảm sát tám nghìn người – cuộc tấn công vào Küstrin làm mất gần một sư đoàn – ngay khi Guderian gọi lại.

Điện thoại reo, Kinzel cầm máy. Ông nói với Heinrici:

“Lại là ở Zossen.”

Giọng nói trơn tru của Trung tướng Hans Krebs, Tham mưu trưởng của OKH vang lên, và đó không phải là người Heinrici mong gặp. Ông nói:

“Tôi đã nói là muốn nói chuyện với Guderian.”

Krebs lại nói lần nữa. Càng nghe, mặt Heinrici càng nghiêm lại. Hai sĩ quan nhìn ông và tự hỏi chuyện gì đang xảy ra. Heinrici hỏi “Hồi nào?” Ông lại nghe tiếp, rồi đột ngột nói “Cảm ơn” và cúp máy. Ông quay qua Kinzel và Eismann, lặng lẽ nói:

“Guderian không còn là người đứng đầu OKH nữa. Hitler vừa cách chức ông ấy chiều nay”.

Trước sự ngạc nhiên của hai sĩ quan, ông nói thêm:

“Krebs bảo Guderian bị ốm, nhưng ông ta cũng không biết rõ chuyện gì đã xảy ra.”

Cơn giận của Heinrici hoàn toàn bốc hơi hết. Ông chỉ nhận xét thêm một điều. Ông trầm ngâm nói:

“Thế này chẳng giống Guderian chút nào. Ông ấy thậm chí còn không nói lời tạm biệt.”

Khuya hôm đó, ban tham mưu của Heinrici mới có thể sắp xếp lại toàn bộ vụ việc. Chuyện Guderian bị cách chức diễn ra sau một trong các sự kiện điên rồ nhất từng có trong tòa nhà quốc hội. Buổi họp giữa ngày của Hitler bắt đầu khá lặng lẽ, nhưng trong đó có rất nhiều ý kiến thù địch không hề kiềm nén. Guderian đã viết một thư báo gửi Quốc trưởng, giải thích nguyên nhân thất bại của cuộc tấn công vào Küstrin. Hitler không chỉ khó chịu với giọng điệu của Guderian, mà còn bức bối trước sự bảo vệ của Guderian dành cho Tập đoàn quân 9 và đặc biệt là Đại tướng Busse. Quốc trưởng đã chọn Busse làm vật hy sinh và ra lệnh cho ông ta tham dự cuộc họp và làm một bản báo cáo đầy đủ.

Như thường lệ, các cố vấn quân sự hàng đầu của Hitler cũng tham dự.

Ngoài Guderian và Busse, còn có Tham mưu trưởng của Hitler, Keitel; Tư lệnh hành quân của ông ta, Jodl; sĩ quan quản trị của Quốc trưởng, Burgdorf; vài sĩ quan cao cấp khác và nhiều sĩ quan phụ tá.

Hitler nghe báo cáo tổng quát về tình hình hiện tại trong vài phút, rồi tướng Busse được mời trình bày bản báo cáo của ông. Ông bắt đầu bằng cách tóm tắt sơ bộ cuộc tấn công đã được phát động như thế nào và lực lượng nào đã tham gia. Hitler bắt đầu nổi nóng. Ông ta thình lình hét lên cắt ngang:

“Sao cuộc tấn công lại thất bại?”

Không dừng lại, ông ta tự trả lời luôn:

“Vì kém cỏi! Vì cầu thả!” Ông ta dùng cả đồng lời lẽ để chửi mắng Busse, Guderian và toàn bộ Bộ Tư lệnh Tối cao. Bọn họ đều là lũ “kém cỏi.” Ông ta quát mắng rằng cuộc tấn công vào Küstrin được phát động “mà không được chuẩn bị pháo binh thích đáng!” Rồi ông ta quay qua Guderian:

“Nếu Busse không có đủ đạn dược như anh nói – thì sao anh không cấp thêm cho ông ta?”

Im lặng một hồi. Rồi Guderian lặng lẽ nói. “Tôi đã giải thích với ngài rồi...” Hitler phẩy tay ngắt lời. Ông ta hét lên, “Giải thích! Kiểm soát! Anh chỉ biết có thế! Được! Vậy thì anh hãy nói tôi nghe, ai khiến ta thất vọng ở Küstrin – quân lính hay là Busse?”

Guderian thình lình sôi máu. Ông lắp bắp:

“Vớ vẩn! Hết sức vớ vẩn!”

Ông gần như khạc ra từng chữ. Nổi cơn thịnh nộ, gương mặt đỏ phừng phừng, ông bắn một tràng chỉ trích. Ông rống lên:

“Busse không có lỗi! Tôi đã nói với ông rồi! Ông ấy chỉ làm theo lệnh! Busse đã dùng toàn bộ số đạn ông ta có thể dùng! Toàn bộ số ông ta có!”

Cơn giận dữ của Guderian thật khủng khiếp. Ông vật lộn với từ ngữ. Ông nổi điên:

“Bảo là quân lính có lỗi ư – nhìn thương vong mà xem! Nhìn vào tổn thất kia! Quân lính đã làm đúng trách nhiệm của họ! Sự hi sinh của họ đã chứng tỏ điều đó!”

Hitler hét trả. Ông ta rống lên:

“Chúng đã thua! Chúng đã thua.”

Guderian rống lên hết cỡ, mặt tím rìm:

“Tôi yêu cầu ông... Tôi yêu cầu ông không được buộc tội Busse và quân của ông ấy nữa!”

Cả hai đều đã vượt xa khỏi tranh luận thông thường, nhưng họ không ngừng lại. Họ nhìn nhau, rồi lờ đi qua tiếng lại bằng những lời lẽ giận dữ và kinh khủng tới nỗi các sĩ quan và phụ tá ngây ra vì sốc. Hitler tổng sỉ vả Ban tham mưu, gọi bọn họ là “đồ chết nhát,” “đồ ngu,” và “đần độn.”

Ông ta quát mắng rằng họ lúc nào cũng “làm mê muội,” “báo tin sai” và “lừa dối” mình. Guderian thách thức Hitler dùng mấy từ “làm mê muội” và “báo tin sai.” Chẳng lẽ Đại tướng Gehlen trong Ban tình báo của ông đã “báo tin sai” về sức mạnh của quân Nga à? “Không!”

Guderian rống lên. Hitler vắn vẹo “Gehlen là một thằng ngu! - Mười tám sư đoàn bị bao vây vẫn đang kẹt ở vùng Baltic và Courland thì sao?”. Guderian hét lên, “Ai đã làm ông mê muội về bọn họ hả?”. Ông hỏi Quốc trưởng, “Chính xác thì ông định chừng nào mới giải cứu quân ở Courland?”

Cuộc tranh cãi ồn ào và dữ dội tới nỗi sau đó không ai nhớ chính xác phần sau của nó nữa. Đến cả Busse, thủ phạm vô tội của cuộc cãi vã, sau này cũng không thể kể cho Heinrich nghe chi tiết những gì đã diễn ra. Ông nói:

“Chúng tôi gần như đờ ra. Không thể nào tin được chuyện gì đang xảy

ra.”

Jodl là người đầu tiên hành động. Ông tóm lấy Guderian đang la hét, khẩn khoản:

“Làm ơn! Làm ơn bình tĩnh lại đi.”

Ông kéo Guderian qua một bên. Keitel và Burgdorf bắt đầu săn sóc cho Hitler, ông ta ngồi sụp xuống ghế, kiệt sức. Viên sĩ quan phụ tá đang kinh hãi của Guderian,

Thiếu tá Freytag von Loringhoven, chắc chắn là sắp mình sẽ bị bắt nếu ông không đưa Guderian ra khỏi phòng ngay sau đó, chạy ra ngoài và gọi cho Krebs đang ở Zossen, kể cho ông ta nghe chuyện vừa xảy ra. Von Loringhoven van nài Krebs hãy nói chuyện với Guderian qua điện thoại, vờ có tin cấp bách từ mặt trận và nói chuyện với ông ấy cho tới khi ngài Thượng tướng bình tĩnh lại.

Khá là khó khăn, nhưng Guderian cũng bị thuyết phục rời khỏi phòng. Krebs từng là sư phụ về nghệ thuật điều khiển thông tin cho phù hợp với tình hình, dễ dàng thu hút hoàn toàn sự chú ý của Guderian trong hơn mười lăm phút – và đến lúc đó thì Chỉ huy trưởng Bộ Tư lệnh Lục quân Tối cao đã kiểm soát được trở lại cảm xúc của mình.

Trong thời gian đó, Hitler cũng đã bình tĩnh lại. Khi Guderian quay lại, Hitler đang chủ trì cuộc họp như thể chưa có gì xảy ra. Thấy ông đi vào, Quốc trưởng ra lệnh mọi người trong phòng ra ngoài, trừ Keitel và Guderian.

Rồi ông ta lạnh lùng nói:

“Thượng tướng Guderian, vì lý do sức khỏe, ông cần đi nghỉ dưỡng bệnh sáu tuần ngay lập tức.”

Bằng một giọng vô cảm, Guderian nói, “Tôi sẽ đi.” Nhưng Hitler vẫn chưa nói xong. Ông ta ra lệnh, “Vui lòng chờ tới khi cuộc họp kết thúc.” Mấy tiếng sau, cuộc họp kết thúc. Vào lúc đó, Hitler tỏ vẻ rất quan tâm lo lắng. Ông ta nói, “Hãy cố mà khỏe lại nhé. Trong sáu tuần, tình hình sẽ rất nghiêm trọng đấy. Đến lúc đó tôi sẽ cần tới anh. Anh định đi đâu?” Keitel cũng muốn biết.

Nghi ngờ khi thấy bọn họ đột nhiên quan tâm, Guderian thận trọng quyết

định không nói cho họ kế hoạch của mình. Ông tìm cơ rời khỏi điện Reichskanzlei. Guderian đã đi. Nhà cải cách công nghệ thiết giáp, người cuối cùng trong số các vị tướng tên tuổi của Hitler đã đi; sự đánh giá đúng đắn trong Bộ Tư lệnh Cấp cao của Đức cũng biến mất theo ông, chẳng còn dấu tích.

Sáu giờ sáng hôm sau, thứ 5 ngày 29/3, Heinrici đã có lý do để tiếc nuối sự ra đi của Guderian. Ông vừa nhận được một bức điện thông báo rằng Hitler vừa chỉ định Krebs làm Chỉ huy trưởng của OKH. Krebs là một gã dẻo miệng, ủng hộ Hitler mù quáng, bị rất nhiều người căm ghét sâu sắc. Về Ban tham mưu của Vistula, tin tức bổ nhiệm này, cùng với sự ra đi của Guderian khiến bầu không khí trở nên ảm đạm. Tư lệnh hành quân, Đại tá Eismann tổng kết quan điểm phổ biến lúc đó. Sau này ông nhớ lại:

“Ông ta luôn nở nụ cười thân thiện, làm tôi liên tưởng đến một con hươu... đúng với dự đoán của bọn tôi. Krebs chỉ nói toàn mấy lời tự tin – thế là tình thế lại biến thành màu hồng. Ông ta sẽ ủng hộ Hitler hơn hẳn Guderian.”

Heinrici không bình luận gì về vụ bổ nhiệm. Sự bảo vệ mạnh mẽ của Guderian dành cho Busse đã cứu được ông này và sẽ không còn một cuộc tấn công tự sát nào vào Küstrin nữa. Vì thế, Heinrici cảm thấy biết ơn Guderian, dù trước đây ông vẫn hay bất đồng ý kiến với ông ta. Ông sẽ nhớ Guderian, vì ông biết Krebs từ hồi xưa, và không trông mong ông ta giúp được gì. Sẽ không còn một Guderian trực tính để chống lưng cho Heinrici mỗi khi ông gặp Hitler để thảo luận tình hình ở mặt trận sông Oder nữa. Ông sẽ phải gặp Quốc trưởng trong một cuộc họp kéo dài cả ngày vào thứ sáu ngày 6/4.

Vào lúc chín giờ hơn sáng 29/3, một chiếc xe hơi dừng bên ngoài tòa đại bản doanh chính của Cụm Tập đoàn quân Vistula, và viên Tham mưu trưởng Berlin có bờ vai rộng cùng thân hình cao hơn mét tám bước ra.

Đại tá Hans “Teddy” Refior mạnh mẽ đang rất mong được gặp Tham mưu trưởng của tướng Heinrici, Trung tướng Kinzel. Ông rất hi vọng là cuộc gặp sẽ diễn ra trôi chảy; được tướng Heinrici chỉ huy sẽ là điều tốt đẹp nhất có thể xảy ra đối với Vùng Phòng thủ Berlin. Mang theo một mớ bản

đồ và biểu đồ, đại tá Refior, 39 tuổi, to con vạm vỡ, bước vào trong nhà. Sau này ông viết trong nhật ký, dù đơn vị đóng ở Berlin khá nhỏ, nhưng Refior tin là tướng Heinrici “sẽ vui vẻ khi tăng thêm quân.”

Ngay khi gặp ngài Tham mưu trưởng thì ông bắt đầu đẩy lên những tia nghi ngờ đầu tiên. Lời chào của Kinzel khá thận trọng, dù không đến nỗi thiếu thân thiện. Refior đã hi vọng là ông bạn học cũ của mình là Đại tá Eismann sẽ có mặt – họ đã cùng bàn bạc về tình hình Berlin trong mấy tuần qua – nhưng chỉ có một mình Kinzel đón tiếp ông. Tham mưu trưởng của Vistula có vẻ căng thẳng, cử chỉ của ông lộ vẻ thiếu kiên nhẫn. Được Kinzel gợi ý, Refior mở mấy tấm bản đồ, biểu đồ ra và nhanh chóng bắt đầu tóm lược tình hình. Ông giải thích rằng việc tướng Reymann không có cơ quan thẩm quyền chủ chốt để chỉ thị đã tạo ra một tình thế gần như bất khả thi trong việc chỉ huy Berlin. Ông nói thêm:

“Khi bọn tôi hỏi OKH có phải bọn tôi thuộc quyền của họ không, thì họ bảo ‘OKH chỉ chịu trách nhiệm về mặt trận phía đông. Các anh thuộc quyền của OKW [Bộ Tư lệnh Tối cao của các Lực lượng Vũ trang].’ Thế là bọn tôi chạy qua OKW. Họ nói, ‘Sao lại đến chỗ bọn tôi? Mặt trận Berlin đối diện với mặt trận phía đông, mấy anh thuộc trách nhiệm của OKH mà.’”

Khi Refior nói, Kinzel xem xét mấy tấm bản đồ và cách bố trí các lực lượng ở Berlin. Đột nhiên Kinzel ngẩng lên nhìn Refior và lặng lẽ nói với ông quyết định của tướng Heinrici vào đêm hôm trước, rằng sẽ không nhận trách nhiệm bảo vệ thành phố. Rồi theo như Refior nhớ lại, Kinzel nói vắn tắt về Hitler, Goebbels và vị chóp bu khác. Ông nói, “Theo tôi, mấy thằng điên ở Berlin đó sẽ phải gieo gió gặt bão thôi.”

Trên đường quay về Berlin, Refior thấy lòng hăng hái sôi nổi của mình vụn vỡ, lần đầu hiểu được tình cảnh của “một đứa trẻ mồ côi bị từ chối.” Ông yêu Berlin. Ông từng theo học Học viện Quân sự, rồi kết hôn và có hai đứa con – một trai, một gái – tại thủ đô. Giờ đây, có vẻ là như ông đang làm việc trong sự cô đơn ngày một tăng để bảo vệ thành phố mà ông từng có những năm tháng hạnh phúc nhất đời tại đây. Không có ai trong chuỗi mắt xích của bộ tư lệnh muốn đưa ra quyết định mà theo Refior thấy là quyết định tồi nhất: trách nhiệm phòng thủ và bảo vệ Berlin.

Tất cả những gì còn lại phải làm là cho ít đồ đạc trên bàn làm việc vào một cái vali nhỏ. Ông đã nói lời tạm biệt với ban tham mưu của mình, tóm lược tình hình cho người kế nhiệm, Krebs, giờ là Thượng tướng.

Heinz Guderian đã sẵn sàng rời khỏi bộ chỉ huy ở Zossen, điểm đến sắp tới của ông là một bí mật được bảo vệ rất kỹ. Tuy nhiên, trước tiên ông định cùng vợ đi đến một viện điều dưỡng gần Munich, để điều trị cho trái tim ốm yếu của ông.

Sau đó ông định đến nơi duy nhất còn bình yên ở Đức: Nam Bavaria. Những hoạt động duy nhất ở đó xoay quanh các bệnh viện quân đội và các nhà an dưỡng, những tướng lĩnh đã nghỉ hưu hoặc bị cách chức, các quan chức chính phủ đi sơ tán và các cơ quan của họ.

Ngài đại tướng đã lựa chọn rất cẩn thận. Ông sẽ ngồi ngoài cuộc chiến trong bầu không khí chẳng hề giống chiến tranh, giữa những ngọn Alps xứ Bavaria. Là nguyên Chỉ huy trưởng của OKH, Guderian biết tuyệt đối sẽ không có chuyện gì xảy ra ở đó.

2

Hôm đó là ngày Thứ sáu Tuần Thánh, ngày 30/3, ngày đầu tiên của tuần lễ Phục sinh. Ở Warm Springs, Georgia, Tổng thống Roosevelt vừa đến nghỉ tại Nhà Trắng Mini; một đám đông đứng giữa trời nắng chang chang để chào mừng ông như thường lệ ở gần ga tàu hỏa. Khi ngài Tổng thống vừa xuất hiện, đám đông xì xầm kinh ngạc. Ông được một đặc vụ mật dìu ra khỏi tàu, đi đứng rất chậm, cơ thể nghiêng hẳn một bên. Không còn cái vẫy tay vui vẻ, không có những lời hài hước với đám đông. Với nhiều người, Roosevelt như sắp hôn mê tới nơi, chỉ mơ hồ biết được chuyện gì đang diễn ra. Bị sốc và e sợ, mọi người đứng nhìn trong yên lặng khi chiếc limousine của tổng thống chậm chậm chạy đi.

Ở Moscow, thời tiết êm dịu một cách lạ lùng. Từ căn hộ ở tầng hai trong tòa Đại sứ ở đường Mokhavaya, Thiếu tướng John R. Deane nhìn chăm chăm ra bên ngoài quảng trường, lướt qua những mái vòm Byzantine xanh lục và những ngọn tháp của điện Kremlin. Deane, Trưởng Phái bộ Quân sự Hoa Kỳ, cùng người đồng cấp người Anh của ông là Đô đốc Ernest R. Archer đang đợi xác nhận từ các đại sứ của họ, W. Averell Harriman và Sir Archibald Clark-Kerr, xem có sắp xếp được một buổi gặp mặt với Stalin hay không. Trong buổi gặp đó, họ sẽ chuyển cho Stalin bức điện “SCAF 252,” đến từ Đại tướng Eisenhower ngày hôm trước (và ngài tổng thống Mỹ đau ốm vẫn chưa xem qua).

Ở London, Winston Churchill vẫy tay với người đứng ngoài tòa nhà số 10 đường Downing, miệng ngâm một điệu xì gà. Ông đang chuẩn bị đi đến Chequers, nơi ở chính thức rộng 700 mẫu Anh dành cho Thủ tướng Anh ở Buckinghamshire, bằng xe hơi. Dù bề ngoài tỏ ra vui vẻ, Churchill đang rất giận dữ và lo lắng. Trong mớ tài liệu của ông có một bản sao của bức điện mà vị Tư lệnh Tối cao gửi cho Stalin. Lần đầu tiên trong gần ba năm hợp

tác khăng khít, ngài thủ tướng nổi cơn giận dữ với Eisenhower.

Phản ứng của Anh với bức điện của Eisenhower đã leo thang trong hơn 24 giờ qua. Ban đầu, người Anh bối rối, rồi bị sốc, và cuối cùng là giận dữ. Cũng như Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ ở Washington, London về sau mới biết chuyện bức điện – qua các bản sao gửi đến để “cung cấp thông tin.”

Đến cả Phó Tư lệnh Tối cao người Anh, Chánh Thống chế Không quân Sir Arthur Tedder cũng không được biết trước về bức điện; London chẳng hề được ông báo tin gì. Bản thân Churchill thấy cực kỳ mất cân bằng. Nhớ tới điện tín của Montgomery ngày 27/3 thông báo sẽ tiến về sông Elbe và “tôi hi vọng từ đó sẽ tới Berlin theo đường xa lộ,” ngài thủ tướng nhanh chóng thảo một bức thư ngắn cho Tham mưu trưởng của ông là Đại tướng Sir Hastings Ismay. Ông viết, thông điệp của Eisenhower gửi cho Stalin “có vẻ khác với những gì Montgomery đã nói về sông Elbe. Vui lòng giải thích.” Tạm thời thì Ismay không thể giải thích được.

Vào lúc đó, Montgomery lại đem đến cho các vị cấp trên của mình một ngạc nhiên nữa. Ông báo cáo với Đại nguyên soái Brooke là Tập đoàn quân 9 Hoa Kỳ hùng mạnh sẽ đổi quyền chỉ huy từ ông sang Cụm Tập đoàn quân 12 của Đại tướng Bradley, lực lượng này thực hiện mũi tấn công trung tâm vào Leipzig và Dresden. Montgomery nói, “Tôi nghĩ chúng ta đã phạm phải một sai lầm khủng khiếp.”

Một lần nữa người Anh lại bị chọc điên tiết. Đầu tiên, những thông tin như thế phải do Eisenhower nói, chứ không phải Montgomery. Nhưng tệ hơn nữa, London thấy có vẻ như ngài Tư lệnh Tối cao đang ôm đồm quá nhiều việc. Theo quan điểm của Anh, ông không chỉ vượt quá phận sự bằng cách trực tiếp thương lượng với Stalin, mà còn thay đổi những kế hoạch đã có từ lâu mà không hề báo trước. Thay vì tấn công qua vùng đồng bằng phía bắc nước Đức bằng Cụm Tập đoàn quân 21 của Montgomery, vốn được đặc biệt thành lập cho cuộc tấn công này, Eisenhower lại đột ngột chọn Bradley thực hiện cuộc tấn công cuối cùng của cuộc chiến tranh vào trung tâm của Đức quốc xã.

Brooke đã cay đắng tổng kết quan điểm của Anh: “Trước hết,

Eisenhower không thể liên lạc trực tiếp với Stalin, mà phải thông qua Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ; thứ hai, ông ta đã gửi một bức điện báo khó hiểu; và cuối cùng, ngụ ý của thông điệp đó có vẻ mơ hồ, và cần phải sửa đổi.” Chiều 29/3, đang cơn giận dữ, Brooke đã gửi một bức thư phản đối sắc bén đến Washington mà không hỏi ý Churchill. Một cuộc tranh cãi dữ dội và cay độc chậm chậm hình thành về SCAF 252.

Cùng lúc đó, Deane, Trưởng Phái bộ Quân sự Hoa Kỳ tại Moscow, vốn đang thực hiện những bước đầu để sắp xếp một buổi gặp mặt với Stalin, gửi điện khẩn cho Eisenhower. Deane muốn “thêm một số thông tin cơ bản phòng khi Stalin muốn thảo luận chi tiết hơn về kế hoạch của ngài.”

Sau nhiều tháng thương lượng vô ích với Nga, Deane biết rõ ngài Tổng tư lệnh sẽ hỏi cái gì, và ông nói rõ toàn bộ với Eisenhower:

- “1) Bố trí hiện tại của quân Đồng minh;
- 2) Chi tiết hơn về kế hoạch điều động quân;
- 3) (Các) Tập đoàn quân nào được dự kiến sẽ là mũi tiến công chính và phụ...;
- 4) Tóm lược dự đoán hiện thời về cách bố trí và ý định của địch.”

SHAEF nhanh chóng chấp thuận. Vào 8:15 tối hôm đó, thông tin tình báo đang trên đường tới Moscow. Deane nhận được thông tin về bố trí của quân Anh-Mỹ và thứ tự tấn công của các đơn vị từ bắc xuống nam. Thông tin đó chi tiết tới mức nó có đề cập cả việc Tập đoàn quân 9 Hoa Kỳ được chuyển lại từ Montgomery cho Bradley.

Năm mươi một phút sau, SHAEF nghe tin từ Montgomery. Ông đang buồn rầu một cách dễ hiểu. Mất đi Tập đoàn quân của tướng Simpson, sức mạnh của ông bị suy yếu và khả năng thành công chiếm được Berlin coi như xong. Nhưng ông vẫn hi vọng sẽ thuyết phục được Eisenhower trì hoãn việc chuyển giao. Ông gửi đến một thông điệp lịch thiệp kỳ lạ. Ông viết:

“Tôi nhận thấy ngài muốn đổi quyền chỉ huy. Nếu ngài thấy điều đó là cần thiết thì tôi mong ngài sẽ không bắt làm thế cho tới khi nào chúng ta tới được sông Elbe, vì làm thế chẳng ích gì cho cuộc hành quân vừa mới bắt đầu phát triển.”

Các quan chức Washington nhanh chóng khám phá ra rằng mấy vị cấp

trên của Montgomery ở Anh thì chẳng còn tâm trạng đâu mà lịch thiệp nữa. Tại Lầu Năm Góc, bức thư phản đối của Brooke được đại diện của Anh trong Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ là Thống chế Sir Henry Maitland Wilson chính thức chuyển cho Đại tướng Marshall. Bức thư lên án quá trình Eisenhower dùng để liên lạc với Stalin và buộc tội vị Tư lệnh Tối cao vì đã thay đổi kế hoạch. Vừa ngạc nhiên vừa lo lắng, Marshall đánh điện ngay cho Eisenhower. Bức điện của ông chủ yếu là tường thuật lại lá thư phản đối của Anh. Ông nói, họ cho rằng nên làm theo chiến lược đã có sẵn – để Montgomery tấn công về phía bắc để chiếm các cảng biển của Đức rồi từ đó “hủy bỏ chiến tranh tàu ngầm trên diện rộng,” và làm thế cũng sẽ giải phóng được Hà Lan, Đan Mạch và mở lại liên lạc với Thụy Điển, tận dụng được “khả năng vận chuyển gần hai triệu tấn của Thụy Điển và Na Uy, giờ đang bỏ không ở các cảng của Thụy Điển.” Marshall trích lời vị Thống chế “thực sự thấy rằng giữ nguyên mũi tấn công chính... qua vùng đồng bằng tây bắc nước Đức với mục tiêu chiếm được Berlin...”

Để chống đỡ với mấy lời chỉ trích về Eisenhower của Anh và hàn gắn tình đoàn kết Anh-Mỹ càng sớm càng tốt, Marshall định trao quyền và thỏa thuận với cả hai bên. Sự hoang mang và bức bối của ông với hành động của viên Tư lệnh Tối cao được thể hiện trong đoạn cuối của bức điện: “Trước khi anh gửi bức điện SCAF 252, anh đã xem xét về khía cạnh thủy chiến của Anh chưa?” Ông kết thúc bằng câu: “Anh cần hồi âm khẩn cấp.”

Hơn ai hết, có một người thấy tình hình đang rất cấp bách – và quả thực đang hết sức hỗn loạn. Tâm trạng lo âu của Winston Churchill gia tăng từng giờ. Vụ Eisenhower xuất hiện đúng lúc mối quan hệ giữa ba phe Đồng minh đang không tốt. Đây là giai đoạn khủng hoảng, và Churchill thấy rất cô độc. Ông không biết bệnh tình của Roosevelt ra sao, nhưng trước đó một thời gian, ông thấy việc thư từ qua lại với ngài tổng thống thật khó khăn và khiến ông hoang mang. Sau này ông nói: “Trong mấy bức điện dài tôi gửi, tôi cứ nghĩ mình đang nói chuyện với người bạn và người đồng nghiệp đáng tin cậy... [nhưng] ông ấy không còn đọc hết được nữa... nhiều người khác nhau viết thư trả lời dưới danh nghĩa ông ấy... Roosevelt chỉ có thể đưa ra chỉ thị và chấp thuận chung chung... những tuần lễ đó thật tai hại.”

Tình hình chính trị giữa phương Tây với Nga đang xấu đi nhanh chóng rõ rệt còn đáng lo hơn. Sự nghi ngờ của Churchill về các mục tiêu hậu chiến của Stalin tăng dần kể từ hội nghị Yalta. Ngài chủ tịch Liên Xô đã coi thường các điều khoản được ký kết ở đó; giờ gần như mỗi ngày đều có khuynh hướng xấu xuất hiện. Liên Xô đang chậm chạp nuốt chửng Đông Âu; máy bay ném bom của Anh và Mỹ, bị tụt lại đằng sau trận tuyến của Hồng quân vì các vấn đề nhiên liệu hoặc kỹ thuật, đang mắc kẹt ở đó cùng phi hành đoàn; các căn cứ và cơ sở hạ tầng không quân mà Stalin từng hứa sẽ cho máy bay ném bom Anh Mỹ sử dụng đột nhiên bị hủy bỏ; và dù có quyền tự do giải phóng các trại tù chiến tranh ở tây Đức để đưa quân của mình về nước, Nga lại từ chối cho phép các đại diện của phương Tây tiến vào, giải cứu hoặc bằng bất kỳ cách nào hỗ trợ lính Anh-Mỹ ở các trại tù Đông Âu.

Tệ hơn, Stalin cáo buộc rằng “Các cựu tù binh Liên Xô trong nhà tù của Mỹ... bị đối xử không công bằng và bị hành hạ trái luật, trong đó có đánh đập.”

Khi quân Đức ở Italy cố tìm cách đàm phán đầu hàng bí mật, thì phản ứng của Nga là đưa ra một bức thư lăng mạ, cáo buộc quân Đồng minh phản bội, thương lượng với địch “sau lưng Liên Xô, vốn đang phải gánh vác cuộc chiến...”^[31]

Và giờ lại thêm bức điện Eisenhower gửi cho Stalin. Ở thời điểm mà việc lựa chọn các mục tiêu quân sự có thể quyết định tương lai châu Âu sau chiến tranh, Churchill thấy việc Eisenhower liên lạc với nhà độc tài Liên Xô là một can thiệp tai hại vào chiến lược chính trị và chiến lược toàn thể - những lĩnh vực mà ngài thủ tướng và Roosevelt quan tâm sâu sắc.

Với Churchill, Berlin rất quan trọng về mặt chính trị, mà có vẻ như giờ đây Eisenhower không định nỗ lực hết mình để chiếm được thành phố nữa.

Gần nửa đêm ngày 29/3, Churchill điện cho Eisenhower bằng điện thoại cao tần và yêu cầu vị Tư lệnh Tối cao giải thích rõ kế hoạch của mình. Ngài thủ tướng thận trọng tránh đề cập tới bức điện gửi Stalin. Thay vào đó, ông nhấn mạnh tầm quan trọng về mặt chính trị của Berlin và tranh luận rằng

nên để Montgomery tiếp tục tấn công về hướng bắc. Churchill thấy điều quan trọng nhất là quân Đồng minh phải chiếm được thủ đô trước quân Nga. Giờ, qua ngày 30/3, khi ông bắt đầu chuyển đi 60 dặm có lẽ tới Chequers, ông trầm tư suy nghĩ về câu trả lời của Eisenhower. Vị Tư lệnh Tối cao đã nói, “Berlin không còn là mục tiêu quân sự chính nữa.”

Ở Reims, cơn giận của Dwight Eisenhower cũng leo thang theo lá thư phản đối của Anh. Phản ứng dữ dội của London về việc hạn chế cuộc tấn công phía bắc của Montgomery khiến ông ngạc nhiên, nhưng cơn bão giận dữ về bức điện gửi cho Stalin của ông còn khiến ông ngạc nhiên hơn. Ông thấy chẳng có lý do gì để bàn cãi cả. Ông tin hành động của mình là chính xác và cần thiết về mặt quân sự, và ông điên tiết khi thấy quyết định của mình bị thách thức. Vốn dễ nổi nóng, giờ Eisenhower là nhà lãnh đạo giận dữ nhất của quân Đồng minh.

Sáng 30/3, ông bắt đầu hồi âm các bức điện từ Washington và London. Bước đầu tiên ông làm là gửi một tin ngắn báo đã nhận được bức điện của Marshall đêm qua. Ông hứa sẽ trả lời chi tiết hơn trong vòng vài tiếng nữa, nhưng tạm thời khẳng định mình sẽ không đổi kế hoạch, và lời cáo buộc của Anh “thực sự không có nền tảng... Kế hoạch của tôi sẽ chiếm được các cảng biển và mọi thứ khác ở biển bắc nhanh và chính xác hơn nếu như bức điện Wilson gửi cho ngài không làm tôi phân tâm.”

Tiếp đó, để hồi âm cho đề nghị qua điện thoại của ngài thủ tướng hồi đêm, ông gửi cho Churchill các chi tiết giải thích rõ những mệnh lệnh đã đưa ra cho Montgomery. “Theo ý định của Nga,” mũi tấn công chính vào Leipzig và Dresden do Bradley chỉ huy là cần thiết để “cắt đôi” quân Đức và tiêu diệt phần lớn lực lượng còn lại của địch ở phía tây. Một khi đã thành công, Eisenhower định “tiến hành càn quét các cảng biển phía bắc.” Ngài Tư lệnh Tối cao nói Montgomery sẽ “chịu trách nhiệm các nhiệm vụ đó, và tôi định tăng cường lực lượng cho ông ấy nếu cần.”

Một khi “các yêu cầu trên đã được đáp ứng,” Eisenhower sẽ đưa Đại tướng Devers và Cụm Tập đoàn quân 6 của ông đi về hướng đông nam đến vùng Pháo đài “để ngăn ngừa khả năng quân Đức hợp nhất lại ở miền nam, và phối hợp với quân Nga ở đồng bằng sông Danube.”

Ngài Tư lệnh Tối cao khép lại bằng cách lưu ý rằng các kế hoạch hiện thời của ông “linh hoạt và có thay đổi để thích nghi với những tình hình ngoài dự kiến.” Berlin không được nhắc tới.

Bức điện của Eisenhower gửi cho ngài thủ tướng khá thận trọng và chuẩn xác; nó không biểu lộ sự giận dữ của ông. Nhưng cơn thịnh nộ của ông thể hiện rõ trong bức điện chi tiết gửi cho Marshall như đã hứa trước đó. Eisenhower nói với ngài Tham mưu trưởng Hoa Kỳ rằng ông “hoàn toàn không biết gì về cái ‘thủ tục’ mà lá thư phản đối nói đến. Tôi đã được chỉ thị thương lượng trực tiếp với Nga về phối hợp quân sự với nhau.”

Về chiến lược của mình, Eisenhower nhấn mạnh lần nữa rằng sẽ không có gì thay đổi. Ông nói, “Hè năm ngoái, các tham mưu trưởng của Anh luôn phản đối quyết định mở... tuyến đường [trung tâm] của tôi, họ nói nó vô ích và... làm giảm bớt sức mạnh của mũi tấn công hướng bắc. Tôi đã luôn nhấn mạnh là cuộc tấn công hướng bắc sẽ là nòng cốt... để cô lập vùng Ruhr, nhưng ngay từ đầu, từ trước D-Day, kế hoạch của tôi... đã liên kết... mũi tấn công chính và phụ... rồi tạo thành một mũi tấn công chủ đạo về phía đông. Ngay cả khi xem lướt qua... cũng thấy mũi tấn công chính... nên hướng vào vùng Leipzig, nơi tập trung phần lớn năng lực công nghiệp còn lại của Đức và dự kiến các bộ ngành của Đức sẽ chuyển tới đó.”

Quay trở lại sự ủng hộ của Montgomery-Brooke về chiến lược một mũi tiến công, Eisenhower nói: “Đơn thuần làm theo nguyên lý mà Thống chế Brooke suốt ngày hét bên tai, tôi đã quyết tập trung vào một mũi tấn công chính và tất cả những gì bản kế hoạch của tôi làm là để Tập đoàn quân 9 Hoa Kỳ quay trở lại quyền chỉ huy của tướng Bradley vì giai đoạn đó của chiến dịch sẽ là tiến về trung tâm... kế hoạch cho thấy Tập đoàn quân 9 sẽ có thể quay lại hỗ trợ các tập đoàn quân của Anh và Canada để càn quét toàn bộ vùng duyên hải phía tây Lübeck.” Sau đó, “chúng ta có thể đưa quân về phía đông nam để ngăn Nazi chiếm thành trì trong núi.”

Pháo đài Quốc gia mà Eisenhower gọi là “thành trì trong núi” giờ đã thành mục tiêu quân sự chính – được quan tâm nhiều hơn là Berlin, thực vậy. Vị Tư lệnh Tối cao nói, “Tôi có thể chỉ ra là bản thân Berlin không còn là một mục tiêu đặc biệt quan trọng nữa. Sự hữu ích của nó với người Đức

đã bị phá hoại gần hết và cả chính quyền ở đó cũng đang chuyển đến nơi khác. Điều quan trọng bây giờ là tập trung lực lượng của chúng ta để thực hiện một cuộc tấn công duy nhất, và cuộc tấn công này sẽ nhanh chóng khiến Berlin sụp đổ, giải phóng Na Uy và giành được khả năng vận tải của các cảng biển Thụy Điển hơn là phân tán lực lượng ra.”

Vào lúc Eisenhower viết tới đoạn cuối bức điện, cơn giận của ông với người Anh hầu như không kiềm chế nữa. Ông khẳng định:

“Ngài thủ tướng và tham mưu trưởng của ông ấy phản đối ‘Anvil’ [cuộc tấn công vào miền nam nước Pháp]; họ phản đối việc tôi cho là nên tiêu diệt quân Đức ở phía tây sông Rhine trước khi vượt sông; và họ khẳng khẳng là đi theo tuyến đường đông bắc thì sẽ chỉ gặp kháng cự sơ sài ở vùng nông thôn mà thôi. Giờ họ lại muốn tôi thay đổi chiến dịch liên quan đến hàng chục ngàn quân trước khi quân Đức thất bại hoàn toàn. Tôi phải nói là các vấn đề này đã được tôi và các cố vấn nghiên cứu hàng ngày hàng giờ và tất cả chúng tôi đều chung một suy nghĩ là mau chóng thắng cuộc.”^[32]

Sau đó, ở Washington, Đại tướng Marshall và Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ nhận được phiên bản phóng đại của lá thư phản đối hôm qua của ngài Tham mưu trưởng Anh quốc. Phần lớn bức điện thứ hai lặp lại bức thứ nhất nhưng dài dòng hơn, nhưng có thêm hai chỗ quan trọng. Trong thời gian chuyển tiếp, người Anh đã nghe từ Đô đốc Archer ở Moscow nói về những tin tình báo mà SHAEF gửi thêm cho Deane. Anh cực lực cho rằng các thông tin này cần giữ kín với Nga. Khi thấy các cuộc thảo luận đã bắt đầu, London muốn hoãn các cuộc bàn bạc để Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ xem xét lại tình hình.

Nhưng giờ thì người Anh lại quay ra bất đồng với nhau – không chỉ về tính đúng đắn của bức điện của Eisenhower, mà còn về việc nên công kích những phần nào của bức điện. Ban Tham mưu trưởng Anh quốc đã giấu không cho Churchill xem lá thư phản đối của họ trước khi gửi đến Washington. Và sự phản đối của Churchill thì lại khác với các cố vấn quân sự của ông. Với ông, “điểm đáng phê bình nhất trong kế hoạch mới của Eisenhower là việc nó chuyển trục tấn công chính từ Berlin sang Leipzig và

Dresden.” Ngài thủ tướng thấy, theo kế hoạch này thì quân Anh “sẽ bị giao cho một vai trò gần như không đổi ở miền Bắc.” Tệ hơn, “mọi khả năng để quân Anh tiến vào Berlin cùng Mỹ coi như bị xóa sổ.”

Trong tâm tưởng ngài thủ tướng, Berlin vẫn luôn là tối quan trọng. Có vẻ như ông thấy Eisenhower “có thể sai lầm khi coi Berlin không quan trọng lắm về mặt quân sự hay chính trị.” Dù các cơ quan chính phủ đã “chuyển phần lớn về phía nam, nhưng không nên bỏ qua cảm giác của người Đức khi Berlin sụp đổ.” Ông bị ám ảnh trước mối nguy của việc “bỏ qua Berlin và để nó cho Nga.” Ông khẳng định: “Chừng nào Berlin còn chống cự và đứng vững trong đống đổ nát trước cuộc bao vây, mà rất có khả năng thế, thì sự chống cự của Đức vẫn sẽ được khích lệ. Sự sụp đổ của Berlin có thể khiến gần hết dân Đức tuyệt vọng.”

Trong khi đồng ý về cơ bản với các tranh cãi của ban tham mưu, Churchill thấy họ dồn sự phản đối của mình vào “nhiều vấn đề thứ yếu không liên quan.” Ông chỉ ra rằng “danh tiếng của Eisenhower đối với Ban Tham mưu Hoa Kỳ rất là cao... người Mỹ sẽ thấy vì ông ta là Tư lệnh Tối cao danh giá, nên ông ta có quyền, và thực sự cần cố gắng tìm... thời điểm thích hợp nhất để quân phương Đông và phương Tây liên lạc với nhau.” Churchill sợ là sự phản đối của Anh sẽ chỉ tạo ra “khả năng tranh cãi... với Ban tham mưu Hoa Kỳ.” Ông đoán họ sẽ “đáp trả nặng nề.” Và thực vậy.

Thứ bảy ngày 31/3, các đầu lĩnh quân sự Mỹ dành cho Eisenhower sự ủng hộ tuyệt đối. Họ chỉ đồng ý với Anh về hai điểm: Eisenhower nên trình bày kế hoạch của mình cho Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ và nên giữ kín các chi tiết gửi thêm cho Deane.

Theo quan điểm của các tướng lĩnh Mỹ, “trận chiến ở Đức giờ đã tới lúc mà Tư lệnh Chiến trường là người đánh giá tốt nhất xem biện pháp nào sẽ tiêu diệt quân Đức hoặc năng lực kháng cự của chúng nhanh nhất... Đại tướng Eisenhower nên tiếp tục được tự do liên lạc với Tổng tư lệnh của quân đội Liên Xô.” Đối với giới chức quân sự Mỹ, chỉ có một mục tiêu duy nhất, và nó không bao gồm các cân nhắc chính trị. Họ nói, “Mục tiêu duy nhất là chiến thắng triệt để và nhanh chóng.”

Tuy vậy, cuộc tranh cãi còn lâu mới kết thúc. Ở Reims, Eisenhower đang

căng thẳng vẫn cứ phải giải thích đi giải thích lại về quan điểm của ông. Trong ngày, theo chỉ thị của Marshall, Eisenhower đã gửi cho Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ một bài trình bày kế hoạch dài và chi tiết.

Sau đó, ông đánh điện đến Moscow và ra lệnh cho Deane giữ kín với Stalin các thông tin thêm mà SHAEF đã gửi. Sau đó ông đảm bảo với Marshall trong một bức điện khác:

“Ngài có thể chắc chắn là trong tương lai, các bức điện về chính sách trao đổi giữa tôi với Phái bộ quân sự ở Moscow sẽ được sao ra cho Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ và cho người Anh.”

Và cuối cùng, ông giải quyết lời cầu khẩn chưa được hồi âm của Montgomery, đến trước đó gần 48 tiếng.

Không phải chỉ vì tính cấp bách của các bức điện trước mà Eisenhower trả lời Montgomery cuối cùng. Mỗi quan hệ giữa hai người họ đã trở nên căng thẳng đến mức giờ Eisenhower chỉ liên lạc với viên Thống chế khi thực sự cần thiết.

Nhiều năm sau, vị Tư lệnh Tối cao giải thích^[33]:

“Montgomery trở nên quá cá nhân, nỗ lực bảo đảm rằng người Mỹ – mà đặc biệt là tôi – không có được danh tiếng, rằng chúng ta chẳng có gì để làm với cuộc chiến, đến mức cuối cùng tôi ngừng nói chuyện với ông ấy.”

Ngài Tư lệnh Tối cao và Ban tham mưu của mình – thú vị là, gồm có các tướng lĩnh cấp cao người Anh ở SHAEF – thấy Montgomery là một kẻ gây rối ích kỷ, ngoài chiến trường thì quá mức cẩn trọng và chậm chạp.

Thiếu tướng John Whiteley người Anh, Phó Tư lệnh hành quân của SHAEF nhớ lại, “Monty muốn cưỡi một con ngựa chiến tới Berlin và đội hai cái mũ, nhưng tôi có cảm giác là muốn làm cái gì cho nhanh thì đừng có giao nó cho Monty.”

Trung tướng Sir Frederick Morgan, Phó Tham mưu trưởng của SHAEF, lại nói cách khác. “Vào lúc đó, Monty là người cuối cùng Ike chọn để tấn công Berlin – Monty sẽ phải cần ít nhất 6 tháng để chuẩn bị mất.”

Bradley là típ người khác. Eisenhower nói với sĩ quan phụ tá của mình: “Bradley không bao giờ chần chừ, không bao giờ ngừng lại để tái cơ cấu

khi thấy có cơ hội tiến lên.”

Giờ đây, cơn giận dữ của Eisenhower trước những lời chỉ trích về bức điện gửi cho Stalin của ông, cộng thêm sự đối kháng lâu ngày giữa ông và Montgomery, được thể hiện rõ trong bức điện hồi âm của ông cho ngài đại nguyên soái. Nó tràn ngập giận dữ. Ông viết:

“Tôi phải duy trì quyết định của mình về việc giao Tập đoàn quân 9 cho tướng Bradley... Như tôi đã nói với anh, vào giai đoạn sau của chiến dịch, anh sẽ được giao lại một đội quân Mỹ ở sông Elbe. Anh sẽ thấy tôi không hề nhắc tới Berlin. Với tôi, nơi đó giờ chỉ còn là một địa danh mà thôi, và tôi chưa từng quan tâm đến nơi đó. Mục đích của tôi là tiêu diệt các lực lượng của quân địch...”

Ngay cả khi Eisenhower đã làm rõ quan điểm của mình với Montgomery, ở Chequers, Churchill đang viết cho vị Tư lệnh Tối cao một lời khẩn cầu lịch sử. Nó gần như đối chọi từng khía cạnh với những lời Eisenhower đã nói với Montgomery. Gần bảy giờ tối, ngài thủ tướng đánh điện cho ngài Tư lệnh Tối cao.

“Nếu vị trí của địch suy yếu, như anh dự đoán... thì sao ta không vượt sông Elbe và tiến về phía Đông càng xa càng tốt? Điều này có ý nghĩa chính trị quan trọng, vì quân Nga... chắc chắn sẽ vào Vienna và giành lấy Áo. Nếu chúng ta chủ định để Berlin cho bọn họ, ngay cả khi nó nên nằm trong tay chúng ta, cả hai sự kiện có thể sẽ củng cố niềm tin của họ, vốn đã rất rõ ràng, rằng họ đã làm mọi chuyện.

“Hơn nữa, tôi không nghĩ là Berlin đã mất tầm quan trọng về mặt quân sự và chắc chắn là mặt chính trị cũng không. Sự sụp đổ của Berlin sẽ có hiệu quả sâu sắc về tâm lý lên sự kháng cự của Đức trên toàn đế chế Đức. Chừng nào Berlin còn cầm cự được, cả đồng dân Đức sẽ thấy mình có trách nhiệm phải chiến đấu. Ý tưởng cho rằng chiếm Dresden và phối hợp với quân Nga ở đó là một thành tựu lớn không có ý nghĩa gì với tôi... Chừng nào Berlin còn cầm cự Đức, theo tôi chừng đó nó còn là điểm mang tính quyết định nhất của nước Đức.

“Do đó, tôi muốn làm theo kế hoạch vượt sông Rhine hơn, cụ thể là Tập đoàn quân 9 Hoa Kỳ nên đi cùng với Cụm Tập đoàn quân 21 đến sông Elbe

rồi đến Berlin...”

Ở Moscow, khi đêm xuống, các đại sứ Anh và Mỹ, cùng với Deane và Archer cùng gặp ngài chủ tịch Liên Xô và chuyển cho ông bức điện của Eisenhower. Cuộc gặp khá ngắn. Theo như Deane nói với ngài Tư lệnh Tối cao sau này, Stalin “rất ấn tượng với phương hướng tấn công vào trung tâm nước Đức” và ông ta nghĩ rằng “cuộc tấn công chính của Eisenhower khá tốt, nó sẽ hoàn thành mục tiêu quan trọng nhất là chia đôi nước Đức.”

Ông ta cũng thấy “cứ điểm cuối cùng của Đức có thể nằm ở phía tây Tiệp Khắc và Bavaria.” Trong khi chấp thuận chiến lược của Anh—Mỹ, Stalin lại mập mờ về chiến lược của mình. Ngài chủ tịch nói, phải chờ ông hội ý với ban tham mưu của mình rồi mới tiết lộ sự phối hợp cuối cùng của kế hoạch của Liên Xô được. Cuối buổi họp, ông ta hứa sẽ hồi âm cho bức điện của Eisenhower trong vòng 24 giờ.

Một lát sau khi các vị khách đã đi, Stalin nhắc điện thoại gọi cho Nguyên soái Zhukov và Nguyên soái Koniev. Ông nói gọn lỏn nhưng mệnh lệnh của ông rất rõ ràng: hai vị tư lệnh phải bay về Moscow ngay để họp khẩn vào ngày hôm sau, ngày chủ nhật Phục sinh. Dù không giải thích nguyên do cho mệnh lệnh của mình, Stalin đã quyết định tin là phương Tây đang nói dối; ông chắc chắn Eisenhower đang định đua với Hồng quân để giành Berlin.

3

Chuyến bay cả nghìn dặm từ mặt trận phía Đông về Moscow thật dài và mệt mỏi. Nguyên soái Georgi Zhukov uể oải ngồi dựa ra sau trên chiếc xe sĩ quan màu xám đang xóc nảy trên con dốc rải sỏi, hướng về Quảng trường Đỏ rộng thênh thang.

Chiếc xe chạy vù qua Thánh đường St. Basil với những mái vòm có sọc nhiều màu, rẽ trái rồi chạy qua tường bảo vệ của điện Kremlin từ cổng tây. Ở ngay sau Zhukov, trong một chiếc sedan quân đội khác là Nguyên soái Ivan Koniev. Trên mặt đồng hồ của tòa tháp Saviour hùng vĩ đứng sừng sững ở lối vào, kim đồng hồ chỉ gần 5 giờ chiều.

Băng qua khoảng sân trong lộng gió, hai chiếc xe sĩ quan tiến vào quần thể kiến trúc gồm những tòa lâu đài có bích họa, những thánh đường có mái vòm mạ vàng và những tòa nhà chính phủ sơn màu vàng, nơi từng thuộc về Sa hoàng và các hoàng tử, rồi chạy đến trung tâm của điện Kremlin.

Đến gần tháp chuông tưởng niệm Ivan Đại đế xây bằng gạch trắng có từ thế kỷ 17, xe chạy chậm lại, lăn bánh qua một hàng đại pháo cổ xưa rồi dừng bên ngoài một tòa nhà dài, cao ba tầng màu cát. Một lát sau, hai người đàn ông mặc đồng phục màu nâu xám may đo cẩn thận, cầu vai bằng vàng nặng nề có một ngôi sao bề ngang khoảng hai phân rưỡi, tượng trưng cho cấp bậc nguyên soái của Liên Xô bước vào thang máy, đi lên văn phòng của Stalin trên tầng hai.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, vây quanh bởi các sĩ quan phụ tá và lực lượng tháp tùng, hai người họ lịch sự nói mấy câu chuyện phiếm. Người bình thường nhìn vào sẽ tưởng họ là bạn thân. Nhưng thực chất, họ là kỳ phùng địch thủ.

Cả Zhukov và Koniev đều đã đạt tới đỉnh vinh quang nghề nghiệp. Cả hai đều là người theo chủ nghĩa hoàn mỹ, thực dụng và can trường, các sĩ

quan đều coi việc được phục vụ dưới quyền họ vừa là một vinh dự, vừa là một trách nhiệm tuyệt vời. Zhukov khá thấp, đậm người, bề ngoài có vẻ ôn hòa và cũng là người nổi tiếng hơn, được cả công chúng thần tượng và được coi là quân nhân vĩ đại nhất Liên Xô. Cũng có những sĩ quan xem ông là một con quái vật.

Zhukov là một quân nhân chuyên nghiệp, khởi nghiệp từ một binh nhì trong Kỵ binh Hoàng gia của Sa hoàng. Khi Cách mạng Nga nổ ra năm 1917, ông tham gia quân cách mạng; là một kỵ binh Liên Xô, ông đã chiến đấu dũng cảm và ác liệt với những kẻ chống Bolshevik, và sau nội chiến được thăng làm sĩ quan Hồng quân.

Dù có óc sáng tạo phi thường cùng tài chỉ huy bẩm sinh, Zhukov sẽ vẫn chỉ là một sĩ quan vô danh nếu như Stalin không tiến hành thanh trừng các tướng lĩnh Hồng quân một cách đẫm máu vào những năm ba mươi. Phần lớn số bị thanh trừng đều là cựu binh của cuộc cách mạng, nhưng Zhukov lại thoát, có lẽ vì con người ông thiên về “quân đội” hơn là “đảng phái.” Cuộc trừ khử tàn nhẫn những người cũ mở đường thăng quan tiến chức nhanh chóng cho ông. Đến năm 1941, ông đã lên được vị trí cao nhất trong giới quân sự Liên Xô: Tổng tham mưu trưởng quân đội Liên Xô.

Zhukov được coi là “người lính của lính.” Có lẽ vì bản thân từng là một binh nhì, ông nổi tiếng là khoan dung với binh lính. Miễn là quân của ông chiến đấu tốt, ông coi chiến lợi phẩm mà họ cướp bóc được là những thứ họ đáng được hưởng. Nhưng với các sĩ quan ông lại rất nghiêm khắc. Các tư lệnh cấp cao khi không hoàn thành nhiệm vụ thường bị sa thải ngay tại chỗ và bị phạt vì đã thất bại. Hình phạt thường là một trong hai kiểu: viên sĩ quan bị đưa đến một tiểu đoàn trừng giới,^[34] hoặc phục vụ ở nơi nguy hiểm nhất ngoài mặt trận với tư cách là một binh nhì. Đôi khi người đó được lựa chọn.

Một lần, trong chiến dịch Ba Lan năm 1944, Zhukov cùng với Nguyên soái Konstantin Rokossovskii và Đại tướng Pavel Batov, tư lệnh Tập đoàn quân 66 đứng quan sát đoàn quân hành quân. Đang quan sát bằng ống nhòm, đột nhiên Zhukov hét với Batov: “Đưa thẳng tư lệnh quân đoàn với

thăng tư lệnh Sư đoàn bộ binh 44 vào tiểu đoàn trường giới!”

Cả Rokossovskii và Batov cùng xin cho hai vị tướng. Rokossovskii cứu được vị tư lệnh quân đoàn. Nhưng Zhukov kiên quyết đối với người sĩ quan kia. Vị tướng đó bị giáng chức ngay lập tức, bị đưa ra ngoài trận tuyến và phải chỉ huy một cuộc tấn công tự sát. Ông ta nhanh chóng bị giết. Sau đó Zhukov đề nghị truy tặng người sĩ quan đã hi sinh đó danh hiệu quân sự cao quý nhất của Nga, Anh hùng Liên Xô.

Zhukov từng ba lần được trao tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô – và đối thủ cạnh tranh của ông là Koniev cũng vậy. Cả hai nguyên soái đều có hàng đồng danh hiệu, nhưng trong khi danh tiếng của Zhukov đã lan rộng khắp Liên Xô, thì Koniev vẫn còn khá vô danh – và điều đó thật khổn khổ.

Koniev là một người cao ráo, mạnh mẽ, cọc cằn với đôi mắt xanh lấp lánh vẻ sắc sảo. Ông 48 tuổi, nhỏ hơn Zhukov một tuổi, và sự nghiệp của ông cũng giống với Zhukov về một số mặt. Ông cũng từng chiến đấu cho Sa hoàng, rồi chuyển qua quân cách mạng và tiếp tục phục vụ trong quân đội Liên Xô.

Nhưng có một điểm khác biệt, và đối với những người như Zhukov thì đó là một khác biệt lớn. Koniev bước vào Hồng quân với tư cách một chính ủy, và dù ông đã chuyển qua làm tư lệnh vào năm 1926 và trở thành một sĩ quan bình thường, thì đối với những người lính khác, lý lịch của ông vĩnh viễn có tì vết.

Các chính ủy luôn bị binh lính căm ghét. Bởi vì, họ có quyền lớn đến nỗi tư lệnh không thể đưa ra mệnh lệnh nào trừ phi đã được chính ủy đồng cấp tiếp ký. Dù trung thành với Đảng, Zhukov chưa từng xem những người từng là chính ủy là quân nhân thực thụ. Trong những năm trước chiến tranh, ông luôn khó chịu khi ông và Koniev cùng chỉ huy một nơi, rồi có quá trình thăng chức tương tự nhau. Stalin đã tự tay chọn họ cho bộ khung tướng lĩnh trẻ tuổi của mình trong những năm ba mươi, và ông ta biết rõ quan hệ đối chọi căng thẳng giữa hai người: ông ta dùng điểm này để kiềm chế cả hai.

Dù có kiểu cách bộc trực, thô lỗ, giới quân sự thường coi Koniev là người sâu sắc và có học vấn hơn trong hai người. Cực mê đọc sách, ông có một thư viện nho nhỏ trong Bộ chỉ huy của mình và thường khiến các sĩ

quan của ông phải ngạc nhiên bằng cách trích dẫn các câu thơ của Turgenev và Pushkin. Từ cấp bậc và hồ sơ của đội quân của ông, có thể thấy ông là người nghiêm khắc chấp hành kỷ luật.

Nhưng không như Zhukov, ông khá chùng mực với các sĩ quan, và dành cơn thịnh nộ cho kẻ thù. Trên chiến trường, ông có thể rất dã man. Trong một giai đoạn của chiến dịch Dnieper, sau khi quân của ông đã bao vây mấy sư đoàn Đức, Koniev yêu cầu bọn họ đầu hàng ngay lập tức. Khi quân Đức từ chối, ông ra lệnh cho quân Cossack cầm kiếm nhẹ tấn công. Ông nói với Milovan Djilas, trưởng Phái bộ Quân sự Nam Tư tại Moscow vào năm 1944 rằng, “Chúng tôi để quân Cossack chém thỏa thích. Thậm chí họ còn cắt cụt tay mấy kẻ giơ tay xin hàng.”

Ít nhất về mặt này thì cả Zhukov và Koniev đều giống nhau: họ không thể tha thứ cho tội ác của bọn Nazi. Họ không hề có lòng nhân từ hay thương hại dành cho người Đức.

Giờ đây, hai vị nguyên soái đi dọc theo hành lang tầng hai về phía dãy văn phòng của Stalin, cả hai đều khá chắc chắn vấn đề sẽ được bàn bạc là về Berlin.

Kế hoạch dự kiến là Phương diện quân Belorussia số 1 của Zhukov ở Trung tâm sẽ chiếm thành phố. Phương diện quân Belorussia số 2 của Rokossovskii tiến về phía bắc, còn Phương diện quân số 1 Ukraine của Koniev ở phía nam có thể sẽ được yêu cầu hỗ trợ.

Nhưng Zhukov quyết tự chiếm Berlin. Ông không định xin trợ giúp – đặc biệt là từ Koniev. Tuy nhiên, Koniev cũng suy nghĩ khá nhiều về Berlin. Quân của Zhukov có thể bị địa hình cầm chân – nhất là ở cao nguyên Seelow nằm ngay sau bờ tây sông Oder, vốn được phòng thủ kiên cố. Nếu điều đó xảy ra, Koniev nghĩ mình sẽ có cơ hội phỗng tay trên của Zhukov. Thậm chí ông đã có kế hoạch hành động sơ bộ trong đầu. Tất nhiên mọi chuyện còn phụ thuộc vào Stalin, nhưng lần này Koniev cực kỳ hi vọng có thể đánh bại Zhukov và giành được vinh quang mà ông chờ đợi đã lâu. Nếu cơ hội đến, Koniev nghĩ ông sẽ cùng đối thủ của mình tranh Berlin.

Đi nửa chừng hành lang trải thảm đỏ, các sĩ quan tháp tùng đưa Zhukov và Koniev vào một phòng họp. Căn phòng đó có trần cao, khá hẹp, chiếc

bàn dài vĩ đại bằng gỗ gụ bóng loáng choáng gần hết phòng, có ghế đặt xung quanh. Hai chùm đèn treo nặng nề với những bóng đèn trong suốt treo lủng lẳng bên trên chiếc bàn. Ở một góc căn phòng, có một chiếc bàn làm việc nhỏ và một chiếc ghế da, trên bức tường gần đó treo một bức chân dung Lenin lớn. Cửa sổ được kéo rèm kín và trong phòng không có cờ hay phù hiệu. Tuy nhiên, trong phòng có hai bản in thạch bản crom, lồng trong các khung màu tối y hệt nhau, của hai trong số các nhà quân sự nổi tiếng nhất của Nga: Đại nguyên soái tài ba Aleksandr Suvorov của Nữ hoàng Catherine II và Đại tướng Mikhail Kutuzov, người đã tiêu diệt đội quân của Napoleon vào năm 1812. Ở đầu kia căn phòng có hai cánh cửa dẫn vào văn phòng riêng của Stalin.

Hai nguyên soái không lạ lẫm gì với cảnh vật xung quanh. Zhukov từng làm việc trong sảnh này khi ông làm Tổng tham mưu trưởng vào năm 1941; và cả hai từng nhiều lần gặp Stalin ở đây. Nhưng cuộc họp này không phải là một buổi gặp riêng. Trong vòng mấy phút sau khi hai vị nguyên soái đi vào phòng, theo sau họ là bảy người quan trọng nhất của Liên Xô trong thời chiến sau Stalin – các thành viên của Ủy ban Quốc phòng Liên bang, cơ quan toàn quyền ra quyết định của bộ máy chiến tranh Liên Xô.

Không có lễ nghi chính thức hay chia theo cấp bậc, các lãnh đạo Liên Xô đi vào phòng:

Bộ trưởng Ngoại giao Vyacheslav M. Molotov, Phó Chủ tịch Ủy ban.

Lavrenti P. Beria, một người cận thị có vóc người chắc nịch, lãnh đạo lực lượng cảnh sát mật và là một trong những người được e sợ nhất ở Nga.

Georgi M. Malenkov, viên thư ký mập mạp của Ủy ban Trung ương của Đảng Cộng sản và là quản lý Cục Hậu cần Quân sự.

Anastas I. Mikoyan, có gương mặt gầy gầy, sống mũi khoằm, Điều phối viên Sản xuất.

Nguyên soái Nikolai A. Bulganin, có bề ngoài quý phái và chòm râu dê, Đại biểu của Bộ chỉ huy Tối cao ở mặt trận Liên Xô.

Lazar M. Kaganovich, tính tình lãnh đạm, có hàng ria mép, Chuyên viên Vận tải, người Do Thái duy nhất trong Ủy ban.

Nikolai A. Voznesenskii, nhà lập kế hoạch và quản lý kinh tế.

Đại diện cho bên quân sự là Tổng tham mưu trưởng, Đại tướng A. A. Antonov và Tư lệnh hành quân, Đại tướng S. M. Shtemenko.

Khi các lãnh đạo hàng đầu của Liên Xô an vị, cánh cửa văn phòng ngài Chủ tịch mở ra và bóng dáng thấp đậm của Stalin xuất hiện.

Ông ta mặc một bộ đồng phục màu vàng mù tạt đơn giản, không có cầu vai hay phù hiệu cấp bậc; mỗi ống quần có một đường sọc đỏ, mang đôi ủng đen mềm cao tới gối. Phía bên trái bộ quần áo là món trang sức duy nhất ông mang: ngôi sao vàng kim có viền đỏ của Anh hùng Liên Xô. Miệng ông ngậm một điếu thuốc yêu thích: một điếu Dunhill của Anh. Ông dùng rất ít thời gian để chào hỏi theo lễ nghi. Sau này Koniev nhớ lại, “Trước lúc Stalin bắt đầu nói chuyện, chúng tôi hầu như không kịp chào hỏi nhau.”^[35]

Stalin hỏi Zhukov và Koniev mấy câu về tình hình mặt trận. Rồi đột nhiên ông vào thẳng vấn đề. Bằng chất giọng trầm, cùng ngữ điệu ngân nga như hát đặc trưng của Georgia, ông nói nhẹ nhàng với hiệu quả lớn: “Mấy đồng minh bé nhỏ (soyuznichki) định tới Berlin trước Hồng quân.” Ông chờ một lúc rồi mới nói tiếp. Stalin nói ông đã nhận được thông tin về kế hoạch của Anh-Mỹ, và rõ ràng là “ý định của họ không giống như ‘đồng minh.’” Ông không đề cập tới bức điện của Eisenhower đêm hôm trước, cũng không đưa ra nguồn gốc thông tin đó. Ông quay qua Đại tướng Shtemenko và nói: “Đọc báo cáo đi.”

Shtemenko đứng dậy. Ông đọc, các cánh quân của Eisenhower định bao vây và tiêu diệt vùng Ruhr, rồi tiến về hướng Leipzig và Dresden. Nhưng “dọc đường” họ định chiếm luôn Berlin. Viên đại tướng nói, mấy chuyện này “sẽ trông như thể họ giúp Hồng quân vậy.”

Nhưng rõ ràng “mục đích chính của Eisenhower” là chiếm Berlin trước khi quân Liên Xô tới. Hơn nữa, ông nhấn nhá ngữ điệu, Stavka (Bộ Chỉ huy tối cao của Stalin) vừa biết được là “có hai sư đoàn không vận của Đồng minh đang chuẩn bị đổ bộ xuống Berlin.”^[36]

Sau này khi kể về cuộc họp, Koniev nhớ lại rằng kế hoạch của quân Đồng minh, theo Shtemenko mô tả, có bao gồm một cuộc tấn công do

Montgomery chỉ huy về phía bắc vùng Ruhr “theo tuyến đường ngắn nhất dẫn tới Berlin, tách biệt với các cánh quân khác của Anh.” Koniev nhớ là Shtemenko kết thúc “bằng câu ‘theo mọi dữ liệu và thông tin, bộ chỉ huy Anh-Mỹ xem kế hoạch này – tức chiếm Berlin sớm hơn Hồng quân – là hoàn toàn thực tế và công cuộc chuẩn bị cho nó đang hoạt động hết công suất.’”^[37]

Nguồn tin của bản báo cáo mà Đại tướng Shtemenko đọc chưa từng được công bố. Theo đánh giá của tác giả, nó có thể là một đánh giá quân sự được phóng đại lên quá cỡ từ bức điện của Eisenhower đêm hôm trước – một đánh giá một phần dựa trên sự nghi ngờ về động cơ của Eisenhower, một phần nhằm đưa ra cơ sở hợp lý cho các mục tiêu của Stalin.

Khi Shtemenko đọc xong bản đánh giá quân sự, Stalin quay sang hai vị Nguyên soái. Ông nhẹ nhàng nói, “Vậy, ai sẽ chiếm Berlin? Chúng ta hay quân Đồng minh?”.

Sau này, Koniev tự hào nhớ lại rằng ông là người đầu tiên trả lời. Ông nói:

“Là chúng ta, và sẽ làm trước bọn Anh-Mỹ.”

Stalin nhìn Koniev, khẽ mỉm cười. Ông lại nói nhẹ nhàng, bằng cách nói hài hước vụng về:

“Vậy, anh là kiểu đồng chí như thế đó à?”

Rồi theo như Koniev nhớ lại, chỉ trong chớp mắt, Stalin trở nên lạnh lùng hơn, giống như đang bàn chuyện làm ăn, đưa ra vấn đề. Chính xác thì Koniev, vốn đang ở phía nam, định làm thế nào để kịp thời chiếm được Berlin? Stalin hỏi, “Không phải là quân của anh sẽ cần một cuộc tái tổ chức trên diện rộng hay sao?”.

Koniev nhận ra cái bẫy quá trễ. Stalin lại dùng mấy trò cũ của ông ta, lấy người này đấu với người khác, nhưng đến lúc nhận ra điều này thì Koniev đã bắt đầu trả lời rồi. Ông nói, “Thưa đồng chí Stalin, chúng tôi sẽ thực hiện mọi biện pháp cần thiết. Chúng tôi sẽ kịp thời tái tổ chức để chiếm Berlin.”

Đó chính là thời cơ Zhukov đang chờ đợi. Ông hỏi nhẹ nhàng, gần như trích thượng, “Tôi nói một câu được không?” Ông không hề đợi câu trả lời.

Ông gật đầu với Koniev và nói, “Người của Phương diện quân Belorussia số 1 không cần tái tổ chức. Họ đã sẵn sàng rồi. Chúng tôi đang nhắm thẳng tới Berlin. Chúng tôi cách Berlin gần nhất. Chúng tôi sẽ chiếm Berlin.”

Stalin yên lặng nhìn hai người. Một lần nữa, ông lại mỉm cười thoáng qua. Ông hòa nhã nói, “Rất tốt. Cả hai anh sẽ ở lại Moscow và chuẩn bị kế hoạch của mình cùng với Bộ tổng tham mưu. Tôi muốn kế hoạch phải sẵn sàng trong 48 giờ. Rồi các anh sẽ quay về mặt trận, khi đó mọi thứ đã được quyết định.”

Cả hai người đều sốc vì thời gian chuẩn bị kế hoạch quá ngắn ngủi. Cho tới giờ, họ đều biết rằng hạn định tấn công Berlin là đầu tháng 5. Giờ rõ ràng Stalin muốn họ tấn công sớm mấy tuần.

Nhất là với Koniev, đây là một suy nghĩ khiến ông giật mình. Dù ông đã có kế hoạch dự định, mà ông tin nó sẽ giúp ông đến Berlin trước Zhukov, nhưng ông vẫn chưa viết gì trên giấy. Giờ cuộc họp khiến ông đau đầu nhận thấy có nhiều vấn đề hậu cần quan trọng cần giải quyết nhanh chóng. Phải nhanh chóng vận chuyển mọi thứ trang thiết bị và đồ tiếp tế ra ngoài mặt trận.

Tệ hơn, Koniev còn bị thiếu quân. Sau trận chiến ở Thượng Silesia, một phần đáng kể quân số của ông vẫn đang ở phía nam. Một số cách Berlin rất xa. Cần đưa những nhóm quân này đi ngay lập tức, thành ra một vấn đề vận chuyển nghiêm trọng nữa.

Nghe Stalin nói, Zhukov cũng lo không kém. Dù ban tham mưu của ông đã chuẩn bị cho cuộc tấn công, nhưng ông vẫn chưa sẵn sàng. Các tập đoàn quân của ông đã vào vị trí, nhưng ông cũng vẫn đang vội vàng đưa đồ tiếp tế và quân thay thế ra mặt trận để bổ sung cho các lực lượng đã suy kiệt nặng nề của mình. Một số sư đoàn của ông, thường có 9.000 đến 12.000 lính, giờ chỉ còn có 3.500.

Zhukov tin là chiến dịch Berlin sẽ vô cùng khó khăn và ông muốn chuẩn bị sẵn sàng cho mọi khả năng. Ban tình báo của ông đã báo cáo rằng “công tác phòng thủ của thành phố cùng các vùng lân cận đã được chuẩn bị cẩn thận và kiên cố. Mỗi con đường, quảng trường, ngã tư, nhà cửa, kênh đào và cầu đều là một phần trong hệ thống phòng thủ chung...” Giờ, cần phải

đẩy nhanh tiến độ mọi chuyện nếu ông muốn đánh bại phương Tây trên đường tới Berlin. Chẳng nào ông có thể tấn công được? Đó là câu hỏi Stalin muốn được trả lời – và phải nhanh chóng.

Khi cuộc họp kết thúc, Stalin lại nói tiếp. Giọng ông không có chút ầm áp nào. Ông nhấn mạnh với hai vị nguyên soái: “Tôi phải nói với hai anh là ngày mở đầu chiến dịch là điểm mà chúng ta đặc biệt chú ý đấy.”

Quan hệ đối địch giữa hai vị tư lệnh, vốn chưa bao giờ bị ẩn giấu quá sâu, giờ lại sôi bùng lên lần nữa. Khẽ gật đầu với mấy người xung quanh, Stalin quay lưng lại và rời khỏi phòng.

Giờ đây, dù kế hoạch của ông đã bắt đầu tiến hành, vị Chủ tịch Liên Xô vẫn còn phải đối mặt với một nhiệm vụ quan trọng: chi tiết cẩn thận cho lời hời âm cho bức điện của Eisenhower.

Stalin bắt đầu làm việc với bản thảo đã soạn sẵn. Đến 8 giờ tối, bức điện hời âm của ông đã xong và được gửi đi. Stalin viết, “Tôi đã nhận được bức điện của ngài ngày 28/3. Kế hoạch cắt đôi quân Đức bằng cách phối hợp... với quân Liên Xô hoàn toàn phù hợp với kế hoạch của Bộ Tư lệnh Tối cao Liên Xô.”

Stalin hoàn toàn nhất trí rằng nơi hội quân sẽ là ở vùng Leipzig-Dresden, vì “mũi tấn công chủ lực của quân Liên Xô” sẽ đi “theo hướng đó.” Còn về ngày tấn công của Hồng quân? Stalin đặc biệt lưu ý đến điều đó. Nó sẽ rơi vào “khoảng nửa sau của tháng năm.”

Phần quan trọng nhất trong bức điện của ông nằm ở đoạn thứ ba. Trong đó, ông nhấn mạnh rằng mình không quan tâm lắm đến thủ đô của Đức. Ông khẳng định, “Berlin đã mất tầm quan trọng chiến lược trước kia của nó.” Thực sự thì, Stalin nói nó đã trở nên kém quan trọng tới mức “Do đó, Bộ Tư lệnh Tối cao Liên Xô định để các lực lượng thứ yếu tiến về Berlin.”

Winston Churchill đã hội ý với Bộ Tổng tham mưu Anh quốc gần cả buổi chiều. Ông thấy hoang mang và phiền muộn. Sự hoang mang của ông bắt nguồn từ một bức điện của Eisenhower, đã bị bóp méo trong quá trình

chuyển đi.

Trong bức điện Churchill nhận được có một câu rằng: “Montgomery sẽ chịu trách nhiệm tuần tra...”

Churchill đã sắc sảo hồi âm rằng ông thấy quân lực Hoàng gia của mình đang bị “giao cho... một phạm vi hoạt động hạn chế ngoài dự kiến.” Eisenhower bối rối đánh điện trả lời: “Tôi cảm thấy bất an, nếu không muốn nói là bị tổn thương... Ý của tôi không phải vậy và tôi nghĩ lời lẽ mình đã dùng... không hề thể hiện ý như vậy.”

Thì ra Eisenhower chưa từng dùng cụm từ “các nhiệm vụ tuần tra.” Ông đã nói là “các nhiệm vụ đó,” và làm sao đó mà cụm từ này bị truyền sai. Churchill khó chịu trước một việc không đáng kể, nhưng lại là giọt nước tràn ly.

Có một việc không phải không đáng kể, trong mắt ngài thủ tướng, là sự lãnh đạm kéo dài của Mỹ đối với Berlin. Với sự ngoan cường đặc trưng trong cả đời mình, giờ ông phải đương đầu với cả hai vấn đề một lúc – mối quan hệ đồng minh và Berlin. Trong một bức điện dài gửi cho Roosevelt đang đau ốm – bức điện đầu tiên mà ông gửi cho Roosevelt kể từ vụ lùm xùm về bức điện SCAF 252 – thoát tiên, ngài thủ tướng dành một đoạn dài để biểu thị lòng tin tưởng tuyệt đối của ông vào Eisenhower. Rồi “đã xóa bỏ hết các hiểu lầm giữa những người đồng minh và bằng hữu chân thành nhất từng kề vai sát cánh chiến đấu cùng nhau”.

Churchill gắng sức nhấn mạnh sự cấp bách cần chiếm thủ đô nước Đức. Ông tranh luận rằng “Không gì có thể tạo nên cảm giác tuyệt vọng với quân Đức... bằng sự sụp đổ của Berlin. Đó sẽ là tín hiệu thất bại tột cùng... Nếu [Nga] chiếm được Berlin, chẳng phải họ sẽ khắc sâu trong tâm trí rằng mình là người góp công lớn nhất vào chiến thắng chung hay sao, và chẳng phải điều này sẽ khiến họ có tâm thế tự cao, gây ra những khó khăn nghiêm trọng trong tương lai? Do đó, cần nhắc điều này trên lập trường chính trị... tôi cho là chúng ta nên chiếm Berlin...”

Ngày hôm sau, phiền não của Churchill càng sâu thêm khi nhận được bản sao của bức điện Stalin gửi cho Eisenhower. Ngài thủ tướng thấy nội dung của nó rất khả nghi. 10:45 đêm hôm đó, ông điện cho Eisenhower,

“Đọc bức điện hồi âm từ Moscow gửi cho ngài xong, tôi càng tin rằng ta cần chiếm Berlin, khả năng này đang để ngỏ cho chúng ta, nhất là ở đoạn thứ ba có viết ‘Berlin đã mất tầm quan trọng chiến lược trước kia của nó.’ Câu này nên được hiểu theo những gì tôi đã nói về khía cạnh chính trị.” Churchill sốt sắng nói thêm là giờ ông thấy rằng “quan trọng là chúng ta nên phối hợp với quân Nga càng xa về phía đông càng tốt...”

Bất chấp tất cả, quyết tâm của Churchill dành cho Berlin vẫn không suy yếu. Ông vẫn rất lạc quan. Kết thúc bức điện gửi Eisenhower, ông viết: “Có thể sẽ có nhiều chuyện xảy ra ở phương Tây, trước ngày mở đầu cuộc tấn công chủ lực của Stalin”.

Giờ đây, hi vọng lớn lao của ông là động lực và lòng hăng hái của quân Đồng minh sẽ đưa họ đến Berlin trước ngày Stalin phát động tấn công.

Ở bộ chỉ huy của Stalin, hai nguyên soái Zhukov và Koniev đang chạy đua với thời gian. Đến thứ ba ngày 3/4, đúng hạn sau 48 giờ, kế hoạch của họ đã sẵn sàng. Họ gặp Stalin một lần nữa.

Zhukov trình bày trước. Ông đã suy tính về cuộc tấn công nhiều tháng nay và các bước đi dự kiến cho Phương diện quân Belorussia số 1 hùng hậu của ông đã nằm trong lòng bàn tay.

Ông nói, cuộc tấn công chính sẽ diễn ra trước bình minh, từ đầu cầu dài 44 km trên sông Oder, phía tây Küstrin – ngay chính diện Berlin. Các cuộc tấn công khác ở phía bắc và phía nam sẽ hỗ trợ cho cuộc tấn công này.

Công tác hậu cần của Zhukov khá là đáng kinh ngạc. Có không ít hơn hai tập đoàn quân xe tăng và bốn tập đoàn quân thường sẽ được sử dụng cho cuộc tấn công chính, còn mỗi cuộc tấn công phụ trợ thì có hai tập đoàn quân.

Tính cả các lực lượng thứ chính hỗ trợ đằng sau, ông sẽ có 768.100 quân. Quyết không phụ thuộc vào may rủi, Zhukov hi vọng sẽ chiếm được đầu cầu Küstrin bằng cách bố trí tối thiểu 250 khẩu pháo mỗi kilomet – tương đương cứ 4 mét một khẩu! Ông định mở đầu cuộc tấn công với màn

nã pháo từ 11.000 khẩu pháo, chưa tính mấy khẩu súng cối có đường kính nhỏ hơn.

Giờ ông đi vào phần ưa thích trong kế hoạch. Zhukov đã nghĩ ra một mưu kế kỳ lạ và phi chính thống để khiến quân địch hoang mang. Ông sẽ phát động tấn công từ lúc trời còn tối. Ngay lúc đó, ông định khiến quân Đức lóa mắt và mất tinh thần bằng cách chiếu thẳng 140 ngọn đèn pha rọi máy bay công suất lớn vào vị trí của địch. Ông đoán chắc kế hoạch của mình sẽ tạo nên màn thăm sát quân Đức.

Kế hoạch của Koniev cũng đồ sộ tương tự, nhưng khó khăn và phức tạp hơn, bắt nguồn từ tham vọng của ông.

Như sau này ông nói: “Với chúng tôi, Berlin là mục tiêu được tất cả mọi người khát khao mãnh liệt, từ lính thường tới các tướng lĩnh đều muốn được tận mắt nhìn thấy Berlin, được tự tay chiếm lấy nó. Đây cũng là khát khao cháy bỏng của tôi... Tôi đang ngập chìm trong đó.”

Nhưng sự thật là tính theo điểm gần nhất thì quân của Koniev còn cách thành phố hơn 75 dặm. Koniev mong tốc độ hành quân có thể bù đắp được. Ông đã khôn ngoan điều các đội xe tăng về bên phải, để cho khi nào đột phá được thì ông có thể lặn bánh về phía tây bắc và tấn công vào Berlin, có lẽ sẽ tới được thành phố trước Zhukov.

Ông đã ấp ủ ý tưởng này nhiều tuần nay. Giờ đây, sau khi nghe Zhukov trình bày, ông hơi do dự phải đọc kế hoạch của mình. Thay vào đó, tạm thời ông đi vào chi tiết chiến dịch. Kế hoạch của ông là sẽ tấn công qua sông Neisse vào lúc bình minh, dưới sự bảo vệ của một màn khói dày đặc do các phi đội máy bay chiến đấu bay tầm thấp thả ra. Ông định dùng năm tập đoàn quân thường và hai tập đoàn quân tăng cho cuộc tấn công – tương đương 511.700 người. Đáng chú ý là ông cũng yêu cầu mật độ pháo dày đặc tương tự với Zhukov – 250 khẩu một kilomet – và thậm chí còn sử dụng nhiều hơn.

Koniev nhớ lại, “Không như ông bạn tôi đây, tôi định bắn phá tập trung vào từng vị trí của quân thù trong hai tiếng rưỡi.”

Nhưng Koniev rất cần thêm quân. Trong khi Zhukov có tám tập đoàn quân dọc theo sông Oder, thì bên sông Neisse, Koniev chỉ có năm. Để kế

hoạch có thể tiến hành, ông cần thêm hai tập đoàn quân nữa. Sau một hồi thảo luận, Stalin đồng ý giao cho ông Tập đoàn quân 28 và Tập đoàn quân 31, vì “các mặt trận ở Baltic và Đông Phổ đã giảm đi.” Nhưng Stalin chỉ ra rằng sẽ mất nhiều thời gian để hai tập đoàn quân này tới được Phương diện quân Ukraine số 1. Vận chuyển là cả một vấn đề. Koniev quyết định đánh cược. Ông nói với Stalin rằng mình có thể bắt đầu cuộc tấn công trong khi quân tăng viện vẫn còn trên đường đi, rồi khi nào họ tới thì sẽ dùng sau.

Sau khi nghe qua hai người trình bày, Stalin chấp nhận cả hai phương án. Nhưng Zhukov sẽ chịu trách nhiệm chiếm Berlin. Sau đó, ông sẽ hướng về trận địa ở sông Elbe. Koniev sẽ tấn công cùng ngày với Zhukov, tiêu diệt quân địch dọc mạn nam của Berlin, rồi đem quân tiến về phía Tây để gặp quân Mỹ.

Cụm tập đoàn quân thứ ba của Liên Xô, Phương diện quân Belorussia số 2 của Nguyên soái Rokossovskii sẽ đi dọc theo hạ lưu sông Oder rồi tiến về bờ biển nằm ở phía bắc của quân Zhukov, không liên quan gì đến cuộc tấn công Berlin. Với 314.000 người, Rokossovskii sẽ tấn công sau, băng qua miền bắc nước Đức để hội quân với Anh. Tổng cộng, cả ba tập đoàn quân của Nga có 1.593.800 người.

Vậy là Koniev được giao vai trò hỗ trợ trong cuộc tấn công Berlin. Nhưng rồi, cúi xuống tấm bản đồ trên bàn,

Stalin vẽ một đường ranh giữa quân của Zhukov và Koniev. Đó là một ranh giới kỳ lạ. Nó bắt đầu từ mặt trận của Nga, băng qua sông và chạy thẳng tới thành phố Lübben có từ thế kỷ 16 nằm bên sông Spree, cách Berlin khoảng 65 dặm về hướng đông nam. Tại đó, Stalin đột nhiên ngừng vẽ. Nếu ông vẽ tiếp đường ranh đó băng qua nước Đức, thì sẽ tạo thành một ranh giới mà Koniev không được vượt qua, Phương diện quân Ukraine số 1 rõ ràng sẽ không còn tham gia vào cuộc tấn công Berlin nữa.

Giờ Koniev thấy rất phẫn chấn. Sau này ông nhớ lại, dù “Stalin không nói gì... nhưng có thể ngầm hiểu người chỉ huy mặt trận sẽ có khả năng thực hiện trận đánh mở màn.” Quân của Koniev đã được bật đèn xanh tới Berlin – nếu ông có thể, dù không có lời nào được thốt ra. Với Koniev, cứ như thể Stalin đi guốc trong bụng ông vậy. Cuộc họp kết thúc bằng cái mà

ông gọi là “tiếng hô bắt đầu tranh tài bí mật... của Stalin.”

Ngay lập tức, kế hoạch của hai nguyên soái được kết hợp lại thành chỉ đạo chính thức. Sáng hôm sau, hai vị tư lệnh đối thủ cầm mệnh lệnh trong tay, chạy xe tới sân bay Moscow trong màn sương mù dày đặc, mỗi người đều háo hức muốn về bộ chỉ huy của mình ngay.

Mệnh lệnh của họ yêu cầu phải tấn công trước ngày Stalin nói cho Eisenhower một tháng. Vì lý do bảo mật, văn bản chỉ đạo không nêu ngày, nhưng cả Zhukov và Koniev đã nghe Stalin nói. Cuộc tấn công Berlin sẽ bắt đầu vào thứ hai ngày 16/4.

Ngay khi Zhukov và Koniev đã náo nức bắt đầu chuẩn bị đưa 13 tập đoàn quân với hơn một triệu lính vào Berlin, trực giác nổi tiếng của Adolf Hitler lóe lên. Ông ta kết luận rằng cuộc tấn công của quân Nga vào Küstrin, ngay chính diện thủ đô chỉ là một trò lừa. Mũi tấn công chính của Liên Xô sẽ nhắm vào Prague ở phía nam, chứ không phải Berlin. Chỉ có một viên tướng của Hitler là có sự sáng suốt tương tự.

Thượng tướng Ferdinand Schörner, hiện là tư lệnh của Cụm tập đoàn quân Trung tâm, ở phía nam quân của Heinrici, cũng nhìn thấu được cái bẫy của quân Nga. Schörner cảnh báo, “Thưa Quốc trưởng, điều này đã viết trong lịch sử. Hãy nhớ lời của Bismarck, ‘Ai chiếm được Prague sẽ chiếm được châu Âu.’”

Hitler đồng ý. Schörner hung ác, vị tướng ưa thích của Quốc trưởng và nằm trong số những người kém cỏi nhất trong giới tướng lĩnh Đức, được thăng làm Thống chế ngay lập tức. Cùng lúc đó, Hitler đưa ra một chỉ thị định mệnh. Đêm ngày 5/4, ông ra lệnh chuyển bốn đơn vị thiết giáp kỳ cựu của Heinrici về phía nam – các đơn vị mà Heinrici đang dùng để cản bước quân Nga.

4

Chiếc xe của Thượng tướng Heinrici chậm chậm chạy qua Berlin đổ nát, để đến điện Reichskanzlei dự cuộc họp trang trọng mà Hitler đã ra lệnh trước đó 9 ngày. Ngồi đằng sau vị tư lệnh hành quân của mình là Đại tá Eismann, Heinrici lặng lẽ nhìn chăm chăm ra ngoài đường phố cháy đen. Trong hai năm qua, ông chỉ về thành phố một lần. Giờ cảnh tượng trước mắt khiến ông choáng váng. Ông không thể nhận ra đây lại là Berlin.

Bình thường, đi từ bộ chỉ huy của ông đến Reich-skanzlei mất khoảng 90 phút, nhưng họ đã đi gần gấp đôi khoảng đó. Đường bị tắc liên tục, buộc họ phải đi đường vòng lằng nhằng hơn. Đến cả mấy đại lộ chính cũng không thể đi qua được. Mấy chỗ khác, có những tòa nhà nghiêng đến phát ghê, chỉ chực đổ sập bất kỳ lúc nào, khiến các con đường đều trở nên nguy hiểm.

Nước phun ra ồ ạt từ các hố bom to đùng; gas rò rỉ từ các đường ống vỡ; và khắp chốn trong thành phố đều có các khu vực bị cách ly và có biển báo “Achtung! Minen!” đánh dấu vị trí các quả bom do máy bay thả vẫn chưa nổ. Heinrici cay đắng nói với Eismann. “Vậy ra đây là những gì chúng ta có được đấy – một biển gạch vụn.”

Dù các tòa nhà hai bên đường Wilhelmstrasse đều thành đồng đổ nát, nhưng điện Reichskanzlei lại không thay đổi mấy, trừ vài chỗ hư hại nhỏ. Đến cả các lính gác SS ăn vận chỉnh chu đứng ngoài cổng vào dường như cũng vẫn như xưa. Bọn họ đứng nghiêm chào khi Heinrici đi vào, Eismann theo sau. Dù bị trì hoãn nhưng viên thượng tướng vẫn đến đúng giờ.

Cuộc họp với Hitler dự kiến bắt đầu lúc ba giờ chiều, và Heinrici đã suy nghĩ về nó khá nhiều trong mấy ngày qua. Ông định nói với Hitler và đám bậu xâu xung quanh tình hình thực sự mà Cụm Tập đoàn quân Vistula đang phải đối mặt chân thực hết mức có thể. Heinrici biết rõ nếu nói ra sẽ gặp

phải nguy hiểm gì, nhưng những hậu quả đó không làm ông bận tâm. Ngược lại, Eismann rất phiền não. Sau này ông nói, “Tôi thấy Heinrici giống như đang định tấn công toàn diện vào Hitler và các cố vấn, và rất ít người có thể làm thế mà vẫn sống sót.”

Trong đại sảnh, một viên sĩ quan SS, ăn mặc không chệ vào đâu được trong chiếc áo vest trắng, quần dài đen và đôi ủng kỵ binh cao cổ bóng loáng, chào Heinrici và đưa ông đến nơi diễn ra cuộc họp trong căn hầm Führerbunker. Heinrici đã nghe nói đó là một mê cung rộng lớn gồm các cơ sở hạ tầng xây ngầm bên dưới tòa nhà thủ tướng, những tòa nhà kế bên và các khu vườn đằng sau, nhưng ông chưa từng vào trong đó. Đi theo người hướng dẫn, ông và Eismann đi xuống dưới hầm và ra ngoài vườn. Dù mặt tiền của điện Reichskanzlei không suy suyển gì, nhưng phần sau bị hư hại nghiêm trọng. Ngày xưa, nơi đây là những khu vườn lộng lẫy với một hệ thống giếng phun. Giờ chúng đã biến mất, cùng với ngôi đình uống trà của Hitler và các nhà kính trồng cây đứng bên cạnh.

Với Heinrici, nơi này giống như một bãi chiến trường, với “những hố bom rộng lớn, những tảng bê tông, các pho tượng vỡ tan tành và những gốc cây bật rễ.” Giữa những bức tường ám đầy muội than của tòa nhà thủ tướng là “những cái hố đen ngòm vốn từng là cửa sổ.” Eismann nhìn cảnh điêu tàn và nhớ tới một câu trong bài “Lời nguyện của người ca sĩ” của nhà thơ Đức Uhland vào thế kỷ 19. Câu thơ đó là “Chỉ có một cây cột cao nói lên vinh quang đã biến mất; nó có thể sụp trong đêm.”

Heinrici thực tế hơn. Ông thì thầm với Eismann, “Cứ nghĩ xem, ba năm trước Hitler nắm châu Âu trong tay, từ sông Volga tới Đại Tây Dương. Giờ ông ta ngồi trong một cái hố dưới đất.”

Họ băng qua khu vườn và đi vào một dãy nhà hình chữ nhật có hai lính gác. Họ được yêu cầu kiểm tra giấy tờ, sau đó hai người lính gác mở một cánh cửa thép nặng nề để hai sĩ quan đi qua. Heinrici luôn nhớ rõ, khi cửa khép đánh rầm sau lưng họ, “Chúng tôi bước vào một thế giới ngầm không thể nào tin được.”

Ở dưới đây một cầu thang bê tông xoắn có hai sĩ quan SS trẻ tuổi đón họ trong một căn phòng nghỉ sáng trưng. Bọn họ lịch sự cất áo khoác cho hai

người, và soát người cũng lịch sự như thế. Nhất là chiếc cặp táp của Eismann rất được chú ý: hồi tháng 7/1944, một chiếc cặp táp chứa bom đã suýt kết liễu mạng sống Hitler. Kể từ đó, các cận vệ của Hitler không cho phép ai tới gần ông ta mà không lục soát trước. Dù hai sĩ quan SS đã xin lỗi, Heinrici vẫn điên người vì sự sỉ nhục này. Eismann cảm thấy “thật nhục nhã khi một vị tướng của Đức lại bị đối xử như thế.”

Cuộc lục soát kết thúc, họ được đưa vào một hành lang dài và hẹp, được ngăn làm hai khu, cái đầu tiên dẫn vào một căn phòng đợi khá thoải mái. Các chùm đèn hình vòm nhô ra trên trần, phủ sắc vàng lên mấy bức tường vừa màu be nhạt. Trên sàn trải một tấm thảm phương đông mà rõ ràng được đem xuống từ một căn phòng lớn hơn trong tòa nhà thủ tướng, vì các mép được gấp lại.

Dù căn phòng khá thoải mái, nhưng nội thất – giống như tấm thảm – có vẻ hơi lạc lõng. Có rất nhiều ghế, một số thì đơn giản, số khác lại được bọc rất sang trọng. Một cái bàn gỗ sồi đứng dựa vào tường, mấy bức tranh sơn dầu, tranh phong cảnh lớn của họa sĩ và kiến trúc sư Đức Schinkel treo quanh phòng. Bên phải lối vào có một cánh cửa mở đi vào một phòng họp nhỏ dùng cho cuộc họp.

Heinrici chỉ có thể ước đoán độ sâu và kích cỡ của Führerbunker. Từ những gì ông được thấy, có vẻ nó khá rộng, có các cánh cửa nằm hai bên hành lang và ở đằng xa cũng có. Từ trần nhà khá thấp, rồi các cánh cửa kim loại hẹp và không có cửa sổ, nơi này giống như hành lang của một con tàu nhỏ - trừ điều đó, theo ước đoán của Heinrici, nơi đây nằm sâu dưới đất ít nhất 12 m.

Gần như ngay lập tức, một sĩ quan SS cao ráo ăn mặc nhã nhặn xuất hiện. Ông ta là sĩ quan phụ tá riêng kiêm cận vệ của Hitler, Đại tá Otto Günsche. Ông ta vui vẻ hỏi thăm về chuyến đi của họ và mời họ thư giãn; Heinrici chấp nhận uống một tách cà phê.

Không lâu sau đó, những người dự họp khác cũng lục đục tới. Đầu tiên là sĩ quan quản trị của Hitler, Đại tướng Wilhelm Burgdorf. Eismann nhớ là ông ta chào họ và “ôn ào nói về thành công.” Rồi Thống chế Wilhelm Keitel, Tham mưu trưởng của OKW tới, theo sau là Himmler, Đô đốc Karl

Doenitz và người nổi tiếng là tâm phúc thân cận nhất của Hitler, Martin Bormann. Nói theo Eismann, “Tất cả đều cao giọng chào hỏi chúng tôi. Nhìn thấy họ, tôi thực sự tự hào về ngài tư lệnh của mình. Với cử chỉ cứng nhắc quen thuộc của ông ấy, nghiêm túc và chuẩn mực, ông ấy là một quân nhân từ đầu tới chân giữa đám nội các đó.”

Eismann thấy Heinrici trở nên căng thẳng khi Himmler băng qua căn phòng, đi về phía ông. Vị tướng găm gù khe khẽ, “Thằng cha đó sẽ không bao giờ được đặt chân vào bộ chỉ huy của tôi. Nếu thằng chả nói muốn ghé thăm, phải báo sớm cho tôi để tôi còn chuẩn trước. Thằng chả làm tôi muốn ói.” Và thực vậy, Eismann nghĩ Heinrici trông hơi xanh khi Himmler bắt chuyện với ông.

Lúc đó, Đại tướng Hans Krebs, người kế nhiệm Guderian bước vào phòng, và khi thấy Heinrici bèn bước đến chỗ ông ngay lập tức. Trước đó, Heinrici đã nghe Krebs nói về chuyện chuyển các đơn vị thiết giáp sống còn của ông sang Cụm tập đoàn quân của Schörner. Dù trách Krebs đã không mạnh mẽ phản đối quyết định đó, giờ Heinrici lại có vẻ khá thân mật với vị thủ trưởng mới của OKH. Ít nhất ông không phải tiếp tục nói chuyện với Himmler.

Như thường lệ, Krebs vẫn khéo léo và tỏ vẻ quan tâm. Ông ta đảm bảo với Heinrici rằng mình không hề nghi ngờ gì là mọi chuyện sẽ ổn cả. Doenitz, Keitel và Bormann cùng nhập hội và nghe Heinrici đề cập đến một số vấn đề của ông. Cả ba cùng hứa sẽ ủng hộ khi Heinrici trình bày với Hitler.

Bormann quay sang hỏi Eismann, “Anh có ý kiến gì về tình hình của Cụm tập đoàn quân không – vì nó trực tiếp ảnh hưởng đến Berlin và cả nước Đức nói chung?” Eismann ngẩn ra. Khi mà quân Nga chỉ còn cách thủ đô có 38 dặm, còn quân Đồng minh thì đang tốc hành băng qua nước Đức từ phía Tây, họa có điên mới đi hỏi vậy.

Ông thẳng thừng đáp, “Tình hình rất nghiêm trọng. Đó là lý do chúng ta ở đây.” Bormann vỗ nhẹ lên vai ông. Ông ta nói với Eismann, “Anh không nên lo lắng quá làm gì. Quốc trưởng chắc chắn sẽ giúp anh. Anh sẽ có được lực lượng anh cần.” Eismann nhìn chăm chăm ông ta. Bormann nghĩ quân

từ đâu mà có cơ chứ? Nhất thời, ông có cảm giác khó chịu là mình và Heinrici là những người duy nhất còn tỉnh táo trong phòng.

Càng lúc càng nhiều sĩ quan và tham mưu bước vào hành lang vốn đã đầy ắp người. Tư lệnh hành quân của Hitler, Đại tướng Alfrd Jodl, và thành viên Ban tham mưu của OKW, chịu trách nhiệm về hậu cần và quân tăng viện, Thiếu tướng Walter Buhle cùng bước vào. Gần như ai cũng có một sĩ quan phụ tá, một lính cần vụ hoặc một người cấp phó đi cùng. Tiếng ồn ào hỗn loạn của bọn họ làm Eismann liên tưởng tới một bữa tiệc.

Heinrici đứng yên lặng trong hành lang chật ních người, chủ động lắng nghe tiếng trò chuyện râm ran. Chủ yếu là những chuyện nhỏ nhặt, linh tinh và chẳng có gì liên quan. Căn hầm và bầu không khí nơi đây thật ngột ngạt và không thực.

Heinrici có cảm giác bất an là những người thân cận với Hitler đã rút vào một thế giới trong mơ, tại đó họ tự huyễn hoặc bản thân rằng phép màu sẽ xuất hiện và thảm họa sẽ tiêu tan. Giờ đây, trong lúc chờ đợi người họ tin sẽ đem lại phép màu, thành linh cả hành lang rung động. Đại tướng Burgdorf giơ tay lên cao vẫy vẫy ra hiệu im lặng. Ông nói, “Thưa các quý ông, thưa các quý ông, Quốc trưởng sắp đến rồi”.

“Gustav! Gustav!” Radio vang lên mật mã cảnh báo của Tempelhof khi có máy bay xuất hiện tại quận này. Trong văn phòng của các trưởng ga nằm dọc theo đường tàu điện ngầm U-Bahn, loa phóng thanh kêu to, “Mỗi nguy hiểm 15!” Một cuộc không kích trên toàn thành phố nữa lại bắt đầu.

Mặt đất rung chuyển. Kính vỡ bay loạn xạ. Những tảng bê tông đổ ầm ầm xuống mặt đường, và các cơn lốc bụi cuộn xoáy lên từ hàng trăm chỗ, cả thành phố bị bao phủ trong một đám mây xám đen. Đàn ông và phụ nữ nối đuôi nhau chạy, vấp ngã và chen chúc tìm đường vào các hầm trú ẩn.

Ngay trước khi tới được chỗ trú, Ruth Diekermann nhìn lên trời và thấy các máy bay thả bom đang lớp lớp kéo tới, “giống như một băng chuyền tự động.” Ở nhà máy Krupp und Druckenmüller, Jacques Delaunay, một lao động cường chế người Pháp vút lại cánh tay người nham nhở ông vừa tìm thấy trong một chiếc xe tăng sứt sẹo mà ông đang sửa chữa, rồi chạy đi tìm chỗ trú.

Ở Siegesallee (Tượng đài Chiến thắng), các pho tượng cẩm thạch của những nhà cai trị Brandenburg-Phổ rung chuyển rồi đổ xuống trên bệ đỡ; pho thánh giá mà nhà lãnh đạo thế kỷ XII Margrave Albert Gấu gior cao trên tay bị sút ra, cắm vào ngực con người lỗi lạc cùng thời với ông, Giám mục Otho ở xứ Bamberg. Tại Quảng trường Skagerrak gần đó, cảnh sát cũng chạy đi ẩn nấp, bỏ lại sau lưng xác một người treo cổ tự tử đang đong đưa trên cây.

Một loạt bom lửa thả xuống mái khu B của nhà tù Lehrterstrasse, gây ra cả tá đám cháy ma-giê chói lọi trên tầng hai. Các tù nhân được thả ra để dập lửa, điên cuồng chạy qua đám khói cay xè, mang theo mấy xô cát. Bỗng có hai người khựng lại. Người tù ở phòng giam số 244 nhìn chăm chăm người tù ở phòng giam 247. Rồi họ ôm chầm lấy nhau. Hai anh em Herbert và Kurt Kosney giờ mới biết là họ bị giam cùng một chỗ suốt nhiều ngày nay.

Ở Pankow, trong căn hộ hai phòng ở tầng trệt của gia đình Möhring, nơi gia đình Weltlinger đang lẩn trốn, trong nhà bếp, Siegmund ôm lấy bà vợ Margarete đang khóc lóc. Ông hét át tiếng pháo phòng không âm ỉ, “Nếu cứ thế này, đến cả người Do Thái cũng có thể thoải mái đi xuống hầm trú ẩn thôi. Giờ người ta sợ bom thế làm sao đuổi bắt ta được nữa.”

Rudolf Reschke, 14 tuổi chỉ kịp nhìn mấy chiếc máy bay lấp lánh bạc trên bầu trời – quá cao nên không thể chơi trò đuổi bắt nguy hiểm nó vẫn thích chơi với các oanh tạc cơ. Rồi mẹ nó hét lên gần như hoảng loạn, túm nó xuống dưới hầm, nơi đứa em gái 9 tuổi Christa đang ngồi run rẩy và khóc lóc. Dường như toàn bộ căn hầm đang rung chuyển. Vừa trên trần và trên tường rơi xuống; rồi đèn nhấp nháy và tắt phụt. Bà Reschke và Christa bắt đầu cầu nguyện thật to, một phút sau thì Rudolf nhập cuộc, họ cùng đọc bài kinh “Cha chúng ta.”

Tiếng bom ngày càng khủng khiếp hơn và giờ căn hầm rung chuyển liên hồi. Ba người nhà Reschke từng trải qua nhiều cuộc không kích, nhưng chưa lần nào dữ dội thế này. Bà Reschke vòng tay ôm hai con, bắt đầu nức nở.

Xưa nay Rudolf hiếm khi thấy mẹ khóc, dù nó biết bà vẫn thường lo âu, nhất là khi cha nó còn đang ở ngoài mặt trận. Đột nhiên nó thấy nổi điên

với lũ máy bay vì đã làm mẹ nó sợ - và đây cũng là lần đầu tiên Rudolf thấy sợ. Nó phát hiện ra mình cũng đang khóc.

Trước khi mẹ nó có thể cản lại kịp, Rudolf lao ra khỏi hầm. Nó chạy lên cầu thang, vào trong căn hộ ở tầng trệt của nhà mình; rồi chạy thẳng vào trong phòng mình, tới chỗ đám lính đồ chơi của nó. Nó chọn cái nhìn oai nhất trong cả đám, có những đường nét khác biệt vẽ trên khuôn mặt bằng sứ. Nó đi vào bếp và lấy con dao phay nặng nề của mẹ. Hoàn toàn quên đi cuộc không kích, Rudolf đi ra ngoài sân của tòa nhà, đặt con búp bê xuống nền, rồi một nhát cắt lìa đầu con búp bê. Nó lui lại và nói: “Đó!” Nước mắt chảy dài trên mặt, nó nhìn xuống cái đầu nghiêm trang của Adolf Hitler mà không hề hối lỗi.

Ông ta lê bước vào hành lang căn hầm – nửa cúi, nửa kéo lê chân trái, cánh tay trái rung rẩy không kiểm soát được. Dù cao 1m74, nhưng giờ khi cả đầu lẫn cơ thể đều nghiêng về bên trái, trông ông ta thấp hẳn đi. Đôi mắt mà những kẻ ngưỡng mộ từng ca ngợi là “cuốn hút” giờ bồn chồn và đỏ ngầu như thể nhiều ngày chưa ngủ. Khuôn mặt ông ta xám xịt, sưng húp. Cặp kính mắt màu xanh nhạt đóng đũa trong tay phải ông ta, giờ ánh sáng cũng khiến ông ta khó chịu. Ông ta nhìn mấy vị tướng lĩnh một cách vô cảm một chặp, trong khi họ giơ tay lên và đồng thanh cái điệp khúc “Heil Hitler.”^[38]

Hành lang chật cứng người, tới mức Hitler khó khăn lắm mới lách qua được để vào căn phòng họp nhỏ. Eismann nhận thấy người xung quanh lại tiếp tục nói chuyện khi Quốc trưởng đi qua; không hề có sự yên lặng tôn kính như ông tưởng tượng. Heinrici thì bị sốc trước bề ngoài của Quốc trưởng. Ông nghĩ, Hitler “trông như một người sắp tới số trong 24 tiếng nữa. Ông ta là một xác chết biết đi.” Hitler chậm chậm chen lấn đến chỗ ngồi ở đầu bàn, như thể đang đau đớn lắm. Eismann ngạc nhiên thấy ông ta dường như ngồi bẹp dí xuống ghế bành “như một cái bao bố, không nói một lời, và giữ nguyên điệu bộ sóng soài như thế, tay bám vào tay vịn chiếc

ghế.” Krebs và Bormann đến sau lưng Quốc trưởng, ngồi lên băng ghế dựa sát tường. Tại đó, Krebs thân mật giới thiệu Heinrici và Eismann. Hitler yếu ớt bắt tay hai người.

Heinrici nhận thấy mình “hầu như không cảm nhận được bàn tay của Quốc trưởng, vì không hề có tí sức ép nào.”

Vì căn phòng quá nhỏ nên không phải ai cũng được ngồi, và Heinrici đứng bên trái Quốc trưởng, Eismann đứng bên phải ông. Keitel, Himmler và Doenitz ngồi phía đối diện chiếc bàn. Phần còn lại đứng ngoài hành lang; Heinrici ngạc nhiên thấy họ vẫn tiếp tục nói chuyện, dù đã nhỏ giọng đi nhiều. Krebs bắt đầu cuộc họp. Ông nhìn Heinrici và nói, “Để ngài tư lệnh có thể trở lại Cụm tập đoàn quân của mình càng sớm càng tốt, tôi đề nghị ngài nên đọc báo cáo ngay.” Hitler gật đầu, đeo kính lên và ra hiệu cho Heinrici bắt đầu.

Bằng cung cách chuẩn mực, vị tướng đi thẳng vào vấn đề. Nhìn thẳng vào từng người quanh bàn, rồi nhìn Hitler, ông nói, “Thưa Quốc trưởng, tôi phải nói với ngài là quân địch đang chuẩn bị cho một cuộc tấn công với hỏa lực và quân lực phi thường. hiện tại, chúng đang chuẩn bị ở các vùng sau – từ nam Schwedt tới nam Frankfurt.”

Heinrici chỉ tay lên tấm bản đồ riêng của Hitler đặt trên bàn, chậm chậm di ngón tay dọc theo vùng bị đe dọa ở mặt trận sông Oder một đường dài khoảng 75 dặm, đi qua các thành phố mà ông cho là sẽ bị tấn công nặng nhất - ở Schwedt, ở vùng Wriezen, quanh đầu cầu Küstrin và phía nam Frankfurt. Ông nói mình không hề nghi ngờ gì “cuộc tấn công chủ lực sẽ đập vào Tập đoàn quân 9 của tướng Busse” đang trấn giữ khu vực trung tâm này; và “chúng cũng sẽ tấn công cánh phía nam của Tập đoàn quân Thiết giáp 3 của Von Manteuffel ở quanh Schwedt.”

Heinrici tỉ mỉ mô tả cách ông xây dựng lực lượng cho Tập đoàn quân 9 của Busse chống lại cuộc tấn công sắp tới của Nga. Nhưng vì cần củng cố cho Busse, Von Man-teuffel lại chịu thiệt. Một phần mặt trận của Tập đoàn quân Thiết giáp 3 đang được quân cấp thấp trấn giữ: quân Phòng vệ Địa phương già nua, một vài đơn vị Hungary và mấy sư đoàn lính Nga đào ngũ – độ tin cậy còn phải xem lại – do Trung tướng Andrei Vlasov chỉ huy.

Rồi Heinrici nói thẳng: “Trong khi đội hình của Tập đoàn quân 9 đã tốt hẳn lên, thì Tập đoàn quân Thiết giáp 3 không thể chiến đấu cho ra hồn vào lúc này được. Năng lực đoàn quân của Von Manteuffel, ít nhất ở khu trung tâm và khu phía bắc mặt trận của ông ấy hiện rất thấp. Họ không hề có pháo hay thứ gì tương tự. Súng phòng không thì không thể thay thế pháo được, trong mọi trường hợp, mà cũng không đủ đạn cho mấy khẩu súng đó.”

Krebs nho nhả cắt ngang. Ông ta nói mạnh mẽ: “Tập đoàn quân Thiết giáp 3 sẽ nhận được pháo nhanh thôi.”

Heinrici nghiêng nghiêng đầu nhưng không nói gì – chừng nào nhìn thấy pháo thì mới tin Krebs được. Rồi tiếp tục như thể chưa từng bị cắt ngang, ông giải thích với Hitler rằng Tập đoàn quân Thiết giáp 3 hiện được an toàn chỉ nhờ một điều duy nhất – sông Oder đang vào mùa lũ.

Ông nói, “Tôi phải cảnh báo với ngài là chúng ta chỉ có thể chấp nhận tình trạng yếu kém của Tập đoàn quân Thiết giáp 3 trong mùa lũ.” Heinrici nói thêm, một khi nước xuống, “quân Nga sẽ không thất bại khi tấn công vào đó đâu.”

Người trong phòng chăm chú lắng nghe, có một số hơi khó chịu với bài trình bày của Heinrici. Việc nói toạc móng heo ở một cuộc họp của Hitler khá hiếm; đa số các sĩ quan chỉ trình bày thành tựu và bỏ qua các khiếm khuyết. Từ khi Guderian ra đi, chưa có ai dám nói thẳng đến vậy – và rõ ràng là Heinrici chỉ mới bắt đầu.

Giờ ông chuyển qua vấn đề quân đồn trú ở Frankfurt bên sông Oder. Hitler đã tuyên bố rằng thành phố đó là một pháo đài, giống như Küstrin yếu mệnh. Heinrici muốn bỏ rơi Frankfurt. Ông thấy quân ở đó đang bị hi sinh vì chứng cuồng “pháo đài” của Hitler. Họ có thể được cứu và được dùng hữu ích hơn ở nơi khác.

Guderian, từng có cùng ý kiến về Küstrin, đã bị rớt đài vì quan điểm của ông về thành phố đó. Heinrici có thể sẽ có số phận tương tự vì dám chống đối. Nhưng vị tư lệnh Vistula thấy mình phải chịu trách nhiệm với quân ở Frankfurt, dù hậu quả có là gì, ông cũng không bị hăm dọa. Ông đưa ra vấn đề.

Ông mở đầu, “Ở nơi đóng quân của Tập đoàn quân 9, một trong những

điểm yếu nhất của mặt trận là quanh Frankfurt. Sức chiến đấu của quân ở đây rất thấp, và lượng đạn dược của họ cũng vậy. Tôi tin là chúng ta nên bỏ công tác phòng thủ tại Frankfurt và rút quân ra.”

Đột nhiên Hitler nhìn lên và nói câu đầu tiên kể từ khi cuộc họp bắt đầu. Ông ta nói nhanh, “Tôi không chấp nhận chuyện này.”

Cho tới lúc này, Hitler không chỉ ngồi im lặng mà còn bất động, như thể hoàn toàn không quan tâm. Eismann có cảm tưởng ông ta thậm chí còn không nghe gì. Giờ đây, Quốc trưởng bỗng nhiên “thức tỉnh và bắt đầu quan tâm sâu sắc.” Ông ta bắt đầu hỏi về sức chiến đấu của quân đồn trú, nguồn tiếp tế và đạn dược, và thậm chí không hiểu vì sao còn hỏi về cách triển khai pháo ở Frankfurt. Heinrici đều có câu trả lời.

Từng bước một, ông xây dựng nên tình thế của mình, lấy các báo cáo và số liệu từ Eismann và đặt hết lên bàn, phía trước Quốc trưởng. Hitler nhìn mớ tài liệu được đặt lên từng cái một và có vẻ khá ấn tượng. Thấy có cơ hội, Heinrici nói bình thản nhưng mạnh mẽ, “Thưa Quốc trưởng, tôi thành thật thấy rằng từ bỏ việc phòng thủ ở Frankfurt là một bước đi khôn ngoan và đúng đắn.”

Trước sự ngạc nhiên của hầu hết mọi người trong phòng, Hitler quay sang Chỉ huy trưởng OKH và nói, “Krebs, tôi thấy ý kiến của ngài thượng tướng về Frankfurt cũng hợp lý. Hãy đưa ra các mệnh lệnh cần thiết cho Cụm Tập đoàn quân này rồi đưa cho tôi trong hôm nay.”

Giữa sự im lặng choáng váng sau đó, tiếng nói chuyện xôn xao ở hành lang bên ngoài có vẻ quá sức to. Eismann cảm giác có một sự tôn trọng mới mẻ và đột ngột dành cho Heinrici. Ông nhớ lại, “Heinrici vẫn đứng yên, nhưng ông ấy nhìn tôi như muốn nói ‘Ha, chúng ta thắng rồi.’ Tuy nhiên, chiến thắng ấy thật gần gũi.”

Giữa lúc đó, có tiếng ồn ào ngoài hành lang và thân hình to lớn của Thống tướng Hermann Goering xuất hiện ở cửa ra vào của căn phòng họp nhỏ. Lách người đi vào, Goering nồng nhiệt chào hỏi những người có mặt, sôi nổi bắt tay Hitler và xin lỗi vì đã đến muộn.

Ông ta chen vào ngồi cạnh Doenitz, và cuộc họp bị hoãn khá khó chịu vì Krebs phải tóm tắt nhanh cho ông nghe bài báo cáo của Heinrici. Khi Krebs

nói xong, Goering đứng dậy và chống hai tay lên bàn, chúi người về phía Hitler như thể định bình luận gì đó về vụ việc. Nhưng thay vào đó, ông ta cười toe toét và bằng khiếu hài hước cao độ, ông nói, “Tôi phải kể ngài nghe một chuyện viếng thăm Sư đoàn không vận 9 của tôi...”

Ông ta không nói gì thêm. Hitler đột nhiên ngồi thẳng người rồi đứng bật dậy. Lời lẽ tuôn ra từ miệng ông ta như thác lũ, tới mức những người có mặt chẳng thể hiểu được gì. Eismann nhớ lại, “Trước mắt chúng tôi, ông ta nổi cơn thịnh nộ dâng trào.”

Trận lôi đình của ông ta chẳng liên quan gì với Goering. Đó là một bài chỉ trích kịch liệt dành cho các cố vấn và tướng lĩnh của ông ta, vì đã không chịu hiểu ý ông ta về cách sử dụng chiến thuật của các pháo đài.

Ông ta hét lên, “Hết lần này tới lần khác, các pháo đài đã hoàn thành mục đích của chúng trong chiến tranh. Điều này đã được chứng minh ở Posen, Breslau và Schneidemühl. Bao nhiêu quân Nga đã bị tiêu diệt ở đó? Và các pháo đài đó khó chiếm biết bao! Tất cả người trong đó đều chiến đấu tới người cuối cùng! Lịch sử đã chứng minh là tôi đúng và mệnh lệnh của tôi buộc các pháo đài phải chiến đấu cho tới người cuối cùng là đúng!”

Rồi nhìn thẳng vào Heinrici, ông ta thét, “Đó là lý do tại sao Frankfurt phải duy trì tình trạng của nó!”

Cũng đột ngột như khi nó bắt đầu, cơn thịnh nộ chấm dứt. Nhưng dù mệt mỏi vì kiệt sức, Hitler không thể ngồi yên được nữa. Eismann thấy dường như ông ta đã mất kiểm soát. Ông nhớ lại, “Toàn thân ông ta run lên, hai tay vung lên vung xuống loạn xạ, mấy cây bút chì đang cầm trong tay đập vào tay vịn chiếc ghế. Ông ta khiến tôi có cảm tưởng là ông loạn trí rồi. Điều này thật là không thực – nhất là khi nghĩ rằng số mệnh của cả một dân tộc lại nằm trong tay một kẻ suy sụp.”

Bất chấp cơn giận dữ của Hitler, bất chấp việc ông ta thành công đổi ý về Frankfurt, Heinrici kiên quyết không bỏ cuộc. Bình thản, kiên nhẫn – như thể chưa từng có cơn thịnh nộ đó – ông tiếp tục nói về các vấn đề gây tranh cãi lần nữa, nhấn mạnh từng nguyên nhân một cho thấy cần bỏ Frankfurt. Doenitz, Himmler và Goering ủng hộ ông.

Nhưng cũng chỉ là ủng hộ cho có lệ. Ba vị tướng quyền lực nhất trong

phòng vẫn yên lặng. Keitel và Jodl không nói gì – và đúng như Heinrici đoán, Krebs không đưa ra ý kiến nghiêng về bên nào. Hitler rõ ràng đã mệt mỏi, chỉ uể oải ra hiệu bằng tay để bác bỏ từng vấn đề một. Rồi tự dừng bồng bồng sức sống trở lại, ông ta yêu cầu cho biết về phẩm cách của tư lệnh quân đồn trú tại Frankfurt, Đại tá Bieler. Heinrici trả lời, “Ông ấy là một sĩ quan đáng tin cậy và có kinh nghiệm, đã chứng tỏ được bản thân nhiều lần trong cuộc chiến.”

Hitler ngắt lời, “Ông ta có phải là một Gneisenau không?” Hitler muốn nhắc tới Đại tướng Graf von Gnei-senau, người từng thành công trấn thủ pháo đài Kolberg trước Napoleon năm 1806.

Heinrici vẫn điềm tĩnh. Ông bình thản đáp rằng “trận đánh ở Frankfurt sẽ chứng minh ông ấy có phải là Gneisenau hay không.” Hitler lại ngắt lời, “Được rồi, ngày mai đưa Bieler tới gặp tôi để tôi xem xem. Rồi tôi sẽ quyết định phải làm gì với Frankfurt.” Heinrici đã thua trận đầu về Frankfurt và ông tin trận thứ hai chắc cũng sẽ thua nốt. Bieler là người khá nhàm chán với đôi kính cận dày cộp. Ông ta sẽ khó mà gây ấn tượng với Hitler.

Sau đó đến phần mà Heinrici cho là cơn khủng hoảng của buổi họp. Khi ông bắt đầu nói tiếp, ông thấy hối hận là mình không có kỹ năng giao tiếp khéo léo. Ông chỉ biết một cách diễn đạt bản thân; và giờ như thường lệ, ông lại nói ra sự thật sờ sờ trước mắt. Ông nói, “Thưa Quốc trưởng, tôi không tin là quân ở mặt trận Oder có thể chống đỡ được các cuộc tấn công cực nặng ký của quân Nga.”

Hitler im lặng, vẫn còn run rẩy. Heinrici mô tả tình hình thiếu khả năng chiến đấu của mớ quân tạp nham – tình trạng nhân lực chung của Đức – trong lực lượng của ông. Phần lớn các đơn vị ngoài mặt trận chưa được huấn luyện, không có kinh nghiệm hoặc quá suy yếu vì đám lính mới tăng viện không tin cậy được. Nhiều tư lệnh cũng trong tình cảnh tương tự. Heinrici giải thích, “Ví dụ, Sư đoàn không vận 9 làm tôi thấy lo lắng. Các tư lệnh và hạ sĩ quan của nó hầu hết từng là sĩ quan quản trị, đều chưa được huấn luyện và không quen chỉ huy quân lính chiến đấu.”

Goering thành linh nổi nóng. Ông ta to tiếng, “Lính dù của tôi! Anh đang nói về lính dù của tôi! Họ là lực lượng giỏi nhất hiện có rồi đấy! Tôi sẽ

không nghe những nhận xét hạ nhục như vậy! Cá nhân tôi đảm bảo cho khả năng chiến đấu của họ!”

Heinrici lạnh lùng nhận xét, “Quan điểm của ngài hơi bị thiên vị đấy, ngài Thống chế ạ. Tôi không nói gì chống lại lính của ngài, nhưng kinh nghiệm cho tôi biết rằng những đơn vị chưa được huấn luyện – nhất là lại do các sĩ quan mới tò te chỉ huy – thường bị sốc rất dữ khi lần đầu bị pháo oanh tạc, tới mức sau đó chẳng làm nổi cái gì nữa.”

Hitler lại nói, giọng đã bình tĩnh và sáng suốt hơn. Ông ta tuyên bố, “Bằng mọi giá phải huấn luyện các đội quân đó. Chắc chắn vẫn còn kịp trước trận chiến.”

Heinrici bảo đảm với ông ta là đang nỗ lực thực hiện mọi thứ trong thời gian còn lại, nhưng ông nói thêm, “Việc huấn luyện không giúp họ có được kinh nghiệm chiến đấu, và đó chính là cái còn thiếu.” Hitler bác bỏ giả thiết này. “Các tư lệnh phù hợp sẽ cung cấp kinh nghiệm cần thiết, và dù sao thì quân Nga cũng đang chiến đấu bằng quân kém tiêu chuẩn.”

Hitler khẳng định Stalin “đang sắp tới giới hạn và những gì ông ta còn lại chỉ là các tù binh có khả năng cực kỳ hạn chế.” Heinrici thấy tin tức sai lệch của Hitler thật là khủng khiếp. Ông cực lực phản đối. Ông nói, “Thưa Quốc trưởng, quân Nga vừa đông vừa thiện chiến.”

Heinrici thấy đã tới lúc nói lên sự thật về tình hình đầy tuyệt vọng. Ông nói thẳng, “Tôi phải nói với ngài, từ khi các đơn vị thiết giáp bị chuyển sang cho Schörner, toàn bộ quân của tôi – cả giới lẫn dờ – đều phải đưa ra ngoài tiền tuyến. Không có quân dự bị. Không hề có. Liệu họ có chống cự được những đợt nã pháo trước trận đánh không? Họ có chịu đựng được tác động ban đầu không? Trong một lúc thì có lẽ có. Nhưng trước kiểu tấn công sắp tới, thì mỗi sư đoàn của ta sẽ mất một tiểu đoàn một ngày. Thế có nghĩa là trong suốt trận chiến, cứ một tuần ta lại mất một sư đoàn. Chúng ta không thể chịu nổi tổn thất như thế. Chúng ta chẳng có quân để thay thế.”

Ông ngừng lại, thấy mọi ánh mắt đều đổ dồn vào mình. Rồi Heinrici lần tới, “Thưa Quốc trưởng, sự thật là giỏi lắm thì chúng ta chỉ cầm cự được vài ngày.” Ông nhìn quanh phòng và nói, “Rồi mọi chuyện sẽ kết thúc.”

Trong phòng là cả một sự yên lặng chết chóc. Heinrici biết các số liệu

của mình không có gì để bàn cãi. Người ở đây đều quen thuộc với số liệu thương vong giống ông. Khác nhau là ở chỗ họ không dám nói ra.

Goering là người đầu tiên phá vỡ sự im lặng tê liệt. Ông thông báo, “Thưa Quốc trưởng, tôi sẽ giao ngay cho ngài tùy ý sử dụng 100.000 lính không quân. Họ sẽ tới mặt trận Oder trong vài ngày nữa.”

Himmler cúi kính nhìn Goering, đối thủ kỳ cựu của mình, rồi nhìn Hitler, như thể quan sát phản ứng của Quốc trưởng. Rồi ông ta cũng tuyên bố bằng giọng the thé, “Thưa Quốc trưởng, tôi sẽ rút 12.000 lính thủy và đưa ngay tới mặt trận Oder.”

Heinrici nhìn họ chăm chăm. Đây là một cuộc đấu giá kinh tởm mà họ tiêu mạng sống con người thay vì tiêu tiền, họ tình nguyện đưa ra các đoàn quân không được huấn luyện, không được trang bị, chất lượng kém cỏi trong đế chế riêng của mình. Họ đang trả giá nhằm vào đối phương, không phải để cứu nước Đức mà là để gây ấn tượng với Hitler. Và đột nhiên cơn sốt đấu giá lây lan khắp nơi. Một điệp khúc vang lên, ai cũng cố đưa ra các lực lượng có thể. Một số người hỏi số quân dự bị và Hitler kêu lên, “Buhle! Buhle!”

Ngoài hành lang, nơi đám đông gồm các tướng lĩnh và lính cần vụ đang chờ đợi đã đổi từ cà phê sang rượu brandy, tiếng kêu la vang lên. “Buhle! Buhle! Buhle đâu?”

Một trận om sòm, rồi Thiếu tướng Walter Buhle, Ủy viên Bộ Tổng tham mưu chịu trách nhiệm cung ứng hậu cần và quân tăng viện len lỏi qua đám đông đi vào phòng họp. Heinrici nhìn ông ta, rồi quay đi đầy ghét bỏ. Buhle mới uống rượu, cả người sực nức mùi rượu.^[39] Có vẻ như không ai khác chú ý hay bận tâm – kể cả Hitler.

Quốc trưởng đưa ra một số câu hỏi cho Buhle – về quân dự bị, cung ứng súng trường, vũ khí cỡ nhỏ và đạn dược. Buhle mệt nhọc trả lời, và Heinrici thấy thật ngu xuẩn, nhưng có vẻ như Hitler lại hài lòng với những câu trả lời đó. Theo những gì ông rút ra được từ câu trả lời của Buhle, có thể vết được thêm 13.000 lính từ cái gọi là đội quân dự bị.

Ra hiệu cho Buhle ngừng lại, Hitler quay sang Heinrici. Ông ta nói,

“VẬY là anh có 150.000 lính – khoảng 12 sư đoàn. Đó là quân dự bị của anh.” Cuộc đấu giá chấm dứt. Rõ ràng Hitler coi các vấn đề của Cụm Tập đoàn quân thế là xong. Tất cả những gì ông ta đã làm là mua thêm cho Đệ tam Quốc xã tối đa 12 ngày nữa – và có thể phải trả một cái giá cực đắt bằng mạng người.

Heinrici cố giữ bình tĩnh. Ông nói thẳng, “Bọn họ chưa qua huấn luyện chiến đấu. Họ chỉ ở hậu phương, trong văn phòng hoặc trên tàu, làm công tác bảo trì ở các căn cứ không quân... Họ chưa từng chiến đấu ngoài mặt trận. Họ chưa từng thấy qua một tên lính Nga nào.”

Goering ngắt lời. “Quân mà tôi đưa ra phần lớn là lính chiến đấu trên máy bay. Họ là lực lượng tinh nhuệ nhất trong số những người tinh nhuệ. Và còn có quân ở Monte Cassino – danh tiếng của họ làm lu mờ tất cả.”

Ông ta kịch liệt trình bày với Heinrici một cách lưu loát và phấn khích, “Bọn họ có ý chí, lòng dũng cảm và tất nhiên là có kinh nghiệm.”

Doenitz cũng giận dữ. Ông ta gắt với Heinrici, “Tôi nói anh hay, lực lượng trên các tàu chiến cũng giỏi y như bộ binh của anh vậy.” Nhất thời, Heinrici nổi điên. Ông gay gắt hỏi, “Anh không nghĩ là chiến đấu trên bộ với trên biển khác nhau rất nhiều à? Tôi nói anh hay, cả đám bọn họ sẽ bị tàn sát ngoài chiến trường hết! Bị tàn sát hết!”

Dù Hitler có bị sốc vì cơn giận dữ thành lỉnh của Heinrici hay không thì ông ta cũng không biểu lộ gì. Trong khi những người khác nổi xung lên thì Hitler có vẻ bình tĩnh và lạnh lùng. Ông ta nói, “Được rồi, chúng ta sẽ đưa các đội quân dự bị này đến tuyến thứ hai, sau tiền tuyến khoảng 8 km. Tiền tuyến sẽ gánh chịu loạt pháo mở màn của quân Nga. Trong khi đó, quân dự bị sẽ quen dần với trận chiến và nếu quân Nga đột phá được thì họ sẽ chiến đấu. Khi đó, để đẩy lùi quân Nga, anh sẽ phải dùng các sư đoàn thiết giáp.” Và ông ta nhìn Heinrici chăm chăm như thể đang chờ lời nhất trí về một vấn đề thực chất rất đơn giản.

Heinrici không thấy vậy. Ông nói, “Ngài đã lấy đi của tôi các đơn vị thiết giáp dày dặn kinh nghiệm và thiện chiến nhất. Cụm Tập đoàn quân của tôi đã yêu cầu đưa họ quay lại.” Heinrici nói rõ từng chữ một: “Tôi cần bọn họ quay lại.”

Sau lưng Heinrici, có một người giật mình, và viên sĩ quan quản trị của Hitler là Burgdorf giận dữ thì thầm vào tai Heinrici. Ông ta ra lệnh cho Heinrici, “Kết thúc đi! Anh phải kết thúc ngay.” Heinrici vẫn đứng đó. Ông lờ Burgdorf đi và lặp lại, “Thưa Quốc trưởng, tôi phải có lại các đơn vị thiết giáp đó.”

Hitler vẫy tay gần như xin lỗi. Ông ta đáp, “Tôi rất tiếc, nhưng tôi phải lấy họ đi thôi. Người hàng xóm phía nam của anh cần quân thiết giáp của anh hơn. Cuộc tấn công chính của quân Nga rõ ràng không phải nhằm vào Berlin. Quân địch tập trung ở phía nam mặt trận của anh ở Saxony đông hơn hẳn.” Hitler chỉ lên vị trí của quân Nga bên sông Oder. Ông ta nói bằng giọng mệt mỏi và chán nản, “Toàn bộ đây chỉ là một cuộc tấn công thứ yếu để gây hoang mang thôi. Cuộc tấn công chính của địch sẽ không nhằm vào Berlin – mà nhằm vào đây.” Ông ta chỉ tay vào Prague. Quốc trưởng tiếp tục, “Kết quả là, Cụm Tập đoàn quân Vistula sẽ ổn thỏa cầm cự được các cuộc tấn công phụ.”

Heinrici nhìn Hitler chăm chăm, không thể tin nổi.^[40] Rồi ông nhìn sang Krebs; chắc chắn Chỉ huy trưởng OKH phải thấy mấy thứ này thật vô lý chứ. Krebs phát biểu. Ông ta giải thích, “Dựa trên các thông tin chúng tôi có, không có gì cho thấy nhận định tình hình của Quốc trưởng là sai.”

Heinrici đã làm mọi thứ có thể. Ông kết luận, “Thưa Quốc trưởng, tôi đã hoàn thành mọi thứ có thể để chuẩn bị cho cuộc tấn công, Tôi không thể xem 150.000 người đó là quân dự bị. Tôi cũng không thể làm gì về những tổn thất khủng khiếp mà chắc chắn chúng ta sẽ phải gánh chịu. Trách nhiệm của tôi là làm rõ ràng mọi chuyện. Trách nhiệm của tôi còn là nói với ngài rằng tôi không thể bảo đảm có thể chống đỡ được cuộc tấn công.”

Đột nhiên Hitler bừng bừng sức sống. Cổ đứng dậy, ông ta đập bàn, hét lên. “Niềm tin! Niềm tin mạnh mẽ vào thành công sẽ bù đắp được mọi thiếu hụt đó! Mọi tư lệnh phải tràn đầy lòng tin! Anh!” Ông ta chỉ vào Heinrici. “Anh phải bộc lộ niềm tin này! Anh phải truyền niềm tin này cho quân của anh!”

Heinrici nhìn thẳng vào Hitler không nao núng. Ông nói, “Thưa Quốc

trưởng, tôi phải lặp lại – trách nhiệm của tôi là phải lặp lại – chỉ có niềm tin và hi vọng không thôi thì không thể thắng được trận này.”

Đằng sau ông có tiếng thì thầm, “Kết thúc đi! Kết thúc đi!”

Nhưng Hitler thậm chí còn không nghe Heinrici nói. Ông ta hét lên, “Tôi nói anh hay. Thừa thượng tướng, nếu anh biết trận chiến này ta sẽ thắng, thì ta sẽ thắng! Nếu quân của anh cũng có niềm tin tương tự - thì anh sẽ giành được chiến thắng, và là thành công vĩ đại nhất của cuộc chiến!”

Trong sự im lặng đầy căng thẳng theo sau đó, mặt Heinrici trắng bệch, ông thu thập tài liệu và đưa cho Eismann. Hai sĩ quan rời khỏi phòng họp vẫn đang yên ắng. Bên ngoài, trong phòng đợi ở hành lang, họ nghe nói có một cuộc không kích đang diễn ra. Lặng người đi, cả hai đứng đợi trong sững sờ, gần như không hề hay biết về tiếng trò chuyện đang tiếp tục xung quanh họ.

Sau vài phút, họ được phép rời khỏi hầm. Họ đi lên cầu thang ra ngoài vườn. Tại đó, lần đầu tiên kể từ lúc rời phòng họp, Heinrici cất tiếng. Ông mệt mỏi nói, “Chả ích gì. Cứ như cổ hái trắng trên trời.” Ông nhìn lên màn khói nặng nề bên trên thành phố và khe khẽ lặp lại với bản thân, “Chả ích gì. Chả ích gì.”^[41]

Mặt nước trong xanh của hồ Chiemsee trông như những tấm gương đang chuyển động, soi bóng hàng thông cao lớn phủ kín những ngọn đồi dưới chân núi, kéo dài đến tận đỉnh núi quanh năm tuyết phủ. Walther Wenck nặng nhọc dựa vào cây gậy chống, nhìn ra đằng xa, về phía dãy núi trùng điệp mờ mờ bên kia hồ, cách Berchtesgaden vài dặm. Phong cảnh đẹp và yên bình quá đổi.

Khắp nơi, những nụ hoa đầu mùa đang hé nở; tuyết trên các dãy núi cao bắt đầu tan, và dù mới ngày 6/4, hương xuân đã ngập tràn trong không gian. Sự thanh bình của cảnh vật xung quanh đã giúp đẩy nhanh quá trình hồi phục của cựu Tham mưu trưởng của Guderian, vị tướng trẻ nhất của quân đội Đức ở tuổi 45.

Tại đây, ngay giữa lòng dãy Alps xứ Bavaria, cuộc chiến có vẻ như cách xa ngàn dặm. Trừ người tới đây để hồi phục sau khi bị thương trong chiến

tranh, hoặc như trong trường hợp của Wenck là bị tai nạn, ở đây hầu như chẳng thấy một người lính nào.

Dù vẫn còn yếu, sức khỏe Wenck đang hồi phục dần. Xét tới độ nghiêm trọng của vụ tai nạn, Wenck còn sống được quả là may mắn. Ông bị chấn thương ở đầu và gãy xương nhiều chỗ trong một vụ tai nạn xe hơi ngày 13/2, và đã nằm viện gần sáu tuần. Xương sườn ông bị gãy nhiều tới mức ông vẫn còn phải mặc một tấm áo lót phẫu thuật từ ngực tới đùi. Đối với ông, chiến tranh dường như đã kết thúc, và dù thế nào đi nữa, kết cục của nó đã rõ ràng một cách đáng buồn. Ông không tin nền Đệ tam Quốc xã có thể sống sót được thêm mấy tuần nữa.

Dù tương lai của nước Đức có vẻ ảm đạm, Wenck vẫn thấy biết ơn về nhiều điều: vợ ông, Irmgard, cùng cặp sinh đôi 15 tuổi của họ, cậu con trai Helmuth và cô con gái Sigried vẫn an toàn, và đang sống cùng ông tại Bavaria. Chậm chạp và đau đớn, Wenck quay lại căn nhà nghỉ nho nhỏ đẹp như tranh vẽ, nơi họ đang ở. Khi ông bước vào phòng nghỉ, Irmgard đưa cho ông một bức điện. Wenck gọi ngay về Berlin.

Sĩ quan quản trị của Hitler, Đại tướng Burgdorf nghe máy. Burgdorf nói Wenck phải tới Berlin báo cáo cho Hitler vào ngày hôm sau. “Quốc trưởng đã chỉ định anh làm tư lệnh của Tập đoàn quân 12.” Wenck vừa ngạc nhiên vừa hoang mang. Ông hỏi, “Tập đoàn quân 12 ư? Là cái gì đấy?”

Burgdorf đáp, “Anh tới đây rồi biết.”

Wenck vẫn không hài lòng. Ông nhấn mạnh, “Tôi chưa từng nghe nói tới Tập đoàn quân 12 nào cả.” Burgdorf cúi kính đáp, như thể đang giải thích mọi thứ, “Tập đoàn quân 12 giờ đang được tổ chức.” Rồi ông ta cúp máy.

Mấy tiếng sau, một lần nữa khoác lên mình bộ đồng phục, Wenck tạm biệt bà vợ âu sầu. Ông cảnh báo với bà, “Dù em có làm gì thì cũng cứ ở yên tại Bavaria. Đây là nơi an toàn nhất.” Rồi ông lên đường đến Berlin, hoàn toàn không hay biết gì về nhiệm vụ của mình. Trong vòng 21 ngày tới, tên tuổi vị tướng vô danh này sẽ trở thành biểu tượng hy vọng của mọi người dân Berlin.

Ban tham mưu đã quen thấy ông thỉnh thoảng nổi giận, nhưng chưa từng thấy Heinrich như thế này bao giờ. Viên tư lệnh của Cụm Tập đoàn quân Vistula đang nổi trận lôi đình tột độ. Ông vừa nhận được báo cáo từ Bieler, sĩ quan phụ trách “pháo đài” Frankfurt, về chuyến thăm Hitler của viên đại tá trẻ tuổi. Đúng như Heinrich đã lo sợ, vị sĩ quan đeo kính cận với gương mặt gầy gò này không phù hợp với tiêu chuẩn anh hùng Scandinavi của Hitler. Sau vài nhận xét linh tinh, trong đó không hề đề cập tới Frankfurt, Hitler bắt tay Bieler và cho ông ra ngoài. Ngay khi Bieler rời khỏi hầm, Hitler ra lệnh đổi người chỉ huy Frankfurt. Quốc trưởng nói với Krebs, “Kiểm ngay người khác. Bieler chắc chắn không phải là Gneisenau!”

Đơn vị đồn trú tại Frankfurt trực thuộc Tập đoàn quân 9 của Đại tướng Busse, nên ông cũng có nghe Krebs nói về vụ đổi người chỉ huy sắp tới, và ngay lập tức báo cho Heinrich. Giờ, trong khi Bieler đang đứng bên bàn làm việc của Heinrich, Giftzweg giận dữ gọi điện cho Krebs.

Ban tham mưu của ông lặng lẽ quan sát. Họ đã biết cách đo lường cơn giận dữ của Heinrich qua cách ông gõ ngón tay lên bàn. Ông đang gõ thật lực lên mặt bàn. Krebs bắt máy. Heinrich rống lên, “Krebs, Đại tá Bieler đang ở văn phòng tôi. Tôi muốn anh nghe cho kỹ đây. Bieler phải được tiếp tục chỉ huy quân đồn trú ở Frankfurt. Tôi đã nói với Burgdorf rồi, và giờ tôi phải nói với anh. Tôi từ chối chấp nhận bất kỳ sĩ quan nào khác. Anh có hiểu không hả?”

Ông không chờ câu trả lời. “Một chuyện khác nữa. Huân chương Chữ Thập Sắt của Bieler đâu? Ông ấy đã chờ suốt mấy tháng nay. Ông ấy cần được trao ngay. Anh có hiểu không hả?” Heinrich vẫn không ngừng lại. Ông nói, “Giờ nghe tôi nói đây, Krebs. Nếu Bieler không nhận được Huân chương Chữ Thập Sắt, nếu Bieler không được phục chức chỉ huy Frankfurt, thì tôi sẽ từ chức! Anh có hiểu không hả?” Vẫn gõ mạnh đầy giận dữ, Heinrich nhấn mạnh. “Tôi mong anh xác nhận lại chuyện này trong hôm nay! Thế đã rõ chưa?” Ông đập mạnh ống nghe. Krebs không thốt được lời nào.

Sau này Đại tá Eismann nhớ lại, chiều ngày 7/4, “Cụm Tập đoàn quân nhận được hai bức điện từ bộ chỉ huy của Quốc trưởng. Bức thứ nhất nói,

Bieler vẫn sẽ là tư lệnh của Frankfurt; còn bức thứ hai thì nói ông ấy sẽ được trao tặng Huân chương Chữ Thập Sắt.”

Thượng tướng Alfred Jodl, Tư lệnh hành quân của Hitler, ngồi trong văn phòng ở Dahlem, đợi tướng Wenck đến. Vị tư lệnh mới của Tập đoàn quân 12 vừa mới đi khỏi chỗ Hitler và giờ tướng Jodl có trách nhiệm tóm tắt tình hình ở mặt trận phía Tây cho Wenck. Trên bàn làm việc của Jodl là một xấp báo cáo từ Thống chế Alberg Kesselring, Tổng tư lệnh phía Tây. Các báo cáo đó vẽ ra một bức tranh đang tối dần theo từng giờ. Quân Anh-Mỹ đang đột phá ở khắp nơi.

Trên lý thuyết, Tập đoàn quân 12 là lá chắn phía Tây của Berlin, trấn thủ 125 dặm hạ lưu sông Elbe và sông Mulde để ngăn quân Anh-Mỹ tấn công thành phố. Hitler đã quyết định là Wenck sẽ chỉ huy 10 sư đoàn, gồm các sĩ quan tập sự thuộc quân đoàn thiết giáp, Lực lượng Phòng vệ Địa phương, học viên trường sĩ quan, các nhóm quân lẻ tẻ, và tàn dư của Tập đoàn quân 11 ở dãy Harz. Dù lực lượng này có tổ chức kịp đi nữa, Jodl nghi ngờ không biết liệu nó có hiệu quả gì không.

Và có lẽ nó sẽ không bao giờ đi vào hoạt động ở sông Elbe – dù Jodl không định nói cho Wenck biết. Jodl vẫn còn giữ bản kế hoạch Nhật thực chiếm được trong két sắt ở văn phòng ông – tập tài liệu nêu chi tiết các bước quân Anh-Mỹ sẽ thực hiện nếu Đức đầu hàng hoặc thua cuộc – và các tấm bản đồ đính kèm cho thấy các khu vực thỏa thuận mà mỗi bên sẽ chiếm đóng sau khi chiến tranh kết thúc. Jodl vẫn tin rằng quân Anh và Mỹ sẽ dừng ở sông Elbe – đường phân chia giữa vùng chiếm đóng hậu chiến giữa Anh-Mỹ và Nga. Ông thấy hoàn toàn rõ ràng là Eisenhower sẽ để Berlin cho Nga.

Đoạn cuối của bức điện mới nhất mà Eisenhower gửi cho Churchill viết, “Tất nhiên, nếu điều kiện của chiến dịch ‘Nhật thực’ xảy ra [Đức đầu hàng hoặc thua cuộc] vào bất kỳ lúc nào, tại bất kỳ đâu trên mặt trận thì chúng ta sẽ nhanh chóng tiến hành... và Berlin sẽ nằm trong số các mục tiêu quan

trọng của ta.”

Đó là lời cam kết hết mức mà vị Tư lệnh Tối cao sẵn lòng thực hiện. Nó không làm hài lòng người Anh, và Bộ tổng tham mưu của họ tiếp tục đòi phải quyết định rõ ràng. Họ đánh điện cho Washington, giục tổ chức một cuộc họp để bàn bạc về chiến lược của Eisenhower. Bức điện của Stalin khiến lòng nghi ngờ của họ nổi lên.

Bộ tổng tham mưu của Anh nói, trong khi vị Tổng tư lệnh đã khẳng định rằng mình phải đến giữa tháng năm mới bắt đầu tấn công, thì ông ta lại không nói định phát động “cuộc tấn công thứ yếu” vào Berlin khi nào. Do đó, vẫn phải chiếm Berlin càng sớm càng tốt. Hơn nữa, họ tin là “Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ nên chỉ thị cho Eisenhower về vấn đề này.”

Hồi âm của Đại tướng Marshall mạnh mẽ và quyết đoán chấm dứt cuộc tranh cãi. Ông nói, “Không nên để các lợi thế chính trị và tâm lý có được từ việc chiếm Berlin trước quân Nga lấn át các cân nhắc quân sự buộc phải có, mà theo ý chúng tôi đó là việc tiêu diệt và chia cắt toàn bộ các lực lượng vũ trang của Đức.”

Marshall không hoàn toàn khép hãn khả năng chiếm Berlin, vì “thực tế thì, Berlin nằm trong trung tâm ảnh hưởng của cuộc tấn công chủ đạo.” Nhưng Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ không có thời gian để mà cân nhắc thêm về việc này nữa. Ông nói, tốc độ tiến quân của quân Đồng minh tạo Đức giờ đang rất nhanh, tới mức nó bỏ xa khả năng “để hội đồng xem lại các vấn đề chiến dịch dưới bất kỳ hình thức nào.” Và Marshall kết thúc với một sự tán thành mập mờ dành cho vị Tư lệnh Tối cao.

“Chỉ có Eisenhower mới biết phải đánh trận này như thế nào và làm sao tận dụng được tình hình đang thay đổi.”

Về phần mình, Eisenhower khá căng thẳng, tuyên bố ông sẵn sàng thay đổi kế hoạch nhưng chỉ khi nào có lệnh. Ngày 7/4, ông đánh điện cho Marshall, “Tất nhiên, khi nào có thể chiếm được Berlin với một cái giá không đáng kể thì chúng ta sẽ làm thế.”

Nhưng vì Nga đang ở rất gần thủ đô, ông xem việc “đưa Berlin làm mục tiêu chính vào giai đoạn này của cuộc chiến là không hợp lý về mặt quân sự.”

Eisenhower nói, ông là người đầu tiên “thừa nhận rằng chiến tranh được tiến hành để thực hiện các mục đích chính trị, và nếu Hội đồng Tham mưu trưởng Anh-Mỹ quyết định là việc chiếm Berlin phải được ưu tiên hơn các cân nhắc quân sự đơn thuần, thì tôi sẽ vui lòng điều chỉnh kế hoạch và tư tưởng của mình để thực hiện chiến dịch đó.”

Tuy nhiên, ông nhấn mạnh niềm tin của mình, rằng “chỉ nên chiếm Berlin nếu nó khả thi và thực tế, trong khi chúng ta tiến hành kế hoạch chung gồm (A) chia cắt các lực lượng của Đức... (B) giữ cánh trái của chúng ta thật vững vào vùng Lübeck, và (C), cố gắng phá vỡ các nỗ lực của Đức nhằm thành lập pháo đài ở vùng núi phía nam.”

Ông đưa cho Montgomery câu trả lời gần như y hệt vào ngày hôm sau. Monty đã tiếp tục tranh cãi về việc này sau khi Churchill và Bộ tổng tham mưu Anh bỏ cuộc.

Ông yêu cầu Eisenhower đưa thêm 10 sư đoàn để tấn công Lübeck và Berlin. Eisenhower bác bỏ. Vị Tư lệnh Tối cao tuyên bố, “Về Berlin, tôi sẵn lòng thừa nhận là nó có tầm quan trọng về mặt chính trị và tâm lý, nhưng quan trọng hơn là vị trí của các lực lượng còn lại của Đức trong mối liên hệ với Berlin. Tôi muốn tập trung chú ý vào đó. Tất nhiên nếu có cơ hội chiếm Berlin mà không quá tốn sức, thì tôi sẽ làm vậy.”

Đến lúc này thì Churchill quyết định dừng cuộc tranh cãi trước khi quan hệ Đồng minh xấu đi thêm. Ông nói với tổng thống Roosevelt rằng mình xem như vấn đề đã khép lại. Ông điện cho tổng thống, “Để chứng tỏ lòng chân thành của mình, tôi sẽ dùng một trong số những câu châm ngôn Latin ít ỏi của tôi: *Amantium irae amoris integratio est.*” Dịch ra, nó có nghĩa là, Các cuộc tranh cãi giữa người yêu làm tình yêu thêm mới mẻ.

Nhưng trong khi cuộc tranh cãi về bức điện SCAF 252 và các mục tiêu của quân Anh-Mỹ vẫn đang diễn ra sau cánh gà, thì quân Anh-Mỹ đang tiến sâu vào nước Đức từng giờ từng phút. Không ai nói cho họ biết rằng “Berlin không còn là mục tiêu quân sự chính nữa.”

5

Cuộc đua đã bắt đầu. Lịch sử chiến tranh chưa từng có đoàn quân hùng hậu nào lại di chuyển nhanh đến vậy. Tốc độ hành quân của quân Anh-Mỹ đang được đẩy nhanh, trên toàn mặt trận, cuộc tấn công đang được tiến hành dưới dạng một cuộc đua khổng lồ. Các tập đoàn quân tập trung vào mục tiêu giành được bờ sông Elbe, chiếm các đầu cầu để thắng trận đánh cuối cùng và kết thúc chiến tranh, nên mọi sư đoàn ở phía bắc và trung tâm mặt trận phía tây đều quyết tâm phải là người đầu tiên tới được bờ sông. Xa hơn, Berlin là mục tiêu cuối cùng, vẫn luôn là vậy.

Trong khu vực của Anh, Sư đoàn Thiết giáp 7 – những chú Chuột sa mạc danh tiếng – hầu như không ngừng nghỉ kể từ khi rời sông Rhine. Từ hồi vượt sông, Thiếu tướng Louis Lyne, tư lệnh Sư đoàn 7 đã nhấn mạnh rằng “mọi cấp bậc đều phải dán mắt vào sông Elbe. Một khi đã bắt đầu, chừng nào chưa tới nơi thì tôi còn chưa ra lệnh dừng lại, dù là đêm hay ngày cũng vậy... Chặng kế phải sẵn cho tốt.” Giờ đây, dù gặp phải kháng cự mạnh mẽ từ quân địch, những chú Chuột sa mạc vẫn đang tiến lên trung bình 20 dặm một ngày.

Chuẩn úy trung đoàn Charles Hennell nghĩ rằng “Sư đoàn 7 có quyền và có khả năng chiếm được thủ đô để làm phần thưởng cho những nỗ lực miệt mài và lâu dài củ mình, từ hồi còn ở Sa mạc phía Tây.” Hennell chiến đấu ở Chuột sa mạc từ trận El Alamein.

Chuẩn úy Eric Cole còn có lý do phải tới Berlin thuyết phục hơn. Là một cựu binh trong trận Dunkirk, anh từng bị quân Đức dồn ra biển hồi năm 1940. Giờ Cole đang quyết tâm chuẩn bị để san bằng tỉ số. Anh thường bảo đội ngũ thiết giáp phải giữ trang thiết bị cơ khí ở tình trạng vận hành tốt nhất. Cole định đánh cho bọn Đức đang ở phía trước sư đoàn phải chạy về Berlin.

Người của Sư đoàn không vận 6 của Anh đã từng dẫn đầu các đồng hương của mình đến Normandy vào ngày D-Day; và họ quyết sẽ dẫn đầu cho đến ngày cuối cùng.

Trung sĩ Hugh McWhinnie đã nghe ngóng từ các tù binh Đức là khi quân Anh qua được sông Elbe, quân địch sẽ “mở toang cửa để họ tới thẳng Berlin.” Anh rất nghi ngờ điều đó. Sư đoàn 6 đã chiến đấu giành từng dặm đất. Đại úy Wilfred Davison của Tiểu đoàn dù 13 chắc chắn là sẽ có một cuộc đua giành lấy thành phố, nhưng giống như đa số trong sư đoàn, anh không hề nghi ngờ gì. “Sư đoàn 6 đang dẫn đầu.” Nhưng tại Bộ chỉ huy sư đoàn, Đại úy John L. Shearer bắt đầu thấy hơi lo lắng. Anh nghe đồn là “Berlin sẽ được giao cho người Mỹ.”

Các sư đoàn không vận của Mỹ cũng nghe lời đồn tương tự. Vấn đề là nó không nhắc tới quân dù. Ở nơi đóng quân của Sư đoàn không vận 82 của tướng John Gavin, nơi các lính dù đã huấn luyện nhiều ngày nay, họ thấy rõ ràng là cuộc đổ bộ xuống Berlin coi như xong. Có lẽ chiến dịch nhảy dù sẽ chỉ diễn ra nếu quân địch đột ngột sụp đổ, khiến kế hoạch Nhật thực đi vào thực tiễn, khi đó sẽ cần quân dù đến Berlin làm nhiệm vụ chính trị.

Nhưng chuyện này thật quá xa vời. SHAEF đã chỉ đạo cho Tập đoàn quân Không vận số 1 của Đại tướng Lewis Brereton là sẽ sớm có các cuộc đổ bộ cứu viện xuống các trại tù binh chiến tranh của phe Đồng minh, dưới bí danh “Chiến dịch Hân hoan.” Dù cũng rất muốn giải cứu các tù binh chiến tranh, nhưng viễn cảnh thực hiện chiến dịch giải cứu thay vì một nhiệm vụ chiến đấu khiến mọi người trong tập đoàn quân chẳng mấy hân hoan.

Sự chán nản tương tự ngập tràn trong các đoàn quân không vận khác. “Những con đại bàng la hét” của Sư đoàn không vận 101 của Đại tướng Maxwell Taylor từng chiến đấu như bộ binh không chỉ một lần, lần này là ở Ruhr. Một trung đoàn trong sư đoàn 82 của tướng Gavin cũng nhận được lệnh tới đó. Sư đoàn 82 cũng nhận được chỉ thị phải hỗ trợ Cụm Tập đoàn quân 21 của Montgomery trong chiến dịch vượt sông Elbe sau này.

Binh nhì Arthur Schultz “Hà Lan” của Trung đoàn dù 505 có lẽ là đại biểu phù hợp nhất cho cảm giác của những người lính dù. Anh trèo lên một

chiếc xe tải đang hướng về Ruhr, tỏ vẻ bất cần nói với anh bạn mình là binh nhì Joe Tallett:

“VẬY ĐÓ. TÔI DẪN BỌN HỌ TỚI NORMANDY, PHẢI KHÔNG? TỚI HÀ LAN, PHẢI KHÔNG? NHÌN TÔI NÀY, NHÓC. TÔI LÀ MỘT ANH MỸ QUÝ PHÁI VÀ ĐẤT NƯỚC CHỈ CÓ MỘT TÔI MÀ THÔI. HỌ MUỐN TIỀN BỎ RA PHẢI ĐÁNG ĐỒNG TIỀN BÁT GẠO. HỌ KHÔNG ĐỜI NÀO ĐỂ TÔI PHÍ HOÀI Ở BERLIN ĐÂU. CHẾT TIỆT, ĐỜI NÀO! HỌ ĐỂ DÀNH LẠI THÔI! HỌ SẼ BẢO TÔI ĐỔ BỘ XUỐNG TOKYO!”

Nhưng nếu như các sư đoàn không vận bị mất tinh thần, thì các tập đoàn quân trên bộ lại đang tràn đầy cảnh giác.

Ở trung tâm, các đội quân Mỹ đang tung hết sức và sức mạnh của họ thật dữ dội. Với sự trở lại của Tập đoàn quân 9 hùng mạnh của tướng Simpson từ Cụm Tập đoàn quân 21 của Montgomery, Bradley đã trở thành vị tướng đầu tiên trong lịch sử Mỹ chỉ huy bốn tập đoàn quân. Ngoài Tập đoàn quân 9, lực lượng của ông còn có các tập đoàn quân 1, 3 và 15 – gần một triệu lính.

Ngày 2/4, chỉ chín ngày sau khi vượt sông Rhine, quân của ông đã hoàn thành xong cái bẫy bao vây sông Ruhr. Cụm Tập đoàn quân B của Thống chế Walter Model với quân số không ít hơn 325.000 người bị kẹt trong ngõ cụt rộng 4.000 dặm vuông. Một khi Model bị vây, mặt trận phía Tây liền rộng mở và Bradley mạnh mẽ càn lướt qua, để lại một phần của tập đoàn quân 1 và 9 để càn quét ngõ cụt đó. Giờ quân của ông đang phấn khích hò hét không ngừng. Bradley đang tiến như vũ bão qua vùng trung tâm nước Đức, về hướng Leipzig và Dresden, với quân Anh ở sườn bắc và Cụm Tập đoàn quân 6 Hoa Kỳ của tướng Devers. Trong số các tập đoàn quân trên trận tuyến từ bắc xuống nam của Mỹ, Tập đoàn quân 9 là gần sông Elbe nhất, và các vị tư lệnh thấy là có vẻ Bradley đã cho phép Simpson theo đà xốc tới Berlin.

Ngày vòng vây vùng Ruhr hoàn thành, Eisenhower bèn ra lệnh cho các đoàn quân của ông. Cánh của Bradley sẽ “càn quét vùng... Ruhr, phát động một cuộc tấn công với trục chính là Kassel-Leipzig... tìm cơ hội chiếm một đầu cầu ở sông Elbe và chuẩn bị thực hiện các chiến dịch sau khi vượt sông.” Ngày 4/4, ngày Tập đoàn quân 9 quay về với ông, Bradley cũng đưa

ra các mệnh lệnh mới cho các tập đoàn quân của mình. Trong “Thư chỉ thị số 20,”

Tập đoàn quân 9 được lệnh, thứ nhất là tiến về phía nam Hanover, trung tâm đoàn quân sẽ nằm ở thành phố Hildesheim – cách sông Elbe khoảng 70 dặm. Rồi “khi có lệnh,” giai đoạn 2 sẽ bắt đầu. Đây là đoạn quan trọng nêu lên vai trò của Tập đoàn quân 9, và cho thấy đích đến của đoàn quân, theo các vị tư lệnh của nó. Đoạn văn viết: “Giai đoạn 2. Tiến về phía đông... tìm mọi cơ hội có thể để chiếm được một đầu cầu bên sông Elbe và chuẩn bị tiếp tục tiến về Berlin theo hướng đông bắc.” Giai đoạn một – mũi tấn công vào Hildesheim – có vẻ đơn giản chỉ là một mệnh lệnh trực tiếp. Chả ai trấn giữ ở đó. Nhưng giai đoạn 2 là lá cờ hiệu mà mọi sư đoàn trong Tập đoàn quân 9 đang chờ đợi, và không ai phản kích hơn tư lệnh của nó, Trung tướng William Simpson “Big Simp.”^[42]

Sau này, tướng Simpson nhớ lại, “Người của tôi đều được lên dây. Chúng tôi là những người đầu tiên đến được sông Rhine và giờ sắp thành những người đầu tiên đến được Berlin. Chúng tôi chỉ nghĩ đến một điều duy nhất – chiếm Berlin, vượt qua đó và gặp quân Nga ở phía bên kia.”

Từ lúc Thư chỉ thị đưa xuống Cụm Tập đoàn quân, Simpson đã không lãng phí một giây phút nào. Ông mong sẽ tới Hildesheim trong mấy ngày nữa. Simpson nói với các sĩ quan tham mưu của ông là sau đó ông định “dùng một sư đoàn thiết giáp và một sư đoàn bộ binh đi theo xa lộ từ Magdeburg bên sông Elbe tới Postdam, nơi đó rất gần Berlin.” Rồi Simpson định đưa phần còn lại của tập đoàn quân 9 “đi càng nhanh càng tốt... nếu chúng ta chiếm được đầu cầu và bọn họ để chúng ta được rảnh chân rảnh tay.” Ông vui vẻ nói với ban tham mưu “Chết tiệt, tôi muốn tới Berlin và tôi cá là tất cả các cậu, đến cả anh binh nhì cuối cùng cũng muốn thế.”

Thiếu tướng Isaac D. White, vị tư lệnh mảnh khảnh nhưng dẻo dai và quyết đoán của Sư đoàn Thiết giáp 2 “Bánh xe địa ngục,” đã nhanh chân đi trước Simpson một bước: kế hoạch chiếm Berlin của ông thậm chí đã sẵn sàng từ khi người của ông chưa vượt sông Rhine.

Tư lệnh hành quân của White, Đại tá Briard P. Johnson, đã lập kế hoạch

cho cuộc tấn công vào thủ đô từ mấy tuần trước. Kế hoạch của ông tỉ mỉ tới mức các mệnh lệnh chi tiết và các lớp phủ bản đồ đã sẵn sàng từ 25/3.

Kế hoạch tấn công của sư đoàn 2 khá giống với quan điểm riêng của Simpson. Nó cũng đi theo xa lộ từ Magdeburg bên sông Elbe. Đà tiến quân dự kiến hàng ngày được vẽ trên các lớp phủ bản đồ, và mỗi giai đoạn đều có mật danh.

Cuộc tiến công cuối cùng cách Naddeburg khoảng 60 dặm, gồm các giai đoạn mang tên: “Bạc,” “Lụa,” “Satin,” “Hoa cúc,” “Hoa păn-xê,” “Bình” và cuối cùng, in trên một hình chữ vạn ngược to, màu xanh phủ kín Berlin là mật danh “Đích.”

Với tốc độ trung bình của sư đoàn 2, thường đạt 35 dặm một ngày, và chỉ phải gặp kháng cự rải rác, White tự tin sẽ chiếm được thủ đô. Nếu người của ông có thể giành được một đầu cầu ở Magdeburg, giờ chỉ còn cách họ có 80 dặm, White đoán mình có thể tới được Berlin chỉ trong vòng 48 tiếng.

Giờ đây, dọc theo mặt trận hơn 50 dặm có lẽ của Tập đoàn quân 9, Sư đoàn Thiết giáp 2 của White đang là mũi nhọn của cuộc tiến công. Sư đoàn này là một trong số những đội hình lớn nhất của mặt trận phía Tây. Những chiếc xe tăng, súng tự động, xe bọc thép, xe ủi, xe tải, xe jeep và pháo của nó xếp thành một hàng dài hơn 72 dặm.

Để có hiệu quả chiến đấu cao nhất, cả lực lượng được chia thành ba đơn vị thiết giáp – Đơn vị Chiến đấu A, B và R, đơn vị sau cùng là quân dự bị (reverse). Dù vậy, di chuyển nối đuôi nhau với tốc độ trung bình 2 dặm một giờ, sư đoàn mất gần 12 giờ để vượt qua một điểm định trước. Đội quân thiết giáp nặng nề này đang dẫn đầu các đơn vị khác của Tập đoàn quân 9 – chỉ có một ngoại lệ đáng chú ý.

Bên cánh phải, đang gan lì đua từng dặm một cùng Sư đoàn 2 là một tập hợp xe vận tải lộn xộn chở đầy nghẹt lính. Nhìn từ trên cao, trông nó không giống một sư đoàn bộ binh hay thiết giáp chút nào.

Thực sự thì, trừ một số xe tải quân đội của Mỹ rải rác giữa đội hình, nó hoàn toàn có thể bị lầm là một đoàn xe Đức. Sư đoàn bộ binh 83 mang đậm tính cá nhân của Thiếu tướng Robert C. Macon, “Rạp xiếc Rách rưới,” đang chạy hết tốc lực tới sông Elbe bằng những chiến lợi phẩm chiếm được của

mình. Cứ mỗi đội quân hoặc thành phố của địch đầu hàng hay bị chiếm lại cung cấp thêm xe cho sư đoàn này, thường bằng cách chĩa súng đe dọa.

Mọi chiếc xe mới chiếm được đều được sơn nhanh một lớp màu xanh olive và vẽ ngôi sao Hoa Kỳ bên hông; thế là nó gia nhập sư đoàn 83. Người của Rạp xiếc Rách rưới thậm chí còn chiếm được một chiếc máy bay của Đức, và khó khăn hơn, còn tìm được người lái nó, khiến toàn mặt trận sửng sốt.

Hạ sĩ quan William G. Presnell của Sư đoàn Bộ binh 30 từng chiến đấu từ bờ biển Omaha tới tận đây, anh biết rõ hình dạng từng chiếc máy bay chiến đấu của Không quân Đức. Vậy nên khi thấy một chiếc máy bay rõ ràng là của Đức đang bay về phía mình, anh hét lên “ME-109!” rồi nhào xuống ẩn nấp. Hoang mang vì không nghe tiếng súng máy nổ, anh ngẩng đầu lên và thấy chiếc máy bay chiến đấu bay đi mất. Chiếc máy bay được sơn màu xanh olive lem nhem. Bên dưới cánh của nó là hàng chữ “Sư bộ binh 83.”

Nếu như xe của sư đoàn 83 khiến những người đồng hương của họ bối rối, thì người Đức thậm chí còn bối rối hơn. Khi sư đoàn đang lao như điên tới sông Elbe, Thiếu tá Haley Kohler chợt nghe tiếng còi xe inh ỏi. Ông nhớ lại, “Chiếc Mercedes đó xuất hiện đằng sau bọn tôi, rồi bắt đầu vượt qua mọi chiếc xe trên đường.” Đại úy John J. Devenney cũng thấy chiếc xe. Anh nhớ là “Chiếc xe đó len lỏi trong hàng ngũ bọn tôi, đi cùng hướng.” Khi nó đi qua, Devenney choáng váng khi thấy đó là một chiếc xe sĩ quan Đức với một đám sĩ quan trên đó. Một tràng súng máy nổ chặn chiếc xe lại, và các sĩ quan Đức bị bắt vì cứ tưởng đang đi giữa quân mình. Chiếc Mercedes, trong tình trạng hoàn hảo, lại được sơn vôi vàng như thường lệ và đưa vào sử dụng ngay lập tức.

Tướng Macon quyết đưa Sư đoàn 83 trở thành sư đoàn bộ binh đầu tiên vượt sông Elbe và tới được Berlin. Sự ganh đua giữa Sư đoàn 83 và Sư đoàn Thiết giáp 2 giờ căng thẳng tới mức theo như Macon nói, khi các đơn vị dẫn đầu của hai sư đoàn tới được sông Weser cùng một lúc vào ngày 5/4, “có một trận tranh cãi đáng kể, xem ai là người được vượt sông trước.”

Dần dần, họ đi đến thỏa hiệp: hai sư đoàn cùng vượt sông, bằng cách xen

kế các đơn vị của mình với nhau. Ở bộ chỉ huy của Sư đoàn 83, có tin đồn là tướng White nổi trận lôi đình với Rạp xiếc Rách rưới. Vị tư lệnh của Sư đoàn 2 nói “Không một sư đoàn bộ binh chết tiệt nào có thể đánh bại được quân của tôi trên đường tới sông Elbe.”

Sư đoàn 2 còn đang tham gia một cuộc đua khác. Sư đoàn Thiết giáp 5, “Sư đoàn Chiến thắng,” đang tiến nhanh gần như ngang bằng với quân của White, và cũng có kế hoạch chiếm thủ đô riêng. Đại tá Gilbert Farrand, Tham mưu trưởng Sư đoàn 5 nhớ lại, “Vấn đề lớn nhất lúc này là ai tới được Berlin trước. Chúng tôi định vượt sông Elbe ở Tangermünde, Sandau, Arneburg và Werben. Chúng tôi nghe nói quân Nga đã sẵn sàng xuất phát, vậy nên cần phải chuẩn bị mọi thứ có thể.” Theo Farrand nhớ, sư đoàn của ông di chuyển liên tục, tới mức không có ai ngủ nhiều hơn 4 hay 5 tiếng một đêm – và thường chẳng có ai ngủ cả. Vì liên tục hành quân, chiếc half-track của Farrand giờ biến thành bộ chỉ huy của sư đoàn. Tiến trình của Sư đoàn 5 được hỗ trợ một phần lớn từ sự kháng cự rải rác của địch. Farrand nói, “Quá trình hành quân chẳng có gì ngoài việc phá vỡ các hoạt động phòng vệ hậu phương.” Nhưng điều đó cũng có thể nguy hiểm chết người, khi Farrand thấy một quả đạn pháo sượt qua chiếc half-track của mình.

Trong số các sư đoàn bộ binh, các sư đoàn 84, 30 và 102 cũng dòm ngó Berlin. Đâu đâu ở Tập đoàn quân 9 cũng vậy, những người lính mệt mỏi và bẩn thỉu vừa ăn vừa đi, hi vọng sẽ có mặt trong trận chiến. Đà tiến công thật tươi sáng. Nhưng dù quân địch không có kiểu phòng ngự thống nhất, thì vẫn có giao tranh – và đôi khi khá ác liệt.

Trong một số vùng, những kẻ ngoan cố chống cự dữ dội trước khi đầu hàng. Trung tá Roland Kolb của Sư đoàn 84 “Những kẻ phá đường tàu” nhận thấy các nhóm SS rải rác, trốn trong rừng và tấn công liên miên là chiến đấu mạnh mẽ nhất. Các đội quân thiết giáp thường đi vòng tránh những đám tàn dư cuồng tín này và để chúng cho bộ binh xử lý. Những cuộc chạm trán nảy lửa thường xảy ra trong các thị trấn nhỏ. Trên đường tiến quân, có lúc Kolb bị sốc khi phát hiện một đám trẻ con chỉ chừng mười mười hai tuổi đang nã pháo. Ông nhớ lại, “Bọn chúng thà chiến đấu đến chết chứ không chịu đầu hàng.”

Những người khác cũng trải qua những khoảnh khắc kinh hoàng như vậy. Gần những rừng cây ở Teutoburger Wald, Thiếu tá James F. Hollingsworth, chỉ huy đội tiên phong của Sư đoàn Thiết giáp 2 đột nhiên bị một đám xe tăng Đức bao vây.

Đội ngũ của ông đã chạy thẳng vào khu huấn luyện xe thiết giáp của Đức. May cho Hollingsworth, mấy chiếc xe tăng đó chỉ còn là phế liệu, vì động cơ đã bị lấy ra từ lâu. Nhưng súng của chúng vẫn còn nguyên, để dùng trong huấn luyện, và quân Đức nhanh chóng khai hỏa, Thượng sĩ Clyde W. Cooley, cựu binh ở Bắc Phi và là xạ thủ của chiếc xe tăng của Hollingsworth cũng lập tức hành động.

Anh quay tháp pháo, hạ gục một chiếc xe tăng Đức cách đó 1.400 m. Anh lại quay tiếp và làm nổ tung một chiếc khác cách đó 70 m. Hollingsworth nhớ lại, “Hai bên khai hỏa, và mọi thứ tan tành.” Ngay khi trận đánh kết thúc, một chiếc xe tải của Đức chật ních lính chạy loạng choạng trên đường, về phía đội hình của Sư đoàn 2. Hollingsworth vội vàng ra lệnh quân mình chờ tới khi chiếc xe tải lọt vào tầm bắn. Còn cách 70 m, ông ra lệnh khai hỏa. Chiếc xe tải bị 50 khẩu súng máy bắn thành tổ ong, bốc cháy bùng bùng rồi lật nhào, đám lính mặc đồng phục ngồi trên đó văng ra đường. Đa số đã chết, nhưng vài tên vẫn sống sót và kinh hoàng kêu la. Đến khi lại gần để quan sát mấy cái xác cháy đen thủng lỗ chỗ, Hollingsworth mới phát hiện đây là các nữ quân nhân Đức – tương đương với lực lượng WAC của Mỹ.^[43]

Sự kháng cự hoàn toàn không thể đoán trước được. Nhiều nơi đầu hàng mà không cần bắn một viên đạn nào.

Tại một số thị trấn và thành phố, trong khi các thị trưởng đã đầu hàng, đám quân Đức đang rút lui vẫn di chuyển qua các khu vực có dân cư, thường là cách bộ binh và xe tăng Mỹ không đầy một khối nhà.

Ở Detmold, nơi tọa lạc của một trong những xưởng vũ khí lớn nhất của Đức, một người dân đã đến gặp chiếc xe tăng dẫn đầu của Tiểu đoàn Trinh sát 82 của Trung tá Wheeler G. Merriam, đang đi trinh sát cho Sư đoàn Thiết giáp 2. Người đại diện đó thông báo là người quản lý nhà máy muốn

đầu hàng. Merriam nhớ lại:

“Khi đi vào đó, đạn pháo rơi đầy quanh chúng tôi. Đứng bên ngoài nhà máy có người quản lý, giám đốc nhà máy và các công nhân. Người quản lý nói ngắn gọn về việc đầu hàng, rồi tặng tôi một khẩu súng lục Mauser chạm trổ rất đẹp.”

Cách đó mấy khối nhà, lại có một công ty chuyên trách phát lương cho toàn nước Đức đầu hàng Merriam – cùng với một lượng lớn tiền giấy. Nhưng sau đó vài tiếng đồng hồ, bộ binh Mỹ đến sau Merriam lại phải đánh một trận dữ dội và dài hơi hơn ở chính thị trấn đó. Thì ra, Detmold là trung tâm của một cùng huấn luyện lính SS.

Các vụ việc tương tự xảy ra khắp nơi. Ở một số thành phố nhỏ, sự yên lặng ở một khu đã đầu hàng có thể thành linh bị phá vỡ bởi tiếng đánh nhau âm ỉ cách đó vài dãy phố. Tướng Macon, tư lệnh Sư đoàn 83 nhớ lại, trên con đường chính của một thành phố giống như vậy:

“Tôi đi qua cổng trước của Bộ chỉ huy của mình khá an toàn, nhưng khi tôi định đi ra cửa sau, tôi phải chiến đấu rất chặt vật mới ra ngoài được.”

Ở ngoại ô một thị trấn, Sư đoàn Bộ binh 30 gặp một tốp lính Đức cầm những khẩu súng trường buộc khăn trắng. Họ cố gắng đầu hàng quân Mỹ, trong khi đang bị một đám SS chĩa súng máy vào lưng, bọn chúng vẫn tiếp tục chiến đấu.

Một số người đã tìm ra cách bảo vệ những kẻ đầu hàng. Đại úy Francis Schommer của Sư đoàn 83 nói tiếng Đức rất trôi chảy, đã mấy lần thực hiện thỏa hiệp đầu hàng qua điện thoại – được hỗ trợ bằng khẩu Colt 45, Schommer chĩa súng vào viên thị trưởng vừa bị bắt, nói với ông ta rằng “tốt hơn hết là ông nên gọi điện cho ông thị trưởng của thành phố kế tiếp, và bảo ông ta nếu muốn nơi đó được nguyên vẹn thì nên đầu hàng ngay đi. Bảo ông ta cho người treo cờ trắng ngoài cửa sổ - hay đại loại thế.” Viên thị trưởng hoảng sợ “thường sẽ làm theo ngay, nói với người hàng xóm là quân Mỹ đang ở trong thành phố của ông, họ có hàng trăm xe tăng và pháo cối, rồi hàng nghìn hàng vạn quân lính. Cái mẹo này liên tục có hiệu quả.”

Khi đà tấn công dần tăng, các nẻo đường trở nên chật chội lính và các đội xe thiết giáp đi về phía Đông, cùng hàng nghìn tù binh Đức đi về phía

Tây. Thậm chí họ không có thời gian xử lý tù binh.

Các sĩ quan và binh lính Đức đầy mệt mỏi, râu chưa cạo, chậm chạp lê bước đi về sông Rhine mà không có ai áp giải. Một số người vẫn còn mang vũ khí. Giáo sĩ Ben L. Rose của Trung đoàn Kỵ binh Cơ giới 113 nhớ lại về tuyệt vọng của hai sĩ quan vẫn còn mặc quân phục nghiêm chỉnh, đi bên cạnh đội ngũ của ông, “cố tìm một người nào đó để ý đến họ đủ lâu để tịch thu vũ khí của bọn họ.” Nhưng những người lính một lòng muốn gia tăng số dậm đi được, nên chỉ đơn giản đẩy họ đi về phía Tây.

Các thành phố và thị trấn thi nhau đầu hàng theo bước đường hành quân. Vài người từng nghe qua tên các thành phố này trước đó, nhưng dù thế nào thì chẳng ai ở lại đủ lâu mà nhớ nổi tên chúng. Những nơi như Minden, Bückeburg, Tündern và Stadthagen đơn thuần chỉ là cột mốc trên đường tới sông Elbe. Nhưng Sư đoàn 30 lại gặp phải một cái tên quen thuộc – quen tới mức hầu hết bọn họ đều ngạc nhiên khi biết nó thực sự tồn tại. Đó là thành phố Hamelin, thành phố của Người thổi sáo danh tiếng. Sự chống cự tự sát của một số nhóm SS mà trước đó Sư đoàn Thiết giáp 2 đã đi vòng qua, cùng với loạt pháo trả đũa nặng nề của Sư đoàn 30 đã khiến thành phố trong truyện cổ tích này, nơi có những ngôi nhà bánh gừng và đường phố rải sỏi, biến thành một đồng đồ nát cháy đen vào ngày 5/4. Đại tá Walter M. Johnson của Trung đoàn 117 nói, “Lần này, chúng ta đã đuổi được lũ chuột bằng một loại sáo khác.”^[44]

Ngày 8/4, Sư đoàn 84 đã tới được ngoại ô thành phố Hanover có từ thế kỷ 15. Trên chặng đường dài đi từ sông Rhine, với dân số 400.000 người, Hanover là thành phố lớn nhất rơi vào tay một sư đoàn bất kỳ của Tập đoàn quân 9. Thiếu tướng Alexander R. Bolling, tư lệnh Sư đoàn 84 vốn định đi vòng qua thành phố, nhưng lại có lệnh phải chiếm nơi này. Bolling không được vui cho lắm.

Đưa quân vào Hanover sẽ làm ông mất bao nhiêu thời gian quý báu trong cuộc đua tới Elbe cùng các sư đoàn bộ binh khác. Trận đánh khá dữ dội; nhưng chỉ trong 48 giờ, sự kháng cự đã biến thành các hành động nhỏ lẻ. Tự hào về năng lực của Sư đoàn 84, đồng thời nóng lòng muốn tiếp tục

lên đường, Bolling vừa ngạc nhiên vừa sung sướng khi được Tư lệnh Tối cao ghé thăm tại Hanover, cùng với Tham mưu trưởng của ông là tướng Smith, và tướng Simpson của Tập đoàn quân 9.

Bolling nhớ lại, vào cuối buổi gặp chính thức của họ, Ike Eisenhower nói với tôi, ‘Alex, tiếp theo anh định đi đâu?’ Tôi đáp, ‘Thưa đại tướng, chúng tôi sẽ tiếp tục tiến về phía trước, chúng tôi sẽ đến Berlin và không gì có thể cản bước chúng tôi.’”

Theo Bolling, Eisenhower đặt tay lên cánh tay tôi và nói, ‘Alex, cứ đi đi. Tôi chúc anh thật nhiều may mắn và đừng để ai chặn bước anh.’” Khi Eisenhower rời khỏi Hanover, Bolling tin rằng mình vừa có “một lời công nhận bằng miệng từ Tư lệnh Tối cao, cho phép Sư đoàn 84 đi đến Berlin.”

Cũng vào chủ nhật đó, ngày 8/4, Sư đoàn Thiết giáp 2, hiện đang dẫn trước Sư đoàn 83 một chút, đã tới được trận tuyến của giai đoạn một, Hildesheim. Giờ đây, Sư đoàn 2 phải chờ lệnh mở màn giai đoạn hai của cuộc tấn công. Tướng White rất vui khi có thể dừng lại.

Sau khi đã hành quân với tốc độ như thế, bảo trì đã trở thành một vấn đề không nhỏ, và White cần ít nhất 48 giờ để sửa chữa. Ông hiểu là lần tạm dừng chân này cũng sẽ giúp các đơn vị khác theo kịp ông. Nhưng phần lớn binh sĩ, sau mấy ngày hành quân với tốc độ điên cuồng, lại thắc mắc sao mình lại bị cầm chân ở đây. Họ sốt ruột khi bị trì hoãn; trước đây, những lần dừng chân như thế này đã giúp quân địch có cơ hội tái cơ cấu và củng cố.

Khi kết thúc đã cận kề, không ai muốn liêu lĩnh. Hạ sĩ quan George Petcoff, một binh sĩ kỳ cựu trong trận Normandy rất lo về “trận chiến giành Berlin, vì tôi bắt đầu nghĩ là mình đã tới số.” Giáo sĩ Rose nhớ là có một người lính xe tăng đã mê tín về tương lai tới mức anh ta trèo ra ngoài chiếc xe tăng, nhìn hàng chữ “Joe can đảm” sơn đăng trước rồi bắt đầu cẩn thận xóa đi từ “can đảm.” Anh ta nói, “Từ nay trở đi, nó chỉ còn là Joe mà thôi.”

Nếu như các binh sĩ đang lo sợ vì bị trì hoãn thì các tư lệnh của họ – kể cả cấp trên trực tiếp của tướng White ở bộ chỉ huy Quân đoàn 19 – thậm chí còn đau đầu hơn.

Thiếu tướng Raymond S. McLain, tư lệnh Quân đoàn 19 hi vọng sẽ không có chuyện gì ảnh hưởng đến kế hoạch của ông. Bất chấp tốc độ hành

quân chóng mặt đó, ông không hề lo lắng về chuyện tiếp tế. Sức mạnh của quân đoàn của ông, với tổng cộng trên 120.000 người, giờ còn lớn hơn cả Tập đoàn quân Liên minh ở Getty-sburg, và ông có 1.000 xe thiết giáp. Sau này McLain nói, với toàn bộ lực lượng này, ông “tuyệt đối không nghi ngờ gì trong vòng 6 ngày sau khi vượt sông Elbe” toàn bộ Quân đoàn 19 sẽ có mặt tại Berlin.

McLain nghe tin từ bộ chỉ huy của Simpson là lần dừng chân này chỉ là tạm thời – và do cả nguyên nhân chiến thuật lẫn chính trị. Kết quả là, thông tin của ông đã đúng trên cả hai phương diện.

Phía trước họ là mặt trận tương lai của vùng chiếm đóng của Liên Xô, và lần dừng chân này giúp SHAEF có thời gian cân nhắc tình hình. “Đừng dừng chân” về mặt địa lý của cả quân Anh-Mỹ và quân Nga vẫn chưa được quyết định. Do đó, khả năng đâm đầu va chạm vẫn còn đó. Trước tình hình quân Đức không hề kháng cự tập trung, các bộ chỉ huy cấp cao hơn không định ngừng tấn công, họ chỉ phải cân nhắc một vấn đề nghiêm trọng: một khi vượt qua ranh giới chiếm đóng của Liên Xô, sớm hay muộn thì cũng phải trao lại cho Liên Xô mỗi một dặm họ chiếm được.

Ở điểm tiến quân gần nhất, họ chỉ còn cách Berlin có 125 dặm, và trên toàn mặt trận của Tập đoàn quân 9, binh lính đang chờ xuất phát, không hay biết về vấn đề nhạy cảm mà Bộ Tư lệnh Tối cao đang phải đối mặt. Họ có lý do để phấn khích. Binh nhất Carroll Stewart đang chờ mong được lần đầu nhìn thấy thủ đô của Đức vì anh nghe nói không thành phố nào ở châu Âu có thể sánh được cảnh đẹp của Berlin.

Chuẩn úy James “Dixie” Deans của Không lực Hoàng gia Anh đứng nghiêm bên cạnh bàn làm việc, mau mắn chào viên đại tá Đức. Hermann Ostmann chào đáp lại cũng nhanh nhẹn không kém, ông là sĩ quan chỉ huy của Stalag 357, trại tù binh chiếm tranh giam quân Đồng minh ở gần Fallingbostal, phía bắc Hanover. Đó chỉ là một trong số chuỗi nghi thức quân sự mà người tù binh chiến tranh Deans và người giam giữ Ostmann

phải thực hiện mỗi khi gặp nhau. Lần nào cũng một kiểu rập khuôn chuẩn xác như vậy.

Giữa hai người tồn tại một sự tôn trọng đầy cảnh giác và miễn cưỡng. Deans coi người sĩ quan – một sĩ quan trong Thế chiến thứ nhất, đang độ tuổi trung niên, bị liệt một tay nên không thể phục vụ ở những nơi khác – là một giám ngục ngay thẳng, phải làm công việc mình không thích.

Về phần mình, Ostmann biết Deans, 29 tuổi, được các tù nhân chọn ra làm người phát ngôn, là một tay thương lượng quyết đoán và ngoan cố, có thể và thường xuyên khiến cuộc sống của ông gặp nhiều phiền muộn. Viên đại tá luôn biết rõ là quyền điều hành thật sự của trại giam Stalag 357 nằm trong tay anh chàng Deans mảnh khảnh này, nhờ sự kiểm soát tù nhân chặt chẽ của anh ta, và lòng trung thành không lay chuyển của họ với anh ta.

Deans là một huyền thoại. Anh là một phi công, bị bắn hạ ở Berlin vào năm 1940, rồi bị giam trong các trại tù binh chiến tranh từ hồi đó. Ở mỗi nơi, anh đã học thêm được ít nhiều về cách làm thế nào để đạt được quyền lợi tối đa cho mình và đồng bạn. Anh cũng học được nhiều về cách thương thảo với sĩ quan chỉ huy.

Theo Deans, có một bước cơ bản: “Đơn giản là cứ gây rối liên miên.”

Giờ đây, Deans nhìn chăm chăm viên đại tá già nua, chờ nghe lý do của lệnh triệu tập lên văn phòng sĩ quan chỉ huy mới nhất.

Ostmann cầm một xấp đơn từ và nói, “Ở đây tôi có vài mệnh lệnh. Và tôi e là chúng tôi phải đưa anh cùng người của anh qua chỗ khác.”

Ngay lập tức Deans cảnh giác. Anh hỏi, “Đi đâu, thưa đại tá?”

Ostmann nói, “Về phía đông bắc. Chính xác là đâu thì tôi không biết, nhưng tôi sẽ có chỉ thị trên đường đi.”

Rồi ông nói thêm, “Tất nhiên, anh phải hiểu là chúng tôi làm thế cũng vì an toàn của các anh thôi.”

Ông ngừng lại và mỉm cười yếu ớt. “Quân của các anh đang đến gần hơn đấy.”

Deans đã biết thế nhiều ngày nay. Các hoạt động “tiêu khiển” trong trại đã giúp họ chế tạo được hai chiếc radio bí mật có chức năng cao. Một chiếc giấu trong chiếc máy hát cũ kỹ thường xuyên được sử dụng. Chiếc còn lại,

một máy thu tí hon chạy pin, phát đi những tin tức mới nhất đến mọi người ở Stalag 357, nằm trong bộ đồ ăn của chủ nó. Từ những nguồn tin quý giá này, Deans biết là quân của Eisenhower đã vượt qua sông Rhine và đang chiến đấu ở vùng Ruhr. Các tù nhân vẫn chưa rõ phạm vi tiến quân của quân Anh-Mỹ - nhưng nếu người Đức phải dời trại tù binh thì chắc là khá gần.

“Thế sẽ đi bằng gì, thưa đại tá?” Deans hỏi, dù biết rõ là quân Đức luôn đưa tù binh đi bằng một cách duy nhất – đi bộ.

Ostmann nói, “Họ sẽ đi bộ từng hàng.”

Rồi bằng một cử chỉ lịch sự, ông đưa ra một đặc quyền cho Deans. “Anh có thể đi xe với chúng tôi nếu anh muốn.” Deans từ chối, cũng lịch sự tương tự.

Anh hỏi, “Còn người ốm thì sao? Ở đây có nhiều người gần như không thể đi được.”

“Họ sẽ ở lại đây, chúng tôi sẽ để lại cho họ những gì có thể để hỗ trợ họ. Một số các anh cũng có thể ở lại với họ.”

Giờ Deans muốn biết khi nào tù binh sẽ được đưa đi. Có những lúc Ostmann ngờ là Deans cũng biết rõ về tình hình chiến trận như ông – nhưng có một điều ông chắc chắn là Deans không thể nghe nói được gì. Theo thông tin từ bộ chỉ huy, quân Anh đang tiến về Fallingbommel và giờ chỉ còn cách có 50 đến 60 dặm, trong khi quân Mỹ cũng chỉ cách Hanover 50 dặm về phía nam.

Ông nói với Deans, “Anh đi đi. Máy cái này là mệnh lệnh cho tôi.”

Khi rời khỏi văn phòng sĩ quan chỉ huy, Deans biết mình chẳng thể làm gì để giúp mọi người chuẩn bị cho chuyến đi. Lương thực rất thiếu thốn và hầu hết tù nhân đều ốm yếu, gầy mòn vì suy dinh dưỡng. Một hành trình dài mệt mỏi chắc chắn sẽ kết liễu mạng sống nhiều người.

Nhưng khi quay lại trại để truyền lời về chuyến đi cho cả trại, anh âm thầm thề: dùng mọi mưu mẹo anh có thể nghĩ ra, từ trì hoãn, đình công cho tới các cuộc nổi loạn nho nhỏ, Dixie Deans định cùng toàn bộ 12.000 người ở trại Stalag 357 tới trận tuyến của quân Đồng minh.

Địa điểm của bộ chỉ huy của Tập đoàn quân 12 vừa mới thành lập cứ tránh né sĩ quan chỉ huy của nó, Đại tướng Walther Wenck. Văn phòng tư lệnh nằm ở miền bắc dãy Harz, cách Berlin khoảng 70 đến 80 dặm, nhưng Wenck đã ngồi xe hàng giờ rồi. Đường đi đen ngịt người di tản và xe cộ chạy theo cả hai chiều. Một số dân di tản chạy về hướng Đông, tránh xa quân Mỹ; số khác lại vội vàng đi về phía Tây vì sợ quân Nga. Những chiếc xe tải chở lính có vẻ cũng không có mục đích rõ rệt giống nạn dân. Anh lái xe Dorn của Walther nhấn còi liên tục, vất vả len lỏi trên đường. Khi đi vào sâu hơn về hướng tây nam, tình hình càng hỗn loạn hơn. Wenck dần dần thấy khó chịu và mệt mỏi. Ông tự hỏi, mình sẽ thấy gì khi tới được Bộ chỉ huy?

Wenck đang đi theo một đường vòng quanh co để tới văn phòng của mình. Ông đã quyết định trước tiên đánh một vòng tới thành phố Weimar, nằm phía tây nam Leipzig, rồi mới đi tới bộ chỉ huy ở gần Bad Blankenburg.

Dù chuyển hướng như thế sẽ khiến chuyển đi dài thêm gần một trăm dặm, nhưng Wenck có lý do để đi đường vòng. Tiền tiết kiệm cả đời của ông được gửi trong một ngân hàng ở Weimar, khoảng mười nghìn mark, và ông định rút hết toàn bộ.

Nhưng khi chiếc xe đến gần thành phố, con đường tự dừng vắng vẻ lạ kỳ, và có tiếng súng nổ xa xa. Đi thêm vài cây số, xe dừng lại và quân cảnh Đức trình bày với viên đại tướng là xe tăng của Tập đoàn quân 3 Hoa Kỳ của Patton đã đến được ngoại ô. Wenck vừa thấy sốc, vừa thấy bị đánh lừa. Tình hình tệ hơn những gì ông được nghe từ bộ chỉ huy của Hitler nhiều. Ông không thể tin được là quân Đồng minh lại tiến nhanh như vậy – hay là nước Đức đã bị chiếm nhiều đến thế. Và cũng khó mà thừa nhận, dù thế nào thì mười nghìn mark của ông cũng bay đi mất.^[45]

Từ Bộ chỉ huy địa phương, các sĩ quan quân đội báo với Wenck là toàn bộ vùng Harz đang trong nguy hiểm, quân đang rút lui và khắp nơi đang bị địch đánh lấn vào sườn. Rõ ràng, Bộ chỉ huy của ông đã rút khỏi đây.

Wenck quay lại hướng Dessau, ở đó hẳn phải có một số đơn vị của ông. Ông phát hiện ra bộ chỉ huy của mình đóng trong một trường kỹ thuật quân đội gần Rosslau, cách Dessau khoảng 8 dặm về phía bắc. Ở đó, Wenck cũng khám phá ra sự thật về Tập đoàn quân 12.

Mặt trận của Tập đoàn quân 12 chạy dọc theo sông Elbe và phụ lưu của nó là sông Mulde trong khoảng 125 dặm – đại khái từ Wittenberge bên sông Elbe chạy theo hướng bắc nam tới một điểm phía đông Leipzig bên sông Mulde. Ở cánh phía bắc, đối diện với quân Anh là lực lượng của Thống chế Ernst Busch, Tổng tư lệnh của quân Tây Bắc. Ở phía nam là các đơn vị đã bị hành hạ thảm hại của Thống chế Albert Kesselring, Tổng tư lệnh quân miền Tây. Wenck có rất ít thông tin về sức mạnh của các lực lượng này. Trong quân khu của mình, giữa hai lực lượng này, tập đoàn quân 12 chỉ tồn tại trên giấy. Ngoài các nhóm quân đang trấn giữ các điểm rải rác dọc sông Elbe, ông chẳng có gì ngoài phần tàn dư ít ỏi từ các sư đoàn ma. Ông phát hiện ra là các nhóm quân khác chưa được tổ chức, và thậm chí có những đơn vị còn chưa được hình thành.

Số pháo ông có không di chuyển được, bị đặt vào những vị trí cố định quanh các thị trấn Magdeburg, Wittenberge, và gần các cây cầu bắc qua sông Elbe. Có một số súng tự động, một nhóm xe thiết giáp, và khoảng 40 xe chở lính Volkswagen dạng như xe jeep. Nhưng vào lúc này, Tập đoàn quân 12 của Wenck giỏi lắm chỉ có chừng một tá xe tăng.

Dù số tàn quân rải rác gộp lại cũng được khoảng 100.000 người, hiện tại còn lâu mới đạt tới con số 10 sư đoàn mà ông đã được hứa hẹn. Trong số phần tàn dư của các đơn vị với những cái tên ấn tượng – “Clausewitz,” “Potsdam,” “Scharnhorst,” “Ulrich von Hutten,” “Friedrich Ludwig Jahn,” “Theodor Körner” – còn lại khoảng 5 sư đoàn rưởi, tương đương 55.000 người. Ngoài các lực lượng đã sẵn sàng vào vị trí hoặc đang chiến đấu, phần lớn Tập đoàn quân 12 mới thành lập bao gồm các sĩ quan đang huấn luyện và các học viên sĩ quan đang rất háo hức.

Cả Wenck lẫn Tham mưu trưởng của ông là Đại tá Günther Reichhelm đều không nghi ngờ gì về kết quả của các trận chiến sắp tới. Nhưng Wenck không muốn chịu thua cảnh tượng vỡ mộng này. Vốn trẻ tuổi và đầy nhiệt

huyết, ông thấy được điều mà nhiều vị tướng lớn tuổi hơn có thể bỏ qua: những thiếu hụt về sức mạnh của Tập đoàn quân 12 có thể được bù đắp bằng sự kiên cường và cống hiến của các sĩ quan và học viên trẻ tuổi.

Wenck thấy đã có cách dùng lực lượng non choẹt nhưng đầy nhiệt huyết của mình làm quân tiên phong cơ động, đưa họ đi từ nơi này sang nơi khác khi cần – ít nhất cho tới khi các lực lượng khác của ông tái tổ chức và vào vị trí xong xuôi. Wenck tin là nếu làm thế thì những người lính trẻ tuổi và mạnh mẽ của ông có thể giành thêm chút thời gian quý báu cho nước Đức.

Gần như bước hành động đầu tiên với tư cách tư lệnh của ông là ra lệnh cho các đội quân mạnh nhất, được trang bị tốt nhất của mình tiến vào các vị trí trung tâm ở sông Elbe hoặc Mulde để sử dụng. Nhìn vào bản đồ, Wenck khoanh tròn các vùng có thể có hành động – Bitterfeld, Dessau, Belzig, Wittenberge. Ông nghĩ, còn có một vùng khác, nơi quân Mỹ chắc chắn sẽ cố vượt sông Elbe. Nằm giữa ba binh chủng bên dòng sông, bị tàn phá trong Chiến tranh Ba mươi năm và gần như bị hủy diệt hoàn toàn, thành phố Magdeburg đã vực dậy lần nữa.

Giờ đây, pháo đài vĩ đại với tòa thành trì trên đảo và thánh đường có từ thế kỷ XI của nó giống như một ngọn đèn hiệu trên đường tiến quân của Mỹ. Quanh vùng này – nhất là phía nam Magdeburg – Wenck đã đưa số quân được trang bị tốt nhất trong các đơn vị “Scharnhorst,” “Potsdam” và “Von Hutten” của ông vào để cầm cự các cuộc tấn công của Mỹ lâu hết mức có thể.

Hàng phòng thủ của ông đã được lên kế hoạch tới từng chi tiết cuối cùng, chiến thuật của ông đã được các sĩ quan thuộc nằm lòng. Giờ đây, tại bộ chỉ huy của Cụm Tập đoàn quân Vistula, cách Wenck khoảng 120 dặm về phía đông bắc, Gotthard Heinrici đã sẵn sàng cho trận chiến.

Heinrici đã dựng một Hauptkampflinie – tuyến kháng cự chính – thứ hai đằng sau tuyến đầu tiên của ông. Ngay trước loạt pháo dự kiến của Nga, Heinrici nói với các tư lệnh của mình, ông sẽ di tản tiền tuyến. Toàn bộ quân lính sẽ rút lui ngay lập tức về Hauptkampflinie thứ hai.

Đó là mưu kế cũ hời ở Moscow của Heinrici, để quân Nga “đánh vào thành không nhà trống.” Ngay khi loạt pháo của Nga chấm dứt, quân lính

phải tiến về phía trước và chiếm lại vị trí ngoài tiền tuyến của mình. Mưu kế này rất hiệu quả trong quá khứ và Heinrich mong nó sẽ lại thành công. Như thường lệ, mấu chốt là phải xác định thời điểm tấn công chính xác.

Đã có một vài đòn nghi binh. Trong quân khu của Tập đoàn quân Thiết giáp 3 của Von Manteuffel ở phía bắc Berlin, Đại tướng Martin Gareis, chỉ huy Quân đoàn Thiết giáp 46 yếu xìu, tin chắc là cuộc tấn công sẽ diễn ra vào ngày 8/4. Những chiếc xe nặng nề tiến về phía trước và những khẩu pháo được tập trung dày đặc ngay trước khu vực của Gareis có vẻ là dấu hiệu của một cuộc tấn công sắp xảy ra – và những tên lính Nga bị bắt đã phun ra ngày tấn công. Heinrich không tin các báo cáo đó. Tình báo riêng của ông, cộng thêm thói quen từ xưa là tin vào trực giác của mình, nói với ông rằng ngày đó quá sớm. Và kết quả là ông đã đúng. Trên toàn mặt trận sông Oder, ngày 8/4 trôi qua yên bình và chẳng có sự kiện gì.

Nhưng tinh thần cảnh giác của Heinrich vẫn không suy giảm. Mỗi ngày, ông đều bay qua trận tuyến của Nga bằng một chiếc máy bay trinh sát nhỏ, quan sát cách bố trí pháo và binh lính. Hàng đêm, ông lại cẩn thận nghiền ngẫm các báo cáo tình báo và thông tin thẩm vấn được từ tù binh, không ngừng tìm các dấu hiệu có thể chỉ ra ngày tấn công.

Giữa giai đoạn quan trọng và căng thẳng này, Thống tướng Hermann Goering lại triệu tập Heinrich đến dinh thự của ông ta dùng bữa trưa. Dù Heinrich cực kỳ mệt mỏi và miễn cưỡng rời bộ chỉ huy của mình dù chỉ vài giờ, ông không thể nào từ chối.

Karinhall, tòa tư dinh đồ sộ của ngài Thống tướng cách bộ chỉ huy Vistula nằm ở Birkenhain có mấy dặm. Đất ở đây rộng tới mức Goering có cả một vườn thú riêng. Khi tới gần, Heinrich và vị sĩ quan phụ tá, Đại úy von Bila choáng váng trước điền sản nguy nga của Goering, nơi đây trông như một công viên, với các hồ nước, vườn hoa, những bậc thềm đẹp đẽ và các con đường nhỏ trồng cây hai bên. Giữa con đường từ cổng chính đến tòa dinh thự là các đơn vị lính dù của Không quân mặc quân phục chải chuốt – lực lượng phòng vệ riêng của Goering.

Tòa dinh thự cũng giống bản thân chủ nhân nó, vừa đồ sộ vừa sang trọng. Sảnh tiếp khách khiến Heinrich liên tưởng tới “một nhà thờ thánh

thang rộng lớn, đến mức mắt người ta tự động ngó lên xà nhà.” Goering ăn vận sang trọng với chiếc áo khoác đi săn màu trắng, lạnh lùng chào Heinrici. Thái độ của ông ta như một điềm báo trước, vì bữa ăn trưa tỏ ra là một thảm họa.

Hai vị thống chế và thượng tướng không ưa nhau rõ rệt. Heinrici vẫn luôn trách Goering vì để thua trận Stalingrad, dù đã hứa hẹn đủ điều, nhưng rốt cuộc không quân không thể hỗ trợ đám quân tan tác của Tập đoàn quân 6 của Von Paulus.

Nhưng dù có ở đâu thì Heinrici cũng không ưa viên thống chế vì tính kiêu căng và phô trương của ông ta. Về phần mình, Goering thấy Heinrici là một kẻ không chịu phục tùng và nguy hiểm. Ông chưa từng tha thứ cho viên tướng vì đã để yên cho Smolensk chứ không chịu đốt nơi đó, và trong mấy ngày qua, sự chán ghét của ông đối với Heinrici đã gia tăng mãnh liệt. Nhận xét của Heinrici về Sư đoàn dù 9 ở cuộc họp của Quốc trưởng khiến ông khó chịu sâu sắc. Ngày hôm sau buổi họp, Goering đã gọi đến Bộ chỉ huy Vistula và nói chuyện với Đại tá Eismann. Viên thống chế giận dữ nói, “Tôi không thể chấp nhận được là Heinrici lại có thể nói về quân dù của tôi bằng cách đó. Như thế là sỉ nhục cá nhân! Tôi vẫn còn Sư đoàn Dù 2 và anh có thể nói với tư lệnh của anh là tôi sẽ không giao họ cho ông ta đâu. Không đời nào! Tôi sẽ đưa họ đến chỗ Schörner. Đó là một quân nhân thực sự! Một quân nhân chân chính!”

Giờ đây, trong bữa trưa, Goering chĩa mũi dùi thẳng vào Heinrici. Ông ta bắt đầu bằng cách kịch liệt chê bai các đội quân mà ông ta đã thấy trong các chuyến đi gần đây tới mặt trận Vistula.

Ngồi dựa lưng vào một chiếc ghế đồ sộ như ngai vàng, tay vung vẩy một cốc bia to bằng bạc, Goering buộc tội Heinrici đã để lỏng lẻo kỷ luật. Ông ta nói:

“Tôi đã chạy xe qua khắp các Tập đoàn quân của anh, và ở quân khu nào tôi cũng thấy bọn lính đang ngồi không! Tôi thấy có những tên ngồi trong hố cá nhân chơi bài nữa kia! Tôi thấy các công binh có người còn không có nổi cái thuổng mà làm việc. Có mấy chỗ không có bếp dã chiến cho lính! Ở mấy quân khu khác, người ta hầu như chả làm gì để xây dựng hàng rào

phòng thủ cả. Khắp nơi tôi chỉ thấy người của anh đang lười chảy thây ra.”

Nốc một ngụm lớn bia, Goering đe dọa nói, “Tôi định báo hết mảy chuyện này cho Quốc trưởng biết.”

Heinrici thấy tranh cãi chả ích gì. Ông chỉ muốn ra khỏi đây ngay. Cố kiềm chế cơn giận dữ, Heinrici làm sao đó cũng qua được bữa ăn. Nhưng khi Goering tiễn hai vị khách ra cửa, Heinrici đứng lại, chầm chậm nhìn quanh khung cảnh nguy nga tráng lệ cùng tòa dinh thự ấn tượng với các ngọn tháp và mái nhà đẹp đẽ. Ông nói:

“Tôi chỉ có thể hi vọng là những kẻ lười chảy thây của tôi có thể cứu được dinh thự lộng lẫy của ngài khỏi những trận chiến đang chờ phía trước.” Goering lạnh lùng nhìn chăm chăm một lúc, rồi quay gót đi vào trong.

Trong lúc ngồi trên xe, Heinrici nghĩ, Goering sẽ không còn giữ Karin hall được lâu nữa đâu. Ông dần kết luận được thời điểm tấn công của quân Nga, dựa trên các báo cáo tình báo, những lần quan sát trên không, mực nước lũ đang xuống dần trên sông Oder và trực giác chưa từng phản bội một lần của mình. Heinrici tin là cuộc tấn công sẽ mở màn trong tuần này – đâu đó quanh quanh ngày 15 hoặc 16 tháng 4.

Nguyên soái Georgi Zhukov giờ tắm khăn trải bàn, để lộ tấm bản đồ địa hình nổi rộng lớn của Berlin. Nó giống mô hình hơn là bản đồ, với các tòa nhà chính phủ, các cây cầu và ga tàu hỏa mini, mô phỏng chính xác các tuyến đường chính, kênh đào và sân bay. Các cứ điểm phòng thủ dự kiến, các tháp phòng không và boongke đều được đánh dấu tỉ mỉ, có các nhãn màu xanh nho nhỏ đính trên các mục tiêu chủ chốt, có đánh số bên trên. Tòa nhà Quốc hội Reichstag mang nhãn số 105, điện Reichskanzlei là 106; số 107 và 108 là văn phòng bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao.

Vị nguyên soái quay sang các sĩ quan. Ông nói, “Nhìn mục tiêu số 105 này. Ai sẽ là người đầu tiên tới được tòa nhà Reichstag? Chuikov cùng Tập đoàn quân Cận vệ 8? Katukov và đội xe tăng của ông ấy? Berzarin và Tập

đoàn quân Tiên phong 5? Hay là Bogdanov cùng Tập đoàn quân Cận vệ 2? Là ai đây?”

Zhukov đang cố ý nhử các sĩ quan của mình. Mỗi người đều sốt ruột muốn tới thành phố trước, và nhất là chiếm được tòa nhà Reichstag. Theo Đại tướng Nikolai Popiel nhớ lại cảnh tượng đó sau này, Katukov đột ngột nói, “Cứ nghĩ đi. Nếu tôi tới được mục tiêu 107 và 108, tôi có thể tóm gọn cả Himmler và Ribbentrop một lượt!”

Buổi họp chiến thuật kéo dài cả ngày; ngoài mặt trận, công tác chuẩn bị cho các cuộc tấn công đã gần hoàn thành. Súng đạn đã được đưa vào vị trí trong rừng; xe tăng được đưa lên để có thể bắn hỗ trợ pháo binh khi loạt nã pháo khởi đầu. Một lượng lớn đồ tiếp tế, vật liệu xây cầu, xuống cao su và bè đã sẵn sàng tại các khu vực tấn công, và xe tải chạy nghẹt đường, đưa các sư đoàn đến nơi tập hợp. Nhu cầu quân số dữ dội tới mức lần đầu tiên Nga phải dùng máy bay để chuyên chở quân từ hậu phương đến. Khắp nơi, người lính Nga nào cũng thấy rõ là cuộc tấn công sắp đến rồi, nhưng không có ai ở ngoài Bộ chỉ huy biết được ngày chính xác.

Đại úy Sergei Ivanovich Golbov, phóng viên của Hồng quân, lái xe dọc theo mặt trận của Zhukov, quan sát công tác chuẩn bị rầm rộ. Golbov đã vận dụng mọi nguồn tin để tìm hiểu ngày tấn công, nhưng không thành công. Anh chưa từng chứng kiến công tác chuẩn bị trước trận chiến như thế này, và anh tin là quân Đức cũng đang dõi theo từng bước. Nhưng khá lâu sau này, anh nhận xét rằng, “Không ai bận tâm bọn Đức thấy được cái gì.”

Có một khía cạnh của công tác chuẩn bị khiến Golbov thấy kỳ lạ. Nhiều ngày nay, những chiếc đèn pha rọi máy bay đủ hình đủ cỡ được đưa đến mặt trận. Lực lượng đó toàn là nữ. Hơn nữa, các đơn vị này đóng cách tiền tuyến khá xa và ẩn giấu kỹ càng dưới tấm lưới ngụy trang. Golbov chưa bao giờ thấy nhiều đèn pha đến vậy. Anh thắc mắc chúng có thể làm được gì trong cuộc tấn công.

Ở Reichspostzentramt tại Berlin, tòa nhà Quản trị Dịch vụ Bưu chính

nằm ở quận Tempelhof, Bộ trưởng Bộ Bưu chính Wilhelm Ohnesorge cúi người nhìn chồng tem màu sắc sặc sỡ nằm trên bàn. Chúng là loạt in đầu tiên, và Ohnesorge hết sức vui sướng về chúng. Người họa sĩ đã làm rất tốt và Quốc trưởng chắc chắn sẽ hài lòng với kết quả. Ông vui vẻ kiểm tra hai con tem kỹ hơn. Một cái vẽ một người lính SS với khẩu súng máy Schmeisser trên vai; cái còn lại vẽ một người lãnh đạo Đảng Nazi mặc đồng phục, tay phải giơ cao ngọn đuốc. Ohnesorge nghĩ đợt phát hành kỷ niệm đặc biệt này rất phù hợp với hoàn cảnh. Chúng sẽ được bán ra vào ngày sinh nhật của Hitler, ngày 20/4.

Một ngày đặc biệt cũng đang chiếm vị trí hàng đầu trong tâm trí Erich Bayer. Viên kế toán của quận Wilmersdorf đã lo lắng suốt nhiều tuần nay về việc ông sẽ làm gì vào thứ ba ngày 10/4 – ngày mai. Đó là lúc phải thanh toán; nếu không đủ kiểu rắc rối và thủ tục rườm rà sẽ xuất hiện. Bayer có tiền; đó không phải là vấn đề. Nhưng giờ nó còn ý nghĩa gì nữa không? Liệu đội quân chiếm được Berlin – Mỹ hoặc Nga – có để ý đến việc thanh toán? Và nếu không đội quân nào chiếm được thành phố thì sao? Bayer cân nhắc vấn đề trên mọi khía cạnh. Rồi ông tới ngân hàng và rút 1.400 mark. Bước vào văn phòng gần đó, ông thực hiện thủ tục thanh toán cần thiết cho khoản thuế thu nhập trong năm 1945 của mình.

Chuyện xảy ra nhanh tới mức ai cũng bàng hoàng. Ở mặt trận phía tây, tại bộ chỉ huy Tập đoàn quân 9, tướng Simpson ngay lập tức ra lệnh cho hai tư lệnh quân đoàn của mình, Thiếu tướng Raymond S. McLain của Quân đoàn 19 và Thiếu tướng Alvan Gillem của Sư đoàn 13. Simpson nói, mệnh lệnh chính thức sẽ có sau, nhưng giờ lệnh là “Xuất phát.” Giai đoạn hai bắt đầu. Đó là tin chính thức. Các sư đoàn sẽ đến sông Elbe – và xa hơn nữa. Ở bộ chỉ huy của Sư đoàn Thiết giáp 2, tướng White được tin và ngay lập tức gửi cho Đại tá Paul A. Disney, tư lệnh Trung đoàn Thiết giáp 67, đơn vị tiên phong số 2.

Disney nhớ lại, khi tin tức đến, “Tôi hầu như không có thì giờ nói một

tiếng ‘Xin chào’ thì tướng White nói, ‘Tiến về phía Đông.’”

Nhất thời, Disney sửng sốt. Đoàn quân dừng chân chưa đầy 24 tiếng. Vẫn mù mờ, ông hỏi, “Mục tiêu là gì?” White trả lời gọn lỏn một chữ, “Berlin!”

6

Sư đoàn Thiết giáp 2 đi thành năm hàng lớn, tiến nhanh về sông Elbe và Berlin. Họ vượt qua các Bộ chỉ huy đèn đuốc sáng rực mà không hề chậm bước. Họ càn quét qua các thị trấn nơi những ông già trong Lực lượng Phòng vệ Địa phương cầm súng trong tay và đứng đực trên đường, sốc quá nên chẳng làm được gì. Họ vượt qua các đội quân cơ giới của Đức đang di chuyển cùng hướng. Súng nổ ran nhưng chẳng bên nào dừng bước. Lính Mỹ ngồi trên các xe tăng bắn bừa vào lính Đức ngồi trên xe máy. Ở những nơi quân địch cố chống cự từ trong các hầm trú ẩn, một số tư lệnh của Mỹ bèn dùng đến lực lượng kỵ binh giống như xe bọc thép của họ. Thiếu tá James F. Hollingsworth từng gặp tình huống như vậy, ông bèn xếp 34 chiếc xe tăng thành một hàng và đưa ra một mệnh lệnh hiếm khi nghe thấy trong chiến tranh hiện đại: “Tấn công!”.

Súng gầm lên, những chiếc xe tăng của Hollingsworth ào vào vị trí của địch và băng qua đó. Đến tối thứ tư ngày 11/4, trong một cuộc đua thiết giáp vô tiền khoáng hậu, những chiếc xe tăng Sherman đã đi được 57 dặm – 73 dặm đường – chỉ trong không đầy 24 giờ. Vào lúc 8 giờ hơn, Đại tá Paul Disney gửi đến bộ chỉ huy một bức điện súc tích: “Chúng tôi đã đến sông Elbe.”

Thậm chí trước đó, một nhóm nhỏ xe thiết giáp đã đến được ngoại ô Magdeburg. Hồi chiều, những chiếc xe trinh sát của Trung tá Wheeler Merriam, chạy với tốc độ lên tới 50 dặm một giờ, đã chạy vào một vùng ngoại ô bên bờ tây sông Elbe. Những chiếc xe dừng lại đó, không phải vì hàng phòng thủ của địch, mà do dân thường qua lại và đi mua sắm.

Kết quả thật hỗn loạn. Mấy bà mấy cô ngất xỉu. Những người đi mua sắm túm tụm lại sợ hãi hoặc nằm bẹp dí xuống đất. Lính Đức chạy tán loạn, bắn như điên.

Nhóm của Merriam không đủ sức chiếm khu vực đó, nhưng các xe trinh sát đã xoay xở thoát được đám hỗn loạn và đến được sân bay, vốn là mục tiêu của họ. Khi họ chạy xe dọc theo rìa sân bay, máy bay đang cất cánh và hạ cánh. Súng Mỹ bắt đầu xả vào mọi thứ trong tầm nhìn, kể cả một phi đội máy bay chiến đấu đã sẵn sàng cất cánh. Mấy chiếc xe thoát được mà chỉ bị tổn thất một chiếc, nhưng sự xuất hiện của bọn họ đã đánh động lực lượng phòng thủ ở Magdeburg.

Giờ đây, khi các đơn vị của Mỹ nối đuôi nhau chạy qua hai bên thành phố tới sông Elbe, họ bắt đầu gặp phải kháng cự ngoan cường ngày càng tăng. Khi quay lại, đội trinh sát của Merriam đã báo cáo một thông tin quan trọng: chiếc cầu xa lộ ở phía bắc thành phố vẫn còn đó. Ngay lập tức, nó trở thành mục tiêu chủ chốt của sư đoàn, vì nó có thể đưa sư đoàn 2 tới Berlin.

Nhưng trước loạt súng họ gặp phải, rõ ràng không thể chiếm được cây cầu trên đường đi nữa. Lực lượng phòng thủ tại Magdeburg quyết tâm chiến đấu. Trong khi đó, vẫn còn những cây cầu khác ở phía bắc và phía nam. Nếu có thể chiếm được một cái trong số đó trước khi quân địch kịp phá hủy, Sư đoàn 2 sẽ băng băng trên đường.

Cách đó 7 dặm về phía nam, tại Schönebeck, một cây cầu khác bắc qua sông Elbe. Đó là mục tiêu của Thiếu tá Hollingsworth của Trung đoàn Thiết giáp 67. Suốt chiều thứ tư, những chiếc xe tăng của Hollingsworth lao băng băng qua hết thị trấn này đến thị trấn khác mà chẳng bị cản trở gì, cho tới khi đến được một nơi gọi là Osterwieck. Tại đó, một trung đoàn Lực lượng Phòng vệ Địa phương đã khiến cuộc hành quân phải ngừng lại.

Hollingsworth rất hoang mang. Nhiều ông già người Đức có vẻ đã sẵn sàng đầu hàng – một số thậm chí còn cột khăn tay vào súng trường và giơ lên bên trên hố cá nhân – nhưng trận đánh vẫn không dừng lại. Một tù binh bị bắt trong mấy phút đầu giải thích: 11 tên lính SS trong thị trấn đã buộc Lực lượng Phòng vệ Địa phương phải chiến đấu. Giận dữ, Hollingsworth bắt tay vào hành động.

Ông gọi chiếc jeep của mình lại, đem theo một trung sĩ và một người điều khiển radio, cùng với lái xe, viên thiếu tá chạy vòng quanh khu vực và đi vào thị trấn bằng một con đường mòn. Ông trang bị khá kỳ quặc. Bên

hông dắt hai khẩu Colt tự động kiểu phương Tây trở xuống; ngoài ra còn có một khẩu tiểu liên Thompson để dự phòng. Hollingsworth là một tay thiện xạ, từng giết hơn 150 tên lính Đức.

Ông tóm lấy một người dân đi ngang qua, hỏi nơi đám SS đang đóng. Người đó sợ chết khiếp, vội chỉ vào một căn nhà lớn và kho thóc gần đó, xung quanh có hàng rào cao. Thấy hàng rào có một cửa vào, Hollingsworth cùng người của mình ra khỏi xe và chạy ào tới, dùng vai húc cửa, làm nó văng khỏi bản lề. Khi họ chạy băng qua sân, một tên SS chạy về phía họ, giơ súng máy lên; Hollingsworth lia khẩu tiểu liên bắn gã thành tổ ong. Ba người lính Mỹ còn lại bắt đầu ném lựu đạn vào cửa sổ. Liếc nhanh chung quanh, viên thiếu tá phát hiện ra một tên SS khác ở cửa trên kho thóc và hạ gục hắn bằng khẩu Colt 45. Trong nhà, họ tìm thấy sáu cái xác do lựu đạn gây ra; ba tên SS còn lại đầu hàng. Hollingsworth vội vàng quay lại đội ngũ. Ông đã bị cầm chân mất 45 phút quý báu.

Ba tiếng sau, đoàn xe tăng của Hollingsworth lên đến đỉnh của khu đất cao nhìn xuống hai thị trấn Schönebeck và Bad Salzelmen. Đứng xa, sông Elbe sáng lấp lánh dưới ánh chiều, vào lúc này nó rộng gần 150 m. Nghiên cứu khu vực này qua ống nhòm, Hollingsworth thấy cây cầu ở đường cao tốc vẫn còn đó – và có lý do của nó. Những chiếc xe thiết giáp của Đức đang rút quân qua sông, đi về phía đông bằng cây cầu đó. Hollingsworth tự hỏi, làm sao chiếm được cây cầu trước khi nó bị cho nổ, trong khi xe thiết giáp của địch đang ở xung quanh?

Trong khi quan sát, ông dần hình thành một kế hoạch. Ông gọi hai sĩ quan đi cùng lại, Đại úy James W. Starr and Đại úy Jack A. Knight, rồi Hollingsworth phác thảo ý tưởng. Ông nói, “Chúng đang đi theo tuyến đường bắc-nam này chạy tới Bad Salzelmen. Rồi chúng rẽ qua phía đông ở ngã ba đường, tiến về Schönebeck và qua cầu. Hi vọng duy nhất của chúng ta là tấn công Bad Salzelmen và giành lấy ngã ba. Giờ, chúng ta sẽ làm thế này. Khi tới ngã ba, Starr sẽ tách ra và chặn đường lại, cầm chân bọn Đức đang đến từ phía nam. Tôi sẽ đi theo phía sau đội hình của chúng, khi đó đã rẽ qua phía đông, đi vào Schönebeck và theo chúng qua cầu. Knight, anh đi đằng sau. Chúng ta sẽ chiếm cây cầu đó, và nhờ Chúa, chúng ta sẽ làm

được.”

Hollingsworth biết kế hoạch này chỉ hiệu quả nếu họ hành động đủ nhanh. Ánh nắng đang yếu dần; nếu may mắn, đám xe tăng Đức sẽ không hay biết họ theo sau chúng qua cầu.

Sau một hồi, đoàn xe tăng của Hollingsworth đã vào vị trí. Các cửa sập được mở ra, họ nã súng vào Bad Salzelmen; trước khi quân Đức biết được chuyện gì đang diễn ra, những chiếc xe của Starr đã chặn đường ở phía nam và đi theo hàng xe thiết giáp của chúng.

Đoàn xe tăng Đức ở đầu hàng ngũ đã rẽ, tiến về cây cầu. Đường như nghe được tiếng súng nổ đằng sau, chúng đẩy nhanh tốc độ. Vào lúc đó, những chiếc xe tăng của Hollingsworth lấp vào chỗ trống trong đội hình và đi theo với cùng tốc độ.

Nhưng rồi họ cũng bị phát hiện. Những khẩu pháo đặt trên các toa xe trần ở đường ray gần đó khai hỏa, bắn tập hậu vào đội hình quân Mỹ. Khi những chiếc Sherman của Hollingsworth đến được Schönebeck, một chiếc xe tăng Mark V của Đức quay tháp pháo và bắn một phát vào chiếc dẫn đầu của Mỹ. Thượng sĩ Cooley, xạ thủ của Hollingsworth liền khai hỏa và làm nổ tung chiếc Mark V.

Chiếc xe tăng xoay qua vệ đường, đâm vào tường và bắt đầu bốc cháy dữ dội. Hầu như chẳng còn đủ chỗ cho chiếc xe tăng của Hollingsworth qua lọt nữa, nhưng rốt cuộc nó cũng nặng nề len qua được, theo sau là phần còn lại trong hàng ngũ. Những chiếc xe tăng Mỹ bắn vào đuôi xe địch và bị những chiếc xe bốc cháy ép lui, nhưng rồi cũng xông được vào thị trấn.

Lúc đến được trung tâm thị trấn, Hollingsworth nhớ lại, “mọi người đang chĩa súng vào nhau. Thực là hỗn loạn hết sức. Người Đức ló ra khỏi cửa sổ, hoặc là dùng mấy khẩu súng chống tăng Panzerfäuste bắn bọn tôi, hoặc là đã biến thành mây xác chết đong đưa.”

Chiếc xe tăng của Hollingsworth không bị trúng đạn và giờ ông chỉ còn cách cây cầu ba dãy nhà. Nhưng đoạn cuối là lúc tồi tệ nhất. Khi những chiếc xe tăng còn lại tiến lên, quân địch nổ súng từ mọi hướng. Các tòa nhà nổ tung, và dù đã 11 giờ đêm, khung cảnh vẫn sáng rực như ban ngày.

Phía trước là đường dẫn lên cầu. Những chiếc xe tăng ào ào lao tới.

Trước đó, khi quan sát từ trên cao, Hollingsworth thấy lối vào đã bị chặn, nó là một mê cung tường đá nhô ra ngoài từng khoảng không đều từ cả hai bên đường; xe phải đi chậm lại và rẽ trái rẽ phải rất gắt mới tới được nhịp cầu trung tâm. Nhảy lên từ phía trên xe, Hollingsworth quan sát xem liệu mình có thể vừa dẫn đường vừa chỉ thị cho xạ thủ khai hỏa thông qua chiếc điện thoại móc ở sau xe hay không. Đúng lúc đó, một quả pháo chống tăng nổ đằng trước Hollingsworth, cách không đầy 15 m. Sỏi rải đường bay tứ tung, và bỗng nhiên viên thiếu tá thấy mặt mình toàn máu là máu.

Một tay cầm khẩu Colt 45, tay kia giữ ống nghe điện thoại, ông vẫn kiên cường tiến về phía cây cầu. Chiếc tăng của ông va quệt với một chiếc jeep, và Hollingsworth gọi bộ binh tới. Ông dẫn bọn họ tới đường dẫn lên cầu, rồi bắt đầu len lỏi đi qua các chốt chặn, vừa liên tục bắn trả lại bọn lính Đức đang chiến đấu dữ dội để bảo vệ cầu. Gối trái ông bị trúng đạn, nhưng ông vẫn đi đầu, còn giục bộ binh đi nhanh hơn.

Cuối cùng, bị choáng và mù dờ vì máu chảy nhiều, Hollingsworth dừng lại. Một làn mưa đạn xối xả từ các vị trí của Đức ập đến, và Hollingsworth buộc phải ra lệnh rút lui. Ông còn cách cây cầu có 12 m. Khi đại tá Disney, sĩ quan chỉ huy của ông tới nơi, ông thấy viên thiếu tá “không đi nổi nữa và chảy máu tím lúm. Tôi ra lệnh cho ông ấy rút về phía sau.”

Hollingsworth đã bỏ lỡ cây cầu chỉ trong vài phút. Nếu thành công, ông tin mình có thể tới được Berlin chỉ trong vòng 11 tiếng. Lúc bình minh ngày 12/4, khi bộ binh và các kỹ sư cố chiếm cầu Schönebeck một lần nữa, quân Đức cho nó nổ tung ngay trước mặt họ.

Phía trên mặt trận của Tập đoàn quân 9, Trung úy Duane Francies đánh một vòng lớn trên chiếc máy bay trinh sát không vũ trang, chiếc Piper Cub Miss Me. Ngồi sau anh là người quan sát pháo binh, Trung úy William S. Martin.

Hai người đã trinh sát cho Sư đoàn Thiết giáp 5 từ hời vượt sông Rhine tới giờ, định vị các cứ điểm và gửi tin về các vị trí cho đoàn xe tăng đang đi tới. Đó không phải là một công việc nhàm chán; Francies và Martin đã hơn một lần đụng độ quân địch, thế rồi họ bắn lộn xộn vào hàng ngũ địch bằng khẩu Colt 45 của mình.

Đằng đông, mây đã dạt ra và hai người trên máy bay có thể thấy được các ống khói cao mờ mờ xa xa. Francies hét to, chỉ về phía trước, “Berlin kìa! Các nhà máy ở Spandau kìa.” Giờ đây, mỗi ngày trôi qua Sư đoàn 5 lại tiến gần thêm, Francies bắt đầu tìm kiếm các đặc trưng khác nhau của thành phố từ vị trí trên cao khá thuận lợi của mình. Khi chiếc Miss Me dẫn đường cho xe tăng đến Berlin, viên phi công trẻ tuổi muốn có thể nhận diện các con đường và tòa nhà chính ngay lập tức để nói cho những anh lính xe tăng biết. Anh định hướng dẫn “các cậu bé” thật chi tiết khi nào họ tới gần Berlin.

Francies đã sẵn sàng bay trở lại một bãi cỏ ở gần hàng ngũ đi đầu, bỗng anh đẩy cần gạt về phía trước. Anh đã phát hiện ra một kẻ lái chiếc mô tô thùng đang lao trên đường, gần mấy chiếc xe tăng của Sư đoàn 5. Anh bắt đầu sà xuống để kiểm tra chiếc xe đó, rồi liếc nhìn qua bên phải và choáng váng cả người. Bay bên trên ngọn cây chỉ chừng hơn trăm mét và gần như không thể nhận ra được, có một chiếc Fieseler Storch, một loại máy bay trinh sát pháo binh của Đức. Khi chiếc Miss Me đến gần hơn, có thể thấy rõ những sọc trắng trên thân và cánh máy bay nổi bật trên nền xám đen của chiếc Storch.

Cũng giống chiếc Cub, đây là một chiếc máy bay một lớp cánh có cánh cao, phủ vải bên ngoài, nhưng nó lớn hơn chiếc Miss Me và theo như Francies thấy, bay nhanh hơn ít nhất 30 dặm một giờ. Tuy nhiên, chiếc máy bay Mỹ có lợi thế về độ cao. Khi Francies hét lên, “Bắt nó!” anh nghe Martin cũng hét lên như vậy.

Martin báo cáo qua radio là họ vừa phát hiện ra một chiếc máy bay Đức và bình tĩnh thông báo “chúng tôi sắp chiến đấu.” Trên mặt đất, những người lính xe tăng của Sư đoàn Thiết giáp 5 vô cùng kinh ngạc khi nghe cú điện của Martin, cùng ngẩng cổ lên trời để quan sát cuộc giao tranh sắp tới.

Martin mở cửa hông, còn Francies thì bay sà xuống. Anh lái chiếc Cub đánh một vòng tròn nhỏ bên trên chiếc máy bay Đức, cả hai cùng bắn bằng khẩu Colt 45. Francies hi vọng loạt đạn sẽ buộc nó phải bay đến chỗ các chiếc xe tăng đang đợi, ở đó các xạ thủ súng máy có thể dễ dàng bắn hạ nó. Tên phi công địch dù rõ ràng bị bối rối trước cuộc đột kích, nhưng không dễ

vâng lời đến thế. Chiếc Storch trượt mạnh sang một bên, rồi bắt đầu bay vòng vòng điên cuồng. Phía trên, Francies và Martin đang nhào ra ngoài máy bay giống như những vệ sĩ xe ngựa ngoài biên giới, họ xả súng và cố bóp cò nhanh hết mức. Francies rất ngạc nhiên khi thấy chiếc máy bay Đức không bắn trả. Ngay cả khi họ nạp thêm đạn, viên phi công của chiếc Storch vẫn cứ bay vòng vòng, thay vì tìm cách nối rộng khoảng cách. Sau đó, Francies đoán chừng tên phi công này vẫn đang cố tìm hiểu xem chuyện gì đang diễn ra.

Hạ độ cao xuống cách máy bay địch có 6 m, hai người lính Mỹ liên tục bắn vào kính chắn gió của chiếc máy bay kia. Bọn họ ở gần tới nỗi Francies có thể thấy viên phi công “nhìn bọn tôi chăm chăm, mắt mở to như mắt ốc nhồi.”

Rồi đột nhiên chiếc máy bay Đức ngoặt gấp rồi xoay vòng vòng. Martin vẫn đang tường thuật nhanh trận chiến qua radio bèn hét lên, “Chúng tôi bắt được nó rồi! Bắt được nó rồi!” Giọng anh khàn đi vì phấn khích, tới mức Trung tá Israel Washburn đang ngồi trong chiếc half-track của ông cứ tưởng Martin nói “Chúng tôi bị bắn rồi!”

Chiếc Storch xoay tròn và rơi xuống, cánh phải chạm đất và văng ra, rồi nó nhào lộn mấy vòng và cuối cùng nằm yên giữa bãi cỏ. Francies cho chiếc Miss Me hạ cánh xuống bãi cỏ gần đó và chạy tới chỗ chiếc máy bay rơi. Viên phi công Đức và quan sát viên của anh ta đã bước ra ngoài, nhưng người quan sát viên bị thương ở chân nên té xuống đất. Viên phi công hụp xuống đằng sau một đồng củ cải đường to, Martin bắn một phát cảnh cáo, thế rồi hăn buộc phải bước ra, tay giơ lên trời. Trong khi Martin tịch thu súng của viên phi công, Francies kiểm tra người quan sát viên bị thương. Khi anh tháo chiếc ủng của hăn ta, một khẩu Colt 45 rơi ra ngoài. Trong lúc anh băng bó vết thương bên ngoài, tên người Đức cứ lặp đi lặp lại, “Danke. Danke. Danke.”^[46]

Sau đó, Francies và Martin vui sướng chụp hình cùng chiến lợi phẩm của mình. Trận đánh của họ có lẽ là trận hỗn chiến cuối cùng của Thế chiến thứ hai tại châu Âu và không nghi ngờ gì nữa, họ là những phi công duy

nhất trong cuộc chiến này có thể hạ được một chiếc máy bay Đức chỉ bằng một khẩu súng lục. Đối với Francies, “ngày hôm đó toàn là niềm vui.” Điều duy nhất có thể vượt lên trên chuyện này là dẫn đường cho Sư đoàn Thiết giáp 5 tới Berlin. Francies tin là anh chỉ phải đợi lệnh trong một hai ngày nữa.^[47]

Khi trung đội xe tăng do Trung úy Robert E. Nicodemus dẫn đầu đến gần Tangermünde vào buổi trưa, họ gặp phải một sự yên lặng rợn người. Mục tiêu của đơn vị thuộc Sư đoàn Thiết giáp 5 là cây cầu nằm trong thành phố nhỏ nên thơ này, chỉ cách Magdeburg khoảng 40 dặm về phía đông bắc. Giờ cây cầu ở Schönebeck đã mất, cây cầu ở Tangermünde là mục tiêu quan trọng nhất trong cuộc chiến, ít nhất là đối với Tập đoàn quân 9.

Chiếc xe tăng của Nicodemus lăn bánh xuống đường chính của Tangermünde và đi vào quảng trường. Đường phố ở đây cũng như ở những nơi khác trong thành phố đều vắng vẻ. Thế rồi, khi đoàn xe tăng đến được quảng trường, còi báo động không kích bắt đầu rền vang, và sau này Nicodemus nói, “mọi chuyện đột ngột xảy ra. Khắp nơi đều hỗn loạn.”

Từ các ô cửa sổ, cửa chính và gác xép tường chừng trống không trước đó, lính Đức khai mào bằng loạt súng chống tăng kiểu như bazooka. Lính Mỹ bắn trả. Trong lúc đó, Trung sĩ Charles Householder đứng trong tháp pháo của chiếc tăng của anh, liên tục nã tiểu liên cho tới khi chiếc xe bị bắn trúng và anh phải nhảy ra ngoài. Chiếc tăng của Trung sĩ Leonard Haymaker, nằm ngay sau chiếc của Householder cũng bị trúng đạn; bốc cháy bùng bùng.

Haymaker thoát ra an toàn, nhưng đồng đội của anh còn bị kẹt trong làn đạn của địch. Haymaker cúi thấp người né tránh và xoay một vòng, rồi dùng khẩu tiểu liên yểm trợ cho đồng đội chạy thoát.

Vào đỉnh điểm của trận đánh, một người lính Mỹ nhảy lên phía sau chiếc xe tăng của Nicodemus và hét át tiếng ồn ã xung quanh, tự nhận là một tù binh chiến tranh vừa trốn được. Anh ta nói, có khoảng 500 tù binh đang bị giam giữ trong thành phố này, tại hai nhà tù riêng biệt. Nicodemus lâm vào tình cảnh tiến thoái lưỡng nan. Anh đã định gọi pháo binh hỗ trợ, nhưng

anh không thể nã pháo vào một thành phố đầy tù binh Mỹ. Anh quyết định đột phá vào nhà tù gần nhất để đưa tù nhân ra khỏi làn lửa đạn trước.

Được người tù binh dẫn đường, Nicodemus đi qua những tòa nhà, sân sau và nhảy qua các hàng rào, đến một khu đất có rào vây quanh nằm ven sông. Khoảnh khắc thấy viên sĩ quan đến gần, các tù nhân người Mỹ trong trại giam nhảy bổ vào tấn công các cảnh vệ.

Cuộc giao tranh khá ngắn ngủi. Ngay khi tước xong vũ khí của bọn cảnh vệ, Nicodemus thả các tù nhân ra ngoài. Khi cả nhóm đến gần con đường cuối cùng quân địch đang chiếm giữ và thấy mấy chiếc xe tăng Mỹ đằng xa, một người lính quay sang Nicodemus hân hoan nói: “Tôi tự do rồi. Chúng không thể giết được tôi.” Anh ta bước ra giữa đường và một tên lính bắn tỉa Đức bắn xuyên qua đầu anh ta.

Trong khi Nicodemus đang giải phóng tù nhân, giao tranh khốc liệt giữa các căn nhà diễn ra trên toàn thành phố. Cuối cùng, khi cây cầu đã vào trong tầm ngắm, đại diện của đơn vị lính Đức đồn trú tại đây đến gặp đội quân tiên phong của Mỹ và thông báo rằng họ muốn đầu hàng.

Trong khi đang thương lượng, đột nhiên có tiếng nổ dữ dội. Một đám mây bụi khổng lồ cuộn cuộn bốc lên và các mảnh gạch đá vỡ rơi ào ào xuống thành phố. Các kỹ sư Đức đã cho nổ cây cầu. Sư đoàn Chiến thắng, đơn vị cách thủ đô gần nhất của Mỹ, đã bị chặn bước đây trên người trong khi chỉ còn cách Berlin có 53 dặm.

Tâm trạng lo âu bắt đầu lan truyền trong bộ chỉ huy Tập đoàn quân 9. Cho tới giữa trưa ngày 12/4, họ vẫn rất tự tin. Sư đoàn Thiết giáp 5 đã đi được 200 dặm chỉ trong 13 ngày một cách phi thường; Sư đoàn 2 cũng tiến được chừng đó và chỉ mất nhiều hơn một ngày. Tổng cộng, tập đoàn quân của Simpson đã đi được gần 226 dặm kể từ hồi qua sông Rhine. Trên toàn mặt trận, các sư đoàn của Tập đoàn quân 9 đang lao tới sông Elbe.

Nhưng họ vẫn chưa chiếm được cây cầu nào, cũng chưa lập được đầu cầu nào bên bờ đông dòng sông. Nhiều người đã hi vọng là chiến công nổi tiếng chiếm được cây cầu bắc qua sông Rhine ở Remagen hồi đầu tháng 3 sẽ tái diễn, chiến công này đã làm thay đổi chiến lược của Anh-Mỹ chỉ sau một đêm.

Nhưng lần này không được may mắn như vậy. Giờ đây, Bộ chỉ huy Sư đoàn Thiết giáp 2 ra quyết định: nhất định phải vượt sông. Sẽ thực hiện một cuộc tấn công dưới nước ở bờ đông sông Elbe để chiếm một đầu cầu. Sau đó, sẽ xây một cầu phao bắc qua sông. Ở Bộ chỉ huy của mình, Chuẩn tướng Sydney R. Hinds, chỉ huy Trung đoàn Thiết giáp B của Sư đoàn 2 đã có kế hoạch. Chiến dịch sẽ diễn ra ở phía nam Magdeburg, tại một thị trấn nhỏ tên là Westerhüsen. Kế hoạch này là một canh bạc. Hỏa pháo của địch có thể hủy diệt cây cầu trước khi chiến dịch hoàn thành, hoặc tệ hơn, có thể ngăn chặn công cuộc xây cầu nữa. Nhưng càng đợi lâu, lực lượng phòng thủ của địch sẽ càng tập trung đông hơn. Và cứ mỗi giờ trì hoãn trôi qua thì cơ hội đánh bại quân Nga để tới Berlin lại càng nhỏ đi.

Đến 8 giờ tối ngày 12/4, hai tiểu đoàn thiết giáp lặng lẽ đi qua bờ đông bằng xe lội nước DUKW. Việc vượt sông không gặp cản trở gì. Đến nửa đêm, hai tiểu đoàn đã tới nơi và rồi đến hừng đông thì có thêm một tiểu đoàn thứ ba nhập cuộc. Bên bờ đông, binh lính nhanh chóng triển khai kế hoạch, đào các công sự thành hình bán nguyệt nhỏ quanh khu vực định xây cầu phao. Tướng White hân hoan gọi điện về cho tư lệnh Tập đoàn quân 9, tướng Simpson: “Chúng tôi qua được rồi!”

Quân Đức hay tin về vụ vượt sông gần như cùng lúc với Simpson. Ở Magdeburg, viên chỉ huy, một cựu binh của trận Normandy vội vàng báo cho tướng Wenck ở bộ chỉ huy Tập đoàn quân 12 biết. Viên sĩ quan ở Magdeburg, một chuyên gia pháo binh, từ lâu đã học được một điều là không nên đánh giá thấp quân địch. Sáng sớm ngày 6/6/1944, từ ụ pháo của mình, ông nhìn ra ngoài và thấy quân Đồng minh tấn công. Và cũng như bây giờ, ông báo ngay cho thượng cấp.

Ông nói, “Đó là một cuộc xâm lăng. Chắc phải có tới mười nghìn tàu chiến ngoài đó.”

Người ta không tin bức điện đáng sợ của ông. Ông được hỏi là “Những chiếc thuyền đó đi hướng nào?”

Lời hồi âm của ông đơn giản và cụt lùn: “Đến đúng chỗ tôi.”

Giờ đây, Thiếu tá Werner Pluskat, người từng chỉ huy quân Đức khai hỏa từ trung tâm bãi biển Omaha chuẩn bị đến sông Elbe. Các pháo thủ của ông ở dọc bờ sông, phía bắc và nam Magdeburg sẽ cầm chân quân Mỹ chừng nào còn có thể. Nhưng Pluskat đã có đủ kinh nghiệm để khỏi cần nghi ngờ gì về kết quả nữa.

Tuy nhiên, những học viên sĩ quan trẻ tuổi của tướng Wenck lại không hề suy nghĩ tiêu cực tí nào. Họ phấn khích và vẫn còn mới mẻ, nên thấy trông đợi vào các trận chiến sắp tới.

Giờ đây, các đơn vị chiến đấu cơ động của các sư đoàn Potsdam, Scharnhorst và Von Hutten đang tiến vào vị trí, chuẩn bị tiêu diệt đầu cầu của quân Mỹ ở bờ đông sông Elbe. Ở bờ tây sông Elbe, các kỹ sư đang làm việc như điên. Các ngọn đèn pha được đưa vội đến, hướng thẳng lên trên để phản chiếu lại từ các đám mây, và trong thứ ánh trắng nhân tạo này, những chiếc thuyền phao đầu tiên đã hoàn thành và được đưa xuống sông. Chúng được cố định vào vị trí lần lượt từng cái một.

Đại tá Paul A. Disney, tư lệnh Trung đoàn Thiết giáp 67 đứng gần đó, quan sát công tác xây cầu và càng lúc càng thấy mất kiên nhẫn. Đột nhiên pháo nổ vang. Khi chúng nổ gần mấy chiếc thuyền phao đầu tiên, những cột nước bắn tung lên trời. Cách bắn thật khác thường: pháo không bắn thành loạt mà lại lẻ tẻ từng phát, có vẻ như các khẩu pháo đặt khá xa nhau.

Disney chắc chắn là loạt pháo này do một quan sát viên đứng nấp gần đây chỉ đạo, bèn ra lệnh ngay lập tức tiến hành tìm kiếm các căn nhà bốn tầng nhìn ra sông. Cuộc tìm kiếm chẳng thu được gì; pháo vẫn tiếp tục bắn, chính xác và chết chóc.

Những chiếc thuyền phao bị xé toạc và chìm ngụp, các mảnh đạn văng xuống nước liên hồi buộc lực lượng xây cầu phải tìm chỗ trú ẩn. Người bị thương được chuyển vào nơi an toàn bên bờ sông; và những người khác đến thay thế.

Cuộc bắn phá diễn ra suốt đêm, làm công sức bền bỉ của các kỹ sư Mỹ tan thành mây khói. Điều Hinds sợ nhất đã xảy ra. Ông dứt khoát ra lệnh cho một đơn vị bộ binh ở phía nam. Mệnh lệnh cho họ là: tìm chỗ khác.

Sáng hôm sau, phần còn lại của cây cầu đã bị loạt đại bác của Đức phá hủy. Khi những quả pháo cuối cùng nổ tung và phá hủy nhịp cầu trung tâm vốn đã méo mó tả tơi, lúc đó cây cầu chỉ còn các bờ đông không đầy 70 m nữa. Hinds đánh mặt lại, mệt mỏi, ra lệnh rút lui. Khi họ tập hợp lại với người bị thương, có một bức điện gửi tới: xuôi dòng một đoạn, bộ binh ở bờ đông đã tìm được một nơi phù hợp để xây cầu.

Đến chiều thứ sáu ngày 13, những chiếc xe lội nước DUKW kéo theo một sợi cáp to nặng qua sông đến đầu cầu mới nhất. Người ta định dùng sợi cáp này làm trục. Một khi đặt vào vị trí, nó sẽ kéo theo một chuỗi thuyền phao qua sông, mang theo xe cộ, tăng và pháo. Mặc dù thế này rất chậm, nhưng buộc phải dùng nó cho tới khi vật liệu xây cầu được đem tới.

Giờ vẫn đề khiến Hinds lo lắng nhất là số phận của ba tiểu đoàn bên bờ Đông. Đội quân này đang đóng tại một vùng hình bán nguyệt giữa hai ngôi làng Elbenau và Grünewald, quay lưng lại sông Elbe. Đó là một đầu cầu nhỏ, và họ không có pháo binh hay xe thiết giáp hỗ trợ, trừ mấy cụm pháo bên bờ tây. Nếu ba tiểu đoàn này bị tấn công mạnh mẽ, tình hình có thể trở nên nguy ngập. Bây giờ, Hinds ra lệnh cho Đại tá Disney vượt sông Elbe bằng xe lội nước DUKW để chỉ huy đội quân đó.

Disney tìm được vị trí đóng quân của tiểu đoàn đầu tiên trong một khu rừng, do Đại úy John Finnell chỉ huy. Finnell rất lo lắng. Sức ép của quân Đức đang lớn dần. Anh nói, “Nếu chúng ta không nhanh chóng đưa xe tăng tới đây thì sẽ rắc rối to.”

Sau khi tóm lược tình hình cho Hinds qua radio, Disney đi tiếp và tìm được tiểu đoàn thứ hai. Khi ông đến gần con sông, pháo bắt đầu ập xuống xung quanh. Disney lăn xuống một con hào, nhưng pháo rơi gần hơn nữa, nên ông lại trèo ra và nhảy xuống một con hào khác.

Lần này ông không gặp may. Ông gặp một cơn mưa mảnh đạn, rồi tiếp một loạt nữa. Đợt pháo thứ ba khiến ông gục hẳn. Disney nằm đó bất tỉnh và bị thương nặng. Cánh tay trái của ông bị trúng đạn lỗ chỗ, còn đùi phải thì bị một mảnh đạn lớn văng phải làm rách toạc.

Trong vòng 36 tiếng đồng hồ, Hollingsworth và Disney, hai trong số những người cống hiến nhiệt thành nhất để đưa quân Mỹ đến Berlin đã bị

loại khỏi vòng chiến.

1:15 chiều ngày 12/4, vào lúc những chiếc xe tăng dẫn đầu của Sư đoàn Thiết giáp 5 đang lăn bánh vào thị trấn Tangermünde, Tổng thống Franklin D. Roosevelt qua đời bên bàn làm việc của ông ở Warm Springs.

Một họa sĩ đang vẽ chân dung cho ông thì bỗng nhiên ngài tổng thống đặt tay lên đầu và than đau đầu. Không lâu sau đó ông qua đời. Trên bàn làm việc của ông có một tờ tạp chí Hiến pháp Atlanta. Trên đó có dòng tít: NGÀY 9 – CÒN CÁCH BERLIN 57 DẶM.

Gần 24 tiếng sau, tin tức về cái chết của tổng thống mới lọt ra ngoài tiền tuyến. Thiếu tá Alcee Peters của Sư đoàn 84 nghe tin từ một người Đức. Ở một chỗ giao với đường sắt gần Wahrenholz, một ông già cầm cờ hiệu đã đến chia buồn cùng ông vì “tin tức này thật khủng khiếp.”

Peters thấy sốc và khó lòng tin được nhưng trước khi ông kịp tiêu hóa hoàn toàn tin tức mình nghe được, thì đội quân của ông đã tiếp tục lên đường, tiến về sông Elbe, và ông có nhiều chuyện khác phải lo nghĩ.

Trung tá Norman Carnes, chỉ huy một tiểu đoàn của Trung đoàn Bộ binh 333 đang di chuyển qua một cánh đồng dầu bị bom tàn phá ở bắc Brunswick thì nghe tin Roosevelt qua đời. Ông cảm thấy thương tiếc, nhưng tâm trí ông cũng đang bận bịu với công việc của mình. Sau này ông nói, “Đó chỉ là một cơn khủng hoảng khác. Mục tiêu tiếp theo của tôi là Wittingen và tôi đang bận suy nghĩ về nó. Dù sống hay chết thì giờ Roosevelt cũng không thể giúp gì được tôi...” Giáo sĩ Ben Rose viết thư cho bà vợ Anne của ông: “Bọn anh ai cũng đau buồn... nhưng bọn anh đã chứng kiến quá nhiều người ngã xuống rồi, nên hầu hết đều biết ngay cả Roosevelt cũng không phải là không thể thiếu... Anh rất ngạc nhiên khi thấy cả bọn có thể bình tĩnh đến vậy khi hay tin và còn nói về chuyện này nữa.”

Joseph Goebbels hầu như không thể kiềm chế bản thân được nữa. Ngay khi nghe tin, ông ta liền điện cho Hitler đang ở trong Führerbunker.

Ông ta hân hoan nói: “Thưa Quốc trưởng, tôi phải chúc mừng ngài! Roosevelt đã chết! Số trời đã định. Nửa cuối tháng tư sẽ là bước ngoặt của chúng ta. Hôm nay là thứ sáu ngày 13/4. Đây là bước ngoặt!”

Trước đó, Goebbels đã đưa cho Bá tước Schwerin von Krosigk, Bộ trưởng Bộ Tài chính hai lời chiêm tinh. Một cái là cho Hitler, vào ngày ông ta nắm quyền, ngày 30/1/1933. Cái kia là vào ngày 9/11/1918, nói về tương lai nền Cộng hòa Weimar.

Krosigk viết trong nhật ký: “Một sự thật đáng ngạc nhiên đã trở nên rõ ràng. Cả hai lời tiên tri đều dự đoán rằng chiến tranh sẽ bùng nổ vào năm 1939, giành thắng lợi đến năm 1941, và rồi sau đó tình thế sẽ đảo ngược – trong đó các thất bại nặng nề nhất sẽ diễn ra trong những tháng đầu năm 1945, nhất là nửa đầu tháng tư. Thế rồi, sẽ có một chiến thắng áp đảo trong nửa cuối tháng tư, duy trì đến tận tháng tám, và khi đó hòa bình sẽ đến. Trong ba năm tiếp đó, nước Đức sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng sang đến 1948 Đức sẽ trỗi dậy lần nữa.”

Goebbels cũng đang đọc cuốn Lịch sử Vua Frederick II của Phổ của Thomas Carlyle, và cuốn sách khiến ông ta càng vui sướng hơn. Có một chương nói về Cuộc chiến Bảy năm (1756-1763), khi đó Phổ đơn độc chống lại một liên minh gồm Pháp, Áo và Nga. Trong năm thứ 6 của cuộc chiến, Frederick nói với các quân sư rằng nếu đến ngày 15/2 mà tình hình không thay đổi gì, ông ta sẽ tự sát. Thế rồi ngày 5/1/1762, Nữ hoàng Elizabeth băng hà và Nga rút khỏi cuộc chiến. Carlyle viết, “Phép màu của Điện Brandenburg đã xuất hiện.” Tình thế cuộc chiến dần tốt lên. Giờ đây, trong năm thứ sáu của cuộc chiến, Roosevelt đã chết. Không thể phủ nhận sự tương đồng này.

Ngài Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền đang cực kỳ hưng phấn. Ông ta ra lệnh đãi sâm banh tất cả mọi người ở Bộ Tuyên truyền.

“Vượt qua! Vượt qua! Tiếp tục di chuyển!” Đại tá Edwin Crabill “Đạn chì” của Sư đoàn 83 hiên ngang đi lên đi xuống dọc bờ sông, đưa người xuống xuống đột kích, ở chỗ này chỗ kia giúp các chiếc khởi đầu chậm chạp bằng cách đẩy mũi chân một cái.

Ông hét với một chiếc xuồng đầy ắp khác, “Đừng lãng phí cơ hội này.

Các anh đang trên đường tới Berlin đó!” Khi những người lính khác bắt đầu qua sông bằng xe lội nước DUKW, ông Crabill lùn xùn và nóng nảy lại mắng mỏ, “Đừng có chờ tổ chức lại quân! Đừng chờ người ta bảo các anh phải làm những gì! Sang đó bằng mọi cách! Nếu đi ngay bây giờ thì các anh chẳng cần phải bắn một phát nào!”

Crabill đã đúng. Ở thị trấn Barby, cách Magdeburg 15 dặm về phía nam, Sư đoàn 83 vượt sông thành từng đoàn mà không gặp cản trở gì, ngay dưới chỗ đổi thủ hàng đầu của họ, Sư đoàn Thiết giáp 2, đang cố vượt sông bằng chiếc phà dây cáp.^[48] Họ vào thị trấn và thấy cây cầu đã bị cho nổ, nhưng không chờ lệnh từ sĩ quan chỉ huy của sư đoàn, Crabill ra lệnh ngay lập tức vượt sông. Xuồng đột kích nhanh chóng đem tới và chỉ trong vài giờ sau, nguyên một tiểu đoàn đã qua sông thành công. Giờ một tiểu đoàn khác đang trên đường qua. Đồng thời, pháo cũng đang được chở qua bằng thuyền phao và các kỹ sư đang xây một cây cầu phao, sẽ hoàn thành trước hoàng hôn. Ngay cả Crabill cũng thấy ấn tượng trước hoạt động điên cuồng do mệnh lệnh của mình dẫn tới. Khi ông đi từ nhóm này qua nhóm khác để giục họ làm nhanh hơn, ông cứ đặc thẳng lặp đi lặp lại với các sĩ quan khác là “Mấy người ở Fort Benning sẽ không bao giờ tin được chuyện này đâu!”^[49]

Có một đám người Đức đang lặng lẽ quan sát cảnh tượng hồi hải trước mắt, họ đứng trên ban công bên dưới tháp đồng hồ ở quảng trường thị trấn. Suốt nhiều giờ liền, trong lúc Trung tá Granville Sharpe chỉ huy một tiểu đoàn bộ binh bận rộn càn quét lực lượng kháng cự ít ỏi còn lại trong thị trấn, ông biết đám khán giả đó đang quan sát, và thấy càng lúc càng bức mình.

Ông nhớ lại, “Người của tôi thì đang bị bắn, còn đám người Đức đó thì khoái chí đứng coi đánh nhau trong thị trấn và ngoài sông.”

Sharpe chịu đựng đủ rồi. Ông đi lên một chiếc xe tăng và bảo người xạ thủ. “Bắn một phát vào mặt đồng hồ, để coi, vị trí 5 giờ đi.” Người lính xe tăng vâng lệnh, bắn một cú thật chuẩn vào số năm. Đám đông đột ngột giải tán.

Hơn nữa, dù sao show diễn cũng xong rồi. Sư đoàn 83 đã qua sông. Cầu vồng chãi đầu tiên đã được lập nên ở bờ đông sông Elbe.

Đến tối ngày 13, các kỹ sư đã hoàn thành nhiệm vụ, và vẫn cẩn thận cho đến tận cùng, họ đã đặt một tấm biển báo trên đường dẫn lên cầu. Nhằm vinh danh tân tổng thống và với hào khí ngút trời quen thuộc của sư đoàn, cộng thêm đánh giá chuẩn xác giá trị của việc quảng cáo, tấm bảng viết: CẦU TRUMAN. ĐƯỜNG ĐẾN BERLIN. CÔNG TRÌNH CỦA SƯ ĐOÀN BỘ BINH 83.

Tin tức bay đến chỗ tướng Simpson và từ đó đến chỗ tướng Bradley. Ông điện ngay cho Eisenhower. Cầu của Sư đoàn 83 bỗng chiếm vị trí hàng đầu trong tâm trí mọi người. Vị Tư lệnh Tối cao lắng nghe tin tức cẩn thận.

Rồi đến cuối bài báo cáo, ông hỏi Bradley một câu. Sau này Bradley đã cố dựng lại cuộc trò chuyện, theo đó Eisenhower đã hỏi: “Brad, anh nghĩ nếu ta đột phá qua sông Elbe và chiếm Berlin thì cái giá phải trả là bao nhiêu?” Bradley đang cân nhắc vấn đề đó suốt nhiều ngày nay. Cũng như Eisenhower, giờ ông không còn coi Berlin là một mục tiêu quân sự nữa, nhưng nếu có thể dễ dàng chiếm được thì ông cũng muốn chiếm. Giống như cấp trên, Bradley vẫn bận tâm về việc xâm nhập quá sâu vào khu vực chiếm đóng tương lai của Liên Xô và về các thương vong có thể xảy ra khi lính Mỹ tiến vào một vùng đất mà sau này họ sẽ phải dần dần rút lui khỏi đó. Ông tin là tổn thất trên đường tới Berlin sẽ không quá cao, nhưng ở trong thành phố đó thì lại là chuyện khác. Chiếm Berlin có thể phải mất một giá đắt. Ông trả lời vị Tư lệnh Tối cao, “Tôi đoán sẽ mất khoảng 100.000 người.”

Hai người im lặng một lúc. Rồi Bradley nói thêm, “Đó là một cái giá khá đắt cho một mục tiêu danh vọng, nhất là khi chúng ta đã biết mình sẽ phải rút khỏi đó và để anh bạn kia chiếm lấy.”^[50]

Cuộc trò chuyện chấm dứt tại đó. Ngài Tư lệnh Tối cao không để lộ ý định của mình. Nhưng Bradley thì đã có ý kiến riêng không thể rõ ràng hơn: sinh mạng của người Mỹ quan trọng hơn là danh vọng đơn thuần hay là

chiếm đóng tạm thời tại một vùng đất vô nghĩa.

Ở Bộ chỉ huy Quân đoàn 19, tướng McLain đứng trước bản đồ, nghiên cứu tình hình. Theo ông, trận tuyến của địch bên bờ đông sông Elbe chỉ có cái mã, không hơn. Một khi các sư đoàn của ông đã qua sông và đột phá được hàng phòng ngự này, thì không gì có thể cản họ tới Berlin được nữa.

Đại tá George B. Sloan, Tư lệnh hành quân của McLain tin là quân Mỹ sẽ chỉ gặp phải kháng cự như họ đã gặp trên đường từ sông Rhine tới đây – các ỗ kháng cự cuối cùng, và hoàn toàn có thể đi nhanh vòng qua đó. Ông tin chắc chỉ trong vòng 48 giờ kể từ khi tấn công trở lại, các bộ phận đi đầu của các đơn vị thiết giáp của Mỹ sẽ tới được Berlin.

McLain đã có một số quyết định chóng vánh. Thành tựu đánh ngạc nhiên của Rạp xiếc Rách rưới, chiếm được một đầu cầu, đưa quân qua sông và rồi bắc một cây cầu qua sông Elbe, tất cả chỉ trong vài tiếng đồng hồ, đã thay đổi bức tranh toàn cục ở dòng sông. Sư đoàn 83 không chỉ mở rộng đầu cầu bên bờ đông mà còn đang tiến nhanh về phía trước. McLain chắc chắn là đầu cầu của sư đoàn 83 rất vững chãi. Ông không chắc lắm liệu chiếc phà dây cáp mỏng mảnh của Sư đoàn Thiết giáp 2 có chịu được bắn phá hay không. Nhưng Sư đoàn 2 cũng đã có ba tiểu đoàn qua được sông và đang đóng ở đó. Ông đã sắp xếp cho một phần Sư đoàn Thiết giáp 2 sẽ vượt sông qua cây cầu Truman của Sư đoàn 83.

Do vậy, McLain thấy chả có lý do gì để Sư đoàn 30, đang vào vị trí, lại phải tấn công Magdeburg và đi theo cây cầu xa lộ. Với tốc độ hành quân hiện tại, đầu cầu của Sư đoàn 83 sẽ nhanh chóng mở rộng và liên kết với các tiểu đoàn đơn lẻ bên kia phà. Cuộc tấn công sẽ tiếp tục từ đầu cầu rộng lớn này. McLain quyết định đi vòng qua toàn bộ Magdeburg. Như Sư đoàn 83 đã nói, cầu Truman sẽ là đường dẫn đến Berlin.

Đến bình minh thứ bảy ngày 14/4, ở chỗ phà dây cáp của Sư đoàn Thiết giáp 2, tướng Hinds đợi ba chiếc thuyền phao buộc chung lại. Chúng sẽ làm nền cho chiếc phà, rồi dùng cáp kéo qua kéo lại cho tới khi nào cầu xây xong. Pháo vẫn rơi xuống hai bên bờ sông, chỗ đầu cầu, và quân bên bờ đông gặp phải giao tranh ác liệt. Họ có thể cầm cự một thời gian nữa nếu gặp bộ binh, nhưng nỗi lo lớn nhất của Hinds là gặp quân thiết giáp tấn

công. Quân Mỹ bên bờ đông vẫn chưa có pháo binh hay xe thiết giáp hỗ trợ.

Chiếc xe đầu tiên được lên phà là một chiếc xe ủi; cần nạo vét và san phẳng bờ đông thì xe tăng và các vũ khí hạng nặng mới có thể lên bờ được. Một chiếc xe lội nước DUKW sẽ kéo phà đi, giúp phà đi nhanh hơn bằng cách kéo cáp. Hinds lo lắng quan sát. Hai sợi cáp đã bị phá hủy và trôi đi mất. Ông chỉ còn một sợi; và mấy chiếc thuyền phao cỡ lớn cuối cùng của ông đã được đưa ra làm phà.

Chiến dịch công kênh bắt đầu. Trong lúc mọi người đứng nhìn, chiếc phà chậm chạp đi ra đến giữa sông Elbe. Rồi khi nó đến gần bờ đông, xảy ra một chuyện không thể tin được. Một quả pháo bắn tới, và với xác suất cỡ một phần triệu đã làm đứt cáp. Hinds chết đứng vì sốc, trong khi sợi cáp, chiếc phà và xe ủi chìm xuống nước. Ông cay đắng nói, “Xuống địa ngục rồi!”

Cú bắn khó tin đó giống như dấu hiệu của tai ương, mọi người xôn xao cho rằng quân bên bờ Đông đang bị xe thiết giáp tấn công.

Bên bờ đông sông Elbe, qua làn sương sớm và khói pháo, Trung tá Arthur Anderson quan sát đội xe thiết giáp của Đức xông qua hàng phòng thủ của bộ binh của ông. Có bảy hay tám chiếc gì đó, trong đó có hai chiếc tăng. Nhìn qua gọng kính, Anderson thấy nhóm quân đó nằm ngoài tầm bắn của mấy khẩu bazooka chống tăng, và đang bắn vào các hố cá nhân của Mỹ rất bài bản.

Trong khi ông đang quan sát, một trung đội đang giữ vị trí bên cánh phải bị vượt qua. Binh lính nhảy ra khỏi hố cá nhân, chạy vào vị trí an toàn trong rừng. Giờ quân Đức đang tấn công vào hai trung đội còn lại của Anderson, làm nổ tung các hố cá nhân liên tiếp. Điên lên, Anderson gọi các cụm pháo binh bên bờ tây hỗ trợ. Nhưng cuộc tấn công diễn ra quá nhanh, nên khi Sư đoàn Thiết giáp 2 bắt đầu nã pháo thì Anderson biết là đã quá muộn.

Dọc theo đầu cầu ở đằng xa hơn, Trung úy Bill Parkins, chỉ huy trung đội 1, thình lình nghe tiếng súng máy nổ của quân mình và rồi có tiếng súng máy nhẹ của Đức bắn trả. Một người đưa tin của trung đội chạy tới.

Anh ta báo cáo, có ba chiếc xe Đức chở đầy lính đang đến đây, “càn quét

sạch mọi thứ trên đường đi.” Parkins truyền lời lại cho binh sĩ là cứ giữ nguyên vị trí và tiếp tục bắn. Rồi anh vội vàng ra khỏi nơi đóng quân để tìm hiểu xem có chuyện gì. Sau này anh nói, “Tôi thấy ba chiếc xe tăng Mark V cách đó vài trăm mét, đang đến gần từ phía đông, mỗi chiếc hình như chở theo cả một trung đội. Bọn chúng bắt tù binh Mỹ đi đằng trước, chĩa súng thẳng vào bọn họ.”

Vài người lính của Parkins bắn trả bằng bazooka, nhưng chúng ở quá xa; mấy quả pháo dù có trúng cũng nảy bật ra. Quân của anh sắp bị nuốt gọn. Parkins ra lệnh rút lui, trước khi họ bị bắt hay bị giết sạch.

Xe Đức đang kéo tới cực nhanh từ phía bắc, đông và nam đầu cầu. Thượng sĩ Wilfred Kramer, chỉ huy một trung đội bộ binh, thấy một chiếc xe tăng Đức cách mình chừng 200 m, có bộ binh dàn hình quạt đằng sau. Kramer lệnh cho cả đội chờ đợi. Tới khi quân Đức còn cách không đầy 40 m, anh hét ra lệnh khai hỏa. Sau này anh giải thích, “Chúng tôi đang làm rất tốt và giữ vững vị trí của mình. Nhưng rồi chiếc tăng nã súng. Loạt đạn đầu tiên bắn đến cách mấy khẩu súng máy của chúng tôi chừng 9 m. Nó nhắm thẳng tới đây.” Kramer cố cầm cự, rồi cũng ra lệnh rút quân.

Cuộc giao tranh quanh Grünewald khốc liệt tới mức Trung tá Carlton E. Stewart, chỉ huy một tiểu đoàn, phải gọi pháo binh từ một trung đội của ông tới và nghe họ báo cáo rằng “chúng bắn thẳng vào vị trí của chúng ta, trong khi quân ta vẫn đang ở dưới hầm của các căn nhà.”

Mọi người yêu cầu phải tấn công mấy chiếc tăng từ trên không, nhưng suốt từ sáng tới trưa, chỉ có vài chiếc máy bay xuất hiện. Trên đường hành quân thần tốc đến Elbe, các đường băng đã bị bỏ xa tới nỗi máy bay phải mang thêm các thùng xăng ở hai cánh để có thể theo kịp tốc độ hành quân, và thế có nghĩa là không thể mang bom theo được.

Đến trưa, tướng Hinds đã ra lệnh toàn bộ bộ binh ở bờ đông rút lui qua sông. Dù ban đầu thương vong khá cao, nhưng mấy ngày sau thì chỉ nhỏ giọt. Tổng thương vong ở bờ sông là 304 người; có một tiểu đoàn có 7 sĩ quan và 146 lính chết, bị thương hoặc mất tích. Cuộc giao tranh đã đặt dấu chấm hết cho hi vọng dựng thêm một cây cầu hoặc đầu cầu nữa của Sư đoàn Thiết giáp 2. Giờ đây, tướng White, tư lệnh Sư đoàn 2 không còn lựa

chọn nào khác ngoài việc dùng cây cầu ở Barby của Sư đoàn 83. Quân Đức đã thành công chặn lại đà tiến quân khủng khiếp của Sư đoàn Thiết giáp 2 một cách chớp nhoáng.

Đầu cầu bị xóa sổ chóng vánh và dữ dội tới mức thậm chí các tư lệnh Mỹ còn không biết đơn vị nào đã tấn công. Thực ra, đó khó mà gọi là đơn vị được. Đúng như tướng Wenck đã đoán, những học viên sĩ quan và sĩ quan tập sự non choẹt của ông đã làm rất tốt. Tràn trề tham vọng và khao khát vinh quang, họ đã đẩy bản thân và trang bị nghèo nàn của mình tới cực hạn, nhờ đó kéo dài thêm thời gian cho Wenck.

Trong chiến công đẩy lui Sư đoàn Thiết giáp 2, các đội quân tiên phong cơ động này đã làm được điều mà chưa đơn vị nào làm được trong suốt 30 tháng giao tranh. Nếu như dựng được một cây cầu hay đầu cầu bắc qua sông Elbe, có lẽ Sư đoàn 2 đã tiến thẳng tới Berlin mà không cần chờ lệnh.

Kế hoạch tấn công nước Đức của ngài Tư lệnh Tối cao đã mở đầu rực rỡ; thực vậy, màn hành quân thần tốc của quân Anh-Mỹ đến cả ông cũng phải ngạc nhiên. Ở miền bắc, Cụm Tập đoàn quân 21 của Montgomery đang tiến khá ổn định. Tập đoàn quân Canada ở gần Arnheim đã sẵn sàng càn quét hang ổ chính còn lại của địch tại Hà Lan. Tập đoàn quân 2 của Anh đã vượt sông Leine, chiếm được thành phố Celle và đang ở ngoại ô Bremen. Ở trung tâm nước Đức, vòng vây vùng Ruhr ngày càng hẹp lại, và quan trọng nhất là Tập đoàn quân 9 của Simpson cùng với các tập đoàn quân 1 và 3 đã cắt đôi nước Đức. Tập đoàn quân 1 đang tiến về Leipzig. Tập đoàn quân 3 thì đang ở gần biên giới với Czech.

Nhưng những thành tựu như gió lốc này cũng có cái giá của nó: tuyến cung cấp đồ tiếp tế của Eisenhower gần như đã tới giới hạn. Ngoài xe tải ra, hầu như chẳng còn phương tiện vận tải nào đến được chỗ Bradley nữa; chỉ còn mỗi một cây cầu đường sắt trên sông Rhine còn hoạt động. Lực lượng chiến đấu vẫn được tiếp tế ổn thỏa, nhưng các sĩ quan SHAEF khá phiền muộn về bức tranh toàn cảnh.

Để cung cấp cho các đoàn quân viễn chinh, hàng trăm máy bay chở quân đã được huy động bay suốt ngày đêm, chở đồ tiếp tế đến. Chỉ riêng ngày 5/4, một phi đoàn C-47S đã chở theo hơn 3.500 tấn đạn dược và đồ tiếp tế,

và gần 2.800 m³ xăng ra mặt trận.

Thêm vào đó, khi quân Đồng minh tiến vào nước Đức ngày càng sâu, họ còn phải cung cấp thêm hàng nghìn người thuộc thành phần không tác chiến. Phải nuôi hàng trăm nghìn tù binh Đức. Lao động cưỡng chế từ một số quốc gia và các tù binh chiến tranh của Anh và Mỹ đã được giải thoát cần có chỗ trú, thức ăn và chăm sóc y tế. Mà bệnh viện, xe cứu thương và đồ dùng y tế thì giờ mới được chuyển đi. Và dù các cơ sở vật chất cho y tế cũng khá nhiều, nhưng đột nhiên nhu cầu y tế lại tăng cao không ngờ.

Gần đây, tai họa ngấm đáng sợ nhất của nền Đệ tam Quốc xã đã bắt đầu hé lộ. Trên toàn mặt trận, trong tuần lễ hành quân thần tốc này, những người lính rất sốc và khiếp sợ khi gặp phải các trại tập trung của Hitler, có hàng trăm nghìn tù nhân trong đó, và hàng triệu cái xác còn chình ịch bên trong.

Những người lính dày dạn kinh nghiệm chiến đấu không thể tin nổi trước cảnh tượng của các trại tập trung và nhà tù rơi vào tay họ. Đến tận hai mươi năm sau, nhiều người vẫn giận dữ tội độ khi hồi tưởng lại: những bộ xương di động tiêu tụy lao đảo đi về phía mình, ý chí sinh tồn là thứ duy nhất Nazi còn để lại cho bọn họ; những ngôi mộ, hầm và hố chôn tập thể; những dây lò hỏa thiêu đầy ắp xương cháy đen, bằng chứng kinh hoàng nhưng câm lặng của cuộc tàn sát “các tù nhân chính trị” một cách có hệ thống trên quy mô lớn – những người bị tuyên án tử chỉ vì “họ là người Do Thái,” như một cảnh vệ ở trại tập trung Buchenwald giải thích.

Quân lính phát hiện ra các phòng hơi độc, thiết kế như phòng tắm bình thường, chỉ khác là vòi sen phun ra khí cyanide chứ không phải nước. Trong nhà của viên sĩ quan chỉ huy Buchenwald có mấy cái chụp đèn làm bằng da người. Vợ của viên sĩ quan, bà Ilse Koch có mấy đôi găng tay và bìa sách làm từ thịt tù nhân; trên chiếc kệ gỗ nhỏ đặt hai chiếc đầu người nhồi tiêu bản đã teo tóp lại. Có những nhà kho chật ních quần áo, giày dép, chân tay giả, răng giả và mắt kính – được phân loại và đánh số riêng biệt, rất có hệ thống. Những chiếc răng vàng được tháo riêng ra và chuyển tới bộ tài chính.

Đã có bao nhiêu người bị tàn sát? Thoạt tiên, vì quá sốc khi phát hiện ra điều này, chẳng ai có thể ước tính được. Nhưng rồi các báo cáo đến từ khắp

nơi trên toàn mặt trận đã cho thấy tổng số người bị giết là cả một con số thiên văn.

Còn về việc các nạn nhân là ai thì lại quá rõ ràng. Theo định nghĩa của Đệ tam Quốc xã, họ là những kẻ “không phải người Aryan,” “những kẻ hèn kém có văn hóa như bản,” đến từ một tá quốc gia, một tá tín ngưỡng khác nhau, nhưng phần đông là người Do Thái. Trong số bọn họ, có người Ba Lan, Pháp, Czech, Hà Lan, Na Uy, Nga, Đức. Trong vụ thảm sát không lồ, tàn ác nhất lịch sử, họ đã bị giết bằng rất nhiều cách quái dị. Một số bị đem làm “chuột bạch” trong phòng thí nghiệm. Hàng nghìn người bị bắn, hạ độc, treo cổ hoặc ngửi hơi độc; số khác thì đơn giản là bị bỏ đói cho đến chết.

Ở trại Ohrdruf, do Tập đoàn quân 3 Hoa Kỳ kiểm soát từ ngày 12/4, tướng George S. Patton, một trong những sĩ quan cứng cựa nhất của quân đội Mỹ, rảo bước qua những căn nhà chết chóc rồi quay đi, mặt đầm lệ và thấy buồn bệnh. Hôm sau, Patton ra lệnh cho cư dân trong ngôi làng gần đó đến chứng kiến tận mắt, vì họ khẳng định mình không hề hay biết gì về tình hình bên trong trại tập trung này; ai muốn bỏ đi sẽ được tháp tùng bằng súng trường. Sáng hôm sau, vợ chồng ông trưởng làng treo cổ tự tử.

Trên tuyến đường tiến quân của quân Anh, họ cũng phát hiện ra sự thật khủng khiếp tương tự. Chuẩn tướng Hugh Glyn Hughes, sĩ quan quân y cấp cao của Tập đoàn quân 2 Anh quốc, đã lo lắng suốt nhiều ngày nay về khả năng lây nhiễm bệnh dịch từ một trại tập trung ở Belsen mà ông được nghe cảnh báo trước đó.

Khi tới đó, Hughes mới thấy bệnh sốt Rickettsia và thương hàn mà ông từng lo lắng lại là những thứ nhẹ nhàng nhất. Nhiều năm sau ông nói, “Không một bức hình nào, không từ ngữ nào có thể truyền tải về quê nhà những nỗi kinh hoàng mà tôi đã chứng kiến. Trong trại, có 56.000 người còn sống. Họ sống trong 45 căn chòi gỗ. Đâu cũng thế, tại một nơi chỉ đủ chỗ cho không đầy 100 người lại phải nhồi nhét từ 600 tới 1.000 người. Những căn chòi quá tải đó đều chìm trong thiếu thốn và dịch bệnh. Họ phải chịu đựng cái đói, bệnh viêm ruột, sốt Rickettsia, thương hàn và bệnh lao.

Xác chết có ở khắp nơi, nhiều khi chất cùng một chỗ với người sống. Có

tới hơn 10.000 cái xác nằm ngổn ngang trong các khu nhà, trong những khu mộ tập thể khổng lồ chưa được khai quật, trong các con hào, mương rãnh, bên hàng rào dây thép gai bao quanh khu trại và bên những căn chòi gỗ. Suốt ba mươi năm làm bác sĩ, tôi chưa từng thấy cảnh tượng nào như thế này.”

Để cứu những người còn sống sót, quân đội trên toàn mặt trận cần tới trợ giúp y tế tức thời. Trong một số trường hợp, nhu cầu quân sự bị đẩy xuống hàng thứ hai.

Sau này Hughes nói, “Tôi không tin có ai có thể biết được chúng tôi sẽ phải đối mặt với những gì, hay là nhu cầu y tế sẽ bức thiết tới nhường nào.”

Cần gấp bác sĩ, y tá, giường bệnh cùng hàng nghìn tấn thuốc và trang thiết bị y tế. Chỉ mình chuẩn tướng Hughes không thôi đã cần một bệnh viện với 14.000 giường bệnh – dù ông biết là cho tới khi kiểm soát được tình hình, dẫu có làm gì thì mỗi ngày cũng sẽ có ít nhất 500 người chết.

Đại tướng Eisenhower đã có một chuyến đi cá nhân đến trại tập trung ở gần Gotha. Ông đi qua khắp mọi chỗ trong trại, mặt xám lại như tro, rừng nghiêng chặt. Sau này ông nhớ lại, “Trước đó, tôi chỉ nghe nói chung chung hoặc nghe qua các nguồn tin thứ cấp... Tôi chưa bao giờ bị sốc đến thế.”

Tác động tâm lý của các trại tập trung đến các sĩ quan và quân lính vượt xa đánh giá ban đầu. Ở nơi đóng quân của Tập đoàn quân 9 tại một ngôi làng gần Magdeburg, thiếu tá Julius Rock, một sĩ quan quân y của Sư đoàn Bộ binh 30, đến kiểm tra một chuyến tàu chở hàng mà Sư đoàn 30 vừa chặn lại. Trên đó chật ních tù nhân trong các trại tập trung. Rock kinh hoàng, rồi ngay lập tức đưa họ xuống tàu. Rock bố trí cho bọn họ vào ở trong các nhà dân Đức, mặc cho ông thị trưởng địa phương phản đối kịch liệt, đến khi viên sĩ quan tiểu đoàn của ông lạnh lùng ra lệnh cho ông thị trưởng đang kêu ca. Anh ta nói cộc lốc, “Ông mà từ chối thì tôi sẽ bắt một đám con tin rồi bắn hết cả bọn.”

Ở những binh lính từng thấy qua trại tập trung, quyết tâm giành chiến thắng nhanh chóng bị thay thế bởi những cảm xúc khác. Ngài Tư lệnh Tối cao cũng có cảm giác tương tự. Từ Gotha quay lại SHAEF, ông đánh điện về Washington và London, giục họ đưa các biên tập viên báo chí và các nhà

lập pháp đến Đức ngay lập tức, cho họ chứng kiến những khu trại tập trung kinh hoàng, để có thể đưa các bằng chứng “không còn nghi ngờ gì được đến trước công chúng Mỹ và Anh”.

Nhưng trước khi Eisenhower có thể kết thúc chiến tranh, ông phải củng cố lực lượng viễn chinh của mình. Đêm ngày 14, từ văn phòng ở Reims, Eisenhower gửi cho Washington kế hoạch tương lai của mình.

Eisenhower nói, ông đã thành công đưa quân vào trung tâm, và giờ còn lại hai nhiệm vụ chính: “những đội quân dưới cấp sư đoàn còn sót lại của địch ở các vùng xa; và chiếm các khu vực mà bọn chúng có thể dùng làm cứ điểm cuối cùng.” Eisenhower cho rằng những nơi đó là Na Uy và Pháo đài Quốc gia ở vùng Bavaria. Ở miền bắc, ông định đưa quân của Montgomery vượt sông Elbe, chiếm Hamburg, rồi tấn công Lübeck và Kiel. Ở miền nam, ông định để Cụm tập đoàn quân 6 của tướng Denver tiến tới vùng Salzburg.

Eisenhower khẳng định, “Các chiến dịch mùa đông ở Pháo đài Quốc gia sẽ cực kỳ khó khăn... Rất có thể là sau khi chúng ta hội quân với Nga, Pháo đài Quốc gia vẫn còn tồn tại... cho nên ta phải nhanh chóng hành quân trước khi quân Đức kịp chuẩn bị phòng ngự cẩn thận.”

Còn về thủ đô của Đức, Eisenhower nghĩ nơi đó cũng sẽ “đáng để tấn công Berlin vì quân địch có khả năng tập trung xung quanh thủ đô và sự sụp đổ của nó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần của quân địch lẫn quân ta.” Nhưng vị Tư lệnh Tối cao nói, chiến dịch đó “sẽ không được ưu tiên nhiều, trừ khi chiến dịch ở các mạn sườn của chúng ta diễn ra nhanh ngoài dự kiến.”

Tóm lại, kế hoạch của ông là:

- (1) “Trấn giữ mặt trận vững chắc ở vùng trung tâm sông Elbe”
- (2) Bắt đầu chiến dịch tấn công Lübeck và Đan Mạch;
- (3) “Phát động một cuộc hành quân mạnh mẽ” để gặp quân Nga ở thung lũng sông Danube và đánh tan Pháo đài Quốc gia.

Eisenhower nói, “Vì cuộc tấn công vào Berlin phải đợi kết quả của ba cái trên, nên tôi không xem đó là một phần trong kế hoạch của mình.”

Bên sông Elbe, suốt đêm ngày 14, binh sĩ của Rạp xiếc Rách rưới và Sư

đoàn Thiết giáp 2 đi qua những cây cầu của Sư đoàn 83 ở Barby. Dù đã có thêm một cây cầu thứ hai được xây gần cây cầu đầu tiên, tốc độ hành quân vẫn khá chậm. Tuy vậy, hàng ngũ quân thiết giáp của tướng White lại định phát động tấn công vào Berlin lần nữa ngay khi tập hợp lại bên bờ tây. Binh sĩ của Sư đoàn 83 rỉ tai nhau rằng Đại tá Crabill đã đề nghị cho Sư đoàn Thiết giáp 2 mượn một chiếc xe bus to màu đỏ mới tịch thu được, có thể chở được 50 lính, mà ông vừa giành được ở Barby. Sư đoàn 83 có đủ lý do để có cảm giác chiến thắng. Các đội quân trinh sát của họ đã đến phía bắc thị trấn Zerbst, cách Berlin không đầy 48 dặm.

Sáng sớm chủ nhật ngày 15/4, tư lệnh Tập đoàn quân 9 là tướng Simpson nhận được một cú điện thoại từ Đại tướng Bradley. Simpson phải lập tức bay tới sở chỉ huy của Cụm tập đoàn quân 12 ở Wiesbaden. Bradley nói, “Tôi có một tin rất quan trọng cần nói cho anh, và tôi không muốn nói qua điện thoại.”

Bradley đến sân bay chờ Simpson. Simpson nhớ lại, “Bọn tôi bắt tay, rồi ông ấy nói tôi nghe tin ngay tại đó”.

Brad nói, ‘Anh phải dừng bước ở Elbe. Anh không được tiến thêm về phía Berlin nữa. Simp à, tôi xin lỗi, nhưng chuyện là thế đó.’”

Simpson hỏi, “Anh nghe cái quỷ này từ đâu thế hả?”

Bradley nói, “Từ Ike.”

Simpson choáng váng tới mức không thể “nhớ nổi một nửa những điều Brad nói sau đó. Tất cả những gì tôi nhớ được là tôi đã tan nát cả cõi lòng và tôi quay trở lại máy bay trong mơ hồ. Trong đầu tôi chỉ có một ý nghĩ, Làm sao tôi có thể nói với ban tham mưu, với các tư lệnh quân đoàn và binh lính của tôi đây? Hơn hết thảy, làm sao tôi nói cho lính của mình nghe tin này được đây?”

Từ sở chỉ huy, Simpson truyền tin cho các tư lệnh quân đoàn; rồi đi tới sông Elbe ngay sau đó. Tướng Hinds gặp Simpson tại sở chỉ huy của Sư đoàn 2 và thấy ông có vẻ lo âu. Hinds nhớ lại, “Tôi nghĩ có thể ông già không thích cách chúng tôi vượt sông. Ông ấy hỏi tôi tình hình sao rồi.” Hinds đáp, “Thưa trung tướng, tôi đoán mọi chuyện vẫn ổn. Chúng tôi có hai đường lui ngon lành. Không quá phấn khích, cũng chẳng sợ hãi, và việc

vượt sông ở Barby đang êm đẹp.”

Simpson nói “Tốt. Cứ để người của anh bên bờ đông nếu muốn.” Ông nhìn Hinds và nói. “Sid này, chúng ta chỉ được đi tới đây thôi.” Hinds bị sốc và không muốn chấp hành mệnh lệnh. Ông nói thẳng, “Không, thưa trung tướng. Như thế là không được. Chúng tôi sẽ tới Berlin.”

Simpson có vẻ như đang chật vật tìm cách kiềm chế cảm xúc. Có một khoảng im lặng khó chịu. Rồi Simpson lạnh lùng nói, “Chúng ta sẽ không đến Berlin đâu Sid ạ. Với chúng ta, chiến tranh đến đây là chấm dứt”.

Ở khoảng giữa Barleben và Magdeburg, nơi Sư đoàn 30 vẫn đang tiến về phía dòng sông, tin tức truyền đi rất nhanh. Mọi người tụ tập thành từng nhóm, hoa chân múa tay bàn tán đầy giận dữ và kích động. Binh nhất Alexander Korolevich của Trung đội D, Trung đoàn 120 không tham gia trò chuyện. Anh không chắc mình đang vui hay buồn, anh chỉ đơn giản là ngồi xuống và bật khóc.

Heinrici nhận thấy được mọi dấu hiệu. Ở một nơi ngoài mặt trận, quân Nga đặt một loạt pháo; lại phát động một cuộc tấn công quy mô nhỏ ở nơi khác. Đó đều là đòn nghi binh và Heinrici biết rõ điều đó. Ông đã học được mọi mảnh khoe của người Nga nhiều năm trước. Mấy hành động nhỏ lẻ này chỉ là khúc dạo đầu cho cuộc tấn công chủ chốt. Giờ đây, mối bận tâm lớn nhất của ông là ông nên ra lệnh cho lính của mình rút về hàng phòng ngự thứ hai khi nào.

Trong khi ông còn đang cân nhắc thì Bộ trưởng Bộ Vũ khí và Sản xuất, Albert Speer đã đến. Đây là một ngày Heinrici không muốn có khách tới – đặc biệt là người đang lo âu và phiền muộn một cách rõ rệt như Speer.

Trong văn phòng của Heinrici, Speer giải thích lý do viếng thăm của mình. Ông ta muốn được viên tướng ủng hộ. Heinrici không được làm theo mệnh lệnh “tiêu thổ” của Hitler yêu cầu phá hủy các cơ sở hạ tầng của ngành công nghiệp Đức, các nhà máy năng lượng, cầu đường và những thứ tương tự. Speer hỏi, “Sao phải hủy hết tất cả, trong khi nước Đức đã bại

trận rồi? Người dân Đức phải được sống.”

Heinrici lắng nghe từ đầu đến cuối. Ông nói với Speer rằng ông đồng ý là mệnh lệnh của Hitler “quá độc ác,” và ông sẽ làm mọi thứ trong quyền hạn của mình để giúp đỡ. Heinrici cũng cảnh báo, “Nhưng giờ thì tất cả những gì tôi có thể làm là cố đánh trận này cho thật tốt mà thôi.”

Đột nhiên, Speer rút ra một khẩu súng lục từ trong túi. Ông ta nói, “Cách duy nhất để chặn đứng Hitler là dùng một thứ như thế này.”

Heinrici nhìn khẩu súng và nhướng mày.

Ông lạnh lùng nói, “Ờ, tôi phải nói cho anh hay, tôi không phải được sinh ra để ám sát đâu.”

Speer bước quanh văn phòng. Dường như ông ta còn không nghe được lời của Heinrici. Ông ta nói, “Tuyệt đối không được để Hitler biết ông ta nên bỏ cuộc. Tôi đã cố thử ba lần cả thấy, hồi tháng 10 năm 1944, rồi tháng giêng và tháng ba năm nay. Vào lần cuối cùng, Hitler trả lời tôi thế này: ‘Nếu một tên lính dám nói thế với tôi, tôi sẽ nghĩ hắn đã nhụt chí rồi và sẽ ra lệnh xử bắn ngay.’ Rồi ông ta nói, ‘Trong cơn khủng hoảng trầm trọng thế này, người lãnh đạo không được mất tinh thần. Nếu họ mất tinh thần thì coi như xong.’ Không thể nào thuyết phục ông ta tin là ta đã mất tất cả. Không thể nào đâu.”

Speer đút khẩu súng vào lại trong túi. Ông ta nói với giọng bình tĩnh hơn, “Dù sao thì giết ông ta cũng là chuyện không tưởng.”

Ông ta không nói với Heinrici là mình đã suy nghĩ về việc ám sát Hitler cùng nội các suốt nhiều tháng trời. Thậm chí ông ta còn nghĩ đến việc bơm hơi độc vào hệ thống thông gió của căn hầm Führerbunker, nhưng việc này cũng không khả thi: quanh ống thông hơi ngầm có xây một ống khói cao ba mét rưỡi. Speer nói: “Nếu giết ông ta giúp được người dân Đức thì tôi sẽ làm, nhưng tôi không thể.” Ông ta nhìn Heinrici và nói, “Hitler luôn tin tưởng tôi. Dù gì thì làm thế cũng không được đúng đắn cho lắm.”

Heinrici không thích không khí của cuộc trò chuyện. Ông cũng khá lo lắng về cung cách và sự mâu thuẫn của Speer. Nếu như có ai biết được là Speer từng nói chuyện này với ông, có lẽ toàn bộ người ở sở chỉ huy của ông sẽ bị xử bắn. Heinrici khéo léo lái cuộc trò chuyện về chủ đề ban đầu,

bảo vệ nước Đức trước chính sách tiêu thổ.

Viên tư lệnh Cụm tập đoàn quân Vistula nhắc lại, “Tất cả những gì tôi có thể làm là thực hiện trách nhiệm của một quân nhân trong mọi chừng mực có thể. Phần còn lại nằm trong tay Chúa. Tôi bảo đảm với anh một chuyện. Berlin sẽ không biến thành một Stalingrad thứ hai đâu. Tôi sẽ không để điều đó xảy ra.”

Trận đánh ở Stalingrad diễn ra trên khắp mọi nẻo đường, mọi khu phố. Heinrici không định để quân của mình rút lui đến tận Berlin trước sức ép của quân Nga rồi lại đánh một trận tương tự thế. Đối với chỉ đạo của Hitler phải phá hủy các cơ sở vật chất hạ tầng thiết yếu, cá nhân Heinrici vốn không hề làm theo mệnh lệnh đó tại quân khu của mình. Ông nói với Speer rằng ông sắp gặp sĩ quan chỉ huy Berlin là tướng Reymann. Heinrici nói ông đã mời Reymann đến để bàn về các vấn đề này và cũng để giải thích riêng với Reymann vì sao ông không thể nhận quân đồn trú tại Berlin vào dưới quyền mình. Một lát sau thì Reymann đến. Đi cùng ông là tư lệnh hành quân của Heinrici, Đại tá Eismann. Speer vẫn ngồi lại dự buổi họp quân sự.

Sau này Eismann nhớ lại, Heinrici nói với Eismann là “đừng phụ thuộc vào sự hỗ trợ của Cụm tập đoàn quân Vistula.”

Reymann trông như thể tia hy vọng cuối cùng của ông vừa vụt tắt. Ông nói, “Vậy thì tôi không biết phải làm sao mới bảo vệ được Berlin nữa.”

Heinrici bày tỏ hy vọng rằng quân của ông có thể đi vòng qua Berlin. Ông nói thêm, “Tất nhiên là tôi có thể được ra lệnh phải đưa quân vào Berlin, nhưng anh không nên trông đợi vào điều này.”

Reymann nói với Heinrici là ông được lệnh từ Hitler phải phá hủy các cây cầu và một số tòa nhà trong thành phố. Heinrici giận dữ đáp, “Tiêu hủy mấy cây cầu hay cái gì khác ở Berlin sẽ chỉ làm tê liệt thành phố mà thôi. Nếu như tôi được lệnh đảm trách Berlin dưới quyền mình, tôi sẽ cấm phá hủy bất kỳ thứ gì.”

Speer cũng góp lời, xin Reymann đừng thực thi mệnh lệnh đó. Ông ta nói, trong trường hợp như thế, phần lớn thành phố sẽ bị cắt điện và nước. Theo như Eismann nhớ lại lời Speer thì ông ta nói, “Nếu anh phá hủy các

đường cấp điện và cấp nước, thành phố sẽ bị tê liệt ít nhất một năm. Như thế sẽ dẫn tới bệnh dịch và nạn đói cho hàng triệu con người. Trách nhiệm của anh là phải ngăn chặn tai ương đó! Trách nhiệm của anh là không được thực hiện những mệnh lệnh đó!”

Theo như Eismann nhớ lại, bầu không khí trở nên căng thẳng. Ông nói, “Reymann đấu tranh nội tâm khá dữ dội. Cuối cùng anh ta trả lời bằng giọng khàn khàn, rằng mình đã hoàn thành nghĩa vụ của một sĩ quan một cách đầy vinh dự; con trai anh ta đã ngã xuống ngoài chiến trường; nhà cửa và tài sản của anh ta đều đã mất sạch; chỉ còn lại mỗi danh dự. Anh ta nhắc lại cho bọn tôi chuyện gì đã xảy ra với người sĩ quan đã thất bại trong việc cho nổ cầu Remagen: người đó bị xử tử như một phạm nhân bình thường. Reymann nghĩ, mình cũng sẽ bị như vậy nếu không thực thi mệnh lệnh.”

Cả Heinrici và Speer cùng cố khuyên ngăn Reymann, nhưng họ không thể khiến ông đổi ý. Cuối cùng Reymann đi khỏi đó. Không lâu sau đó Speer cũng cáo biệt. Heinrici còn lại một mình – để tập trung vào điều đang chiếm lĩnh tâm trí ông: thời điểm quân Nga tấn công.

Các báo cáo tình báo mới nhất đã được đưa đến sở chỉ huy và có vẻ như chúng cùng chỉ ra rằng sắp có một cuộc tấn công. Thiếu tướng Reinhard Gehlen, trưởng cơ quan tình báo của OKH thậm chí còn đưa vào thông tin thẩm vấn được từ các tù binh gần đây. Có một báo cáo nói rằng một người lính Hồng quân đến từ Sư đoàn Bộ binh 49 “khẳng định là chiến dịch tấn công chủ lực sẽ bắt đầu trong năm tới mười ngày nữa.”

Người tù binh đó nói, “quân Liên Xô đồn rằng Nga sẽ không để Mỹ và Anh giành được Berlin.” Bản báo cáo thứ hai cũng tương tự vậy và còn chứa nhiều suy đoán hơn.

Một tù binh bị Quân đoàn 79 bắt được vào đầu ngày hôm đó ở gần Küstrin nói rằng khi cuộc tấn công bắt đầu, mục tiêu chính của nó sẽ là “đến được Berlin trước Anh và Mỹ.” Theo người lính đó, “sẽ có những cuộc chạm trán chớp nhoáng với quân Mỹ,” họ sẽ bị nã pháo ‘vì nhầm lẫn’ cho họ biết mùi sức mạnh pháo binh Nga.”

Cùng ngày hôm đó, chủ nhật ngày 15/4, tại Moscow, Đại sứ Averell Harriman gặp mặt Stalin để bàn về chiến tranh tại miền Viễn Đông. Trước

buổi gặp, tướng Deane của Phái bộ Quân sự Hoa Kỳ đã bảo Harriman chú ý tới các báo cáo trên đài phát thanh Đức rằng quân Nga sẽ tấn công Berlin vào bất kỳ lúc nào.

Khi buổi họp với Stalin kết thúc, Harriman đã đưa vấn đề này ra một cách không chính thức. Ông hỏi, có đúng là Hồng quân định đổi kế hoạch tấn công Berlin hay không?

Câu trả lời của vị Đại nguyên soái, được tướng Deane đánh điện về cho Washington tối hôm đó là như sau: “Stalin nói thực sự sẽ có một cuộc tấn công và ông ta không biết liệu nó có thành công hay không. Tuy nhiên, mục tiêu chính sẽ nhắm vào Dresden, như đã nói trước đó với Eisenhower, chứ không phải Berlin.”

PHẦN V

TRẬN CHIẾN

1

Tại Phương diện quân Belorussia số 1, trong bóng tối dày đặc của những cánh rừng là cả một sự yên lặng tuyệt đối. Pháo xếp thành hàng dài nhiều dặm, nòng súng kề nhau, nằm dưới những tán thông và lưới ngụy trang.

Súng cối đặt đằng trước. Phía sau là những chiếc tăng nòng giương cao. Sau đó nữa là súng tự động, rồi tới các ụ pháo cỡ nhỏ và trọng pháo. Đằng sau rốt là bốn trăm khẩu Katushka – những bộ phóng tên lửa nhiều nòng có thể bắn 16 quả một lúc. Còn ở đầu cầu Küstrin bên bờ tây sông Oder là một lượng lớn đèn pha. Khắp nơi, trong những giây phút cuối cùng trước cuộc tấn công, binh lính của Nguyên soái Georgi Zhukov đang đợi đến giờ G – 4 giờ sáng.

Đại úy Sergei Golbov thấy miệng mồm khô không khốc. Mỗi giây phút trôi qua, anh lại thấy sự yên lặng càng đặc quánh thêm. Anh đang đứng cùng một đoàn quân ở phía bắc Küstrin, bên bờ đông sông Oder, tại đó dòng sông rộng hơn 450 mét vì đang mùa lũ.

Sau này anh nhớ lại, vây quanh anh là “hàng đám quân đột kích đông nghịt, những hàng xe tăng, các đội kỹ sư mang theo vật liệu xây cầu phao và xuống cao su. Bờ sông chật kín những người là người, cộng thêm trang thiết bị, nhưng hoàn toàn yên lặng.” Golbov có thể cảm nhận được “những người lính đang run rẩy vì phấn khích – như những con ngựa run lên trước cuộc đi săn.” Anh liên tục tự nhủ “mình nhất định phải sống sót qua ngày hôm nay, mình có quá nhiều thứ phải viết lại.” Anh lặp đi lặp lại, “Đây

không phải lúc để chết.”

Ở trung tâm, quân lính dồn chặt kín vào đầu cầu bên bờ tây. Quân Nga đã giành được công sự chủ chốt này – dài 30 dặm, sâu 10 dặm – từ tay tướng Busse hồi cuối tháng 3, và đây sẽ là tấm ván dậm nhảy cho cuộc tấn công vào Berlin của Zhukov. Từ đây, Tập đoàn quân Vệ binh 8 sẽ mở màn cuộc tấn công. Một khi bọn họ chiếm được cao nguyên Seelow trọng điểm, nằm ngay phía trước Berlin, hơi lệch sang hướng tây một chút, thì quân thiết giáp sẽ theo sau. Trung úy Vladimir Rozanov, 21 tuổi, chỉ huy một tiểu đội pháo binh trinh sát, đứng bên bờ tây, gần chỗ mấy cô gái phụ trách chiếu đèn pha. Rozanov tin chắc là mấy chiếc đèn này sẽ khiến bọn Đức phát điên; anh háo hức chờ tới lúc các cô bật đèn.

Tuy nhiên, mặt khác, Rozanov lại thấy lo lắng một cách lạ lùng về trận chiến sắp tới. Ba anh nằm trong đội quân đánh về phía nam của Nguyên soái Koniev. Viên sĩ quan trẻ tuổi rất giận ba mình; vì ông già đã không thư từ gì về nhà trong hai năm qua. Do đó, anh hy vọng hai ba con có thể gặp nhau tại Berlin – và có lẽ cùng về nhà sau cuộc chiến. Dù đã phát chán chiến tranh, Rozanov vẫn rất vui khi được tham gia vào cuộc tấn công cuối cùng. Nhưng việc chờ đợi thật là không thể chịu đựng nổi.

Đằng xa hơn trên đầu cầu, Trung sĩ Nikolai Svishchev, chịu trách nhiệm bảo trì pháo đứng cạnh ụ pháo của mình. Là một binh sĩ kỳ cựu, từng tham gia nhiều trận pháo kích, anh biết chuyện gì sắp đến. Lúc bắt đầu nã pháo, anh cảnh báo các binh sĩ “phải hét lên hết cỡ để cân bằng áp lực, chứ tiếng ồn lúc đó sẽ rất kinh khủng đấy.” Giờ đây, cầm dây giật khẩu pháo trong tay, Svishchev đang đợi tín hiệu khai hỏa.

Phía nam Küstrin, ở đầu cầu gần Frankfurt, Trung sĩ Nikolai Nvikov thuộc một trung đoàn súng trường đang đọc các khẩu hiệu sơn nguệch ngoạc bên hông mấy chiếc xe tăng gần đó. Một cái viết “Từ Moscow đến Berlin.” Cái nữa thì: “Còn cách hang ổ bọn quái vật phát xít 50 km nữa.” Novikov đang phấn khích muốn điên. Bài diễn văn khích lệ tinh thần của các chính trị viên trong trung đoàn đã khuấy động nhiệt huyết của anh. Lời cổ vũ lạc quan và sôi nổi đó đã khiến Novikov kích động tới mức anh lập

tức ký đơn xin gia nhập Đảng Cộng sản^[51].

Trong một boongke xây trên ngọn đồi nhìn xuống đầu cầu Küstrin, Nguyên soái Zhukov say mê đứng nhìn chăm chăm vào bóng tối. Đứng cạnh ông là Thượng tướng Chuikov, người đã chỉ huy phòng thủ ở Stalingrad và là tư lệnh của quân tiên phong, Tập đoàn quân Cận vệ 8.

Từ sau trận Stalingrad, Chuikov bắt đầu bị chàm. Chỗ phát ban phần nào ảnh hưởng đến hai bàn tay; do đó ông phải đeo găng tay đen để bảo hộ. Giờ, trong lúc sốt ruột chờ đợi cuộc tấn công bắt đầu, ông bồn chồn chà xát hai bàn tay đeo găng vào nhau. Đột nhiên Zhukov hỏi, “Vasili Ivanovich, tất cả các tiểu đoàn của anh đã vào vị trí cả chưa?” Chuikov nhanh nhẹn trả lời chắc nịch. Ông nói, “Từ 48 giờ trước rồi, thưa nguyên soái. Tôi đã thực hiện xong mọi điều đồng chí ra lệnh.”

Zhukov nhìn đồng hồ. Ông đứng ở khe hở của boongke, xoay vành mũ qua một bên, tì hai khuỷu tay lên gờ bê tông và cẩn thận điều chỉnh ống nhòm. Chuikov bẻ cổ áo khoác dựng lên, kéo vành mũ phủ kín tai để cản tiếng pháo nổ, rồi đến đứng cạnh Zhukov và quan sát bằng cặp ống nhòm của mình.

Các sĩ quan tham mưu tụ tập phía sau bọn họ, hoặc ra ngoài boongke để quan sát từ trên đồi. Ai nấy yên lặng nhìn chăm chú ra ngoài bóng tối mịt mờ. Zhukov nhìn đồng hồ lần nữa rồi lại nhìn vào ống nhòm. Vài giây trôi qua. Rồi Zhukov nói khẽ, “Đến lúc rồi, các đồng chí. Đến lúc rồi.” Lúc đó là 4 giờ sáng.

Ba cột lửa đỏ rực thành linh vút lên giữa bầu trời đêm. Trong một tích tắc, các ngọn lửa lơ lửng giữa trời, nhuộm đỏ sông Oder bằng thứ ánh sáng chói mắt. Thế rồi, ở đầu cầu Küstrin, dàn đèn pha của Zhukov rực sáng. 140 ngọn đèn phòng không cường độ mạnh, được hỗ trợ bởi đèn pha xe tăng, xe tải và các loại xe khác, chiếu thẳng vào các vị trí của quân Đức. Ánh sáng lóa mắt đó khiến phóng viên chiến trường, Trung tá Pavel Troyanoskii liên tưởng tới “một nghìn mặt trời cùng chiếu sáng một lúc”.

Thượng tướng Mikhail Katukov, Tư lệnh Tập đoàn quân Cận vệ Tăng số 1 ngạc nhiên tột độ. Ông hỏi Trung tướng N. N. Popiel trong ban tham mưu

của Zhukov: “Ta kiểm được mấy cái đèn pha này từ chỗ quái nào vậy?” Popiel đáp, “Có quỷ mới biết được, nhưng tôi đoán người ta đã đem toàn bộ hệ thống phòng không của Moscow đến đây.” Im lặng kéo dài một hồi, trong lúc những chiếc đèn pha rơi vào khu vực đằng trước Küstrin. Rồi ba ngọn lửa xanh bay vút lên trời, và pháo đồng loạt khai hỏa.

Cả trận địa chìm trong biển lửa cùng với tiếng nổ chói tai làm rung chuyển cả mặt đất. Mặt trận phía Đông chưa từng có trận pháo kích nào dữ dội thế, có tới hơn 20 nghìn khẩu pháo đủ kích cỡ cùng bắn phá các vị trí của quân Đức.

Trước ánh sáng vô tình từ những ngọn đèn pha, vùng thôn quê phía tây đầu cầu Küstrin dần tiêu tan vì bị lớp lớp đạn pháo ập xuống. Toàn bộ làng mạc đều bị phá hủy. Đất cát, bê tông, thép, cây cối bay tung tóe trong không trung, và các cánh rừng xa xa bắt đầu bốc cháy dữ dội. Ở phía bắc và phía nam Küstrin, hàng nghìn khẩu pháo nã đạn vào bóng tối. Những đốm sáng bé tí, ví dụ như của các khẩu pháo chết chóc, nhấp nháy liên hồi khi hàng tấn đạn pháo ập vào mục tiêu. Cơn lốc do các vụ nổ gây ra mạnh đến mức cả bầu không khí cũng bị chấn động.

Nhiều năm sau, những người Đức còn sống sót vẫn nhớ rất rõ rằng cơn gió nóng lạ lùng đột ngột ào tới, rít gào trên những khu rừng, bẻ cong các ngọn cây non và cuốn theo cát bụi cùng gạch vụn bay vào không trung. Cả hai bên chiến tuyến, người ta đều không thể quên được tiếng gầm khủng khiếp của các khẩu pháo. Chúng tạo nên một cơn chấn động dữ dội tới mức cả binh lính và trang thiết bị đều run như điên.

Cơn bão âm thanh thật sự khiến người ta phải choáng váng. Ở chỗ ụ pháo của Trung úy Svishchev, các xạ thủ hét to hết cỡ nhưng cơn chấn động quá lớn từ các khẩu pháo khiến tai họ bị chảy máu. Tiếng ồn dễ sợ nhất là từ mấy khẩu Katushka hay còn gọi là “Đàn organ Stalin”.

Mấy trái tên lửa bắn ra từ bộ phóng rít lên trong đêm, để lại vệt khói dài màu trắng sau đuôi. Tiếng ồn khủng khiếp đó làm Đại úy Golbov liên tưởng tới tiếng các khối thép lớn nghiền vào nhau. Dù ồn kinh dị, Golbov vẫn thấy trận pháp kích thật là vui. Anh thấy xung quanh “ai cũng hớn hờ như thể đang đánh nhau mặt đối mặt với bọn Đức và khắp nơi mọi người đang dùng

bất kỳ vũ khí gì có trong tay, dù chẳng thể thấy được mục tiêu”.

Đứng nhìn mấy khẩu pháo khạc lửa, anh nhớ tới lời bà anh từng kể về ngày tận thế, “mặt đất sẽ bốc cháy rừng rực và những kẻ xấu sẽ bị lửa thiêu đốt.”

Giữa cảnh náo động của trận pháo kích, quân Zhukov bắt đầu di chuyển. Tập đoàn quân Cận vệ 8 kỷ luật thép của Chuikov đi đầu, từ đầu cầu Küstrin bên bờ tây sông Oder. Khi tiến về phía trước, dàn pháo vẫn luôn đi đầu, dọn sạch khu vực đằng trước. Ở phía bắc và phía nam Küstrin, nơi đoàn quân phải vượt qua con sông đang dâng cao vì lũ, các kỹ sư đang đưa thuyền phao xuống nước và lắp các phần cầu gỗ làm sẵn. Xung quanh họ, các toán quân đang vượt sông Oder mà không chờ cầu xây xong, sóng xô tới làm mấy chiếc thuyền chòng chành.

Trong hàng ngũ, có những người lính từng đóng ở Leningrad, Smolensk, Stalingrad và những nơi nằm phía trước Moscow, những người đã chiến đấu suốt chặng đường dài qua một nửa lục địa để tới được sông Oder. Có những người lính từng chứng kiến làng quê của mình bị hòng súng quân Đức xóa sổ, ruộng đồng bị thiêu rụi, gia đình bị lính Đức tàn sát. Với họ, cuộc tấn công này có một ý nghĩa đặc biệt. Họ sống chỉ vì giây phút được báo thù. Quân Đức đã khiến họ chẳng còn gia đình để quay về; họ chẳng biết đi đâu trừ tiến lên phía trước.

Giờ đây, họ chiến đấu hết sức dữ dội. Hàng nghìn tù binh chiến tranh vừa được cứu cũng khao khát tương tự vậy: Hồng quân cần quân tăng cường gấp tới mức những người tù mới được cứu cũng được trao vũ khí, dù họ hết sức tả tơi, hốc hác, nhiều người còn có dấu hiệu bị bạo hành. Giờ họ cũng tiến lên, muốn được trả thù thật tàn khốc.

Quân Nga đi đến bờ đông sông Oder, hồ hởi la hét như những người thổ dân. Đang phấn khích vô cùng, họ thấy không thể nào chờ đến khi thuyền hay cầu sẵn sàng. Golbov ngạc nhiên thấy những người lính mang theo đầy đủ quân bị cứ thế lặn xuống, và bắt đầu bơi qua sông. Số khác thì ngồi trên các thùng xăng rỗng, các tấm ván hay khối gỗ, thân cây – bất kỳ thứ gì có thể nổi được.

Cảnh tượng đó thật là ngoạn mục. Golbov liên tưởng tới “một đoàn quân

kiến đông đúc vượt sông bằng mấy chiếc lá và cành cây. Sông Oder chật kín những chiếc thuyền nghẹt người, những chiếc bè chất đông trang thiết bị, những tấm mảng làm từ gỗ mới đốn chở súng đạn. Chỗ nào cũng thấy đầu người nhấp nhô bơi hay chèo qua sông.” Golbov chợt thấy bạn mình, viên quân y của trung đoàn, “một anh chàng bụi con tên Nicolaieff, đang chạy xuống bờ sông, kéo theo một chiếc thuyền nhỏ trông rất kỳ quặc. Golbov biết đáng lý Nicolaieff “phải ở lại bệnh viện dã chiến ở hậu phương, nhưng anh lại ngồi đó, trên chiếc thuyền con con và chèo như điên.” Golbov thấy chẳng còn điều gì trên đời có thể ngăn được cuộc tấn công này nữa.

Bỗng đợt pháo kích chấm dứt, rồi mọi thứ im ắng hẳn đi. Loạt pháo kéo dài suốt 35 phút liền. Trong boongke chỉ huy của Zhukov, các sĩ quan tham mưu chợt nhận ra mấy chiếc điện thoại đang đổ chuông. Không ai biết chuông đã kêu bao lâu; trước đó bọn họ đều bị điếc tạm thời. Các sĩ quan bắt đầu nghe điện thoại. Các tư lệnh dưới quyền Chuikov là những người đầu tiên báo cáo về.

Chuikov nói với Zhukov, “Mọi thứ đều đúng như kế hoạch.” Một lát sau, ông nhận được một tin còn tốt hơn. Ông tự hào thông báo, “Đã chiếm được các mục tiêu đầu tiên.” Zhukov đột nhiên thấy nhẹ cả người, sau khi đứng căng thẳng suốt từ đầu cuộc tấn công tới giờ. Theo tướng Popiel nhớ lại, Zhukov “túm lấy Chuikov và nói, ‘Xuất sắc! Xuất sắc! Thực sự rất tuyệt vời!’”

Nhưng dù vui sướng là thế, Zhukov vốn dạn dày kinh nghiệm, ông biết không nên đánh giá thấp kẻ thù. Ông sẽ mừng hơn khi nào chiếm được cao nguyên Seelow trọng yếu ở gần Küstrin. Khi đó ông mới thấy chắc chắn thành công. Việc này không được kéo dài quá lâu.

Ngoài ra, những chiếc máy bay ném bom của Nga đã được đưa tới và bắt đầu ném bom rải thảm xuống khu vực phía trước. Theo kế hoạch, có hơn 6.500 chiếc máy bay sẽ hỗ trợ cho cuộc tấn công của ông và của Koniev. Nhưng Zhukov tin là chỉ riêng đợt pháo kích vừa rồi cũng đủ khiến quân thù nhụt chí rồi.

Trong phòng tác chiến của văn phòng chỉ huy tiền phương nằm ở khu

rừng Schönewalde, phía bắc Berlin, Thượng tướng Gotthard Heinrici bước quanh phòng, tay chấp sau lưng. Xung quanh ông, điện thoại đang reo liên hồi, các sĩ quan tham mưu nghe báo cáo, cẩn thận ghi chú lại các thông tin lên tấm bản đồ trên chiếc bàn giữa phòng. Cứ một chốc, Heinrici lại dừng bước để liếc nhìn bản đồ hay đọc một tin nhắn mà Đại tá Eismann đưa ông.

Ông không mấy ngạc nhiên trước kiểu cách tấn công của quân Nga, dù phần đông ban tham mưu của ông đều khiếp đảm trước đợt pháo kích khủng khiếp vừa rồi. Tướng Busse của Tập đoàn quân 9 nói đó là “lần tồi tệ nhất hồi giờ”, còn Đại tá Eismann thì tin là “hỏa lực hủy diệt cỡ này có thể đã phá hủy toàn bộ công sự ngoài tiền tuyến của ta,” nhận định dựa trên các báo cáo ban đầu.

Đêm ngày 15, phần lớn quân Vistula đã rút về phòng tuyến thứ hai như Heinrici đã ra lệnh. Nhưng việc này không phải dễ dàng. Một số sĩ quan rất phần nộ khi phải rút khỏi vị trí đóng quân. Họ có cảm giác như đang phải lui quân chạy trốn vậy. Vài người đã phàn nàn với Heinrici. Ông chỉ lạnh lùng hỏi một vị tướng phản đối việc này, “Bộ anh chưa từng nghĩ mấy công sự và lính của mình ngoài tiền tuyến sẽ tiêu tùng hết thảy sau đợt pháo kích mở màn của quân Nga à? Nếu anh ngồi trong một nhà máy thép, anh có dè dặt mình xuống dưới cái búa đòn bẩy không hả? Anh phải rút đầu lại kịp thời chứ. Đó chính là điều ta đang làm.” Mưu kế này đã diễn ra suốt đêm. Toàn bộ báo cáo từ những nơi rút quân về đều nói đã điều quân thành công.

Giờ đây, ở phòng tuyến thứ hai, họ đang đợi quân Nga tiến đến. Heinrici có lợi thế ở một nơi: phía tây Küstrin là cao nguyên cát Seelow hình móng ngựa. Độ cao ở đây nằm trong khoảng từ 30 đến 60 mét, bên dưới là một thung lũng ẩm thấp, vì có nhiều dòng suối chảy qua, được gọi là đầm lầy Oder. Quân Nga sẽ phải vượt qua thung lũng này trên đường tiến quân từ sông Oder, và dọc trên cao nguyên hình trăng khuyết này, Heinrici đã bố trí đặt mấy khẩu pháo.

Cao nguyên trọng yếu này chính là cơ hội duy nhất cho Heinrici chống đỡ cuộc tấn công của Zhukov, và Heinrici biết rõ là Zhukov cũng đã cân nhắc nhiều đến vấn đề này trong lúc lên kế hoạch. Quân Nga cần nhanh chóng chiếm được cao nguyên, trước khi pháo của Heinrici kịp bắn phá

mấy cây cầu trên sông Oder của Hồng quân và khiến đoàn quân đang tiến qua vùng trũng lầy lội đó bị hỗn loạn. Rõ ràng là Zhukov hi vọng có thể đập tan hầu hết lực lượng kháng cự bằng đợt pháo kích khủng khiếp của mình, như thế chiếm cao nguyên sẽ dễ dàng hơn nhiều. Nhưng vì quân Đức đã rút khỏi tiền tuyến, nên phần lớn quân lính và pháo của Heinrici vẫn không hề hấn gì. Kế hoạch phòng ngự diễn ra ổn thỏa. Chỉ có một điểm không ổn: Heinrici không có đủ quân số hay vũ khí cần thiết. Không có không quân hỗ trợ, cũng không có quân lính, pháo, lực lượng thiết giáp, đạn dược hay xăng dầu dự trữ, Heinrici chỉ có thể trì hoãn đà công kích của Zhukov. Dần dà, quân của ông sẽ bị chọc thủng thôi.

Trên toàn bộ trận địa, hai tập đoàn quân của Heinrici có không đầy 700 chiếc tăng và súng tự động có thể dùng được. Số này nằm phân tán trong nhiều đơn vị của Tập đoàn quân 9 và Tập đoàn quân 12. Sư đoàn nhiều nhất có 79 cái, là Sư đoàn Thiết giáp 25; còn sư đoàn ít nhất chỉ có vỏn vẹn hai cái. Trái ngược hoàn toàn với sức mạnh pháo binh của Zhukov – 20.000 khẩu pháo đủ cỡ^[52] - Heinrici chỉ có 744 khẩu, cộng thêm 600 khẩu súng phòng không dùng thay cho pháo. Nguồn cung đạn dược và nhiên liệu cũng ít ỏi không kém. Ngoài số đạn pháo có ở các ụ pháo, lượng đạn dự trữ của Tập đoàn quân 9 chỉ đủ dùng trong hai ngày rưỡi.

Heinrici không thể cầm chân quân Nga được bao lâu – cũng không thể phản công, vì ông đã phân tán hết số xe thiết giáp và pháo ít ỏi, để mỗi đơn vị đều có cơ hội chiến đấu. Ông chỉ có thể làm những gì mình biết là khả thi: kiểm thêm chút thời gian. Nhìn vào bản đồ có những mũi tên đỏ to tướng đánh dấu bước tiến của quân Nga, Heinrici cay đắng nghĩ đến số quân thiết giáp bị đưa tới chỗ cụm tập đoàn quân của Thống chế Schörner ở phía nam để ngăn quân Nga tấn công vào Prague, như Hitler và Schörner vẫn khẳng định. Số quân này có thể giúp Heinrici có thêm bảy sư đoàn thiết giáp. Ông cay đắng nói với Eismann, “Nếu ta có số quân này, thì bọn Nga sẽ không được vui sướng thế này đâu.”

Mọi chuyện đã đủ tệ hại rồi, nhưng cơn khủng hoảng vẫn còn phía trước. Cuộc tấn công của Zhukov chỉ mới mở màn. Cần tính đến quân của

Rokossovskii ở phía bắc. Khi nào thì bọn chúng sẽ tấn công Tập đoàn quân 3 của Von Manteuffel? Và khi nào thì quân của Koniev ở phía nam sẽ tấn công?

Heinrici không cần đợi lâu mới biết được ý định của Koniev. Cuộc tấn công thứ hai của quân Nga diễn ra ở rìa tận cùng phía nam của phòng tuyến do tướng Busse trấn thủ, và ở khu vực của Thống chế Ferdinand Schörner. Đúng 6 giờ sáng, Phương diện quân Ukraine số 1 của Koniev đã tấn công qua sông Neisse.

Bay theo đội hình chữ V hẹp, đoàn máy bay chiến đấu của Hồng quân chao liệng về phía con sông, giữa những loạt đạn phòng không màu hồng nhạt và những luồng pháo sáng đỏ, vàng, trắng. Những chiếc máy bay thả ra khói trắng dày đặc, găm rú trong thung lũng, bay cách mặt nước xám xịt của sông Neisse chỉ 15 mét. Các máy bay chiến đấu này liên tục lách qua loạt pháo phòng không, để lại đằng sau màn khói dày đặc khiến cho cả dòng sông lẫn hai bên bờ đều mù mịt. Nguyên soái Ivan Koniev đứng quan sát từ một cao điểm trông thẳng xuống dòng sông, và thấy khá hài lòng. Ông quay qua nói với Thượng tướng N. P. Pukhov, tư lệnh Tập đoàn quân 13 sắp tham gia vào cuộc tấn công, “Mấy ông bạn hàng xóm của ta dùng đèn pha, họ muốn sáng hơn nữa. Nhưng tôi nói anh hay, Nikolai Pavlovich à, chúng ta lại cần càng tối càng tốt.”

Dù Koniev đang tấn công trên một trận địa rộng khoảng 50 dặm, ông lại ra lệnh tạo nên lớp màn khói dài gần gấp bốn lần để khiến quân Đức hoang mang. Quan sát qua chiếc ống nhòm đặt trên giá đỡ, Koniev thấy màn khói vẫn còn đó. Vận tốc gió chỉ khoảng nửa mét một giây – không tới một dặm một giờ. Ông hài lòng thông báo rằng lớp màn khói “có bề dày và độ đậm đặc phù hợp, và đạt đúng chiều cao cần thiết.” Và rồi, trong lúc máy bay tiếp tục nhả khói, đội pháo binh của Koniev mở màn bằng một tiếng gầm khủng khiếp.

Đợt pháo kích của ông cũng dữ dội không kém Zhukov, nhưng Koniev sử dụng sức mạnh pháo binh của mình có chọn lọc hơn. Trước khi tấn công, khi biết là lực lượng quan sát của địch sẽ bị khói cản tầm nhìn, các tư lệnh pháo binh của Koniev đã đánh dấu các phòng tuyến và cứ điểm của địch lên

bản đồ địa hình và nhắm nòng pháo đúng vào đó. Ngoài việc bắn vào các mục tiêu đã định, các khẩu pháo của Phương diện quân Ukraine I còn phá tan các đại lộ chạy từ sông Neisse về phía tây để dọn đường cho quân lính và xe tăng theo sau. Các loạt đạn pháo giống như những lưỡi liềm lửa, tạo nên những con đường rộng mấy trăm mét xuyên qua các vị trí của quân Đức. Khu rừng xung quanh bắt đầu bốc cháy, giống như ở trận địa của Zhukov, biển lửa kéo dài nhiều dặm tính từ bờ sông.

Koniev không để điều gì phát sinh ngoài ý muốn. Động cơ của ông không chỉ vì tham vọng đến Berlin trước Zhukov, mà còn vì một nguyên nhân khác quan trọng hơn: tốc độ hành quân không ngờ của quân Đồng minh phương Tây, vốn chỉ còn cách thành phố có 40 dặm.

Koniev nghĩ một trong hai, thậm chí cả hai đều có thể xảy ra: quân của Eisenhower có thể tới được thủ đô trước Hồng quân – và Đức có thể ký kết hiệp ước hòa bình riêng với bọn họ. Sau này Koniev nói: “Chúng tôi không muốn tin là những đồng minh của mình sẽ có thỏa thuận riêng gì đó với Đức. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh đó... cả sự thật lẫn tin đồn nhan nhản khắp nơi, là quân nhân, chúng tôi không có quyền bác bỏ khả năng đó... Vì thế, chiến dịch Berlin trở nên đặc biệt cấp bách. Chúng tôi phải xem xét đến khả năng là... các lãnh đạo phát xít muốn đầu hàng quân Anh và Mỹ hơn là với chúng tôi. Người Đức sẽ mở rộng cửa cho bọn họ, nhưng với chúng tôi thì bọn họ sẽ chiến đấu ngoan cường cho tới tận người lính cuối cùng”.^[53]

Trong kế hoạch của mình, Koniev đã “nghiêm túc cân nhắc viễn cảnh này.” Để đánh bại cả Nguyên soái Zhukov lẫn Đồng minh phương Tây để tới Berlin, Koniev biết mình sẽ phải vượt qua quân địch trong vòng mấy tiếng đồng hồ đầu tiên của cuộc chiến. Không giống Zhukov, Koniev không có được một đầu cầu đầy bộ binh bên bờ tây sông Neisse. Ông buộc phải vượt sông, mà đó lại là một chương ngại vật đáng kể.

Sông Neisse chảy rất xiết, nước thì lạnh băng. Có những chỗ rộng gần 140 mét, và dù bờ đông tương đối bằng phẳng, bờ tây lại rất dốc. Tại đây quân Đức có lợi thế nhờ phòng tuyến tự nhiên này; giờ chúng đang cố thủ trong các boongke bê tông kiên cố trông xuống dòng sông và các con

đường phía đông. Koniev phải nhanh chóng vượt qua quân địch nếu không muốn bị hỏa lực từ các boongke kia tấn công. Kế hoạch của ông là đưa các sư đoàn thiết giáp vào tấn công ngay khi chiếm được các vị trí chắc chắn bên bờ Tây. Nhưng thế có nghĩa là phải xây cầu trước khi màn khói bảo vệ tan mất, và nếu như đột pháo kích không hạ gục được quân địch thì sẽ phải xây cầu dưới hỏa lực nặng nề của địch.

Ông định vượt sông chủ yếu ở Buchholz và Triebel. Nhưng còn có những nơi khác nữa. Koniev tin mình phải tiêu diệt quân địch hoàn toàn và nhanh chóng, nên đã lệnh thực hiện một cuộc đột kích quy mô lớn tại dòng sông, trong đó sẽ vượt sông tại hơn 150 điểm. Ở mỗi vị trí, các kỹ sư của ông đã đảm bảo cầu hoặc phà sẽ sẵn sàng trong vòng một đến ba giờ đồng hồ.

6:55 sáng, giai đoạn 2 trong kế hoạch của Koniev bắt đầu. Dọc bờ đông, các toán quân tiên phong xuất phát từ khu rừng, dưới sự yểm trợ của pháo binh, tiến hành vượt sông Neisse bằng một lô lốc thuyền đủ loại. Ngay sau họ là lớp quân thứ hai, rồi thứ ba. Tại vùng Buchholz-Triebel, quân xung kích thuộc Tập đoàn quân 13 của tướng Pukhov chen nhau lội qua dòng nước dập dềnh, kéo theo các mảnh cầu phao. Dẫn đầu là Sư đoàn Bộ binh Cận vệ 6, do Thiếu tướng Georgi Ivanov, 44 tuổi, một tay Cossack cứng cựa chỉ huy. Ivanov cho hết mọi thứ nổi được xuống nước. Ngoài cầu phao, ông còn dùng các thùng xăng máy bay rỗng và các thùng phân bón lớn của Đức đã được ông ra lệnh hàn lại cho kín; chúng được khiêng đến đây để làm trụ chống cầu.

Dưới nước là hàng trăm kỹ sư; mỗi khi các khúc cầu gỗ làm sẵn được đẩy ra khỏi bờ đông là bọn họ liền ghép chúng lại. Một đám đông đứng dưới dòng sông Neisse lạnh ngắt, nước sâu đến cổ, vác các dầm cầu nặng trĩch trên đầu, những người khác thì kéo các trụ chống bằng gỗ xuống dưới đáy sông. Các đội kỹ sư đặc biệt đã dùng xuồng có gắn tời kéo bằng tay để đưa mấy sợi dây cáp qua sông. Bên bờ tây, bọn họ đã đặt mấy cây trụ để buộc dây cáp, rồi kéo những chiếc xuồng chở pháo và xe tăng qua sông. Ở một số chỗ, các kỹ sư thậm chí còn đưa pháo qua sông mà không cần dùng phà: họ chỉ việc kéo mấy khẩu pháo đi dưới đáy sông bằng dây cáp. Công

việc tiến triển ổn thỏa, dù hỏa lực của địch phủ khắp cả trận tuyến. Để bảo vệ công tác vượt sông, Ivanov cho các cụm pháo ven bờ bắn thẳng về phía phòng tuyến của quân Đức bên bờ Tây. Ông cho hai trăm khẩu súng máy nã đạn như mưa để hỗ trợ cho các cụm pháo binh, “cho bọn nó không ngóc đầu lên được.”

Đến 7:15, Koniev nhận được tin tốt lành: đã chiếm được đầu cầu đầu tiên bên bờ Tây. Một giờ sau, ông được tin xe tăng và súng tự động đã được đưa qua sông và sẵn sàng chiến đấu. Đến 8:15, vào khúc cuối đợt pháo kích dài 2 tiếng 35 phút, thì Koniev biết chắc là quân mình đã được sắp đặt ổn thỏa bên bờ tây sông Neisse.

Bọn họ đã vượt sông thành công tại 133 trên tổng số 150 điểm. Các đơn vị trong Tập đoàn quân 13 của tướng Pukhov đã đột phá qua trung tâm ở Triebel, cùng với Tập đoàn quân Xe tăng Cận vệ 3, và nghe nói là quân địch ở đằng trước bọn họ đã bị chọc thủng. Lực lượng thiết giáp của Tập đoàn quân Xe tăng Cận vệ 4 cũng đang băng qua khu vực đó, còn ở phía nam, Tập đoàn quân Cận vệ 5 đã vượt sông. Koniev thấy có vẻ như các đội xe tăng của mình sẽ chọc thủng phòng tuyến bất kỳ lúc nào.

Một khi điều đó xảy ra, Koniev định sẽ nhanh chóng tiến tới hai thành phố Spremberg và Cottbus. Sau khi vượt qua Cottbus, ông sẽ nhắm đến mạng lưới đường bộ dẫn tới Lübben. Koniev đặc biệt quan tâm đến vùng đất này. Đây là điểm cuối đường ranh giới mà Stalin đã vạch ra, chia cắt Phương diện quân Belorussia I của Zhukov với Phương diện quân Ukraine I của ông. Nếu Koniev có thể nhanh chóng tới đó, thì ông sẽ xin Stalin lập tức cho phép ông đổi sang hướng bắc, tiến về Berlin. Tự tin trước diễn biến tình hình, Koniev đã truyền lệnh bằng văn bản cho Thượng tướng Pavel Semenovich Rybalko của Tập đoàn quân Xe tăng Cận vệ 3 là “chuẩn bị tấn công vào Berlin từ hướng nam bằng một quân đoàn tăng, cộng thêm một sư đoàn trong Tập đoàn quân Xe tăng Cận vệ 3 yểm trợ”.

Koniev có cảm giác mình vừa mới đánh bại Zhukov trong cuộc đua giành Berlin. Ông mê mải với tiến triển của cuộc tấn công tới mức không hay biết là mình đã may mắn nhường nào mới còn sống trên đời. Vào ngay những phút đầu tiên của cuộc công kích, một viên đạn từ một tay bắn tỉa đã

khoan thùng lỗ gọn gàng trên chiếc giá đỡ ống nhôm, cách đầu ông có mấy phân.^[54]

Ở rìa đông Berlin, tiếng pháo dồn dập cách nơi đây không đầy 35 dặm nghe như tiếng sấm buồn thảm của một cơn bão đang xa. Trong các làng mạc và thị trấn nhỏ nằm gần sông Oder hơn, có vài cơn chấn động kỳ lạ. Ở đồn cảnh sát tại Mahlsdorf, sách từ trên kệ rơi xuống đất, điện thoại thì tự động reng lên. Nhiều nơi, đèn đột nhiên tối lại và nhấp nháy liên tục. Ở Dahwitz-Hoppegarten, một cái còi báo động không kích chọt réo âm ỉ và không ai tắt được. Tranh ảnh trên tường rớt xuống đất, cửa sổ và gương vỡ tan tành. Ở Muncheberg, một cây thánh giá trên gác chuông nhà thờ rơi đánh rầm xuống đất, và khắp nơi, chó bắt đầu sủa inh ỏi.

Ở các quận phía đông Berlin, một âm thanh mơ hồ cứ vang vọng giữa những bộ khung đổ nát và ám khói đen thui. Mùi thông cháy nồng nặc lan khắp quận Köpenick. Dọc theo rìa các quận Weissensee và Lichtenberg, một cơn gió đột ngột cuốn rèm cửa cuộn xoắn lại, rồi xoắn ra, bay phàn phật như ma làm, còn ở quận Erkner, một số người trong các hầm trú ẩn giật mình tỉnh giấc, không phải vì tiếng ồn, mà là vì một cơn địa chấn khủng khiếp.

Nhiều người dân Berlin biết âm thanh đó là gì. Trong căn hộ ở Pankow của gia đình Möhring, nơi hai vợ chồng Weltlinger đang ẩn trốn, ông chồng Siegmund vốn từng đi lính hồi Thế chiến thứ nhất lập tức nhận ra âm thanh xa xa đó chính là tiếng pháo nổ dữ dội; ông đánh thức bà vợ Margarete dậy để nói cho bà nghe. Có ít nhất một người dân Berlin khẳng định là đã tận mắt thấy đợt pháo kích của Zhukov. Vào lúc 4 giờ hơn, cậu thiếu niên Horst Römling 16 tuổi trèo lên tòa tháp 7 tầng ở rìa phía tây Weissensee và nhìn chăm chú về hướng đông bằng ống nhôm. Horst nhanh chóng báo cho những người hàng xóm là cậu đã thấy “ánh lửa đạn pháo của quân Nga,” nhưng chẳng mấy người tin cậu – họ chỉ coi đó là một thằng nhóc quá khích điên cuồng.

Âm thanh đó không truyền tới được các quận trung tâm, nhưng rải rác đâu đây, vẫn có một số người dân Berlin khẳng định là mình có nghe thấy

cái gì đó lạ lùng. Đa số nghĩ đó là tiếng súng phòng không, hoặc là mấy quả bom sót lại từ cuộc không kích dài 2 tiếng 25 phút hồi đêm đột ngột phát nổ, hoặc cũng có thể là một tòa nhà đổ sụp vì trúng bom.

Một số ít cư dân biết ngay là cuộc tấn công của Nga đã bắt đầu. Bọn họ là tổng đài viên trong tòa bưu điện trên đường Winterfeldtstrasse ở quận Schöneberg. Sau khi đợt pháo kích mở màn được vài phút, các đường dây liên tỉnh và đường dài của tổng đài đều nghẽn mạng vì có quá nhiều cuộc gọi. Các quan chức trong đảng Nazi ở những vùng gần sông Oder và sông Neisse lo lắng gọi về cơ quan lãnh đạo ở Berlin. Các đội trưởng cứu hỏa hỏi nên đi chữa cháy cho các khu rừng hay nên di dời trang thiết bị ra khỏi đó. Các đội trưởng cảnh sát gọi điện cho cấp trên và ai ai cũng muốn liên lạc với người thân. Nhiều năm sau, các tổng đài viên nhớ lại, hầu như mọi cuộc gọi kết nối thành công đều mở đầu bằng mấy chữ: “Bắt đầu rồi!” Elisabeth Milbrand, nhân viên giám sát bảng điều hành trung tâm, một tin đồ Tin Lành sùng đạo, lấy chuỗi hạt ra và bắt đầu nhắm đọc kinh lần tràng hạt.

Đến 8 giờ sáng ngày 16/4, phần lớn Berlin đã nghe tin “các cuộc tấn công dữ dội của Nga tiếp tục diễn ra trên mặt trận sông Oder” qua đài phát thanh. Tin tức thông báo ra khá dè dặt, nhưng thường dân ở Berlin chẳng cần tin tức tỉ mỉ nữa. Từ miệng những người bà con sống bên ngoài thành phố, họ biết giây phút mình hằng sợ hãi cuối cùng cũng đến. Buồn cười ở chỗ, lần này người dân ngoài đường còn biết nhiều hơn Hitler. Trong căn hầm Führerbunker, nhà lãnh tụ vẫn đang ngủ. Ông ta vừa đi nghỉ lúc 3 giờ kém, và tướng Burgdorf, viên sĩ quan quản trị, được lệnh không được đánh thức Quốc trưởng.

Sáng nay, thế giới ngậm kỳ lạ trong căn hầm trông rất vui vẻ: các bình tulip rực rỡ được trưng trong căn phòng chờ nhỏ, phòng khách trong hành lang và cả phòng họp. Trước đó, một người làm vườn trong điện Reichskanzlei đã cắt hoa từ mấy bồn hoa còn lại trong khu vườn đầy hố bom lỗ chỗ. Burgdorf thấy đó là ý hay, vì Eva Braun thích hoa tulip. Vị đệ nhất phu nhân chưa kết hôn của Đức đã đến đây đêm qua. Bà ta mang theo quà từ mấy người bạn cũ ở Munich gửi cho Quốc trưởng. Trong đó có một quyển sách do Nam tước phu nhân Baldur von Schirach, vợ của nguyên

Tổng Bí thư Đoàn Thanh niên Đức. Nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết trải qua rất nhiều gian nan nhưng vẫn không đánh mất hi vọng. Anh ta nói, “Lạc quan chính là cho rằng mọi chuyện vẫn ổn trong khi thực sự đang rất tồi tệ.” Bà Nam tước phu nhân nghĩ cuốn sách này là lựa chọn phù hợp nhất. Đó là cuốn Chàng ngây thơ của Voltaire.

Thoạt tiên, Zhukov không thể tin nổi tin tức này. Ông đứng giữa sở chỉ huy Küstrin, ban tham mưu vây quanh, ông ngờ vực nhìn Chuikov rồi lắp bắp vì giận dữ. Ông hét vào mặt vị tư lệnh của Tập đoàn quân Cận vệ 8, lần này không thềm dùng tên thánh nữa, “Chết tiệt, ý anh là sao hả – quân của anh bị chặn à?”. Trước kia, Chuikov cũng từng thấy Zhukov giận dữ thế này, và ông vẫn cực kỳ bình tĩnh. Ông nói, “Thưa đồng chí nguyên soái, dù chúng ta có tạm thời bị chặn bước hay không, cuộc tấn công này nhất định sẽ thành công. Nhưng lúc này sự kháng cự đang dữ dội hơn và khiến ta bị cầm chân.”

Chuikov giải thích, quân địch trên cao nguyên Seelow bắn dữ dội vào quân lính và xe tăng yểm trợ đang tiến bước. Địa hình ở đó lại rất khó đi đối với xe thiết giáp. Các khẩu súng tự động và xe tăng bị lún và rối loạn giữa những vũng lầy và kênh đào của đầm lầy Oder mà không làm gì được. Vài chiếc tăng lún dưới bùn đã bị bắn trúng, lần lượt từng chiếc một, và rồi bốc cháy. Chuikov nói, tới giờ này, Tập đoàn quân Cận vệ 8 của ông chỉ mới tiến thêm được gần 1.400 mét. Theo tướng Popiel kể lại, Zhukov đã trút giận bằng “một tràng chửi rủa cực kỳ thô bạo.”

Chuyện gì đã xảy ra với cuộc tấn công được cho là không thể chống lại này? Có nhiều ý kiến khác nhau, mà tướng Popiel nhanh chóng biết được, khi ông hỏi các sĩ quan cấp cao của Zhukov. Tướng Mikhail Shalin, một tư lệnh quân đoàn thuộc Tập đoàn quân Cận vệ 1 nói với Popiel rằng ông ta chắc chắn là “quân Đức đã rút khỏi tiền tuyến trước cuộc tấn công và thiết lập một phòng tuyến thứ hai dọc theo cao nguyên Seelow. Do đó, phần lớn số đạn pháo của ta chỉ bắn vào đất trống.” Tướng Vasili Kuznetsov, tư lệnh

Tập đoàn quân Xung kích 3 cay đắng chỉ trích kế hoạch của Phương diện quân Belorussia I. Ông nói với Popiel, “Chúng ta hay làm theo sách vở, và giờ thì bọn Đức biết tổng bài vở của ta rồi. Bọn chúng lui lại chừng 8 km. Pháo của ta bắn trúng mọi thứ, nhưng lại không trúng quân thù.”

Tướng Andrey Getman, một chuyên gia xe tăng cấp cao và là tư lệnh quân đoàn thuộc Tập đoàn quân Xe tăng Cận vệ số 1 của Katukov vừa phê phán vừa giận dữ, nhất là về mấy cái đèn pha. Ông nói, “Chúng không hề làm quân địch lóa mắt. Để tôi nói anh hay chúng làm được cái gì – chúng làm lộ vị trí xe tăng và bộ binh của ta cho bọn xạ thủ Đức.”

Zhukov chưa từng cho là cuộc tấn công sẽ dễ ăn, nhưng dù đã ước tính sẽ có thương vong nặng nề, ông vẫn luôn cho là quân Đức không thể ngăn bước tiến của mình. Sau này kể lại, ông nói mình đã nghĩ là “hàng phòng ngự của địch sẽ nhanh chóng suy yếu”; rồi ông nói bằng giọng nhẹ hẫng đi, “nhưng thay vào đó, cuộc tấn công của quân tiên phong lại không được hiệu quả mấy”.

Ông tin chắc chỉ dựa vào quân số không thôi cũng đủ để ông vượt qua quân địch, nhưng ông lo là “có nguy cơ cuộc tấn công có thể bị chậm lại.” Zhukov quyết định thay đổi chiến thuật. Ông nhanh chóng đưa ra một loạt mệnh lệnh. Máy bay chiến đấu cần tập trung thả bom vào các vị trí pháo binh địch; đồng thời, pháo binh sẽ bắt đầu bắn phá cao nguyên. Rồi Zhukov thực hiện thêm một bước.

Dù ban đầu ông tính để khi nào chiếm được cao nguyên Seelow thì mới dùng đến các đội xe tăng, nhưng giờ ông quyết định dùng luôn. Tướng Katukov, tư lệnh Tập đoàn quân Xe tăng Cận vệ số 1 đang ở trong hầm nên trực tiếp nhận lệnh luôn. Ý muốn của Zhukov rất rõ ràng: phải chiếm được cao nguyên bằng mọi giá. Zhukov định đánh cho quân địch phải đầu hàng, và nếu cần thì san phẳng cả con đường dẫn đến Berlin. Rồi sau đó, vị nguyên soái ra khỏi văn phòng, vẫn còn giận dữ vì bị cầm chân, theo sau là ban tham mưu của ông. Zhukov không muốn bị trì hoãn chỉ vì vài khẩu pháo bắn giỏi của địch – cũng không muốn thua Koniev. Khi ra khỏi boongke, các sĩ quan cung kính đứng sang một bên cho ông đi qua, ông chột quay sang Katukov và gắt, “Được rồi! Mau đi đi”.

Mệnh lệnh trong ngày của Quốc trưởng tới được Sở chỉ huy của Tập đoàn quân 9 của tướng Theodor Busse vào lúc giữa trưa. Trên đó đề ngày 15/4, nhưng rõ ràng ban tham mưu của Hitler đã chờ đến khi chắc chắn là cuộc tấn công của quân Nga đã bắt đầu mới gửi đi. Các tư lệnh được lệnh phải phổ biến mệnh lệnh này đến cấp trung đoàn, nhưng tuyệt đối không được để lộ cho báo chí. Tờ lệnh viết: “Hỡi binh sĩ Mặt trận phía Đông, bọn Bolshevik Do Thái tàn ác sắp tấn công cú chót. Chúng đang cố đánh tan nước Đức và tiêu diệt nhân dân ta. Những người lính miền Đông các anh hẳn đã biết số phận đang đe dọa... phụ nữ và trẻ em Đức. Người già và trẻ nhỏ sẽ bị giết; phụ nữ bị đưa đến các doanh trại làm kỹ nữ. Số còn lại sẽ bị đưa đi Siberia.

Chúng ta biết cuộc tấn công này sẽ đến, và từ tháng giêng ta đã cố hết sức để kiến thiết một mặt trận hùng mạnh. Quân thù sẽ phải đương đầu với một lượng đại bác khổng lồ. Các tổn thất về bộ binh được bổ sung bằng vô số đơn vị mới. Các đơn vị cảnh báo, các đơn vị mới thành lập và lực lượng phòng vệ Volkssturm được đưa đến để củng cố cho mặt trận. Lần này, bọn Bolshevik sẽ chịu chung số phận với châu Á ngày xưa: chúng sẽ chắc chắn gục ngã trước thềm thủ đô của Đế chế Đức.

Ai không thực hiện nhiệm vụ của mình vào lúc này chính là phản bội lại nhân dân. Trung đoàn hay sư đoàn nào rời bỏ vị trí thì quá là nhục nhã so với những phụ nữ và trẻ em đang phải chống chọi với bom đạn trong các thành phố của ta.

Hãy đặc biệt chú ý đám sĩ quan và binh lính phản bội, chỉ vì muốn giữ cái mạng hèn hạ của mình mà theo chân bọn Nga chống lại chúng ta, dù có khi còn đang mặc quân phục Đức. Hễ bất kỳ ai ra lệnh cho các anh rút lui thì phải bắt giam kẻ đó lại ngay, nếu cần thì giết luôn tại chỗ, dù quân hàm của hắn có là gì, trừ khi các anh hiểu rõ người đó. Nếu mỗi một người lính ở Mặt trận phía Đông đều làm đúng nhiệm vụ của mình trong những ngày sắp tới, thì cuộc tấn công cuối cùng của bọn châu Á sẽ bị đập tan, cũng như cuối cùng thì cuộc xâm lăng của quân thù ở phía Tây sẽ thất bại, bất chấp

tất cả. Berlin vẫn sẽ thuộc về nước Đức, Vienna^[55] sẽ lại quay về với Đức và châu Âu sẽ không bao giờ là của quân Nga.

Hãy trang trọng thề sẽ bảo vệ gia đình mình, vợ con mình và tương lai đất nước, chứ không phải bảo vệ một khái niệm Tổ quốc rỗng tuếch nào. Hồi các chiến binh miền Đông, giờ phút này, toàn thể nhân dân Đức đang nhìn vào các anh, và chỉ biết hi vọng rằng, nhờ vào sự kiên cường và lòng trung thành, vào vũ khí và tài lãnh kiên cường và lòng trung thành, vào vũ khí và tài lãnh đạo của các anh để tắm máu cho cuộc tấn công cuối cùng của bọn Bolshevist. Hiện tại, khi số phận đã đưa tên tội phạm chiến tranh khủng khiếp nhất mọi thời đại biến khỏi mặt đất, thời điểm xoay chuyển cuộc chiến đã được quyết định.”

Busse không cần chờ Mệnh lệnh trong ngày nói cho ông biết là cần phải chặn bước quân Nga. Từ nhiều tháng trước, ông đã nói với Hitler là nếu quân Nga đột phá được phòng tuyến sông Oder, thì Berlin và phần còn lại của Đức sẽ sụp đổ. Nhưng ông nổi điên khi đọc tới đoạn viết về mặt trận hùng mạnh; rằng quân địch sẽ phải đương đầu với “một lượng đại bác khổng lồ” và “vô số đơn vị mới”. Mấy lời hùng hồn này chẳng thể chặn được quân Nga. Mệnh lệnh trong ngày của Hitler đa phần đều là hư cấu. Tuy nhiên, nó cũng đúng một chỗ: Hitler định để lính Đức chiến đấu đến chết – ở cả miền Đông lẫn miền Tây.

Busse vẫn ấp ủ một hi vọng bí mật, được giữ kín tới mức ông chưa từng nói cho ai nghe, trừ với Heinrici và một vài sĩ quan thân cận nhất. Ông muốn cầm cự ở mặt trận Oder đủ lâu để quân Mỹ tới kịp. Ông nói với Heinrici, “Nếu chúng ta có thể cầm cự cho đến khi quân Mỹ tới đây, thì coi như ta đã hoàn thành nhiệm vụ với nhân dân, với đất nước và với lịch sử của mình.” Heinrici cay nghiệt đáp lại. Ông hỏi, “Bộ anh không biết Chiến dịch Nhật thực à?” Busse chưa từng nghe nói gì. Heinrici kể cho ông nghe về việc thu giữ được bản kế hoạch phân chia khu vực chiếm đóng của quân Đồng minh. Heinrici nói, “Tôi ngờ là quân Mỹ còn chẳng vượt sông Elbe nữa là.” Dù vậy, Busse vẫn nuôi hi vọng đó một thời gian. Giờ, cuối cùng ông cũng bỏ cuộc. Dù cho đoàn quân của Eisenhower sẽ vượt sông Elbe và

tiến về Berlin thì cũng đã quá muộn. Rõ ràng, Hitler muốn giành giật từng dặm với quân Mỹ hơn hết thảy; ông ta không phân biệt được dân chủ và cộng sản. Tình hình của nước Đức thật vô vọng; và Busse tin rằng tình hình của Tập đoàn quân 9 cũng thế, nhưng chừng nào Hitler còn tiếp tục chiến tranh và không chịu đầu hàng thì Busse chỉ có thể cố cầm chân quân Nga như ông vẫn đang làm cho đến giờ phút cuối cùng. Tập đoàn quân 9 đã gánh toàn bộ sức mạnh của đợt tấn công vừa rồi; họ không thể chịu thêm được nữa.

Khắp nơi, quân của Busse vẫn còn đang cầm cự. Ở Frankfurt, họ thực sự đẩy lui được quân Nga. Đại bác và pháo binh ở cao nguyên Seelow dù bị bắn phá, đánh bom dữ dội nhưng vẫn kiên cường chống trả, và cầm chân được quân địch. Nhưng dù quân của Busse có cầm chân được quân Nga khắp nơi như thế, bọn họ cũng phải trả một cái giá đắt. Có những nơi, sĩ quan chỉ huy báo cáo về là họ bị áp đảo về quân số, phải lên tới một chọi mười là ít. Một viên tư lệnh sư đoàn gọi điện tới, nói “Bọn chúng kéo đến ào ào như thác lũ, không biết sợ chết là gì. Chúng tôi cứ nhắm thẳng súng máy mà bắn cho bọn chúng tan xác. Người của tôi chiến đấu đến khi cạn sạch đạn. Thế rồi họ dễ dàng bị quét sạch, hoặc là bị vượt qua. Tôi cũng không biết có thể kéo dài được bao lâu nữa.”

Gần như mọi bức điện gửi về đều giống nhau. Đâu đâu cũng cần viện trợ: pháo, tăng và hơn hết là đạn dược, xăng dầu. Có một thứ không thể thay thế được, đó là quân lính. Số quân dự bị ít ỏi của Busse đều đã được phân bổ hoặc đang điều động. Phần lớn bọn họ được đưa đến trận chiến trọng điểm ở cao nguyên Seelow.

Trấn giữ vùng trung tâm của Tập đoàn quân 9 là Quân đoàn Thiết giáp 56. Đó là một cái tên nổi tiếng, nhưng giờ chỉ còn cái tiếng. Quân đoàn 56 đã nhiều lần tan tành, rồi lại được xây dựng lại. Giờ, nó lại đang trong quá trình tái tổ chức một lần nữa. Những gì còn lại của quân đoàn xưa kia là các sĩ quan chủ chốt. Nhưng dù vậy, quân đoàn này có một tài sản quý giá – một vị tư lệnh tài ba, giàu kinh nghiệm, là Trung tướng Karl Weidling, một người ăn nói bộc trực, thường được bạn bè gọi là “Karl đánh thép”.

Busse đã đưa các lực lượng hỗn tạp tới cao nguyên Seelow cho Weidling

chỉ huy. Hiện tại Weidling có ba sư đoàn: Sư đoàn Dù 9 bất kham và thiếu độ tin cậy của Goering, Sư đoàn Đặc nhiệm Thiết giáp 20 đã bị hành hạ tới tởm và Sư đoàn Müncheberg không đủ lực lượng. Hai cánh có hai quân đoàn hỗ trợ – Quân đoàn 101 phía bên trái, còn bên phải là Quân đoàn SS 11 – Quân đoàn 56 của Weidling đang đối mặt với mũi tấn công chính của quân Nga vào Berlin. Dù Weidling chỉ mới đến đây mấy ngày trước đó, và đang phải chiến đấu tại một địa hình xa lạ với những cánh quân yếu ớt, thiếu kinh nghiệm, nhưng vị lão tướng 60 tuổi này vẫn đẩy lùi được mọi cuộc tấn công.

Nhưng ông đang rất cần được bổ sung quân, và đến sáng nay, ngày 16/4, họ vẫn chưa tới. Các vấn đề của Weidling chỉ mới bắt đầu. Đến cuối tuần, ông sẽ phải đương đầu với các cuộc khủng hoảng còn ghê gớm hơn những gì ông từng chạm trán ngoài chiến trường. Không lâu sau đó, Karl đánh thép bị cả Busse và Hitler tuyên án tử hình – và rồi, vận mệnh đảo chiều, ông lại trở thành người chỉ huy phòng thủ Berlin trong những giờ phút cuối cùng của nước Đức.

Ở mặt trận phía tây, tướng Walther Wenck, tư lệnh Tập đoàn quân 12 đang vừa vui sướng vừa rối rắm. Việc các đội quân trẻ tuổi và thiếu kinh nghiệm của ông có thể thành công đẩy lui quân địch và dẹp tan đầu cầu phía nam Magdeburg của chúng là một thành tựu mà Wenck không dám mơ. Tuy nhiên, đầu cầu ở Barby lại là chuyện khác. Lính của Wenck đã dùng đủ mọi cách để phá hủy các cây cầu ở Barby, từ thả mìn xuống nước đến dùng người nhái. Số máy bay chiến đấu cuối cùng còn lại ở đây cũng đã thực hiện một cuộc thả bom; nhưng cũng thất bại. Giờ đầu cầu này đã được kiến thiết ổn thỏa, quân lính và xe thiết giáp của Mỹ bắt đầu ủa qua sông trong 48 giờ qua. Đó là cái khiến Wenck rối rắm, dù quân Mỹ đang củng cố vị trí bên bờ đông sông Elbe, nhưng bọn họ lại không có vẻ gì là sẽ tiến về Berlin. Wenck không tài nào hiểu nổi.

Cuộc tấn công khủng khiếp của quân Mỹ từ ngày 12 đến 15/4 khiến Wenck tin chắc rằng mình sẽ phải đánh một trận đẫm máu ở miền Tây. Nhưng giờ quân Mỹ lại tỏ ra muốn tạm dừng. Wenck nói với Đại tá Reichhelm, tham mưu trưởng của ông, “Thành thực mà nói, tôi rất ngạc

nhiên. Có thể bọn chúng đã cạn đồ tiếp tế và cần tái tổ chức.”

Dù là lý do gì, Wenck rất mừng trước sự trì hoãn này. Quân của ông đang rải rác khắp nơi, nhiều chỗ còn đang sắp xếp lại. Ông cần tranh thủ thời gian để định hình và củng cố cho đội quân của mình, bằng bất cứ chiếc xe thiết giáp nào gì ông có thể giao cho họ. Vài chiếc xe tăng và súng tự động đã được đưa tới, nhưng Wenck không hi vọng gì sẽ có thêm nữa. Ông cũng không ảo tưởng rằng mình sẽ nhận được đầy đủ số sư đoàn từng được hứa hẹn. Wenck nghi là người ta chẳng còn gì để gửi cho mình nữa. Có một điều chắc chắn, đó là: Tập đoàn quân 12, dàn thành một hàng mỏng dọc sông Elbe, phía trước Berlin, không thể nào cầm cự được lâu trước một cuộc tấn công hạng nặng. Ông nói với Reichhelm, “Nếu quân Mỹ phát động tấn công chủ lực, bọn chúng sẽ dễ dàng phá được các vị trí của ta thôi. Sau đó thì lấy gì mà chặn bọn chúng cơ chứ? Giữa nơi đây với Berlin chẳng có khi gì cả.”

Tin tức này là một cú sốc lớn với Carl Wiberg. Ông nghi ngờ nhìn chằm chằm sếp mình là Hennings Jessen-Schmidt, đứng đầu đơn vị OSS tại Berlin. Wiberg hỏi, “Anh chắc không? Anh có chắc chắn không?”.

Jessen-Schmidt gật đầu. Ông nói, “Đó là tin tức tôi mới nhận được, và tôi chẳng có lý do gì để nghi ngờ cả”.

Hai người im lặng nhìn nhau. Mấy tháng nay, họ vẫn tin là lực lượng của Eisenhower sẽ chiếm Berlin. Nhưng cái tin tức khiến Jessen-Schmidt phải băng qua cả thành phố tới căn hộ của Wiberg đã dập tắt mọi hi vọng của họ. Một người đưa tin vừa từ Thụy Điển tới, mang theo thông điệp cực kỳ quan trọng từ London. Nó cảnh báo họ không nên trông chờ quân Anh-Mỹ sẽ tới.

Trong suốt nhiều tháng dài sống cuộc đời thứ hai tại Berlin, Wiberg đã cân nhắc hầu hết mọi khả năng, chỉ trừ điều này. Đến giờ ông cũng chưa tin được. Ít nhất thì tạm thời kế hoạch có thay đổi cũng không ảnh hưởng đến công việc của họ: họ vẫn phải tiếp tục gửi tin đi, và Wiberg vẫn sẽ cung cấp trang bị cho các đặc vụ nếu có lệnh, với vai trò là “thủ kho.”

Nhưng theo như Wiberg được biết, nếu có thì cũng chỉ có rất ít chuyên gia và người phá hoại được huấn luyện mới dùng tới các trang thiết bị được đưa đến đây. Jessen-Schmidt đã chờ một người suốt mấy tuần nay – một kỹ thuật viên radio, để lắp ráp bộ thu và phát sóng vẫn còn đang giấu dưới đồng than trong tầng hầm của Wiberg. Trái tim trĩu nặng, Wiberg không biết liệu sẽ có ai tới không, và liệu bộ thiết bị đó có bao giờ được dùng tới hay không. Chỗ giấu đồ đó quá nguy hiểm. Bọn Đức có thể phát hiện ra. Tệ hơn, quân Nga cũng có thể. Wiberg hi vọng London đã nói cho vị đồng minh phương Đông về nhóm điệp viên bé nhỏ tại Berlin. Nếu không thì thật khó giải thích về cửa tiệm thiết bị quân sự to đùng kia.

Wiberg còn lo âu vì một lý do cá nhân nữa. Sau nhiều năm góa vợ, gần đây ông gặp được một phụ nữ trẻ tên là Inge Müller. Họ định kết hôn khi chiến tranh chấm dứt. Giờ Wiberg không biết nếu quân Nga đến thì Inge có được an toàn không. Ông thấy tương lai cả nhóm thật ảm đạm trước viễn cảnh Berlin sắp biến thành chảo lửa. Ông cố dẹp nỗi sợ hãi qua một bên nhưng chưa bao giờ từng thấy chán nản như thế này. Họ đã bị bỏ rơi.

Thượng tướng Mikhail Katukov, tư lệnh Tập đoàn quân Tăng Vệ binh số 1 dập mạnh chiếc điện thoại đã chiến, rồi xoay người đá cánh cửa văn phòng chỉ huy rầm một cái. Ông vừa nhận một báo cáo từ viên sĩ quan chỉ huy Lữ đoàn Tăng Cận vệ 65 tại mặt trận cao nguyên Seelow. Quân Nga chẳng tiến thêm được chút nào. Tướng Ivan Yushchuk nói với Katukov, “Chúng ta đang đứng sát nút bộ binh rồi. Ta đang bị kẹt!”.

Cơn giận của ông chợt dịu đi, Katukov quay lưng lại cánh cửa, đối diện với ban tham mưu. Hai tay chống hông, ông lắc đầu không tin nổi. Ông nói, “Bọn quỷ Hitler đó! Tôi chưa bao giờ thấy chúng chống cự dữ dội như vậy suốt cuộc chiến này.” Rồi Katukov thông báo là ông định tìm hiểu xem “cái quỷ gì đang níu chân tất cả.” Dù gì thì ông cũng phải chiếm được cao nguyên trong sáng nay, để Zhukov có thể đột phá qua.

Ở phía nam, lực lượng của Nguyên soái Koniev đã đánh tan lực lượng

phòng thủ của Đức trên một mặt trận rộng 18 dặm ở phía tây sông Neisse. Quân của ông đang ừa qua sông. Giờ họ có 20 cây cầu có thể cho xe tăng đi qua (một số có trọng tải lên tới 60 tấn), 21 chỗ có thể để phà và quân lính đi qua, cùng với 17 chiếc cầu hạng nhẹ.

Dùng máy bay chiến đấu Stormovik ném bom mở đường, đoàn xe tăng của Koniev đã vượt qua phòng tuyến của địch hơn 10 dặm, trong vòng không đầy 8 tiếng. Giờ Koniev chỉ còn cách Lübben có 21 dặm, đó cũng là điểm cuối đường ranh giới giữa quân của ông với của Zhukov mà Stalin đã vạch ra. Tại đó, đoàn xe tăng của Koniev sẽ rẽ sang hướng tây bắc và tiến về con đường chính đi qua Zossen, rồi vào Berlin. Trên bản đồ, con đường này mang tên Reichsstrasse 96 – con đường cao tốc mà Thống chế Gerd von Rundstedt từng gọi là “Der Weg zur Ewigkeit” – con đường dẫn đến cõi vĩnh hằng.

Có vẻ như các nhà chức trách chưa sẵn sàng đối mặt với cái sự thật là Berlin đang lâm vào hiểm cảnh. Dù Hồng quân giờ chỉ còn cách đây không tới 32 dặm, nhưng lại chẳng có cảnh báo hay thông báo chính thức nào. Người dân Berlin biết quân Nga đã tấn công. Tiếng pháo nổ văng vẳng là dấu hiệu đầu tiên; giờ lại thêm những người chạy nạn, tin tức cứ thế lan truyền qua điện thoại, qua những lời rỉ tai nhau. Nhưng tin tức chỉ toàn những mẩu chuyện rời rạc và tràn đầy mâu thuẫn, và không có chút thông tin thật nào, mà chỉ toàn phỏng đoán và tin đồn. Người thì nói quân Nga chỉ còn cách không đầy 10 dặm, kẻ lại nghe nói quân Nga đã tới vùng ngoại ô phía đông. Không ai biết chính xác tình hình ra sao, nhưng hầu hết người dân Berlin đều tin là thời gian của thành phố chỉ còn tính bằng ngày, và cơn giã chết của nó đã bắt đầu.

Và ngạc nhiên thay, người ta vẫn làm việc bình thường. Họ lo sợ, và dù ngày càng khó duy trì vẻ ngoài bình thường, nhưng mọi người đều cố gắng làm thế.

Ở mỗi trạm dừng, người đưa sữa Richard Poganowska đều bị tóm lại hỏi

thăm. Có vẻ mấy người khách hàng cho là ông biết được nhiều chuyện hơn người khác.

Ông Poganowska ngày thường luôn vui vẻ giờ chẳng thể trả lời được gì. Ông cũng sợ hãi như bọn họ. Tấm chân dung Hitler vẫn còn treo trong phòng khách ngôi nhà của vị quan chức Nazi làm trong bưu điện, nằm trên đường Kreuznacherstrasse, nhưng nó chẳng thể làm Poganowska yên tâm được nữa.

Ông rất vui khi thấy người bạn nhỏ của mình, Dodo Marquardt, 13 tuổi, đang kiên nhẫn đứng đợi tại một góc phố ở Friedenau. Cô bé thường ngồi xe cùng ông qua một hai dãy phố, điều đó giúp ông giữ vững tinh thần một cách lạ kỳ. Dodo leo lên ngồi cạnh chú chó Poldi và nói cười đủ chuyện. Nhưng sáng nay Poganowska thấy thật khó mà lắng nghe cô bé. Ông uể oải nhìn mấy câu khẩu hiệu mới được sơn lên các bức tường đổ nát trong vùng. Một cái viết, “Berlin vẫn sẽ thuộc về nước Đức.” Mấy cái khác thì: “Chiến thắng hay làm nô lệ,” “Vienna sẽ trở lại với nước Đức,” và “Ai tin vào Hitler thì sẽ tin vào chiến thắng.” Tới chỗ của Dodo, Poganowska nhắc cô bé xuống xe. Cô bé cười nói, “Hẹn mai gặp lại nhé bác đưa sữa.” Poganowska đáp, “Mai gặp, Dodo.” Richard Poganowska trèo lên xe và tự hỏi còn được bao nhiêu ngày mai nữa.

Linh mục Arthur Leckscheidt, đang chủ trì một đám tang trong khu nghĩa trang gần ngôi nhà thờ đổ nát của ông, thì nghĩ những đau khổ đang chờ phía trước không thể nào tệ hơn những thứ hiện giờ. Từ ngày nhà thờ Melanchthon xinh đẹp của ông bị phá hủy, dường như nỗi đau đã trở thành vĩnh cửu. Mấy tuần nay, người chết trong các cuộc không kích đã nhiều tới mức giáo dân của ông chẳng buồn đi đăng ký báo tử nữa. Linh mục Leckscheidt đứng bên rìa một ngôi mộ lớn, trong đó chôn cất 40 nạn nhân của cuộc không kích đêm qua. Khi ông đọc kinh đưa ma, chỉ có vài người có mặt. Khi ông đọc xong, hầu hết đều quay đi, chỉ có một cô gái trẻ còn đứng lại. Cô nói với Leckscheidt là anh trai cô cũng nằm trong số đó. Rồi cô nói, mắt đầm lệ: “Ảnh nằm trong đội SS. Ảnh không phải giáo đồ của nhà thờ.” Cô ngần ngừ, rồi hỏi: “Ngài cầu nguyện cho ảnh được không ạ?” Leckscheidt gật đầu.

Ông nói với cô, dù ông không đồng tình với đảng Nazi và lực lượng SS, nhưng khi họ đã chết, ông “không thể từ chối đọc cho ai những lời của Chúa.” Ông cúi đầu và nói, “Thưa Chúa, xin đừng tránh mặt con... những ngày tháng của con đã trôi qua như một chiếc bóng... cuộc đời con chẳng là gì khi đứng trước người... thời gian của con nằm trong tay người...” Trên một bức tường gần đó, đêm qua có ai đã viết lên nguệch ngoạc mấy từ “Nước Đức thắng lợi.”

Mẹ bề trên Cunegundes mong chờ mọi thứ sẽ chấm dứt. Dù tu viện kiêm bệnh viện phụ sản Haus Dahlem do hội Nữ Tu Dòng Thánh Tâm điều hành chỉ là một nơi hẻo lánh nằm ở Wilmersdorf, nhưng người Mẹ bề trên mập tròn và mạnh mẽ này vẫn luôn bắt kịp dòng chảy thông tin. Câu lạc bộ Báo chí Dahlem nằm trong biệt thự của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Joachim von Ribbentrop, ở ngay trước tu viện, vừa đóng cửa đêm qua.

Bà đã nghe từ mấy người bạn trong báo giới tới nói lời từ biệt, rằng cái kết đã cận kề, và trận đánh giành lấy thành phố sẽ xảy ra trong vài ngày tới. Người Mẹ bề trên kiên cường này hi vọng trận chiến sẽ không kéo dài. Mấy ngày trước, một chiếc máy bay của quân Đồng minh đã đâm sầm xuống vườn cây ăn quả của bà, và nóc tu viện thì bị nổ tung, nguy hiểm đang đến rất gần. Cuộc chiến ngu xuẩn và khủng khiếp này nên kết thúc đi thôi. Trong khi đó, bà phải lo cho hơn 200 người: 107 em bé sơ sinh (trong đó 91 em là con rơi), 32 bà mẹ, và 60 bà xơ và các phụ nữ làm công quả.

Dù việc của mấy phụ nữ này đã làm không xuể, Mẹ bề trên còn giao thêm cho họ cả đồng việc nữa. Với sự trợ giúp của người gác cổng, mấy bà xơ đã sơn các hình tròn lớn màu trắng với chữ thập đỏ bên trên lên các bức tường của tòa nhà, và lên mái nhà lợp giấy dầu nhựa đường của toàn bộ tầng hai (tầng ba đã biến mất theo cái mái cũ). Là một người thực tế, Mẹ bề trên đã bảo các y tá tập sự của mình biến sảnh ăn tối và phòng nghỉ thành các trạm sơ cứu. Sảnh ăn tối của các y tá đã biến thành nhà nguyện, được thắp nến cả ngày lẫn đêm; tầng hầm giờ được ngăn ra thành phòng cho trẻ nhỏ và các phòng nhỏ hơn cho các ca sinh nở. Mẹ bề trên còn cho bịt kín cửa sổ bằng gạch và xi măng, rồi tấn bao cát bên ngoài. Bà đã sẵn sàng cho những gì sắp đến. Nhưng có một điều bà không biết phải đối phó thế nào:

bà đã nghe kể nỗi lo của người cố vấn kiêm giáo sĩ xưng tội của bọn họ, Cha Bernhard Happich, rằng các phụ nữ có thể bị quân chiếm đóng làm nhục. Cha Bernhard Happich đã sắp xếp một buổi nói chuyện với bọn họ về việc này vào ngày 23/4. Giờ đây, trước tin tức mà mấy người bạn phóng viên của bà đem đến, Mẹ bề trên Cunegundes hi vọng họ không phải chờ đợi quá lâu. Bà thấy có lẽ quân Nga sẽ đến đây bất kỳ lúc nào.

Trong khi chờ tin, người ta cố giấu nỗi lo âu trong cái hài hước rầu rĩ. Một lời chào hỏi mới xuất hiện trong thành phố. Những người không quen biết nhau bắt tay và chúc nhau “Bleib übrig” – “Hãy sống sót nhé.” Nhiều người dân Berlin đang giấu cột bài tuyên truyền của Goebbels mười ngày trước. Ông ta nhấn mạnh là vận mệnh nước Đức sẽ xoay chuyển: “Quốc trưởng biết chính xác thời khắc đó. Số mệnh đã đưa con người này đến với chúng ta, để chúng ta có thể chứng thực cho phép màu vào thời điểm khó khăn này.” Giờ đây, những lời đó đang được nhắc lại khắp nơi, thường bắt chước phong cách mê ly của vị Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền một cách nhạo báng. Một câu nói khác cũng đang phổ biến. Người ta nghiêm trang an ủi nhau, “Chúng ta chẳng có gì phải lo lắng. Gröfaz sẽ cứu chúng ta.” Gröfaz là biệt danh người Berlin đặt cho Hitler lâu nay. Nó viết tắt cho “Grösster Feldherr aller Zeiten” – vị tướng vĩ đại nhất mọi thời đại.

Dù thành phố sắp nằm dưới họng súng Nga, phần lớn nhà máy ở Berlin vẫn tiếp tục sản xuất. Pháo và đạn dược đang đổ ra tiền tuyến nhanh hết sức các nhà máy ở Spandau có thể sản xuất được. Thiết bị điện được sản xuất ở nhà máy Siemens ở Siemensstadt; một lượng lớn ổ bi và dụng cụ máy móc được sản xuất trong các nhà máy ở Marienfelde, Weissensee và Erkner; nòng pháo và khung đỡ được chế tạo ở nhà máy Rheinmetall-Borsig ở Tegel; xe tăng, xe tải và súng tự động được sản xuất trên dây chuyền tự động của nhà máy Alkett ở Ruhleben; và khi nào xe tăng được sửa chữa xong xuôi ở nhà máy Krupp und Druckenmüller ở Tempelhof, công nhân sẽ trực tiếp đưa chúng đến chỗ quân đội. Tình hình gấp rút tới mức ban quản lý phải yêu cầu các công nhân nước ngoài xung phong làm tài xế khẩn cấp. Jacques Delaunay, một lao động cưỡng chế người Pháp, đã thắng thưởng từ chối. Một người lái xe tăng trở về nhà máy chiều hôm đó đã nói với

Delaunay, “Anh làm vậy là khôn đó. Anh có biết bọn tôi đưa mấy chiếc tăng này tới đâu không? Ra thẳng ngoài tiền tuyến đấy.”

Không chỉ các nhà máy công nghiệp, mà cả ngành dịch vụ và các dịch vụ công cộng vẫn tiếp tục hoạt động. Ở trạm khí tượng chính ở Potsdam, nhân viên ghi nhận nhiệt độ trung bình buổi trưa là 18,3 độ C, đến đêm giảm còn 4,4 độ C. Trời trong, có mây rải rác, gió tây nam thổi nhẹ, đến chiều tối đổi sang hướng đông nam. Ngày 17 được dự báo sẽ có thay đổi – trời âm u và có thể có dông.

Phần vì thời tiết tốt, nên các đường phố đông nghẹt người. Các bà nội trợ đi mua hàng hóa bán không cần tem phiếu ở mọi nơi có thể, chẳng quan tâm tương lai có những gì. Mọi cửa hàng đều có người xếp hàng dài dằng dặc. Ở Köpenick, Robert và Hanna Schultze mất ba tiếng xếp hàng mua bánh mì. Ai biết được khi nào mới có thể mua thêm chứ? Như hàng ngàn người dân Berlin khác, vợ chồng Schultze cố tìm cách quên đi nỗi lo âu. Ngày hôm đó, bằng hệ thống giao thông công cộng đang hết sức thất thường, họ đổi xe buýt và xe điện 6 lần để tới rạp chiếu phim ở Charlottenburg. Đây là chuyến đi thứ ba trong tuần này của họ. Ở các quận khác, họ đã xem các phim *Ein Mann wie Maximilian* (Một người đàn ông giống Maximilian); *Engel mit dem Saitenspiel* (Thiên thần với cây đàn lia) và *Die Grosse Nummer* (Con số lớn). *Die Grosse Nummer* nói về một rạp xiếc, và Robert cho đó là phim hay nhất tuần.

Tù binh chiến tranh người Pháp Raymond Legathière thấy sở chỉ huy quân sự ở Bendlerstrasse đang loạn tới mức chẳng ai nhớ tới sự hiện diện của anh, và thế là anh thản nhiên nghỉ làm buổi chiều. Những ngày này, mấy người cảnh vệ không còn bận tâm cho lắm. Legathière đã xoay được một tấm vé xem phim ở rạp chiếu phim gần Potsdamer Platz chuyên phục vụ lính Đức. Giờ anh đang thư giãn trong bóng tối xem phim, một bộ phim do Bộ Tuyên truyền của Goebbels đặc biệt tái phát hành. Đó là một bộ phim màu đề tài lịch sử có tựa là *Kolberg*, nói về công cuộc phòng thủ vĩ đại của Graf von Gneisenau ở thành phố Pomeranian trong chiến tranh với Napoleon. Suốt buổi chiếu, Legathière thích thú trước hành vi của mấy người lính xung quanh cũng như trước nội dung bộ phim. Cả hai thứ đều rất

lôi cuốn. Bọn họ nào là cười nói, vỗ tay, rồi thì la hét với người khác, họ gần như bị cuốn vào mạch truyện của một trong những nhân vật quân sự huyền thoại của Đức. Legathière thấy vài người trong số những người lính này đáng lẽ đã có thể có cơ hội trở thành anh hùng.

Tín hiệu bất ngờ xuất hiện. Trong trụ sở của Dàn nhạc giao hưởng, một khu liên hợp gồm nhiều tòa nhà, trong đó có các sảnh hòa nhạc và studio luyện tập của Dàn nhạc giao hưởng Berlin, Tiến sĩ Gerhart von Westermann, giám đốc dàn nhạc nhận được tin nhắn của bộ trưởng Albert Speer: dàn nhạc sẽ biểu diễn buổi hòa nhạc cuối cùng vào tối hôm đó.

Von Westermann vẫn biết rằng tin tức sẽ đến bất ngờ như thế này, chỉ trước buổi hòa nhạc có mấy giờ. Chỉ thị của Speer là tất cả những nhạc sĩ muốn ra đi đều phải đi ngay sau buổi biểu diễn. Họ sẽ tới vùng Kulmbach-Bayreuth, cách Berlin 240 dặm về phía tây nam – Speer đã chuyển phần lớn nhạc cụ quý giá của dàn nhạc tới đó từ trước. Theo ngài bộ trưởng, quân Mỹ sẽ kiểm soát vùng Bayreuth chỉ trong vài giờ nữa.

Chỉ có một rắc rối mà thôi. Khi đưa ra trước toàn bộ dàn nhạc, kế hoạch ban đầu của Speer đã sụp đổ. Thoạt đầu, sợ kế hoạch có thể lọt đến tai Goebbels, Von Westermann chỉ nói cho vài thành viên đáng tin cậy trong dàn nhạc. Ông rất ngạc nhiên khi thấy phần đông đều miễn cưỡng không muốn đi, phần vì gia đình, phần vì các mối ràng buộc về tình cảm hoặc các quan hệ khác với thành phố này. Khi kế hoạch được đưa ra bỏ phiếu, nó đã bị hủy bỏ. Gerhard Taschner, nghệ sĩ violin trẻ tuổi, và là một tay bè trưởng Violon I (Concermaster) của dàn nhạc được yêu cầu đi nói cho Speer biết. Ngài bộ trưởng bình thản đón nhận tin này, nhưng lời đề nghị của ông vẫn để ngỏ: vào đêm cuối, xe hơi và tài xế riêng của Speer sẽ đợi để đưa những người muốn ra đi rời khỏi đây. Taschner cùng với vợ và hai con, cộng thêm con gái của người nhạc sĩ đồng nghiệp Georg Diburtz chắc chắn sẽ đi. Nhưng họ là những người duy nhất. Ngay cả Von Westermann, sau khi xem kết quả bỏ phiếu, cũng thấy mình phải ở lại.

Nhưng nếu có thành viên nào trong dàn nhạc dao động, thì họ sẽ được cho biết đây là cơ hội cuối cùng. Có thể sẽ có người đổi ý và muốn ra đi. Vậy nên, khi chỉ còn ba tiếng nữa là đến buổi biểu diễn tối đó, Von

Westermann duyệt lại chương trình. Khi đó đã quá trễ, dù là để lên lịch tổng duyệt, và các nhạc sĩ không biết gì về kế hoạch sơ tán sẽ ngạc nhiên trước sự thay đổi. Nhưng dù họ biết hay không biết, bản nhạc mà Speer chọn làm tín hiệu đã khiến buổi hòa nhạc cuối cùng có một vẻ u ám và xúc động. Von Westermann cho đặt bản nhạc trước chỗ từng người, trên đó đề tựa Die Götterdämmerung – tuyệt phẩm bi kịch của Wagner về cái chết của các vị thần. Tới giờ thì mọi người dân Berlin đều thấy rõ “Pháo đài Berlin” chỉ là truyện cổ tích; ngay cả người kém hiểu biết nhất cũng thấy thành phố được chuẩn bị đối phó với một cuộc tấn công quá sơ sài. Các con đường chính và đường cao tốc vẫn mở bình thường. Có rất ít pháo hay xe thiết giáp, và ngoài mấy ông già trong Lực lượng Phòng vệ Địa phương, có người mặc đồng phục, người thì chỉ đeo băng tay may trên ống tay áo khoác, còn lại chẳng thấy bóng dáng lính gác nào.

Để đảm bảo, chỗ nào cũng có chốt chặn và rào cản thô sơ. Ở các con đường nhánh, khuôn viên, quanh các cơ quan chính phủ và công viên, chất hàng đồng vật liệu xây công sự. Có mấy cuộn dây thép gai, những khối chướng ngại vật chống tăng bằng thép, xe tải và xe điện cũ chất đầy đá bên trong. Những thứ này sẽ dùng để ngăn chặn các đợt oanh tạc chính khi thành phố bị tấn công. Nhưng liệu chúng có thể chặn được quân Nga không? Người ta đùa rằng: “Hồng quân sẽ phải mất ít nhất 2 tiếng 15 phút mới đột phá được. Bọn chúng sẽ cười đến rụng răng suốt 2 tiếng đồng hồ, rồi lại mất 15 phút để đập tan mấy cái rào cản đó.” Các phòng tuyến – hầm, hào chống tăng, chướng ngại vật và ụ pháo – dường như chỉ có ngoài ngoài ô, và kể cả thế đi nữa, người dân Berlin dễ dàng thấy là chúng còn lâu mới xong.

Hôm đó, một người đàn ông lái xe ra khỏi thành phố và thấy công tác chuẩn bị phòng thủ “quá sức vô ích và buồn cười!” Ông là một chuyên gia về công sự. Tướng Max Pemsel từng là tham mưu trưởng Tập đoàn quân 7, phụ trách phòng thủ ở bãi biển Normandy vào ngày D-Day. Vì không thể ngăn chặn cuộc xâm lăng, Pemsel cùng mấy người nữa bị Hitler lạnh nhạt từ đó tới giờ. Ông bị giao chỉ huy một sư đoàn vô danh ở miền bắc, và cam chịu “chốn tử nạn này.”

Rồi đến ngày 2/4, Pemsel ngạc nhiên nhận được chỉ thị từ tướng Jodl, bảo ông bay về Berlin. Thời tiết xấu làm mấy chuyến bay của ông bị hoãn liên tục, mãi đến 12/4 ông mới tới được thủ đô. Jodl đã khiển trách ông về việc chậm trễ. Ông ta nói, “Pemsel, anh biết không, đáng lý anh sẽ được bổ nhiệm chỉ huy Berlin, nhưng anh lại đến trễ thế này.” Sau này Pemsel nói, khi nghe những lời đó, ông thấy “như có một tảng đá lớn rơi khỏi lồng ngực.”

Giờ thay vì phụ trách Berlin, Pemsel đang trên đường đến mặt trận Italia: Jodl đã bổ nhiệm ông làm tham mưu trưởng cho Tập đoàn quân Italia của nguyên soái Rodolfo Graziani. Pemsel thấy chuyện này cứ như là mơ vậy. Ông thấy thật khó tin được là đoàn quân của Graziani vẫn còn tồn tại; đã vậy, Jodl còn nêu tỉ mỉ các nhiệm vụ của ông như thể họ đang thắng thế và chiến tranh sẽ còn kéo dài. Ông ta cảnh báo với Pemsel, “Công việc của anh sẽ rất khó khăn, vì nó không chỉ cần có kiến thức quân sự xuất sắc, mà phải có kỹ năng ngoại giao nữa.” Dù quan điểm của Jodl thật phi thực tế, Pemsel vẫn rất vui lòng tới Italia. Trên đường đi, ông sẽ đi ngang qua Bavaria, và gặp lại vợ con lần đầu tiên trong hai năm qua. Lúc ông tới được Italia thì có lẽ chiến tranh đã kết thúc rồi.

Khi Pemsel rời khỏi Berlin, ông thấy cả số phận lẫn thời tiết đều thật tốt với ông. Rõ ràng rằng là chẳng thể nào bảo vệ được thành phố này. Chạy ngang qua một mớ thân cây, thanh thép và các khối bê tông hình nón chất lộn xộn, dùng làm chướng ngại vật chống tăng, ông lắc đầu tỏ vẻ không tin tưởng. Chạy thêm một đoạn, chiếc xe vượt qua một ông già trong Lực lượng Phòng vệ Địa phương đang chậm rãi đào hầm. Sau này Pemsel nhớ lại, khi bỏ lại thành phố sau lưng, “Tôi cảm ơn Chúa vì đã cho tôi thoát khỏi ly rượu phạt này.”

Trong văn phòng ở Hohenzollerndamm, sĩ quan chỉ huy của thành phố, tướng Reymann đang đứng trước một tấm bản đồ Berlin lớn treo trên tường, nhìn các phòng tuyến đánh dấu trên đó và tự hỏi, “nhân danh Chúa, mình phải làm gì đây.” Ba ngày qua Reymann gần như thức trắng và ông thấy mệt rũ người. Từ sáng tới giờ, ông đã nhận vô số cuộc điện thoại, tham dự vài cuộc họp, đến kiểm tra các phòng tuyến ngoài vành đai và đưa ra

hàng loạt mệnh lệnh. Cá nhân ông tin là hầu hết công việc khó mà hoàn thành trước khi quân Nga vào thành phố.

Hồi đầu ngày, Goebbels, Tỉnh trưởng Berlin kiêm phụ trách phòng thủ tự chỉ định vừa tổ chức buổi họp hàng tuần như thường lệ của “hội đồng chiến tranh” của ông ta. Reymann thấy mấy buổi họp này thật quá sức lố bịch vào lúc này. Đến chiều, ông kể lại cuộc họp mới nhất cho tham mưu trưởng của mình là Đại tá Refior nghe. “Ông ta nói với tôi mấy chuyện cũ mèm. Ông ta nói, ‘Nếu trận đánh ở Berlin diễn ra ngay bây giờ, thì anh sẽ được quyền sử dụng mọi loại xe tăng và pháo, thêm vài nghìn súng máy hạng nặng và hạng nhẹ, cộng với mấy trăm khẩu súng cối, cùng lượng đạn tương ứng.’” Reymann ngừng lại. Ông nói với Refior, “Theo Goebbels, chúng ta sẽ có được mọi thứ ta cần – nếu Berlin bị bao vây.”

Rồi Goebbels đột ngột chuyển chủ đề. Ông ta hỏi, “Một khi trận đánh bắt đầu, anh định đặt sở chỉ huy ở đâu?” Về phần mình, Goebbels định vào Zoo Bunker. Ông ta đề nghị Reymann cũng nên ở trong đó chỉ huy. Reymann biết ngay vị tỉnh trưởng này đang nghĩ gì trong đầu; Goebbels định nắm Reymann và việc phòng thủ ở Berlin trong tay mình. Khéo léo hết mức có thể, Reymann gạt lời đề nghị đó qua một bên. Ông nói, “Tôi muốn tránh điều đó, vì cả hai bên chính trị lẫn quân sự đều có thể tiêu tủng một lúc chỉ vì một đòn bất ngờ.” Goebbels bỏ qua đề tài này, nhưng Reymann nhận thấy ông ta lạnh nhạt hẳn đi. Goebbels biết rõ là tòa tháp Zoo Bunker không thể nào bị phá hủy, dù có hàng loạt bom hạng nặng dội lên.

Reymann biết ngay bộ trưởng sẽ ghim việc lời mời của mình bị từ chối. Nhưng vào lúc này, khi đối mặt với cái trọng trách gần như vô vọng là chuẩn bị công tác phòng thủ của thành phố, thì Goebbels là người cuối cùng Reymann muốn ở gần bên. Ông không quan tâm đến các tuyên bố chính thức hay hứa hẹn của viên tỉnh trưởng. Chỉ mới mấy ngày trước, khi bàn về cung ứng, Goebbels còn nói lực lượng phòng vệ ở Berlin sẽ được cấp “ít nhất một trăm chiếc tăng.” Reymann đã hỏi xin danh sách các đồ cung ứng như đã hứa. Cuối cùng, khi ông nhận được thông tin thì một trăm chiếc tăng biến thành “25 chiếc đã hoàn thành, 75 chiếc đang lắp ráp.” Dù có bao nhiêu đi nữa, Reymann biết mình sẽ không thấy được một mảnh nào trong

số đó. Máy thứ vũ khí quan trọng như vậy sẽ được ưu tiên cho mặt trận Oder.

Theo quan điểm của Reymann, chỉ có một thành viên trong nội các là thật sự hiểu được cái gì đang chờ đợi Berlin. Người đó là bộ trưởng Albert Speer, dù ông ta cũng có điểm mù quá. Ngay khi sau buổi họp hội đồng chiến tranh của ngài tỉnh trưởng, Reymann được lệnh trình diện với Speer. Tại tòa nhà từng là Đại sứ quán Pháp nằm ở Pariser Platz, giờ là văn phòng của bộ trưởng Bộ Khí tài và Vũ trang của Hitler, ngài bộ trưởng bình thường vốn hòa nhã đang nổi trận lôi đình. Chỉ thẳng vào con đường chính trên bản đồ thành phố, Speer muốn biết Reymann “định làm gì với Đại lộ Đông-Tây.” Reymann ngạc nhiên nhìn ông ta. Ông trả lời, “Tôi sẽ xây một đường băng giữa Cổng Brandenburg và Tượng đài Chiến thắng. Sao vậy?”

Speer nổi điên. “Sao vậy à? Sao vậy? Anh sắp phá bỏ mấy trụ đèn của tôi, là thế đấy! Và anh không được làm thế!”

Reymann cứ tưởng Speer đã biết về kế hoạch này. Trong các trận chiến ở Breslau và Königsberg, quân Nga đã chiếm các sân bay ở ngoại ô của hai thành phố trong tích tắc. Để ngăn ngừa tình huống tương tự ở Berlin, đã có quyết định xây một đường băng ngay giữa quận trung tâm hành chính, dọc theo Đại lộ Đông-Tây, đi ngang qua công viên Tiergarten. Sau này Reymann kể, “Vì lý do đó, chúng tôi đã thỏa thuận với Không quân, đường băng được chọn ở giữa Cổng Brandenburg và Tượng đài Chiến thắng. Thế có nghĩa là các trụ đèn trang trí bằng đồng phải bị dỡ bỏ, và phải chặt hết cây trong vòng 30 mét hai bên đường băng. Khi tôi đề cập đến kế hoạch này với Hitler, ông ta nói là có thể dỡ bỏ trụ đèn nhưng không được chặt cây. Tôi đã cố hết sức thuyết phục ông ta đổi ý, nhưng Hitler không chịu nghe. Dù tôi đã giải thích là nếu không chặt cây thì chỉ có máy bay cỡ nhỏ mới cất cánh và hạ cánh được, ông ta vẫn không chịu đổi ý. Tôi không biết lý do của ông ta là gì, nhưng có chặt thêm mấy cái cây cũng chả ảnh hưởng gì đến mỹ quan thành phố vào những ngày này. Và giờ đến lượt Speer phản đối dỡ bỏ mấy cái trụ đèn.

Reymann giải thích tình hình cho Speer nghe, và kết luận rằng mình đã được Quốc trưởng cho phép dỡ bỏ trụ đèn. Nhưng ngài bộ trưởng không

bận tâm. Ông ta khẳng định, “Anh không được dờ dẫm cái trụ đèn đó. Tôi phản đối.” Rồi Speer nói thêm, “Có vẻ anh không biết tôi là người chịu trách nhiệm tái thiết Berlin nhỉ.”

Reymann cố thuyết phục Speer đổi ý trong vô vọng. Ông tranh luận, “Chúng ta phải mở đường băng ở đây, đó là vấn đề sống còn, đặc biệt là trong tình huống này.” Nhưng vị bộ trưởng không muốn nghe gì nữa. Theo như Reymann nhớ lại, thì “cuộc nói chuyện chấm dứt, Speer tỏ ý sẽ đưa toàn bộ chuyện này đến chỗ Quốc trưởng. Đồng thời, mấy cái trụ đèn của ông ta phải được giữ nguyên, và việc thi công đường băng phải đình lại – dù quân Nga đang tiến thẳng tới chỗ chúng tôi.”

Trước khi kết thúc cuộc gặp mặt, Speer đề cập đến các cây cầu ở Berlin. Ông ta lại tiếp tục tranh luận với Reymann, như ở sở chỉ huy của Heinrich hôm trước, rằng việc phá cầu là vô ích, vì nhiều cây cầu còn đi kèm các mạng lưới điện, nước, gas chính và “nếu các đường huyết mạch này bị hư hại thì sẽ làm tê liệt nhiều vùng trong thành phố và khiến công tác tái thiết của tôi càng khó khăn thêm.” Reymann có thể thấy được sức ảnh hưởng lớn lao của Speer với Hitler: ông vừa nhận được mệnh lệnh trực tiếp từ Dinh Thủ tướng, xóa bỏ một số cây cầu khỏi danh sách cần phá hủy. Bây giờ, Speer lại khẳng định phải giữ nguyên toàn bộ. Reymann cũng cứng đầu không kém Speer. Trừ khi có lệnh ngược lại của Hitler, không thì Reymann vẫn sẽ thi hành chỉ thị và cho nổ các cây cầu còn lại. Ông cũng chẳng thích thú gì việc này, nhưng ông không muốn đánh đổi mạng sống và sự nghiệp chỉ để cứu mấy cây cầu.

Rời khỏi văn phòng của Speer, Reymann ghé thăm một khu vực phòng thủ ở ngoại ô Berlin trong chốc lát. Mỗi lần đi kiểm tra thế này chỉ càng khiến Reymann thêm tin rằng công tác phòng thủ của Berlin chỉ là ảo tưởng. Trong những năm tháng thắng lợi vẻ vang, Đảng Nazi chưa bao giờ nghĩ tới chuyện có ngày thủ đô lại trở thành nơi chống cự cuối cùng. Bọn họ xây công sự ở khắp những chỗ khác – Phòng tuyến Gustav ở Italy, Bức tường Đại Tây Dương dọc bờ biển châu Âu, Phòng tuyến Siegfried ở biên giới phía tây nước Đức – nhưng quanh Berlin thì không có nổi một cái hầm. Kể cả khi hàng hàng lớp lớp quân Nga vượt qua Đông Âu và xâm lấn Tổ

quốc của họ, Hitler và các cố vấn quân sự của ông ta cũng không làm gì để gia cố cho thành phố.

Chỉ đến khi Hồng quân tới được sông Oder hồi đầu năm 1945 thì người Đức mới bắt đầu gia cố cho hàng rào phòng thủ tại Berlin. Vài con hào và chướng ngại vật chống tăng chậm chậm xuất hiện ở vùng ngoại ô phía đông thành phố. Thế rồi, lạ lùng thay, khi Hồng quân dừng bước bên dòng sông đóng băng để chờ đợt tuyết tan mùa xuân, thì công cuộc chuẩn bị phòng vệ ở thủ đô cũng ngừng theo. Tới tận tháng ba thì công tác phòng thủ ở Berlin mới được quan tâm trở lại – và khi đó thì đã quá trễ. Chẳng còn lính lác, đồ cung ứng hay trang thiết bị để xây dựng các công sự cần thiết nữa.

Trong vòng hai tháng làm việc điên cuồng đầy mệt mỏi, một loạt phòng tuyến tạm thời mọc lên. Có lúc, vào cuối tháng hai, một “vành đai chướng ngại vật” đã được dựng lên vọi vàng bao quanh Berlin, nhưng không kín hoàn toàn, cách thủ đô chừng 20 đến 30 dặm. Phòng tuyến này chạy qua các khu rừng và đầm lầy, dọc theo các hồ nước, sông ngòi và kênh rạch, chủ yếu ở phía bắc, phía đông và phía nam thành phố. Trước khi Reymann nắm quyền chỉ huy, các mệnh lệnh đưa ra đều tuyên bố đây chính là “vùng cứ điểm.” Để đáp ứng chứng cuồng pháo đài của Hitler, binh lính trong Lực lượng Phòng vệ Địa phương được lệnh phải trấn giữ tại đó và chiến đấu đến tận người lính cuối cùng. Để biến những chỗ này thành một vùng phòng thủ vững chắc, cần tới một lượng lớn binh lính, vũ khí và vật liệu, vì vành đai chướng ngại vật bao lấy một vùng gần 150 dặm quanh Berlin.

Reymann đã nhanh chóng phát hiện ra, trừ mấy chỗ được quân đội trực tiếp giám sát, còn lại thì mấy cái được gọi là cứ điểm thường chỉ có vài con hào trên các đường phố chính, vài ụ pháo rải rác, hoặc là mấy căn nhà bê tông được gia cố vọi vàng thành lô cốt, lấy gạch bịt kín cửa sổ, chừa vài khe hở đặt súng máy. Mấy vị trí mong manh này, nhiều chỗ còn không có người, lại được đánh dấu là các trọng điểm phòng thủ trên bản đồ của Dinh Thủ tướng.

Phòng tuyến chính nằm ngay giữa lòng thành phố. Ba vòng tròn đồng tâm bao lấy lực lượng phòng ngự bên trong. Vòng ngoài cùng có chu vi 60 dặm, chạy quanh vùng ngoại ô. Vì không có các công sự đúng nghĩa, thứ gì

cũng được dùng để lập rào cản: xe goòng và toa tàu cũ, những ngôi nhà đổ nát, các bức tường bê tông lớn, boong-ke không kích cùng với sự đóng góp của thiên nhiên, chính là sông hồ ở Berlin. Người ta đang làm việc ngày đêm để kết nối các thứ tự nhiên và nhân tạo kia thành một phòng tuyến và rào cản chống tăng liên tục. Công việc chủ yếu được làm bằng tay, không có thiết bị máy móc nào. Đa số máy ủi đất hạng nặng đã được đưa đến miền đông để phục vụ cho các công sự ở mặt trận Oder từ lâu. Việc sử dụng các cỗ máy ít ỏi còn lại bị cấm vì thiếu nhiên liệu – từng lít xăng có được đều đã chuyển tới các sư đoàn thiết giáp.

Có khoảng 100.000 lao động làm việc tại các vành đai công sự. Thực tế, số lao động chưa bao giờ dưới 30.000 người. Thậm chí, cả dụng cụ cầm tay cũng thiếu; các lời kêu gọi trên báo cần ủng hộ cuộc xẻng chẳng thu được kết quả mấy. Theo Đại tá Refior, “có vẻ người làm vườn ở Berlin coi việc đào khoai tây quan trọng hơn đào hố bẫy xe tăng.” Với Reymann, giờ mọi chuyện đều vô ích. Không thể nào làm kịp vành đai ngoài. Đó là một công việc vô vọng và không thể nào hoàn thành được.

Vành đai thứ hai, hay vành đai giữa có thể coi là một chương ngại vật khó nhằn, nếu có quân lính dạn dày kinh nghiệm và đầy đủ vũ khí. Nó có chu vi chừng 25 dặm và các rào chắn đều đã dựng lên đầy đủ. Hệ thống đường sắt của Berlin biến thành một cái bẫy chết người. Ở một số chỗ, đường ray bị tháo đi, hoặc kéo qua một bên, có khi rộng tới một hai trăm mét, tạo thành những con hào chống tăng hoàn hảo. Trong các căn nhà đã được gia cố trông ra đường ray, xạ thủ có thể nhắm bắn những chiếc tăng bị kẹt trong rãnh. Ở các chỗ khác, phòng tuyến chạy dọc theo đường sắt trên cao (S-Bahn), giúp quân phòng thủ có được những thành lũy đắp cao vững chắc.

Dù các phòng tuyến này bị chọc thủng, thì vẫn còn vành đai thứ ba, giữa trung tâm thành phố. Vùng cuối cùng này được gọi là Pháo đài, nằm giữa kênh Landwehr và sông Spree ở quận Mitte. Gần như mọi tòa nhà chủ chốt của chính phủ đều nằm trong này. Lực lượng phòng thủ cuối cùng sẽ trấn thủ tại đây, trong những tòa nhà kiến trúc đồ sộ, được nối liên tục với nhau bằng các rào cản và tường chắn bê tông, chẳng hạn trong tòa nhà rộng thênh

thang của Bộ Hàng không của Goering (Reich-slufftfahrtministerium), trong các sở chỉ huy quân sự bề thế ở phố Bendler, và trong cái vỏ rỗng không của Tòa nhà Quốc hội và Dinh Thủ tướng.

Từ Pháo đài, xuyên qua cả ba vành đai phòng thủ, tỏa ra thành 8 khu vực hình rẻ quạt, mỗi quân khu có một tư lệnh riêng. Bắt đầu từ quận Weissensee ở phía đông, các quân khu được đặt tên từ A đến H theo chiều kim đồng hồ. Vành đai trong cùng được đặt là Z. Có 6 tòa tháp phòng không chống bom kiên cố yểm hộ cho các vành đai, nằm rải rác quanh thành phố – ở Humboldthain, Friedrichshain, và ở Sở thú Berlin.

Nhưng Pháo đài Berlin vẫn còn thiếu nhiều liên kết thiết yếu. Cái quan trọng nhất là nhân lực. Reymann tin là dù có trong điều kiện lý tưởng cũng cần khoảng 200.000 quân đã qua huấn luyện bài bản và có kinh nghiệm chiến đấu để bảo vệ thành phố. Nhưng thay vào đó, ông chỉ có một đám quân tạp nham để trấn thủ trên diện tích 321 dặm vuông của Berlin, từ những cậu choai choai 15 tuổi trong Đoàn Thanh niên Hitler cho tới mấy ông lão đã ngoài bảy mươi. Ông còn có lực lượng cảnh sát, các đơn vị kỹ sư và các đội pháo phòng không, nhưng lực lượng bộ binh duy nhất của ông thì chỉ có 60.000 quân Phòng vệ Địa phương chưa qua huấn luyện. Mấy ông già Volkssturm ấy đang uể oải đào hầm hoặc chậm chạp di chuyển vào vị trí trên các con đường dẫn vào Berlin, đến các trọng điểm phòng thủ của thành phố. Lực lượng Volkssturm giống như âm binh của quân đội vậy. Dù trên lý thuyết thì họ sẽ chiến đấu cùng quân chính quy vào lúc khẩn cấp, nhưng họ lại không được coi là một phần của quân đội. Cũng như Đoàn Thanh niên Hitler, họ thuộc trách nhiệm của quan chức địa phương trong đảng Na-zi; thậm chí sau khi trận chiến bắt đầu Reymann mới nắm quyền chỉ huy bọn họ. Cả trang thiết bị của lực lượng Volkssturm cũng thuộc trách nhiệm của đảng Nazi. Lực lượng Phòng vệ Địa phương không có xe cộ, bếp dã chiến hay phương tiện liên lạc riêng.

Tóm lại, một phần ba số quân của Reymann không có vũ khí. Phần còn lại thì có thể xem là có. Reymann nhớ lại, “vũ khí của bọn họ đến từ các nước từng là đồng minh hoặc kẻ thù của Đức. Ngoài nguồn cung cấp của chính chúng tôi, còn có súng từ các nước Italia, Nga, Pháp, Tiệp Khắc, Bỉ,

Hà Lan, Na Uy và Anh.” Có không dưới 15 loại súng trường và 10 loại súng máy khác nhau. Tìm đạn được cho mớ súng ống hổ lốn này là một chuyện gần như vô vọng. Các tiểu đoàn được trang bị súng Italia là may hơn cả: bọn họ được cấp tối đa 20 viên đạn 1 người. Người ta cũng phát hiện ra là súng của Bỉ dùng được một số loại đạn nhất định của Tiệp, nhưng đạn của Bỉ lại vô dụng đối với súng trường Tiệp. Còn có vài món vũ khí Hy Lạp, nhưng không biết sao lại có hàng đồng đạn Hy Lạp. Đạn được thiếu hụt trầm trọng tới mức người ta đã tìm ra cách cải biên đạn Hy Lạp để đem dùng cho súng Italia. Nhưng có ứng biến linh hoạt thế nào đi chăng nữa cũng chẳng xoa dịu được tình hình chung. Vào ngày quân Nga mở màn cuộc tấn công, trung bình mỗi người lính Phòng vệ Địa phương chỉ được phát 5 viên đạn cho một khẩu súng trường.

Giờ đây, khi tuần tra các vị trí dọc theo vùng ngoại ô phía đông, Reymann thấy quân Nga chắc chắn sẽ vượt qua nơi này dễ như bỡn. Còn thiếu quá nhiều thứ thiết yếu. Họ gần như không còn mìn, nên cũng không có các bãi mìn, vốn rất quan trọng với một điểm phòng thủ. Một trong những công cụ phòng thủ cổ xưa và hiệu quả nhất là dây thép gai cũng không thể nào tìm được. Pháo binh của Reymann chỉ có vài khẩu pháo phòng không cơ động, mấy chiếc tăng cổ thủ ở một lối vào nhất định, và những khẩu pháo khổng lồ của các tòa tháp phòng không. Dù có uy lực khủng khiếp, nhưng mấy khẩu pháo góc cao này lại không hữu ích mấy. Vì được đặt cố định, nên chúng không thể ngả xuống đất để bắn bộ binh và xe tăng tấn công ở cự ly gần.

Reymann biết tình hình của mình đang rất vô vọng. Ông cũng bị quan tương tự về tình hình ở các nơi khác. Ông không tin là mặt trận Oder có thể cầm cự được, cũng không mong các đội quân rút lui về thành phố có thể giúp được gì. Đại tá Refior đã bàn bạc với các sĩ quan ở sở chỉ huy của tướng Busse về khả năng được hỗ trợ. Ông nhận được một câu trả lời phũ phàng từ tham mưu trưởng của Busse, Đại tá Artur Hölz. “Đừng mong đợi gì ở chúng tôi. Tập đoàn quân 9 đã, đang và sẽ túc trực ở mặt trận Oder. Chúng tôi có thể gục ngã tại đây, nhưng tuyệt đối không lui binh.”

Reymann cứ mãi nghĩ đến cuộc trò chuyện với một vị quan chức

Volkssturm ở quân khu nọ. Reymann hỏi, “Anh sẽ làm gì nếu phát hiện có xe tăng Nga ở đằng xa? Anh sẽ báo cho bọn tôi biết bằng cách nào? Giả dụ xe tăng tiến về phía này đi. Cho tôi biết khi đó anh sẽ làm gì.”

Ông tròn mắt nhìn người đó quay ngoắt lại và chạy vào ngôi làng đằng sau. Một phút sau ông ta quay lại, thở hỗn hển và tỏ vẻ chán nản. Ông ta ngại ngần giải thích, “Tôi không gọi điện được. Tôi quên mất tiêu là bưu điện đóng cửa từ 1 giờ tới 2 giờ chiều.”

Khi quay lại thành phố, Reymann nhìn chăm chăm vô định ra ngoài cửa sổ xe. Ông cảm thấy một đám mây đen u ám đang tụ lại, và Berlin có thể sẽ biến mất mãi mãi trong bóng tối đó.

Phòng tuyến đang rạn vỡ từ từ, nhưng không thể tránh khỏi trước sức ép khủng khiếp của địch. Heinrici đã ở ngoài tiền tuyến cả ngày, đi từ sở chỉ huy này qua sở chỉ huy khác, đến thị sát các cứ điểm ngoài mặt trận, nói chuyện với các tư lệnh. Ông ngạc nhiên khi thấy lính của Busse đã chống cự rất tốt dù chênh lệch cực lớn về quân số. Ban đầu, Tập đoàn quân 9 đã cầm cự được 3 ngày trước các cuộc tấn công mở đầu dữ dội; giờ bọn họ lại gánh chịu cuộc tấn công chủ lực của quân Nga. Quân của Busse đã phản công ác liệt. Nội trên cao nguyên Seelow không thôi, họ đã hạ hơn 150 xe tăng và bắn rơi 132 máy bay. Nhưng họ đang suy yếu dần.

Khi ngồi xe quay về sở chỉ huy của mình trong màn đêm dần buông, Heinrici thấy mình đang phải đi chậm lại vì dân sơ tán quá đông. Hôm nay, chỗ nào ông cũng thấy bọn họ – có người mang tay nải, kẻ thì kéo xe tay, trên đó chất những của nả cuối cùng, người khác lại ngồi xe bò hay xe ngựa. Ở nhiều nơi, số dân chạy nạn đông đúc này là một vấn đề đau đầu không kém quân Nga.

Trong văn phòng của ông, các sĩ quan tham mưu lo lắng tập trung lại để nghe viên tướng phát biểu về ấn tượng sơ bộ của ông về tình hình trước mắt. Heinrici nghiêm trọng tổng kết lại những gì ông quan sát được. Ông nói : “Họ không thể cầm cự được bao lâu nữa. Bọn họ mệt sắp đứt hơi rồi. Dù vậy, ta vẫn đang gắng chống đỡ. Đó là thứ Schörner không làm được. Vị quân nhân vĩ đại đó không thể cầm chân Koniev nổi một ngày.”

Một lát sau, Đại tướng Hans Krebs, Chỉ huy trưởng OKH gọi tới. Ông ta

nói với Heinrici hết sức trơn tru, “Chúng ta có lý do để thấy hài lòng.” Heinrici thừa nhận điều này. Ông ta nói: “Xét tới quy mô của cuộc tấn công, thì chúng ta vẫn chưa đánh mất nhiều đất cho lắm.” Krebs có vẻ mong nhận được phản hồi tích cực, và chính ông ta cũng lạc quan như thế, nhưng Heinrici lại không làm theo. Ông lạnh lùng nói với Krebs: “Tôi được học rằng không bao giờ ca ngợi một ngày nào chừng nào hoàng hôn còn chưa tới.”

Trong màn đêm, binh nhì Willy Feldheim nắm khẩu Panzerfauste chặt hơn. Cậu không biết mình đang ở đâu, nhưng cậu có nghe nói dây hồ cá nhân này kéo dài qua ba con đường trong vùng Klosterdorf, cách mặt trận chừng 18 dặm.

Trước đó không lâu, trong lúc chờ xe tăng Nga đến, Willy có cảm giác như đang thực hiện một chuyến phiêu lưu. Cậu nghĩ nếu mình thấy chiếc tăng đầu tiên xuất hiện và khai hỏa khẩu súng chống tăng này lần đầu thì sẽ ra sao. Ba trung đội đóng ở ngã tư được lệnh để xe tăng tiến gần hết mức có thể mới được bắn. Chỉ thị nói khoảng cách chừng 55 mét là vừa tầm.

Núp trong hồ cá nhân ẩm ướt, Willy nhớ lại những ngày mình còn là một cậu lính kèn. Cậu đặc biệt nhớ rõ một ngày nắng đẹp hồi năm 1943, Hitler phát biểu tại sân vận động Olympic và Willy nằm trong đội thổi kèn âm ỉ khi Quốc trưởng đi vào. Cậu không bao giờ quên lời nhà lãnh tụ nói với các đoàn viên trong Đoàn Thanh niên Hitler đứng đó: “Các bạn là người bảo đảm cho tương lai...” Và đám đông hô vang “Quốc trưởng muôn năm! Quốc trưởng muôn năm!” Đó là ngày đáng nhớ nhất đời Willy. Chiều hôm ấy, cậu không còn nghi ngờ gì là Đế chế Đức có đội quân thiện chiến nhất, vũ khí mạnh mẽ nhất, tướng lĩnh tài ba nhất, và hơn hết là nhà lãnh tụ vĩ đại nhất thế giới. Giấc mộng của cậu biến mất trong ánh chớp đột ngột rạch lên bầu trời đêm. Willy nhìn chăm chú về phía mặt trận và lại nghe thấy tiếng pháo nổ trầm trầm mà nhất thời cậu vừa quên đi, và cậu thấy lạnh. Bụng cậu bắt đầu đau và cậu thấy muốn khóc. Cậu bé Willy Feldheim 15 tuổi cảm thấy sợ hãi khủng khiếp, và tất cả những mục đích cao quý cùng những từ ngữ làm sục sôi lòng người giờ chẳng giúp gì được cho cậu.

Tiếng gõ trống vắng vắng gần như không nghe ra. Tiếng kèn tuba nhẹ

nhàng đáp lại. Tiếng trống mơ hồ lại vang lên lần nữa. Kèn tuba đáp lại trầm trầm, như báo trước một điềm gở. Rồi tiếng dàn bass vang lên, và tuyệt phẩm *Die Götterdämmerung* (Hoàng hôn của các vị thần) của Dàn nhạc giao hưởng Berlin mở màn. Bầu không khí của Sảnh đường Beethoven chìm trong bóng tối cũng tràn ngập vẻ bi kịch như chính âm nhạc vậy. Nguồn sáng duy nhất là các ngọn đèn đặt bên chỗ các thành viên trong dàn nhạc. Sảnh đường khá lạnh, ai nấy đều mặc áo khoác. Tiến sĩ Von Westermann ngồi trong lô với vợ và em trai ông. Gần đó là em gái của nhạc trưởng Robert Heger cùng với ba người bạn. Và bộ trưởng Albert Speer vẫn ngồi ở vị trí quen thuộc của ông.

Ngay sau khi đàn xong bản Violin Concerto của Beethoven, Taschner và gia đình, cùng con gái của Georg Diburtz đã rời khỏi sảnh đường. Họ đang trên đường đến một nơi an toàn – nhưng họ là những người duy nhất. Speer đã giữ lời. Xe của ông ta đang chờ ngoài kia. Ông ta còn để viên sĩ quan quản trị của mình đi cùng cả nhóm an toàn tới nơi. Giờ, nhà kiến trúc của bộ máy công nghiệp chiến tranh khủng khiếp của Hitler đang lắng nghe điệu nhạc dữ dội kể về hành vi tàn ác của các vị thần, về cảnh hỏa thiêu Siegfried trong đám tang của chàng, về nàng Brünnhilde cưỡi ngựa chạy tới giàn thiêu để cùng chết với chàng. Rồi với tiếng Cymbal inh ỏi và tiếng trống rền vang, dàn nhạc chơi đến cao trào: trận hỏa thiêu hàng loạt đã hủy diệt Valhalla. Khi giai điệu u buồn và tráng lệ lan tỏa trong thánh phòng, thánh giả cảm nhận được một nỗi buồn thương sâu sắc đến mức không rơi lệ nổi.^[56]

2

Đế chế Đức hùng mạnh xưa kia giờ hầu như chẳng còn sót lại gì. Bị tấn công từ cả hai phía, nhìn trên bản đồ, trông nó giống chiếc đồng hồ cát: biển Bắc và biển Baltic là phần trên, còn xứ Bavaria, một phần Tiệp Khắc, Áo và bắc Italy mà Đức đang chiếm đóng tạo thành phần dưới. Ở giữa là phần eo hẹp chừng 90 dặm, chia cắt quân Mỹ và quân Nga. Chiến sự ở miền bắc vẫn còn khá khốc liệt, còn ở miền nam thì có nhẹ nhàng hơn đôi chút. Ở trung tâm, Tập đoàn quân 9 của tướng William Simpson đang đóng bên sông Elbe, càn quét các ổ chống cự mà trước đó họ đã đi vòng qua trong cuộc chạy đua tới bờ sông, và lâu lâu đánh lui các cuộc phản công sắc bén nhằm vào đầu cầu của họ. Tập đoàn quân 9 gặp phải một chỗ khó nhằn: Magdeburg. Hết lần này tới lần khác, viên tư lệnh ở đó không chịu đầu hàng. Chịu hết nổi, Simpson gọi máy bay ném bom đến và san phẳng hơn một phần ba thành phố. Rồi ông đưa quân vào. Chiều ngày 17, khi các đơn vị của Sư đoàn Bộ binh 30 và Sư đoàn Thiết giáp 2 bắt đầu tấn công, Đại tướng Bradley đến sở chỉ huy của Simpson. Chợt điện thoại reng. Simpson nhấc máy, nghe một lúc rồi lấy tay che ống nghe và quay sang nói với Bradley, “Có lẽ ta chiếm được cây cầu ở Magdeburg rồi. Giờ làm gì đây Brad?”

Bradley biết tỏng ngay Simpson muốn mình nói gì: Cây cầu Autobahn là tuyến đường ngắn nhất, nhanh nhất dẫn tới Berlin. Nhưng ông lắc đầu. Ông đáp, “Hồi chuông của địa ngục. Chúng ta không cần thêm một đầu cầu nào ở sông Elbe nữa hết. Tôi đoán nếu anh chiếm được cái này, anh sẽ đưa một tiểu đoàn sang đó. Nhưng hãy hi vọng là mấy anh bạn kia sẽ cho nổ nó trước khi anh sa vào.”

Chỉ thị từ SHAEF của Bradley rất rõ ràng; ông sẽ không để Simpson có hi vọng gì về việc tiến lên. Mệnh lệnh viết: “Thực hiện các hành động cần

thiết để tránh các hành vi tấn công, bao gồm việc lập các đầu cầu mới bên bờ đông sông Elbe-Mulde...” Quân của Simpson sẽ là một mối đe dọa với Berlin, nhưng chỉ thế mà thôi.

Mấy phút sau, cú điện thoại thứ hai đã giải quyết vấn đề. Khi cúp máy, Simpson nói với Bradley: “Khỏi phải lo nữa. Bọn khốn Đức vừa cho nổ cầu.”

Cây cầu bị nổ đã chấm dứt giấc mộng của Simpson “Simp Lớn,” vốn muốn dẫn Tập đoàn quân 9 hùng mạnh của mình đến Berlin, thành phố mà ngài Tư lệnh Tối cao từng gọi là “phần thưởng chính.”

Ở các thôn nhỏ phía bắc Boizenburg bên sông Elbe, các chủ hộ giật mình trước tiếng còi báo động xa xa. Âm thanh kì lạ lớn dần, và một đội hình kỳ dị xuất hiện. Hai người thối kèn túi Scotland bước trên đường, thối kèn te te. Đằng sau bọn họ là những tù binh chiến tranh của Chuẩn úy “Dixie” Deans, mười hai nghìn người, bước thành hàng dưới sự canh gác của một tốp lính Đức. Đồng phục của mấy người tù rách tả tơi. Mấy món của nả ít ỏi của họ treo lủng lẳng trên lưng. Họ ốm o tiều tụy, vừa đói vừa lạnh, nhưng vẫn ngẩng cao đầu. Anh chàng Deans kiên quyết muốn thế. Anh nói với mọi người, “Khi đi qua các thôn làng, phải thật bảnh vào, dù có đau đớn thế nào, và cho mấy siêu nhân đấm máu đó thấy ai mới là kẻ thắng trận.”

Xe riêng của Dixie là một chiếc xe đạp cổ lỗ sĩ, sẵn sàng tan tành bất cứ lúc nào. Lốp trước có một miếng vá to căng phồng. Nhưng dù đường rất xấu, Dixie vẫn mừng là còn có xe đi. Anh đạp xe từ hàng này sang hàng khác, coi chừng người của mình và các lính gác người Đức đi bên cạnh mỗi hàng. Mọi con đường đều đông nghịt tù binh. Mỗi hàng có gần hai nghìn người, và dù Deans quyết cố gắng kiểm soát toàn khu vực, nhưng đó là một công việc mệt mỏi. Sau gần mười ngày đi không có mục tiêu rõ ràng, tình trạng mọi người đang rất tồi tệ. Trong đoàn có vài chiếc xe tải chở đồ cung ứng, nhưng đa phần họ phải sống nhờ vào vùng nông thôn. Viên sĩ quan chỉ

huy người Đức, Đại tá Ostmann có vẻ hoang mang trước cuộc hành quân ngoằn ngoèo và sự thiếu hụt lương thực, nhưng ông ta nói với Deans rằng, “Tôi chẳng thể làm được gì cả.” Dixie tin ông ta. Deans nói với người đồng bạn trong Không lực Hoàng gia, Chuẩn úy Ronald Mogg, “Tôi cho là ông ta không biết chúng ta phải đi tới cái chỗ quỷ quái nào nữa.”

Những người tù đã lang thang như dân du mục từ hồi rời khỏi Fallingbostel. Giờ họ đang tiến về thị trấn Gresse, nghe nói ở đó có những chiếc xe tải chở lương thực của Hội Chữ thập Đỏ đang chờ họ. Deans hi vọng họ sẽ dừng chân tại đó và không đi đâu nữa. Anh nói với Ostmann là cuộc hành quân này hoàn toàn vô ích, vì quân Anh sắp đến đây. Anh hi vọng mình đoán đúng. Từ những gì lượm lặt được qua hai chiếc radio bí mật quý báu mang theo từ trại giam, tin tức của quân Đồng minh có vẻ tốt lành. Mogg, chuyên gia tốc ký, đã viết lại tin tức của đài BBC hai lần một ngày. Khi nào có chỗ cắm điện, họ dùng chiếc radio trong cái máy hát cũ; còn trong chuyến đi thì dùng chiếc radio chạy pin. Một người lính gác kiêm phiên dịch của Ostmann, Hạ sĩ “Charlie” Gumbach thấy Trung sĩ John Bristow thật ngu ngốc khi vác theo chiếc máy hát cổ lỗ nặng nề trên lưng. Anh chàng người Đức hỏi, “Sao anh không vứt quách đi cho rồi?” Bristow nghiêm túc nói, “Tôi luôn dính với nó như keo, Charlie à. Dù gì thì mấy thằng cha cũng sẽ không tha cho tôi nếu mỗi buổi tối không có nhạc nhẽo gì hết.” Bristow nhìn anh người Đức vẻ nghi ngờ. Anh hỏi, “Bộ anh không thích khiêu vũ à, Charlie?” Gumbach nhún vai bất lực; mấy thằng Anh này điên hết rồi.

Khi hàng ngũ của Deans đặt chân lên con đường dẫn vào một ngôi làng mới, hai người thổi kèn giơ cao cây kèn, và những con người kiệt quệ trong hàng bước thẳng lưng ra. Ron Mogg khéo léo bước cạnh chiếc xe đạp của Deans và nói, “Ít ra, chúng ta đang gây ấn tượng cho dân địa phương.”

Ở mặt trận phía đông, quân của Chuikov và Katukov cuối cùng cũng chiếm được một chỗ trên cao nguyên Seelow nhờ áp đảo về quân số. Sau

này tướng Popiel nhớ lại, gần tới nửa đêm ngày 16, “chiếm được ba căn nhà đầu tiên ở vùng ngoại ô phía bắc của thị trấn Seelow... Đó là một chiến dịch gian khổ.”

Suốt cả đêm ngày 16/4, các cuộc tấn công của Hồng quân bị hỏa lực từ các khẩu pháo phòng không đập tan hết lần này tới lần khác. Popiel nói, “Bọn Đức thậm chí còn không thềm ngấm. Chúng cứ thế bắn bừa.” Chuikov tới được Seelow vào trưa ngày 17. Thấy địch chống cự quá dữ dội, ông bi quan nghĩ sẽ phải mất “một ngày để chọc thủng các phòng tuyến chắn giữa sông Oder và Berlin.” Đến đêm ngày 17, bọn họ mới chiếm được cao nguyên. Họ đã phải mất hơn 48 tiếng mới đột phá được hai phòng tuyến đầu tiên. Người Nga tin là còn ít nhất ba phòng tuyến như thế chắn trước Berlin.

Popiel chật vật đi tới sở chỉ huy của Katukov, cách cao nguyên Seelow một quãng, ông thấy trận chiến đã làm chỗ này rồi tung. Binh sĩ và xe tăng chỗ nào cũng có, bọn họ đứng chật cứng khắp hang cùng ngõ hẻm, phố xá vườn tược. Đức vẫn đang nã pháo. Trong lúc nỗ lực chiếm cao nguyên, quân của Zhukov trở nên lộn xộn vô tổ chức; và giờ cần phải tập trung lại rồi mới hành quân tiếp được. Zhukov nổi giận, và biết rõ tốc độ hiện tại của Koniev, bèn ra lệnh phải dốc toàn lực.

Trong trận chiến, xe tăng Liên Xô đã tìm ra một cách giải quyết tuyệt diệu để đối phó với tên lửa chống tăng hạng nặng từ mấy khẩu Panzerfäuste. Tướng Yushchuk ngạc nhiên thấy mấy người lính xe tăng vơ vét mọi cuộn lò xo nệm tìm được trong các ngôi nhà dân Đức. Họ gắn mấy vòng dây xoắn này ra đằng trước xe tăng, để làm giảm tác động của các quả tên lửa đầu tù. Có lò xo nệm đằng trước, giờ xe tăng Liên Xô sẵn sàng dẫn đầu cuộc tấn công vào thành phố.

Ở gần Cottbus, trong một tòa lâu đài thời Trung cổ nhìn xuống dòng Spree, Nguyên soái Koniev đang chờ nối điện thoại tới Moscow. Đầu đây, một khẩu đại bác địch vẫn còn đơn độc bắn. Lắng nghe tiếng pháo nổ đều đặn có hệ thống, Koniev nghĩ, đây quả là cách bắn điển hình của pháo binh Đức. Ông tự hỏi không biết bọn chúng đang bắn cái gì – có lẽ là tòa lâu đài, hoặc là ăng-ten của trạm radio của ông. Dù mục tiêu là gì thì hỏa lực cũng

không cản được những chiếc xe tăng của ông vượt qua sông Spree từ trưa nay. Tối giờ bọn họ đã cách đó hàng dặm, vượt qua đám quân địch đang tan rã và tiến tới Lübben, gần chỗ đường ranh giới giữa quân của ông với của Zhukov dừng lại. Với Koniev, đã đến lúc gọi cho Stalin và xin phép để đội xe tăng của ông chuyển sang hướng bắc, tiến về Berlin.

Koniev có đủ lý do để cao hứng. Đội xe tăng của ông hành quân với tốc độ nhanh không ngờ, dù nhiều nơi chiến sự vẫn còn khốc liệt và có thương vong nặng nề. Trước đó, vào sáng nay, ngày 17/4, khi ngồi xe tới mặt trận để quan sát cảnh vượt sông Spree, lần đầu tiên Koniev nhận ra trận chiến này khủng khiếp tới nhường nào. Xe ông phải chạy qua những khu rừng đang âm ỉ cháy, những cánh đồng lỗ chỗ hố bom. Ông kể, “Ở đó có hàng đồng xe tăng bỏ không và cháy đen, trang thiết bị chìm trong sông suối, đầm lầy, cả mớ kim loại méo mó, và xác chết nằm la liệt khắp nơi – những gì còn sót lại của các đội quân chúng tôi đã chạm trán, giao tranh và vượt qua trên mảnh đất này.”

Koniev nghĩ muốn vượt sông Spree sẽ khó khăn ghê gớm lắm, vì dòng sông này có chỗ rộng tới 55 mét. Lúc ông đến được sở chỉ huy của Tập đoàn quân Tăng Cận vệ của tướng Rybalko, đã có mấy chiếc tăng được phà chở qua sông, nhưng vận chuyển bằng phà thực sự quá chậm. Phải nhanh chóng vượt qua sông Spree.

Koniev và Rybalko vội vàng đi tới một chỗ mà quân trinh sát báo về là có vẻ khá cạn. Dù khúc sông chỗ này rộng gần 45 mét, nhưng sau khi kiểm tra địa hình, Koniev quyết định liều, để một chiếc tăng lội qua thử xem sao. Rybalko chọn chiếc tốt nhất trong biệt đội tiên phong của mình và nói cho họ biết phải làm gì. Chiếc tăng lội xuống nước. Dưới làn đạn từ bờ tây, nó bắt đầu chậm chạp qua sông. Nước ngập quá bánh xích – nhưng không ngập sâu hơn. Ở chỗ này, dòng sông chỉ sâu chừng hơn 1 mét. Những chiếc tăng của Rybalko lần lượt lăn bánh xuống nước. Phòng tuyến sông Spree của Đức đã tan vỡ. Quân của Koniev ào ào vượt sông và tiến hết tốc độ về phía trước.

Giờ đây, trong lâu đài Cottbus, cú điện thoại của ngài nguyên soái gọi tới Moscow đã được nối thông. Một sĩ quan phụ tá đưa ống nghe cho Koniev.

Khi nói chuyện, ông đổi tông sang phong cách quân sự trịnh trọng mà Stalin vẫn luôn yêu cầu. Ông nói, “Tôi là Tư lệnh của Phương diện quân Ukraine số I.” Stalin đáp, “Đồng chí Stalin đây. Nói tiếp đi.”

Koniev báo cáo, “Tình hình chiến lược của tôi như sau. Quân thiết giáp của tôi giờ còn cách bắc Finsterwalde chừng 23 km, bộ binh thì đang bên bờ sông Spree.” Ông ngừng lại. “Tôi đề nghị để quân thiết giáp của tôi được chuyển ngay sang hướng bắc.”

Ông cẩn thận tránh nhắc tới Berlin.

Stalin nói, “Zhukov đang gặp khó. Ông ấy vẫn còn đang kẹt ở phòng tuyến cao nguyên Seelow. Quân địch ở đó kháng cự rất quyết liệt và dữ dội.” Ông ta ngừng một chút. Rồi Stalin nói, “Giờ mặt trận chỗ anh trống rỗng, sao không để quân thiết giáp của Zhukov tới Berlin từ đó? Như thế có được không?”

Koniev vội nói, “Đồng chí Stalin, như thế sẽ mất nhiều thời gian và rất lộn xộn. Không cần phải đưa quân thiết giáp từ Phương diện quân Belorussia số I tới đây. Chúng tôi đang hành quân rất ổn.” Ông quyết đánh liều. “Tôi có đủ quân và đang ở vị trí hoàn hảo để cho quân thiết giáp của tôi chuyển hướng tới Berlin.”

Koniev giải thích rằng ông có thể đưa quân tới thành phố qua ngã Zossen, cách Berlin 25 dặm về phía nam. Stalin chợt hỏi, “Bản đồ anh đang dùng có tỷ lệ xích bao nhiêu?” Koniev trả lời, “Một trên hai trăm nghìn.” Stalin dùng một chặp để quy đổi sang bản đồ của mình. Rồi ông ta nói, “Anh có biết Zossen là đại bản doanh của Bộ chỉ huy Tối cao của Đức không?” Koniev nói có. Lại yên lặng một hồi. Cuối cùng Stalin nói, “Rất tốt. Tôi đồng ý. Để xe tăng của anh đổi hướng tới Berlin đi.” Ngài Tổng tư lệnh nói thêm rằng ông sẽ đưa ra ranh giới quân sự mới, rồi ông ta đột ngột cúp máy. Koniev cũng gác máy, hết sức thỏa mãn.

Zhukov nghe tin Koniev sẽ tấn công Berlin từ chính miệng Stalin nói – và với ông, đó rõ ràng không phải một cuộc chuyện trò vui vẻ. Không ai biết hai người đã nói gì, nhưng ban tham mưu trong sở chỉ huy có thể thấy được ảnh hưởng của nó với viên tư lệnh. Theo Trung tướng Pavel Troyanoskii, phóng viên cao cấp của tờ báo quân sự Sao Đỏ nhớ lại thì:

“Cuộc tấn công bị chặn bước và Stalin khiển trách Zhukov. Tình huống khá nghiêm trọng, và một lời khiển trách từ Stalin thường sẽ không có từ ngữ nhẹ nhàng.” Troyanoskii có thể dễ dàng thấy được “Zhukov, một người có ý chí thép hiện rõ trên gương mặt và không thích chia sẻ vinh quang với bất kỳ ai, trở nên bưng bưng khí thế.” Tướng Popiel mô tả trạng thái tinh thần của Zhukov súc tích hơn. Ông nói với những người khác trong ban tham mưu, “Trong tay chúng ta đang có một con sư tử.” Con sư tử này không muốn để lộ móng vuốt. Chiều hôm đó, Zhukov dữ tợn nói với toàn thể Phương diện quân Belorussia số I : “Giờ chiếm Berlin thôi!”

Hiện tại, các phòng tuyến của Đức bắt đầu hỗn loạn. Chỗ nào cũng thiếu thốn đủ thứ. Nhất là về mặt vận tải, gần như không còn xăng nữa, đường xá thì chật ních dân chạy nạn, thành ra không thể hành quân quy mô lớn. Chuyện này đã dẫn đến các hậu quả thảm khốc: khi các đơn vị chuyển đổi vị trí, họ buộc phải bỏ lại trang thiết bị của mình, kể cả những khẩu pháo quý giá. Mạng lưới liên lạc cũng bị trì trệ, có chỗ mất hẳn. Hậu quả là, khi mệnh lệnh tới được điểm đến của nó thì thường đã lạc hậu – thậm chí là lạc hậu ngay từ khi được đưa ra.

Tình trạng hỗn loạn càng tồi tệ thêm khi các sĩ quan ra mặt trận để đảm nhận một đơn vị nào đó và phát hiện ở đó chẳng có ai, vì đội quân đó đã bị bắt hoặc bị tiêu diệt từ đời nào. Có nơi, những người lính không có kinh nghiệm, lại không có người chỉ huy, như rắn mất đầu, không biết chính xác là mình đang ở đâu hay ở cạnh quân mình là đội quân nào. Kể cả ở những đơn vị kỳ cựu, thì sở chỉ huy cũng thường xuyên phải di chuyển tới mức lính của họ không biết sở chỉ huy nằm ở đâu và làm sao để mà liên lạc.

Các đơn vị liên tục bị mắc bẫy, bị bắt, hoặc dễ dàng bị vượt qua và bị tàn sát. Những đơn vị khác thì mất hết nhuệ khí, họ tan vỡ và bỏ chạy. Cụm Tập đoàn quân Vistula chỉ có hai chỗ còn nguyên vẹn. Vùng phía bắc do Tập đoàn quân Thiết giáp 3 của tướng Hasso von Manteuffel trấn giữ, không bị ảnh hưởng gì bởi cuộc công kích khủng khiếp của Zhukov – nhưng Von Manteuffel đoán Phương diện quân Belorussia số II của Nguyên soái Konstantin Rokossovskii có thể tấn công bất cứ lúc nào. Xa hơn về phía nam, một phần của Tập đoàn quân 9 của tướng Busse cũng đang cầm

cự. Nhưng bọn họ bắt đầu bị ảnh hưởng bởi tình trạng tan rã chung: cánh trái của họ dần vỡ nát trước cơn bão xe tăng của Zhukov; cánh phải bị mũi tiến công dũng mãnh về phía nam Berlin của Koniev bao vây một nửa. Thực sự thì, Cụm Tập đoàn quân Vistula đang vỡ tan từng mảnh một, trong hỗn loạn, hoang mang và chết chóc – đúng như Heinrici đã biết trước.

Cũng như Heinrici, Von Manteuffel chưa bao giờ đánh giá thấp quân Nga; ông cũng từng nhiều lần giao đấu với bọn họ. Giờ ông đang ngồi trong chiếc máy bay trinh sát Storch quan sát quân địch từ phía trên sông Oder. Quân của Rokossovskii chẳng buồn che giấu công tác chuẩn bị cho cuộc tấn công sắp tới. Các đơn vị pháo binh và bộ binh đang vào vị trí. Von Manteuffel lấy làm lạ trước cái tính tự phụ của quân Nga. Nhiều ngày nay, khi ông bay qua bay lại bên trên trận tuyến của bọn họ, bọn họ còn không thèm nhìn lên.

Von Manteuffel biết mình khó lòng cầm cự được lâu khi cuộc tấn công ập tới. Ông là một vị tướng thiết giáp nhưng lại chẳng có xe thiết giáp. Để chặn mũi tiến công của Zhukov ở quân khu của Tập đoàn quân 9, tướng Heinrici đã rút mất mấy sư đoàn thiết giáp ít ỏi còn lại của Von Manteuffel. Số này thuộc Quân đoàn SS 3, đóng ở rìa phía nam khu vực của ông, trong khu rừng Eberswalde.

Tướng SS Felix Steiner, được Lục quân xem là một trong những vị tướng SS tài ba nhất, báo cáo lại là dù không còn xe tăng nhưng ông vừa được tăng viện. Ông nghiêm túc báo cáo với Von Manteuffel: “Tôi vừa mới nhận được 5.000 tên phi công thuộc Không quân, thằng cha nào cũng có một cái huân chương Chữ thập Sắt be bé đeo quanh cổ. Anh nói xem, tôi phải làm gì với bọn nó đây?”

Von Manteuffel nói với ban tham mưu của ông, “Tôi chắc chắn là trên bản đồ của Hitler có một lá cờ nhỏ đề tên SƯ ĐOÀN THIẾT GIÁP 7, dù ở đây nó chẳng có lấy một chiếc tăng, xe tải, pháo hay thậm chí một khẩu súng máy cũng không. Chúng ta là một đội quân ma.”

Giờ ngồi trên máy bay nhìn xuống công tác chuẩn bị của quân Nga, Von Manteuffel đoán cuộc tấn công chủ lực của bọn họ sẽ rơi vào khoảng ngày 20. Ông biết rõ mình phải làm gì. Ông sẽ cầm cự càng lâu càng tốt, rồi định

để mấy người lính “tay sát tay, vai kề vai từng bước rút lui về phía Tây.” Von Manteuffel không muốn để ai rơi vào tay quân Nga, dù chỉ một người.

Tình hình của Tập đoàn quân 9 đang bên bờ vực thẳm, nhưng các tư lệnh vẫn không nghĩ đến chuyện rút quân. Với tướng Theodor Busse, trừ khi có lệnh, còn không thì rút quân đồng nghĩa với tội phản quốc – và Hitler đã có lệnh chống chọi tới cùng. Những chiếc tăng của Zhukov đang càn quét như vũ bão sau khi vượt qua được cao nguyên Seelow, xé toạc một lỗ hổng lớn ở sườn phía nam của Tập đoàn quân 9, và giờ Phương diện quân Belorussia số I đang phóng tới Berlin với tốc độ chóng mặt. Vì phương tiện liên lạc gần như chẳng có, Busse không cách nào đánh giá được quy mô của cuộc đột phá này. Ông còn không biết mấy cuộc phản công có khép lại được lỗ hổng trong phòng tuyến của mình nữa hay không. Thông tin chính xác nhất mà ông có được là đội xe tăng của Zhukov chỉ còn cách ngoại ô Berlin có 25 dặm. Đáng báo động hơn là mũi tiến công đáng gờm của Koniev dọc theo sườn phía nam của Tập đoàn quân 9. Phương diện quân Ukraine số I giờ đang ở dưới Lübben, đang xếp hình vòng cung ngay sau Tập đoàn quân 9 và tiến về phía bắc tới thành phố. Busse tự hỏi, liệu Tập đoàn quân 9 có bị đánh tan như cụm tập đoàn quân của Model ở vùng Ruhr hay không? Model may mắn ở một chỗ: ông ta bị quân Mỹ bao vây.^[57]

Tình hình của Trung tướng Karl Weidling còn khó chịu hơn, Quân đoàn Thiết giáp 56 của ông đã gánh toàn bộ lực công kích trong cuộc đột phá của Zhukov trên cao nguyên Seelow. Quân đoàn của ông đã cầm chân Zhukov được 48 tiếng, gây ra vô số thương vong. Nhưng tướng Weidling mỗi mắt chờ các sư đoàn tăng viện được hứa hẹn trước đó – Sư đoàn SS Norland và Sư đoàn Đặc nhiệm Thiết giáp 18 hùng mạnh, khí giới đầy đủ – lại chẳng thấy bóng dáng đâu, không thì họ đã phản công và có khi chặn được đội xe tăng của Zhukov.

Chỉ có một người của Sư đoàn SS Norland trình diện – là viên tư lệnh, Thiếu tướng SS Jürgen Ziegler. Ông ta tới sở chỉ huy của Weidling ở phía bắc Müncheberg bằng xe hơi, Ziegler bình tĩnh thông báo rằng sư đoàn của ông còn cách khá xa; vì đã hết nhiên liệu. Weidling điên tiết. Mọi sư đoàn

thiết giáp đều cần quân dự bị cho những tình huống khẩn cấp như thế này. Nhưng Ziegler vốn không thích chiến đấu dưới quyền các sĩ quan quân đội, rõ ràng ông ta cho là sư đoàn của mình không cần gấp gáp tới đây. Giờ đây, phí mất 24 giờ đồng hồ quý báu để tiếp nhiên liệu, vậy mà Ziegler vẫn chưa vào vị trí. Sư đoàn Đặc nhiệm Thiết giáp 18 đáng lý phải tới chỗ Weidling hôm trước, tức ngày 17, thì chỉ vừa mới tới. Cuộc phản công mà đoàn quân này đáng ra sẽ thực hiện sẽ không thể diễn ra: sư đoàn này chỉ tới kịp giờ rút quân.

Weidling có vẻ khá ngoan cường trước vận xui. Khi đội ngũ xe tăng hùng hậu của Zhukov tràn xuống từ cao nguyên, đơn vị bị nặng nhất chính là đội quân mà Heinrichs vẫn luôn bận tâm nhiều nhất: Sư đoàn Dù 9 của Goering. Vốn đã mất tinh thần từ lúc mới tham gia vào trận chiến trên cao nguyên, mấy anh lính dù của Goering hoảng sợ và rã đám khi xe tăng và pháo Nga bắn vào phòng tuyến của bọn họ. Đại tá Hans Oscar Wöhlermann, tư lệnh pháo binh mới của Weidling, đến đây vào ngày quân Nga mở màn cuộc tấn công qua sông Oder, đã chứng kiến sự tháo chạy tán loạn sau đó. Ông nói, chỗ nào cũng thấy lính lác “chạy đi như điên.” Ngay kể cả khi ông rút súng lục ra, mấy gã lính dù điên cuồng đó vẫn không dừng lại. Wöhlermann thấy viên tư lệnh của sư đoàn “cay đắng đứng một mình và hết sức đau lòng trước sự tháo chạy của người của mình, cố níu kéo lại những gì có thể.” Dần dần, cuộc đào tẩu liều lĩnh bị dừng lại, nhưng theo lời kể của Wöhlermann, đội quân dù được ca tụng hết lời của Goering “vẫn là một mối đe dọa đối với tiến trình của toàn bộ trận chiến.” Còn về phần Heinrichs, khi hay tin ông liền gọi cho Goering đang ở Karinhall. Ông chưa chát nói, ”Tôi có chuyện muốn nói với anh. Đám quân thắng lợi của anh, đám lính dù danh tiếng đó, ở, bọn nó chạy mất tiêu hết rồi.”

Dù Weidling cố hết sức ngăn chặn quân thiết giáp Nga tấn công, nhưng mặt trận của Quân đoàn 56 cũng không thể giữ được. Tham mưu trưởng của Weidling là Trung tá Theodor von Dufving thấy rằng quân Nga “bắt đầu ép chúng ta lui lại bằng cách dàn quân hình móng ngựa – đánh từ cả hai bên và liên tục bao vây.” Quân đoàn 56 còn phải chịu không kích khốc liệt: Von Dufving đã phải xuống hầm ẩn nấp 30 lần chỉ trong 4 giờ đồng hồ. Chiến

thuật gọng kềm của Liên Xô đã buộc Weidling phải di dời hai sở chỉ huy từ hời trưa. Hậu quả là, ông đã mất liên lạc với sở chỉ huy của tướng Busse.

Đến lúc hoàng hôn, Weidling đang ở trong một căn hầm thấp nền nằm ở Waldsieversdorf, phía tây bắc Müncheberg. Ở đó ông tiếp một vị khách: Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Joachim von Ribbentrop, đang run rẩy và sợ hãi. Wöhlermann nhớ lại, “Ông ta cứ nhìn bọn tôi đầy vẻ mong đợi với ánh mắt buồn rầu và lo âu.”

Khi nghe được sự thật về tình hình của Quân đoàn 56, “ông ta bị chấn động ghê gớm.” Ngài bộ trưởng ngần ngừ hỏi mấy câu bằng cái giọng khàn khàn, nhẹ nhẹ, rồi chỉ một lát sau ông ta đi. Wöhlermann và những người khác trong ban tham mưu vẫn mong Von Ribbentrop “sẽ nói với bọn tôi là phe ta đã bắt đầu đàm phán với quân Anh và quân Mỹ. Điều đó sẽ giúp bọn tôi có thêm hi vọng trong giờ phút cuối cùng.”

Nhưng ông ta chẳng nói gì.

Sau khi ngài Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quay gót thì có một người khác tới là Artur Axmann, nhà lãnh đạo 32 tuổi bị cụt một tay của Đoàn Thanh niên Hitler. Anh ta đem tới một tin tức mà anh ta tin chắc sẽ làm Weidling hài lòng. Axmann thông báo rằng những đoàn viên trẻ tuổi của Đoàn Thanh niên Hitler đã sẵn sàng chiến đấu và giờ đang đóng ở mấy con đường phía sau Quân đoàn 56. Phản ứng của Weidling trước cái tin này lại không giống như Axmann mong đợi. Theo Wöhlermann nhớ lại, Weidling giận tới mức độ không nói nên lời. Rồi “bằng giọng điệu cực kỳ thô lỗ,” ông kịch liệt phê phán kế hoạch của Axmann. Ông giận dữ nói với viên bí thư của Đoàn Thanh niên, “Cậu không thể hy sinh bọn nhỏ trong khi ta đã thua tới nơi. Tôi sẽ không dùng tới bọn nó và tôi yêu cầu hủy bỏ mệnh lệnh đưa bọn nó ra chiến trường.” Anh chàng Axmann béo lùn vội nói với Weidling rằng sẽ hủy lệnh ngay.

Nhưng nếu như chỉ thị đó có được đưa ra, thì nó cũng chưa từng tới được chỗ hàng trăm cậu bé trong Đoàn Thanh niên Hitler đang đóng ở các lối vào thành phố. Bọn chúng vẫn giữ nguyên vị trí. Trong 48 giờ tới, chúng sẽ bị các đợt tấn công của Nga đè bẹp. Willy Feldheim cùng 130 cậu bé trong trung đội của cậu bị sa lầy; cả đám hỗn loạn chạy trốn rồi cuối cùng

dừng lại và cố giữ một phòng tuyến chỉ có vài con hào và một boong-ke bảo vệ. Sau rốt, Willy vì quá kiệt quệ do sợ hãi, đã nằm ngủ thẳng cẳng trên một băng ghế trong lúc giao tranh tạm lắng.

Mấy tiếng sau, cậu tỉnh giấc và có cảm giác kỳ lạ là có gì đó không ổn. Có tiếng ai đó nói, “Không biết tình hình sao rồi? Yên ắng quá đi mất.”

Các cậu bé ủa ra khỏi boong-ke – và thấy “một cảnh tượng điên cuồng không thể tin được, cứ như ở trong một bức tranh cổ vẽ các trận chiến của Napoleon.” Ánh nắng rực rỡ, và xác người la liệt khắp nơi. Chẳng có thứ gì còn đứng vững được. Nhà cửa đổ nát hết. Những chiếc xe hơi hỏng hóc bị bỏ lại, vài chiếc còn đang bốc cháy ngùn ngụt. Cơn sốc tột nhất là những xác chết. Bọn họ nằm chất đống, “thành một hoạt cảnh kỳ dị, súng trường và súng Panzerfäuste của họ chất ngay bên cạnh. Thật là điên rồ. Và rồi bọn tôi nhận ra mình hoàn toàn đơn độc.”

Bọn chúng đã ngủ suốt đợt tấn công.

Ở Berlin, tình hình căng thẳng qua từng giờ. Các đội quân ít ỏi của tướng Reymann đóng ở các vành đai phía ngoài đã được cảnh báo là tín hiệu “Clausewitz,” mật hiệu báo thành phố bị tấn công, có thể tới bất cứ lúc nào. Nhiều biện pháp khẩn cấp được thực hiện, giúp cho mọi người dân Berlin biết khoảnh khắc của sự thật đã đến. Trong số đó, rào chắn trên các đường phố lớn đã bắt đầu đóng lại.

Đến cả Goebbels cũng không thể lờ đi mối đe dọa này được nữa. Một loạt tin tức và khẩu hiệu kích động tuôn ra từ Bộ Tuyên truyền. Tờ báo chính thức của Đảng Nazi là Völkischer Beobachter thông báo rằng quân Liên Xô đã vượt sông Oder, và nói: “Một thử thách mới và vô cùng nặng nề, có lẽ là nặng nề nhất từ trước tới giờ, đang ở phía trước chúng ta.” Tờ báo tiếp tục, “Hôm nay, từng tấc đất mà quân thù giành lấy, từng chiếc xe tăng Liên Xô mà một người lính đặc nhiệm, một người lính Volkssturm, hay một đoàn viên Hitler tiêu diệt được đều có ý nghĩa hơn hẳn những lúc khác trong cuộc chiến này. Lời dành cho hôm nay là: Cẩn chặt răng lại! Hãy chiến đấu như những con ác quỷ! Đừng dễ dàng từ bỏ một tấc đất nào! Giờ phút quyết định này đòi hỏi nỗ lực tột bậc lần cuối!”

Người dân Berlin được cảnh báo là quân Nga đã quyết định xong số

phận của cư dân trong thành phố. Goebbels cảnh báo, ai không bị giết ngoài rào chắn, thì sẽ “bị lưu đầy làm nô lệ lao dịch.”

Chiều ngày 18, tướng Reymann được lệnh từ Dinh Thủ tướng, sau đó lại được Goebbels gọi tới xác nhận, nói rằng “Tập đoàn quân 9 yêu cầu mọi lực lượng có thể có, kể cả Volkssturm, để giữ phòng tuyến thứ hai.”

Nói cách khác, số quân bảo vệ vòng ngoài thành phố sẽ bị tước đi. Reymann choáng váng mặt mày. Mười tiểu đoàn Volkssturm vội vã tập trung, cùng với một trung đoàn gồm các đơn vị lính phòng không của trung đoàn vệ binh “Nước Đức vĩ đại.” Sau mấy tiếng đồng hồ tìm kiếm và trưng dụng, bọn họ tập hợp được một lô xe cộ hồ lớn rồi hành quân về phía đông. Đứng nhìn họ rời đi, Reymann quay qua người cấp phó của Goebbels. Ông giận dữ nói, “Đi nói với Goebbels là không thể nào bảo vệ thủ đô được nữa. Cư dân ở đây không có thứ gì phòng bị cả.”

Carl Wiberg không lộ cảm xúc gì trên mặt, nhưng ông nhận thấy tay mình đang run rẩy. Sau nhiều tháng dằng dẳng làm nhiệm vụ, giờ ông thấy không thể tin vào tai mình được nữa. Ông đứng giữa những khách hàng khác, gần quầy tính tiền chính của cửa hàng thực phẩm chợ đen, ông cúi xuống vỗ về hai con chó nhỏ của mình; làm thế giúp ông nghe rõ hơn một chút, dù hai người phụ nữ ăn diện đẹp để đứng cạnh ông không hề thì thầm bí mật gì cho cam.

Phần lớn người dân Berlin không hề biết tới cửa tiệm vẫn còn dồi dào hàng hóa này. Nó chỉ bán cho các khách hàng chọn lọc, gồm những nhân vật cấp cao trong bộ máy Nazi. Wiberg là khách quen ở đây cũng khá lâu rồi, và ông đã lượm lặt được nhiều mẫu tin chính xác nhờ nghe ngóng từ những người khách như hai quý bà đứng trước. Ông nghĩ thông tin của họ hẳn phải chính xác; vì chồng cả hai người đều là quan chức Nazi trọng yếu.

Wiberg quyết định là mình đã nghe đủ. Ông thu thập các món mình mua, vứt chiếc mũ mềm của ông cho chủ tiệm, rồi ra khỏi cửa hàng. Ông rảo bước nhanh trên đường, vì muốn mau chóng tìm Jessen-Schmidt.

Mấy tiếng sau, sau một hồi dài bàn bạc, cả hai nhất trí là tin tức của Wiberg là thật. Đến chiều thứ 4 ngày 18/4, một bức điện được gửi đến London. Dù mọi hi vọng khác của họ đã tan vỡ, Wiberg rất hi vọng là phe Đồng minh sẽ có hành động khi nhận được báo cáo này. Theo những gì ông nghe được trong cửa tiệm, chắc chắn Hitler đang ở Berlin – trong sở chỉ huy ở Bernau, cách thành phố có 14 dặm về phía tây bắc. Liệu còn món quà nào tuyệt hơn được nữa cho sinh nhật thứ 56 của Hitler, vào ngày 20/4, ngoài một cuộc không kích hạng nặng?

Thượng tướng Alfred Jodl, Tư lệnh Chiến dịch của Hitler về nhà lúc 3 giờ sáng ngày 20/4. Mặt ông hằn rõ vẻ mệt mỏi và lo lắng. Ông buộc phải nói với bà vợ tên là Luise, là cơn khủng hoảng đã đến. Ông nói, “Em nên gói ghém đồ đạc và chuẩn bị sẵn sàng rời khỏi đây đi.”

Luise cãi lại; bà muốn tiếp tục làm ở Hội Chữ thập Đỏ. Nhưng Jodl cứ khẳng khẳng. Ông nói, “Nếu đúng tên em, bọn Nga sẽ không chờ một ngày nào mà sẽ đưa em tới thẳng nhà tù Lubianka ngay.”

Bà hỏi, bọn họ sẽ đi đâu? Jodl nhún vai. Ông nói, “Lên phía bắc hoặc xuống phía nam, ai biết. Nhưng anh hy vọng hai chúng ta có thể cùng nhau đối mặt với cái kết.” Hai người nói chuyện gần cả đêm. Gần tới 10 giờ sáng thì còi báo động vang lên. Jodl nói, “Anh cuộc với em là hôm nay Berlin sẽ chịu một cơn mưa bom lớn hơn bình thường. Sinh nhật Hitler mà lại.”

Jodl vội vàng đi lên lầu cạo râu trước khi quay lại căn hầm Führerbunker. Hôm nay sẽ không khác mấy với các sinh nhật khác của Quốc trưởng: sẽ có cuộc diễu hành như thường lệ của các quan chức chính phủ và thành viên nội các đến chúc mừng Hitler, và Jodl cũng phải có mặt. Khi xuống lầu, Luise đưa mũ và thắt lưng cho ông. Ông cầm lấy cặp táp và hôn tạm biệt bà. Ông nói, “Anh phải mau đến chúc mừng thôi.” Ngày nào Luise cũng tự hỏi liệu họ có còn được gặp nhau nữa không. Khi ông bước vào xe hơi, bà gọi với theo lưng chồng, “Chúa ban phước lành cho anh.”

Một thành viên nội các khác của Hitler cũng đã sẵn sàng đến dự lễ.

Thống tướng Hermann Goering định trình diện chỉ để chứng tỏ ông ta vẫn còn trung thành, nhưng rồi từ đó ông ta sẽ đi xuống phía nam. Goering quyết định là đã tới lúc nói lời tạm biệt với tòa lâu đài và dinh thự đồ sộ ở Karinhall, cách Berlin khoảng 50 dặm về phía tây bắc. Ông ta đưa ra quyết định không lâu sau khi quân Liên Xô bắt đầu dội bom lúc 5:30 sáng. Goering lập tức gọi tới sở chỉ huy của Heinrici ở Prenzlau gần đó. Ông ta được báo là cuộc tấn công vào miền bắc đã mở màn: Phương diện quân Belorussia số II của Rokossovskii cuối cùng cũng đã phát động tấn công Tập đoàn quân Thiết giáp 3 của Von Manteuffel. Goering biết rõ lực lượng của Von Manteuffel hoàn toàn không tương xứng. Viên thống tướng đã dạo qua mặt trận đó vài lần trong mấy tuần trước, cao giọng nói với từng vị tướng một là “vì cứ lãng phí thời gian nên mới chưa chuẩn bị được gì. Quân Nga sẽ vượt qua phòng tuyến của các anh thôi dễ hơn ăn cháo.”

Bản thân Goering thì đã chuẩn bị kỹ cho thời khắc này. 24 chiếc xe tải Không quân đậu thành hàng trên con đường chính bên ngoài dinh thự của ông ta, chất đầy của cải trong Karinhall – những món đồ cổ, tranh vẽ, đồ bạc và đồ nội thất. Đoàn xe chở hàng này sẽ thẳng tiến về phía nam ngay lập tức. Phần lớn mọi người trong sở chỉ huy Không quân ở Berlin, cùng tư trang của họ, sẽ đi bằng một đoàn xe khác cùng ngày nhưng muộn hơn.^[58]

Giờ đây, đứng ở cổng chính, Goering nói mấy lời cuối cùng với viên chỉ huy đoàn xe. Đoàn xe khởi hành, vây quanh bởi những chiếc mô tô. Goering đứng nhìn tòa lâu đài đồ sộ với những mái nhà và cột trụ nguy nga. Một viên kỹ sư Không quân đi tới; anh ta nói mọi thứ đã sẵn sàng. Trong lúc mấy người thuộc cấp và dân làng đứng nhìn, Goering băng qua đường, cúi xuống một cái kíp nổ và ấn nút. Với một tiếng ầm ầm dội, Karinhall (Tòa lâu đài của Goering) nổ tung.

Không chờ bụi lắng xuống, Goering quay lại xe hơi. Ông ta quay sang một viên kỹ sư và bình tĩnh nói, “Đấy là cái mà đôi khi anh phải làm khi anh là thái tử.” Đóng sầm cửa lại, ông ta cho xe chạy tới Berlin, mừng sinh nhật Quốc trưởng.

Hitler dậy lúc 11 giờ trưa, và liên tục nhận được lời chúc mừng từ bè lũ

thân cận của ông ta – trong đó có Joseph Goebbels, Martin Bormann, Joachim von Ribbentrop, Albert Speer, và các tướng lĩnh quân sự....

Karl Doenitz, Wilhelm Keitel, Alfred Jodl, Hans Krebs và Heinrich Himmler. Sau đó là các quận trưởng của Berlin, các thành viên trong ban tham mưu và các thư ký. Rồi khi tiếng súng từ xa vọng tới, Hitler đi ra khỏi hầm, đoàn tùy tùng theo sau. Tại đó, giữa khu vườn lộn xộn vì bị dội bom của Dinh Thủ tướng, ông ta đến kiểm tra hai đơn vị – Sư đoàn SS “Frundsberg”, một đơn vị vừa mới tới từ Tập đoàn quân Courland^[59], và một nhóm nhỏ đầy tự hào thuộc Đoàn Thanh niên Hitler của Axmann. Sau đó khá lâu, Axmann kể lại, “Ai cũng sốc khi Quốc trưởng xuất hiện. Ông ấy đi hơi khom người, tay run run. Nhưng thật đáng ngạc nhiên là từ người đàn ông đó vẫn tỏa ra sức mạnh tinh thần và lòng kiên định.” Hitler bắt tay các cậu bé và trao huân chương cho vài người mà Axmann giới thiệu là “đã chứng tỏ được bản thân ngoài mặt trận.”

Rồi Hitler đi xuống hàng lính SS. Ông ta bắt tay từng người, rồi tự tin dự đoán rằng quân thù sẽ thua trận trước khi tới được Berlin. Himmler, thủ lĩnh lực lượng SS đứng nhìn. Từ ngày 6/4, ông ta đã nhiều lần bí mật gặp gỡ bá tước Folke Bernadotte, hội trưởng Hội Chữ thập Đỏ Thụy Điển. Himmler đã mập mờ nói với Bernadotte về khả năng đàm phán các điều kiện hòa bình với phe Đồng minh, nhưng giờ đây, ông ta bước lên trước và tái xác nhận lòng trung thành của mình và của SS với Hitler. Ông ta định gặp Bernadotte một lần nữa trong vài tiếng đồng hồ tới.

Ngay sau buổi duyệt quân, hội nghị quân sự của Hitler bắt đầu. Vào lúc đó, Goering tới. Tướng Krebs tóm lược tình hình, dù ai cũng đã biết là quá sức quen thuộc. Berlin sẽ bị bao vây, đây là chuyện tính bằng ngày, nếu không muốn nói bằng giờ. Và trước khi điều đó xảy ra, Tập đoàn quân 9 của Busse sẽ bị bao vây và bị bắt, trừ khi có lệnh rút lui. Đối với các cố vấn quân sự của Hitler, có một điểm hết sức rõ ràng: Quốc trưởng và các bộ ngành quan trọng của chính phủ còn ở lại Berlin cần phải rời khỏi thủ đô, đi về phía nam.

Keitel và Jodl đặc biệt thúc giục việc di dời, nhưng Hitler không chịu

thừa nhận là tình hình lại nghiêm trọng tới mức đó. Đại tá Nicolaus von Below, sĩ quan quản trị Không quân của Hitler kể lại, “Hitler khẳng định là trận chiến ở Berlin là cơ hội duy nhất để tránh thất bại toàn diện.” Ông ta chỉ nhượng bộ một điều: nếu quân Mỹ và quân Nga hợp lại ở sông Elbe, thì ở miền bắc sẽ do Đô đốc Doenitz chỉ huy, còn miền nam có thể là Đại nguyên soái Albert Kesselring. Đồng thời, các cơ quan chính phủ sẽ được quyền rời khỏi Berlin ngay tức khắc.

Hitler không nói gì về kế hoạch của riêng mình. Nhưng có ít nhất ba người trong hầm tin là ông ta sẽ không bao giờ rời khỏi Berlin. Một ngày trước, Johanna Wolf, một thư ký của Hitler vừa nghe ông ta nói là “ông ta sẽ tự kết liễu nếu thấy tình hình không thể cứu vãn được nữa.” Von Below cũng tin là “Hitler đã quyết tâm ở lại Berlin và chết ở đây.” Khi về nhà, Jodl nói với vợ là Hitler từng nói riêng với ông, “Này Jodl, chừng nào còn có người thật lòng chiến đấu bên tôi, thì tôi sẽ còn chiến đấu và rồi tôi sẽ tự sát.”^[60]

Phần lớn các cơ quan chính phủ đã rời khỏi Berlin, nhưng số cơ quan còn lại có vẻ như đã chuẩn bị cho thời khắc này suốt nhiều ngày nay, như những vận động viên điền kinh chờ phát súng báo hiệu. Cuộc di tản thực sự bắt đầu; nó sẽ tiếp tục cho tới khi nào thành phố bị bao vây hoàn toàn. Tham mưu trưởng Không quân, tướng Karl Koller, viết trong nhật ký là Goering đã rời đi. Koller viết, “Tự nhiên ông ta bỏ tôi lại đây để đón nhận cơn thịnh nộ của Hitler.” Các quan chức lớn nhỏ đều sửa soạn chạy trốn. Philippe Lambert, một lao động cưỡng chế trẻ tuổi người Pháp, anh là người vẽ kỹ thuật trong văn phòng của Tiến sĩ Karl Dustmann, một kiến trúc sư của Hiệp hội Lao động Todt, kinh ngạc đến ngẩn người khi ông chủ tự dừng tặng mình 1.000 mark (khoảng 250 đô-la) rồi rời khỏi thành phố. Margarete Schwarz đứng trong vườn nhà ở quận Charlottenburg, nhìn xuống đường và thấy một chiếc xe hơi màu xanh to đùng có tài xế đậu bên ngoài một ngôi nhà gần đó. Hàng xóm của cô là Otto Solimann nhập hội, hai người cùng quan sát “thấy một ông già mặt áo khoác trắng gọn ghẽ, cùng một sĩ quan hải quân có bộ đồng phục kín mít huy chương” rời khỏi

nhà. Chiếc xe nhanh chóng được chất đầy hành lý. Rồi hai người đó ngồi vào xe “và lái đi nhanh hết cỡ.” Solimann nói với Margarete: “Lũ chuột đang tháo chạy khỏi con tàu đắm kia. Đó là Đô đốc Raeder đấy.”

Tổng cộng, văn phòng của Sĩ quan chỉ huy Berlin đã cấp hơn 2.000 giấy phép rời khỏi thủ đô. Sau này, Đại tá Hans Refior là Tham mưu trưởng nhớ lại, “Các công chức của đảng và nhà nước đưa ra những lý do rất buồn cười, yêu cầu rời khỏi thành phố. Dù Goebbels đã ra lệnh ‘Ai có thể cầm vũ khí thì không được rời Berlin,’ nhưng bọn tôi không làm khó ‘những chiến binh gia đình’ muốn được ra đi. Sao phải giữ mấy kẻ đáng khinh đó lại? Cả đám bọn đó đều tin là có chạy trốn thì mới giữ được cái mạng quý giá của mình. Phần đông dân cư đều ở lại. Dù gì họ cũng chả chạy được, vì phương tiện vận tải rất là thiếu thốn.”

Tại phòng khám nha khoa ở số 213 Kurfürstendamm, cô nàng tóc vàng Käthe Heusermann có điện thoại từ ông chủ. Nha sĩ hàng đầu của đảng Nazi, giáo sư Hugo J. Blaschke sắp rời khỏi đây. Mấy ngày trước, Blaschke đã bảo Käthe gói ghém hồ sơ nha khoa, máy chụp X quang, khuôn răng và các thiết bị khác thành từng hộp để gửi về miền nam. Blaschke nói ông đoán là “nhóm Thủ tướng sẽ đi bất kỳ lúc nào và chúng ta sẽ đi chung với bọn họ.” Käthe nói cô muốn ở lại Berlin. Blaschke nổi khùng lên. Ông hỏi, “Cô có biết bọn Nga mà tới đây thì sẽ ra sao không hả? Đầu tiên cô sẽ bị hiếp. Rồi bị đưa đi treo cổ. Cô có biết bọn Nga là những kẻ thế nào không hả?” nhưng Käthe chỉ là “không thể tin mọi chuyện sẽ tệ tới mức đó.”

Sau này cô kể lại, “Tôi không hiểu được mức độ nghiêm trọng của tình hình. Có thể như thế là ngu ngốc, nhưng tôi bận tới mức không nhận ra mọi chuyện đã trở nên tồi tệ tới đâu.” Lần này Blaschke rất kiên quyết. Ông giục, “Thu dọn đồ đạc rồi ra ngoài mau. Nhóm Thủ tướng và gia đình bọn họ sắp đi rồi.” Nhưng Käthe cũng cứng đầu lắm. Cô định ở lại thành phố. Blaschke nói, “Được, nhớ lấy những gì tôi đã nói với cô đấy.” Rồi ông gác máy.

Đột nhiên Käthe nhớ tới một chuyện mà Blaschke đã bảo cô làm vài ngày trước. Nếu ông rời khỏi thành phố mà cô còn ở lại, thì cô cần cảnh báo cho một người bạn của ông – bằng một câu mật hiệu, vì Blaschke nói “điện

thoại có thể bị nghe lén” – là các đầu sở Nazi đang chạy trốn.

Nếu cả đám đều đi hết thì cô sẽ nói, “Tối qua đã tháo phần cầu răng giả rồi.” Còn nếu chỉ có một số người đi, thì câu đó sẽ là “Tối qua chỉ nhổ một cái răng.” Cô không biết bạn của Blaschke là ai, trừ một điều “ông ta tên là giáo sư Gallwitz hay Grawitz gì đó và tôi nghĩ Blaschke từng nói ông ấy là một nha sĩ cao cấp cho lực lượng SS.” Blaschke chỉ đưa cho cô một số điện thoại. Giờ, khi nghe toàn thể “nhóm Thủ tướng” đã đi khỏi, cô bèn gọi tới số đó. Khi một người đàn ông nghe máy, Käthe nói, “Tối qua đã tháo phần cầu răng giả rồi.”

Tối hôm đó, chừng mấy tiếng sau, giáo sư Ernst Grawitz, hội trưởng Hội Chữ thập Đỏ Đức và là bạn của Heinrich Himmler ngồi ăn tối cùng gia đình. Khi ai nấy đã yên vị, Grawitz, cúi xuống, tháo chốt hai quả lựu đạn cầm tay, đưa cả nhà đến côi u minh.^[61]

Cuộc đại đào tẩu sẽ luôn được người dân Berlin nhớ tới với cái tên “cuộc chạy trốn của Chim trĩ vàng.” Nhưng hôm đó, đa phần người ta chú ý đến quân Nga đang tiến gần hơn là các quan chức Nazi chạy trốn. Helena Boese, vợ đạo diễn Karl Boese kể mỗi bận tâm duy nhất là “làm sao để sống sót.” Quân Liên Xô đã tới Müncheberg và Strausberg, cách phía đông thành phố chừng 15 dặm; và giờ khắp thành phố đang rò rỉ tin tức là quân Nga còn một mũi tấn công khác đang tiến về thủ đô từ hướng nam, qua ngã Zossen. Nhà biên kịch Georg Schröter, sống ở Tempelhof, nghe được chuyện này trước tiên. Vì lo cho một cô bạn là nghệ sĩ biểu diễn trong quán rượu, tên là Trude Berliner, sống ở một quận hẻo lánh phía nam Berlin, Schröter gọi điện tới nhà cô. Cô nghe máy rồi nói, “Chờ chút.” Một khoảng yên ắng. Rồi cô nói, “Ở đây có người muốn nói chuyện với cậu.” Schröter nói chuyện với một đại tá Liên Xô nói tiếng Đức rất giỏi. Ông ta nói với Schröter còn đang kinh ngạc, “Anh có thể tin là chúng tôi sẽ tới đó trong hai ba ngày nữa mà thôi không?”

Các mặt trận khắp nơi đang thu hẹp lại – cả ở phía bắc, phía nam lẫn phía đông. Và giờ gần như mọi cỗ máy của thủ đô điều tàn đều đang hoạt động trì trệ, thậm chí ngừng hẳn. Các nhà máy đóng cửa; xe điện ngừng

chạy; tàu điện ngầm cũng dừng hoạt động, trừ khi chở những người lao động quan trọng. Ilse König, một kỹ thuật viên phòng thí nghiệm, làm ở sở y tế thành phố, còn nhớ tấm Roter Ausweis (vé xe đỏ) mà cô nhận được để tiếp tục đi đến chỗ làm. Không còn ai thu gom rác nữa; cũng không thể gửi thư được. Gertrud Evers, làm ở sở bưu điện chính trên đường Oranienburgerstrasse, nhớ lại “cái mùi hôi thối kinh khủng từ mấy gói hàng thực phẩm đã hỏng chưa gửi được còn treo trong tòa nhà.” Vì phần đông cảnh sát đều được đưa vào các đơn vị chiến đấu hoặc Volkssturm, nên trên đường phố cũng chẳng còn cảnh sát tuần tra nữa.

Đối với nhiều người, vào cái ngày 20/4 ấy, độ nghiêm trọng của tình hình đã lan đến tận nhà, bởi một sự kiện duy nhất: sở thú đã đóng cửa. Ở đó cúp điện vào đúng 10:50 sáng, nên không thể bơm nước được. Bốn ngày sau điện sẽ có lại, nhưng chỉ trong 19 phút. Sau đó sẽ cúp điện tiếp, cho tới khi nào trận chiến kết thúc. Nhưng từ ngày hôm nay trở đi, những người giữ thú biết là chắc chắn nhiều con thú sẽ phải chết – nhất là mấy con hà mã trong hồ nước và mấy con vật trong bể cá đã được cứu trước đó. Người coi chuồng chim Heinrich Schwarz thì rất lo cho tình trạng của con cò mỏ giày quý hiếm, nó đang chết đói từ từ nhưng không thể tránh khỏi trong phòng ngủ của ông, Schwarz không biết liệu con cò có thể sống sót mà không có nước hay không. Ông già 63 tuổi quyết định sẽ xách từng xô nước về nhà cho tới khi nào ông gục xuống – và không chỉ cho con cò Abu, mà còn cho con hà mã Rosa và đưa con hai tuổi của nó là Knautschke.

Giám đốc sở thú Lutz Heck đang khó xử. Ông biết dần dần cũng phải giết mấy con thú dữ, nhất là con khỉ đầu chó nổi tiếng, nhưng ông cứ trì hoãn miết. Thấy phiền muộn và cần yên tĩnh một lúc, Heck đã làm một chuyện ông chưa từng làm trong đời: đi câu cá ngoài kênh Landwehr với một người giữ thú. Ở đó, trong lúc “suy nghĩ đủ chuyện,” hai người câu được hai con cá măng.

Hôm đó, giám đốc mạng xe điện ngầm của thành phố là Fritz Kraft đã gặp thị trưởng Berlin, Julius Lippert. Viên thị trưởng đưa ra một số chỉ đạo khá thực tế cho Kraft và các quản lý xe điện ngầm. Lippert nói với cả nhóm, “Nếu quân Đồng minh phương Tây tới đây trước, thì cứ giao cho họ

hệ thống xe điện ngầm còn nguyên vẹn. Còn nếu quân Nga tới trước...” Ông ngừng lại, nhún vai và nói, “Thì cố phá càng nhiều càng tốt.” Các tổng đài điện thoại tự động nhỏ cũng nhận được chỉ thị tương tự. Bộ phận cơ khí của tổng đài Buckow được lệnh tháo phá hủy hết cơ sở vật chất còn hơn để quân Nga chiếm được. Nhưng anh thợ bảo trì Herbert Magder chợt nhận ra là không có ai hướng dẫn cho họ phải phá làm sao cả. Theo Magder biết thì chả có một tổng đài nào bị phá hủy cả. Hầu hết vẫn tiếp tục hoạt động trong suốt trận chiến.

Các nhà máy cũng được lệnh phải tự hủy, theo đúng chính sách tiêu thổ của Hitler. Giáo sư Georg Henneberg, trưởng phòng hóa chất của nhà máy Schering ở quận Charlottenburg, kể là giám đốc nhà máy gọi toàn bộ nhà hóa học tới và đọc một mệnh lệnh mà ông vừa mới nhận được. Sắc lệnh đó nói khi quân thù tới gần hơn, cần phá hủy hết cơ sở hạ tầng điện, nước, ga và nôi hơi. Sếp của Henneberg đọc xong thì ngừng một chút rồi nói, “Các quý ông, giờ các bạn biết mình không được làm gì rồi đấy.” Ông tạm biệt bọn họ rồi đóng cửa nhà máy, vẫn giữ nguyên xi. Theo Henneberg nhớ lại thì “Bọn tôi chào nhau lần cuối với từng người một.”

Nhiều năm sau, người dân Berlin vẫn nhớ tới ngày 20/4 đó, vì một lý do khác nữa. Không biết là vì ăn mừng sinh nhật Quốc trưởng hay vì trạng thái đề phòng cao điểm của trận chiến sắp đến, hôm đó chính phủ đã cấp thêm thực phẩm cho những người dân đói khát, gọi là “khẩu phần trong khủng hoảng.” Cựu chiến binh Jurgen-Erich Klotz, 25 tuổi và bị cụt một tay, nhớ là khẩu phần phát thêm gồm một pound sườn heo muối hoặc xúc xích, nửa pound gạo hoặc bột yến mạch, 250 hạt đậu lăng hoặc đậu Hà Lan khô, một hộp rau, hai pound đường, khoảng một ounce cà phê, một túi nhỏ cà phê loại hai (không hẳn là cà phê) và một ít bơ. Dù hôm đó Berlin bị không kích gần 5 tiếng đồng hồ, các bà nội trợ vẫn bắt chấp bom đạn để đi nhận khẩu phần phát thêm. Số đó có thể dùng được 8 ngày, như bà Anne-Lise Bayer nói với chồng, “Với phần thức ăn này, ta có thể lên thiên đường được đấy.” Rõ ràng người dân Berlin nào cũng nghĩ như thế; vì phần thức ăn phát thêm đó được bọn họ ưu ái gọi bằng cái tên Himmelfahrtsrationen – khẩu phần

của Lễ thăng thiên^[62].

Ở Gresse, phía bắc sông Elbe, các kiệu hàng của Hội Chữ thập Đỏ đã tới chỗ 12.000 tù binh chiến tranh của Chuẩn úy Dixie Deans. Deans đã sắp xếp xong xuôi. Anh thậm chí còn thuyết phục viên sĩ quan chỉ huy là Đại tá Ostmann cho phép nhóm Không lực Hoàng gia Anh đi tới trung tâm của Hội Chữ thập Đỏ Quốc tế ở Lübeck rồi lái xe tải quay về đây để tiết kiệm thời gian.

Hiện tại, hàng hàng lớp lớp người đứng chật kín các con đường quanh thị trấn, nơi đang phân phát đồ. Deans thông báo, “Một người được hai gói.” Trung sĩ Không lực Hoàng gia Anh Calton Younger kể, “Nó có tác động lớn lao đến tinh thần của mọi người. Các kiệu hàng đó tới được đây là cả một phép màu và chúng tôi lập tức tôn Deans làm thánh.”

Deans đạp xe từ hàng này sang hàng khác bằng chiếc xe đạp cà tàng với cái lốp xe hơi tả, thấy ai nấy đều đã nhận được khẩu phần của mình, anh cảnh báo những người tù đang chết đói tới nơi vì bao lâu nay chỉ ăn toàn rau là không được ăn quá nhiều mà “phải để dành càng nhiều càng tốt, vì ai biết được bọn Đức còn giở trò gì.” Dầu vậy, Deans thấy đa số đều “ăn như thể đây là bữa cuối cùng.” Trung sĩ Không lực Hoàng gia Anh Geoffrey Wilson ăn ngẫu nhiên cả gói: thịt bò muối, bánh quy, sô-cô-la – và hơn hết là 120 liều thuốc lá. Anh “ăn như khùng, hút thuốc như điên, vì tôi thà chết no chứ không muốn làm ma đói.”

Chín chiếc máy bay chiến đấu Typhoon của Không lực Hoàng gia Anh phát hiện ra bọn họ khi họ đang ngồi ăn. Máy chiếc máy bay lượn vòng vòng trên đầu, và rồi, theo Wilson mô tả, chúng tách ra và hạ dần độ cao “một cách diệu kỳ như trong mơ.” Ai đó kêu lên, “Chúa ơi! Họ đang đến chỗ chúng ta đây!” Mọi người chạy tứ tán. Có người cố phủ lên người tấm vải sọc ngụy trang nhiều màu đem theo phòng khi khẩn cấp. Kẻ thì nhảy xuống hố, nấp sau các bức tường, chạy vào kho thóc trốn hoặc trốn trong mấy ngôi nhà. Nhưng có nhiều người không chạy kịp. Từng chiếc Typhoon

sà xuống, bắn tên lửa và thả bom sát thương xuống đoàn người. Bọn họ la hét: “Chúng tôi là phe mình! Chúng tôi là phe mình!” Tám chiếc máy bay tiếp tục tấn công; chiếc thứ chín có lẽ nhận ra mình đã lầm lẫn nên dừng lại. Một vài phút sau mọi chuyện chấm dứt. Sáu mươi người đã chết. Nhiều người khác bị thương, và một phần trong số đó chết trong các bệnh viện của Đức vì vết thương quá nặng.

Deans bước trên đường phố, quan sát cuộc tàn sát và thấy muốn phát điên vì tuyệt vọng. Anh lập tức ra lệnh nhận dạng những người chết. Một số thi thể bị trúng đạn tới mức không nhận diện được nữa – sau này Deans kể, “chỉ còn lại những mảnh thi thể, và bọn tôi phải lấy xẻng xúc vào trong huyệt.”

Sau khi đã chôn cất xong xuôi, và đưa người bị thương tới các bệnh viện của Đức, Deans lạnh lùng đạp xe tới chỗ Đại tá Ostmann đang ở trong sở chỉ huy tạm thời của ông. Lần này Deans không buồn giữ phép lịch sự nhà binh nữa. Anh nói, “Này Ostmann, tôi muốn ông cấp cho tôi một cái giấy phép để tôi đi tới trận tuyến của Anh. Không thể để chuyện thế này xảy ra lần nữa.”

Ostmann sững sốt nhìn Deans. Ông nói, “Deans à, tôi không thể làm thế được.”

Deans nhìn ông ta chăm chăm. Anh ta cảnh cáo, “Chưa biết được ai sẽ kiểm soát chúng ta đâu. Có thể là quân Anh – hoặc cũng có thể là quân Nga. Bọn tôi không quan tâm ai sẽ giải phóng mình. Nhưng ông muốn đầu hàng ai hơn hả?”

Deans nhìn thẳng vào viên đại tá Đức. “Tôi nghĩ các ông sẽ không có tương lai với bọn Nga đâu.” Anh dừng lại, để câu cuối dần dần thấm sâu hơn. Rồi anh lạnh lùng nói, “Đại tá, hãy viết giấy phép đi.”

Ostmann ngồi xuống bàn và lấy một tờ giấy của Lục quân ra, rồi viết mấy dòng cho phép Deans đi đến vùng địch chiếm đóng. Ông nói với Deans, “Tôi không biết anh sẽ vượt qua tiền tuyến bằng cách nào, nhưng ít ra cái này sẽ giúp anh tới được đó.” Deans nói: “Tôi muốn lính gác Charlie Gumbach đi chung với tôi.”

Ostmann suy nghĩ một chốc rồi nói, “Đồng ý.” Ông lại viết giấy phép

cho Gumbach. Dixie nói, “Và tôi cũng cần một chiếc xe đạp khá khăm hơn.” Ostmann nhìn anh rồi nhún vai, nói ông có thể thu xếp chuyện này.

Khi rời khỏi văn phòng, Deans nói một câu cuối cùng. “Tôi hứa với ông là tôi sẽ quay lại cùng Charlie, để đưa người của tôi đi.” Rồi Dean làm một cử chỉ chào dứt khoát và nói, “Cảm ơn ngài, Đại tá.” Viên đại tá cũng chào lại. Ông nói, “Cảm ơn anh, Deans.” Đêm đó, có Hạ sĩ Đức Charlie Gumbach đi cùng, Dixie Deans bước vào chặng hành trình dài tới trận tuyến của Anh.

Vào lúc hoàng hôn, Koniev lo lắng nhìn bản đồ, thấy xe tăng của Zhukov tiến nhanh tới Berlin, ông giục lính của mình hành quân nhanh hơn nữa. Ông nói với tướng Rybalko, tư lệnh Tập đoàn quân tăng Cận vệ 3, “Không cần lo cho hai cánh của anh đâu, Pavel Semenovich. Không cần lo bị tách khỏi bộ binh. Cứ đi tiếp.”

Nhiều năm sau, Koniev kể lại, “Lúc đó tôi biết hẳn các tư lệnh xe tăng của mình đang nghĩ: ‘Ông quăng bọn tôi vào cái lỗ cống này, rồi bắt bọn tôi phải hành quân mà không có quân hai bên sườn – lỡ bọn Đức cắt mất liên lạc hay tập hậu thì sao?’” Koniev vỗ vỗ cầu vai Nguyên soái của mình, rồi nói với các tư lệnh xe tăng, “Tôi sẽ có mặt. Các anh không phải lo. Điểm quan sát của tôi sẽ đi cùng các anh, ngay giữa hàng ngũ.”

Rybalko và tướng D. D. Lelyushenko, tư lệnh Tập đoàn quân tăng Cận vệ 4 rạng rỡ đáp lại. Với tốc độ chóng mặt như Sư đoàn Thiết giáp 2 và Sư đoàn Thiết giáp 5 của Mỹ tiến tới sông Elbe, những chiếc tăng Liên Xô vọt qua quân thù – dù theo như Rybalko kể thì “các sư đoàn Đức chưa bị tiêu diệt vẫn còn sau lưng chúng tôi.”

Sau 24 giờ vất vả, kỳ diệu thay, Rybalko đã đi được 38 dặm. Đoàn xe tăng của Lelyushenko đi được 28 dặm. Rybalko hớn hờ gọi về cho Koniev. Ông nói, “Đồng chí nguyên soái, chúng tôi đang chiến đấu tại ngoại ô Zossen.” Các đơn vị này của Phương diện quân Ukraine số 1 giờ chỉ còn cách Berlin có 25 dặm.

Còi báo động ở Zossen vang vọng. Có vẻ quân Liên Xô sẽ tới được đại bản doanh của Bộ Chỉ huy Tối cao trong 24 giờ tới, và đã có lệnh di dời. Các sĩ quan chủ chốt đã tới sở chỉ huy mới nằm gần Postdam. Số còn lại

trong đại bản doanh, cùng với các nhân viên văn thư, máy giải mã, các tử tài liệu được đưa lên xe buýt và xe tải. Trong khi đang đóng gói đồ đạc chất lên xe, mọi người đi vòng vòng trong lo âu, muốn được đi thật mau. Tướng Erich Dethleffsen, người đảm nhiệm vị trí cũ của Krebs làm Trợ lý Tham mưu trưởng, nói rằng vào lúc đó, “chúng tôi để lại cho không quân của địch một mục tiêu xứng đáng.”

Không lâu trước khi trời tối, đoàn xe xuất phát, tiến về Bavaria. Dethleffsen chạy xe tới Berlin để dự buổi họp đêm của Quốc trưởng, rất sung sướng khi thấy một đoàn máy bay của Không quân bay trên đầu ông về phía nam. Sau đó, trong buổi họp, ông nghe một sĩ quan Không quân báo cáo với Hitler là “đã thành công tấn công đoàn xe tăng Liên Xô đang tiến về Zossen, bảo vệ được vùng này khỏi bị tấn công.” Cuộc oanh tạc này còn hơn cả thành công nữa: “đoàn xe tăng Liên Xô” hóa ra lại là đoàn xe buýt và xe tải của OKH đang chạy về phía nam. Máy bay Đức đã tấn công đúng đoàn xe của họ.

Nửa đêm ngày 20/4, Heinrici vẫn cẩn thận nghiên cứu bản đồ và cố phân tích tình hình. Mấy tiếng sau, một nỗi sợ của ông đã tới: giờ ông không chỉ điều hành Cụm Tập đoàn quân Vistula mà còn chỉ huy cả Berlin nữa. Gần như ngay sau khi được lệnh, ông đã gọi Reymann tới và bảo không được phá hủy các cây cầu trong thành phố. Reymann than phiền là dù gì thì thành phố cũng chẳng có gì phòng bị, giờ đến số quân khá khấm nhất trong lực lượng Volkssturm của ông cũng bị đưa tới các phòng tuyến ngoài này. Thực ra, Heinrici biết hết; ông nói Reymann đưa nốt phần còn lại của Lực lượng Phòng vệ Địa phương tới. Heinrici mệt mỏi nói, “Reymann, anh không hiểu tôi đang cố gắng làm gì sao? Tôi muốn bảo đảm là trận chiến sẽ chỉ diễn ra bên ngoài thành phố, chứ không phải ngay trong đó.” Heinrici biết, với tình hình hiện tại, không thể phòng hộ Berlin được. Ông không định để quân của mình rút lui về thành phố. Xe tăng sẽ không được đi tới đó. Vì có nhà cửa, nên không thể dùng pháo được; chẳng có chỗ mà bắn. Hơn nữa, nếu phải giao chiến trong thành phố thì số dân thường thương vong sẽ cực kỳ lớn. Bằng mọi giá, Heinrici hi vọng tránh được hiểm họa giao tranh trên đường phố.

Hiện giờ, mối bận tâm lớn nhất của ông là tập đoàn quân của Busse; ông chắc chắn là nếu nó không bị đẩy lui nhanh chóng thì cũng sẽ bị bao vây. Trước khi tới mặt trận vào sáng sớm hôm đó, ông bảo tham mưu trưởng của mình gửi cho Krebs một bức điện: “Tôi không thể nhận trách nhiệm hoặc chỉ huy dưới tình hình này, trừ khi cho quân của Busse rút ngay – và bảo ông ta nói thế với Quốc trưởng.”

Rồi ông chạy xe khắp mặt trận. Dấu hiệu tan rã hiển hiện khắp chốn. Ông thấy “đường phố đông nghẹt xe của người chạy nạn, lẫn trong đó có những chiếc xe quân đội.” Lần đầu tiên ông đụng độ một đám lính rõ ràng là đang chạy trốn. Ông kể, trên đường tới Eberswalde, “Tôi không gặp một thằng lính nào không nói là nó được lệnh về hậu phương lấy đạn dược, xăng dầu hay gì gì.” Ông kinh ngạc, và nhanh chóng hành động.

Ở phía bắc Eberswalde, ông thấy “một đám người đang đi về phía tây bắc, nói là sư đoàn của bọn họ tập trung lại ở gần Joachimsthal”; ông bèn ngăn cả bọn lại rồi để bọn họ tập trung ở gần Eberswalde. Ở chỗ giao nhau với con kênh trong vùng, ông gặp “một phần của Sư đoàn Cảnh sát SS 4 đang di chuyển. Bọn họ còn khá trẻ, mới được thành lập, nhưng chỉ có một số là có vũ khí. Họ được bảo là sẽ nhận vũ khí ở Eberswalde.” Ở phía nam, ông thấy nột con đường đông nghẹt những dân với lính. Heinrici bước ra khỏi xe hơi và ra lệnh cho các hạ sĩ quan đưa người quay lại. Ông nói, “Quay trở lại mặt trận.”

Ở thị trấn Schönholz, ông thấy “các sĩ quan trẻ tuổi ngồi không và cứ nhìn quanh quất. Họ được lệnh phải dựng một giới tuyến để bắt đám quân tản mác.” Cảnh rừng giữa nơi này và Trammpe “đông đen quân lính đang nghỉ ngơi hoặc rút lui. không ai có lệnh hay bổ nhiệm gì cả.” Ở một nơi khác, ông bắt gặp “một đội lính xe tăng trinh sát đang ngồi nghỉ cạnh mấy chiếc xe.” Ông lệnh cho cả đội “đi tới Biesenthal ngay và chiếm lại ngã tư đó, nó cực kỳ quan trọng.” Quanh Eberswalde quá sức hỗn loạn, sau này Heinrici kể, “không có ai có thể nói tôi biết ở đó mặt trận có tồn tại hay không.”

Nhưng đến nửa đêm, ông đã lập lại trật tự trong vùng và đưa ra nhiều mệnh lệnh mới.

Rõ ràng ông bị thiếu hụt quân số, vũ khí và cả sĩ quan chỉ huy tài ba, và Heinrici biết mặt trận này khó lòng cầm cự được lâu. Tập đoàn quân Thiết giáp 3 của Von Manteuffel ở phía bắc có một số thành công nhất định khi phải chống lại Rokossovskii, nhưng việc Von Manteuffel phải rút lui chỉ là vấn đề thời gian.

Lúc 12:30 sáng, ông gọi cho Krebs. Ông nói với ông ta là tình hình sắp vượt ra khỏi tầm kiểm soát. Ông đặc biệt nhấn mạnh tới Quân đoàn Thiết giáp 56, “dù đã có nhiều cuộc phản công trước quân Liên Xô, nhưng vẫn đang bị đẩy lui ngày càng xa.” Ông nói, tình hình ở đó “rất căng thẳng và sắp bùng nổ.” Ông đã trao đổi riêng với Krebs hai lần trong ngày hôm nay, rằng tình hình của Tập đoàn quân 9 đang xấu đi nhanh chóng; lần nào Krebs cũng lặp lại quyết định của Hitler: “Busse phải trấn giữ mặt trận Oder.” Giờ Heinrici lại đấu tranh vì Busse thêm lần nữa.

Heinrici nói với Krebs, “Trước giờ tôi vẫn luôn bị từ chối không cho Tập đoàn quân 9 di chuyển tự do. Giờ tôi yêu cầu điều đó – trước khi quá muộn. Tôi phải nói là tôi không chống lại mệnh lệnh của Quốc trưởng vì ngoan cố hay bị quan vô lý. Anh có thể thấy từ kinh nghiệm chiến đấu ở Nga của tôi là tôi không dễ dàng bỏ cuộc đâu. Nhưng giờ cần phải hành động ngay để cứu Tập đoàn quân 9 khỏi bị tiêu diệt.”

Ông nói, “Tôi đã được lệnh là Cụm Tập đoàn quân Vistula phải ở lại vị trí hiện tại và giữ vững tiền tuyến, và đưa mọi lực lượng có thể có ra đây để khép khoảng trống giữa Tập đoàn quân 9 với tập đoàn quân của Schörner ở phía nam. Từ tận đáy lòng, tôi rất tiếc phải nói là mệnh lệnh này không thể thi hành được. Đơn giản là việc hành quân không có tí khả năng thành công nào. Tôi yêu cầu được chấp thuận đề nghị để Tập đoàn quân 9 rút lui. Tôi đề nghị điều này vì chính bản thân Quốc trưởng.”

Heinrici nói, “Thực ra, việc tôi nên làm là đi thẳng tới chỗ Quốc trưởng và nói, ‘Thưa Quốc trưởng, vì mệnh lệnh này sẽ gây nguy hiểm cho ngài, nó không có khả năng thành công và không thể được thực thi, tôi đề nghị ngài rút lại quyền chỉ huy của tôi và giao cho ai khác. Rồi tôi có thể thực hiện nghĩa vụ của một người lính Volkssturm và chiến đấu với kẻ thù.’” Heinrici đang ngả bài: ông tuyên bố với cấp trên là ông thà chiến đấu trong

cấp thấp nhất còn hơn thực thi một mệnh lệnh gây ra thương vong vô ích.

Krebs hỏi, “Có thật là anh muốn tôi nói thế với Quốc trưởng không?” Heinrici trả lời ngắn gọn, “Tôi yêu cầu điều đó. Tham mưu trưởng và các sĩ quan của tôi làm chứng cho tôi.”

Một lát sau Krebs gọi lại. Tập đoàn quân 9 phải giữ nguyên vị trí. Đồng thời, mọi lực lượng hiện có phải cố gắng khép khoảng trống với Schörner ở phía nam, “để mặt trận liền lạc trở lại.” Heinrici biết thế là Tập đoàn quân 9 coi như xong.

Trong căn hầm Führerbunker, cuộc họp quân sự ban đêm của Hitler kết thúc vào lúc 3 giờ sáng. Trong buổi họp, Hitler đã khiển trách Tập đoàn quân 4 – tập đoàn quân bị Koniev đánh tan vào ngày đầu tiên của đợt tấn công – về mọi vấn đề xảy ra từ đó tới nay. Ông ta quy tập đoàn quân này vào tội phản quốc. Tướng Dethleffsen sửng sốt hỏi, “Thưa Quốc trưởng, ngài thực sự tin là người chỉ huy đã phản bội tổ quốc hay sao?” Hitler nhìn Dethleffsen “bằng ánh mắt thương hại, như thể chỉ có thằng ngu mới hỏi một câu ngớ ngẩn thế.” Rồi ông ta nói: “Mọi thất bại ở miền Đông của chúng ta đều có thể quy vào tội phản quốc – chỉ có thể là tội phản quốc mà thôi.”

Khi Dethleffsen chuẩn bị ra khỏi phòng, Đại sứ Walter Hewel đại diện cho Von Ribbentrop ở Bộ Ngoại giao bước vào, gương mặt lộ vẻ muộn phiến sâu sắc.

Ông nói, “Thưa Quốc trưởng, ngài có lệnh gọi tôi ạ?” Ngừng một chập, Hewel nói: “Nếu chúng ta vẫn muốn đạt được gì đó trên phương diện ngoại giao, thì chính là lúc này đây.” Theo Dethleffsen kể, Hitler nói “bằng một giọng nhẹ nhàng và hoàn toàn thay đổi”: “Chính trị. Tôi chẳng có gì để làm với chính trị nữa. Nó làm tôi thấy phát ốm.” Dethleffsen nhớ lại, ông ta lê bước về phía cửa “chậm chạp và mệt mỏi.” Rồi ông tay quay người lại và nói với Hewel, “Khi tôi chết rồi thì anh sẽ bận rộn với chính trị đấy.” Hewel căng thẳng cả người. Ông ta nói, “Tôi nghĩ giờ ta nên làm gì đó.” Khi Hitler ra tới cửa, Hewel kích động nói thêm: “Thưa Quốc trưởng, chỉ còn năm giây nữa là tới nửa đêm rồi.” Có vẻ như Hitler không nghe thấy.

3

Âm thanh đó khác hẳn những thứ dân Berlin từng nghe, không giống tiếng bom rơi xé gió, cũng không hề giống tiếng hỏa lực phòng không nổ đùng đùng. Khách mua đang xếp hàng ngoài tiệm tạp hóa Karstadt ở quảng trường Hermannplatz hoang mang nghe ngóng: tiếng động trầm thấp đó từ xa vọng tới, rồi to dần thành tiếng rít khủng khiếp xé tai. Nhất thời, khách mua hàng như bị mê hoặc. Rồi thành linh hàng người vỡ ra tán loạn. Nhưng đã quá muộn. Những quả đạn pháo đầu tiên bắn vào thành phố nổ ầm ầm trên khắp quảng trường. Những mảnh thi thể đập vào mặt tiền cửa hàng lát ván. Ngoài đường, đàn ông và phụ nữ nằm rên la quằn quại vì đau đớn. Lúc đó là đúng 11:30 trưa thứ 7 ngày 21/4. Berlin đã biến thành tiền tuyến.

Đạn pháo bắt đầu bắn vào khắp nơi. Những lưỡi lửa lan trên các mái nhà khắp trung tâm thành phố. Các tòa nhà vốn đã bị bom làm suy yếu đổ sụp xuống. Xe hơi nằm chổng ngược và bốc cháy bùng bùng. Cổng Brandenburg bị trúng đạn, một cái gờ đỡ nổi bên trên rớt xuống dưới đường. Đạn pháo cày nát từ đầu này tới đầu kia đại lộ Unter den Linden; lâu đài Hoàng gia vốn đã bị hư hại sẵn giờ lại bùng cháy. Tòa nhà Quốc hội cũng vậy, mấy thanh xà nhà chống đỡ cho cái mái vòm đổ sụp, sắt thép rơi xuống như mưa. Trên đường Kurfürstendamm, người ta chạy loạn xạ, làm rơi cặp táp, túi xách tùm lum, chạy từ nhà này qua nhà khác. Ở công viên Tiergarten cuối đường, một chuồng ngựa bị trúng đạn trực tiếp. Tiếng ngựa hí hòa cùng tiếng khóc la của người ta; một giây sau, mấy con ngựa lao ra khỏi biển lửa, chạy tán loạn trên đường Kurfürstendamm, đuôi và bờm cháy phừng phừng.

Đạn pháo thi nhau trút xuống thành phố một cách có hệ thống đàng hoàng. Phóng viên Max Schnetzer của tờ báo Thụy Sĩ Der Bund, đứng bên cạnh Cổng Brandenburg, ghi lại rằng cứ mỗi 5 giây lại có ít nhất một quả

đạn pháo rơi xuống trung tâm khu hành chính của chính phủ ở đường Wilhelmstrasse. Rồi sau đó sẽ ngừng khoảng nửa phút tới một phút, rồi bom đạn lại ập xuống tiếp. Từ chỗ đứng, anh có thể thấy lửa bốc lên cao từ phía nhà ga Friedrichstrasse. Sau này anh viết, “Vì khói và bụi mù làm tán xạ ánh sáng, nên trông cứ như mây đang sà xuống ngay bên trên ngọn lửa vậy.” Những nơi khác trong thành phố cũng bị đạn bắn dày đặc như vậy. Ở quận Wilmersdorf, Ilse Antz cùng mẹ và chị gái thấy cả tòa nhà đang rung chuyển. Hai cô bé nhào xuống sàn nhà. Bà mẹ bám vào khung cửa la hét, “Chúa ơi! Chúa ơi! Chúa ơi!” . Ở Neukölln, Dora Janssen thấy chồng cô, là một thiếu tá Lục quân bước trên lối đi nhỏ tới chỗ chiếc limousine. Người lính cần vụ mở cửa xe rồi đột nhiên bị một quả đạn pháo “xé tung thành từng mảnh.” Khi bụi tan hết, cô thấy chồng mình vẫn đứng cạnh chiếc xe, đầu ngẩng cao, nhưng gương mặt thì vằn vẹo đi vì đau đớn. Khi Janssen chạy tới chỗ chồng, cô thấy “một ống quần của anh ấy đầm máu, chảy xuống ủng rồi lan ra vỉa hè.” Một lát sau, vừa nhìn chồng được đưa lên cáng, cô vừa có một cảm giác kỳ quặc xen lẫn nỗi lo cho chồng. Cô không thể không nghĩ, “Sao anh bị thương nặng thế mà vẫn đứng vững được nhỉ. Đúng là một sĩ quan thực thụ!”

Cách đó không xa, có một sĩ quan khác, anh chưa bao giờ tin quân Nga có thể tới tận đây. Anh ta là Đại úy Gotthard Carl, viên kế toán cuồng tín làm việc cho Không quân, vẫn luôn chào cả nhà bằng điệu chào Hitler, nhưng giờ anh bắt đầu thấy tuyệt vọng. Khi quân Nga tiến đến gần hơn, Carl vẫn ăn diện bánh bao sáng lóa như xưa; thậm chí còn rõ rệt hơn.

Dù Gerda vợ anh chẳng bao giờ dám nói, nhưng cô nghĩ Carl trông thật buồn cười trong bộ lễ phục, cộng thêm mấy cái khuy măng-sét bằng vàng, rồi mớ tua rua vô dụng nữa. Mấy ngày này anh vẫn không quên mang chiếc nhẫn có con dấu riêng của anh, trên đó có một chữ thập nạm kim cương.

Nhưng Gotthard Carl vẫn biết rõ tình hình đang xoay chuyển ra sao. Buổi trưa, từ văn phòng ở Tempelhof quay về nhà, anh giơ tay lên chào “Heil Hitler” như thường lệ rồi bảo vợ, “Đợt pháo kích bắt đầu rồi, em đi xuống hầm rồi cứ ở dưới đó. Anh muốn em ngồi ngay đối diện lối vào hầm.” Gerda ngạc nhiên nhìn anh; đó dường như là chỗ kém an toàn nhất

mà. Nhưng Gotthard cứ khẳng khẳng. “Anh nghe nói ở các thành phố khác, quân Nga dùng súng phun lửa chĩa vào hầm và hầu hết người trong đó đều bị thiêu sống. Anh muốn em ngồi ngay trước cửa hầm để có gì thì em sẽ chết đầu tiên. Em sẽ không phải ngồi chờ tới lượt mình.” Rồi không nói thêm gì nữa, anh siết tay vợ, chào kiểu Nazi và bước ra khỏi căn hộ. Gerda lặng người, rồi làm theo những gì anh vừa nói. Cô ngồi trước những người khác, ngay lối vào hầm trú ẩn, liên tục cầu nguyện trong lúc bom đạn đang dội trên đầu. Lần đầu tiên kể từ khi kết hôn, cô không nhắc tới tên Gotthard trong lời cầu nguyện. Đến chiều, tầm giờ chồng cô thường về tới nhà, Gerda đi lên cầu thang bất chấp lời chồng dặn. Cô chờ một hồi lâu, run rẩy và sợ hãi, nhưng Gotthard không trở về. Cô không bao giờ còn được gặp lại anh.

Đợt pháo kích bắt đầu ngay sau khi không kích kết thúc. Đợt không kích cuối cùng của phương Tây vào Berlin, đợt thứ 363 trong cuộc chiến, bắt đầu lúc 9:25 sáng, do Không lực 8 của Mỹ thực hiện. Suốt 44 tháng, Anh và Mỹ đã liên tục thả bom xuống “B Lớn,” phi công Mỹ gọi Berlin thế. Người Berlin dứ nắm đấm về phía máy bay ném bom, than khóc vì những cái chết của bạn bè và người thân, vì nhà cửa bị phá hủy. Cơn giận dữ của họ cũng giống những quả bom không trực tiếp nhắm vào ai, mà nhắm vào những kẻ họ sẽ không bao giờ được gặp. Pháo thì lại khác. Kẻ bắn pháo đứng ngay ngoài cửa nhà họ, sắp đối mặt với họ.

Còn có một điểm khác biệt nữa. Người Berlin đã học cách chung sống với bom và thích nghi với nhịp điệu đều đặn như đồng hồ của các đợt không kích. Đa số người ta có thể nghe tiếng bom xé gió mà đoán được điểm rơi của nó; nhiều người còn quen với các đợt không kích tới mức không buồn đi trú ẩn. Hỏa lực của pháo phần nào nguy hiểm hơn. Đạn pháo tiếp đất thành linh và không đoán trước được. Những mảnh đạn hình lưỡi liềm sắc như dao cạo nổ tung ra mọi phía, thường văng tới mấy mét khỏi điểm nổ ban đầu.

Nhà báo Hans Wulle-Wahlberg bước quanh quảng trường Potsdamer đang bị đạn pháo cày nát, thấy xác chết và cả những người đang hấp hối nằm la liệt khắp nơi. Anh thấy dường như một số người đã chết vì áp suất

của vụ nổ “làm xé toạc phổi của họ.” Đi lắt léo để tránh đạn nổ, anh chột nghĩ trước kia người Berlin cùng chống lại kẻ thù chung là những chiếc máy bay ném bom, nhưng “giờ họ không có thì giờ đâu mà bận tâm đến người chết hay bị thương nữa. Ai cũng bận rộn lo cứu cái mạng nhỏ của mình.” Đợt pháo kích tàn nhẫn này chẳng có khuôn mẫu gì. Nó cứ bắn lung tung không dứt. Dường như càng ngày nó càng mạnh thêm. Tiếng súng cối và tiếng nghiền ken két của mấy khẩu Katushka phóng tên lửa nhanh chóng nhập hội. Giờ phần lớn thời gian người ta đều ở trong hầm, trong các chỗ trú không kích, các boong-ke của tháp phòng không và nhà ga xe điện ngầm. Họ chẳng còn cảm giác về thời gian nữa. Ngày trôi qua mơ hồ giữa nỗi sợ hãi, hoang mang và chết chóc bủa vây. Những người Berlin vẫn luôn viết nhật ký tỉ mỉ cho tới ngày 21/4 thì đột nhiên bị lẫn lộn ngày tháng hết cả lên. Nhiều người viết là quân Nga vào trung tâm thành phố vào ngày 21 hoặc 22/4, dù khi đó Hồng quân còn đang chiến đấu ở ngoại ô. Nỗi khiếp sợ quân Nga của họ thường tăng thêm bởi một nhận thức tội lỗi. Ít nhất thì một số người Đức có biết về cách quân Đức đã hành xử trên đất Liên Xô, về những tội ác khủng khiếp và bí mật mà Đệ tam Quốc xã đã làm ở trại tập trung. Khi quân Nga tiến gần hơn, một nỗi sợ hãi như cơn ác mộng phủ khắp Berlin, ko giống với bất kỳ thành phố nào trước giờ, kể từ khi Carthage bị san bằng.^[63]

Elfriede Wassermann và chồng bà, Erich đã trốn trong căn hầm rộng lớn nằm cạnh nhà ga Anhalter. Erich bị mất chân trái ở chiến trường Nga hồi năm 43, và chỉ có thể đi lại bằng nạng. Trước đó, ông đã nhanh chóng nhận ra tiếng pháo nổ, và giục vợ xuống hầm. Elfriede đã gói ghém đồ đạc của hai người vào hai cái vali và hai túi to khác. Bà cho chiếc quần lính cũ của Erich lên trên quần áo của mình, và cho áo len cùng áo lông của mình lên trên cùng. Vì chồng bà phải chống nạng bằng cả hai tay, nên bà chất một túi lên lưng ông, cái còn lại quàng trước ngực. Một trong hai túi chứa đồ ăn: mấy ổ bánh mì vỏ cứng, vài lon thịt và rau đóng hộp. Elfriede bỏ một hũ bơ lớn vào một chiếc vali. Lúc họ tới được nhà ga Anhalter, căn hầm ở đó đã chật cứng. Elfriede cuối cùng cũng tìm được một chỗ cho hai người ở bên

cầu thang. Một ngọn đèn sáng yếu ớt treo trên đầu họ. Trong ánh sáng mờ mờ, có thể thấy người ta đứng chật kín từng bậc cầu thang của tòa nhà. Tình hình trong hầm thực không thể tin nổi. Tầng trên dành cho người bị thương, tiếng rên la của họ vang vọng cả ngày lẫn đêm. Nhà vệ sinh không dùng được vì không có nước; nên phân vương vãi khắp nơi. Ban đầu mùi hôi thối làm người ta thấy phát ói, nhưng rồi Elfriede và Erich cũng quen dần. Họ cứ ngồi đó thờ ơ, hầu như không nói chuyện, không biết bên ngoài đang xảy ra chuyện gì. Chỉ có một điều len lỏi vào tâm trí họ: tiếng trẻ con la hét liên hồi. Nhiều bậc cha mẹ đã hết sữa và đồ ăn. Elfriede thấy “ba em bé đưa đưa xuống từ tầng trên, và cả ba đều đã chết đói.” Ngồi cạnh Elfriede là một phụ nữ trẻ với đứa con chừng ba tháng tuổi. Ở trong hầm được một thời gian, Elfriede chợt nhận thấy đứa bé không còn nằm trong vòng tay mẹ nữa. Nó đang nằm trên nền xi măng ngay cạnh Elfriede, và đã chết. Người mẹ như đã dại đi. Elfriede cũng vậy; bà nhớ là “tôi thấy đứa bé đó chết nhưng lại chẳng thấy buồn thương gì cả.”

Trên đường Potsdamerstrasse, văn phòng của Cục Du lịch đang bị bắn phá. Trong căn hầm 44 phòng có hơn hai nghìn người, và bà Margarete Promest phụ trách căn hầm này bận rộn không ngơi tay. Ngoài dân chúng ra, mới đây còn có hai tiểu đoàn Volkssturm vừa chuyển vào, vì Margarete được bảo là “quân Nga đang đến ngày càng gần.”

Liên tục bị làm phiền và sắp gục tới nơi, Margarete cực kỳ biết ơn cú điện thoại bà vừa nhận được cách đây không lâu. Một người bạn thân đã tình nguyện tới đây đem cho bà ít đồ ăn. Khi bà quay vào hầm thì có 44 dân thường bị thương được đưa từ ngoài đường xuống đây. Margarete vội vàng đi hỗ trợ những người bị thương.

Một trong số bọn họ không thể cứu được nữa – bà lặng lẽ ngồi cạnh thi thể người bạn đem đồ ăn đến cho mình, Margarete thấy “ghen tị với nụ cười nhẹ nhàng và bình yên của cô ấy. Ít ra cô ấy sẽ không phải đi trên Con đường khổ nạn^[64].”

Trong khi ai nấy đều chạy xuống hầm trú ẩn trong suốt trận chiến thì được sĩ Hans Miede lại đang đi tuần, làm giám sát không kích cho hầm trú

ẩn công cộng ở số 61 đường Bismarckstrasse, quận Charlottenburg. anh cầm ghét đứng nhìn tấm áp phích trên tường tòa nhà đối diện, trong khi đạn đại bác đang nổ ầm ầm xung quanh. Dòng chữ to đùng trên đó viết “GIÂY PHÚT TRƯỚC BÌNH MINH LÀ LÚC TẮM TỐI NHẤT.”

Với bác sĩ Rudolf Hückel thì bình minh thật là xa xôi. Bà Annemaria vợ ông đã lo lắng cho nhà nghiên cứu bệnh học xuất chúng này suốt mấy tuần nay. Bà tin là ông sắp bị suy nhược thần kinh. Không lâu trước đó, ông đã cho bà xem một viên thuốc cyanide mà ông đã tăng cường độc tính cho nó bằng cách cho thêm axit acetic. Ông nói với bà, nếu tình hình Berlin xấu đi, bọn họ sẽ tự tử.

Từ lúc đó, bà Hückel đã thấy được “mức độ nghiêm trọng và sự vô nghĩa của chiến tranh, và cơn giận dữ của chồng tôi với Hitler đã choáng hết tâm trí ông ấy.” Sức chịu đựng của bác sĩ Hückel đã tới giới hạn. Sau mấy tiếng đồng hồ nghe tiếng pháo nổ, ông bác sĩ đột ngột đứng dậy, chạy ra mở cửa sổ và hét to hết cỡ, “Der Kerl muss umgebracht werden!” – Phải giết thẳng cha đó [Hitler]!

Hitler gõ gõ ngón tay lên bản đồ. Ông ta hét lên, “Steiner! Steiner! Steiner!” Quốc trưởng đã tìm ra đáp án. Ông ta quyết định để quân của tướng SS Felix Steiner tấn công tức thời từ khu rừng Eberswalde, bên hông Tập đoàn quân Thiết giáp 3 của Von Manteuffel; rồi tiến về phía nam, chặn mũi tiến công Berlin của quân Nga. Cuộc tấn công của Steiner sẽ khép lại khoảng cách bị hở ra khi cánh phía bắc của Tập đoàn quân 9 của tướng Busse bại trận. Trên bản đồ, đó có vẻ là một bước đi khôn ngoan. Hiện tại, mũi tiến công của Zhukov có dạng mũi tên, xuất phát từ sông Oder, mũi hướng thẳng vào Berlin. Dọc sườn phía bắc của Zhukov có một lá cờ nhỏ, trên đó ghi “Nhóm Steiner.” Hitler thấy tự tin trở lại. Cuộc tấn công của Steiner sẽ tái thiết lập mối liên hệ giữa Tập đoàn quân 3 với Tập đoàn quân 9.

Kế hoạch của ngài Quốc trưởng chỉ có một chỗ không ổn. Steiner gần

nếu không có lính. Trước đó, Heinrici đã quyết định để Steiner chỉ huy các nhóm tàn quân bị quân Nga đẩy lui về phía bắc. Không may là, do hỗn loạn trên diện rộng ngoài mặt trận, thêm nữa là thời gian thiếu hụt, nên không thể tập trung đủ quân để hình thành Nhóm Steiner được. Thực sự thì không có Nhóm Steiner nào cả. Nhưng cái tên đó vẫn tồn tại, và cả lá cờ nhỏ trên bản đồ của Hitler cũng thế.

Hitler gọi cho Steiner. Steiner nói, “Theo tôi nhớ thì cú điện thoại đó là vào khoảng 8 giờ rưỡi hay 9 giờ gì đó. Nguyên văn lời của Hitler là thế này: ‘Steiner, anh có biết là ngài Thống tướng [Goering] có một đội quân riêng ở Karinhall không? Cần giải tán đội quân này và đưa ra chiến trường ngay lập tức.’ Trong lúc tôi còn đang cố đoán điều đó nghĩa là thế nào thì ông ta nói tiếp, ‘Tôi đã ra lệnh mọi phương tiện có thể thu thập được ở giữa Berlin và biển Baltic cho tới Stettin và Hamburg cần được đưa vào cuộc tấn công này.’ Tôi phản đối, nói là đội quân do tôi chỉ huy không có kinh nghiệm, rồi tôi hỏi chính xác thì cuộc tấn công sẽ diễn ra ở đâu, và ngài Quốc trưởng không trả lời tôi. Ông ta cứ thế gác máy. Tôi hoàn toàn không biết mình phải tấn công bằng cái gì, ở đâu, và khi nào.”

Steiner gọi cho Krebs, giải thích tình hình của mình và nói với Chỉ huy trưởng của OKH là ông không có quân. “Rồi tôi nhớ lại việc Hitler đột nhiên gác máy. Lúc đó, tôi đang giải thích với Krebs là quân của tôi hoàn toàn không hề có kinh nghiệm, và bọn tôi cũng không có vũ khí hạng nặng. Hitler giảng cho tôi một tràng và chốt lại thế này, ‘Steiner, rồi anh sẽ thấy. Anh sẽ thấy. Bọn Nga sẽ phải chịu thất bại nặng nề nhất trước ngưỡng cửa Berlin.’ Tôi nói với ông ta rằng tôi thấy tình hình Berlin đã vô vọng rồi. Thế là tôi bị lơ luôn.”

Không lâu sau đó, Steiner có lệnh tấn công chính thức. Đoạn cuối tờ lệnh viết:

“Cấm không được rút lui về phía tây. Sĩ quan nào không tuân thủ mệnh lệnh này sẽ bị bắt và bị xử bắn ngay lập tức. Anh, Steiner, phải lấy đầu mình ra đảm bảo thực hiện mệnh lệnh này. Số phận của thủ đô tùy thuộc vào thành công của anh.

ADOLF HITLER.”

Sau khi nói chuyện với Steiner, Hitler gọi Tham mưu trưởng Không quân là tướng Koller đến. Hitler cao giọng nói, “Giao toàn bộ không quân có thể huy động được ở miền bắc cho Steiner chỉ huy và đưa tới chỗ ông ấy. Sĩ quan nào giữ người sẽ bị xử bắn trong vòng 5 tiếng đồng hồ. Nói cho họ biết như thế.” Rồi ông ta thét: “Anh, anh đó, lấy đầu anh ra mà đảm bảo thằng nào cũng phải ra trận.”

Koller ngây người ra. Đây là lần đầu ông nghe nói tới Nhóm Steiner. Ông gọi điện cho tướng Dethleffsen ở OKH hỏi, “Steiner đang ở chỗ nào? Chúng ta phải đưa quân đi đâu?” . Dethleffsen cũng không biết, nhưng hứa sẽ nhanh chóng tìm hiểu.

Suốt quãng thời gian điên rồ này, có một người lại không hề hay biết gì về toàn bộ kế hoạch, đó là Heinrici. Khi chuyện tới tai ông, Heinrici liền gọi cho Krebs. Heinrici giận dữ nói, “Steiner không đủ lực để tấn công. Tôi phản đối mệnh lệnh này. Tôi cực lực yêu cầu để Tập đoàn quân 9 rút lui. Nếu không làm thế thì đội quân duy nhất còn lại để bảo vệ Hitler và Berlin cũng sẽ tiêu tùng đấy Krebs. Giờ tôi nói cho anh biết, nếu đề nghị cuối cùng này không được chấp thuận, thì tôi sẽ xin từ chức.” Heinrici hỏi có thể để ông gặp Hitler để bàn bạc về tình hình được không. Krebs thẳng thừng bác bỏ. Ông ta nói, “Việc đó là không thể nào. Quốc trưởng đã quá tải rồi.”

Chính xác thì, Heinrici viết về kết quả của cuộc nói chuyện trên trong nhật ký chiến tranh của ông như sau: “Tôi khẩn khoản yêu cầu các quan chức cấp cao hãy ghi nhớ rằng họ phải có trách nhiệm với binh lính, nhưng tôi đã bị từ chối bằng một câu, ‘Trách nhiệm đó thuộc về Quốc trưởng.’”

Sinh mệnh của Cụm Tập đoàn quân Vistula đang dần đi tới hồi kết. Heinrici biết họ chỉ có thể cầm cự thêm vài ngày nữa. Sự nghiệp của ông có vẻ cũng sắp tiêu tan rồi. Viên thượng tướng hiểu rất rõ, sự ngoan cố không chịu khuất phục của mình về cách đánh trận chiến sắp thua tới nơi này sẽ bị Krebs coi là kiểu tư tưởng chủ bại tồi tệ nhất. Trong đêm 21/4, Heinrici được tin Tham mưu trưởng của Cụm Tập đoàn quân Vistula, tướng Eberhard Kinzel sẽ bị thay thế mà không hề báo trước. Người sẽ đảm nhiệm vị trí đó là Thiếu tướng Thilo von Trotha, một trong những môn đồ hăng hái nhất của Hitler. Heinrici tin là Krebs cố ý đưa Von Trotha tới đây để gây

ảnh hưởng lên các quyết định của ông. Nếu vậy thì ông ta đã uống công.

Heinrici nói với Đại tá Eismann, “Tôi biết thằng cha Von Trotha này. Có lẽ hẳn ta cũng khá thông minh đấy, nhưng luôn thích thêm mắm dặm muối; thuộc dạng lạc quan điên rồ.” Ông mĩa mai, “Người đâu cứ ở trên mây.” Heinrici quyết định, khi Von Trotha tới, ông sẽ cô lập hẳn ta hoàn toàn và sẽ chỉ bàn bạc với Eismann mà thôi. Làm lơ kẻ được Hitler sủng ái là một bước đi nguy hiểm, nhưng giờ Heinrici không rảnh bận tâm đến điều đó.

Trước rạng đông ngày 22, Heinrici lại nhận được thông báo thứ hai. Sĩ quan chỉ huy Berlin, tướng Reymann gọi điện cho ông và nói, “Tôi bị cách chức rồi.” Vụ việc diễn ra sau đó thì cứ như một tuồng hề. Người kế nhiệm Reymann là một nhân vật cao cấp khác trong đảng Nazi, một đại tá Kaether nào đó, một kẻ vô danh tiểu tốt tới mức tên riêng của ông ta đã bị biến mất trong dòng chảy lịch sử. Kaether lập tức được thăng vượt cấp lên hàm thiếu tướng, bỏ qua hàm chuẩn tướng. Ông ta vui sướng dành cả ngày để gọi điện báo tin cho bạn bè. Đến chiều tối thì Kaether lại trở về với hàm đại tá, và bị cách chức: Hitler quyết định tạm thời tự mình chỉ huy.

Trong khi đó, người có tương lai gắn bó chặt chẽ với những ngày tháng cuối cùng của thành phố lại đang gặp rắc rối nghiêm trọng. Tướng Karl Weidling đã mất liên lạc hoàn toàn với các sở chỉ huy, kể cả với cấp trên trực tiếp của ông là tướng Busse. Quân đoàn Thiết giáp 56 của Weidling đã quá sức tới tởm, và thường xuyên bị Tập đoàn quân tăng Cận vệ 1 của tướng Katukov bao vây, tới mức ông đã mất toàn bộ liên lạc với các đồng nghiệp. Người ta đang đồn ầm lên là Weidling cố ý rút lui, mà Weidling thì chẳng thể nào bác bỏ tin đồn được. Chuyện tới tai Hitler. Và cả Busse nữa. Sau khi đợi tin tức trong gần 24 giờ đồng hồ, cả hai đã ra lệnh bắt giữ và xử bắn Weidling ngay tức khắc.

Khi màn khói ở ngoại ô Bernau tan đi, Đại úy Sergei Golbov thấy những người tù đầu tiên bước ra khỏi phòng tuyến của họ. Trận giao tranh vừa rồi cực kỳ thảm khốc. Quân của Chuikov mất gần nửa ngày mới tiến thêm

được 5 dặm tại vùng này, còn cách Berlin 14 dặm về phía đông bắc. Nhiều chỗ trong thị trấn đang bốc cháy phừng phừng, nhưng xe tăng vẫn băng qua, đi theo hướng tây nam để tới các quận Pankow và Weissensee. Golbov ngồi trên chiếc xe máy mới tịch thu được, quan sát các tù binh. Anh nghĩ, bọn họ trông thật thảm – “mặt xám ngắt, đầy bụi đất, cả người vồng xuống vì kiệt sức.” Golbov nhìn quanh quất, anh thấy giữa những công trình của con người tạo ra với của thiên nhiên có sự khác biệt quá lớn. Những vườn cây ăn trái bắt đầu trổ hoa. “Những nụ hoa đó trông như bông tuyết, còn các khu vườn nhỏ ở ngoại ô đều tràn ngập hoa, nhưng rồi những cỗ máy chiến tranh to đùng, đen thui – những chiếc tăng – lại lăn bánh qua đó, thật quá sức tương phản!”

Golbov móc từ trong túi áo quân phục ra một tờ báo Sao Đỏ, cẩn thận xé một góc, trút ít thuốc lá vào đó rồi cuộn thành một điếu thuốc. Ai cũng dùng tờ Sao Đỏ, nó có giấy mỏng và dễ cháy hơn mấy tờ Pravda (Sự Thật) hay Izvestia (Tin Tức). Khi châm thuốc, anh chợt thấy một viên thiếu tá Đức khập khiễng đi về phía mình.

Người đó hét lên bằng tiếng Ba Lan, “Để vợ tao yên! Để vợ tao yên!” Golbov đứng nhìn viên sĩ quan mắt long sòng sọc đi cà nhắc tới chỗ anh, anh thấy chả hiểu gì. Khi ông ta tới gần hơn, Golbov xuống xe và đi tới chỗ ông ta. Tay ông ta chảy máu ròng ròng.

Ông ta giơ cánh tay đầm đìa máu lên, Golbov thấy có vẻ ông ta đã cắt cổ tay. Ông ta thở hổn hển, “Tao sắp chết rồi. Tao đã tự cắt tay. Nhìn đây!” Ông ta chìa cánh tay đầm máu về phía Golbov. “Đấy! Mà để vợ tao yên được chưa?”..

Golbov nhìn ông ta đăm đăm. Anh nói, “Thằng ngu. Tao còn nhiều thứ phải làm lắm, hơi đâu làm phiền vợ mày.” Anh gọi tổ cứu thương, rồi giữ chặt cổ tay ông ta để cầm máu trong lúc chờ người tới sơ cứu. Khi tổ cứu thương tới, Golbov nghĩ có lẽ đã quá muộn. Người đó vẫn cứ la hét “Để vợ tao yên! Để vợ tao yên!” Golbov dựa vào chiếc xe và lại châm thuốc. Anh nghĩ, có vẻ Goebbels đã làm rất tốt; bọn họ nghĩ chúng ta là ai chứ, quý chắc?

Nước mắt lăn dài trên gương mặt, Bruno Zarzycki đứng trên đường nhìn đội quân giải phóng đi qua, ông đã chờ họ quá lâu rồi. Nhà lãnh đạo Cộng sản của vùng Neuenhagen-Hoppegarten, cách Berlin 12 dặm, hết sức sung sướng vì giờ ai cũng có thể thấy điều mà ông đã biết từ lâu: mấy lời tuyên truyền của Goebbels về Liên Xô đều đã được thêu dệt nên từ những lời nói dối độc địa nhất. Lính Hồng quân đã vào Neuenhagen rồi nhanh chóng đi qua đây, ai nấy nai nịt gọn gàng, tiến về phía tây, hướng tới các quận Weissensee và Lichtenberg. Thực tế thì không hề có giao tranh gì trong thị trấn này cả. Phần lớn các đảng viên Nazi địa phương đã đi khỏi đây từ ngày 15/4. Lúc đó, Bruno đã nói với thị trưởng Otto Schneider, “Khi nào tôi thấy những người lính Nga đầu tiên, tôi sẽ ra đó gặp bọn họ với lá cờ trắng trong tay. Có chiến đấu cũng vô ích.”

Viên thị trưởng đồng ý. Chỉ có một người chống trả: Hermann Schuster, một kẻ cuồng tín, tổ trưởng tổ công tác xã hội của đảng. Ông ta rào quanh nhà, rồi nã đạn vào các đội trinh sát đầu tiên. Đó là một trận đánh một chiều. Quân Nga dễ dàng dẹp tan Schuster và căn nhà bằng mấy quả lựu đạn. Bruno và những người cộng sản khác đốt rụi mấy cái băng đeo tay Volkssturm của mình rồi đi gặp quân Nga với lá cờ trắng trên tay. Bruno cảm thấy hạnh phúc hơn bao giờ hết.

Ông chia sẻ mọi thông tin mình có với quân Liên Xô và nói với bọn họ là ông và các bạn mình “đã, đang và sẽ luôn chống phát xít.” Đối với Bruno, quân Zhukov tới đã đem đến một liều thuốc nhiệm màu mà ông đã mong chờ nhiều tuần nay: mấy vết lở loét của ông đã biến mất. Lần đầu tiên ông có thể ăn uống mà không bị buồn nôn hay đau đớn gì.

Liều thuốc đã có hiệu quả khá ngăn ngui. Sau đó vài tuần, ông tự tin đưa cho đội quân chinh phục bản kế hoạch điều hành thị trấn chi tiết trong tương lai của mình, và bị bác bỏ. Một quan chức Nga nghe ông trình bày, rồi đáp cụt lùn một chữ: “Không.” Ngày hôm đó – ba tháng sau ngày Bruno Zarzycki tự hào đứng nhìn thần tượng của mình đi qua – những vết lở loét mà ông luôn gọi là “đồ phát xít” đã quay trở lại, tồi tệ hơn bao giờ hết.

Trong trại giam Lehrterstrasse, hạ sĩ Herbert Kosney, bị tuyên án tử hình, không biết vận may của mình có thể cầm cự được bao lâu. Án tử hình do chính quyền dân sự tuyên vẫn chưa được tòa án quân sự thẩm định. Herbert đang sống bằng thời gian vay mượn. Vào ngày 20, anh được thông báo là tòa quân sự sẽ xử vụ của anh vào ngày hôm sau. Anh biết rõ lời phán quyết là gì, và có lẽ anh sẽ bị xử bắn ngay sau đó. Nhưng sáng hôm sau, khi lính gác đưa anh đến tòa án ở Plötzensee, cả tòa nhà trống rỗng: ai nấy đều đã trốn vào hầm trú ẩn.

Dù đợt pháo kích bất ngờ của quân Nga đã cứu mạng anh, nhưng việc trì hoãn này chỉ là tạm thời. Kosney nghe nói phiên tòa xử anh sẽ dời qua thứ hai, ngày 23. Quân Nga là tia hi vọng cuối cùng của Herbert. Nếu họ không tới được nhà tù trước ngày hôm đó, anh chắc chắn sẽ phải chết.

Vì có pháo kích nên tù nhân được đưa xuống hầm. Herbert thấy lính gác tự dưng thân thiện hẳn ra. Có tin đồn là một số tù nhân đã được thả ra và những người khác cũng có thể được ra khỏi đây trong vài giờ tới. Herbert cầm chắc là mình sẽ bị giữ lại, nhưng anh hi vọng anh trai mình, Kurt, có thể được ra ngoài.

Kurt cũng có nghe tin đồn, nhưng anh biết một chuyện mà Herbert không biết – đó là tin đồn cũng có phần đúng. Một số người theo đạo Nhân chứng Jehovah^[65] – bị buộc tội trốn lính, phải làm rất nhiều việc vặt trong tù – được gọi tên, và bọn họ được cấp lệnh thả, cho phép họ rời khỏi nhà tù. Kurt để ý thấy có một người trong số đó không vội vàng đi khỏi đây cho lắm. Người đó đang ngồi cạnh một cái bàn trong hầm, cẩn thận vét sạch từng mẩu đồ ăn cuối cùng trên chiếc đĩa thiếc của mình. Kurt hỏi, “Sao anh không đi với mấy người kia?” Anh ta giải thích rất đơn giản: “Nhà tôi ở Rhineland, cạnh giới tuyến của quân Đồng minh phương Tây. Chẳng thể nào đi tới đó được. Tôi sẽ ngồi chết dí ở đây chờ mọi chuyện xong xuôi.”

Kurt liếc tờ lệnh thả của anh ta. Nếu anh ta không định dùng tới, thì anh biết có người có thể dùng. Khi các tù nhân tiếp tục ăn, Kurt vẫn trò chuyện với anh ta, xích lại gần tấm giấy màu vàng báo hiệu cho tự do. Sau một hồi tán gẫu thân mật, Kurt đã thành công trong việc xoáy được tờ giấy cho vào

trong túi áo; rồi đi khỏi đó mà không hề bị phát hiện.

Anh nhanh chóng tìm được Herbert và đưa cho em trai tờ lệnh thả quý giá. Nhưng ngạc nhiên thay, Herbert lại từ chối. Herbert nói mình đã bị tuyên án tử, có thể nào thì mật vụ Gestapo cũng sẽ bắt được anh. Kurt chỉ bị bắt vì bị nghi là cộng sản; anh vẫn chưa bị buộc tội gì cả. Herbert nói với anh trai, “Anh có cơ hội lớn hơn. Anh đi đi.” Rồi anh nói thêm, cố tỏ ra hào hứng, “Có khi hôm nay cả hai đứa mình sẽ được thả ra đấy. Vậy nên anh cứ đi trước đi.”

Một lát sau, Kurt Kosney lấy cái túi ngủ phủ lên vai, bước vào phòng lính gác dưới tầng trệt và đứng vào hàng người theo đạo Nhân chứng Jehovah đang chờ được thả. Một người lính gác là trung sĩ SS, tên Bathe có biết Kurt, anh ta nhìn thẳng vào anh. Nhất thời, Kurt nghĩ mình sẽ bị tóm lại và tống vào ngục. Nhưng Bathe lại quay đi. Người ngồi sau chiếc bàn nói, “Người kế.” Kurt đưa tờ lệnh thả ra.

Năm phút sau, cầm tờ lệnh đã đóng dấu chính thức trong tay, Kurt Kosney đứng đó, trên đường phố bên ngoài nhà tù. Anh đã thành người tự do. Ngoài đường, đạn xẹt như mưa, và “mảnh đạn văng tùm lum khắp nơi,” nhưng Kurt hầu như không để ý. Anh thấy “mừng tới phát cuồng – như thể vừa nốc hai chục chai brandy vậy.”

Quân Nga đã tới Zossen. Đoàn xe tăng của Tập đoàn quân Tăng Cận vệ 3 của tướng Rybalko chiếm được trụ sở của Bộ Chỉ huy Tối cao còn nguyên vẹn, cùng với một đám kỹ sư, lính lái và kỹ thuật viên. Số còn lại đã đánh bài chuẩn.

Những anh lính tăng mệt mỏi và lấm lem bụi đất của Rybalko chớp chớp mắt ngạc nhiên trước ánh đèn sáng rực trong các căn phòng rộng lớn dưới tầng hầm. Khi đi qua các phòng tranh, phòng sinh hoạt và văn phòng, dấu vết của cuộc đào tẩu tốc hành vẫn còn hiển hiện khắp nơi. Thiếu tá Boris Polevoi, một chính ủy trong sở chỉ huy của Koniev thấy sàn nhà vương vãi bản đồ và giấy tờ. Trong một căn phòng nhỏ, có một chiếc áo đầm nằm trên bàn; gần đó là một chiếc cặp da đựng đầy ảnh chụp gia đình.

Hệ thống tổng đài điện thoại Exchange 500 bị chiếm mà không có chút sút mẻ gì. Người ta đứng ngoài ngưỡng cửa, há hốc mồm nhìn đèn sáng

nhấp nháy trên bảng kiểm soát, giờ chẳng còn ai vận hành. Có những tấm biển to gắn vào bảng kiểm soát, đã viết bằng tiếng Nga rất chuẩn mực: “Gửi các bạn lính! Đừng phá hủy hệ thống này. Nó sẽ rất có giá trị với Hồng quân đấy.” Polevoi và các sĩ quan khác đoán những nhân viên người Đức chạy khỏi đây “đã dựng mấy tấm biển đó để cứu mạng chính mình.”

Trong số những người ở trung tâm chỉ huy bị bắt có Hans Beltow, kỹ sư trưởng của các hệ thống điện phức tạp, ông đang giới thiệu hệ thống Exchange 500 với người Nga. Thông qua các nữ phiên dịch người Nga, Beltow giải thích là có một tổng đài viên vẫn ở lại đây, tận tới khi sở chỉ huy sắp bị chiếm mới đi. Quân Nga cho máy ghi âm phát lại các đoạn hội thoại cuối cùng của người đó, rồi đứng nghe trong căn phòng rộng thênh thang không chút tỳ vết. Trong những phút cuối cùng Zossen còn nằm trong tay người Đức, các cuộc điện thoại vẫn tiếp tục đổ về từ mọi miền của đế chế Đức đang teo tóp cực nhanh, và toàn bộ đều được ghi âm lại.

Một người nói bằng tiếng Đức, “Tôi cần gọi điện khẩn tới Oslo.” Người trực tổng đài ở Zossen nói, “Xin lỗi, nhưng chúng tôi không chuyển cuộc gọi được. Tôi là người cuối cùng còn ở đây.”

“Chúa ơi, chuyện gì đang diễn ra vậy...?”

Một giọng khác: “Chú ý, chú ý. Tôi có điện khẩn...”

“Chúng tôi không nhận bất kỳ bức điện nào nữa.”

“Còn liên lạc với Prague được không? Ở Berlin sao rồi?”

“Bọn Nga sắp tới cửa rồi. Tôi kết thúc đây.”

Zossen đã thất thủ. Trừ cuộc kiểm tra ngăn ngui này ra, quân Koniev hầu như không dừng chân lại đây. Một hàng xe tăng đang tiến về Potsdam; một hàng khác thì đã vượt qua kênh Nuthe và tới Lichtenrade, phía nam quận Tempelhof của Berlin. Những chiếc tăng khác thì tiến về Teltow và giờ đang vượt qua phòng tuyến phía nam kênh Teltow. Đằng sau nơi đó chính là hai quận Zehlendorf và Steglitz.

Đến chiều tối ngày 22, quân Koniev đã phá được phòng tuyến phía nam Berlin và tới Berlin sớm hơn Zhukov cả một ngày.

Trong căn hầm Führerbunker, hội nghị quân sự như thường lệ bắt đầu vào lúc 3 giờ chiều. Trong lịch sử 12 năm của nền Đệ tam Quốc xã, chưa bao giờ có một ngày thế này. Những lời lạc quan mọi khi nay chẳng hề thấy đâu. Mặt trận Oder đã thất thủ. Tập đoàn quân 9 dần bị bao vây. Đơn vị mạnh nhất của nó, Quân đoàn Thiết giáp 56 thì bị mất liên lạc và chẳng biết ở đâu.^[66] Steiner thì không thể tấn công được. Berlin gần như đã bị bao vây. Các tư lệnh đang bị thay thế từng giờ. Đế chế Đức đang trong cơn hấp hối quần quai, và con người là đầu dây mối nhợ của nó giờ đã bỏ cuộc.

Thông báo của Hitler khơi dậy một cơn lũ chữ rửa diên cuồng không kiềm chế nổi, trong đó ông ta buộc tội các tướng lĩnh, cố vấn, binh lính và nhân dân Đức, những người đã bị ông ta kéo vào tai ương. Hitler lặp bặp rằng đã đến hồi kết; mọi thứ đã sụp đổ; rằng ông ta không thể tiếp tục được nữa; ông ta đã quyết định ở lại Berlin, tự chỉ đạo công tác phòng ngự của thành phố – và sẽ tự sát vào phút cuối. Tướng Krebs và đại diện của Không quân là tướng Eckhardt Christian đều bị sốc cực độ. Cả hai thấy Hitler dường như đã suy sụp tinh thần hoàn toàn. Chỉ có Jodl là giữ được bình tĩnh, vì Hitler đã nói hết với viên Tư lệnh hành quân từ 48 giờ trước.

Những người có ở đó cố thuyết phục vị Quốc trưởng gần như đã loạn trí rằng họ vẫn chưa mất tất cả. Họ nói, ông ta phải chịu trách nhiệm trước đế chế Đức, và phải rời khỏi Berlin, vì không thể kiểm soát tình hình từ thủ đô được nữa. Người từng chống đỡ thế giới của bọn họ giờ lại thô lỗ từ chối họ. Hitler nói ông ta sẽ ở lại Berlin. Những người khác có thể đi bất cứ đâu họ muốn. Ai nấy đều sững sờ. Để nhấn mạnh ý mình, Hitler khẳng định rằng ông ta định thông báo công khai về sự hiện diện của mình tại Berlin. Rồi ông ta đọc một bản tuyên bố để phát sóng ngay sau đó.

Những người có ở đó cố thuyết phục ông ta đừng phát sóng liền. Thông báo sẽ được dời sang hôm sau. Trong khi đó, các sĩ quan và phụ tá trong hầm gọi cho các đồng nghiệp ở ngoài thành phố để gia tăng sức ép lên Quốc trưởng. Himmler, Doenitz và cả Goering cùng gọi tới, cũng van nài giống những đồng nghiệp, hi vọng Hitler đổi ý. Nhưng Hitler sẽ không nghe lời can ngăn.

Jodl bị gọi đi nghe điện thoại. Trong lúc ông đi khỏi đó, Keitel bảo muốn nói chuyện riêng với Hitler, nhằm thuyết phục ông ta. Phòng họp trống không. Theo lời Keitel kể, ông đã nói với Hitler là có hai khả năng còn đang để ngỏ: “một là đề nghị đầu hàng có điều kiện trước khi Berlin trở thành chiến trường.” còn không thì sắp xếp “cho Hitler bay tới Berchtesgaden và bắt đầu đàm phán ngay từ đó.” Theo Keitel, Hitler “không cho tôi nói thêm gì nữa. Ông ta ngắt lời và nói, ‘Tôi đã quyết định xong rồi. Tôi sẽ không rời khỏi Berlin. Tôi sẽ chống cự tại đây tới giây phút cuối cùng. Cho dù là tôi sẽ thắng trận ở thủ đô của đế chế Đức, hay là tôi sẽ ngã xuống nơi đây, như một biểu tượng của đế chế Đức.’”

Keitel thấy quyết định đó thật điên rồ. Ông nói với Hitler, “Tôi buộc phải yêu cầu ngài hãy bay tới Berchtesgaden ngay tối nay.” Hitler không chịu nghe nữa. Ông ta gọi Jodl trở lại, và trong buổi họp riêng với hai người sĩ quan, ông ta “ra lệnh cho bọn tôi bay tới Berchtesgaden và cùng nắm quyền với Goering, cấp phó của Hitler.”

Keitel phản đối, “Bảy năm nay, tôi chưa bao giờ từ chối thực thi mệnh lệnh nào của ngài, nhưng lần này tôi sẽ không làm. Ngài không thể bỏ rơi quân đội trong cơn hoạn nạn được.” Hitler đáp, “Tôi sẽ ở lại đây. Điều này sẽ không thay đổi.” Rồi Jodl đề nghị là có thể để đoàn quân của Wenck đi từ sông Elbe tới Berlin^[67].

Keitel nói sẽ lập tức đi tới mặt trận phía tây, gặp tướng Wenck, “bỏ hết các mệnh lệnh trước đó dành cho ông ấy và bảo Wenck hành quân tới Berlin để hợp quân với Tập đoàn quân 9.”

Cuối cùng Hitler cũng nghe được một đề nghị lọt tai. Keitel thấy lời đề nghị đó có vẻ đã “giúp Hitler thấy nhẹ nhõm phần nào trong bối cảnh cực kỳ tồi tệ này.”

Một lát sau, Keitel rời khỏi đó để tới sở chỉ huy của Wenck.

Một số sĩ quan không có mặt trong hội nghị, chẳng hạn như Tham mưu trưởng Không quân, tướng Karl Koller rất ngạc nhiên khi hay tin Quốc trưởng ngã bệnh, tới mức họ không chịu tin vào báo cáo của người đại diện của chính mình tại hiện trường. Koller vội chạy tới sở chỉ huy mới nhất của

Jodl ở Krampnitz, cách Potsdam 5 dặm về phía đông bắc, và được kể lại đúng nguyên văn. Jodl nói với Koller, “Tin anh nghe được là đúng rồi đó.”

Ông cũng nói với viên tham mưu trưởng Không quân rằng Hitler đã bỏ cuộc và định tự tử vào giờ phút cuối cùng. Jodl nói tiếp, “Hitler nói là ông ta không thể tham gia trận chiến vì lý do sức khỏe, và ông ta sẽ không làm thế để tránh bị rơi vào tay giặc. Bọn tôi đều đã cố khuyên can hết lời rồi. Nhưng Hitler nói không thể tiếp tục được nữa và giao phó mọi chuyện cho ngài Thống tướng. Một vấn đề đặt ra là quân lính sẽ không chịu chiến đấu dưới trướng Goering, nhưng Quốc trưởng lại nói: ‘Chiến đấu à, ý anh là sao hả? Chẳng cần phải chiến đấu gì nhiều nữa, và trong việc đàm phán thì ngài Thống tướng có thể làm tốt hơn tôi.’”

Jodl nói thêm, “Hitler nói quân lính không còn chiến đấu nữa, rào cản xe tăng ở Berlin thì đang mở toang hoác và chẳng có ai phòng thủ.”

Trong căn hầm Führerbunker, rõ ràng ý Hitler đúng y những lời ông ta đã nói. Ông ta dành hàng giờ để lựa tài liệu, giấy tờ rồi đem ra sân đốt. Rồi ông ta cho gọi vợ chồng Goebbels và các con tới. Bọn họ sẽ phải ở lại trong hầm với ông ta cho tới cùng. Tiến sĩ Werner Naumann, trợ lý của Goebbels trước đó có nghe “Goebbels thấy hành động đúng đắn nhất khi bại trận là ngã xuống ngoài chiến trường hoặc là tự sát.” Bà Magda Goebbels, vợ của vị bộ trưởng cũng thấy vậy. Khi nghe nói gia đình Goebbels sắp chuyển vào Dinh Thủ tướng, Naumann biết là “bọn họ sẽ cùng chết ở đó.”

Cũng như Hitler, Goebbels cực kỳ khinh bỉ “những kẻ phản bội và không xứng đáng.” Trước hôm Quốc trưởng nổi cơn, Goebbels gọi điện cho các nhân viên trong bộ tuyên truyền và nói, “Người Đức đã thua trận. Ở miền đông, người ta đang chạy trốn, miền tây thì vẫy cờ trắng đầu hàng. Nhân dân Đức đã tự lựa chọn số phận của mình. Tôi không ép ai làm đồng sự của mình cả. Sao các bạn lại làm việc với tôi? Giờ các bạn sắp bị cắt cổ rồi đó! Nhưng tin tôi đi, khi chúng ta rời khỏi đây, mặt đất sẽ phải rung chuyển.”

Theo tiêu chuẩn của Hitler, có vẻ như chỉ những ai định tự tử và vùi mình trong mộ mới được coi là trung thành. Tối hôm đó, các đội SS lùng sục từng căn nhà, tìm những kẻ đào ngũ. Hình phạt rất nhanh gọn. Ở quảng

trường Alexanderplatz gần đó, một người chạy nạn vừa mới tới Berlin tên Eva Knoblauch, 16 tuổi phát hiện thấy thi thể của một binh nhì Lục quân trẻ tuổi nằm vắt vẻo trên trụ đèn đường. Có một tấm thẻ to màu trắng buộc vào chân xác chết. Trên đó viết: “Tôi là kẻ phản bội. Tôi đã trốn chạy khỏi nhân dân mình.”

Suốt cái ngày quyết định này, Heinrici đang đợi tin tức mà ông thấy hẳn phải sắp tới, rằng Hitler đã cho phép Tập đoàn quân 9 rút lui. Quân của Busse đang bị bao vây và bị chia cắt khỏi các tập đoàn quân ở hai bên sườn của nó, và sắp bị tiêu diệt tới nơi. Krebs thì cứ khẳng khẳng bảo phải giữ vị trí.

Thậm chí ông ta còn đi xa hơn: ông ta đề nghị để một vài đơn vị của Tập đoàn quân 9 thử đánh về phía nam mở đường hợp quân với Đại nguyên soái Schörner. Bản thân Busse đang phức tạp hóa vấn đề. Heinrici đã cố bảo Busse rút lui dù không có lệnh; nhưng Busse kiên quyết từ chối, dù chỉ là cân nhắc vấn đề, trừ khi có lệnh cụ thể từ Quốc trưởng.

Đến 11 giờ trưa ngày 22/4, Heinrici cảnh báo với Krebs là đến chiều tối hôm đó, Tập đoàn quân 9 sẽ bị cắt thành nhiều mảnh. Krebs tự tin dự đoán rằng nguyên soái Schörner sẽ giải quyết được tình hình bằng cách tiến quân về phía bắc để hợp quân với Busse. Heinrici rành hơn. Ông nói với Krebs, “Schörner sẽ phải mất mấy ngày mới phát động tấn công được. Tới lúc đó thì Tập đoàn quân 9 chẳng còn tồn tại nữa rồi.”

Tình hình đang xấu đi từng giờ, và Heinrici giục Krebs hãy làm gì đó hết lần này tới lần khác. Ông nổi điên, “Anh bắt tôi giữ nguyên vị trí, đồng thời bảo tôi phải làm mọi thứ có thể để Quốc trưởng ở Berlin không bị bao vây. Bất chấp mong muốn của tôi, bất chấp đề nghị xin từ chức của tôi, tôi lại không được rút đoàn quân duy nhất còn dùng được để bảo vệ Quốc trưởng và Berlin.” Sở chỉ huy của Quốc trưởng không chỉ gây khó khăn cho Busse; giờ lại còn yêu cầu Tập đoàn quân 3 của Von Manteuffel phải đẩy lùi quân Rokossovskii ra khỏi sông Oder – một mệnh lệnh bất khả thi, tới mức Heinrici phải há hốc mồm khi nhận được lệnh này.

Lúc 12:10, Heinrici cảnh báo với Krebs: “Tôi tin đây là phút chót còn kịp cho Tập đoàn quân 9 rút lui.” Hai tiếng sau, ông gọi lại nhưng Krebs đã

rời khỏi hội nghị của Quốc trưởng. Heinrici nói với tướng Dethleffsen, “Chúng ta phải có quyết định.” Đến 2:50 chiều, Krebs gọi cho Heinrici. Quốc trưởng đã đồng ý cho một số đơn vị của Tập đoàn quân 9 ở mạn bắc phía ngoài rút lui, từ bỏ Frankfurt. Heinrici hừ mũi. Biện pháp nửa vời này chẳng thể giúp tình hình cải thiện được bao nhiêu. Ông không nói cho Krebs biết là thành phố đó vẫn đang được trấn giữ ổn thỏa bởi người Hitler từng nhận định “không phải là Gneisenau,” tức Đại tá Bieler. Giờ Bieler sẽ thấy khó lòng rút lui được. Gì thì gì, sự chấp thuận đến quá muộn màng. Tập đoàn quân 9 đã bị bao vây.

Gần 2 tiếng sau, Krebs lại gọi tới tiếp. Lần này ông ta nói với Heinrici là hội nghị của Quốc trưởng đã quyết định để Tập đoàn quân 12 của tướng Wenck rời khỏi vị trí ở mặt trận phía tây. Wenck sẽ phát động tấn công về phía đông, hướng vào Berlin, giải tỏa bớt áp lực. Đó quả là một thông báo đáng ngạc nhiên; Heinrici lạnh lùng bình luận: “Bọn họ sẽ rất được hoan nghênh đấy.”

Nhưng Tập đoàn quân 9 vẫn chưa nhận được lệnh cho rút lui toàn bộ. Dù bọn họ đã bị bao vây, nhưng Heinrici tin là quân của Busse vẫn còn đủ sức để bắt đầu hành quân về phía Tây. Giờ đây, việc Krebs báo tin về Wenck – thực tình Heinrici chưa từng nghe đến tên Wenck trước đó – đã mở ra một cơ hội mới. Sau này Heinrici kể, “Cái tin đó đem lại hi vọng rằng vẫn có thể cứu được Tập đoàn quân 9 trước tình thế hiểm nghèo của nó.” Heinrici gọi cho Busse. Ông nói, “Krebs mới nói cho tôi là quân của Wenck sẽ quay lại và tiến tới chỗ anh.” Ông chỉ đạo Busse cho sư đoàn mạnh nhất rút lui, đột phá qua quân Nga, rồi tiến về phía Tây để gặp Wenck. Busse phản đối, vì làm thế sẽ khiến ông yếu đi nhiều. Nhưng Heinrici đã chịu đựng quá đủ rồi. Ông nghiêm khắc cắt ngang, “Đây là mệnh lệnh dành cho Tập đoàn quân 9. Cho một sư đoàn rút lui và tìm cách hợp quân với tướng Wenck.” Ông kết thúc cuộc tranh luận tại đây.

Quanh vành đai thành phố, một quầng sáng đỏ mờ phảng phất trên bầu trời đêm. Lửa bùng bùng cháy khắp các quận, và pháo thì dội không ngừng. Nhưng trong căn hầm của nhà tù Lehrterstrasse lại có một cảm giác hân hoan và phấn khích đang dần lan tỏa. Chiều nay, vừa có 21 người

được thả. Sau đó, một số đồ đạc có giá trị của các tù nhân còn lại được trả về. Theo các lính gác, việc này là để đẩy nhanh quy trình phóng thích tù nhân. Giờ các tù nhân có thể được thả bất kỳ lúc nào. Có người nghĩ mình có thể về nhà trước khi trời sáng. Đến cả Herbert Kosney cũng cảm thấy mình đã đánh bại được án tử hình.

Một người lính gác bước vào hầm. Anh ta nhanh chóng đọc tên từ bản danh sách trên tay. Mọi người căng thẳng lắng nghe từng cái tên được gọi. Có một người cộng sản, một tù binh chiến tranh người Nga và mấy người Kosney biết là nghi phạm trong âm mưu ám sát Hitler năm 1944. Người lính gác đọc to từng tên: "... Haushofer ... Schleicher ... Munzinger ... Sosinow ... Kosney ... Moll...." Một cơn sóng hi vọng chột dâng trào trong lòng Herbert khi anh nghe thấy tên mình được gọi.

Mười sáu người tù được thả ra. Sau khi đếm xong, người lính gác dẫn họ ra phòng bảo vệ. Rồi họ đứng chờ ngoài cửa, từng người một được gọi vào. Khi đến lượt Kosney, anh thấy có 6 tên lính SS trong phòng, cả đám đều đã say khướt. Một gã liếc nhìn tên anh và trao lại đồ đạc cá nhân đã tịch thu lúc bị bắt cho anh. Chúng ít ỏi đến thảm hại: thẻ lương quân đội, một cây bút chì và một cái bật lửa. Herbert ký nhận, rồi lại ký vào một tờ đơn xác nhận anh đã được thả. Một tên lính SS nói với anh, "Ha, anh sắp được gặp lại vợ mình rồi đó."

Quay lại căn hầm, họ được lệnh gói ghém đồ đạc. Kosney không thể tin nổi mình lại may mắn đến thế. Anh gói ghém thật nhanh, cẩn thận xếp gọn bộ đồ vía vợ tặng nhân dịp kỷ niệm 4 năm ngày cưới. Xong xuôi, anh quay qua giúp người bạn tù của mình, Haushofer. Đồ đạc của Haushofer có một ít thức ăn, gồm một chai rượu và một lát bánh mì đen. Haushofer không thể nhét nổi lát bánh vào trong ba lô, nên anh tặng luôn cho Kosney. Họ phải chờ khá lâu. Rồi chừng một tiếng rưỡi sau, 16 người đứng thành hai hàng, bước lên bậc thang căn hầm, đi qua một cánh cửa vào trong đại sảnh tối tăm. Đột nhiên cửa đóng sầm sau lưng họ, chỉ còn lại bóng tối dày đặc. Đèn flash bật lên ngay sau đó. Khi mắt Herbert dần quen với ánh sáng lơ mơ, anh thấy ngọn đèn được treo trên thắt lưng một sĩ quan SS. Đó là một trung tá, đầu đội mũ, có mang súng. Ông ta nói với cả bọn, "Bọn mày sẽ được

đưa đi. Thằng nào định trốn sẽ bị bắn ngay. Đem đồ lên cái xe tải ngoài kia. Chúng ta sẽ đi tới nhà ga Potsdam.”

Hi vọng của Kosney tắt ngấm. Nhất thời, anh định lao vào một phòng giam gần đó. Anh chắc chắn là quân Nga sẽ tới đây chỉ trong vài giờ nữa. Nhưng khi cân nhắc tới chuyện trốn đi, anh cũng nhận thấy có những tên lính SS khác mang súng máy đang đứng quanh phòng.

Những người tù bị lừa ra ngoài đường Lehrterstrasse và đi về phía đường Invalidenstrasse. Trời đang mưa; Herbert kéo cao cổ áo khoác lên và cột chiếc khăn mặt đang quàng quanh cổ chặt hơn. Đi được nửa đường, cả bọn bị ngăn lại kiểm tra, và mấy món đồ tùy thân vừa được trả về mới đây không lâu lại bị lấy đi lần nữa. Hàng người lại lên đường, mỗi người có một tên lính SS đi kèm một bên, lưng đeo súng máy, tay cầm súng. Khi tới đường Invalidenstrasse, một trung sĩ SS đề nghị đi đường tắt qua trung tâm triển lãm Ulap đã bị trúng bom tan tành. Bọn họ đi qua đồng gạch đá, bước vào tòa nhà đổ nát chỉ còn trơ lại mấy cây cột bê tông. Bỗng một tên lính SS chột xách cổ người tù đứng cạnh hẳn. Một nhóm tù nhân đi qua bên trái, nhóm lia qua bên phải. Họ bị bắt đứng úp mặt vào tường, cách nhau chừng 2 mét. Và cả bọn biết ngay chuyện gì sắp xảy ra.

Một số tù nhân bắt đầu van xin tha mạng. Người đứng cạnh Kosney la hét, “Cho tôi sống! Tôi chưa từng làm gì cả.” Lúc đó, Herbert thấy lạnh gáy, một nòng súng chĩa vào gáy anh. Ngay khi viên trung sĩ SS hô “Bắn,” Herbert quay đầu qua một bên. Từng tên lính SS nổ súng thành một tràng không đều nhau. Thành linh Kosney nghe được một tiếng nổ lớn. Rồi anh nằm bất động trên mặt đất.

Viên trung tá bước dọc theo hàng người đang nằm la liệt, bắn thêm một phát vào đầu từng người tù. Khi tới chỗ Herbert nằm, ông ta nói: “Con heo này nhận đủ rồi.” Rồi ông ta lại nói: “Đi nào các cậu. Ta phải nhanh lên. Tối nay còn nhiều việc phải làm lắm.”

Kosney không biết mình đã nằm đó bao lâu. Một hồi sau, anh thận trọng giơ tay lên sờ cổ và má. Máu chảy đầm đìa. Nhưng anh đã thoát được ngay tích tắc quay đầu. Anh nhận thấy tay và chân phải không cử động được. Anh chậm chạp bò qua đồng gạch đổ nát ra ngoài đường Invalidenstrasse. Rồi

anh đứng dậy, thấy mình còn đi được, anh bèn buộc khăn chặt hơn quanh cổ họng bị thương rồi chậm chậm đi về phía bệnh viện Charité, hết sức đau đớn. Anh té ngã mấy lần. Có một lần anh bị một đám đoàn viên Đoàn Thanh niên Hitler chặn lại; thoát đầu bọn chúng đòi xem giấy tờ tùy thân của anh, nhưng rồi thấy anh đang bị thương nặng, chúng bèn cho qua.

Đi một chập, anh cởi giày ra vì “thấy nặng quá.” Có lúc anh gặp phải một loạt pháo kích kinh hoàng. Anh không thể nào nhớ nổi mình đã đi bao lâu – lúc đó anh nửa tỉnh nửa mê – nhưng cuối cùng anh cũng về được tới nhà ở trên đường Franseckystasse. Herbert Kosney, nhân chứng sống duy nhất trong cuộc thẩm sát tại nhà tù Lehrterstrasse dùng chút sức lực cuối cùng để đập cửa liên hồi. Vợ anh, Hedwig ra mở cửa. Cô không thể nhận ra người đang đứng ngoài cửa. Mặt anh ta toàn là máu, vạt trước áo khoác cũng vậy. Cô hoảng sợ bật thốt, “Anh là ai?” Kosney kịp thời nói trước khi ngã xuống, “Anh Herbert đây.”^[68]

Một giờ sáng ngày 23/4, trong sở chỉ huy nằm ở khu rừng Wiesenburg của tướng Walther Wenck, tư lệnh Tập đoàn quân 12, điện thoại kêu reng lên. Vị tướng trẻ nhất của quân đội Đức vẫn còn mặc quân phục, đang thiếp đi trên một chiếc ghế bành. Văn phòng chỉ huy Alte Hölle – Địa ngục cổ xưa – của ông cách Magdeburg khoảng 35 dặm về phía đông, từng là nhà của một người gác khu sân bắn.

Wenck tự nhắc máy nghe. Một vị tư lệnh báo cáo là Thống chế Wilhelm Keitel vừa đi qua phòng tuyến, đang trên đường tới sở chỉ huy. Wenck gọi cho tham mưu trưởng của ông là Đại tá Günther Reichhelm. Ông nói, “Chúng ta có khách tới, là Keitel.” Wenck thực lòng không ưa được viên tham mưu trưởng của Hitler. Hiện tại, Keitel là người cuối cùng trên đời ông muốn gặp.

Trong mấy tuần qua, Wenck đã gặp phải nhiều phiền muộn, khó khăn và gian khổ hơn suốt cả cuộc chiến cộng lại. Khi biên giới nước Đức ngày càng thu hẹp lại, vùng đóng quân của ông trở thành một trại tị nạn khổng lồ. Những người dân Đức vô gia cư có ở khắp nơi – trên đường, ngoài đồng, trong làng, trong rừng, ngủ trong xe kéo, trong lều, trong các xe tải bị hư và

toa tàu hỏa, và ngủ ngoài trời. Wenck đã biến toàn bộ nhà cửa có thể ở được trong vùng – như nhà dân, nhà thờ, thậm chí là cả các sảnh khiêu vũ trong làng – thành nơi trú chân cho dân tị nạn. Sau này ông kể, “Tôi thấy mình cứ như một tu sĩ đi ngang qua. Ngày nào tôi cũng đi loanh quanh, cố làm những gì có thể làm cho những người chạy nạn, nhất là trẻ em và người bệnh. Và chúng tôi luôn tự hỏi không biết bao giờ quân Mỹ sẽ tấn công từ các đầu cầu bên sông Elbe.”

Đoàn quân của ông đang phải nuôi hơn nửa triệu người. Tàu hỏa từ mọi miền nước Đức chạy tới vùng đất hẹp này, nằm giữa Berlin và sông Elbe, rồi không đi được nữa. Số hàng hóa và người được tàu hỏa chở đến là món lợi lớn, nhưng cũng là gánh nặng cho Tập đoàn quân 12. Trên tàu có đủ thứ hàng hóa có thể tưởng tượng ra, từ mảnh máy bay cho tới những toa tàu đầy ắp bơ. Cách đó vài dặm, tại mặt trận phía đông, đoàn xe thiết giáp của Von Manteuffel phải dừng lại vì thiếu nhiên liệu; ngược lại, Wenck gần như ngập trong xăng. Ông đã báo cho Berlin về lượng xăng thừa này, nhưng chẳng có ai tới lấy. Thậm chí còn chẳng ai biết tới báo cáo của ông.

Trong lúc chờ Keitel, Wenck thấy lo là nếu vị tham mưu trưởng của OKH mà biết được những hoạt động xã hội mình làm cho nạn dân thì ông ta sẽ không chấp thuận. Theo chuẩn mực đạo đức quân nhân của Keitel, những hành động như thế thực sự không thể hiểu nổi. Wenck nghe tiếng xe chạy tới và một viên tham mưu của ông nói, “Giờ xem Keitel đóng vai anh hùng nào.”

Keitel mặc bộ lễ phục hoàn chỉnh của thống chế, đến cả quyền trượng cũng có, bước vào căn nhà nhỏ, viên sĩ quan quản trị và phụ tá theo sau. Wenck thấy cảnh tượng đó thật đáng hổ thẹn, “Đám người Keitel phô trương bước vào, kiêu ngạo và vênh váo như thể mới chiếm được Paris, trong khi khắp mọi nẻo đường, người ta đang kể lại câu chuyện đau thương của mình và nước Đức thì đã bại trận.”

Keitel trịnh trọng chào, cây quyền trượng chạm vào vành mũ. Qua mấy cử chỉ vụn vặt đó, Wenck nhận ra ngay là vị khách của mình đang rất lo âu và kích động. Viên sĩ quan quản trị của Keitel trải bản đồ ra; Keitel cúi xuống bản đồ, gõ gõ vào Berlin, rồi không mào đầu gì hết mà nói luôn:

“Chúng ta phải cứu Quốc trưởng.”

Rồi có vẻ như thấy quá đường đột, Keitel bỏ lưng chủ đề đó và hỏi sơ lược tình hình của Tập đoàn quân 12. Wenck không hề nhắc tới dân chạy nạn cũng như các đơn vị trong đoàn quân đang chăm lo cho họ. Thay vào đó, ông chỉ nói chung chung về khu vực Elbe. Ngay cả khi bánh sandwich và cà phê được đưa tới, Keitel cũng không nghỉ. Wenck chẳng buồn làm gì để vị khách của mình thấy thoải mái hơn. Sau này ông giải thích, “Thực tình, bọn tôi thấy bị coi thường quá mức. Có cái gì Keitel nói mà bọn tôi còn chưa biết chứ? Chẳng lẽ đã tới hồi kết?”

Keitel chợt đứng dậy và bắt đầu rào bước quanh phòng. Ông ta nghiêm giọng, “Hitler hoàn toàn sụp đổ rồi. Tệ hơn nữa là ông ta đã bỏ cuộc. Trước tình hình này, anh phải đổi hướng, đưa quân về Berlin, tập hợp cùng Tập đoàn quân 9 của Busse.” Wenck yên lặng nghe Keitel diễn tả tình hình. Keitel nói, “Trận chiến ở Berlin đã bắt đầu. Số phận của nước Đức và của Hitler đang rất nguy ngập.” Ông ta nghiêm nghị nhìn Wenck. “Anh có trách nhiệm tấn công và giải cứu Quốc trưởng.” Wenck chợt nghĩ, dù không liên quan mấy, rằng đây có lẽ là lần đầu Keitel từng tới sát tiền tuyến tới vậy trong đời.

Trong những lần làm việc với Keitel trước đó, Wenck đã học được một điều, “nếu anh cãi lại, thì một trong hai điều sau sẽ diễn ra: hoặc anh bị giáo huấn nghiêm khắc trong hai giờ đồng hồ, hoặc bị cách chức.” Nên ông tự động đáp lời, “Tất nhiên rồi, thưa Thống chế, chúng tôi sẽ làm theo lệnh ngài.”

Keitel gật đầu. Ông ta chỉ vào hai thị trấn nhỏ cách tiền tuyến của Tập đoàn quân 12 chừng 12 dặm về phía đông bắc và nói: “Các anh sẽ đánh vào Berlin từ vùng Belzig-Treuenbrietzen.” Wenck biết đó là chuyện không tưởng. Kế hoạch của Keitel được xây dựng dựa trên các đội quân – binh lính, xe tăng và sư đoàn – đã bị tiêu diệt từ lâu, hoặc là chưa từng tồn tại. Thực sự thì, không có xe tăng hay súng tự động, và lính thì hết sức ít ỏi, Wenck không thể nào vừa trấn giữ trận địa ở sông Elbe trước quân Mỹ, vừa đánh vào Berlin để cứu Quốc trưởng. Dù thế nào đi chăng nữa, muốn đánh về phía đông bắc vào Berlin cũng là chuyện khó khăn muôn vàn. Trên

đường đi có quá nhiều sông hồ. Với lực lượng ít ỏi có trong tay, ông chỉ có thể tiến về Berlin từ phía bắc. Ông đề nghị với Keitel để Tập đoàn quân 12 tiến về Berlin “từ phía bắc mấy cái hồ, qua Nauen và Spandau.” Wenck nói thêm, “Tôi nghĩ là mình có thể phát động tấn công trong vòng hai ngày.” Keitel đứng im lặng một hồi. Rồi ông ta lạnh lùng nói với Wenck, “Chúng ta không thể đợi hai ngày được.”

Lần này Wenck cũng không cãi lại. Ông không thể lãng phí thời gian. Ông nhanh chóng đồng ý với kế hoạch của Keitel. Khi vị thống chế rời sở chỉ huy, ông ta quay qua Wenck nói, “Tôi chúc ngài mã đáo thành công.”

Khi xe của Keitel đã đi xa, Wenck tập hợp ban tham mưu lại. Ông nói, “Giờ chúng ta sẽ làm thế này. Chúng ta sẽ tiến tới gần Berlin hết mức có thể, nhưng sẽ không bỏ vị trí ở sông Elbe. Các cánh quân của ta đóng bên sông sẽ để ngỏ lối thoát ở phía Tây. Cứ đánh vào Berlin rồi bị bọn Nga bao vây thì đúng là ngớ ngẩn. Ta sẽ cố gắng hợp quân với Tập đoàn quân 9, rồi đưa toàn bộ số binh sĩ và dân thường có thể đi được tới miền Tây.”

Về phần Hitler, Wenck chỉ nói là “giờ số phận của một cá nhân chẳng là gì cả.” Trong lúc chỉ đạo cuộc tấn công, Wenck chợt nhớ ra, suốt buổi bàn bạc tối nay, Keitel không một lần nhắc tới người dân Berlin.

Khi bình minh lên trên Magdeburg, ba người Đức bơi qua sông Elbe và đầu hàng Sư đoàn Bộ binh 30 của Mỹ. Một người bọn họ là Trung tướng Kurt Dittmar, 57 tuổi, một sĩ quan Lục quân hàng ngày vẫn đọc các thông cáo mới nhất từ mặt trận, được cả nước Đức gọi là “tiếng nói của Bộ Chỉ huy Tối cao Đức.” Đi cùng ông là đứa con trai 16 tuổi của mình, Eberhard và Trung tá Werner Pluskat, từng tham gia trận D-Day, những khẩu pháo Magdeburg của ông đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn cản Tập đoàn quân 9 Hoa Kỳ của tướng Simpson vượt sông Elbe.

Dittmar được coi là phát thanh viên quân sự chuẩn xác nhất của Đức, lượng theo dõi rất đông, không chỉ ở Đức mà còn có cả các nhân viên vô tuyến của quân Đồng minh. Ông lập tức được đưa tới sở chỉ huy của Sư đoàn 30 để thẩm tra. Một thông tin của ông khiến các sĩ quan tình báo kinh ngạc: ông nói chắc như đinh đóng cột, Hitler đang ở Berlin. Tin tức này làm các sĩ quan Đồng minh sáng tỏ vấn đề. Cho tới giờ, vẫn không ai chắc chắn

được nơi ẩn náu của Quốc trưởng^[69]. Phần lớn tin đồn đều nói Hitler đang ở trong Pháo đài Quốc gia. Nhưng Dittmar rất kiên định. Ông nói với các điều tra viên, Quốc trưởng không chỉ đang ở Berlin mà ông còn tin là “Hitler sẽ bị giết, hoặc sẽ tự sát tại đó.”

Có người giục, “Nói cho bọn tôi biết về Pháo đài Quốc gia.” Dittmar trông như bị đánh đổ. Ông nói, điều duy nhất ông biết về một pháo đài quốc gia là một bài báo của Thụy Sĩ đọc được hồi tháng 1 vừa rồi. Ông đồng ý là có một số cứ điểm kháng cự ở miền bắc, “bao gồm cả Na Uy và Đan Mạch, và một cái ở miền nam, trên dãy Alps của Ý.” Ông nói thêm, “Nhưng cái đó là do hoàn cảnh bắt buộc thôi.” Khi các điều tra viên hỏi về pháo đài, Dittmar lắc đầu. “Pháo đài Quốc gia ấy à? Chỉ là một giấc mơ lãng mạn thôi. Chuyện hảo huyền.” Vậy là đã rõ – đó chỉ là chuyện hoang đường. Sau này, Đại tướng Omar Bradley, tư lệnh Cụm Tập đoàn quân 12 viết, “Pháo đài chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của một số tên Nazi cuồng tín. Nó bị thổi phồng tới mức tôi thấy ngạc nhiên là chúng tôi có thể ngây thơ tin sái cổ như thế. Nhưng trong lúc chuyện này bị đồn dai dẳng, nó... đã định hình tư duy chiến thuật của chúng tôi.”

Giữa đám bụi mù, từng hàng xe tăng Đức lăn bánh qua những con đường lát đá ở Karlshorst, ngoại ô quận Lichtenberg, phía đông Berlin. Eleanore Krüger, hôn thê của anh chàng Do Thái Joachim Lipschitz đang trốn trong hầm nhà cô, kinh ngạc quan sát cảnh tượng đó. Những chiếc xe tăng này đến từ đâu? Bọn họ định đi đâu? Thay vì đi vào thành phố, đoàn xe lại tiến về phía nam, hướng tới Schönewelde, cứ như đang chạy trốn khỏi Berlin vậy. Quân Nga đã ở ngay đằng sau chẳng? Nếu bọn họ tới đây, điều đó cũng có nghĩa là Joachim cuối cùng cũng sẽ được tự do. Nhưng sao quân Đức lại rời khỏi thành phố? Họ bỏ rơi nơi đây rồi ư? Hay là rút lui?

Eleanore không biết, cái cô đang thấy chính là tàn dư bại trận của Quân đoàn Thiết giáp 56 của tướng Weidling đang trong quá trình khôi phục liên lạc với quân chủ lực. Sau khi bị đẩy lui ra tới ngoại ô, quân của Weidling đã nối lại được liên lạc với Tập đoàn quân 9 đang bị bao vây của tướng Busse bằng một cách thức rất chi là lòng vòng: khi tới rìa thành phố, bọn họ dùng

điện thoại công cộng gọi về trụ sở của Bộ Chỉ huy Tối cao tại Berlin, rồi sau đó được chuyển tiếp tới Quân đoàn 9 qua radio.

Quân đoàn 56 được lệnh lập tức tiến về phía nam thủ đô, xuyên qua vòng vây bên ngoài của quân Nga và hợp quân với Tập đoàn quân 9 lần nữa ở Königswusterhausen và Klein Kienitz, cách thành phố 15 dặm. Tại đó, bọn họ sẽ cùng ngăn chặn quân của Koniev.

Nhưng trước hết, Weidling còn mấy việc đang dở cần làm. Giờ ông đã nghe được là sở chỉ huy của Busse và Hitler đều cử người tới bắt ông, buộc tội ông đã cố tình bỏ trốn khỏi chiến trường, bỏ lại quân đoàn như rắn mất đầu. Ông giận dữ ra lệnh cho quân mình cứ đi trước, còn ông thì vào thành phố gặp Krebs.

Weidling băng ngang qua Berlin tới Dinh Thủ tướng, mấy tiếng sau, ông tới được căn hầm phụ tá, là văn phòng của Krebs và Burgdorf. Hai người họ lạnh nhạt chào ông. Weidling hỏi, “Cái quái gì đang diễn ra vậy? Sao tôi lại bị đem ra xử bắn hả?” Weidling nói gay gắt, rằng sở chỉ huy của ông vẫn luôn đặt ngay ngoài tiền tuyến từ đầu trận chiến tới giờ: sao lại có người nói ông bỏ trốn cho được? Có người nhắc tới làng Olympic ở Döberitz. Weidling gầm lên, Quân đoàn 56 chưa từng tới gần Döberitz; đi tới đó “là ngu xuẩn tột độ.” Krebs và Burgdorf dần cười mở hơn; cả hai vội vàng hứa hẹn sẽ làm rõ vấn đề với Quốc trưởng “nhANH NHẤT có thể.”

Weidling tóm lược tình hình của mình cho hai người. Ông nói, quân đoàn của mình sẽ đánh vào phía nam Berlin – và rồi, “lúc kết thúc, tôi tình cờ nói thêm là trước khi đi tôi có nhận được một báo cáo nói rằng đã thấy xe tăng tiên phong của Nga xuất hiện ở gần Rudow.” Rudow nằm ngay ngoài rìa quận Neukölln, đông nam Berlin. Krebs thấy ngay là nguy hiểm đã cận kề. Ông ta nói, trong trường hợp đó, mệnh lệnh của Tập đoàn quân 9 dành cho Quân đoàn 56 cần phải đổi lại: quân đoàn của Weidling sẽ ở lại Berlin. Rồi cả Krebs và Burgdorf vội vàng đi gặp Hitler.

Không lâu sau đó, Weidling được bảo là Hitler muốn gặp ông. Chặng đường tới căn hầm Führerbunker khá dài, phải đi qua “một thành phố ngầm,” theo lời kể sau này của Weidling. Từ văn phòng của Krebs, thoát tiên ông đi qua một lối đi ngầm, rồi qua một gian bếp và phòng ăn, cuối

cùng đi xuống một cái cầu thang vào khu riêng của Quốc trưởng.

Krebs và Burgdorf giới thiệu ông với Hitler. Weidling viết, “Quốc trưởng của Đế chế Đức ngồi sau một cái bàn chất đầy bản đồ. Khi tôi bước vào, ông ta quay đầu lại. Tôi thấy mặt ông ta sừng húp, đôi mắt bồn chồn. Khi ông ta cố đứng dậy, tôi kinh hãi nhận thấy tay chân ông ta đều run lẩy bẩy. Bằng một nỗ lực lớn lao, cuối cùng ông ta cũng đứng lên được. Ông ta nặn ra một nụ cười méo mó, bắt tay tôi và hỏi bằng giọng nhỏ rí, gần như nghe không ra, là chúng tôi đã từng gặp nhau chưa.”

Weidling nói, bọn họ từng gặp nhau một lần; khi Quốc trưởng trao huy chương cho ông hồi năm ngoái. Hitler nói: “Tôi có nhớ tên, nhưng không nhớ rõ mặt.”

Khi Hitler ngồi xuống, Weidling để ý thấy ngay cả khi ngồi thì “chân ông ta vẫn cứ run rẩy, đầu gối đánh qua đánh lại như con lắc, nhưng mà nhanh hơn.”

Weidling nói tình hình của Quân đoàn 56 cho Hitler nghe. Rồi Hitler xác nhận lại chỉ đạo của Krebs là Quân đoàn 56 cần ở lại Berlin. Sau đó, Quốc trưởng nói về kế hoạch phòng thủ Berlin của mình. Ông ta định kéo tập đoàn quân của Wenck từ phía tây về, của Busse từ phía đông nam, và Nhóm Steiner từ phía bắc, và bằng cách nào đó đánh bại quân Nga. Weidling viết, “Tôi nghe Quốc trưởng nói mà thấy càng lúc càng ngạc nhiên.” Weidling chỉ thấy rõ một điều: “Nếu không có phép màu xảy ra, thì ngày thất bại cuối cùng đang được đếm ngược.”

Tối đó, sau nhiều tổn thất nặng nề, Quân đoàn 56 cũng thoát khỏi quân Nga ở phía nam và tiến vào Berlin. 24 giờ sau, Weidling kinh hãi hay tin, ông được chỉ định làm sĩ quan chỉ huy thành phố.

Mệnh lệnh của Stalin được đánh số 11074. Nó được giao cho cả Zhukov và Koniev; và chia đôi thành phố cho cả hai người. Mệnh lệnh viết, vào hôm nay, ngày 23/4, ranh giới giữa Phương diện quân Belorussia số I và Phương diện quân Ukraine số I sẽ là “Lübben, rồi tới Teupitz, Mittenwalde, Mariendorf, và nhà ga Anhalter ở Berlin.”

Dù không thể công khai phản nản, nhưng Koniev rất khó chịu. Phần thưởng đã được trao cho Zhukov. Giới tuyến này chạy thẳng qua Berlin,

đẩy quân của Koniev cách tòa nhà Quốc hội chừng 140 mét về phía tây, mà người Nga vẫn luôn coi đây là mục tiêu lớn nhất trong thành phố, và định cầm cờ Liên Xô lên đó.

Thành phố đang chết dần. Nước và gas bị cắt ở hầu hết mọi nơi. Các tờ báo bắt đầu đóng cửa; tờ cuối cùng còn hoạt động là tờ Völkischer Beobachter của đảng Nazi, tờ này đóng cửa ngày 26 (được thay bằng một tờ báo 4 trang theo ý tưởng của Goebbels, tên là Der Panzerbar [Gấu Thiết giáp], được gọi là “Tờ báo chiến đấu của Lực lượng Phòng vệ Berlin vĩ đại,” hoạt động được 6 ngày). Toàn bộ phương tiện giao thông trong thành phố đều ngừng hoạt động, vì đường phố không còn đi qua được nữa, xăng thì hiếm hoi, và xe cộ đều hư hỏng hết cả. Hoạt động phân phối cũng ngừng lại; hầu như chẳng còn vận chuyển gì nữa. Các nhà máy đông lạnh ngừng hoạt động. Ngày 22/4, sở điện báo 100 năm tuổi của thành phố đóng cửa lần đầu tiên trong lịch sử. Bức điện cuối cùng nó nhận được là từ Tokyo, trên đó viết: “CHÚC CÁC BẠN MAY MẮN.” Cùng ngày, chiếc máy bay cuối cùng rời khỏi sân bay Tempelhof, bay tới Stockholm, mang theo 9 hành khách, và 1.400 đội cứu hỏa của Berlin được lệnh dời sang phía Tây^[70].

Hiện tại, vì toàn bộ cảnh sát đều phải phục vụ trong quân đội hoặc trong Lực lượng Phòng vệ Địa phương, thành phố dần dần mất kiểm soát. Người ta bắt đầu đi cướp bóc. Những chiếc tàu hỏa chở hàng dừng ngoài sân ga bị đột nhập ngay giữa ban ngày ban mặt. Margarete Promeist từng có một chuyến đi cực kỳ nguy hiểm tới sân ga ngay giữa cơn mưa đạn, và thoát được cùng với một miếng thịt heo muối; sau này cô kể, “nhìn lại mới thấy mình thật là điên.”

Elena Majewski và Vera Ungnad chạy tới sân ga tàu hàng ở Moabit. Họ thấy đám đông đang vồ lấy từng thùng mớ, mận và đào đóng hộp. Còn có những bao đậu gì không rõ, nhưng hai cô gái đều bỏ qua. Họ không biết đó là hạt cà phê xanh. Bọn họ lấy được một thùng đồ hộp đề là “Mơ” nhưng

khí về nhà mới biết nó là sốt táo. Cả hai đều ghét món đó. Robert Schultze còn thảm hơn: anh phải mất 5 giờ chen lấn trong đám đông, cố lấy ít khoai tây trong một cửa hàng thực phẩm lớn – nhưng lúc tới lượt anh thì đã hết nhãn.

Những người chủ tiệm không chịu đưa đồ ra thì thường sẽ bị ép phải làm vậy. Đoàn viên Đoàn Thanh niên Hitler Klaus Küster đi cùng dì vào một cửa hàng và hỏi mua ít đồ. Khi ông chủ tiệm một mực bảo chỉ còn lại ít ngũ cốc, Küster bèn rút súng ra và đòi đem thực phẩm tới. Ông chủ mau chóng lấy ra một mớ đồ ăn từ ngay dưới quầy. Küster gom lại, mang theo nhiều hết mức có thể, rồi rời khỏi đó cùng bà dì đang bị sốc vì hành vi trắng trợn này. Khi họ ra bên ngoài, bà khóc, “Con là đứa hư hỏng. Dám dùng cái cách của bọn du côn bên Mỹ!” Klaus đáp lại: “Thôi, dì im đi! Đây là chuyện sống còn đây.”

Elfriede Maigatter nghe được tin đồn là cửa hàng bách hóa Karstadt đồ sộ ở quảng trường Hermannplatz đang bị cướp. Cô vội vàng chạy tới cửa hàng và thấy chật cứng những người là người. Sau này cô kể, “Ai nấy đều xô đẩy, đâm đá nhau chen tới cửa. Chẳng còn hàng lối gì nữa. Cũng không có nhân viên bán hàng hay người phụ trách.” Mọi người vờ vét toàn bộ các thứ trong tầm mắt. Nếu thứ đó nếu không dùng được, họ liền vứt xuống sàn. Trong cửa hàng thực phẩm, có một lớp bùn dính dính dày cả tắc phủ kín sàn nhà, được tạo nên từ sữa đặc, mứt cam, mì, bột mì và mật ong – ”những thứ bị đám người cướp bóc làm đổ hoặc vứt đi.”

Có vài người giám sát còn ở lại, một người đàn ông hét to, “Ra ngoài! Ra ngoài! Cửa hàng này sắp bị cho nổ rồi!” Không ai để ý tới ông ta; rõ ràng là xạo. Các bà các cô giành giật áo khoác, đầm váy và giày dép trong cửa hàng thời trang. Những người khác thì túm lấy khăn trải giường, đồ lanh, chăn mền trên kệ. Ở khu bánh kẹo, Elfriede thấy một người đàn ông giật hộp sô-cô-la của một cậu bé. Nó òa khóc và hét lên, “Con đi lấy hộp khác đây.” Và nó làm thế thật.

Nhưng kết cục ở cửa ra lại thế này: hai giám sát viên đang ngăn mọi người mang chiến lợi phẩm chuẩn đi. Họ cho người ta lấy đồ ăn, nhưng những thức khác thì không được. Bên cửa dần hình thành một đồng hàng

hóa to đùng. Người ta len lỏi qua đó, xô đẩy và chen lấn nhau, cố lách qua hai giám sát viên. Khi Elfriede cố đem một cái áo khoác ra ngoài, một trong hai người đó giật lấy nó. Cô năn nỉ, “Làm ơn cho tôi cái này đi. Tôi lạnh lắm.” Ông ta nhún vai, kéo cái áo ra khỏi núi đồ và đưa lại cho cô. Ông nói, “Mặc đi.” Từ đầu tới cuối, trong lúc đám người chen lấn và giành giật mọi thứ có trong tầm mắt, có ai đó cứ hét: “Ra ngoài! Ra ngoài! Cửa hàng này sắp bị cho nổ rồi!”

Linh mục Leckscheidt là một nhân chứng trong vụ cướp bóc ở Karstadt. Ông có mặt tại đó một cách rất lạ kỳ. Một người giáo dân của ông vừa sinh, đứa bé chết non và đã được hỏa táng. Quá sức thương tâm, người mẹ muốn bình đựng tro cốt phải được chôn cất đàng hoàng, và Leckscheidt đã đồng ý sẽ có mặt – dù như thế có nghĩa là phải đi bộ mấy dặm đường dưới làn mưa đạn đến nghĩa trang ở Neukölln, người mẹ định chôn cất ở đó. Trên đường đi, người mẹ bỏ bình tro trong chiếc túi mua sắm, họ đi ngang qua Karstadt và thấy đám đông đang cướp bóc. Người giáo dân của ông nhìn chăm chăm. Đột nhiên cô nói, “Chờ đã!” Leckscheidt ngạc nhiên đứng đó, “cô ấy đi khỏi chỗ tôi đứng và biến mất tăm trong cửa hàng, bỏ lại bình tro, chiếc túi và đồ đạc.” Một lát sau cô quay lại, dắt thẳng vung vẩy một đôi boots. Cô quay qua Leckscheidt nói: “Ta đi chứ?”

Trên đường về, Leckscheidt cẩn thận để cô cách xa Karstadt. Thế thật là hay. Chiều hôm đó, cửa hàng đồ sộ này rung chuyển và nổ tan tành. Lực lượng SS đã cho nổ trung tâm mua sắm này, nhằm ngăn quân Nga lấy được số quân nhu trị giá 29 triệu mark giấu trong hầm. Một số phụ nữ và trẻ em đã chết trong vụ nổ.

Khi đối mặt với những kẻ cướp, nhiều người chủ tiệm liền đưa đồ ra. Thay vì để cửa hàng bị lũ bất kham đó phá hoại, họ thà dọn sạch các kệ hàng và đưa đồ ra mà không cần lấy tiền hay tem phiếu. Còn có một lý do khác: những người chủ tiệm nghe nói là nếu quân Nga tìm thấy thực phẩm dự trữ, bọn chúng sẽ đốt tiệm. Cách đây một tuần, ở Neukölln, Günther Rosetz, người điều khiển máy chiếu trong rạp phim, định mua ít mút cam tại cửa hàng tạp hóa Tengemann và bị từ chối. Giờ, Rosetz lại thấy tiệm Tengemann đang bán từng bình từng bình mút cam, bột yến mạch, đường

và bột mì – đồng giá 10 mark 1 pound.

Vì hoảng sợ, cửa tiệm đang đem hàng hóa đi cho, để tổng khứ hết ra khỏi tiệm. Ở tiệm rượu Caspary trên góc phố Hindenburgstrasse, Alexander Kelm thấy không thể tin vào mắt mình: ai tới cũng được cho mấy chai rượu. Klaus Küster, đoàn viên Đoàn Thanh niên Hitler làm một vụ cướp phá nữa trong vùng, kiếm được 200 liều thuốc lá ở chỗ nọ, và thêm hai chai brandy ở chỗ kia. Ông chủ tiệm rượu trong khu phố nói với cậu: “Đây, uống hết đi. Thời khắc khó khăn sắp tới rồi.”

Ngay cả những người đi cướp dần dần cũng kiếm không ra thịt nữa. Thoạt đầu, một số ít hàng thịt vẫn còn nguồn cung để phát cho các khách hàng đặc biệt, nhưng rồi cũng nhanh chóng cạn kiệt. Giờ khắp Berlin người ta bắt đầu xẻ thịt ngựa, từ những con nằm chết ngoài đường do trúng đạn. Charlotte Richter và em gái thấy người ta xách dao đi xẻ thịt một con ngựa xám đốm trắng bị giết ở quảng trường Breitenbachplatz. Charlotte thấy, “Con ngựa chưa ngã xuống hẳn, mà kiểu như đang quỳ trên hai chân sau, đầu vẫn ngẩng cao, mắt mở trừng trừng. Mấy người phụ nữ đang dùng dao xẻ thịt trên chân nó.”

Ruby Borgmann thích đánh răng với rượu sâm banh; như thế tạo ra rất nhiều bọt. Trong căn hầm xa hoa nằm bên dưới nhà hàng Gruban-Souchay thời thượng của Heinrich Schelle, cuộc sống của Ruby và chồng cô, Eberhard thực hết sức kỳ lạ. Schelle đã giữ đúng lời hứa; khi đợt pháo kích bắt đầu, anh mời vợ chồng Borgmann vào ở trong căn hầm lộng lẫy của mình. Những món đồ sứ, pha lê và bạc đẹp đẽ của nhà hàng được cất tại đó, và Schelle còn có nhiều tiện nghi sinh hoạt khác nữa. Sàn nhà được trải thảm phương Đông. Chỗ ngủ nằm hai bên lối vào được căng màn vải màu xám xanh khá dày.

Quanh phòng đặt mấy chiếc ghế bành căng phồng, một chiếc sofa và vài cái bàn nhỏ xa hoa – mỗi cái đều phủ khăn trải bàn bằng vải lanh màu be và nâu đỏ lấy từ trên nhà hàng xuống. Mấy ngày nay không có nước nhưng rượu sâm banh thì đầy ắp. Ruby nhớ lại, “Bọn tôi uống sâm banh cả sáng, trưa, chiều, tối. Nó trôi cũng như nước ấy, mà nước thì không có.”

Thực phẩm thực sự là cả một vấn đề. Pia van Hoeven, bạn thân của vợ

chồng Borgmann lâu lâu lại tới đây ở với bọn họ, và thỉnh thoảng lại kiếm được ít bánh mì, thậm chí có cả thịt làm quà. Tuy nhiên, bọn họ sống chủ yếu nhờ cá ngừ và khoai tây. Ruby tự hỏi không biết có bao nhiêu cách chế biến mấy nguyên liệu này. Mopti, bếp trưởng người Pháp của nhà hàng, vốn tính khí thất thường, đã nhắc đi nhắc lại là ông không thể nấu mấy món này mãi được. Nhưng có vẻ chẳng có chút hi vọng gì là quân Mỹ sẽ tới, cả bọn quyết định cứ sống xả láng. Dù gì thì, họ có thể chết bất cứ lúc nào.

Suốt 4 năm bị bom oanh tạc, và trong đợt pháo kích mấy ngày qua, người cựu chiến binh Thế chiến thứ nhất 78 tuổi vẫn không nghe lời dọa dẫm. Thực sự thì, bà Erna Saenger đã hết sức thuyết phục ông chồng Konrad đừng đi ra ngoài gặp mấy người chiến hữu hồi Thế chiến thứ nhất như thường lệ nữa. Bà đã bảo Papa đào một cái hố lớn sau vườn để giấu ít của nả. Ông Konrad cũng nghĩ đó là một ý hay, ông có thể giấu mấy thanh kiếm quân đội cũ của mình cùng ít mứt và thạch trái cây, để quân Nga không tìm được vũ khí trong nhà.

Nhưng khi công việc xong xuôi, Papa lại ra ngoài, mặc cho cả nhà năn nỉ. Bọn họ phát hiện ra thi thể bị trúng đạn lỗ chỗ của ông nằm trong mấy bụi cây bên ngoài căn nhà đang cháy bùng bùng của Linh mục Martin Niemöller, cách nhà họ có một quãng ngắn. Trong lúc pháo dội như mưa, cả nhà đưa xác ông về nhà bằng một chiếc xe cút kít. Bà Erna đi cạnh chiếc xe, nhớ lại cuộc nói chuyện cuối cùng của hai người, lúc đó bà có chút bất đồng ý kiến với ông Konrad về việc câu trích dẫn nào trong Kinh Thánh phù hợp với lúc này hơn. Papa khẳng khẳng là “người ta chỉ cần bài Thánh thi thứ 90, nhất là đoạn thứ tư: ‘Vì một ngàn năm trước mắt Chúa khác nào ngày hôm qua đã qua rồi, giống như một canh của đêm.’” Bà Erna không đồng ý. Bà nói với ông, “Tôi thấy bài đó bi quan quá. Tôi thích bài thứ 46 hơn: Đức Chúa Trời là nơi nương náu và sức lực của chúng tôi, ngài sẵn giúp đỡ trong cơn gian truân.”

Không tìm nổi một cái quan tài nào, và đi tới nghĩa trang thì quá sức nguy hiểm. Nhưng họ cũng không thể để cái xác trong nhà, trong này ẩm quá. Họ để nó ngoài hiên. Bà Erna tìm được hai thanh gỗ nhỏ và đóng thành một cây thánh giá. Bà nhẹ nhàng đặt nó vào tay chồng. Bà nhìn ông và ước

gì mình đã nói là ông đúng, vì đoạn kể trong bài Thánh thi thứ 90 viết rằng: ‘Thật, chúng tôi bị hao mòn vì cơn giận của Chúa, Bị bối rối bởi sự thịnh nộ của Chúa.’”

Cha Bernhard Happich nhìn bài thuyết giáo của mình. Ánh nến lập lòe mờ ảo trong nhà nguyện Haus Dahlem, nhưng bên ngoài, vùng trời phía đông Wilmersdorf đỏ rực như màu máu, tiếng pháo nổ làm các xơ giết mình tỉnh giấc từ lúc 3 giờ sáng, và cứ thế kéo dài suốt gần 12 tiếng đồng hồ sau. Có tiếng kính vỡ đâu đó, rồi cả tòa nhà rung chuyển dữ dội. Cha Happich nghe thấy tiếng la hét ngoài đường vọng vào và tiếng ỳnh ỳnh nặng nề của những khẩu pháo phòng không Czech ngay bên kia đường.

Mấy xơ ngồi trước mặt ông không động mảy may. Ông nhìn họ và thấy bọn họ đã tháo sợi dây chuyền thánh giá bằng bạc nặng trĩu vẫn thường đeo xuống, theo lệnh Mẹ bề trên Cunegundes. Thay vào đó, họ đeo chiếc thánh giá kim loại kín đáo hơn – được gọi là Chữ Thập Chết – được gắn trên áo. Máy chiếc thánh giá bằng bạc, cùng với nhẫn và đồng hồ đã được đem giấu kín.

Cha Happich cũng có chuẩn bị của riêng mình. Trong căn biệt thự Dahlem ông đang ở, ông đã đóng gói sẵn một thùng to. Trong đó, cha Happich bỏ ít dụng cụ y tế, thuốc men, bông băng và vải trắng do hàng xóm đóng góp. Trước khi thành tu sĩ, cha Happich từng có bằng đại học y, và giờ ông lại làm một lúc hai nghề; hàng ngày ông chăm sóc người bị thương vì đạn pháo, cứu chữa nạn nhân trong các vụ tai nạn xảy ra và trị các chứng rối loạn tâm lý và sốc. Ông bắt đầu mặc áo khoác y tế màu trắng nhiều ngang ngửa áo chùng lễ.

Ông lại nhìn mấy bà xơ, y tá và các phụ nữ làm công quả lần nữa, thầm cầu nguyện rằng Chúa sẽ giúp mình tìm được từ ngữ đúng đắn, rồi ông bắt đầu.

Ông nói, “Quân Liên Xô sắp chiếm đóng nơi này. Đã có nhiều lời đồn khủng khiếp về quân Nga lan truyền khắp nơi. Có một số điều là thật. Nhưng có một cái không được phổ biến.

“Nếu có ai ở đây gặp phải chuyện gì tồi tệ, hãy nhớ tới chuyện kể về Thánh Agnes bé nhỏ. Khi được lệnh thờ phụng những vị thần giả mạo,

Người mới 12 tuổi. Người đưa tay cho Chúa Jesus và làm dấu thánh giá, rồi Người bị lột quần áo và bị tra tấn trước đám đông ngoại đạo. Thế cũng không làm Người khuất phục, dù cả đám người ngoại đạo đều xúc động rơi lệ. Người bị phô bày trước đám đông, nhưng lại được một số người ca tụng, thậm chí còn cầu hôn. Nhưng Người trả lời rằng, ‘Chúa chính là hôn phu của tôi.’ Vậy là án tử hình được thông qua. Người đứng cầu nguyện trong chốc lát rồi bị chém đầu, và các thiên thần liền đưa Người đến Thiên đàng.”

Cha Happich ngừng lại. Ông nói, “Các con hãy nhớ lấy. Như Thánh Agnes đó, nếu thể xác ta bị đụng chạm ngoài ý muốn, thì phần thưởng vĩnh cửu trên Thiên đàng của ta sẽ được nhân đôi, vì ta sẽ được mang vương miện của người tử vì đạo. Do đó, đừng cảm thấy tội lỗi.” Ông ngừng lại và nhấn mạnh: “Các con không có tội.”

Khi ông bước xuống lối đi, giáo đoàn cất giọng hát bài thánh ca đưa tiễn. “Cầu xin Chúa luôn bên con... Không có ân huệ của Chúa, làm sao con chống lại được cám dỗ?” Đây là lời một bài thánh ca cổ, “Abide with Me.”

Trên bảng điều khiển trung tâm tại tổng đài điện thoại đường dài trên đường Winterfeldtstrasse, quận Schöneberg, từng ngọn đèn tắt phụt khi các vùng ở xa bị mất liên lạc do quân Nga tấn công. Nhưng trong tổng đài, mọi người vẫn bận rộn như thường. Thay vì xuống hầm trú ẩn, giám sát viên Elisabeth Milbrand và tổng đài viên Charlotte Burmester lại đem mấy cái ghế nằm thư giãn có nệm và gối tựa vào văn phòng; cả hai định để trên tầng năm càng lâu càng tốt, ở chỗ tổng đài chính.

Loa đột nhiên kêu om sòm. Trong bệnh viện dã chiến, tổng đài viên Helena Schroeder quá sức vui mừng khi nghe tin. Trên tầng năm, Milbrand và Burmester đang viết lại tin này, để có thể gọi báo tin cho các vùng vẫn còn kết nối với tổng đài. Người thông báo đọc, “Chú ý! Chú ý! Đừng sốt ruột. Quân của tướng Wenck đã hợp lại với quân Mỹ. Bọn họ sắp đánh vào Berlin. Hãy can đảm lên! Berlin vẫn chưa mất đâu!”

Bọn họ đã phá được phòng tuyến phía ngoài của thành phố và bắt đầu

khoét vào phòng tuyến thứ hai. Bọn họ nấp sau những chiếc tăng T-34, súng tự động và càn quét các con đường, đại lộ và công viên. Dẫn đầu là các đội đột kích thiện chiến của Koniev và Zhukov, và những người lính đội mũ da thuộc bốn tập đoàn quân tăng hùng mạnh. Đằng sau họ là hàng hàng lớp lớp bộ binh. Đây là một đội quân kỳ lạ. Bọn họ đến từ đủ các nước cộng hòa thuộc Liên Xô, trừ các trung đoàn Vệ binh, còn lại thì từ ngoại hình đến quân phục đều khác nhau. Bọn họ nói nhiều thứ tiếng, cũng như tiếng địa phương khác nhau, đến mức các sĩ quan thường không thể nào giao tiếp được với các đội quân của chính mình^[71]. Trong số này có người Nga và Belorussia, người Ukraine và Karelia, Georgia và Kazakh, Armenia và Azerbaijan, Bashkir, Mordvin, Tartar, Irkutsk, Uzbek, Mông Cổ và Cossack. Một số người mặc quân phục màu nâu sẫm, số khác thì mặc quân phục kaki hoặc màu xám xanh. Số còn lại mặc quần màu tối với áo choàng cổ cao; áo có đủ màu, từ đen tới be. Mũ đội đầu của họ cũng đa dạng không kém – từ mũ trùm đầu bằng da có miếng che tai lắc lư, mũ lông, cho tới mũ lưỡi trai kaki bạc màu vì mồ hôi và rách tả tơi. Toàn bộ đều mang vũ khí tự động. Bọn họ cưỡi ngựa, đi bộ, chạy xe máy, ngồi xe ngựa kéo hoặc trong những chiếc xe đủ loại chiếm được, và cùng tiến về Berlin.

Trong tổng đài điện thoại ở quận Schöneberg, giọng nói trong loa ra lệnh: “Mọi người chú ý. Tháo hết huy hiệu đảng, sách đảng và đồng phục của các bạn ra. Quăng mấy thứ đó vào đồng cát lớn ngoài sân hoặc đem tới phòng máy để đốt.”

Người đưa sữa Richard Poganowska dừng xe và há hốc mồm thấy năm chiếc xe tăng Nga có bộ binh vây quanh đang âm ỉ lăn bánh trên đường. Poganowska quay xe lại, chạy về xưởng làm bơ Domäne Dahlem.

Tới nơi, ông cùng cả nhà vội vã xuống hầm.

Họ chờ một hồi. Rồi bỗng cửa hầm bị đá tung ra, và mấy người lính Hồng quân bước vào. Bọn họ yên lặng nhìn chung quanh. Rồi họ đi mất. Một lát sau tốp lính quay lại, và Poganowska cùng các công nhân khác trong xưởng làm bơ được lệnh tới nhà điều hành.

Trong lúc đứng chờ, ông để ý thấy ngựa đã biến mất sạch nhưng bò thì

vẫn còn. Một sĩ quan Liên Xô nói tiếng Đức trôi chảy ra lệnh cho bọn họ quay lại làm việc. Ông ta nói bọn họ sẽ phải chăm gia súc và vắt sữa bò. Poganowska không thể tin nổi. Ông cứ nghĩ mọi chuyện sẽ tệ hơn nhiều.

Ở các quận ngoại ô khác cũng thế, người ta thấy các đội quân Nga đầu tiên đã tới. Những đơn vị đi đầu của quân Liên Xô nghiêm khắc nhưng hành xử rất chuẩn mực, không giống như người dân Đức sợ hãi tưởng tượng.

Bảy giờ tối, Pia van Hoeven đang ngồi gọt khoai tây tại lối vào hầm trong căn hộ của mình ở Schöneberg. Gần đó, mấy người phụ nữ trong nhà đang tán gẫu, quay lưng lại cửa hầm đang để mở. Chợt Pia ngược nhìn lên và há hốc mồm nhìn hai người lính Nga chĩa họng súng tiểu liên về phía họ. Cô kể, “Tôi im lặng giơ hai tay lên, một tay cầm dao, tay kia cầm khoai tây.” Mấy người phụ nữ nhìn cô rồi quay lại, và cũng giơ tay lên luôn. Trước sự ngạc nhiên của Pia, một người lính hỏi bằng tiếng Đức, “Có lính không? Quân Volkssturm? Có súng không?” Mấy người phụ nữ lắc đầu. Hai người lính hài lòng nói, “Người Đức tốt.” Bọn họ bước vào, lấy đồng hồ của mấy người phụ nữ rồi đi mất.

Đêm xuống, Pia thấy quân Nga càng lúc càng đông. Cô kể, “Bọn họ là chiến sĩ, và nhiều người nói được tiếng Đức. Nhưng có vẻ như bọn họ chỉ muốn đi tiếp và giành chiến thắng trận này.” Pia và mấy người phụ nữ thấy lời Goebbels nói về bọn Hồng quân tham lam toàn là láo toét. Pia nói với các bạn, “Nếu người lính Nga nào cũng cư xử thế này, thì ta chẳng có gì phải lo cả.”

Marianne Bombach cũng thấy vậy. Một sáng nọ, cô bước ra khỏi căn hầm ở Wilmersdorf của mình và thấy một căn bếp dã chiến của Nga dựng ngay ngoài cửa sau nhà cô. Đơn vị này cắm trại ở công viên Schwarze Grund, bọn họ đang chia kẹo và đồ ăn cho mấy đứa trẻ trong vùng. Cung cách của họ làm Marianne đặc biệt ấn tượng. Bọn họ lật úp mấy cái thùng rác vuông lại và dùng làm bàn. Mỗi cái được phủ một tấm khăn lót, cỡ lẽ lấy từ mấy ngôi làng gần đó. Rồi bọn họ quây quần chính giữa khu bếp, ngồi ăn trên mấy cái ghế dựa lưng thẳng đặt quanh thùng rác. Dù thân thiện với trẻ con, nhưng quân Nga lại làm lơ dân thường. Bọn họ ở lại chùng vại

tiếng đồng hồ rồi đi tiếp.

Dora Janssen và người vợ góa của cậu lính cần vụ của chồng cô hết sức kinh hoàng. Sau vụ nổ làm anh cần vụ mất mạng, còn Thiếu tá Janssen thì bị thương nặng, Dora đã mời cô vợ góa tới ở với mình. Hai người phụ nữ chân yếu tay mềm, thần kinh mong manh vì đau thương và sợ hãi, cứ thế ở trong hầm của nhà Janssen, cho tới khi Dora thấy “một cái bóng cao lớn hiện ra trên tường.” Trong tay cái bóng cầm một khẩu súng. Dora thấy cái bóng đó “giống như một con tinh tinh cầm khẩu pháo trong tay, còn đầu người lính đó lại to và méo mó đến lạ kỳ.” Cô thấy nghẹt thở. Người lính Nga đến gần hơn, theo sau còn một người nữa, và ra lệnh cho hai người họ ra khỏi hầm. Dora nghĩ, “Sắp tới rồi đây.” Hai người phụ nữ bị dẫn ra ngoài, rồi mấy người lính Nga đưa chổi cho họ, chỉ vào đồng gạch vụn và kính vỡ ngập ngựa lổ đi. Cả hai ngậy ra. Vẻ ngạc nhiên và nhẹ nhõm của họ rõ rệt tới mức đám người Nga phá ra cười.

Cuộc chạm trán với những đội quân Nga mới tới từ tiền tuyến của những người khác lại đau khổ hơn nhiều. Elisabeth Eberhard suýt nữa thì bị bắn. Cô là một nhân viên hoạt động xã hội do Giám mục đạo Tin Lành Konrad von Preysing thuê, và cô đã che giấu mấy người Do Thái suốt mấy năm nay. Lúc cô tới thăm bạn thì gặp hai người lính Nga – một sĩ quan trẻ tuổi tóc vàng, có một nữ phiên dịch đi cùng. Cả hai đều vũ trang tận răng, bọn họ bước vào nhà, người phụ nữ mang theo một khẩu tiểu liên. Điện thoại reng ngay lúc đó. Khi người bạn của Elisabeth nhắc máy, viên sĩ quan tao nhã giật lấy ống nghe. Người phiên dịch nói với bọn họ, “Hai người là đồ phản bội, dám liên lạc với kẻ thù.” Cả hai bị lôi ra khỏi nhà, ra ngoài vườn và bắt đứng dựa lưng vào tường. Viên sĩ quan bảo chuẩn bị bắn bọn họ. Elisabeth quỳ xuống và thét lên, “Chúng tôi vẫn luôn đợi các anh! Chúng tôi vẫn luôn chống Hitler! Chồng tôi đã bị giam 12 năm nay vì chống đối chính trị!”

Người nữ Hồng quân phiên dịch lại. Viên sĩ quan chậm chậm hạ súng xuống. Ông ta có vẻ khá bối rối. Rồi ông ta đi tới chỗ Elisabeth, cầm tay cô và hôn lên đó. Elisabeth thấy bình tĩnh trở lại. Cố dùng giọng tự nhiên nhất có thể, cô lịch sự mời, “Hai người muốn uống một ly không?”

Sự trật tự và kỷ luật của những đội quân đầu tiên đã làm hầu hết mọi

người ngạc nhiên. Được sĩ Hans Miede thấy lính Liên Xô “có vẻ cố tránh không bắn vào nhà dân, trừ khi bọn họ chắc chắn có quân Đức kháng cự trốn trong đó.” Helena Boese vẫn luôn sống trong nỗi kinh hoàng trước viễn cảnh quân Nga sắp đến, đã mặt đối mặt với một người lính Hồng quân ngay cửa hầm nhà cô. Anh ta “còn trẻ, đẹp trai và mặc bộ quân phục sạch sẽ không tỳ vết.”

Anh ta chỉ đứng đó nhìn cô bước ra khỏi hầm, rồi để biểu lộ thiện chí, anh ta đưa cô một cây gậy buộc khăn trắng làm dấu hiệu đầu hàng. Cũng trong quận Wilmersdorf, Ilse Antz vốn luôn tin là người dân Berlin sẽ bị “quân Nga nhai rau ráu như bò nhai cỏ,” cô đang ngủ trong hầm thì một người lính Nga bước vào. Cô tỉnh giấc và trâng trối nhìn anh ta kinh hãi, nhưng người lính trẻ tuổi có mái tóc đen đỏ chỉ cười với cô và nói bằng tiếng Đức không lưu loát lắm: “Sao phải sợ? Mọi chuyện ổn rồi. Ngủ tiếp đi.”

Có một nhóm người Berlin không hề sợ hãi việc quân Liên Xô tới. Người Do Thái đã quen với sợ hãi từ lâu. Leo Sternfeld, một cựu doanh nhân ở Tempelhof, bị Gestapo bắt đi làm người gom rác vẫn luôn sốt ruột ngóng chờ quân Nga tiến lên từng dặm. Là một người Do Thái lai, suốt cuộc chiến này ông vẫn luôn sống trong hồi hộp và đau khổ, cứ thấp thỏm không biết mình và gia đình sẽ bị đưa tới trại tập trung khi nào.

Trong phần lớn cuộc chiến, chính cái tên ông đã làm cho Sternfeld và cả nhà không được chào đón tại các hầm trú ẩn. Nhưng khi đợt pháo kích bắt đầu, Leo thấy mấy người hàng xóm của mình đã thay đổi hẳn. Ông kể, “Cư dân trong tòa nhà gần như lôi bọn tôi vào hầm.”

Sternfeld hết sức vui mừng khi gặp được toán quân Nga đầu tiên trong quận Tempelhof. Bọn họ rất trật tự và hiền hòa, và đối với Leo, bọn họ chính là quân giải phóng. Viên tư lệnh tiểu đoàn hỏi liệu bọn họ có thể mượn một căn phòng trong nhà Leo để tổ chức tiệc ăn mừng được không. Leo nói với ông ta, “Các anh có thể lấy bất cứ thứ gì tôi có.” Mấy ngày trước, nửa căn nhà đã tiêu tùng khi bưu điện gần nhà phát nổ, nhưng cũng còn lại ba phòng. Leo cam đoan với mấy người Nga, “Các anh cứ lấy phòng có trần nhà ấy.” Đổi lại, ông và gia đình, cùng với mấy người bạn nữa được

mời tới bữa tiệc. Quân Nga đến, mang theo hàng giỏ đồ ăn thức uống. Leo nói, “Có lúc tôi có cảm giác như thể toàn bộ quân đội Nga đều đến dự tiệc.” Lính Nga uống cả đồng vodka. Rồi viên tư lệnh tiểu đoàn, vốn là một giọng ca opera vàng, bắt đầu cất tiếng hát, có một người đệm đàn accordion. Leo ngồi nghe mê mẩn. Nhiều năm nay, lần đầu ông thấy thoải mái.

Joachim Lipschitz ra khỏi nơi ẩn náu trong căn hầm của gia đình Krüger ở Karlshorst, đi gặp một toán Hồng quân. Anh cố giải thích bằng tiếng Nga ngắc ngứ, anh đã tự học trong mấy tháng trốn dưới hầm, rằng mình là ai và bày tỏ lòng biết ơn với quân giải phóng. Trước sự ngạc nhiên của anh, toán quân Nga cười rú lên. Bọn họ vỗ mạnh lưng anh và nói họ cũng rất vui, nhưng lại nói thêm rằng anh nói tiếng Nga tệ quá, và cười run cả người lần nữa. Joachim chẳng bận tâm. Với anh và Eleanore Krüger, sự chờ đợi mỗi mòn đã kết thúc. Hai người họ sẽ là cặp đôi đầu tiên kết hôn khi trận chiến chấm dứt. Theo lời Eleanore, tờ giấy đăng ký kết hôn của họ sẽ đại diện cho “chiến thắng của riêng chúng tôi trước đảng Nazi. Chúng tôi đã thắng, và không gì có thể làm tổn thương chúng tôi được nữa.”^[72]

Khắp nơi, tại các vùng bị chiếm, người Do Thái ulla ra khỏi nơi ẩn náu. Tuy vậy, một số vẫn còn sợ hãi nên cứ tiếp tục ở lì trong chỗ trốn, dẫu mỗi họa Nazi đã qua từ lâu. Hans Rosenthal, 21 tuổi, trú tại quận Lichtenberg, cứ ở mãi trong căn phòng ngủ không đầy 3 mét vuông của mình cho tới tận tháng 5 – tổng cộng anh đã trốn trong suốt 28 tháng. Ở một số vùng, người Do Thái được tự do, nhưng rồi lại phải đối mặt với viễn cảnh chuẩn bị xuống hầm trốn tiếp, vì quân Nga tạm thời bị đẩy lui bởi những cuộc phản công rải rác trên diện rộng nhưng rất dữ dội.

Hai vợ chồng Weltlinger ở quận Pankow có một trải nghiệm kỳ quặc bậc nhất. Bọn họ được giải phóng khá sớm. Siegmund luôn nhớ tới viên sĩ quan người Nga đã bước vào chỗ ẩn náu của bọn họ trong nhà của gia đình Möhring “giống như hiện thân của đại thiên sứ Michael.” Khi nhìn thấy hai người, anh ta bèn gọi bọn họ bằng tiếng Đức bập bẹ, “Nga không dã man. Chúng tôi tốt với các bạn.” Anh ta từng du học ở Berlin.

Nhưng tình hình đột ngột căng thẳng. Viên sĩ quan và mấy người lính lục

soát cả chung cư và tìm thấy 6 khẩu súng lục ổ quay. Trước mặt mọi người trong tòa nhà, anh ta thông báo là phát hiện thấy mấy khẩu súng này được giấu chung với mấy bộ quân phục cũ. Bọn họ bị đưa ra ngoài và đứng dựa lưng vào tường. Siegmund bước tới trước và nói, “Tôi là người Do Thái.” Viên sĩ quan trẻ tuổi mỉm cười, rồi lắc đầu, làm động tác cắt cổ và nói, “Không có người Do Thái còn sống.” Siegmund lặp đi lặp lại rằng ông là người Do Thái. Ông nhìn những người khác đang đứng thành hàng, lưng dựa tường. Mấy tuần trước, hẳn nhiều người trong số này sẽ giao nộp ông ngay nếu bọn họ biết ông trốn chỗ nào. Nhưng giờ Siegmund lại nói thật đồng dục: “Bọn họ là người tốt, đã cho chúng tôi trốn trong tòa nhà này. Tôi yêu cầu anh không được làm hại họ. Số vũ khí đó là của quân Volkssturm vứt lại.”

Lời tuyên bố của ông đã cứu mạng mọi người trong chung cư. Người Đức và người Nga bắt đầu ôm nhau. Siegmund nói, “Chúng tôi ngất ngây vì vui mừng và hạnh phúc.” Viên sĩ quan Liên Xô lập tức đem đồ ăn thức uống tới cho hai vợ chồng Weltlinger và đứng nhìn họ vẻ lo âu, giục họ mau ăn đi. Cả hai vợ chồng đều bị trúng thực, vì không quen với đồ ăn quá giàu dinh dưỡng. Siegmund nói, “Người ta bỗng trở nên tử tế với bọn tôi. Bọn tôi được cho một căn hộ trống, đồ ăn và quần áo, và lần đầu tiên được đứng trong bầu không khí trong lành và thả bộ ngoài đường.”

Nhưng khi quân Nga bị đẩy lui khỏi vùng do một toán SS tấn công – đám người mà Siegmund vừa cứu hôm qua lại đột ngột tỏ vẻ thù địch như trước. Siegmund nói, “Thật không thể tin nổi.”

Hôm sau, quân Nga chiếm lại vùng này và bọn họ được giải phóng lần nữa, nhưng là bởi một đội quân khác – và lần này quân Nga không tin Weltlinger là người Do Thái. Mọi người trong chung cư bị tổng lên một chiếc xe tải và đưa đi thẩm tra. Khi Weltlinger tạm biệt vợ mình, ông không biết liệu có phải mọi đau thương và trốn tránh bấy lâu sắp có một kết cục vô nghĩa. Bọn họ bị đưa tới vùng ngoại ô đông bắc, và bị thẩm vấn trong một căn hầm, từng người một. Weltlinger bị giải vào trong phòng, bắt ngồi cạnh một ngọn đèn sáng rực. Có mấy sĩ quan ngồi bên một cái bàn dài ẩn trong bóng tối. Weltlinger lại nhấn mạnh rằng ông là người Do Thái và đã lần

trốn hơn 2 năm nay. Rồi một giọng nữ vang lên: “VẬY HÃY CHỨNG MINH CHO TÔI THẤY ÔNG LÀ NGƯỜI DO THÁI.” “BẰNG CÁCH NÀO?” Cô ta bảo ông đọc lời thề tín ngưỡng của người Do Thái.

Trong phòng im ắng, Siegmund nhìn những gương mặt ẩn hiện trong bóng tối trước mặt mình. Rồi ông đặt tay phải lên đầu, bằng một giọng xúc động, ông đọc một trong những bài kinh cầu nguyện cổ xưa nhất, Sh'mah Yisroël. Ông chậm chậm ngâm bằng tiếng Do Thái:

Nghe này, Israel!

Chúa của chúng ta,

Là Người được chọn.

Người phụ nữ đó cất tiếng, “Đi đi. Ông là người Do Thái, và là người tốt.” Cô ta nói mình cũng là người Do Thái. Hôm sau, Siegmund được đoàn tụ với vợ mình. Ông nói, “Không từ ngữ nào diễn tả được cảm xúc của chúng tôi khi gặp lại nhau.” Tay trong tay, họ cùng dạo bước trong ánh nắng rạng rỡ, “tự do và hạnh phúc như trẻ nhỏ.”

Nếu Mẹ bễ trên Cunegundes có điều gì sợ hãi, thì nó cũng không được biểu lộ trên gương mặt tròn phúc hậu của bà. Trận chiến đang sôi sục quanh Haus Dahlem. Mỗi lần xe tăng bắn, tòa nhà lại rung chuyển, và ngay cả trong căn hầm đã được tấn bao cát cũng có thể cảm nhận được cơn chấn động. Nhưng Mẹ bễ trên Cunegundes không còn để ý tới tiếng súng máy tách tách và tiếng đại bác nữa. Giữa lúc súng nổ không ngừng, bà đang cầu nguyện trong căn phòng ăn nhỏ đã được đổi thành nhà nguyện; trong chốc lát, tiếng ồn ào của trận chiến dường như biến mất. Mẹ bễ trên Cunegundes vẫn quỳ gối. Một bà xơ bước vào nhà nguyện và thì thầm với Mẹ bễ trên: “Là quân Nga. Bọn họ tới đây rồi.”

Mẹ bễ trên Cunegundes bình tĩnh cầu nguyện cho mình, rồi quỳ lạy, và nhanh chóng đi theo bà xơ ra khỏi nhà nguyện. Quân Liên Xô tới đây từ phía sau, qua ngã vườn. Bọn họ xuất hiện bên cửa sổ nhà bếp, cười toe toét và chĩa súng vào các xơ và các phụ nữ làm công. Mười người lính, dẫn đầu là một trung úy trẻ tuổi đang chờ Mẹ bễ trên. Bà bếp Lena, người Ukraine được đưa tới làm phiên dịch. Mẹ bễ trên thấy viên sĩ quan “trông có vẻ rất khôn khéo, cử chỉ thì không chê vào đâu được.”

Anh ta hỏi về Haus Dahlem. Mẹ bề trên Cunegundes giải thích rằng đây chỉ là một nhà hộ sinh kiêm bệnh viện và trại trẻ mồ côi. Lena nói thêm là ở đây chỉ toàn là “bà xơ và em bé.” Viên trung úy có vẻ cũng hiểu. Anh ta hỏi, “Ở đây có lính lác hay vũ khí gì không?” Mẹ bề trên Cunegundes đáp: “Không. Tất nhiên là không. Trong tòa nhà này chẳng có thứ gì như thế cả.” Có mấy người lính bắt đầu đòi đồng hồ và trang sức. Viên trung úy lạnh lùng nói gì đó, và cả đám lùi lại, có vẻ lúng túng.

Mẹ bề trên nói với viên sĩ quan trẻ tuổi rằng Haus Dahlem cần được đảm bảo nó sẽ được bảo vệ, vì ở đây toàn trẻ em, sản phụ sắp sinh và các xơ. Viên sĩ quan nhún vai: anh ta là chiến sĩ, chỉ quan tâm tới việc quét sạch kẻ thù và tiến lên phía trước.

Khi quân Nga rời khỏi đó, có mấy người lính dừng lại ngược nhìn tượng Thánh Michael sừng sững, “người hiệp sĩ chiến đấu chống lại quỷ dữ của Chúa.” Bọn họ bước quanh tượng, chạm vào mấy nếp gấp áo chùng của pho tượng và ngược nhìn gương mặt Thánh Michael. Viên trung úy tạm biệt Mẹ bề trên. Có vẻ anh ta có điều gì phiền muộn. Nhất thời, anh nhìn mấy người lính chăm chú, bọn họ đang quan sát bức tượng. Rồi anh nói với Mẹ bề trên Cunegundes: “Đây là những người lính tốt, tuân thủ kỷ luật và có khuôn phép. Nhưng tôi phải nói với bà điều này. Cái bọn đi sau bọn tôi, đám sắp tới đây là một lũ heo.”

Quân Nga không ngừng tiến như vũ bão. Con người loạn tri ở trong hầm Führerbunker liên tục ra những mệnh lệnh liều lĩnh, khi mà phần còn lại của Đế chế Đức và của thủ đô bị quân thù chia cắt. Lệnh cứ đưa ra, rồi lại bị lệnh khác thay thế. Rồi lệnh thay thế lại bị hủy và có lệnh mới. Tham mưu trưởng của Weidling, Trung tá von Dufving tổng kết như sau: “Rối rắm dẫn tới hỗn loạn; lệnh dẫn tới mệnh lệnh ngược lại; và cuối cùng thứ gì cũng lộn xộn.”

Hệ thống chỉ huy của Đức đã sụp đổ. Khi quân Đồng minh phương Tây và quân Nga tiến gần hơn, OKW, vốn phụ trách mặt trận phía tây lại rồi tung với OKH điều hành mặt trận phía đông. Tướng Erich Dethleffsen, trợ lý Tham mưu trưởng OKH nhận được một cuộc gọi khẩn từ tư lệnh Dresden khi đoàn xe tăng của Koniev tới gần thành phố, trên đường tiến về

phía tây để hợp quân với quân Mỹ. Ông ta được lệnh đưa quân toàn bộ sang bờ đông sông Elbe chảy ngang thành phố. Mười phút sau, OKW lệnh cho vị tư lệnh Dresden đưa quân sang bờ Tây.

Chỗ nào cũng thế. Liên lạc hầu như không còn tồn tại. Sở chỉ huy của OKW giờ đặt tại Rheinsberg, cách Berlin chừng 50 dặm về phía đông bắc, phải phụ thuộc vào một chiếc ăng-ten truyền tín hiệu độc nhất gắn trên một khí cầu phòng ngự để liên lạc. Tại Berlin, mệnh lệnh nào của Hitler không truyền đi bằng điện thoại được sẽ được phát qua sóng radio thông qua hệ thống liên lạc trong tòa tháp phòng không nhỏ hơn trong số hai tháp ở Sở thú.

Trong phòng viễn thông rộng thênh thang của Tháp chữ L, Trung úy Không quân Gerda Niedieck ngồi bên chiếc máy in điện báo và máy giải mã, cô nhận thấy lúc này phần lớn bức điện của Hitler chỉ có một chủ đề: điên cuồng hỏi thăm tin tức – thường là về các tập đoàn quân vốn đã không còn tồn tại nữa. Hết lần này đến lần khác, chiếc máy in vô tuyến lách cách in ra những bức điện của ông ta. “Wenck đang ở chỗ nào?” “Steiner đâu?” “Wenck đâu rồi?” Đôi khi cô nàng Gerda 24 tuổi thấy như thế là hơi quá sức chịu đựng. Có mấy lần cô lặng lẽ khóc bên chiếc máy in, khi cô gửi đi những bức điện, những lời đe dọa và mệnh lệnh của Hitler, yêu cầu đất nước đang hấp hối này phải chiến đấu cho tới tận người Đức cuối cùng.

Cuối cùng, sau 6 năm chiến tranh, sở chỉ huy của OKH và OKW – vốn chỉ huy các đội quân từng cách nhau cả ba ngàn dặm – giờ tập hợp lại thành một bộ chỉ huy thống nhất. Các quan chức của bộ chỉ huy kết hợp OKH-OKW được Thống chế Wilhelm Keitel chỉ định tức thời. Ông ta nói chắc nịch, “Quân ta không chỉ bưng bưng ý chí chiến đấu, mà còn hết sức thiện chiến.” Ông ta rảo bước trong sở chỉ huy mới, dưới ánh mắt soi mói của tướng Alfred Jodl, Tư lệnh hành quân của OKW, và tướng Erich Dethleffsen, trợ lý Tham mưu trưởng của OKH. Keitel cũng vẽ ra một bức tranh tươi sáng tương tự cho Hitler xem vào ngày 24, ngay trước khi Quốc trưởng ra lệnh cho các sĩ quan cấp cao của mình rời khỏi thủ đô để bọn họ tiếp tục thực hiện các chiến dịch giải cứu Berlin từ bên ngoài thành phố.

Đó là lần cuối cùng Dethleffsen ghé qua thế giới ngầm của

Führerbunker. Khi tới đó, ông thấy mọi thứ rối tinh rối mù cả lên. Lối vào chẳng có lính gác. Ông ngạc nhiên thấy có khoảng hai chục công nhân trú sau cửa hầm: vì có pháo kích nên bọn họ được lệnh “đào một con hào từ bãi đậu xe tới lối vào,” nhưng bọn họ không làm việc được vì pháo nổ liên hồi. Ông xuống cầu thang và thấy trong phòng đợi cũng không có lính gác nào. Không ai kiểm tra cặp táp của ông hay là “kiểm tra xem ông có mang theo vũ khí hay không.” Ông có ấn tượng rằng mọi thứ “đã tan rã hoàn toàn.”

Trong khu sảnh nhỏ bên ngoài phòng họp của Hitler, “mấy chai rượu rỗng không hoặc còn một nửa nằm lán lóc.” Ông thấy “nguyên tắc phải giữ bình tĩnh nhằm tránh tình trạng hoảng sợ lan tràn của người quân nhân không còn được để ý tới nữa.” Ai nấy đều lo sợ và cáu gắt – trừ mấy người phụ nữ. “Mấy cô thư kí, các nhân viên nữ... Eva Braun và bà Goebbels cùng với mấy đứa con... đều tỏ vẻ hòa nhã và thân thiện, khiến cánh mày râu phải xấu hổ.”

Bản báo cáo của Keitel với Hitler khá ngắn gọn. Dethleffsen nhớ lại, “Ông ta dùng toàn từ ngữ màu hồng để báo cáo về tình trạng của Tập đoàn quân 12 của Wenck và về viễn cảnh giải cứu Berlin.” Dethleffsen thấy khó mà đánh giá được là “Keitel có mấy phần tin vào lời lẽ của chính mình: có lẽ sự lạc quan của ông ta chỉ là để tránh cho Quốc trưởng phải bận lòng thêm.”

Nhưng giờ, trước mặt cách lãnh đạo của OKH-OKW, cách xa tầm mắt Hitler, Keitel vẫn nói bằng giọng điệu đó. Ông ta vừa bước quanh phòng vừa nói: “Những thất bại của chúng ta chỉ là do các bậc chỉ huy cao cấp và trung cấp thiếu lòng can đảm và ý chí chiến đấu mà thôi.” Cứ như là Hitler đang nói ấy. Dethleffsen nghĩ, Keitel quả là “thầy nào trò nấy.” Và từ bản báo cáo tươi sáng của ông ta rằng Berlin sẽ được giải phóng thế nào, “rõ ràng ông ta chẳng biết mảy may về hoàn cảnh tuyệt vọng của quân lính.” Keitel cứ nói mọi thứ sẽ ổn thỏa hết; vòng vây của quân Nga quanh Berlin đang khép chặt sẽ bị phá vỡ; Quốc trưởng sẽ được cứu...

Ở Bavaria, Thống tướng Hermann Goering gặp phải một chuyện hết sức phi lý: ông ta bị cảnh vệ SS bắt giữ tại nhà. Tham mưu trưởng của ông, tướng Koller đã bay tới Bavaria gặp Goering sau buổi họp đầu buồn của

Hitler vào ngày 22/4. Nhận được báo cáo của Koller rằng “Hitler đã gục ngã” và Quốc trưởng đã nói “Chuyện đàm phán thì thống tướng làm tốt hơn tôi,” Goering liền bắt tay vào hành động. Ông gửi cho Quốc trưởng một bức điện với từ ngữ được chọn lựa kỹ càng. Ông viết, “Thưa Quốc trưởng, trước quyết định ở lại pháo đài Berlin của ngài, và theo sắc lệnh ngày 29/6/1941 của ngài, ngài có đồng ý để tôi toàn quyền lãnh đạo nước Đức và được tự do hành động cả trong nước lẫn quốc tế ngay bây giờ, với tư cách là cấp phó của ngài hay không? Nếu đến 10 giờ tối nay mà tôi vẫn không nhận được hồi âm thì tôi sẽ cho là ngài không còn được tự do hành động, và tôi sẽ hành động vì lợi ích của nhân dân và đất nước...”

Goering nhanh chóng nhận được hồi âm – mà rõ ràng ràng là do kỳ phùng địch thủ của ông ta, Martin Bormann gợi ý, một con người đầy tham vọng. Hitler làm một tràng buộc tội ông ta là đồ phản bội và tuyên bố ông ta sẽ bị xử bắn, trừ khi chịu từ chức ngay lập tức. Tối 25/5, đài phát thanh Berlin trang trọng thông báo, “bệnh tim của Thống tướng Goering đã vào giai đoạn nguy kịch. Do vậy, ông đã đề nghị được từ bỏ quyền chỉ huy Không lực và mọi trách nhiệm liên quan... Quốc trưởng đã chấp thuận đề nghị này...”

Goering nói với bà vợ Emmy rằng ông thấy chuyện này thật lố bịch; dù gì thì cuối cùng ông cũng sẽ thực hiện việc đàm phán thôi. Sau này, bà Emmy kể cho Nam tước phu nhân von Schirach là Goering đang tự hỏi “nên mặc bộ đồng phục nào khi đi gặp Eisenhower lần đầu.”

Trong khi Berlin đang bốc cháy và đế chế Đức dần lụi tàn, người mà Hitler không bao giờ nghi ngờ sẽ phản bội đã vượt mặt Goering về quyền lực trong tay.

Ở Washington, chiều ngày 25/4, Đại tướng John Edwin Hull, Quyền Tham mưu trưởng Chiến dịch của Quân đội Hoa Kỳ được Tham mưu trưởng, Thống tướng George C. Marshall gọi vào văn phòng ông trong Lầu Năm Góc. Marshall nói với ông là Tổng thống Truman đang trên đường từ Nhà Trắng tới Lầu Năm Góc để hội đàm với Winston Churchill qua điện thoại chống nghe lén. Bá tước Folke Bernadotte, hội trưởng Hội Chữ thập Đỏ Thụy Điển vừa nhận được một đề nghị đàm phán từ phía Đức. Vị sứ giả

hòa bình này không phải ai khác ngoài người Hitler gọi là Der treue Heinrich (Heinrich trung thành) – Heinrich Himmler.

Đề nghị bí mật của Himmler đang được truyền đi bằng điện tín mã hóa từ chỗ Đại sứ Hoa Kỳ tại Thụy Điển. Marshall bảo Hull cho phòng liên lạc sẵn sàng và phải tìm hiểu ngay ở chỗ Bộ Ngoại giao xem bức điện đã tới đây chưa. Hull nói, “Tôi đã gọi cho Dean Acheson ở Bộ Ngoại giao, ông ấy nói với tôi là mình không hề hay biết có bức điện nào gửi tới có chứa lời đề nghị của Himmler. Đúng ra, bức điện phải tới chỗ Bộ Ngoại giao rồi, nhưng lại chưa ai đọc qua.”

Tổng thống Truman tới đó lúc 3:10 theo giờ Mỹ, ông nói chuyện với ngài Thủ tướng trong phòng điện thoại của Lầu Năm Góc. Hull kể, “Khi bắt máy, thậm chí Tổng thống còn không biết lời đề nghị của phe Đức là gì.” Theo Hull, Churchill “mở đầu bằng câu, ‘Anh nghĩ thế nào về bức điện đó?’ Ngài Tổng thống đáp, ‘Nó mới tới tức thì.’”

Thế là Churchill đọc bức điện ông nhận được từ Đại sứ Vương quốc Anh tại Thụy Điển, Sir Victor Mallet. Ông nói với Truman, Himmler muốn gặp Thống tướng Eisenhower để đầu hàng. Nhà lãnh đạo SS nói Hitler đang ốm nặng, có khi đã chết rồi cũng nên, còn không thì cũng chỉ được vài ngày nữa thôi. Rõ ràng Himmler muốn đầu hàng có điều kiện – nhưng là với quân Đồng minh phương Tây chứ không phải với Nga. Bernadotte đã hỏi Himmler, “Nếu phe Đồng minh phương Tây từ chối đề nghị của anh thì sao?” Himmler đáp: “Thì tôi sẽ nắm quyền chỉ huy mặt trận phía đông và tử trận ở đó.” Hull nghe hai người nói chuyện bằng một chiếc điện thoại khác, và nghe thấy Churchill nói, “Đó, anh thấy sao?”

Vị Tổng thống mới của Mỹ mới nhậm chức được 13 ngày trả lời không chút chần chừ. Ông nói, “Ta không thể nhận lời. Như thế thật đáng xấu hổ, vì chúng ta đã thỏa thuận với Nga là sẽ không đơn phương chấp thuận đề nghị đầu hàng.”

Churchill đồng ý ngay. Sau này ông nói, “Tôi nói với ông ấy [Truman] là chúng tôi tin là việc đầu hàng phải là vô điều kiện và phải đầu hàng cả ba bên một lúc.” Khi cả Churchill và Truman nói cho Stalin biết về lời đề nghị của Himmler và bọn họ đã trả lời thế nào, vị Tổng tư lệnh liền cảm ơn cả

hai, và đáp lại, ông hứa Hồng quân sẽ “duy trì sức ép lên Berlin trên nền tảng các nguyên tắc chung của chúng ta.”

Trung úy Albert Kotzebue thuộc Sư đoàn 69 Hoa Kỳ ngồi trong xe jeep và thấy đằng xa có một trang trại, anh nghĩ nơi này sao mà yên ắng quá. Anh ra khỏi xe và bước tới đằng trước đội tuần tra gồm 26 người, một mình tới gần căn nhà.

Cả vùng quê bên sông Elbe này yên lặng đến lạ kỳ. Những ngôi làng có cờ trắng bay phấp phới trên các nóc nhà, nhưng lại chẳng có động tĩnh gì; dân làng đều trốn trong nhà. Kotzebue đã nói chuyện với vài người thị trưởng, và lần nào câu chuyện cũng y như nhau: quân Nga sắp tới rồi, bọn họ chắc chắn sẽ bị giết và phụ nữ sẽ bị cưỡng hiếp.

Kotzebue thận trọng đi tới trước nhà. Cửa mở hé hé. Anh đứng qua một bên và dùng súng trường đẩy cửa ra. Nó mở rộng ra sau và kêu cọt két thật to, và Kotzebue trố mắt nhìn. Vợ chồng người nông dân và ba đứa con đang ngồi quanh bàn ăn. Cảnh tượng thật thanh bình và ấm cúng – chỉ trừ một điều, họ đều đã chết rồi. Hẳn họ đã phải sợ hãi lắm mới chọn cách uống thuốc độc như vậy.

Những người còn lại trong đội đã tới, viên trung úy liền nhảy lên xe jeep. Bọn họ nhanh chóng tiến về phía sông Elbe, và rồi, ngay trước khi tới đó, Albert Kotzebue đã làm nên lịch sử. Tại làng Leckwitz, anh thấy một người đàn ông kỳ quặc, mặc bộ đồng phục rất quái, cười một con ngựa nhỏ. Anh ta lắc lư trên yên ngựa và nhìn Kotzebue. Viên trung úy nhìn lại. Kotzebue và người kỵ sĩ đó đã chiến đấu qua gần nửa địa cầu để tới được đây. Kotzebue nghĩ có lẽ mình đã gặp được người lính Nga đầu tiên.

Một người biết tiếng Nga bèn hỏi người kỵ sĩ đó. Anh ta nói, đúng vậy, anh ta là người Nga. Kotzebue hỏi, “Đơn vị của anh ta đâu?” Người đó trả lời cụt lùn, “Bên sông Elbe.”

Cả đội lại lên đường đi tới dòng sông. Người kỵ sĩ đứng nhìn họ khởi hành. Bên dòng sông, Kotzebue và mấy người nữa tìm thấy một chiếc

thuyền nhỏ, bọn họ bèn chèo qua bờ bên kia, dùng súng trường làm mái chèo. Khi bước xuống thuyền, Kotzebue thấy xác người phủ kín hàng trăm mét bờ sông – nam phụ lão ấu đều có. Có mấy chiếc xe bò và xe ngựa bị lật úp; hành lý và quần áo rải rác khắp nơi. Không có dấu hiệu gì cho biết cuộc thảm sát này đã diễn ra như thế nào, và vì sao. Một lát sau, mấy người lính Mỹ gặp toán lính Nga đầu tiên. Kotzebue làm động tác chào. Mấy người lính Nga cũng vậy. Không hề có sự niềm nở khi gặp mặt, không có vỗ lưng hay ôm nhau gì cả. Bọn họ chỉ đứng đó nhìn nhau. Lúc đó là 1:30 chiều ngày 25/4. Quân Đồng minh phương Đông và phương Tây đã gặp nhau tại thị trấn Strehla nhỏ bé.

Lúc 4:40 chiều, tại Torgau nằm bên sông Elbe, cách đó chừng 20 dặm về phía bắc, Trung úy William D. Robinson, cũng thuộc Sư đoàn 69 chạm trán mấy người lính Nga khác. Anh đưa bốn người lính Liên Xô đi cùng mình quay về sở chỉ huy. Cuộc gặp gỡ của anh sẽ đi vào sử sách, đó là cuộc hội quân chính thức. Dù là 1:30 hay 4:40 đi nữa thì đế chế Đức của Hitler đã bị chia đôi bởi Tập đoàn quân số 1 Hoa Kỳ của tướng Hodges và Phương diện quân Ukraine số 1 của Nguyên soái Koniev. Và cùng ngày – không có ai nhớ giờ giấc chính xác – Berlin bị bao vây.

Toàn bộ cánh quân phía bắc của Tập đoàn quân 9 đã tiêu tủng. Tập đoàn quân 9 bị bao vây hoàn toàn và bị máy bay Nga dội bom đêm ngày. Tình hình cung ứng quân nhu rất nghiêm trọng. Không quân đã cố thả đồ từ trên không, nhưng không ổn. Họ không đủ máy bay để thực hiện và cũng không đủ xăng để bay – và mấy thứ đã thả lại hạ cánh sai chỗ. Nhưng bất chấp tất cả, Tập đoàn quân 9 vẫn chiến đấu kiên cường nhằm tới hợp quân với Tập đoàn quân 12 của Wenck.

Nhưng giờ Heinrici đã biết được sự thật về Wenck: trái ngược hoàn toàn với những gì Krebs đã nói, Tập đoàn quân 12 hầu như chẳng còn lại chút sức mạnh nào. Ông điên tiết gọi điện cho Krebs, cáo buộc ông ta cố tình đưa thông tin sai lệch. Heinrici nổi khùng, “Đó là một tập đoàn quân ma. Nó không thể đủ sức đi tới chỗ Tập đoàn quân 9, rồi hợp quân với bọn họ và tiến về phía bắc để giải cứu Berlin được. Tới lúc hai đội quân gặp nhau thì bọn họ sẽ chẳng còn lại bao nhiêu quân cả – và anh biết rõ điều đó!”.

Tính ra, Tập đoàn quân Thiết giáp 3 của Von Manteuffel là tất cả những gì còn lại của Cụm Tập đoàn quân Vistula. Von Manteuffel đang kiên cường chống đỡ, nhưng trung tâm phòng tuyến của ông đang phình ra một cách đáng ngại. Tệ hơn nữa là các đội xe tăng của Zhukov vốn đang áp sát mạn phía nam giờ lại đổi sang hướng bắc và bao vây Von Manteuffel. Đội quân duy nhất chặn đường bọn họ là nhóm quân tả tơi của tướng SS Felix Steiner.

Kế hoạch giải cứu Berlin của Hitler yêu cầu Steiner tấn công về phía nam, cắt ngang qua lộ tuyến của quân Nga từ bên này thành phố, còn Tập đoàn quân 9 và Tập đoàn quân 12 sẽ cùng tiến lên phía bắc từ phía bên kia. Trên lý thuyết, kế hoạch này cũng khả thi. Nhưng thực tế thì nó không hề có cơ hội thành công. Steiner chính là một trong những điểm hạn chế. Heinrici nói, “Ông ra cứ tìm đủ cớ để khỏi phải tấn công. Tôi có cảm giác là có gì đó không ổn.”

Vị tư lệnh của Vistula biết Steiner không đủ quân để tới được Spandau như Hitler ra lệnh, nhưng Heinrici cũng muốn ông ta tấn công. Ít ra thì Steiner cũng đủ sức làm mũi tấn công của Zhukov yếu đi một chút. Nếu ông ta làm được thì sẽ có thể ngăn quân Nga bao vây quân của Von Manteuffel.

Như thế Heinrici sẽ có thêm thời gian cần thiết để từng bước cho Von Manteuffel rút quân về sông Elbe. Giờ chỉ có thể cố gắng cứu quân mình chứ chẳng thể làm gì được nữa; đế chế Đức không thể tránh khỏi sụp đổ trong vài ngày tới.

Heinrici có một tấm bản đồ, ông đã vẽ 5 đường rút quân từ bắc xuống nam trên đó, chạy từ sông Oder qua miền tây. Tuyến đầu tiên mang tên “Wotan,” tiếp theo là “Uecker”; mấy cái còn lại thì đánh số. Mỗi tuyến cách nhau chừng 15 đến 20 dặm. Von Manteuffel đang ở ngay trên tuyến Wotan. Vấn đề là liệu ông ta có thể cầm cự ở đó được bao lâu.

Sáng 25/4, Heinrici đến chỗ Von Manteuffel. Bọn họ đi dạo trong khu vườn nhỏ phía sau sở chỉ huy của Von Manteuffel, và vị tư lệnh của Tập đoàn quân Thiết giáp 3 lặng lẽ nói, “Tôi không thể cầm cự được nữa.” Mặt ông hết sức nghiêm trọng. “Không có xe thiết giáp, cũng chẳng có súng chống tăng, quân lính thì thiếu kinh nghiệm và đã kiệt sức, sao người ta có

thể cho là tôi còn cầm cự được nhỉ?”

“Anh có thể cố được bao lâu nữa?”

Von Manteuffel lắc đầu.

“Chắc chỉ thêm được một ngày thôi.”

Qua màn khói từ những đám cháy và pháo nổ, máy bay lên lên xuống xuống trên thành phố hoang tàn, thả truyền đơn xuống dưới trắng xóa. Ở quận Wilmersdorf, Charlotte Richter nhặt một tờ lên. Trên đó viết: “Hãy kiên nhẫn! Tướng Wenck và tướng Steiner sắp tới cứu Berlin.”

Cần phải tìm hiểu ngay xem Steiner định làm gì. Heinrici tìm được ông ta ở sở chỉ huy Sư đoàn Đặc nhiệm Thiết giáp 25 ở Nassenheide. Jodl cũng ở đó. Bọn họ đã bàn bạc xong nên để Steiner tấn công thế nào. Giờ cả ba bàn lại lần nữa. Rồi Steiner bắt đầu nói về tình hình đội quân của mình. Ông ta hỏi, “Hai anh đã gặp bọn họ chưa?”

Jodl nói: “Bọn họ đang trong điều kiện hoàn hảo đó chứ. Tinh thần rất tốt mà.”

Steiner kinh ngạc nhìn Jodl.

Heinrici lạnh lùng hỏi, “Steiner, sao anh không chịu tấn công? Sao cứ trì hoãn mãi thế?”

Steiner nói, “Rất đơn giản. Tôi không có quân. Tôi không có tí cơ hội thành công nào dù là nhỏ nhất.”

Heinrici kiên nhẫn hỏi, “Vậy anh có cái gì?”

Steiner giải thích rằng toàn bộ lực lượng của mình có 6 tiểu đoàn, trong đó có một số lấy từ một sư đoàn cảnh sát SS, cộng thêm Sư đoàn Thiết giáp 5 và Sư đoàn Hải quân 3. Steiner nói, “Có thể dẹp bọn hải quân qua một bên. Tôi cá là ở trên thuyền thì bọn họ rất ngon lành, nhưng lại chưa từng được huấn luyện chiến đấu kiểu này. Tôi gần như không có đại bác, cực ít xe thiết giáp và lèo tèo vài khẩu pháo phòng không.” Ông ta ngừng lại. “Tôi nói anh nghe xem tôi có cái gì: một mớ hổ lốn không bao giờ tới được Spandau từ Germendorf.”

Heinrici lạnh nhạt nói, “Steiner, anh phải tấn công thôi, vì Quốc trưởng của mình.”

Steiner nhìn ông chăm chăm. Ông ta hét, “Đó cũng là Quốc trưởng của

ông nữa đấy!”

Khi ông và Jodl rời đi, Heinrici thấy rõ ràng là Steiner không hề có ý định tấn công gì cả.

Mấy tiếng sau, điện thoại trong sở chỉ huy Vistula tại Birkenhain đổ chuông. Heinrici nhắc máy.

Von Manteuffel gọi tới, và nghe giọng rất trầm trọng. “Tôi cần anh cho phép rút quân khỏi Stettin và Schwedt. Tôi không thể cầm cự nổi nữa. Nếu không rút bây giờ thì bọn tôi sẽ bị bao vây.”

Nhất thời, Heinrici nhớ lại lệnh của Hitler hồi tháng 1 dành cho các tướng lĩnh cấp cao. Cá nhân bọn họ phải “chịu trách nhiệm trước Hitler” và không được phép rút quân hoặc từ bỏ vị trí mà không báo trước cho Hitler để ông ta quyết định. Heinrici nói: “Rút quân. Anh có nghe không? Tôi nói, rút quân. Và nghe này, Manteuffel. Bỏ pháo đài Stettin ngay đi.”

Ông đứng cạnh bàn làm việc, trong chiếc áo khoác da cừu và chiếc xà cạp từ hồi Thế chiến thứ nhất, nghĩ lại những gì mình đã làm. Ông đã ở trong quân đội được đúng 40 năm và ông biết là giờ dù ông không bị xử bắn đi nữa thì sự nghiệp của ông cũng đã chấm dứt. Rồi ông gọi cho Đại tá Eismann và tham mưu trưởng của mình. Ông nói, “Báo cho OKW biết là tôi đã lệnh cho Tập đoàn quân 3 rút lui.” Ông suy nghĩ một chút rồi nói, “Đến lúc bọn họ nhận được tin này thì không kịp hủy lệnh nữa rồi.”

Ông nhìn Von Trotha, một kẻ cuồng Hitler, rồi nhìn ông bạn già Eismann, và giải thích rõ chính sách của mình từ nay trở đi: ông sẽ không bao giờ để quân lính bị tiêu diệt không cần thiết nữa; ông thà rút lui sớm còn hơn lãng phí sinh mạng một cách vô ích. Ông hỏi bọn họ, “Ý các anh thế nào?” Eismann liền đề nghị nên ra lệnh “rút quân về sau tuyến Uecker, đóng ở vùng hồ Mecklenburg và đợi bên trên đầu hàng.” Von Trotha nhảy dựng lên. Ông ta lắp bắp, “Anh chỉ cần nghĩ tới chuyện đầu hàng, thậm chí chỉ cần dùng cái từ đó không thôi cũng là làm trái danh dự người lính rồi. Việc này không phải do ta quyết: phải tùy theo lệnh của OKW.”

Heinrici lạnh lùng nói: “Tôi sẽ không làm theo mấy mệnh lệnh tự sát đó nữa. Trách nhiệm của tôi là thay mặt cho quân lính của mình từ chối các mệnh lệnh đó, và tôi sẽ làm thế. Tôi còn phải chịu trách nhiệm về hành

động của mình trước người dân Đức.”

Rồi ông nói thêm, “Và hơn hết là với Chúa, Trotha à.” “Chúc ngủ ngon.”

Keitel chỉ cần mất 48 giờ đã hay tin Heinrich ra lệnh cho Von Manteuffel rút lui. Ông ta còn tận mắt thấy cuộc rút quân. Ông ta chạy xe qua khu vực của Tập đoàn quân 3 và kinh ngạc thấy binh lính đang lui quân khắp nơi. Nổi điên lên, ông ta lệnh cho Heinrich và Von Manteuffel tới gặp mình tại một ngã tư gần Fürstenberg.

Khi tham mưu trưởng của Von Manteuffel là Trung tướng Burkhard Müller-Hillebrand biết chuyện, ông giật mình rồi trầm tư. Tại sao lại là một ngã tư? Tại sao lại ở ngoài trời? Ông vội đi tìm ban tham mưu.

Ở ngã tư, khi Heinrich và Von Manteuffel ra khỏi xe, bọn họ thấy Keitel cùng đoàn tùy tùng đã tới trước.

Viên tham mưu trưởng của Hitler là một bức tranh sống động diễn tả một người thịnh nộ lôi đình, mặt ông ta đỏ lựng, cây quyền trượng thống chế gõ lia lia vào lòng bàn tay đeo găng. Von Manteuffel chào ông ta. Heinrich làm động tác chào. Keitel liền bắt đầu la hét. “Sao hai anh dám ra lệnh rút quân hả? Hai anh phải ở lại mặt trận Oder! Hitler đã lệnh các anh phải trấn thủ nơi đó! Chứ không phải lệnh cho các anh rời đi!” Ông ta chỉ thẳng vào Heinrich. “Chính anh! Anh đã ra lệnh rút quân!”

Heinrich chẳng nói gì. Von Manteuffel kể, khi cơn giận dữ qua đi, “Heinrich lạnh nhạt giải thích tình hình, lời lẽ cực kỳ hợp lý.” Heinrich nói: “Thưa Thống chế Keitel, tôi phải nói với ngài là tôi không thể giữ được mặt trận Oder với số quân tôi có. Tôi không định hi sinh mạng sống của họ. Còn nữa, chúng ta sẽ phải rút lui xa thêm nữa.”

Von Manteuffel chen lời. Ông cố giải thích tình hình chiến lược khiến họ buộc phải rút lui. Ông kết luận, “Tôi rất tiếc phải nói với ngài là tướng Heinrich nói đúng. Trừ khi được tăng viện, còn không tôi sẽ phải rút lui ra xa hơn nữa. Tôi đến đây để xem xem mình có được tăng viện hay không.”

Keitel nổi điên. Ông ta hét, “Làm gì còn quân dự bị nữa! Đây là lệnh của Quốc trưởng!” Ông ta đập cây quyền trượng vào lòng bàn tay đeo găng. “Các anh phải giữ nguyên vị trí!” Ông ta lại đập vào tay tiếp. “Các anh phải cho quân quay lại ngay tại đây!”

Heinrici nói, “Thống chế Keitel, chừng nào còn chỉ huy, tôi sẽ không ra lệnh cho Von Manteuffel làm thế đâu.”

Von Manteuffel nói: “Thống chế Keitel, Tập đoàn quân Thiết giáp 3 chỉ nghe lệnh Trung tướng Hasso von Manteuffel.”

Tới lúc này thì Keitel hoàn toàn mất kiểm soát. Von Manteuffel kể, “Ông ta nổi cơn thịnh nộ dữ dội, tới mức Heinrici và tôi chẳng thể hiểu nổi ông ta nói gì.” Cuối cùng, ông ta hét, “Các anh sẽ phải chịu trách nhiệm về hành động này trước lịch sử!”

Von Manteuffel chột nổi khùng. “Dòng họ Von Manteuffel đã phục vụ Đế quốc Phổ hơn 200 năm nay và vẫn luôn chịu trách nhiệm về hành động của mình. Tôi, Hasso von Manteuffel, rất vui lòng nhận trách nhiệm này.”

Keitel chĩa mũi dùi sang Heinrici. Ông ta hét: “Anh! Chính anh!”

Heinrici chỉ vào con đường rút lui của đoàn quân của Von Manteuffel và nói: “Thống chế Keitel, tôi chỉ có thể nói nếu ngài muốn những người lính này quay lại để bị bắn bị giết thì sao ngài không làm đi?”

Von Manteuffel thấy Keitel “bước về phía Heinrici đầy vẻ đe dọa.” Rồi ông ta xỏ một tràng: “Thượng tướng Heinrici, từ lúc này anh bị cách chức tư lệnh Cụm Tập đoàn quân Vistula. Anh phải quay về sở chỉ huy của mình và đợi người kế nhiệm ở đó.”

Nói xong Keitel quay ngoắt đi, chui vào trong xe và chạy vèo đi.

Vào lúc đó, Trung tướng Müller-Hillebrand và ban tham mưu bước ra khỏi khu rừng. Mỗi người mang một khẩu súng tự động. Ông giải thích, “Bọn tôi cứ tưởng sẽ có chút rắc rối.”

Von Manteuffel nghĩ sớm nữa là có không chừng. Ông đề nghị sẽ cho người bảo vệ Heinrici “cho tới cùng,” nhưng Heinrici từ chối. Ông chào các sĩ quan rồi bước vào xe. Sau 40 năm ở trong quân ngũ, trong thời khắc cuối cùng của cuộc chiến, ông lại bị cách chức trong nhục nhã. Ông dựng đứng cổ áo khoác cũ kỹ lên và bảo tài xế trở về sở chỉ huy.

Chỗ nào cũng kín đặc quân Nga. Lực lượng phòng thủ mỏng manh của

thành phố dần bị đẩy lui, và các quận lần lượt thất trận. Có nơi, những người lính trong Lực lượng Phòng vệ Địa phương trang bị vũ khí sơ sài cứ thế quay người bỏ chạy. Các đoàn viên Đoàn Thanh niên Hitler, Lực lượng Phòng vệ Địa phương, cảnh sát và lính cứu hỏa cùng kề vai chiến đấu, nhưng dưới quyền các sĩ quan khác nhau. Bọn họ cùng chiến đấu vì một mục đích, nhưng mệnh lệnh nhận được lại trái ngược nhau. Thực sự thì nhiều người còn không biết ai chỉ huy mình. Sĩ quan chỉ huy mới của Berlin, tướng Weidling đưa số binh lính ít ỏi còn lại trong Quân đoàn Thiết giáp 56 của mình đến các khu vực phòng thủ để hỗ trợ Volkssturm và Đoàn Thanh niên Hitler, nhưng cũng không hiệu quả mấy.

Zehlendorf thất trận chỉ trong nháy mắt. Đoàn Thanh niên Hitler và Lực lượng Phòng vệ Địa phương cố chống trả trước khi thị trấn bị tiêu diệt; viên thị trưởng treo cờ trắng lên rồi tự tử. Ở quận Weissensee, phe cộng sản vốn từng chiếm ưu thế trước khi Hitler trỗi dậy, nhiều vùng liền đầu hàng ngay lập tức, và những lá cờ đỏ xuất hiện, còn các chữ thập ngoặc màu đen thì nhanh chóng bị tháo dỡ. Pankow chống đỡ được 2 ngày, Wedding thì được 3. Một số cứ điểm của Đức chống cự quyết liệt đến cùng, nhưng không một chỗ nào còn có hàng phòng thủ vững chắc nữa.

Rào chắn trên đường phố bị đập tan tành như que diêm. Xe tăng Nga lao thật nhanh, cho nổ tung các tòa nhà thay vì để lực lượng bắn tỉa và binh lính đi vào đó. Hồng quân không muốn lãng phí thời gian. Có một số chướng ngại vật bị phá hủy bằng cách cho pháo bắn trực diện, như toa xe điện và các xe kéo chất đầy đá. Khi gặp phải các rào chắn vững chắc hơn, quân Nga liền đi vòng qua. Ở Wilmersdorf và Schöneberg, quân Liên Xô dùng độ quân kháng cự, bọn họ bèn vào trong các ngôi nhà nằm một bên con đường đã bị chặn, rồi bắn xuyên từ hầm này qua hầm khác bằng súng bazooka. Bọn họ trồi lên đằng sau quân Đức và diệt sạch cả ổ.

Pháo binh san bằng từng mét các quận trung tâm. Các vùng bị chiếm cũng nhanh như tốc độ hành quân của Nga với đội ngũ pháo và các khẩu Organ Stalin từng dùng bên sông Oder và sông Neisse. Ở hai sân bay Tempelhof và Gatow, các nòng pháo đặt kề nhau san sát. Ở Grünewald, trong rừng Tegel, trong các công viên và những chỗ thoáng đãng khác đều

như vậy – thậm chí là trong các vườn hoa chung cư cũng có. Từng hàng Organ Stalin (Kachiusa) xếp chặt kín các đường phố chính, bắn ra hàng loạt đạn phốt pho và khiến cả vùng chìm trong biển lửa. Edmund Heckscher, nằm trong Lực lượng Phòng vệ Địa phương nhớ lại, “Lửa cháy dữ tới nỗi đêm mà cứ như ngày. Anh có thể đọc báo được đấy, nếu có một tờ trong tay.” Tiến sĩ Wilhelm Nolte, một nhà hóa học trong Sở Cứu hỏa^[73], thấy máy bay Liên Xô nhắm bắn vào các công nhân đang cố chữa cháy. Hermann Hellriegel, vừa bị đưa vào quân Volkssturm, bị một vụ nổ hất văng lên không và ngã xuống một cái hố gần đó. Hellriegel kinh hoàng nhận thấy mình đang nằm trên ba cái xác lính. Người lính già 58 tuổi, vốn từng là nhân viên bán tour du lịch vội vàng trèo ra khỏi hố và chạy ù về nhà.

Khi quân Nga tiến vào thành phố sâu hơn, Lực lượng Phòng vệ Địa phương bắt đầu biến mất, đồng phục và băng đeo tay của họ vứt vương vãi trên mặt đường. Một số đơn vị là do người chỉ huy cố tình giải tán. Karl Ritter von Halt, chỉ huy tiểu đoàn Volkssturm gọi những người còn sống sót sau một trận chiến đấu ác liệt đến tập hợp ở sân vận động Olympic Reichssportfeld, và bảo bọn họ về nhà. Dù gì thì nửa số đó cũng chả làm ăn gì được; bọn họ được phát đạn Ý để dùng cho súng trường của Đức. Von Halt nói, “Hoặc làm thế, hoặc lấy đá ném bọn Nga, vậy thôi.”

Binh lính trên toàn thành phố bắt đầu đào ngũ. Trung sĩ Helmuth Volk thấy chả có lý gì lại phải bỏ mạng vì Quốc trưởng. Volk đang làm kế toán trong Abwehr, cục tình báo Đức, rồi một ngày anh được giao một khẩu súng trường và lãnh trách nhiệm canh gác ở Grünewald. Khi nghe nói có lệnh bảo đơn vị mình đến chỗ Dinh Thủ tướng, Volk đã bỏ trốn về nhà anh, nằm trên đường Uhlandstrasse. Cả nhà gặp anh cũng không vui vẻ gì cho lắm; bộ quân phục của anh sẽ khiến cả gia đình lâm vào nguy hiểm. Volk liền cởi nó ra, mặc đồ bình thường và giấu bộ quân phục dưới gầm. Vừa làm xong thì quân Nga chiếm được vùng này.

Trong sở chỉ huy bên cầu Frey, binh nhì Willi Thamm nghe được một chuyện khiến anh quyết định ở lại với đơn vị tới cùng. Một trung úy bước

vào báo cáo với đại úy của anh, sau khi làm một tách cà phê và một ly rượu schnapps đã nhấn mạnh rằng: “Anh cứ nghĩ đi! Lính ở đâu cũng muốn đào ngũ hết. Hôm nay có ba người vắng mặt mà không báo cho tôi.” Viên đại úy của Thamm nhìn anh ta. Anh hỏi, “Anh đã làm gì rồi?” Viên trung úy nhấp ngụm cà phê và nói, “Bắn bọn nó chứ sao.”

Từng tốp SS lục tung cả thành phố, lùng bắt những kẻ đào ngũ, giờ đây công lý nằm trong tay bọn họ. Bọn họ chặn lại tất cả những ai mặc quân phục để kiểm tra giấy tờ tùy thân và đơn vị của người đó. Ai bị tình nghi đào ngũ sẽ bị xử bắn, hoặc treo cổ trên một cái cây hay trụ đèn đường nào đấy để làm gương cho kẻ khác. Aribert Schulz, 16 tuổi, đoàn viên Đoàn Thanh niên Hitler, báo cáo về sở chỉ huy của cậu, nằm trong một rạp chiếu phim bỏ không ở Spittelmarkt rằng cậu thấy một gã SS cao gầy, tóc đỏ mang súng trường đang áp giải một người đi trên đường. Schulz hỏi có chuyện gì và được trả lời rằng người đó là một trung úy lục quân, bị phát hiện khi đang mặc thường phục. Schulz đi theo bọn họ tới đường Leipzigerstrasse. Đột nhiên tên lính SS đẩy mạnh người kia một cái. Trong khi viên trung úy loạng choạng cố giữ thăng bằng thì tên lính SS bắn vào lưng anh ta.

Đêm đó, Schulz lại gặp tên lính SS tóc đỏ lần nữa. Cậu đang đứng gác cạnh một rào chắn cùng mấy đứa nữa trong đơn vị mình thì thấy một chiếc tăng T-34 của Liên Xô trên đường Kurstrasse. Chiếc tăng đang chậm chậm quay nòng thì bị trúng đạn và bốc cháy. Người duy nhất còn sống lập tức bị bắt. Các cậu bé tìm thấy trong túi người lính Nga đó mấy tấm hình chụp các vị trí quan trọng của Berlin. Người lính xe tăng Hồng quân bị đưa về sở chỉ huy thẩm tra và rồi bị giao cho một gã đeo súng trường. Cũng tên lính SS đó. Hắn lại đưa tù nhân của mình ra ngoài, nhưng lần này lại thân thiện vỗ vai anh lính Nga và ra hiệu bảo đi. Anh lính Nga nhe răng cười rồi cất bước, và tên SS bắn anh ta, cũng vào sau lưng. Cậu nhóc Schulz hiểu ra, gã SS cao lêu nghêu đó chính là người chuyên hành quyết của Sở chỉ huy.

Lực lượng phòng thủ trên khắp Berlin đang buộc phải dồn về các quận trung tâm đổ nát. Để cản bước quân Nga, 120 trên tổng số 248 cây cầu trong thành phố đã bị cho nổ. Số thuốc nổ còn trong tay tướng Weidling ít

tới nổi họ phải dùng bom của không quân. Những kẻ cuồng tín còn phá hủy hết các cơ sở hạ tầng bổ trợ, mà thường chẳng bận tâm đến hậu quả.

Một tốp SS cho nổ đường hầm dài 4 dặm chạy bên dưới một nhánh của sông Spree và kênh Landwehr. Đường hầm đó vốn có tuyến đường sắt chạy qua, và hàng nghìn người dân đang trú tại đó. Nước bắt đầu tràn vào trong, và người ta chen lấn nhau chạy lên trên chỗ cao hơn. Đường hầm không chỉ chật kín người trú bom mà còn có bốn toa tàu hỏa dùng làm bệnh viện để chăm sóc người bị thương. Khi Elfriede Wassermann và ông Erich chồng bà cố chạy ra ngoài (bọn họ mới từ hầm Anhalter xuống đây), bà Elfriede nghe thấy những người bị thương nằm trong tàu la lên, “Đưa bọn tôi ra! Đưa bọn tôi ra! Sắp chết đuối tới nơi rồi!”.

Chẳng ai dừng lại cả. Nước đã lên tới eo Elfriede. Ông Erich chống nạng chạy tập tễnh thì còn tệ hơn thế. Người ta đâm đá lẫn nhau và la hét không ngừng, bọn họ xô đẩy, giẫm đạp lên nhau hòng tới được chỗ an toàn. Bà Elfriede gần như tuyệt vọng, nhưng ông Erich cứ hét, “Cứ đi đi! Cứ đi tiếp! Chúng ta sắp tới đó rồi. Ta sẽ làm được.” Và họ đã thành công. Bà Elfriede không biết có bao nhiêu người lên được bên trên.

Ngày 28/4, quân Nga đã tiến sát trung tâm thành phố. Vành đai ngày càng hẹp lại. Những trận giao tranh ác liệt diễn ra bên rìa các quận Charlottenburg, Mitte và Friedrichshain. Vẫn còn một con đường hẹp để ngỏ đi về phía Spandau. Những toán quân non kinh nghiệm của Weidling đang cố trấn giữ con đường đó, để rút lui vào phút cuối. Thương vong thật kinh khủng. Đường phố toàn xác người. Vì có pháo kích nên người ta không thể ra khỏi hầm trú ẩn để giúp bạn bè và người thân nằm bị thương ở gần đó; nhiều người thì bị trúng đạn khi đang xếp hàng lấy nước ở những vòi bơm nước cổ lỗ sũ ven đường. Quân lính cũng không khá hơn là mấy. Ai bị thương mà còn đi được tới trạm cấp cứu dã chiến là còn may. Những người không đi được thường phải nằm lại nơi mình ngã xuống và chết vì mất máu.

Kurt Bohg, nằm trong Lực lượng Phòng vệ Địa phương bị đứt gần hết gót chân, ông tập tễnh lê bước suốt hàng dặm. Cuối cùng ông không đi nổi nữa. Ông nằm trên đường, kêu gào mong được giúp đỡ. Nhưng số ít dám

liều mạng chạy khỏi hầm dưới làn đại bác thì bận lo cứu mạng bản thân.

Bohg nằm trong một cái máng nước, ông thấy một bà xơ dòng Luther chạy từ nhà này sang nhà khác. Ông gọi, “Xơ ơi, xơ. Giúp tôi được không?” Bà xơ dừng lại. Bà hỏi, “Anh ráng đi tới nhà giáo đoàn nằm cạnh nhà thờ được không? Nó cách đây có 5 phút thôi. Tới đó tôi sẽ giúp anh.” Không biết sao ông cũng tới được đó. Cửa nào cửa nấy mở toang. Ông lê bước vào hành lang, rồi tới một căn phòng đợi và cuối cùng gục xuống. Tại đó, ông như đang nằm giữa một ao máu đang tuôn tràn. Ông chầm chậm giương mắt lên xem máu từ đâu ra. Ông nhìn quanh phòng, ngoài kia có một khu vườn. Cửa vẫn mở: một con bò sữa đen trắng đứng đó bất động, lặng lẽ nhìn ông bằng đôi mắt ươn ướt. Miệng nó trào máu ồ ộc. Người và vật cứ thế nhìn nhau trong nỗi thương cảm không lời.

Khi quân Nga bắt đầu cô lập trung tâm thành phố, quân của Weidling càng bị dồn ép nhiều hơn. Quân nhu dần cạn kiệt. Đáp lại yêu cầu viện trợ bằng cách thả dù của ông, Weidling nhận được 6 tấn quân nhu và đúng 16 quả tên lửa dành cho xe thiết giáp.

Một điều khó tin là giữa cái hỏa ngục đáng sợ ấy, một chiếc máy bay chợt bay qua và hạ cánh xuống đại lộ Đông-Tây – con đường chính chạy từ sông Havel bên phía tây tới đại lộ Unter den Linden ở phía đông. Đó là một chiếc Fieseler Storch nhỏ, ngồi bên trong là tướng Ritter von Greim và nữ phi công nổi tiếng Hanna Reitsch. Chiếc máy bay bị hỏa lực phòng không bắn trúng, xăng tuôn ào ào từ các bồn xăng trên cánh. Von Greim đang điều khiển thì bị thương ở chân ngay trước khi gạt cần. Hanna chộp lấy cần gạt kéo xuống và hạ cánh hoàn hảo. Hai người được Hitler triệu tập đến Dinh Thủ tướng; khi tới đó ông ta liền phong Von Greim làm thống chế, thay thế “tên phản bội” Goering chỉ huy Không quân, vốn chẳng còn tồn tại nữa.

Hầm Führerbunker đã bị trúng đạn pháo, nhưng tạm thời vẫn tương đối an toàn. Vẫn còn một địa điểm an toàn nữa giữa lòng thành phố. Đó là hai tòa tháp phòng không nhô cao bên trên sở thú. Tháp G cao 40 mét chật kín người: không ai biết chính xác là có bao nhiêu. Walter Hagedorn, bác sĩ của Không quân ước tính có khoảng 13.000 người – cộng thêm quân lính.

Người ta đứng hoặc ngồi trên cầu thang, đầu cầu thang, ở khắp các tầng.

Không có chỗ mà nhúc nhích. Các nhân viên của Hội Chữ thập Đỏ, như Ursula Stalla, 19 tuổi làm mọi thứ có thể để xoa dịu nỗi thống khổ của mọi người. Cô không bao giờ quên được mùi hôi thối quyện lại khiến người ta muốn bệnh - “mồ hôi, quần áo bốc mùi, tã em bé, trộn lẫn với mùi thuốc sát trùng từ bệnh viện.” Một số người đã tự sát. Hai bà già ngồi bên nhau ở đầu cầu thang tầng một đã uống thuốc độc khi nào không ai hay: vì người xung quanh quá đông, nên hai bà vẫn ngồi thẳng lưng dù đã chết trong mấy ngày liền, cho tới khi có người phát hiện ra.

Bác sĩ Hagedorn đã phẫu thuật cho những người bị thương trong bệnh viện nhỏ của ông suốt 5 ngày liền hầu như không nghỉ. Vấn đề của ông là làm sao chôn xác chết. Người ta không thể ra ngoài vì có pháo kích. Sau này ông kể, “Trong những quãng pháo kích tạm lắng, chúng tôi cố đưa xác chết và các bộ phận bị cắt bỏ ra ngoài chôn, nhưng không thể được.” Lúc đó, đạn đại bác dội liên tục vào những bức tường bất khả xâm phạm của tòa tháp từ mọi phía, những mảnh đạn văng tứ tung qua cửa chớp, và Hagedorn có chừng 500 xác chết, 1.500 người bị thương, cộng thêm một lượng lớn chưa rõ đã dờ diên dờ đại. Còn có người tự tử nằm ở khắp nơi, nhưng vì quá đông và chật chội nên không đếm được. Nhưng vị bác sĩ vẫn nhớ có nhiều người trong hầm nói, “Ta cứ ở đây chờ tướng Wenck hay quân Mỹ tới đây.”

Phía bên dưới tòa tháp là sở thú thênh thang, hoang tàn. Cuộc tàn sát những con thú thật khủng khiếp. Chim chóc bay tán loạn mỗi lần có quả đại bác nào bắn tới. Những con sư tử đã bị bắn. Con hà mã Rosa trúng đạn chết trong ao. Người coi chuồng chim, ông Schwarz đang tuyệt vọng, vì con cò mỏ giày quý hiếm Abu không biết làm sao đã trốn khỏi phòng tắm nhà ông. Và giờ chỉ huy tòa tháp phòng không ra lệnh cho giám đốc sở thú Lutz Heck phải giết con khi đầu chó; chuồng của nó đã bị hư và nó có thể trốn mất.

Heck cầm súng trường theo, đi tới chuồng khi. Con khi đầu chó, người bạn già của ông đang ngồi thu lu sau chấn song. Heck giơ súng lên, chĩa họng súng gần đầu nó. Con khi đẩy họng súng qua một bên. Heck sợ hãi, giơ súng lên lần nữa. Con khi lại đẩy qua tiếp. Heck thấy muốn bệnh và run

rầy cả người, nhưng vẫn cố thử lần chót. Con khi đầu chó lạng lẽ nhìn ông. Rồi Heck bóp cò.

Trong lúc trận chiến đang tiếp tục, một cuộc tàn sát thảm khốc khác cũng đang diễn ra, nhưng là với con người. Đám quân Nga theo sau đoàn quân tiên phong đầy kỷ luật bắt đầu đòi hỏi quyền lợi của kẻ chinh phục, đó là phụ nữ của kẻ bị chinh phục.

Ở quận Zehlendorf, Ursula Köster đang ngủ dưới hầm với ba mẹ và hai đứa con gái sinh đôi 6 tuổi, Ingrid và Gisela, cùng đứa con 7 tháng của cô, Bernd, thì bốn tên lính Nga đập cửa bằng báng súng. Bọn chúng lục soát căn hầm, tìm được một cái va li rỗng, rồi trút mấy hộp trái cây, bút máy, bút chì, đồng hồ và ví tiền của Ursula vào đó. Một tên tìm được chai nước hoa Pháp. Gã mở ra, ngửi ngửi rồi đổ lên bộ đồ đang mặc. Tên thứ hai lấy mũi súng đẩy ba mẹ Ursula và bọn trẻ vào căn phòng nhỏ hơn trong hầm. Rồi từng tên một, bọn chúng thay nhau cưỡng hiếp cô.

Khoảng 6 giờ sáng hôm sau, Ursula, quần áo tả tơi đang cho con bú thì hai tên lính bước vào hầm. Cô ôm con và cố chạy ra ngoài cửa. Nhưng cô quá yếu rồi. Một tên giật đứa bé ra khỏi tay cô và bỏ nó vào trong nôi. Tên kia nhìn cô rồi nhả răng cười. Cả hai đều trông rất thô tục; quần áo bẩn thỉu, ủng giắt dao và đội mũ lông. Vạt áo sơ mi một gã còn thò ra ngoài. Cả hai luân phiên cưỡng hiếp cô. Khi bọn chúng đi khỏi, Ursula gom hết chăn mền tìm được bọc em bé lại, dẫn theo hai đứa con gái chạy vào khu nhà có vườn hoa bên kia đường. Tại đó, cô tìm được một cái bồn tắm bị vứt bên ngoài một căn nhà. Ursula bèn lật úp nó lại rồi cùng các con chui vào đó.

Ở Hermsdorf, cô gái 18 tuổi Juliane Bochnik nghe tiếng quân Nga tới gần, bèn chạy xuống hầm và nấp dưới ghế sofa. Cô nghe tiếng ba mình phản đối bọn chúng vào nhà, ông là một nhà ngôn ngữ học và có biết tiếng Nga. Bọn lính đòi biết chỗ Juliane trốn, và ba cô hét lên: “Tôi sẽ tố cáo các anh với chính ủy!” Bọn chúng dí súng vào ba cô và đưa ông ra ngoài đường. Juliane nằm yên, hi vọng bọn Nga sẽ đi khỏi đây. Cô đã bôi đen

gương mặt và mái tóc vàng của mình để trông già đi ; nhưng cô không dám liều. Cô cứ nằm yên dưới sofa.

Trong căn hầm bên cạnh có hai người già. Chợt Juliane nghe tiếng một người sợ hãi thét. “Nó ở trong đó! Trong đó! Dưới ghế sofa ấy.” Juliane bị kéo ra khỏi chỗ trốn, cô đứng run rẩy vì sợ hãi. Bọn lính Nga xì xồ nói chuyện một lát, rồi kéo nhau đi hết, chỉ còn một tên ở lại. Sau này cô kể, “Gã đó là một sĩ quan trẻ tuổi, ăn mặc gọn gàng sạch sẽ, vì đèn pin của hắn chói quá nên tôi cũng chỉ thấy được thế.” Cử chỉ của hắn mang ý nghĩa không lẫn vào đâu được. Cô lùi lại; hắn liền sẵn tới. Hắn cười, rồi bắt đầu lột quần áo của Juliane “dịu dàng mà mạnh bạo.” Cô vùng vẫy. Juliane kể, “Cũng không dễ dàng gì cho hắn. Một tay thì cầm đèn pin, rồi lại phải liên tục ngó chừng đằng sau phòng hờ có ai tập kích bất ngờ, đúng kiểu đa nghi điển hình của bọn Nga.”

Dần dà, bất chấp những nỗ lực của cô, hắn cũng lột sạch được Juliane. Cô cố van vãn, nhưng không biết nói tiếng Nga. Cuối cùng cô bắt đầu khóc và sau đó quỳ xuống, van xin hắn hãy để cô yên. Tên lính Nga trẻ tuổi cứ nhìn cô chăm chăm. Juliane ngừng khóc, cô đứng dậy và thử cách khác; cô bắt đầu nói một cách kiên quyết và lịch sự. Cô kể, “Tôi bảo hắn là thế này không đúng. Người ta không làm như thế.” Tên lính Nga bắt đầu bực mình. Cô gái lại nức nở, cô gần như đã khóa thân. Cô khóc, “Tôi không yêu anh! Thế này chả ích gì! Tôi không yêu anh!” Đột nhiên gã đó “A” một tiếng đầy vẻ phẫn nộ, rồi lao ra khỏi hầm.

Sáng hôm sau, Juliane cùng một cô gái khác chạy trốn tới một nữ tu viện do các xơ dòng Dominica điều hành; cả hai trốn trên gác xép suốt bốn tuần kế tiếp. Sau này Juliane nghe tin Rosie Hoffman bạn cô và mẹ đều bị cưỡng hiếp, hai người từng thề sẽ tự tử khi quân Nga tới. Cả hai đã uống thuốc độc.^[74]

Tại quận Reinickendorf, thầy giáo Gerd Buchwald thấy quân Liên Xô đang điên cuồng chạy. Căn hộ của ông bị mấy nữ Hồng quân lục soát, bọn họ “cứ như bị nam châm hút vào mấy bộ quần áo của vợ tôi. Bọn họ lấy những thứ mình muốn rồi đi mất.” Ông đốt hết những gì còn lại, tháo rời

khẩu súng lục của mình và giấu ngoài vườn. Tối hôm đó, một nhóm lính Nga xuất hiện. Cả bọn đều đã say khướt. Bọn chúng hét lên với Buchwald bằng tiếng Đức, “Đàn bà! Đàn bà!” Ông mỉm cười thân thiện với cả đám. “Tôi đã hai ngày liền không cạo râu, đầu tóc thì bù xù, nên có lẽ lời tôi nói dễ tin, vì tôi trông già đi nhiều. Tôi đứng dậy, gi ang hai tay và nói, “Đàn bà không còn.”” Có vẻ chúng hiểu là vợ ông đã chết. Buchwald nằm dài trên sofa, còn cả đám thì nhìn quanh quất, lấy một cái dây đeo lưng quần của ông rồi biến mất tăm. Sau khi bọn chúng đi khỏi, Buchwald cài cửa lại. Ông đẩy chiếc sofa ra , và giúp bà vợ Elsa chui ra khỏi cái hố đường kính gần 1 mét ông đào dưới nền nhà xi măng. Suốt mấy tuần lễ kế tiếp, đêm nào bà cũng ngủ trong đó.

Tiến sĩ Gerhard Jacobi, linh mục của nhà thờ Kaiser Wilhelm cũng thành công giấu được vợ mình. Dù nhiều phụ nữ bị lôi ra khỏi hầm nhà ông và bị cưỡng hiếp, ông đã khéo léo che giấu vợ bằng một cái chăn. Ông ngủ phía ngoài một chiếc ghế dài hẹp, còn vợ ông thì nằm bên trong. Chân của bà hướng vào đầu ông. Phủ cái chăn dày lên trên, không ai phát hiện ra được.

Ở Wilmersdorf, Ilse Antz, cùng em gái cô, Anneliese và mẹ ban đầu có ấn tượng tốt với Hồng quân, và bọn họ không bị phiền nhiễu gì trong một thời gian. Rồi một đêm nọ, ngay trước khi trời hừng sáng, Anneliese đang ngủ với mẹ thì bị lôi ra khỏi giường. Cô la hét ầm ĩ, nhưng vẫn bị lôi lên lầu một căn hộ, tại đó cô bị một tên sĩ quan Liên Xô cưỡng hiếp đầy thô bạo. Xong chuyện, gã vò tóc cô và nói, “Người Đức tốt.” Gã bảo cô không được nói với ai là có một sĩ quan Nga đã cưỡng hiếp mình. Hôm sau, một tên lính đi tới và trao cho cô một hộp thức ăn.

Không lâu sau đó, lại có một tên lính khác đến ý Ilse. Hắn đi vào nhà, hai tay hai khẩu súng lục. Cô kể, “Tôi ngồi trên giường và tự hỏi không biết hắn định giết mình bằng khẩu bên phải hay bên trái.” Trong căn hầm lạnh lẽo, Ilse đang mặc mấy lớp áo len và quần vải dày. Hắn vồ lấy cô và bắt đầu lột mấy cái áo len ra. Rồi hắn chợt hỏi, có vẻ hoang mang, “Mày là lính Đức à?” Ilse nói, “Tôi chẳng ngạc nhiên mấy. Tôi đói tới mức ồm nom ồm nhách, trông không ra phụ nữ nữa.” Nhưng tên lính Nga nhanh chóng phát hiện ra là mình đã lầm. Cô bị hắn cưỡng hiếp. Khi đi khỏi đó, hắn nói:

“Người Đức chúng mày đã làm thế trên đất Nga đấy.” Lát sau hắn quay lại - cô hết sức ngạc nhiên , khi thấy hắn ngồi bên giường và bảo vệ cô suốt đêm trước những tên lính Hồng quân thêm khát khác.

Sau đó, gia đình Antz bị bạo hành liên miên. Có lần bọn họ bị đưa ra ngoài, bắt đứng dựa lưng vào tường để xử bắn. Lần khác, Ilse lại bị cưỡng hiếp. Họ bắt đầu nghĩ tới chuyện tự tử. Ilse kể, “Giá mà có thuốc độc, chắc chắn tôi sẽ kết liễu đời mình ngay.”

Trong lúc quân Nga cưỡng hiếp và cướp bóc, những vụ tự tử xảy ra khắp nơi. Chỉ riêng trong quận Pankow đã có 215 vụ được ghi nhận trong ba tuần, đa số là phụ nữ. Khi các cha Josef Michalke, Alfons Matzker và Jesuits trong nhà thờ St.Canisius ở quận Charlottenburg thấy người ta vớt xác một người mẹ và hai đứa con từ dưới sông Havel lên , bọn họ mới nhận ra phụ nữ đã bị sự tàn bạo của quân Nga giày vò tới bậc nào. Người phụ nữ đó đã buộc hai túi to đầy gạch vào tay, rồi mỗi tay ôm một đứa bé nhảy xuống sông.

Một giáo dân của cha Michalke là Hannelore von Cmuda, một cô gái 17 tuổi, đã bị một đám Hồng quân say xỉn nhiều lần cưỡng hiếp; xong xuôi chúng bắn cô ba phát. Bị thương nặng nhưng không chết, cô được đưa tới nhà xử đạo bằng một cái nôi, phương tiện vận tải duy nhất có được. Lúc đó cha Michalke không có nhà, và khi ông quay về thì cô đã biến mất. Ông tìm Hannelore suốt 24 tiếng sau; cuối cùng ông tìm được cô trong bệnh viện St. Hildegard. Ông làm các bí tích cuối cùng và ngồi bên giường cô cả đêm hôm sau, bảo cô đừng lo lắng. Hannelore đã sống sót (một năm sau, cô và mẹ bị xe tải tông chết).

Margarete Promeist phụ trách một hầm trú không kích. Bà kể, “Trong hai ngày đêm, từng đợt từng đợt lính Nga ồ vào hầm cướp bóc và cưỡng hiếp. Người phụ nữ nào không chịu thì sẽ bị giết. Có người bị bắn chết dù đã chấp nhận. Trong một căn phòng nọ, tôi phát hiện được xác của sáu hay bảy phụ nữ, vẫn nằm trong tư thế vừa bị cưỡng hiếp xong, đầu nát bầy.” Bản thân Margarete cũng không thoát, dù bà đã phản đối với tên lính trẻ rằng “Tôi quá già so với cậu.” Bà thấy ba tên lính Nga tóm lấy một y tá và giữ chặt lấy cô để tên thứ tư hiếp cô ấy.

Klaus Küster, đoàn viên Đoàn Thanh niên Hitler, lúc này mặc thường phục, đang nói chuyện với hai sĩ quan Liên Xô ngồi trong một chiếc xe jeep. Một người nói được tiếng Đức, và nói nhiều tới mức Küster gom hết can đảm hỏi một câu không được khéo cho lắm. Küster hỏi, “Có thật là lính Nga cướp bóc và cưỡng hiếp người ta như trên báo nói không?” Viên sĩ quan hào phóng đưa cậu một gói thuốc lá và nói, “Tôi lấy danh dự sĩ quan đảm bảo với cậu, người lính Liên Xô sẽ không đụng tới ai dù chỉ một ngón tay. Mấy lời trên báo toàn là dối trá.”

Hôm sau, Küster thấy ba gã lính Nga tóm lấy một phụ nữ trên đường General- Barby-Strasse và kéo cô vào một ngôi nhà. Một tên ra hiệu cho Küster biến đi bằng khẩu súng máy trong tay. Tên thứ hai giữ lấy người phụ nữ đang la hét và tên thứ ba hiếp cô ấy. Rồi Küster thấy kẻ hiếp dâm bước ra khỏi cửa. Hắn đã say khướt, mặt đẫm nước mắt. Hắn thét lên, “Ja bolshoi swinjar“. Küster hỏi viên sĩ quan câu đó nghĩa là gì. Ông ta cười và nói bằng tiếng Đức: “Nó nghĩa là -Tôi là đồ con heo.”

Margareta Probst đang ở trong một hầm trú ẩn ở quận Kreuzberg, do một tên Nazi cuồng tín tên là Möller đào trong một căn phòng khóa kín. Quân Nga biết được chỗ gã ở, liền cố phá cửa. Möller nói vọng ra: “Chờ tôi chút. Tôi sắp tự xử rồi.” Đám lính Nga lại cố phá cửa tiếp. Möller kêu lên: “Chờ tí! Súng bị kẹt đạn.” Rồi có tiếng súng nổ vang lên.

Suốt mấy tiếng sau, trong hầm toàn là lính Nga đi kiểm gái. Giống như nhiều phụ nữ khác, Margareta cũng cố làm bản thân trong càng kém hấp dẫn càng tốt. Cô giấu mái tóc dài vàng óng trong chiếc mũ lưỡi trai, đeo kính râm, bôi i-ốt lên mặt và dán một miếng cao dán to đùng lên má. Cô không bị làm nhục. Nhưng những người khác thì không được thế. Cô kể, “Các cô gái đứng tùm tùm thành vòng tròn và bị đưa lên các căn hộ trên lầu. Bọn tôi nghe họ la hét cả đêm - âm thanh đó thậm chí vọng xuống tận dưới hầm.” Sau này, một bà già 80 tuổi nói với Margareta, có hai tên lính nhét bơ vào miệng cho bà khỏi kêu, mấy tên còn lại thì thay nhau cưỡng hiếp bà.

Dora Janssen và người vợ góa của cậu lính cần vụ của chồng mình đều nghĩ bọn họ được dễ thở rồi, nhưng giờ lại không được ổn cho lắm. Trong

căn hầm của họ, người vợ góa Inge đang bị một tên lính cường hiếp dã man, hắn nói mẹ hắn đã bị quân Đức đem về Berlin sau khi chúng đánh vào Nga, và từ đó không còn gặp lại được nữa. Dora không bị đung đến; cô nói mình bị lao, và thấy đám lính Nga có vẻ rất sợ điều này. Nhưng Inge lại bị hiếp lần nữa, và bị thương nặng tới mức không đi nổi. Dora chạy ra ngoài đường, tìm một người trong giống sĩ quan và kể mọi chuyện cho ông ta nghe. Ông ta lạnh lùng nhìn Dora và nói, “Hồi ở Nga quân Đức còn tệ hại hơn thế này nhiều. Đây đơn giản là báo thù mà thôi.”

Elena Majewski 17 tuổi, và Vera Ungnad 19 tuổi đã gặp được cả mặt tốt và mặt xấu của quân Nga. Khi cơn lũ cướp bóc và hăm hiếp dậy sóng quanh công viên Tiergarten, một người lính Nga trẻ tuổi đã ngủ ngoài cửa hầm của họ để ngăn mấy người đồng đội của họ không vào trong. Hôm sau anh ta đi mất, bảy tám lính Hồng quân bước vào nhà hai cô gái và yêu cầu hai người tham dự một buổi tiệc quân Nga đang tổ chức ở nhà bên. Hai cô gái không còn cách nào khác đành phải chấp nhận; dù sao thì họ thấy cũng không có lý gì phải sợ. Chỗ tổ chức tiệc hóa ra là trong một căn phòng ngủ, có chừng 13 tên lính trong đó, nhưng thoạt nhìn thì không có gì không ổn. Mấy chiếc giường bị đẩy vào sát tường để lấy chỗ kê một cái bàn dài, có giá cắm nến bằng bạc, khăn ăn và đồ thủy tinh đủ cả. Một sĩ quan trẻ tuổi, tóc vàng đang mở máy hát, phát mấy bản nhạc tiếng Anh. Anh ta cười với hai cô và nói, “Cứ ăn uống thỏa thích nhé.” Elena ngồi xuống, nhưng Vera đột nhiên muốn đi. Cô chợt hiểu ra đây không phải là một bữa tiệc đơn thuần như bề ngoài.

Cô cố đi ra ngoài. Mấy tên lính nhe răng cười và ngăn cô lại. Rồi một tên nói, “Làm với mười ba thằng thì em tiêu đời; làm với anh thì em không tiêu đâu.”

Không còn nghi ngờ gì nữa, Vera đã hiểu lý do của bữa tiệc. Nhưng cô đồng ý đi với tên lính kia: một người rõ ràng tốt hơn 13 người; như thế dễ trốn hơn. Cô biết rõ từng góc ngách trong vùng; cô mà trốn được thì bọn chúng sẽ không tài nào tìm ra.

Nhưng tên lính đó không để cô có cơ hội. Hắn túm tóc lôi cô đi tìm một phòng trống, mặc cô vùng vẫy, la hét, cào cấu. Dọc đường cô vùng ra được

và ngáng chân hẳn. Rồi cô hất đôi giày cao gót ra để chạy cho nhanh, cô chạy chân trần trên đám kính và cao su vỡ ra sân sau, chạy mãi tới chỗ một tòa nhà đổ nát trên đường Putlitzstrasse. Cô điên cuồng đào một cái hố giữa đồng gạch vụn, dội một cái xô nước bỏ không lên đầu và quyết ở đây tới lúc chết thì thôi.

Elena thì vẫn còn ở lại bữa tiệc. Cô không thoải mái lắm, nhưng cô cũng rất đói. Trên bàn có cả mớ trứng cá muối, hàng đồng bánh mì trắng, sô-cô-la và những tảng thịt bò tái đỏ hồng. Đám lính Nga còn nốc vodka ừng ực, và càng lúc càng say. Cuối cùng Elena cũng tìm được dịp. Cô lặng lẽ đứng dậy và bước ra ngoài; vui mừng nhận thấy không ai đi theo. Nhưng khi qua phòng bên, một tên lính có vẻ lì lợm có bộ ria vênh tóm lấy cô và kéo cô vào một căn phòng nhỏ. Hắn ném cô xuống đất và lột bỏ bộ áo liền quần của cô ra. Cô ngất lịm đi. Hồi lâu sau, cô tỉnh lại, đẩy tên đàn ông say khướt đang ngủ say ra khỏi người mình và đau đớn lết ra khỏi nhà. Cũng giống Vera, Elena đi trốn. Cô trốn đằng sau một cái bếp lò lớn trong một căn nhà gần đó.

Rudolf Reschke bé nhỏ, cậu nhóc đã bẻ đầu con búp bê Hitler, đang cố cứu mẹ mình khỏi bị làm nhục. Một tên lính Nga đang kéo bà Reschke thì bị vướng vào màn kéo co với Rudolf và cô em gái Christa. Càng kéo tay người mẹ thì hai đứa trẻ càng níu vấy mẹ chúng mạnh hơn và khóc lóc ầm ĩ, “Mẹ ơi! Mẹ ơi!” Tên lính đành bỏ cuộc.

Có một số phụ nữ thoát một cách đơn giản, họ đâm đá dữ dội tới mức làm đám lính bỏ cuộc và đi tìm chỗ khác. Jolenta Koch bị một gã người Nga lừa vào một căn nhà trống vì nghe nói có người bị thương trong đó. Trong nhà có một tên lính Hồng quân khác tóm lấy cô và định quăng cô lên giường. Nhưng cô chống trả kinh khủng quá, nên cả hai không chịu được phải thả cô đi. Người phụ nữ hàng xóm của cô, tên Schulz, thì không được may mắn như thế. Bà Schulz bị một tên lính chĩa súng đe dọa rồi hãm hiếp ngay trước mặt chồng và cậu con trai 15 tuổi; ngay khi tên lính Nga vừa đi khỏi, người chồng điên lên bắn chết vợ con rồi tự sát.

Ở Haus Dahlem, Mẹ bề trên Cunegundes nghe nói có một bà mẹ ba con bị lôi ra khỏi nhà và bị hãm hiếp cả đêm. Sáng hôm sau được thả đi; bà vội

vàng về với con thì thấy mẹ và anh trai mình đã treo cổ cả ba đứa nhỏ rồi cũng tự tử. Thấy vậy người phụ nữ cắt cổ tay tự sát. Các xơ ở Haus Dahlem đang làm việc không nghỉ. Dân chạy nạn, cùng với hành vi thú tính của bọn lính Nga làm bọn họ bận bịu hết sức. Một tên lính Nga định hiếp bà bếp Lena người Ukraina, nhưng Mẹ bề trên Cunegundes chạy tới ngăn, hấn liền điên lên rút súng ra và bắn bà một phát. May thay, hấn xin quá nên bắn trật. Một tên lính khác tới khu phụ sản và cưỡng hiếp những người phụ nữ đang mang thai hoặc mới sinh hết lần này tới lần khác, mặc cho các xơ ngăn cản. Một xơ kể lại, “Tiếng bọn họ la hét vang vọng cả ngày lẫn đêm.” Mẹ bề trên Cunegundes nói số nạn nhân bị cưỡng hiếp trong vùng có cả bà già bảy mươi lần bé gái mới mười mười hai tuổi.

Bà chẳng thể làm gì để ngăn chặn các vụ tấn công tình dục. Nhưng bà cho gọi các xơ và các phụ nữ khác ở trong nhà tới, và nhắc lại những lời cha Happich từng nói. Bà tiếp tục: “Còn một điều nữa, đó là sự giúp đỡ của Chúa Phước Lành của chúng ta. Dù gì đi nữa, Chúa đã để Thánh Michael ở lại đây. Đừng sợ.” Bà chẳng còn biết an ủi gì khác. Ở Wilmersdorf, người gián điệp của quân Đồng minh, Carl Wiberg và cấp trên của ông, Hennings Jessen-Schmidt đã thành công trình báo thân phận của họ với quân Nga, giờ đang nói chuyện với một viên đại tá Nga ở bên ngoài căn nhà của Wiberg thì có một sĩ quan Hồng quân định cưỡng hiếp vị hôn thê Inge của Wiberg đang ở dưới hầm. Nghe tiếng cô hét lên, Wiberg vội vàng chạy vào trong; mấy người hàng xóm kêu là kẻ đó đã đưa cô vào một phòng khác rồi khóa cửa lại. Wiberg và viên đại tá đập tung cửa. Quần áo của Inge bị xé rách; còn tên sĩ quan thì chưa. Viên đại tá tóm lấy hấn và hét, “Amerikanski! Amerikanski!” rồi lôi hấn ra ngoài, lấy súng lục đập lia lịa không thương tiếc. Ông bắt tên sĩ quan đứng dựa vào tường và định bắn. Wiberg lao tới chặn giữa hai người và xin viên đại tá tha mạng cho hấn. Ông nói: “Anh không thể bắn chết người ta như thế được.”

Cuối cùng viên đại tá cũng dịu lại, còn tên sĩ quan thì bị bắt giam. Vụ tấn công tình dục đáng mỉa mai nhất trong suốt giai đoạn cướp bóc và cưỡng hiếp này hấn là vụ xảy ra ở làng Prieros, ngay bên ngoài vùng ngoại ô phía nam thành phố.

Quân của Koniev đã đi vòng qua làng này, nên trong một thời gian dài nó không bị chiếm đóng. Nhưng rồi cuối cùng quân lính cũng tới đây. Bọn chúng phát hiện ra trong đám người Đức này có hai phụ nữ sống trong một cái thùng gỗ. Else Kloptsch và bạn cô là Hildegard Radusch, “người đàn ông trong gia đình,” sắp chết đói tới nơi mới đợi được giây phút này. Hildegard đã cống hiến cả đời mình cho chủ nghĩa Marx: quân Nga đến có nghĩa là giấc mơ đã thành hiện thực. Khi quân Nga vào làng, một trong những hành động đầu tiên của bọn chúng là thô bạo cưỡng hiếp người cộng sản Hildegard Radusch^[75].

Quân Nga đã hóa điên. Tại nhà kho của Hội Chữ thập Đỏ Quốc tế ở Babelsberg, gần Potsdam, nơi các tù nhân chiến tranh người Anh đang làm việc, một toán Hồng quân say xỉn hung hăng phá hủy hàng nghìn gói thuốc, dụng cụ y tế và thức ăn đặc biệt dành cho binh sĩ bị thương, hạ sĩ John Aherne kể, “Bọn chúng bước vào, xuống một căn hầm, thấy ở đó hàng đồng hàng lớn, thế là chúng lấy tiểu liên nã liên hồi vào đó. Mấy chất lỏng đủ loại chảy ra từ các gói hàng nát be bét. Thật không thể tin nổi.”

Cạnh nhà kho là xưởng phim UFA rộng lớn. Alexander Korab, một du học sinh tại Berlin đứng nhìn hàng trăm tên lính say xỉn ủa vào một tiệm bán đồ hóa trang rồi khoác đủ thứ kỳ quặc ra ngoài đường, từ áo chên Tây Ban Nha có cổ xếp nếp màu trắng cho tới quân phục Napoleon và mũ, có cả những chiếc váy phòng. Bọn chúng bắt đầu nhảy múa ngoài đường, có người thổi accordion đệm theo, rồi chúng bắn chỉ thiên - ngay giữa lúc trận chiến vẫn còn rất khốc liệt.

Có vẻ như hàng nghìn người lính Hồng quân chưa từng tới một thành phố lớn nào. Bọn họ tháo bóng đèn ra và cẩn thận gói lại để đem về nhà, cứ tưởng là nó có ánh sáng bên trong và để ở đâu cũng sáng được. Vòi nước cũng bị giật ra khỏi tường cũng vì lý do đó. Nhiều người thấy hệ thống nước trong phòng tắm là cả một điều huyền bí; đôi khi còn dùng toilet để rửa mặt và gọt khoai tây, nhưng bọn họ chịu không biết bồn tắm dùng để làm gì. Hàng nghìn cái bồn tắm bị quăng ra ngoài cửa sổ. Vì binh lính không biết nhà tắm dùng để làm gì, mà lại không tìm được nhà xí bên

ngoài, thế là bọn họ phóng uế bừa bãi khắp nơi. Có một số cũng có chút cố gắng: Gerd Buchwal đã phát hiện ra là “có chừng một tá chai lọ của vợ tôi bỗng đầy ắp nước tiểu, mấy cái nắp thủy tinh còn được cẩn thận vặn lại như cũ.”

Tại nhà máy hóa chất Schering ở quận Charlottenburg, tiến sĩ Georg Henneberg kinh hoàng phát hiện ra là quân Nga đã đột nhập vào phòng thí nghiệm của ông và đang chơi tung hứng bằng mấy quả trứng thí nghiệm đã bị nhiễm khuẩn sốt mò.

Henneberg phát cuồng lên, cuối cùng cũng tìm được một viên đại tá Nga để ra lệnh cho đám lính ra khỏi tòa nhà và khóa cửa lại.

Giữa tình trạng bạo lực và cướp bóc vô nghĩa đó, trận chiến vẫn diễn ra khốc liệt. Nằm ở trung tâm trận chiến chính là căn hầm Führerbunker và cư dân của nó, đã bị lực lượng phòng thủ đang bị ép ra bã và dân chúng đang hoảng loạn quên bống đi mất .

Cuộc sống trong hầm giờ cứ như trong mộng, chẳng có chủ đích gì. Gertrud Junge, thư ký của Hitler kể lại, “Những người còn ở lại cứ tiếp tục chờ có quyết định gì không, nhưng chẳng có gì cả. Bản đồ nằm lung tung trên bàn , cửa nào cũng mở toang hoác, không ai ngủ nổi nữa, cũng chẳng còn ai biết ngày tháng giờ giấc gì nữa. Hitler không thể chịu nổi nếu phải ở một mình; ông ta cứ đi lên đi xuống qua mấy căn phòng nhỏ và nói chuyện với tất cả những ai còn ở lại. Ông ta nói về cái chết sắp tới của mình và cái kết đang đến gần.

Đồng thời, gia đình Goebbels đã chuyển vào hầm, mấy đứa nhỏ chơi đùa và hát cho “cậu Adolf” nghe. Có vẻ như không còn ai nghi ngờ gì về ý định tự sát của Hitler nữa ; ông ta nói chuyện này suốt. Mọi người cũng biết là Magda and Joseph Goebbels đều định tự sát - và cả sáu đứa con của họ là Helga, Holde, Hilde, Heide, Hedda và Helmuth cũng vậy. Những người duy nhất không biết có lẽ là chính bọn trẻ. Chúng nói với Erwin Jakubek, một người hầu bàn trong hầm là chúng sẽ bay một chuyến khá dài đi khỏi

Berlin. Cô con cả Helga nói: “Bọn cháu sẽ tiêm một mũi phòng say máy bay.”

Bà Goebbels bị đau răng, bà cho gọi bác sĩ Helmut Kunz, viên nha sĩ làm việc trong bệnh viện lớn nằm ở dưới hầm của Dinh Thủ tướng. Ông nhổ cái răng hàm ra, và sau đó bà nói: “Không thể để bọn trẻ bị quân Nga bắt sống. Nếu điều xấu hơn biến thành xấu nhất và chúng ta không thể thoát được thì anh phải giúp tôi.”

Khi nghe nói Kunz đã nhổ răng cho Magda, Eva Braun cũng bảo ông giúp cô ta chữa mấy cái răng. Rồi chợt nhớ ra, cô nói: “Ồ, tôi quên mất. Làm thế ích gì cơ chứ? Chỉ mấy tiếng nữa là tất cả chấm dứt rồi còn đâu!”

Eva định dùng thuốc độc. Cô lấy ra một viên cyanua và nói, “Đơn giản lắm - chỉ cần cắn một phát và mọi chuyện sẽ kết thúc.” Ludwig Stumpfegger, một bác sĩ của Hitler lúc đó cũng có mặt, ông nói: “Nhưng làm sao cô biết nó sẽ có tác dụng? Sao cô biết trong đó có độc?” Câu này khiến mọi người choáng váng, lập tức người ta lấy một viên cho chú chó Blondi của Hitler uống thử. Kunz kể, Stumpfegger lấy một cái kẹp bóp vỡ viên thuốc và cho vào miệng chú chó; nó chết ngay tức khắc.

Cú đòn cuối cùng giáng xuống Hitler vô tình được đưa tới vào chiều ngày 29/4, do một người đàn ông ngồi bên máy đánh chữ cách đó gần 8.000 dặm, tại thành phố San Francisco gây ra. Người đó là Paul Scott Rankine, phóng viên tờ Reuters, đang ở thành phố này để thu thập tin tức về hội nghị thành lập Liên Hiệp Quốc. Hôm đó, ông nghe Cục trưởng Cục Thông tin Anh quốc, Jack Winocour - và ông này thì nghe tin từ Bộ trưởng Bộ ngoại giao Anh quốc Anthony Eden- nói là Himmler đã đề nghị được đầu hàng quân Đồng minh. Rankine liền viết bài về chuyện này, và chỉ trong vài phút sau nó được truyền trên toàn thế giới.

Bài báo đã khiến Hitler mơ hồ nghĩ về sự phản bội của Himmler. Tin này đến tai ông ta vào đầu buổi tối, trong lúc ông ta đang họp với Weidling, Krebs, Burgdorf, Goebbels và trợ lý của Goebbels là Wener Naumann. Theo Weidling kể lại, “Naumann được gọi đi nghe điện thoại, mấy phút sau ông ta quay lại. Ông ta nói với bọn tôi là đài phát thanh Stockholm có một bài phóng sự nói là Thống chế SS Himmler đã bắt đầu đàm phán với Bộ

Chỉ huy Tối cao của liên quân Anh-Mỹ.”

Hitler lão đảo, mặt xám như tro tàn. Weidling nói, ông ta “nhìn Goebbels một hồi lâu rồi lăm bắm gì đó nhỏ tới mức không ai nghe được.” Ông ta trông có vẻ choáng váng. Gertrud Junge nói, “Sau đó tôi có gặp Hitler. Ông ta xanh mét, đôi mắt trống rỗng và nhìn như thể đã mất hết tất cả.” Quả đúng là vậy. Eva Braun nói với Gertrud và một thư ký khác của Hitler, “Đêm nay chúng ta chắc chắn sẽ phải rơi lệ.”

Viên sĩ quan liên lạc của Himmler ở Führerbunker, Trung tá SS Hermann Fegelein, anh rể của Eva Braun, lập tức bị nghi ngờ là đồng lõa phản bội với Himmler. Fegelein đã biến mất khỏi hầm mấy ngày nay; người ta mở cuộc tìm kiếm và phát hiện ra ông ta đang ở nhà, mặc thường phục và chuẩn bị rời khỏi Berlin. Ông ta buộc phải quay lại hầm và bị giam lại. Hitler kết luận là việc Fegelein định đi khỏi Berlin hẳn có liên quan với tội phản bội của Himmler. Theo Đại tá SS Otto Günsche kể, “Fegelein bị tòa án quân sự tuyên án tử và bị bắn đêm hôm đó. Cô em vợ của ông từ chối cầu tình cho ông ta.”

Giờ đây, Hitler thấy rõ là chiến tranh đã gần đến hồi kết. Đến rạng đông, ông ta đã để lại di chúc chính trị cũng như cá nhân của mình, giao cái chính phủ đổ nát cho Đô đốc Karl Doenitz làm Tổng thống và Joseph Goebbels làm Thủ tướng. Ông ta cũng kết hôn với Eva Braun.

Gertrud Junge kể, “Sau buổi lễ, Hitler và cô dâu ngồi lại chừng một giờ với vợ chồng Goebbels, các tướng Krebs và Burgdorf, tiến sĩ Naumann và Đại tá Không quân Nicolaus von Below.” Gertrud Junge chỉ ở lại với bọn họ chừng 15 phút, vừa đủ để “bày tỏ những lời chúc tốt đẹp nhất của mình dành cho cặp đôi mới cưới.” Cô nói, “Hitler nói về cái kết của Chủ nghĩa Quốc xã, mà ông nghĩ rằng sẽ khó lòng hồi sinh trở lại, và nói, ‘Đối với tôi, cái chết chỉ là sự giải thoát khỏi cuộc sống gian nan phiền muộn này mà thôi. Tôi đã bị những người bạn thân thiết nhất lừa dối và nếm trải mùi vị của sự phản bội.’”

Cũng trong ngày hôm đó, Hitler lại nhận thêm tin xấu: Mussolini và phu nhân đã bị quân kháng chiến bắt và đem treo cổ. Đêm đó, Hitler nói lời vĩnh biệt mọi người trong hầm.

Ngày hôm sau, khi xe tăng Nga chỉ còn cách đó không đầy nửa dặm, ông ta quyết định là đã tới lúc. Hitler dùng bữa trưa với hai viên thư ký và người đầu bếp chuyên nấu món chay; anh hầu bàn Erwin Jakubek kể, bữa ăn cuối cùng là “mì ống Ý với sốt.”

Hitler nói thêm mấy lời vĩnh biệt sau bữa ăn; ông ta nói với Gertrud Junge: “Giờ mọi chuyện đã đi quá xa rồi, thôi coi như hết. Vĩnh biệt.” Eva Braun ôm choàng lấy cô thư ký và nói: “Cho tôi gửi lời chào đến Munich^[76], và hãy lấy chiếc áo khoác lông của tôi làm kỷ niệm nhé - tôi luôn thích những ai ăn mặc đẹp.” Sau đó hai người vào trong phòng riêng. Đại tá Otto Günsche đứng ngoài cửa căn phòng nghỉ dẫn vào dãy phòng của Hitler. Sau này ông kể, “Đó là chuyện khó khăn nhất tôi từng làm. Lúc đó chừng 3:30 hay 3:40 gì đó. Tôi cố kiểm soát cảm xúc của mình. Tôi biết ông ấy phải tự sát thôi. Không còn cách nào nữa.”

Trong lúc chờ đợi, bầu không khí xuống tới cực điểm trong một quãng ngắn. Magda Goebbels đột nhiên lao tới chỗ ông, đòi gặp Quốc trưởng, trông bà có vẻ hoảng loạn. Không thuyết phục nổi bà, Günsche đành gõ cửa phòng Hitler. “Quốc trưởng đang đứng trong phòng làm việc. Eva không có trong phòng, nhưng trong phòng tắm có tiếng nước chảy nên tôi đoán cô ấy chắc đang trong đó. Ông ấy cực kỳ giận dữ khi thấy tôi đi vào. Tôi hỏi ông ấy có muốn gặp bà Goebbels hay không. Ông ấy nói, ‘Tôi không muốn nói gì với bà ấy nữa hết.’ Thế là tôi đi ra.

Năm phút sau tôi nghe có tiếng súng nổ.

“Bormann đi vào trước. Rồi tôi theo sau cô hầu phòng Linge. Hitler đang ngồi trên ghế. Eva thì nằm trên chiếc tràng kỷ. Gương mặt Hitler toàn là máu. Ở đó có hai khẩu súng. Một là khẩu Waltherpp PPK. Nó là của Hitler. Cái kia là một khẩu súng lục nhỏ mà ông ấy luôn bỏ trong túi. Eva mặc một chiếc đầm màu xanh lam, cổ áo và tay áo màu trắng. Mắt cô mở lớn. Mùi cyanua nồng nặc. Cái mùi đó nồng tới mức tôi nghĩ quần áo tôi sẽ bị ám mùi suốt mấy ngày mất – nhưng có thể là do tôi tưởng tượng thế thôi.

“Bormann không nói gì, nhưng tôi thì lập tức đi qua phòng họp, Goebbels, Burgdorf và những người khác mà tôi không nhớ nữa đang ngồi

trong đó. Tôi nói, ‘Quốc trưởng đã chết rồi.’”

Một lát sau, cả hai cái xác được lấy mền cuộn lại và đặt trong một cái hố bên ngoài cửa hầm, gần một cái máy trộn bê tông bỏ không. Chúng tôi tưới đầm xăng lên và châm lửa. Người lái xe của Hitler, Erich Kempka thấy dù hai cái xác đang cháy bùng bùng nhưng “chúng tôi vẫn bị giam hãm trong sự hiện hữu của Hitler.”

Đường ống thông hơi trong hầm mang mùi xác cháy vào trong phòng và không thoát ra được. Kempka kể, “Chúng tôi không làm sao tránh được. Nó giống như mùi thịt heo muối bị cháy.”

Khi hoàng hôn xuống, vị thủ tướng mới, Joseph Goebbels ra quyết định trọng đại đầu tiên của mình kể từ khi nhậm chức: ông ta quyết định thử đàm phán đầu hàng theo điều kiện của riêng mình. Một bức điện vô tuyến được gửi qua tần số của Liên Xô, yêu cầu gấp mặt. Không lâu sau đó, phía Nga hồi âm; bọn họ đồng ý gặp người đại diện, và chỉ định một chỗ cho các sĩ quan Đức có thể đi qua trận tuyến của Nga.

Lúc gần nửa đêm, Đại tướng Hans Krebs và Tham mưu trưởng của Weidling là Theodor von Dufving (vừa được thăng hàm đại tá) băng qua đồng đồ nát, có một phiên dịch và hai người lính đi cùng, bước vào trận địa của Liên Xô. Bọn họ gặp mấy người lính yêu cầu trình ủy nhiệm thư và muốn tước súng của họ. Krebs lạnh lùng nói, ông vốn giỏi tiếng Nga: “Một đối thủ can đảm sẽ để người ta mang theo vũ khí trong lúc đàm phán.” Mấy người lính Nga lúng túng và cho phép họ giữ lại vũ khí tùy thân.

Bọn họ được xe hơi chở tới một căn nhà ở Tempelhof, rồi được đưa vào một phòng ăn nhỏ. Đồ đạc ở đây vẫn còn dấu vết của những người dân thường từng sống trong nhà - một cái bàn dài, một tủ quần áo to đùng sát tường, mấy cái ghế, và trên tường treo một bản in thạch bản của bức tranh “Bữa ăn cuối cùng” của Leonardo da Vinci.

Trong phòng còn có vài cái điện thoại dã chiến. Krebs và Von Dufving thấy nơi này toàn sĩ quan cao cấp. Không có chào hỏi gì cả và mấy người Nga cũng không tự giới thiệu. Do đó, Krebs không biết người ngồi đối diện mình chính là Thượng tướng Vasili Ivanovich Chuikov danh tiếng, người từng phòng thủ Stalingrad và là tư lệnh Tập đoàn quân Cận vệ 8. Ông cũng

không biết các “sĩ quan” Nga gồm hai phóng viên chiến trường, viên sĩ quan phụ tá (và cũng là em vợ) của Chuikov cùng với hai phiên dịch viên. Sự thật là thế này, Chuikov quá bất ngờ trước lời đề nghị gặp mặt đột ngột này nên không kịp tập hợp đủ ban tham mưu của ông.^[77]

Ban đầu Krebs yêu cầu được gặp riêng “trưởng đoàn đàm phán Liên Xô.” Chuikov lấy một điếu xì gà Nga dài trong cái hộp trước mặt và châm lửa hút, nhẹ nhàng chỉ vào những người ngồi quanh mình và nói, “Đây là ban tham mưu của tôi - hội đồng chiến tranh của tôi.” Krebs vẫn phản đối, nhưng cuối cùng cũng bỏ cuộc. Ông nói, “Nhiệm vụ của tôi là truyền tải thông điệp cực kỳ quan trọng mang tính tuyệt mật. Tôi muốn ngài biết điều này, ngài là người ngoại quốc đầu tiên hay tin Hitler đã tự sát vào ngày 30/4.”

Đây quả là tin mới đối với Chuikov, nhưng ông nói mà không hề chớp mắt, “Chúng tôi biết rồi.” Krebs choáng váng. Ông hỏi, “Sao các anh biết được? Hitler chỉ mới tự sát cách đây mấy tiếng đồng hồ.” Hitler đã kết hôn với Eva Braun vào ngày 29; cô ta cũng đã tự sát, xác của hai người được hỏa thiêu và đem chôn. Ông giải thích, chuyện này xảy ra trong hầm Führerbunker. Chuikov tiếp tục che giấu sự ngạc nhiên của mình. Ông và những người khác trong bộ chỉ huy Liên Xô không hề hay biết chút gì về một nơi như thế, họ cũng chưa từng nghe nói tới Eva Braun.

Rồi bọn họ bắt đầu đàm phán khá căng thẳng. Krebs nói với Chuikov là Hitler có để lại di chúc, chỉ định người kế nhiệm, rồi ông đưa bản sao di chúc cho Chuikov xem. Ông nói, vấn đề là không thể đầu hàng một cách hoàn chỉnh được, vì tân Tổng thống Doenitz không có ở Berlin.

Krebs đề nghị, bước đầu nên tạm ngừng bắn hoặc đầu hàng sơ bộ trước - sau đó có lẽ chính phủ Doenitz sẽ đàm phán trực tiếp với Nga. Nhưng đề nghị gây chia rẽ nội bộ quân Đồng minh này đã bị Chuikov thẳng thừng từ chối sau một cuộc điện thoại ngắn gọn cho Zhukov (Quyết định này sau được Moscow xác nhận).

Cuộc đàm phán kéo dài cả đêm. Đến bình minh, tất cả những gì Krebs đạt được từ phía Nga là một yêu cầu duy nhất: thành phố cần đầu hàng vô

điều kiện ngay lập tức, thêm vào đó, cá nhân những ai đang ở trong hầm cũng cần đầu hàng.

Trong khi Krebs ở lại tranh cãi với Chuikov, Von Dufving đi một chuyến mạo hiểm xuyên qua trận tuyến, trong đó ông bị một toán SS nhắm bắn và được một viên trung tá người Nga kéo vào chỗ an toàn. Cuối cùng ông cũng về được Führerbunker và nói với Goebbels là Nga đòi đầu hàng vô điều kiện. Goebbels bắt đầu kích động. Ông ta kêu lên, “Tôi sẽ không bao giờ, không bao giờ chấp nhận điều đó.”

Vì cả hai bên đều ngoan cố, thế là cuộc đàm phán tan vỡ. Cả hầm đều hoảng sợ. Có vẻ như mọi khẩu súng Nga trong quận đều nhắm vào Dinh Thủ tướng; sau này Von Dufving đoán đó là hệ quả trực tiếp của việc Krebs để lộ vị trí của căn hầm. Những người bị bao vây trong Führerbunker chỉ còn lại hai phương án: hoặc tự sát, hoặc đột phá. Mọi người lập tức lên kế hoạch. Bọn họ sẽ đi thành từng nhóm nhỏ qua hệ thống đường hầm và hầm ngầm phức tạp nằm bên dưới Dinh Thủ tướng. Từ đó, bọn họ sẽ đi theo hệ thống đường tàu điện ngầm tới ga Friedrichstrasse, hi vọng sẽ gặp được một đội quân nào đó dẫn họ lên phía bắc. Sau này, trợ lý của Goebbels, Werner Naumann kể lại, “Một khi chúng tôi vượt qua được vòng vây của quân Nga ở bờ bắc sông Spree thì chắc chắn là có đi hướng nào cũng an toàn.”

Một số người chọn giải pháp còn lại.

Cả gia đình Goebbels chọn cách tự tử. Werner Naumann đã cố thuyết phục Magda Goebbels nhiều tuần nay, nhưng bà rất kiên định. Giờ đã đến lúc. Khoảng 8 giờ rưỡi ngày 1/5, Naumann đang nói chuyện với hai vợ chồng Goebbels thì đột nhiên Magda “đứng dậy và đi vào phòng bọn trẻ. Một lát sau bà ta quay lại, mặt trắng bệch và run lẩy bẩy.” Gần như ngay tức khắc, Goebbels nói lời vĩnh biệt.

Naumann kể, “Ông ấy nói riêng vài lời với tôi - không phải chuyện chính trị hay về tương lai gì cả, chỉ là vĩnh biệt mà thôi.” Khi Goebbels ra khỏi hầm, ông ta bảo viên phụ tá Guenther Schwägermann hãy thiêu xác ông và cả nhà sau khi họ chết. Rồi Naumann thấy Joseph và Magda Goebbels đi lên cầu thang, ra ngoài vườn. Goebbels đội mũ lưỡi trai và đeo găng tay. Magda thì “run tới mức đi lên không nổi.” Sau đó không có ai gặp

hai người bọn họ nữa.

Bọn trẻ cũng đã chết , mà thủ phạm thì thật khó tin. Naumann nói: “ Vào thời khắc cuối cùng, trước khi Joseph và Magda Goebbels tự kết liễu, chỉ có một người vào phòng bọn trẻ, và đó chính là Magda.”

Số trốn đi cũng không khá khẩm hơn là mấy. Một số người bị giết. Số còn lại thì rơi vào tay quân Nga chỉ sau vài tiếng đồng hồ; người cảnh vệ của Hitler, Otto Günsche bị giam trong nhà tù Liên Xô 12 năm. Một số bị thương - như viên phi công Hans Baur chẳng hạn, anh ta mang theo bức chân dung Frederick Đại đế mà Hitler tặng, rồi một quả pháo nổ làm anh ta mất một chân, và khi tỉnh dậy trong một bệnh viện của Nga thì bức tranh không còn nữa. Những người khác, như Martin Bormann thì biến mất đầy bí ẩn. Chỉ có vài người thực sự trốn được-hoặc ít ra là rơi vào tay quân Anh-Mỹ.

Có ba người ở lại trong hầm và tự sát: phụ tá của Hitler, tướng Burgdorf; Tham mưu trưởng OKH, tướng Hans Krebs, và viên đại úy SS Franz Schedle thuộc đội cảnh vệ của hầm.

Hiện tại, khi mà các quan chức khác đều đã đi khỏi, toàn bộ trách nhiệm về sự an toàn của thành phố, của lực lượng phòng thủ và người dân đều rơi lên vai một người - Đại tướng Karl Weidling. Giờ đây, Berlin chìm trong trận hỏa thiêu dữ dội. Quân đội đã bị đẩy lui vào tận trung tâm thành phố. Xe tăng chạy dọc trên các đại lộ Unter den Linden và Wilhelmstrasse. Giao tranh diễn ra trên toàn công viên Tiergarten và sở thú. Pháo binh Nga đang oanh tạc thành phố từ đại lộ Đông-Tây. Quân lính có mặt tại các ga tàu điện ngầm ở quảng trường Alexanderplatz và đường Friedrichstrasse, và một cuộc giao tranh ác liệt đang diễn ra trong tòa nhà Quốc hội. Weidling thấy chẳng thể làm gì khác ngoài chuyện đầu hàng. Ông thấy nên nói cho người của mình biết. Ông mở một cuộc họp với các vị tư lệnh của mình và giải thích tình hình. Weidling kể, “Tôi trình bày với bọn họ những việc vừa xảy ra trong 24 giờ qua và nêu kế hoạch của mình. Cuối cùng tôi để từng người lựa chọn xem có cách nào khác hay không, nhưng bọn họ cũng chẳng còn giải pháp nào nữa. Tuy nhiên, ai muốn thử bỏ trốn thì có thể làm theo ý mình.”

Gần một giờ sáng ngày 2/5, Sư đoàn Bộ binh Cận vệ 79 của Hồng quân nhận được một thông điệp trên radio. Người đó nói, “Xin chào, xin chào. Đây là Quân đoàn Thiết giáp 56. Chúng tôi yêu cầu ngừng bắn. Vào lúc 12:15 theo giờ Berlin, chúng tôi đã cử người đàm phán ngừng bắn tới cầu Potsdam. Dấu hiệu nhận biết là một lá cờ trắng. Chờ hồi âm.”

Phía Nga trả lời: “Đã hiểu. Đã hiểu. Đang chuyển đề nghị của các anh tới Tham mưu trưởng.”

Khi nhận được bức điện, tướng Chuikov lập tức ra lệnh ngừng bắn. Vào lúc 12:15 ngày 2/5, Đại tá von Dufving, tham mưu trưởng của Weidling cùng hai sĩ quan nữa mang theo một lá cờ trắng đi tới cầu Potsdam. Bọn họ được đưa tới bộ chỉ huy của Chuikov

Lát sau Weidling tới . Ngày hôm đó, loa phát thanh trên toàn thành phố thông báo chiến sự chấm dứt.

Lệnh của tướng Weidling viết, “Mỗi giờ xung đột chỉ làm tăng thêm số thương vong, tăng thêm nỗi thống khổ của cư dân Berlin... Tôi ra lệnh lập tức ngừng bắn.” Dù xung đột lẻ tẻ vẫn xảy ra trong nhiều ngày tới, nhưng trận chiến Berlin đã chính thức chấm dứt. Người đi trên Quảng trường Dân chủ ngày hôm đó thấy cờ đỏ bay phấp phới trên nóc tòa nhà Quốc hội. Nó đã cắm trên đó ngay từ khi chiến sự còn đang diễn ra, vào đúng 1:45 chiều ngày 30/4.

Dù quân Nga đã biết là hầm Führerbunker nằm ngay bên dưới Dinh Thủ tướng nhưng bọn họ cũng phải mất mấy tiếng đồng hồ mới tìm được. Người đi đường bị tóm lại và bị bảo chỉ đường cho đội tìm kiếm. Nhiếp ảnh gia Gerhard Menzel là một trong số đó. Anh chưa từng nghe nói đến căn hầm. Nhưng anh vẫn đi cùng một tổ lính vào Dinh Thủ tướng đổ nát.

Trong mê cung hầm ngầm, các kỹ sư Nga và đội dò mìn dẫn đường. Mỗi khi thăm dò xong một căn phòng hay hành lang nào đó, mấy người lính lại nhặt nhanh giấy tờ, tài liệu và bản đồ. Menzel đột nhiên được tặng một cặp ống nhòm mới tìm được và được thả cho đi. Bọn họ đã tới được Führerbunker.

Những cái xác đầu tiên tìm được là của tướng Burgdorf và tướng Krebs. Hai người nằm trong phòng khách của hành lang, ngồi bên một cái bàn dài

toàn ly và chai rượu. Cả hai đều tự sát bằng súng, nhưng có thể nhận diện được qua giấy tờ cất trong quân phục của họ.

Thiếu tá Boris Polevoi, thuộc một trong những đội tìm kiếm đầu tiên bước vào, kiểm tra nhanh toàn bộ căn hầm. Ông phát hiện ra gia đình Goebbels trong một căn phòng nhỏ có mấy chiếc giường đơn kê sát tường. Xác Joseph và Magda nằm trên sàn. Polevoi nói, “Cả hai cái xác đều bị thiêu, chỉ có gương mặt của Goebbels là còn nhận diện được.” Sau đó bọn họ gặp chút rắc rối trong việc tìm hiểu làm sao xác hai người lại có ở đây. Có lẽ ai đó đã đem xác hai người vào hầm sau khi hỏa thiêu một phần, nhưng không biết là ai.

Bọn trẻ cũng có ở đó. Thiếu tá Polevoi nói, “Thấy bọn nó như thế thật là đáng sợ. Đứa duy nhất có vẻ không bình thường là cô con cả Helga. Nó có mấy vết bầm tím. Tất cả đều đã chết, nhưng mấy đứa còn lại nằm đó rất yên bình.”

Các bác sĩ Liên Xô lập tức kiểm tra bọn trẻ. Quanh miệng chúng có vết bồng, nên bọn họ cho là bọn trẻ đã được cho uống thuốc ngủ và bị đầu độc trong lúc ngủ bằng nhét các viên thuốc cyanua vào miệng. Về các vết bầm của Helga, các bác sĩ đoán là cô bé đã tỉnh lại trong lúc bị đầu độc nên đã vùng vẫy, và bị giữ chặt chân tay.

Khi đem xác lên Sảnh Danh dự của Dinh Thủ tướng để chụp hình và gắn nhãn nhận diện, Polevoi nhìn lại căn phòng chết chóc lần cuối. Mấy chiếc bàn chải và ống kem đánh răng của bọn trẻ nằm vương vãi trên sàn.

Một đội chuyên gia tìm được xác Hitler gần như ngay lúc đó, được chôn dưới một lớp đất mỏng. Một sử gia người Nga, tướng B. S. Telpuchovskii chắc chắn đó là xác Quốc trưởng. Ông nói, “Cái xác đã cháy đen, nhưng phần đầu còn khá nguyên vẹn, dù phần lưng có vết đạn bắn. Hàm răng đã long ra, nằm cạnh cái đầu.”

Thế rồi nghi ngờ bắt đầu dấy lên. Trong khu này, người ta còn tìm thấy mấy cái xác nữa, và một số cũng bị thiêu.

Telpuchovskii nói, “Chúng tôi phát hiện ra xác của một người đàn ông mặc quân phục có nhiều đặc điểm giống Hitler, nhưng đôi tất của ông ta lại có chỗ vá. Chúng tôi cho là đó không thể nào là Hitler được, vì làm thế nào

mà Quốc trưởng của Đế chế Đức lại mang tất cả cơ chứ. Còn có xác một người đàn ông vừa mới bị giết nhưng không bị thiêu.”

Vấn đề về mấy cái xác càng rối hơn nữa khi đặt cái xác đầu tiên bên cạnh cái xác thứ hai, rồi mời các cảnh vệ và nhân viên đến nhận dạng. Bọn họ không thể, và cũng sẽ không làm.

Mấy ngày sau, Thượng tướng Vasili Sokolovskii ra lệnh cần kiểm tra hàm răng của hai cái xác. Fritz Echtmann và Käthe Heusermann, hai chuyên gia nha khoa từng làm việc trong phòng khám của bác sĩ Blaschke, nha sĩ riêng của Hitler, được gọi tới. Echtmann được đưa tới Finow, gần Eberswalde, cách Berlin chừng 25 dặm về phía đông bắc. Người ta bảo ông vẽ phác hàm răng của Hitler. Khi ông vẽ xong, mấy điều tra viên cầm bản vẽ đi qua phòng khác. Một lát sau bọn họ quay lại. Echtmann nghe họ bảo là “Hình vẽ khớp.” Rồi bọn họ cho ông xem toàn bộ hàm dưới và mấy cái cầu răng giả của Hitler.

Käthe Heusermann được đón đi ngày 7/5; cô nhận ra cái hàm và mấy cái cầu răng giả ngay lập tức. Cô và bác sĩ Blaschke đã làm mấy cái đó chừng vài tháng trước nên rất dễ nhận ra. Käthe được tặng một túi đồ ăn và được lái xe đưa về Berlin. Hai ngày sau, cô lại được mời đi, lần này là tới thị trấn Erkner. Trong khu đất hoang có một hàng mộ chưa lấp, có thể thấy mấy cái xác bên dưới. Gã người Nga đi cùng cô nói, “Cô hãy nhận dạng bọn họ.” Käthe lập tức nhận ra được xác của Joseph Goebbels và các con. Cô nói: “Mấy đứa con gái đều mặc đầm ngủ bằng vải flannel in hoa hồng đỏ và xanh xoắn vào nhau.” Không thấy Magda Goebbels ở đó.

Có vẻ như do hậu quả của việc nhận dạng hàm răng của Hitler nên Käthe Heusermann đã phải ở tù 11 năm trong một nhà tù Liên Xô, phần lớn thời gian là bị biệt giam.

Chuyện gì đã xảy ra với phần còn lại của cái xác của Hitler? Người Nga tuyên bố đã hỏa táng nó ngay bên ngoài Berlin, nhưng không nói ở đâu. Bọn họ nói chưa từng phát hiện ra xác của Eva Braun, chắc nó đã bị lửa thiêu hoàn toàn, và những bộ phận có thể dùng để nhận dạng được có lẽ đã bị trộn oanh tạc dữ dội vào các tòa nhà chính phủ phá hủy mất.^[78]

Hai bản phác thảo này được vẽ riêng cho tác giả vào năm 1963, do Käthe Heusermann và Fritz Echtmann vẽ, đây là cách họ giúp người Nga nhận dạng hàm răng của Hitler. Cần chú ý là trong bức vẽ của Etchmann, vị trí của cầu răng giả ở hàm trên được đánh dấu bằng hình chữ nhật không liền nét.

Sáng 30/4, khi Gotthard Heinrici đang đi trên hành lang trong bộ chỉ huy của mình trước khi khởi hành, một viên đại úy trẻ tuổi bước tới chỗ ông. Anh nói, “Thưa Thượng tướng, chắc ngài không biết tôi đâu. Tôi làm trong Ban Tác chiến. Như người ta, tôi cũng biết là ngài vừa bị cách chức và được lệnh tới Plön.”

Heinrici không nói gì.

Viên đại úy trẻ nói, “Tôi xin ngài, xin đừng vội tới đó.” Heinrici hỏi, “Anh đang nói gì vậy hả?”

Viên đại úy nói, “Nhiều năm trước, tôi từng đi theo trung đoàn ở Schwäbisch Gmünd vào các ngày chủ nhật trong lúc diễu hành. Khi đó ngài còn là thiếu tá. Sau này tôi có quen với viên sĩ quan quản trị của ngài hồi ấy.”

Heinrici nói, “À, Rommel.”

Viên đại úy nói tiếp, “Thưa ngài, tôi hi vọng ngài sẽ tha thứ cho tôi vì nói điều này, nhưng tôi không muốn ngài phải chịu chung số phận với Thống chế Rommel.”

Heinrici nhìn anh ta sắc lẹm và hỏi, “Ý anh là gì? Rommel đã hy sinh trong chiến đấu.”

Viên đại úy đáp: “Không phải vậy đâu thưa ngài. Ông ấy đã bị ép phải tự sát.” Heinrici nhìn anh ta chăm chăm. Ông gằn từng tiếng, “Sao anh biết?”

Anh ta nói, “Tôi là sĩ quan phụ tá của Rommel. Tôi tên là Hellmuth Lang. Tôi xin ngài, hãy chạy xe tới Plön càng chậm càng tốt. Như thế thì khi ngài tới đó có khi chiến tranh đã kết thúc rồi.”

Heinrici chần chừ. Rồi ông bắt tay Lang. Ông kiên định nói, “Cảm ơn anh. Cảm ơn anh rất nhiều.”

Heinrici đi xuống hành lang ra khỏi tòa nhà. Ban tham mưu ít ỏi của ông đứng bên ngoài. Có ai đó ra hiệu lệnh và mọi người bước tới chào. Heinrici

đi tới chỗ từng người một. Ông nói, “Tôi muốn cảm ơn tất cả các anh.” Đại úy Heinrich von Bila, sĩ quan phụ tá của ông mở cửa xe. Heinrich ngồi vào trong. Von Bila ngồi vào cạnh lái xe. Anh nói, “Đến Plön.”

Heinrich nhào người tới và vỗ vai người lái xe. Ông nói, “Chúng ta không cần vội lắm đâu.”

Khuya hôm sau, Heinrich tới đơn vị ở Plön. Khi vào phòng, ông thấy có chiếc radio đang phát. Đột nhiên chương trình bị cắt ngang. Sau một loạt tiếng trống trầm trầm, người ta thông báo Quốc trưởng đã qua đời. Lúc đó là 10 giờ tối ngày 1/5.

Chuẩn úy Dixie Deans ngồi cạnh cậu lính canh người Đức của anh, Charlie Gumbach, cùng nghe tin tức. Đây là tin tốt nhất anh từng nghe được trong suốt một thời gian dài: “... Trong trận chiến chống chủ nghĩa Bolshevik, Quốc trưởng đã chiến đấu tới tận hơi thở cuối cùng,” người phát thanh viên trang nghiêm thông báo. Deans nhìn quanh quất. Anh và Gumbach đang ở đâu đó phía đông Lauenburg, trú trong một căn hầm của một nhà nọ nằm ngay đằng sau trận tuyến của Đức. Cả gia đình họ cũng có mặt và người vợ rơi lệ khi nghe tin. Deans cố kiềm chế niềm vui sướng của mình. “Dù Quốc trưởng có thể đã chết, cuộc chiến vẫn chưa chấm dứt. Trận tuyến của Đức nằm ngay phía trước và Dixie phải vượt qua đó. Chuyện này không dễ tí nào; bắn nhau đang rất ác liệt.”

Mọi người qua đêm trong căn hầm không lấy gì làm thoải mái. Deans dễ dàng đi vào giấc ngủ. Anh đã phải đạp xe nhiều ngày liền, cố tới được trận tuyến của Anh. Giờ chỉ cần chút may mắn là anh có thể làm được - nếu anh có thể thuyết phục bọn Đức bên kia để mình qua. Đó là điều cuối cùng Deans còn nhớ được trước khi thiếp đi.

Mấy tiếng sau, anh tỉnh giấc vì có ai thọc vào người. Một khẩu tiểu liên chọc vào mạn sườn anh. Có người nói, “OK, anh bạn; đứng dậy đi.”

Dixie ngược nhìn thấy một người lính dù của Sư đoàn Không vận 6 của Anh, có gương mặt trông có vẻ rất gan góc. Vùng này đã bị chiếm đêm qua, trong lúc bọn họ ngủ say. Deans đứng dậy, hết sức vui mừng giải thích mình là ai. Anh và Charlie được đưa về bộ chỉ huy trung đội, rồi tới bộ chỉ huy sư đoàn và rồi quân đoàn. Cuối cùng bọn họ gặp Trung tướng Evelyn H.

Barker, tư lệnh Quân đoàn 8.

Deans nhanh chóng giải thích tình hình. Anh nói vội vã, “Có 12.000 tù binh chiến tranh thuộc Không lực Hoàng gia đang đi tới đây. Máy bay quân ta đã bắn vào bọn họ!”

Anh chỉ cho tướng Barker xem mình đã để bọn họ lại chỗ nào. Viên tướng hơi choáng váng; rồi ông vội vàng gọi điện thoại - và hủy một cuộc không kích khác đã được lên lịch tại vùng đó. Tướng Barker nhẹ nhõm nói, “Mọi chuyện sẽ ổn cả thôi. Chúng ta sắp chiếm được vùng đó trong vòng 48 giờ tới ; anh nên nghỉ ngơi đi.”

Deans nói, “Không, thưa ngài . Tôi đã hứa với Đại tá Ostmann là tôi sẽ trở về.” Barker ngạc nhiên nhìn anh. Viên tướng nói, “Thôi được, tôi sẽ cho xe cắm cờ Hội Chữ thập Đỏ đưa anh về, như thế chắc sẽ qua được. Bảo mấy thằng Đức anh gặp là bọn nó nên ngừng làm việc được rồi đấy.”

Deans chào viên tướng. Khi đi qua văn phòng tham mưu trưởng, anh nhìn quanh. Anh hỏi, “Anh lính canh người Đức của tôi đâu, Charlie Gumbach ấy?” Có người nói , “Anh ta sắp bị đưa vào trại tù binh chiến tranh rồi.” Deans giận điên lên. Anh gầm gừ, “Không có anh ta thì tôi sẽ không đi hỏi đây. Tôi đã hứa danh dự rồi !”

Charlie nhanh chóng quay lại, và bọn họ cùng ngồi trên một chiếc Mercedes chiếm được có cắm cờ Hội Chữ thập Đỏ trên mũ.

Hai ngày sau, Dixie Deans đưa đoàn người của mình đến chỗ trận tuyến của Anh, có mấy người thổi kèn túi dẫn đường. Mọi người đứng quan sát những người lính Không lực Hoàng gia mệt mỏi, gầy trơ xương, đầu ngẩng cao nặng nề bước vào lãnh địa của Anh. Đại tá Ostmann và mấy người lính canh của ông bị giam lại. Deans và mấy người nữa cùng đi với bọn họ tới trại tù binh chiến tranh của Anh. Hai bên nhìn nhau. Ostmann bước tới trước, rồi ông ta và Deans chào nhau. Deans nói, “Tạm biệt, Đại tá Ostmann.” Ostmann cũng nói, “Tạm biệt Deans. Hi vọng ta sẽ gặp lại nhau.” Rồi Deans hô “Nghiêm!” và Ostmann cùng mấy người lính canh vào trong trại tù. Charlie Gumbach vẫy tay với anh khi đi ngang qua.

Bắn nhau rất ác liệt, từ cả hai bên. Busse đi từ chỗ này sang chỗ khác, hét vào mặt đám lính, “Đứng dậy! Đi tiếp đi! Còn mấy dặm nữa thôi!

Tướng Wenck đang chờ ta!”

Busse đã mệt tới mức không biết giờ là mấy giờ ngày nào tháng nào. Tập đoàn quân 9 đã hành quân tới chỗ Wenck suốt mấy tuần nay. Bọn họ gần như cạn sạch đạn, và cũng chẳng còn pháo nữa, chỉ có mấy khẩu súng cối. Có vài khẩu súng máy nhưng chẳng có đạn mà bắn. Busse nhìn đâu cũng thấy quân lính gục xuống, không đi nổi nữa. Ông và các sĩ quan cố hết sức mới bắt họ đi tiếp được. Cái khó là hàng nghìn người chạy nạn đã nhập hội với họ. Lương thực bị thiếu. Thậm chí còn không đủ cho lính nữa là.

Wenck chỉ cách đó vài dặm là cùng, nhưng quân Nga đánh trả rất dữ dội. Busse cho gọi chiếc tăng cuối cùng còn lại tới. Ông giữ nó lại chỉ chờ lúc này.

Ông bảo :

— Trung tướng Wolf Hagemann dẫn đầu.

Hagemann nhảy lên và bảo cậu lái xe nổ máy. Chiếc xe tăng lao tới trước. Bọn họ lăn bánh qua một con hào và mấy chỗ đất gồ ghề. Chợt Hagemann thấy quân Nga xuất hiện trước mặt. Ông nhìn quanh, tìm thứ gì bắn được. Súng máy không còn đạn, ông chụp lấy một khẩu shotgun và bắt đầu nã đạn vào đám lính Nga đang chạy trốn.

Rồi ông nghe tiếng súng nổ từ phía bên kia - từ sau lưng bọn Nga. Là người của Wenck. Cuộc hợp quân xảy ra đột ngột tới mức không ai nhớ nổi nó đã kết thúc thế nào. Những con người kiệt sức ngã vào vòng tay nhau. Wenck và Busse đã hợp lại.

Wenck kể, “Tập đoàn quân 9 mệt mỏi, kiệt quệ và tôi tả đến khó tin.” Ông đứng quan sát, và thấy một người bước ra khỏi hàng ngũ tới chỗ ông. Người đó mặt phờ phạc, lấm lem bụi đất, râu chưa cạo. Mãi khi ông ta tới gần Wenck mới nhận ra đó là tướng Theodor Busse. Bọn họ bắt tay nhau mà chẳng nói nên lời, rồi Wenck thốt lên, “Ơn Chúa, anh đây rồi.”

Ngày 7/5, hai tập đoàn quân quay trở lại sông Elbe và hơn 100.000 người vượt qua bờ Tây và bị quân Mỹ bắt giữ. Quân số ban đầu 200.000 người của Busse giờ chỉ còn được 40.000 người sống sót.

Thông điệp cuối cùng của Trans-Ocean, cơ quan ngôn luận bán chính thức của Đức viết bằng tiếng pháp. Nó viết, “Sauve qui peut ” - Hãy để họ

tự cứu mình nếu được. Người Berlin làm đúng như thế. Xe tăng, quân lính, xe nô em bé, xe máy, xe ngựa, xe kéo, súng tự động, người cưỡi ngựa và hàng nghìn người đi bộ cùng ủa ra khỏi Berlin qua những cây cầu dẫn tới Spandau. Cuộc tháo chạy đã diễn ra hàng giờ liền.

Thỏa thuận đầu hàng có thể đã được ký kết nhưng vẫn chưa ngừng bắn, và người dân chạy nạn không muốn gì hơn là chạy trốn. Thỉnh thoảng hàng ngũ chạy trốn lại bị nã pháo: rõ ràng pháo binh Nga ở phía nam và phía bắc chưa nhận được lệnh ngừng bắn .

Brigitte Weber rời Berlin trên chiếc xe hơi của cha chồng cô, có tài xế lái; cô mặc áo khoát lông kín mít, một giỏ đựng mấy món đồ bạc đặt dưới chân. Chiếc xe bị kẹt giữa hàng người đi tới Spandau, mất mười tiếng rưỡi mới đi được mấy dặm. Cuối cùng cô phải bỏ xe lại và chậm chạp lê bước về phía Tây như hàng nghìn người khác.

Aribert Schulz 16 tuổi rất ngạc nhiên khi gặp lại viên sĩ quan hành quyết của SS. Schulz đang nằm cạnh người đàn ông tóc đỏ trong một hầm sơ cứu: gã xạ thủ cao kều của SS bị trúng đạn vào bụng; gã la hét suốt 16 tiếng liền rồi chết.

Giữa lúc đám đông khổng lồ chen lấn trên những ngã đường dẫn tới mấy cây cầu, pháo vẫn bắn liên hồi về phía họ. Hildegard Panzer đi cùng Đại úy Kurt Ache, anh giúp cô chăm hai đứa con, Wolfgang chín tuổi và Helga 5 tuổi - cô bị lạc mất hai đứa nhỏ trong lúc chen lấn. Cô không bao giờ còn được gặp lại chúng. Tổng cộng, ước chừng 20.000 người đã chết và bị thương trong cuộc tháo chạy hỗn loạn đó.

Và rồi cuối cùng thì pháo cũng ngừng bắn, người chạy nạn bỏ lại tiếng súng sau lưng. Bọn họ đi xa hơn một chút cho chắc, rồi ngồi phịch xuống đất. Đàn ông phụ nữ và trẻ nhỏ ngủ ngay tại chỗ - trên những cánh đồng, dưới mương, trong những căn nhà trống, trong những chiếc xe bỏ không, bên vệ đường và ngay dưới lòng đường. Bọn họ đã được an toàn. Trận chiến cuối cùng giờ đã kết thúc.

Heinrich Schwarz đi giữa sở thú tan hoang, vừa đi vừa gọi “Abu! Abu!” Ông nghĩ, chẳng còn gì hết. Sở thú sẽ không bao giờ trở lại như xưa được nữa. Khắp nơi la liệt xác thú và gạch vụn. Ông đi về phía ao nước. Ông gọi,

“Abu! Abu!”

Có tiếng động vang lên. Bên rìa cái ao khô queo, con cò mỏ giày Abu quý hiếm đang đứng bằng một chân và liếc nhìn Schwarz. Ông bước qua cái ao tới chỗ con chim. Schwarz nói, “Tất cả đã qua rồi, Abu. Qua hết rồi.” Rồi ông ôm nó đi.

Ngày 4/5, Ilse Antz chậm chậm bước ra khỏi căn hầm nằm ở quận Wilmersdorf, đây là lần đầu tiên vào ban ngày kể từ ngày 24/4. Đường phố yên tĩnh đến lạ lùng. “Ban đầu, chưa quen với ánh sáng nên tôi thấy trước mắt toàn mấy vòng tròn màu đen. Rồi tôi nhìn quanh. Mặt trời tỏa nắng rạng rỡ, mùa xuân đã đến. Cây cối đang trổ hoa; và bầu không khí mới êm dịu làm sao. Ngay giữa thành phố hoang tàn và đang hấp hối này, thiên nhiên vẫn hồi sinh. Trước lúc đó, tôi chẳng cảm thấy gì; mọi cảm xúc của tôi như đã chết. Nhưng khi tôi nhìn qua công viên, thấy mùa xuân đang hiện hữu, tôi không thể kiềm chế được nữa. Lần đầu tiên kể từ khi mọi thứ bắt đầu, tôi òa khóc.....”

• CHÚ THÍCH •

[1] Carthage là một đô thị cổ, thuộc Tuynisia ngày nay, từng phát triển rất huy hoàng, mở ra một nền văn minh Punic. Sau nhiều lần đem quân xâm lược các nước thù địch là Syracuse và La Mã. Carthage đã bị quân La Mã san bằng vào năm 146 trước Công nguyên. Sau đó người La Mã đã tái thiết lại thành phố (ND)

[2] Tôi chưa được xem truyền đơn của Ehrenburg. Nhưng nhiều người tôi phỏng vấn thì đã từng xem qua. Hơn thế nữa, nó được nhắc tới nhiều lần trong các tài liệu chính thức của Đức, các nhật ký chiến tranh và trong rất nhiều sự kiện lịch sử, phiên bản hoàn chỉnh nhất xuất hiện trong cuốn Hồi ký của đô đốc Doenitz, trang 179. Tôi không hề nghi ngờ rằng truyền đơn đó có tồn tại. Nhưng tôi thắc mắc không biết liệu phiên bản trên, được dịch từ tiếng Nga sang tiếng Đức, liệu có bị sai lệch cố ý hay không.

Ehrenburg có viết những truyền đơn khác cũng kinh khủng như thế, như bất kỳ ai xem qua những bài viết của ông có thể thấy được, đặc biệt là những bài được Liên Xô chính thức xuất bản bằng tiếng Anh trong cuộc chiến, trên tờ Tin tức Chiến tranh Soviet, giai đoạn 1941-1945, tập 1-8. Chủ đề “Giết bọn Đức” của ông được lặp lại hết lần này tới lần khác – và rõ ràng là có sự chấp thuận hoàn toàn của Stalin. Vào ngày 14/4/1945, trong một bản in chưa từng có tiền lệ của tờ báo quân sự Soviet Sao Đỏ, ông chính thức bị bộ trưởng bộ tuyên truyền, Alexandrov, quở trách, ông viết: “Đồng chí Ehrenburg đang phóng đại...chúng ta không phải đang chiến đấu chống lại nhân dân Đức, chỉ chống lại bọn phát xít trên thế giới.” Lời quở mắng đó sẽ là thảm họa đối với các nhà văn Soviet khác, nhưng không phải với Ehrenburg. Ông vẫn tiếp tục điệp khúc tuyên truyền “Giết bọn Đức” như thể chưa có gì xảy ra – và Stalin nhắm mắt cho qua. Trong tập 5 của cuốn hồi ký của mình, Nhân dân, Năm tháng và Cuộc đời, xuất bản tại Moscow năm 1963, Ehrenburg đã quên đi những gì mình đã viết trong chiến tranh.

Ông viết ở trang 126: “Tôi đã nhấn mạnh trong rất nhiều bài viết rằng chúng ta không được phép, mà thực sự thì chúng ta không thể, săn đuổi người dân – rằng chúng ta là nhân dân Soviet, chứ không phải bọn phát xít.” Nhưng phải nói thế này: dù Ehrenburg đã viết gì, nó cũng không thể nào tệ hơn những gì do bộ trưởng bộ tuyên truyền của Nazi, Goebbels phát hành – một sự thật mà nhiều người Đức cũng đã thoải mái quên đi nốt.

[3] Ước tính số người Do Thái sống sót được lấy từ số liệu của Thượng viện Berlin do Tiến sĩ Wolfgang Scheffler của Đại học Tự do Berlin. Một số chuyên gia người Do Thái vẫn còn bàn cãi về điều này – trong số đó có Siegmund Weltlinger, Vụ trưởng Vụ Do Thái trong chính phủ hậu chiến tranh. Ông cho rằng số người sống sót chỉ vào khoảng 1.400 người. Ngoài những người sống trong bí mật, tiến sĩ Scheffler khẳng định rằng ít nhất 5.100 người Do Thái khác đã kết hôn với người theo đạo Cơ Đốc đang sống tam gọi là hợp pháp trong thành phố.

Nhưng sự quên lãng đó giống như một cơn ác mộng, vì những người Do Thái đó không bao giờ biết được mình sẽ bị bắt khi nào. Ngày nay, có 6.000 người Do Thái sống tại Berlin – một phần quá nhỏ bé so với con số 160.564 người Do Thái vào năm 1933, năm Hitler nắm quyền. Về con số đó, không ai biết được bao nhiêu người Berlin gốc Do Thái đã rời khỏi thành phố, di cư khỏi nước Đức, hay bị trục xuất và thủ tiêu trong các trại tập trung.

[4] Có một loại người lao động khác – những công nhân ngoại quốc tình nguyện. Hàng nghìn người châu Âu – một số là những người ủng hộ mạnh mẽ của đảng Nazi, một số thì tin rằng họ đang giúp đỡ những người Bolshevich, trong khi đa số toàn là những kẻ cơ hội – đã đáp lại những tin tuyển dụng về việc làm tại Đức được trả lương cao đăng trên các tờ báo Đức. Những người này được sống khá tự do gần nơi làm việc.

[5] “Unser Giftzweig” nghĩa đen là “người lùn độc địa của chúng ta” – và từ này thường được áp dụng cho Heinrich với ý nghĩa này bởi những người không thích ông.

[6] Thực sự thì, Zossen đã bị quân Mỹ đánh bom dữ dội chỉ bảy ngày trước đó, vào ngày 15/3, theo yêu cầu của người Nga. Thông điệp từ

Nguyên soái Sergei V. Khudyakov của Ban tham mưu Hồng quân gửi đến Đại tướng John R. Deane, trưởng Phái bộ Quân sự Hoa Kỳ tại Mos-cow, giờ đang được lưu tại Washington và Moscow, và xuất hiện ở đây lần đầu, trong một tài liệu đầy ngạc nhiên vì nó cho thấy quy mô của tình báo Nga tại Đức: “Đại tướng Deane thân mến: Theo nguồn tin mà chúng tôi có được, Bộ tổng tham mưu của Quân đội Đức nằm cách Berlin 38km về phía nam, trong một khu hầm ngầm được gia cố đặc biệt mà người Đức gọi là ‘Thành lũy.’

Khu hầm ngầm nằm cách Zossen 5,5 - 6km về phía nam-đông nam và cách con đường cao tốc gần đó 1-1,5km về phía đông...[Reichsstrasse 96] chạy song song với đường sắt từ Berlin tới Dresden. Khu vực đó toàn là những công sự ngầm... rộng khoảng 5 tới 6 km vuông. Toàn bộ lãnh thổ có mấy vòng hàng rào dây thép bao quanh, và được một trung đoàn SS canh gác cẩn mật.

[7] Ở cuộc họp ngày 27/1/1945, Hitler đã hỏi Goering và Jodl: “Các anh có nghĩ là sâu trong lòng bọn người Anh rất hăng hái trước những diễn biến của Nga không? “ Jodl trả lời mà không hề ngập ngừng. Ông đáp, “Chắc chắn là không. Kế hoạch của họ khá là khác... sau đó... họ sẽ hoàn toàn nhận ra được.” Goering cũng rất tự tin. Ông nói, “Chắc chắn là họ không dự tính được là chúng ta lại cầm chân họ trong khi quân Nga chinh phục khắp nước Đức. Họ không tin là chúng ta... cầm chân họ ở phía tây như mấy thằng điên, trong khi quân Nga tiến vào đất Đức ngày càng sâu.” Jodl hoàn toàn đồng ý, chỉ ra rằng người Anh “đã luôn luôn nghi ngờ người Nga.” Goering thì hết sức chắc chắn là người Anh sẽ cố dàn xếp một số thỏa hiệp với Đức, thay vì thấy trái tim của châu Âu rơi vào vòng quỹ đạo cộng sản, ông nói: “Nếu cái đà này cứ diễn ra, chúng ta sẽ nhận được một bức điện tín [từ người Anh] trong vài ngày tới.”

[8] Có thể có một số sai khác nhỏ giữa bản dịch này với tài liệu gốc. Khi Chiến dịch Nhật thực rơi vào tay người Đức, nó được dịch ra tiếng Đức và sao chụp lại. Phiên bản trên là một bản dịch của tài liệu bị thất lạc đã được người Anh lấy lại.

[9] Ở phiên tòa xét xử của tướng Jodl tại Nuremberg năm 1946, ông được hỏi sao không khuyên Hitler đầu hàng từ đầu năm 1945. Tướng Jodl nói: “Lý do rất đơn giản... đầu hàng vô điều kiện... và dù chúng tôi có chút nghi ngờ về thứ mình phải đối mặt, thì nó cũng đã hoàn toàn biến mất khi chúng tôi lấy được bản Chiến dịch Nhật thực bằng tiếng Anh.” Vào lúc đó, khi đang khai trước Tòa án, tướng Jodl nhìn mấy vị sĩ quan Anh đang có mặt tại đó và nói với một nụ cười nửa miệng, “Các quý ông của phái đoàn Anh quốc sẽ biết đó là cái gì.” Sự thật là những người Anh tại phiên tòa không hiểu được lời nói đó: Chiến dịch Nhật thực được giữ bí mật tới mức họ không biết gì về nó. Chính lời ám chỉ bí ẩn đó, cộng thêm vài cuộc phỏng vấn với bà Jodl, đã đưa tác giả đến với Chiến dịch Nhật thực và nội dung của nó, lần đầu công bố tại cuốn sách này.

[10] Dừng để chỉ lính Đức trong WWI hoặc WWII, kết hợp từ allemand (tiếng Pháp, chỉ nước Đức) và caboche (tiếng lóng nghĩa là thủ cấp) – ND

[11] Hình thành ban đầu vào năm 1943, Chiến dịch Rankin thực sự có ba phần: Phương án A là trường hợp Đức yếu tới mức chỉ cần một “Chiến dịch Chúa tể mini” là đủ; Phương án B đặt giả thiết Đức sẽ rút lui chiến lược tại một số nơi ở các quốc gia bị chiếm đóng trong khi vẫn để lại lực lượng lớn dọc bờ biển châu Âu nhằm chống xâm lược; và Phương án C đối phó với tình huống Đức đột ngột sụp đổ trước, trong hoặc sau cuộc xâm lăng. Các Phương án A và B đã sớm bị hủy bỏ, và theo tướng Morgan nhớ lại, chỉ nhận được sự cân nhắc ngắn ngủi.

[12] Churchill nghe được các yêu cầu của Stalin khi ông đang băng qua Đại Tây Dương trên con tàu chiến H.M.S. Duke of York trên đường gặp Roosevelt. Mỹ vừa mới bước vào cuộc chiến và Churchill băn khoăn liệu có nên đưa ra vấn đề này với đồng minh mới hùng mạnh vào lúc này hay không. Ông đánh điện cho Eden: “Dĩ nhiên, anh không được lỗ mãng với Stalin. Chúng ta không đến Mỹ để ký các hiệp ước đặc biệt và bí mật. Tiếp cận Tổng thống Roosevelt với mấy lời đề nghị đó sẽ chỉ chuốc lấy lời từ chối cộc lốc và có thể gây rắc rối kéo dài... Cho dù có đặt vấn đề một cách không chính thức đi chăng nữa... thì theo ý tôi vẫn là không phù hợp.” Bộ

Ngoại giao Mỹ có nghe về cuộc trò chuyện giữa Eden và Stalin, nhưng không có bằng chứng gì cho thấy có ai bận tâm đến việc nói cho ngài Tổng thống Mỹ biết vào lúc đó cả. Nhưng đến tháng 3 năm 1943, Roosevelt được thông báo đầy đủ và theo Eden, người thảo luận vấn đề này với ông, ngài Tổng thống đoán trước là sẽ không có khó khăn lớn gì với Liên Xô. Ông Eden nói: “Câu hỏi lớn đang ngự trị trong đầu Roosevelt là liệu có thể làm việc với Nga vào bây giờ và sau chiến tranh được không.”

[13] Lời miêu tả các sự kiện trên tàu Iowa đến từ biên bản viết tay do Đại tướng George C. Marshall viết. Bản ghi nhớ thực sự không chứa các trích dẫn trực tiếp, chỉ ghi lại các điểm chính của cuộc họp. Tôi đã trực tiếp trích dẫn lời ngài Tổng thống và những người khác ở những chỗ có nói rõ là họ đã nói thế.

[14] Trong thư gửi Đại tướng Marshall ngày 12/12 McCloy viết, “Người Anh đã có ảnh hưởng kinh tế lâu dài với vùng đông bắc, và Winant nói với tôi là kế hoạch đó được đưa ra sau khi đã tham khảo các nhân vật quan trọng trong lĩnh vực kinh tế và chính trị của họ. Tôi không biết Tổng thống muốn có vùng đó tới mức nào khi gặp phải sự phản đối mạnh mẽ của người Anh... Tổng thể thì tôi thích vùng đông bắc, nhưng tôi không cho là nó đáng để tranh giành một phen lớn.” Dường như Bộ Ngoại giao không bận tâm đến cách này hay cách khác. Trong thư, McCloy nói thêm là Cordell Hull đã gọi điện và nói rằng “ông ấy không đặc biệt thích miền nam hay miền bắc.”

[15] Một trong những bí ẩn lớn xuất hiện từ cuối Thế chiến thứ hai là Roosevelt lại là người chịu trách nhiệm cho việc phân chia vùng chiếm đóng. Sự thật là từ đầu chí cuối kế hoạch này là của Anh. Kế hoạch này do Anthony Eden khởi xướng, do Ủy ban của Attlee phát triển (dùng tư tưởng quân sự nghiêm khắc của tướng Morgan làm phương tiện), do Churchill và nội các của ông chấp thuận, và do Strang trình bày ở EAC. Nhiều nguồn tin của Anh và Mỹ xem điều khoản phân chia khu vực là kế hoạch của Nga. Kết luận sai lầm này xuất phát từ sự thật là khi Gusev chấp thuận đề xuất của Anh tại buổi họp thứ hai, ông ta cũng đưa ra một bản phác thảo của

Liên Xô về các điều kiện đầu hàng cho nước Đức. Có một phần nói về phân chia khu vực: nó y chang kế hoạch của Anh.

[16] Những trao đổi giữa Roosevelt và Winant trong cuộc gặp, hay lập trường của ngài Tổng thống về vấn đề Berlin không được tiết lộ. Việc Bộ Chiến tranh phản đối hay đồng ý kế hoạch “hành lang” của Winant cũng rất mù mờ. Thiếu tướng John H. Hildring, Vụ trưởng Vụ Dân sự, được cho là từng nói với Winant rằng “cần bảo đảm quyền tiếp cận Berlin.” Cuốn sách này phản ánh quan điểm của ba sử gia chủ chốt của Mỹ trong giai đoạn này:

Giáo sư Phillip Mosely (The Kremlin and World); Herbert Feis (Churchill Roosevelt Stalin); và William M. Franklin, Giám đốc Văn phòng Lịch sử của Bộ Ngoại giao (Zonal Boundaries and Access to Berlin—World Politics, tháng 10/1963). Franklin viết, “Winant dường như không hề ghi lại các đoạn hội thoại đó... Tuy nhiên, có điều này rất rõ ràng: Winant không hề được ai ở Washington chỉ thị hay khuyến khích đặt vấn đề với Nga.”

[17] Vì một số lý do không bao giờ được làm rõ, lập trường của Winant về quyền tiếp cận Berlin đã thay đổi sau khi ông trở lại từ Washington.

Nhà ngoại giao kỳ cựu Robert Murphy nhớ lại là không lâu sau khi gia nhập Bộ chỉ huy Tối cao vào tháng 9/1944, ông có dùng bữa trưa với Winant ở London và đã thảo luận về việc tiếp cận Berlin. Murphy giục Winant nên ghi lại vấn đề. Ông viết trong cuốn hồi ký của mình, Ngoại giao giữa các chiến binh, như sau:

Winant tranh luận rằng quyền tự do tiếp cận Berlin của chúng ta ẩn bên trong quyền hiện diện tại đó. Người Nga... có khuynh hướng dù thế nào cũng hoài nghi động cơ của chúng ta và nếu chúng ta cứ khẳng khẳng về vấn đề chuyên môn này thì chỉ càng làm cho lòng nghi ngờ của họ sâu thêm.” Theo Murphy, Winant không muốn ép EAC về chuyện này.

[18] Tại Hội nghị, một cuộc tranh cãi khác đã nổ ra giữa ngài Tổng thống và Bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ, Henry Morgenthau, dẫn đến một kế hoạch kinh tế khắt khe và khó đạt được dành cho nước Đức, biến Đức thành một quốc gia nông nghiệp và không có công nghiệp. Ban đầu Churchill tán thành kế hoạch này, nhưng sau đó lại thay đổi lập trường dưới sức ép từ các

cổ vấn của ông. Mấy tháng sau, Roosevelt cũng bác bỏ kế hoạch gây tranh cãi của Morgenthau.

[19] Chỉ Josef Stalin - ND.

[20] Tôi nghe việc này trong một cuộc trò chuyện riêng tư với bà Rosenberg (giờ là bà Paul Hoffman). Bà Roosevelt cũng có mặt; sau này hai người phụ nữ so sánh với nhau và nhất trí về từng lời chính xác mà ngài Tổng thống đã nói.

[21] Năm 1948, vì nhịp tim tăng cao đột ngột, các bác sĩ đã bảo ông bỏ thuốc. Từ đó Eisenhower không bao giờ hút thuốc nữa.

[22] Niềm kiêu hãnh của ông được phục hồi phần nào không lâu sau việc này, khi người Anh cho thấy họ rất tin tưởng Montgomery và các chính sách của ông bằng cách chỉ định ông làm Thống chế Lục quân. Đối với con người từng lật ngược thế cờ cho quân Anh tại sa mạc và đánh đuổi Rommel ra khỏi Bắc Phi thì vinh dự này đến quá chậm.

[23] Số liệu do Winston Churchill cung cấp vào ngày 18/1/1945, trong một buổi diễn thuyết trước Viện Thứ dân. Sự tình hữu nghị giữa hai bên sụp đổ, ông đã thông báo rằng “quân Mỹ đã đảm đương phần lớn cuộc chiến” ở cao nguyên Ardennes, gánh chịu tổn thất “tương đương với cả hai bên của trận Gettysburg cộng lại.” Sau đó, có thể xem như một cú tát thẳng vào mặt Montgomery và những người ủng hộ ông, Churchill cảnh báo quân Anh không được “để bản thân bị bọn người gây bất hòa lợi dụng.”

[24] Vào năm 1963, Montgomery nói với tác giả “Đáng lẽ tôi không nên tổ chức buổi họp báo đó. Lúc đó, người Mỹ có vẻ quá nhạy cảm và nhiều tướng lĩnh Mỹ không ưa tôi, đến mức tôi nói gì cũng bị coi là sai.” Sau này Eisenhower nói, “Montgomery tin rằng việc chỉ định một tư lệnh chiến trường là vấn đề cốt yếu. Ông ta thậm chí còn đề nghị sẽ phục vụ dưới quyền tướng Bradley nếu tôi chịu chấp thuận.”

[25] Ví dụ như, vào ngày 11/3, tình báo của SHAEF báo rằng các mũi nhọn của Zhukov đã tới được Seelow, phía tây sông Oder và chỉ còn cách Berlin có 28 dặm. Khi tác giả phỏng vấn các quan chức quốc phòng của Liên Xô tại Moscow năm 1963, ông mới biết được là tới tận ngày 17/4

Zhukov mới tới được Seelow, trung tâm hệ thống phòng ngự của Đức tại sông Oder.

[26] Nguyên văn “requires a Götterdämmerung.” Götterdämmerung tiếng Đức nghĩa là “Hoàng hôn của các vị thần”, tượng trưng cho sự sụp đổ của các vị thần trong trận chiến cuối cùng với quỷ dữ, theo thần thoại Đức. Götterdämmerung còn được dùng để chỉ sự sụp đổ của một thể chế, một xã hội,... (ND).

[27] Người chuẩn bị tài liệu phản gián này đã có sai sót về nơi yên nghỉ cuối cùng của Barbarossa. Nơi chôn cất Barbarossa (Râu Đỏ) – là họ của vua Frederick I (1121-1190) – không phải ở Berchtesgaden. Theo thần thoại, “ngài không hề chết, mà chỉ ngủ” giữa những ngọn đồi ở Thuringia. Ngài ngồi “trên một cái bàn đá, có sáu hiệp sĩ luôn kề bên, chờ đợi đến khi ngài tỉnh giấc và cứu nước Đức khỏi cảnh tù tội, đưa nước Đức lên trên đỉnh thế giới... bộ râu của ngài đã mọc xuyên qua phiến đá, nhưng phải cuốn bộ râu ba vòng quanh cái bàn trước khi ngài giáng thế lần thứ hai.”

[28] Messerschmitt là một tập đoàn sản xuất máy bay của Đức, nổi tiếng với dòng máy bay chiến đấu trong thời kỳ Thế chiến thứ hai, đặc biệt là hai dòng Bf 109 và Me 262. Thời hậu chiến, sau một vài lần sáp nhập, Messerschmitt đổi tên thành Messerschmitt-Bölkow-Blohm, rồi được Deutsche Aerospace (DASA, giờ là một bộ phận của EADS) mua lại vào năm 1989 (ND).

[29] Một tham mưu cao cấp của tướng Marshall, Đại tướng John Hull, Quyền Tham mưu trưởng Chiến dịch của Lục quân Hoa Kỳ vào năm 1945, nói rằng “Ike là người được Marshall bảo trợ, và có lẽ Ike sẽ không bằng lòng nếu tôi nói thế này, nhưng mối quan hệ giữa hai người họ hơi giống cha con.”

[30] Học viện Quân sự Hoa Kỳ, nằm ở West Point, New York (ND).

[31] Sau này Churchill viết rằng, ông đã cho Eisenhower xem bức thư này của Nga vào ngày 24/3 và vị Tư lệnh Tối cao “có vẻ kích động vì giận dữ, cho đó là những cáo buộc vô căn cứ và bất công hết sức về thiện chí của chúng ta.”

[32] Bức điện 1.000 từ của Eisenhower không xuất hiện trong lịch sử chính thống, và bản nằm trong cuốn *Crusade in Europe* (Cuộc Thập tự chinh ở châu Âu) của ông đã được cắt xén và biên tập lại. Ví dụ, cụm từ “suốt ngày hét bên tai” đã được đổi thành “luôn nhấn mạnh,” còn đoạn cuối đầy giận dữ được trích bên trên thì bị bỏ hoàn toàn. Mĩa mai thay, bức điện ban đầu do một người Anh soạn thảo, Phó Tư lệnh hành quân của SHAEF, Thiếu tướng John Whiteley, nhưng lúc gửi đi từ bộ chỉ huy thì nó có đóng dấu của Eisenhower.

[33] Trong một cuộc phỏng vấn có ghi âm khá dài và chi tiết với tác giả.

[34] Tiểu đoàn trừng giới (penal battalion, tiếng Nga là Shtrafbat) là nơi những người có tội bị buộc phải phục vụ trong Thế chiến thứ hai. Họ chủ yếu là những người đào ngũ, bị buộc tội hèn nhát, tù nhân chiến tranh của Liên Xô và các tù nhân trong trại lao động Gulag (cả tội phạm thường và tội phạm chính trị) – ND.

[35] Các trích dẫn từ phía Nga, nếu không phải là được cung cấp như các nguồn tài liệu khác của Liên Xô được sử dụng trong cuốn sách này, thì là có được trong chuyến đi nghiên cứu đến Moscow vào tháng 4/1963. Chính phủ Liên Xô cho phép tác giả, có giáo sư John Erickson của Đại học Manchester hỗ trợ, được phỏng vấn những người tham gia vào cuộc chiến Berlin – từ nguyên soái tới binh nhì. Vị nguyên soái duy nhất của Liên Xô mà tác giả bị cấm phỏng vấn là Zhukov. Những người khác – như Koniev, Sokolovskii, Rokossovskii và Chuikov, mỗi người cho phỏng vấn trong khoảng ba tiếng. Ngoài ra, tác giả còn được phép tiếp cận với các hồ sơ lưu trữ quân sự và được phép sao chép và mang ra khỏi Nga các tài liệu đồ sộ, gồm các bản đồ chiến đấu, báo cáo sau khi hành động, công trình nghiên cứu, ảnh và lịch sử quân sự trước đó chỉ lưu hành trong nội bộ chính phủ Liên Xô.

[36] Tất nhiên, điều này là đúng.

[37] Buổi họp mang tính quyết định của Stalin cùng các vị nguyên soái được biết đến rộng rãi trong giới quân sự cấp cao của Liên Xô, dù trước đó chưa từng được công bố với phương Tây. Về cuộc họp này, đã có nhiều

phiên bản xuất hiện trong lịch sử quân sự Nga và các nhật ký. Trong đó có biên bản cuộc họp của Zhukov dành cho ban tham mưu của ông, được nhà sử học Nga, Trung tướng N. N. Popiel ghi lại. Nguyên soái Koniev giải thích bối cảnh cuộc họp cho tác giả và cung cấp các chi tiết mà cho tới nay chưa từng được biết. Ông cũng kể lại một phần các chi tiết trong phần đầu cuốn hồi ký của mình, được xuất bản tại Moscow năm 1965. Có một vài điểm khác biệt giữa bản của ông với của Zhukov. Ví dụ như, Zhukov không nhắc tới cuộc tấn công vào Berlin của Montgomery; Koniev thì không đề cập đến cuộc đổ bộ dự kiến của sư đoàn không vận Anh-Mỹ xuống thành phố.

[38] Ngược lại với niềm tin thông thường, tình trạng sức khỏe suy yếu của Hitler không phải là hậu quả của các chấn thương do vụ đánh bom ám sát năm 1944 gây ra, dù đó có vẻ đã đánh dấu khởi đầu của một sự suy nhược nhanh chóng. Sau chiến tranh, các đội phản gián của Mỹ đã điều tra gần như mọi bác sĩ từng chữa trị cho Hitler. Tác giả đã đọc toàn bộ báo cáo của họ, và dù không có ai đưa ra nguyên nhân cụ thể cho tình trạng liệt của Hitler, ý kiến chung cho rằng, ban đầu một phần bắt nguồn từ tâm lý, một phần do cách sống của ông ta. Hitler hầu như không bao giờ ngủ; ngày hay đêm với ông ta đều không khác biệt mấy. Thêm vào đó, có cả đồng bằng chứng cho thấy ông ta bị đầu độc chậm vì sử dụng thuốc bừa bãi, được tiêm liều cao, do bác sĩ ưa thích của ông ta là Giáo sư Theodor Morell kê đơn. Các thuốc này gồm các toa thuốc chứa morphine, arsen và strychnine, rồi các chất kích thích tổng hợp khác nhau và loại “thuốc thần kỳ” bí ẩn mà chính bác sĩ này chế tạo.

[39] Theo như Heinrici nói trong một cuộc phỏng vấn với tác giả thì, “Buhle đang vẫy một lá cờ ghi ‘tôi đã uống brandy’ đằng trước.”

[40] Sau này Heinrici nói: “Lời khẳng định của Hitler giết tôi chết hẵn. Tôi không thể tranh cãi về điều đó, vì tôi không biết tình hình mà Schöner phải đối mặt là như thế nào. Tôi biết là Hitler sai hoàn toàn rồi. Tôi chỉ nghĩ được là ‘Làm sao một người có thể huyênh hoặc bản thân tới độ này?’ Tôi nhận ra họ đang sống trong một vùng đất mộng mị

(Wolkenkuckucksheim).”

[41] Nghiên cứu về cuộc họp của Hitler chủ yếu là từ nhật ký của Heinrici, bổ sung thêm một cuốn hồi ký dài (186 trang) của Đại tá Eismann. Heinrici ghi chép tỉ mỉ về mọi chuyện đã diễn ra, bao gồm chính xác từng lời Hitler đã nói. Có một vài khác biệt giữa bản ghi chép của Heinrici với của Eismann, nhưng đã được giải quyết trong chuỗi phỏng vấn với Heinrici, kéo dài hơn 3 tháng vào năm 1963.

[42] Simpson có đủ lý do để tin là mình đã được bật đèn xanh. Cũng trong mệnh lệnh đó của Cụm Tập đoàn quân 12, các tập đoàn quân 1 và 3 nhận lệnh chiếm đầu cầu ở sông Elbe trong giai đoạn 2 và chuẩn bị tiến về phía đông – đối với Tập đoàn quân 3 của tướng Patton, cụm từ được dùng là “phía đông hoặc đông nam.” Nhưng chỉ có mệnh lệnh dành cho Tập đoàn quân 9 là có cụm từ “vào Berlin.”

[43] WAC (Women’s Army Corps) là lực lượng gồm toàn nữ quân nhân của Mỹ, được thành lập vào năm 1942, giải tán năm 1978. Sau khi giải tán, các thành viên WAC được đưa vào các đơn vị khác của quân đội – ND.

[44] Người thổi sáo thành Hamelin (The Pied Piper of Hamelin) là một nhân vật trong truyện cổ tích, hay mặc quần áo nhiều màu sắc sỡ. Ông giúp người dân Hamelin đuổi lũ chuột bằng tiếng sáo của mình, nhưng họ lại không trả công cho ông như đã hứa. Ông tức giận bỏ đi, và khi quay trở lại, ông đã đưa toàn bộ trẻ em trong thành phố đi theo mình, khiến các bậc cha mẹ không bao giờ tìm lại được con của họ –ND

[45] Sau chiến tranh, Wenck vẫn kiên trì đòi lại món tiền của mình, nhưng khi đó Weimar lại nằm trong vùng của Liên Xô và do chính phủ Đông Đức của Ulbricht quản lý. Thật kỳ lạ là ngân hàng vẫn tiếp tục gửi bản kê hàng tháng cho Wenck, cho tới tận ngày 4/7/1947. Ông nhận thấy các bản kê cứ lặp đi lặp lại, rồi ông yêu cầu chuyển số tiền đó sang ngân hàng của mình tại Tây Đức. Nhưng mọi chuyện vẫn im lìm, cho tới ngày 23/10/1954, ngân hàng Weimar mới thông báo cho Wenck là ông phải đưa vấn đề lên Sở Nội vụ Weimar. Lá thư của ngân hàng viết, “Chúng tôi đã hủy bỏ tài khoản đã quá cũ của ngài, cùng với lợi tức dồn tích...”

[46] Tiếng Đức nghĩa là “Cảm ơn” – ND.

[47] Chiến công phi thường của Francies thuộc hàng độc nhất vô nhị trong Thế chiến thứ hai, lại chwa từng được Bộ Quốc phòng Mỹ thừa nhận. Anh được kiến nghị trao tặng Huân chương Chữ Thập về thành tích xuất chúng trong không quân, nhưng chưa bao giờ được nhận. Lạ lùng thay, dù không phải là phi công, nhưng Martin lại được trao Huân chương Không lực vì đã góp phần trong chiến công này.

[48] Phà dây cáp là loại phà được đẩy qua sông bằng một sợi cáp được buộc vào hai bên bờ....

[49] Fort Benning là một trường đào tạo quân sự của Mỹ - ND.

[50] Phỏng đoán của Bradley đã gây ra nhiều hoang mang, thứ nhất là ông nói thế với Eisenhower khi nào, và thứ hai là căn cứ vào đâu mà ông đưa ra con số đó. Vụ việc lần đầu được tiết lộ trong hồi ký của Bradley, cuốn Chuyện một người lính. Trong đó không nêu ngày cụ thể. Do vậy, như Bradley đã nói với tác giả, ông cũng có phần nào trách nhiệm về sự mơ hồ sau này. Có một tài liệu nói Bradley đã nói với Eisenhower ở SHAEF từ đầu tháng 1/1945, rằng con số thương vong ở Berlin có thể lên tới 100.000 người. Chính Bradley nói: “Tôi nói dự đoán của mình với Ike qua điện thoại, ngay sau khi chúng ta chiếm được đầu cầu ở sông Elbe. Tất nhiên, tôi không nghĩ mình sẽ phải chịu thương vong 100.000 người khi đi từ đó tới Berlin. Nhưng tôi tin là quân Đức sẽ chiến đấu ác liệt để bảo vệ thủ đô. Tôi cho là chúng ta sẽ chịu tổn thất nặng nề hơn tại Berlin.”

[51] Rất nhiều người lính đã gia nhập Đảng Cộng sản ở sông Oder, và không phải ai cũng vì lý do chính trị. Không như quân đội Anh hoặc Mỹ, Hồng quân không có hệ thống đăng ký phù hiệu cá nhân hay còn gọi là “thẻ bài quân nhân” (dog tag); gia đình của những người lính Hồng quân chết trận hoặc bị thương trong chiến đấu hiếm khi được thông báo chính thức. Nhưng nếu một người lính Cộng sản bị thương vong, Đảng Cộng sản sẽ báo cho gia đình hoặc bà con của anh ta.

[52] Tháng 6/1945, Zhukov nói với Đại tướng Eisenhower và báo chí rằng ông đã mở màn cuộc tấn công với 22.000 khẩu pháo đủ cỡ. Kế hoạch

ban đầu của ông chỉ có 11.000 khẩu, còn ông đã làm thế nào để kiểm ra số còn lại thì vẫn chưa biết. Trong khi đó, các số liệu của Nga lại rất lung tung, thống kê từ 20 đến 40 nghìn khẩu, nhưng các chuyên gia quân sự tin là Zhukov có ít nhất 7 đến 8 nghìn khẩu pháo dã chiến, cùng một lượng tương đương các khẩu có cỡ nòng nhỏ hơn.

[53] Koniev đang nói đến các mối nghi ngờ của chính Stalin. Hồi đầu tháng 4, Stalin đã đánh điện cho Roosevelt là ông nghe nói [Anh và Mỹ] đã đạt được thỏa thuận với Đức tại Berne, qua đó Đức sẽ “mở cửa cho quân ANh-Mỹ đi về phía đông, còn Anh và Mỹ hứa đổi lại sẽ nới lỏng các điều kiện đình chiến cho Đức... Đức sẽ chấm dứt chiến tranh ở Mặt trận phía Tây... [nhưng]... vẫn tiếp tục cuộc chiến với Nga, Đồng minh của Anh và Mỹ...” Roosevelt hồi âm rằng ông rất ngạc nhiên trước những lý lẽ “rằng tôi đã bước vào một cuộc thỏa thuận với quân địch mà không được ngài đồng ý trước... Thành thực mà nói, tôi không thể không oán giận những kẻ đã cung cấp tin này cho ngài, dù bọn họ là ai, vì họ đã xuyên tạc hành động của tôi hoặc của các thuộc cấp đáng tin cậy của tôi.” Stalin và các nguyên soái của ông vẫn không tin. Thậm chí là cho đến nay, trong bản ghi chép mới nhất của Bộ Quốc phòng Liên Xô, Cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại của Liên Xô 1941-1945, có nói rằng “để ngăn Hồng quân chiếm được Berlin... những kẻ theo chủ nghĩa Hitler... đã chuẩn bị đầu hàng quân Mỹ hoặc Anh. Các đồng minh của chúng ta cũng muốn chiếm... [thành phố]... dù đã có thỏa thuận trước đó... là Berlin nằm trong vùng kiểm soát của quân đội Liên Xô...” Tất nhiên, sự thật là không hề có thỏa thuận nào như thế cả.

[54] Koniev không hề biết về việc này, mãi cho tới 20 năm sau, khi ông đọc được hồi ký của tướng Pukhov.

[55] Vienna bị Hồng quân chiếm ngày 13/4.

[56] Có vẻ số phiên bản khác nhau về buổi hòa nhạc cuối cùng cũng nhiều như số thành viên dàn nhạc còn sống sót. Người kể thế này, kẻ lại kể thế khác. Có nhiều ý kiến khác nhau về ngày tháng, chương trình và thậm chí là cả nghệ sĩ biểu diễn. Những người không biết gì về kế hoạch của Speer thì không chịu tin là từng tồn tại một kế hoạch như thế. Phiên bản

trong sách này dựa theo lời kể của Tiến sĩ Von Westermann, cùng thông tin bổ sung từ Gerhard Taschner.

[57] Vùng Ruhr đã bị xóa sổ hoàn toàn vào ngày 18/4. Ba ngày sau Model tự sát.

[58] Goering có thể có nhiều hơn 24 chiếc xe tải. Heinrich tin là ông ta có “bốn đội xe.” Tuy nhiên, số này có thể gồm cả số xe tải rời Berlin muộn hơn cùng ngày. Một sự thật thú vị là vào thời điểm đó, máy bay phải nằm trên mặt đất và xe cộ thì không chạy được vì không có xăng, nhưng Goering không chỉ có xe tải trong tay mà còn có hàng đồng xăng nữa.

[59] Bị bao vây hoàn toàn ở vùng Baltic, phần tàn dư của Tập đoàn quân Courland cuối cùng chạy thoát bằng tàu và tới được Swinemünde vào đầu tháng 4. Trong số 18 sư đoàn, chỉ còn vài tàu chở người, không kể thiết bị, tới được nước Đức.

[60] Lời Hitler nói với Jodl được Luise Jodl viết trong cuốn nhật ký chi tiết của bà. Sau phần mở đầu là đoạn này: “Chồng tôi nhớ lại là ‘trừ một lần khác, sau khi vợ trước của anh qua đời, đây là lần duy nhất mà Hitler nói chuyện riêng với anh.’”

[61] Các bằng chứng tại các phiên tòa ở Nuremberg cho thấy Grawitz còn là bác sĩ phẫu thuật chính của Himmler, và đã cho phép thực hiện nhiều thí nghiệm y học trên các tù nhân trong trại tập trung.

[62] Ngày thứ 40 sau Lễ Phục sinh – ND.

[63] Carthage là một đô thị cổ, thuộc Tunisia ngày nay, từng phát triển rất huy hoàng, mở ra nền văn minh Punic. Sau nhiều lần đem quân xâm lược các nước thù địch là Syracuse và La Mã, Carthage đã bị quân La Mã san bằng vào năm 146 TCN, sau lại được người La Mã tái thiết thành phố – ND.

[64] Nguyên văn Via Dolorosa, là một con đường tại thành cổ Jerusalem. Chúa Jesus đã vác cây thập giá đi đến chỗ đóng đinh trên con đường này – ND.

[65] Một tôn giáo có tín ngưỡng dựa trên Kinh Thánh của Kito giáo. Trong Thế chiến thứ 2, các tín đồ của tôn giáo này bị bắt vào trại tập trung

của phát xít Đức.

[66] Trong cuốn nhật ký chiến tranh của Heinrici, mọi cuộc nói chuyện điện thoại đều được ghi tốc ký nguyên văn, và có một đoạn rất đáng ngạc nhiên: “12:30 ngày 21/4: Busse gọi Heinrici: ‘Mới nghe được là tối qua Quân đoàn 56 đã dời từ Hoppegarten vào làng Olympic dù chưa được lệnh. Đề nghị bắt giữ...’” Không ai biết được Busse có tin tức này từ đâu, nhưng nó đã sai: làng Olympic nằm ở Döberitz, phía tây Berlin. Còn Weidling thì đang chiến đấu ở vùng ngoại ô phía đông thành phố.

[67] Vì đã nghiên cứu kỹ lưỡng các tài liệu về Chiến dịch Nhật thực, nên Jodl tin là để Wenck tiến về phía đông thì sẽ không bị quân Mỹ ngăn cản, vì ông tin chắc là bọn họ phải dừng lại bên sông Elbe.

[68] Mười lăm cái xác còn lại được phát hiện ra ba tuần sau đó. Tay Albrecht Haushofer vẫn còn nắm chặt mấy bài thơ anh đã viết trong tù. Có một câu thế này: “Có những lúc bị điên cuồng dẫn lối; Và thực lòng thấy xấu hổ thay.”

[69] Rõ ràng là sau khi London nhận được báo cáo của Wiberg, người ta chưa kịp chuyển nó đi.

[70] Vẫn có hai nơi không bị gián đoạn: việc ghi chép khí tượng ở trạm Potsdam, không lỡ một ngày nào trong cả năm 1945, và 11 trên tổng số 17 nhà máy bia của thành phố – được coi là sản xuất “thiết yếu” theo sắc lệnh của chính phủ – vẫn tiếp tục sản xuất bia.

[71] Năm 1944, tại Normandy, tác giả đã có mặt khi bắt được hai người lính mặc quân phục Đức, và bọn họ đã khiến các điều tra viên tình báo của Tập đoàn quân 1 Hoa Kỳ gặp phải một vấn đề kỳ quặc: không ai hiểu được bọn họ nói gì. Cả hai được đưa về Anh, tại đây mới phát hiện ra bọn họ là dân chẵn cừu ở Tây Tạng, bị ép vào Hồng quân, rồi bị bắt tại mặt trận phía đông và lại bị ép vào quân đội Đức.

[72] Sau này, Joachim Lipschitz trở thành một trong những chính trị gia nổi tiếng nhất Tây Đức. Năm 1955, ông là thượng nghị sĩ trong Bộ Nội vụ, chịu trách nhiệm về lực lượng cảnh sát thành phố. Ông luôn là kẻ địch đáng ngại của bộ máy cộng sản Đông Đức, mãi tới khi ông qua đời năm 1961.

[73] Một số xe cứu hỏa vốn đã rời khỏi đó vào ngày 22 đã quay lại thành phố theo lệnh Thiếu tướng Walter Golbach, Cục trưởng Cục Cứu hỏa. Theo các báo cáo hậu chiến, Goebbels đã ra lệnh đưa xe cứu hỏa ra khỏi Berlin để tránh bị rơi vào tay quân Nga. Khi nghe nói mình sẽ bị bắt vì làm trái lệnh Goebbels, Golbach đã tự sát nhưng không thành. Mặt vẫn còn chảy máu đầm đìa, ông bị một toán SS bắt đi và bị xử bắn.

[74] Cả hai đều còn sống. Một bác sĩ nhanh tay cứu mạng họ.

[75] Người Nga không phủ nhận các vụ cưỡng hiếp xảy ra trong quá trình Berlin sụp đổ, dù bọn họ có vẻ khá bao che. Lịch sử Liên Xô thừa nhận là đã không kiểm soát được quân lính, nhiều người còn cho là những hành vi tàn ác nhất là do các cự tù binh chiến tranh thực hiện, bọn họ được quân đội Liên Xô giải phóng trên đường tiến về sông Oder, và đầu óc bọn họ toàn chuyện báo thù. Về các vụ cưỡng hiếp, biên tập viên Pavel Troyanoskii của tờ báo quân đội Sao đỏ nói với tác giả: “Đương nhiên chúng tôi không phải trăm phần trăm đều là quý ông, chúng tôi đã phải chứng kiến quá nhiều thứ”. Một biên tập khác của tờ Sao đỏ nói: “Chiến tranh là chiến tranh, và điều chúng tôi đã làm chẳng là gì so với những thứ bọn Đức đã làm ở Nga”. Trong cuốn trò chuyện với Stalin, Milovan Djilas, trưởng đoàn Phái bộ Quân sự Nam tư tại Moscow trong suốt cuộc chiến, đã viết rằng ông từng trách móc Stalin về các tội ác mà Hồng quân đã thực hiện ở Nam tư. Stalin đáp: “Một người lính sau khi vượt qua hàng ngàn cây số, trải qua bao nhiêu máu lửa thì chơi đùa với một người phụ nữ hay lấy vài món đồ thì có là gì chứ, anh không hiểu à?”

[76] Eva Braun quê ở Munich - ND.

[77] Ngoài hai phóng viên chiến trường mà Chuikov mời tới, còn có mặt một nhạc sĩ Liên Xô ghé qua, đó là Matvei Issakovich Blanter, do Stalin đưa tới để viết một bản giao hưởng kỷ niệm cho chiến thắng Berlin. Hai phóng viên hỏi viên tướng phải làm gì với ông nhạc sĩ, và Chuikov nói: “Cứ dẫn ông ta theo”. Nhưng khi Blanter đến nơi, ông ta lại mặc thường phục nên không được cho vào. Người ta nhét vội ông vào phòng để đồ cạnh phòng họp. Ông ở trong đó gần hết cuộc họp. Ngay trước khi mấy vị khách

đi khỏi, ông ngất xỉu vì thiếu dưỡng khí và ngã vào trong phòng làm mấy người Đức giết mình.

[78] Tác giả tin là người Nga không quan tâm lắm đến Eva Braun nên cũng không cố gắng nhận dạng xác của cô. Liên Xô lần đầu tiên khẳng định Hitler đã chết là khi Nguyên soái Vasili Sokolovskii nói cho tác giả và giáo sư Erickson biết vào ngày 17/4/1963 gần 18 năm sau khi sự kiện xảy ra.